

Hà Nội

50

mùa thu



Nhà xuất bản Hội Nhà văn

KỶ NIỆM 50 NĂM GIẢI PHÓNG THỦ ĐÔ
HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 1000 NĂM THĂNG LONG HÀ NỘI

H à N ộ i
50
m ù a t h u



Nhà xuất bản Hội Nhà văn

Ban tuyển chọn:

**BẰNG VIỆT, HỒ ANH THÁI, HOÀNG NGỌC HÀ,
LÊ MINH KHUÊ, TẠ DUY ANH, NGUYỄN THỊ ANH THƯ**

MẤY LỜI MỞ ĐẦU

50 mùa thu trong cả nghìn năm Thăng Long-Đông Đô-Hà Nội thì vẫn còn ít ỏi, nhưng cũng là nửa thế kỷ xây đắp và tô điểm cho một Hà Nội mới.

Hà Nội 50 mùa thu. Thế mà cũng biết bao nhiêu vật đổi sao dời. Nét cổ kính bên những sắc màu hiện đại. Những ngôi nhà mái ngói trong phố cũ vẫn còn đứng chen chúc bên những tòa nhà cao mới mọc lên. Nếp xưa khép lại gìn giữ trong những gia đình bên sự bùng nổ lối sống du nhập từ mọi miền mọi hướng. Cái ăn cái ở cái mặc cũng thuận cũng chiều theo thời đại mà trở nên đa dạng, đa phong cách. Lời ăn tiếng nói cũng trở nên hiện đại, nhưng không có nghĩa là mài mòn hồn cốt có từ xa xưa.

Biết bao nhiêu việc đã làm. Biết bao nhiêu con người từ việc mà thành danh. Biết bao nhiêu nếp sống nếp nghĩ từ người mà hình thành bền vững. Biết bao nhiêu cái tưởng là bền vững cũng từ người mà mòn đi, thậm chí tan biến theo thời gian. Một Hà Nội mới được đắp đổi và khẳng định phong cách riêng. Một Hà Nội mới gieo được ấn tượng và gây lòng yêu mến trong cả nước, với cả bạn bè phương xa. Một Hà Nội hào hùng vươn lên từ đổ nát chiến tranh để được UNESCO công nhận là thành phố vì hòa bình.

Vẫn còn nhiều việc phải làm và nên làm. Vì một hình ảnh Hà Nội giàu mạnh. Vì một hình ảnh Hà Nội văn minh, cả về dáng vẻ và linh hồn. Một Hà Nội của thơ của nhạc của họa, của nghệ thuật bác học và phổ thông. Một Hà Nội của trí tuệ làm tấm gương soi trong lòng đất nước. Một Hà Nội vượt thoát lên những ngồn ngang làng xã để lớn cao thực sự Thủ Đô.

Hy vọng độc giả sẽ thấy ở tập sách này phảng phất những bóng dáng, những nét vẻ, những tâm trạng trong 50 mùa thu Hà Nội. Những điều còn chìm khuất là hạn chế của những người làm sách.

HỒ ANH THÁI

LÃNG ĐĂNG... TÂY HỒ

Mùa thu lại về Hà Nội. Tôi yêu màu thanh thiên của thủ đô như mỗi tình đầu. Những trang ký ức xa xưa đã bị những mảng sống phồn thực hiện tại làm tôi bối rối, lo buồn. Gia đình với một căn hộ nhỏ không đầy 15m². Những lúc tâm tư như thế này, tôi thường tìm đến với Hồ Gươm. Hồ Gươm cũng đã chật chỗ khi những người như tôi tìm đến với hồ ngày một nhiều. Lại thêm một quãng đường len lách nữa, tôi lên với Hồ Tây. Lá phổi khổng lồ của thành phố, sau mưa mặt nước như đầy lên, xanh sáng hơn. Và nắng cũng vậy. Nắng chiều sau mưa như tấm lụa được trau chuốt. Phía sau hồ, sau những làng xanh là núi Ba Vì. Trời Hồ Tây cũng cao sáng. Một không gian với một tầm nhìn hút tới cao xanh. Một không gian với một tầm nhìn không bị trói buộc. Lên Hồ Tây là gặp biển ở Hà Nội. Lên Hồ Tây là thiên nhiên có thể thành tri âm, tri kỷ với con người. Chùa Trấn Quốc tịnh tâm soi bóng mình trong nước. Những con chim sâm cầm cứ phảng phất trong những trang văn của nhà thơ Quang Dũng. Ta gặp đầu đây bà Đoàn Thị Điểm, nữ sĩ Hồ Xuân Hương... những giai nhân tài tử của Thăng Long hào hoa thuở tiếng chày Yên Thái,

mặt gương Tây Hồ. Hà Nội là một đô thị có cảnh quan hồ đặc sắc của thế giới. Có thể xa xưa do lụt lội do sông Hồng đưa tới mà người ta phải vượt đất làm nền phố, nền làng, rồi thì chỗ bồi chỗ lở để sau này Hà Nội có hồ với những tên thân thuộc: Hồ Gươm, Hồ Tây, hồ Bảy Mẫu, hồ Thiền Quang, hồ Văn Chương, hồ Giảng Võ, hồ Thanh Nhàn và nhiều nhiều nữa những hồ ao ở những làng ngoại thị, ven đô. Chính vì những hồ ao này mà ngày xưa ít lụt lội. Chính từ những hồ ao này mà ngày xưa người Hà Nội chưa được chứng kiến cảnh phố xá thành sông khi có mưa to. Hồ với cây xanh như cái máy điều hòa sinh thái của thành phố. Ngày nay nhiều hồ có tên giờ chỉ còn tên mà không còn nước. Nhiều đoàn xe cưỡi vượn thồ đất về lấp hồ lấp ao như xe thồ đi chiến dịch. Có những cơ quan, những hộ thuê hẳn xe tải, xe ben về chở đất. Thiên nhiên Hà Nội đang bị chính người Hà Nội xâm lược. Chẳng ai muốn rời xa trung tâm phố xá. Có người đổi cái bằng đại học lấy chân quét dọn buồng bàn hoặc cọ rửa toa-lét miễn là không phải ra khỏi ba mươi sáu phố phường. Chính vì vậy mà thập thò nhà thêm, mái vẩy. Chính vì vậy mà nhiều hồ ao chỉ còn trong nỗi nhớ của một số người. Cái cảnh quan đặc sắc của một đô thị Hà Nội đang bị người Hà Nội từ chối. Nên chẳng cứ để tồn tại những đạo quân xe thồ, xe ben, xe tải mang đất về làm ô nhiễm môi trường nước mà trời cho này?

May mà vẫn còn hồ Gươm, hồ Tây... hồ Gươm cũng đã bị xâm lược nhưng là gián tiếp bởi những công trình làm mới xung quanh không phù hợp với cây nước bên hồ. Hồ Tây thì dễ thở hơn. Có lên tới đây mới thấy đôi lá phổi của mình được trùng tu lại. Tôi đã tìm lại cho mình một khoảng sống thanh thản khi đến với Hồ Tây. Bờ hồ phía đường Cổ Ngư đã kê đá, đã dựng chấn song sắt. Còn gờn gợn trong thú thanh tao một góc ao làng khi gặp những mảng bèo tây trôi giạt...

Ba bốn năm nay Hồ Tây có thêm cái mới: du thuyền Tây Hồ. Thú chơi sông nước ở đây xưa đã có với thuyền thúng, thuyền nan, thuyền thoi. Thời thủ đô mở cửa, Hà Nội có thêm ngôi nhà nổi hình thuyền, hình tàu cập mạn đường Cổ Ngư đón khách. Với một số tiền vé khiêm tốn người nghèo, giàu đều có được cái thú vui chơi trên bề mặt sông nước Tây Hồ. Du thuyền đi chậm. Ngôi nhà nổi hai tầng lẳng lẳng đưa du khách qua Trấn Quốc, Nghi Tâm, Quảng Bá, khách sạn Thắng Lợi, phủ Tây Hồ, vòng qua Xuân La, Xuân Đình, Vọng Thị, Trích Sài... Gần hai tiếng đồng hồ được tắm mình trong gió, trong nắng, được soi mình trong nước, những vương bận của một đời sống đô thị chật hẹp, lam lũ như được gột rửa. Con người thoát tục, lên tiên. Thiên nhiên Tây Hồ kỳ diệu đến mức người hay ưu tư như tôi cũng cảm thấy cái tinh khiết đến lạ lùng của nắng, của gió, của nước, của mây trời, của nắng trên chiếc du thuyền có sức chở gần hai trăm người trôi dập dềnh trong tiếng máy nổ êm nhẹ và những gương mặt người cứ thanh thản dần. Có ở trên du thuyền mới thấy hết cái đẹp của Tây Hồ. Chỉ trời nước và con người. Những cô gái nhà thuyền xinh đẹp trong trang phục thủy thủ. Giám đốc du thuyền lại kiêm cả lái tàu và đầu bếp trưởng những hôm có tiệc lớn. Nhiều người yêu món tôm cuốn mía, món ăn do anh chế biến đã có tiếng như bánh tôm Hồ Tây xưa kia. Phó giám đốc du thuyền là nữ, bao quát mọi chuyện nội trợ của nhà hàng. Ở du thuyền Hồ Tây có khách là đi, có người đến đặt tiệc là làm. Ngoài những chiều chủ nhật chạy tàu bình thường, du thuyền sẵn sàng nổ máy lúc nào khách muốn. Du thuyền đã có nhiều đêm trăng đưa khách thả hồn mình trên mặt nước Tây Hồ mà thưởng thức cái thanh lịch, chân quê của Hà Nội đêm thiên tạo...

Cũng trên chuyến du thuyền nhiều ấn tượng này tôi lại biết thêm, nghe thêm những chuyện buồn khác của Tây Hồ. Những

con đò len lách chỗ đất kia có khác gì những chiếc xe thô trên đường phố ngõ ngách chỗ đất lấp hồ. Nhiều nhà ở ven Nghi Tàm còn in rõ dấu vết của các cuộc lấn chiếm. Có nơi còn công khai xây ô tròn bằng gạch, đúc bằng bê tông thả xuống mặt nước dọn đường cho đất vào. Có người bảo đất ở Hồ Tây đắt hơn vàng. Có người lấn đất Hồ Tây đã đủ tiền xây biệt thự nhiều phòng, nhiều tầng và lại còn đủ tiền để thuê người, thuê thuyền chở đất về lấn hồ tiếp. Việc kinh doanh đầy lợi nhuận này còn liên tục và lây lan từ người này sang người khác nếu không có ai thổi còi, nếu không có ai hạ “ba-ri-e”. Vẫn biết nước ấy là của trời nhưng thời nào cũng có người cai quản. Phải chăng Hồ Tây đang là vùng nước không chủ để người ta có thể thả sức làm những chuyện ngược ngạo như thế giữa thanh thiên bạch nhật.

Cũng trên du thuyền Hồ Tây, tôi được nghe du khách nói nhiều chuyện về vùng đất quanh Tây Hồ mấy năm gần đây. Nhiều người đã thay đất trồng hoa cảnh bằng nhà để kinh doanh hoa người. Cá Hồ Tây nghe đâu có kẻ nào đó đã bán giờ đánh bắt trộm cho những tay anh chị. Những nhà cửa mọc quanh hồ thì người khen cũng có, người chê cũng có. Với lối xây dựng có vẻ như tùy tiện này, nay mai xung quanh Tây Hồ sẽ chẳng khác gì một đô thị lố nhố như cây mọc tự nhiên trong rừng.

Từ trên sàn tàu của du thuyền Hồ Tây nhìn ra bốn xung quanh mà cảm thấy thiên nhiên đã phú cho Thăng Long một đặc sản. Ngày xưa, hội hè thường mở quanh Hồ Tây. Các vua chúa thời phong kiến sau chuyện nước, chuyện nhà thường có các buổi đi thuyền rong du ngoạn. Hồ Tây hôm nay càng có cái thú vui chơi hơn bao giờ hết khi mà con người đang phải sống vất vả bằng chính sức lực của mình. Có một buổi chiều chủ nhật đứng mát trên du thuyền, có một buổi chiều tắt nắng dất nhau dạo quanh hồ ngắm sóng, cái thú ấy đâu phải nơi nào cũng có...

Hà Nội cần phải được giữ gìn và tôn tạo các hồ nước. Đừng ai nỡ làm hỏng thiên nhiên bằng những suy nghĩ nông cạn của mình. Các hồ nước đang lên tiếng kêu cứu!

Du thuyền Hồ Tây đã cho tôi có một buổi nghỉ ngơi thanh thản. Nhưng cũng xin báo động cùng thành phố. Hồ Tây đang bị xâm lược. Bạn thử tưởng tượng nếu dăm mười năm nữa Hồ Tây chỉ còn bằng cái ao... nếu quanh hồ không sớm được cạp lại và xây đá và vùng đất quanh Hồ Tây trở thành một đặc khu, một thắng cảnh, một nơi nghỉ ngơi của thành phố và chỉ nên do một cơ quan cai quản. Chẳng nên bỏ phí một tài sản vô giá mà thiên nhiên đã ban phát cho Hà Nội.

CÂY SẤU HÀ NỘI

Khi những cơn lạnh cuối cùng của đợt rét tháng ba chưa nhường hẳn cho những đợt gió nồm nam dẫu hạ, những hàng sấu trên đường phố Hà Nội đã xào xạc trút lá. Thiên nhiên huyền diệu phú cho cây sấu thời điểm rụng lá đặc biệt để hàng năm, cứ vào hạ sớm này, người Hà Nội lại được hưởng những cơn mưa lá sấu vàng ào ạt rơi trong hương sấu dịu dịu, thơm thơm. Phải có lần dạo bước trên các đường Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền hay Quán Sứ vào lúc tinh mơ trời sáng mới cảm nhận hết những gì mà hàng sấu đang mùa thay lá tạo nên. Trong mỗi bước chân, mỗi đoạn đường, cảm giác rõ sự hiện diện đến ngợp đầy của cây sấu trong không gian mát lành buổi sớm mai. Từ tí tấp vòm cao, những lá sấu mỏng manh rơi xuống vai, xuống tóc để rồi làm thành một thảm vàng quăn quýt bước chân. Hương lá dịu dàng ướp cả bầu không khí tinh khôi khiến ta những muốn hít thật sâu cho căng tràn lồng ngực. Sau lúc lá rụng là cứ sấu ra hoa. Những mảng hoa hình sao màu trắng sữa chao nghiêng trong gió, đậu xuống mái tóc các cô gái, lấm tấm khắp cả mặt đường. Đêm về, khi mọi ồn ã ban ngày đã lắng xuống, hương hoa

chua chua, dịu dịu dâng lên ướp thơm giấc ngủ người phương phố sau một ngày vật lộn mưu sinh. Và, trong cái hôn quán quýt lúc chia tay nơi gốc sấu già, hơi thở cặp tình nhân cũng phảng phất làn hương hoa sấu...

Giống như hoa sữa mùa thu, cành đào ngày tết, cây sấu Hà Nội gọi nhớ, gọi thương trong tấm lòng những người xa xứ. Tôi có chị bạn đã theo chồng về Nam ngót hai chục năm, mỗi lần có dịp vẫn không quên nhắn bạn gửi cho ít trái sấu xanh Hà Nội. Ngày hè, mâm cơm mỗi gia đình thành phố chúng ta ít khi thiếu bát nước rau muống luộc dầm sấu, ăn kèm với cà pháo ròn tan. Thức ăn giản dị ấy đã là nỗi khát khao của chị bạn tôi (và cá nhiều người khác) mỗi bữa cơm trong cái thành phố phương Nam nóng ngọt mà cái mát lạnh của những cốc trà đá không làm dịu nổi. Từ những quả sấu xanh, bàn tay khéo léo và sự tinh tế của các bà nội trợ đất Tràng An đã tạo nên món sấu đá, một thứ đồ giải khát dân dã mà đậm đà chất Hà Nội. Hãy tưởng tượng trong cái nóng như nung của trưa hè, bạn sà vào một gánh hàng rong nơi góc phố. Cô hàng tươi tắn chào mời, thoăn thoắt đôi tay. Thoáng một cái, bạn đã có trong tay cốc sấu đá mát lạnh. Đứng ngại ngần trước vẻ mộc mạc của nó. Những trái sấu xanh vừa độ, gọt vỏ, bỏ hạt, chần qua cho bớt vị chua, được thấm dầm trong cốc nước đường hoa mai ngọt đậm. Trợ lực với vị chua của sấu, vị ngọt của đường là chút thơm cay của nhánh gừng già nhỏ. Sự kết hợp khéo léo ấy không chỉ gây khoái cảm nơi đầu lưỡi mà còn tạo cho món giải khát dân dã ấy sự lành ngọt cần thiết. Chỉ nhấp một ngụm nước, nhai kỹ miếng sấu, cái khát trưa hè đã dần lui. Ấy là chua kể sự mát mẻ và những nhát quẹt phẩy phẩy của cô hàng chiều khách...

Tùng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai chẳng có một lần ghé cổ

lên tán lá cao vút mà ngấm nghĩa một cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường. Được cái nắng, cái gió cùng những cơn mưa rào mùa hạ tiếp sức, những trái sấu dầm vàng đượm để rồi hóa thân thành món quà nho nhỏ mà chàng trai Hà Nội nào đó mang đến cho người yêu mỗi bận hẹn hò...

Lúc sấu chín cũng là lúc Hà Nội sắp vào thu với man mác heo may, vàng tươi hoa cúc. Mùa nào, tiết nào Hà Nội cũng có cái để mà nhớ, mà thương. Đó chính là cái duyên của thành phố trong mắt, trong lòng những người yêu Hà Nội.

TẠ DUY ANH

NGŨ GIA TRUYỆN

Truyện ngắn

Xóm nhỏ của chúng tôi có năm nhà. Người sinh chữ gọi là *Ngũ gia thôn*. Chúng tôi thấy chả việc gì phải khiêm tốn nên cứ thế mà gọi. Ai hỏi địa chỉ, nhất loạt chúng tôi đều bảo ở *Ngũ gia thôn*. Đa phần không hỏi gì, sợ không biết *Ngũ gia thôn* thì khác gì ở Hà Nội không biết phố Hàng Đào.

Năm nhà chúng tôi không thêm quen nhau.

Tôi là công chức. Do tính chất công việc nên tôi thiên về nề nếp. Buổi sáng tôi đi làm với vợ đến tận chiều. Buổi tối chúng tôi tranh thủ hưởng nhau và hưởng thái bình. Dưới con mắt thiên hạ thì tôi chẳng hơn gì con sâu. Tôi bỏ ngoài tai. Chịu nhện thì tôi vô địch, mả mai thế ăn thua gì. Vợ tôi không mấy khi phàn nàn về đời sống, vì thế tôi càng yên trí.

Chúng tôi chưa có con.

Nhà thứ hai của một lão già độc thân. Lão ngoài năm mươi tuổi, mặt mũi trơn tuột, mắt ti hí, dáng đi như khỉ lục chạn,

không biết lão làm nghề gì, chỉ thấy thường hoạt động vào ban đêm, còn ban ngày lão nằm đọc sách tình dục, tự khoái. Nhà của lão nửa chìm nửa nổi, nền nhà tụt sâu xuống đất. Vì thế mỗi lần ra vào, lão bò như chuột. Bọn thanh niên rất thích lão ba hoa về nghệ thuật hàng phục đàn bà nên tôn xưng là Tình sư. Thành ra tên lão là Tình Sư.

Nhà thứ ba, cũng thuộc hộ độc thân, của một gã gầy nhẳng như cò hương. Gã ở trong nhà suốt ngày, thỉnh thoảng mới ra ngoài. Gã có cặp mắt rất lạ. Lúc nào nó cũng ngơ ngác như trẻ thơ. Thoạt nhìn gã thuộc diện xấu trai. Mặt gã dài, cổ nhỏ vai hơi gù với cặp cánh tay lòng không. Nhưng gã có một vẻ hấp dẫn rất đặc biệt khi gã cười hoặc say sưa nói về vấn đề gì đó. Trong lúc ấy toàn bộ thần sắc gã bừng sáng và đầy ấn tượng. Thỉnh thoảng có vài người bạn của gã đến và họ đưa nhau đi đâu đấy. Chẳng hiểu sao mọi người tặng cho gã cái biệt danh: Gã khờ.

Nhà thứ tư của một cặp vợ chồng trẻ, nhìn qua cũng biết họ thuộc tầng lớp trí thức: mặt mũi như nặn bằng sáp với cặp kính lấp lóa. Họ đi lại nhẹ nhàng nói năng nhẹ nhàng, váy áo khế loạt xoạt, suốt ngày có nhạc nhẹ làm nền cùng với một con mèo cũng rất yếu điệu, tiếng kêu như mèo điện. Mọi người gọi anh chồng là chàng Chút Chít vì sáng nào anh cũng hôn vợ đúng kiểu của dân có học hiện nay trước khi đi làm. Tiếng hôn của chàng vọng ra đến tận đường, chỉ nghe đã thấy sướng.

Nhà cuối cùng của *Ngũ gia thôn* là gia đình một ông “tây con”. Lão chồng to béo, mặt mũi phương phi trong khi cô vợ lại nhỏ nhắn, khá xinh và đó là điều đáng ngạc nhiên nhất ở khu chúng tôi. Họ sống cũng như tây, mặc dù suốt ngày lão chồng đi chơi tenit. Để dễ nhớ cứ gọi lão là Tây con.

Năm nhà năm hoàn cảnh khác nhau, không ai quen ai, sống

đơn độc như năm hòn đảo, tạo thành một góc biệt lập và đều mặc nhiên thừa nhận mình ở *Ngũ gia thôn*.

Nhiều năm như thế chẳng xảy ra chuyện gì.

Nhưng khi bỗng nhiên, rất vô cớ, chàng Chút Chít và lão Tây con thình lình mở miệng chào nhau, thì bắt đầu có chuyện. Bởi vì điều đó bị coi là hiện tượng dị thường và lời chào lập tức được hiểu như câu hỏi: Mày vẫn chưa chết à? Khi lão Tây con giật mình nghĩ: “Thằng oắt này bỗng dưng mở miệng thì có diêm gì đây?”, thì chàng Chút Chít cũng chợt dạ: “Lão ta có hạ cố với ai bao giờ, nhất định có chuyện chẳng lành”. Chàng quyết định bỏ buổi làm đúng lúc lão Tây con cũng thấy không thể yên tâm chơi tem!, tức tốc quay lại. Lão Tây con nhìn rõ cặp kính trắng lấp lóa trên sân thượng thì chẳng khác gì lão đã phát hiện ra hang ổ của kẻ thù, cảm tức nghĩ: “Minh đã biết ngay mà, không phải vô cớ mà nó ra bộ tử tế”. Trong khi đó, từ sân thượng thấy lão Tây con vội vã quay lại, chàng Chút Chít tự cho mình có tài phán đoán, cũng cười khinh bỉ: “Con khỉ đột này dít to đầu bé, lừa sao nổi ta”. Chàng liền “cứ để cho kẻ thù hí hửng” trở về phòng riêng nặn óc tìm kế đánh trả. Chàng suy tính những việc lão Tây con có thể làm để hại chàng. Bọn vô học thì việc gì chúng chả có thể làm - chàng kết luận và buông một câu: Được.

Đến lượt lão Tây con lên sân thượng để quan sát đối phương. Lão không còn gì phải nghi ngờ phát hiện kịp thời của lão. Lão cũng đặt ra đủ các tình huống. Bọn chân yếu tay mềm thường lắm mưu kế - lão nghĩ. Những trò ác độc do chúng nghĩ ra, thấy bao có cả mấy vi tính trợ giúp, sẽ rất khó lường nếu không loại nó ngay từ đầu. Vì thế, để chứng tỏ mình luôn ở thế thượng phong, lão khai hỏa trước:

- Này, những thằng định hại bố mày nghe đây, quân tử thì

chơi trước mặt, tao mà thua tao lạy làm anh. Tao biết tổng tỉ hạng người chúng mày là thế nào rồi. Khi chúng mày ra về tử tế là phải coi chừng.

Lão Tây con thấy phủ đầu như thế là đủ, đã định đi xuống. Nhưng nổi ấm ức, do lão tưởng tượng ra, rằng lý do để thằng oắt con coi thường lão là vì lão ít học, khiến lão vỗ mặt thêm một câu:

- Đừng tưởng trí thức mà khinh được ông đầu trâu nhé. Cút nhé!

Lão Tây con không ngờ uy quyền của lão lớn đến như thế. Bởi vì lão chờ mãi mà không thấy đối phương mở miệng. Lão đầu biết khi đó chàng Chút Chít đang giận sôi sùng sục, uất khí tràn lục phủ ngũ tạng. Chàng khịt mũi mấy cái, cố kìm một câu chửi tục. Nhưng không nói một câu gì thì dớn quá, chàng bèn nói chỉ đủ cho mình nghe:

- Không gì khốn nạn hơn phải sống cạnh quân đầu đường, xó chợ!

Ai ngờ, do tập trung cao độ để đón mắt mọi động tĩnh, tai lão Tây con đâm ra còn thính hơn cả tai chuột, nên lão nghe trọn vẹn cả câu rửa của chàng Chút Chít. Lão chỉ còn chờ có thể để chính thức chứng tỏ mình cho thiên hạ biết.

- Này, thằng học thức giẻ rách kia, mày bảo bố mày đầu đường xó chợ à?

Cỗ xe chiến tranh đã bị đẩy quá khỏi điểm ngưỡng và từ đây trở đi nó tự vận hành theo chu trình ngẫu hứng của nó, ngoài ý muốn của các bên tham chiến. Từ bên kia chàng Chút Chít không cần suy xét thêm một li một lai, quyết sống mái một phen. Khi đó nom chàng cũng đáng gờm lắm. Chàng gọi đích danh lão Tây con lên đối mặt. Và bằng toàn bộ vốn học vấn của mình, chàng moi móc trong kho tàng những lời nguyên rửa của loài người tìm lấy những câu độc địa nhất trút lên đầu lão Tây con. Chàng chửi một

cách bài bản, ngôn ngữ như thuốc độc mà vẫn có sự lấp lánh của văn chương. Chàng dùng cả vốn kiến thức lịch sử - Và do đó lần đầu tiên mọi người biết chàng thông kim bác cổ - để chứng minh loại người như lão Tây con có nguồn gốc từ những tên cướp. Chàng có chủ ý tiện thể cảnh cáo trước kẻ nào dám coi thường chàng. Và giống như nhà thơ trên quảng trường, nhà văn trước trang giấy đôi khi bị cảm xúc lôi đi xềnh xệch, không sao dừng lại được, chàng Chút Chít thả lỏng dây cương cho ngôn ngữ thoải mái tuôn ra. Chàng thấy dừng lại bất cứ chỗ nào cũng có thể khiến người nghe không cảm nhận hết sức công phá của ngôn ngữ khi nó được tự do tung hoành. Mà ngay từ trong thâm tâm chàng thấy tiếc nếu phải dừng lại. Bởi vì mấy khi đã có dịp kết hợp tuyệt vời cả ba yếu tố: thời gian, dũng khí và cảm hứng. Chàng thấy hàng nghìn người (mặc dù chỉ có dân cư của *Ngũ gia thôn*) đang hướng về chàng kính phục và khiếp đảm. Và điều đó càng thổi hứng thú cho chàng. Chàng gần như đứt hơi, giọng chỉ còn lào phào nhưng tinh thần vẫn hừng hực. Vì bất cứ sự sao chép nào cũng không diễn tả nổi một phần nguyên bản, cho nên chúng tôi không dám, mặc dù có ý định, chép ra đây một đoạn nhỏ bản trường ca nguyên rủa, (không biết gọi như thế đã đắt chưa?) của chàng Chút Chít. Tôi chỉ xin ghi cảm tưởng của vài người nghe một cách vô tư:

Vợ tôi: Nó dư sức làm trục thai. Thật may là không có ai chữa ở đây.

Lão Tình Sư: Tôi tưởng trời sập cũng không hơn được. Khủng khiếp quá!

Gã Khờ: Nếu phải đổi toàn bộ những truyện ngắn của tôi - bấy giờ mới biết gã là nhà văn - để có được bản trường ca ấy, tôi cũng không tiếc. Cứ thử đem gắn nó vào miệng quỷ xem sẽ thấy lời nó đẹp như thế nào.

Lần đầu tiên, nhờ biến cố bất ngờ kia mà dân *Ngũ gia thôn* nói chuyện với nhau. Nhưng ta không nên lan man mà mau chóng trở lại để xem lão Tây con - kẻ không dễ thua cuộc - phản ứng ra sao.

Phải nói ngay rằng lão Tây con không đánh giá đúng đối thủ của mình. Lão hoàn toàn bất ngờ trước đòn quật lại của chàng Chút Chít. Lão bất ngờ cả về phương diện khả năng của chàng. Vì thế có lúc lão quên mình là đối tượng bị chửi, ngán người ra nghe. Rồi lão thấy cũng sượng tai. Vả, lão có muốn chửi lại cũng không được với đám đông đang bị chàng Chút Chít thu mất hồn. Vì thế, để đỡ mỗi lưng, lão kênh ngay ra ghế, thản nhiên xoa cằm, y như các cụ ta xưa nghe ca trù đến đoạn mùi mẫn. Thỉnh thoảng lão nhồm người để chỉnh lại tư thế. Lão cho thiên hạ thấy lão có thể vô cảm đến mức nào. Trong khi vợ chàng Chút Chít và vợ lão đều tái mét mặt thì một điều phi thường đã xảy ra: lão Tây con, như một đứa trẻ được ru, ngủ một cách ngon lành. Lão ngủ say sưa đến nỗi bất cứ ai cũng phải thêm.

Không ai đủ kiên nhẫn chờ lão tỉnh dậy. Thấy mình đã mệt, đã thắng lớn và cơ bản là thấy kẻ thù ngủ như chết, chàng Chút Chít bỏ vào nhà trước. Ngay lập tức mọi người cũng mau chóng giải tán.

Tỉnh dậy khi mặt trời đã khuất núi, lão Tây con vươn vai mấy cái, mặt rất thỏa mãn, như không hề có chuyện gì. Mọi cái vẫn như cũ và đó là điều lão bực mình nhất. Tuy vậy lão cũng nhớ lại toàn bộ sự việc và có ngay kế hoạch chi tiết cho trận đánh sắp tới.

Nhưng trước hết lão phải kiếm cái gì chén đã. Bấy giờ lão mới nhớ đến vợ. Lão tìm khắp mấy gian nhà cũng không thấy thị đâu. Lão nhìn sang nhà chàng Chút Chít, bấy giờ chàng cũng

dang cuống lên đi tìm vợ. Ngáp một cái rõ to. “Đời buồn chết đi được” - lão nghĩ và đem rượu ra uống (sau này, khi mọi chuyện đã kết thúc, lão Tình Sư mới kể lại rằng, cùng một lúc hai bà vợ đều đến chỗ bạn lão là bác sĩ khoa sản để được biết chắc chắn ở thời điểm ấy họ không có thai).

Suốt thời gian dài về sau, mặc hai bà vợ van xin, lão Tây con và chàng Chút Chít không ngừng tìm cách bức hại nhau. Một bên lão Tây con cứ càng ngày càng béo đở, trông rất ngấy. Trong khi đó bên kia, chàng Chút Chít gầy rộc đi, cảm nhẹn hoắt, mắt sâu hoắm khiến mặt chàng càng dầy vẻ hiểm độc. Do chàng thức đêm quá nhiều, uống quá nhiều chất kích thích nên chàng bị mắc bệnh táo bón, trĩ lòi ra lông thông cả đốt ngón tay. Lão Tây con, mỗi lần thấy chàng Chút Chít kêu ầm lên trong toa-lét, thường đi đi lại lại như là người cầm chắc phần thắng.

Thêm một sự kiện lạ lùng nữa xảy ra, đó là bỗng dưng vào những đêm khuya gã Khờ ngồi hát một mình. Gã hát nhỏ, giọng trầm nhưng có cảm giác cả không gian rung lên mỗi khi gã hát. Gã thường hát những bài tình ca buồn. Trong đêm thanh vắng, tiếng hát của gã như thấm vào tim người nghe. Mọi người cam đoan gã là người hát hay nhất thế giới. Tiếng hát của gã xóa đi mọi sự khốc liệt, mở ra một thế giới chưa từng có. Chúng tôi cùng nằm nghe và cùng ôm chặt nhau hơn, lòng thầm mong gã Khờ cứ hát suốt đêm. Dần dà tất cả chúng tôi chỉ còn nổi chờ đợi duy nhất, ấy là tiếng hát của gã Khờ.

Một đêm, chẳng hiểu vì sao, gã Khờ không hát. Thay vào đó trời đổ mưa lộp bộp khiến chúng tôi muốn tan ra trong nỗi cô đơn. Tôi thiếp đi một cách nặng nề và bị vợ lay dậy vào lúc nửa đêm. Nàng bảo trong lúc nửa thức, nửa ngủ nàng nghe thấy tiếng gì rất sợ, như có ai đó nhảy từ trên tầng xuống. Nhìn ra ngoài chỉ

thấy tối đen, tôi kéo vợ nằm trở lại giường: “Thầy kệ họ em ạ”. Vợ tôi ôm chặt lấy tôi, toàn thân run cầm cập. Mặc dù cố xua đi nỗi ám ảnh về một tai họa nào đó nhưng chúng tôi cùng linh cảm thấy nó rất rõ. Bởi vì dường như điều đó đã được báo trước với việc tự dưng gã Khờ không hát.

Tiếng huyền não đánh thức chúng tôi dậy. Lão Tình Sư và gã Khờ đã có mặt và giống như chúng tôi, lặng lẽ cúi đầu trước người chết, thương xót, trách móc và xấu hổ. Hình như tất cả chúng tôi cùng đẩy chịch xuống. Chàng Chút Chít khóc vợ một cách đau đớn lẫn niềm ân hận. Trông chàng y hệt một con ma sống.

Do ý tứ mọi người bảo nhau không nhắc đến người đàn bà quần trí và vì vậy chịch bị quên lãng ngay lập tức. Tuy thế một cái gì đó đã xảy ra giữa chúng tôi. Lão Tình Sư ở tịt trong chiếc hang của lão, không thò ra nữa. Gã Khờ giam mình cả ngày trong căn phòng bị bao vây bởi nước cống rãnh, thỉnh thoảng lặng lẽ ra ngoài đi dạo nhưng không bao giờ mở miệng. Lão Tây con và vợ sống như hai kẻ xa lạ. Nhưng lão vẫn hoàn toàn vô cảm. Lão mặc kệ tất cả, cứ chén đầy rồi ngủ li bì. Một hôm lão ngủ từ tối đến sáng bạch vẫn không trở dậy. Hóa ra lão không bao giờ dậy nữa. Vợ lão nhờ mọi người đến dọn lão đi như người ta dọn đồng đồ vật cũ nát. Sau đó ít hôm chịch như người được tắm nước tiên, bừng bừng hồi sắc - và đây cũng là một bí mật ở *Ngũ gia thôn*.

Sau mọi chuyện cuộc sống lại trở về như muôn thuở, ít ra là trên bề mặt. Cuối năm ấy, khi mùa bão đã hết, một cơn lốc xoáy nhằm đúng vào khu chúng tôi. Trừ nhà lão Tình Sư cơn lốc chỉ lướt qua do lão ở thụt xuống, còn lại nát vụn hết, may mà không ai thiệt mạng. Khi dọn đồng gạch đổ nát, người ta nhặt được một cuốn sổ

rách hết bìa nhưng chữ còn nguyên. Đó là cuốn nhật ký của người đàn bà tự tử, viết ròng rã một năm trời, lời lẽ của người yêu điên cuồng và tuyệt vọng. Không hề thấy bóng dáng chàng Chút Chít và cuộc chiến tranh của chàng với lão Tây con. Không có tí gì dính đến chàng, tựa hồ chàng đã chết từ lâu rồi. Trang cuối được ghi trước khi chị nhảy lầu vài giờ, dòng chữ dính vào nhau: *“Em không có cách gì giữ được anh và như thế thì em còn sống trên đời này làm gì? Em đem theo hình ảnh và tiếng hát của anh xuống mộ. Chỉ bằng cách đó em mới có được anh vĩnh viễn. Nếu còn nhớ tới em thì hãy cho em một dòng vào cuốn tiểu thuyết anh đang viết. Em tin nó sẽ là một kiệt tác mặc dù nó được viết trong bầu không khí ngột ngạt và hơi hám. Em chết để anh được tự do, bởi em biết người đàn bà ấy cũng khôn khổ như em. Nếu có thể hãy cho chị ấy một đứa con để cả em cũng được thanh thản, bởi em sẽ chối bỏ điều đó một cách tội lỗi. Em đi đây. Vĩnh biệt!”*.

Chuyện này sau đó được kể đi kể lại khiến không ít người tìm đến *Ngũ gia thôn* chỉ vì tò mò, muốn biết hư thực. Trong nhiều dị bản có thêm chi tiết: sau khi biết sự thật, chàng Chút Chít quyết định bỏ vào chùa, tự hành xác mình. Vợ lão Tây con về ở với gã Khờ và họ có với nhau một đứa con. Ngay cả chúng tôi là người trong cuộc mà nghe mãi rồi cũng đâm tin. Mà nói cho cùng bất cứ chuyện gì chẳng có thể xảy ra trong cái dòng đời chảy miên man này. Trong khi vợ tôi thêm khát có trẻ con thì thỉnh thoảng tôi cứ thấy buồn vô cớ, nhất là khi ti vi chiếu cảnh người ta lao vào tàn sát nhau. Bởi vì lúc đó tôi hay chạnh lòng nghĩ: Mọi sự thảm khốc kia biết đâu cũng chỉ do lúc đầu có hai người nghĩ xấu về nhau? Khởi đầu bao giờ chẳng giống như một câu chuyện đùa...

GÓC CỦA CÀFÉ LÂM

Vần vang văng dẫu đây bên tai tôi là câu nói của một người bạn mới đi xa về rằng ở Hà Nội bây giờ cứ ra khơi ngỡ là lại chạm phải quán Càfé. Thoạt đầu, thật lòng tôi không chú ý nhiều đến câu nói ấy. Nhưng trước khi đặt bút viết những dòng về Càfé Lâm - một nơi đã khắc in vào trí nhớ không ít người và giờ đã trở thành một địa chỉ văn hóa của Hà Nội - ngẫm ra thì mới thấy các nhà xa hội học ở ta vẫn chưa đưa ra được một con số thống kê về số quán Càfé Hà Nội. Có lẽ nó nhiều quá, nó muôn hình vạn trạng và lại không ngừng phát triển? Từ những ngõ hẻm thưa thớt người là quán càphê của một cụ già về hưu bán kiếm sống đến dãy quán trên những con phố sầm uất. Từ những quán Càfé chuyên mở Rock, chuyên, mở Rap, chuyên mở Jazz... đến những vỉa hè chuyên bán Càfé trong nhạc như ở Hàng Hàng. Từ những quán dành riêng cho Tây đến cả những nơi chỉ mượn Càfé làm bóng còn ông chủ, bà chủ, hay cô chủ, chị chủ lại kiếm tiền nhờ bằng thứ khác... Trong cái xô bồ và phức hợp đó, dù vẫn nhỏ bé khiêm nhường nhưng Càfé Lâm đã chiếm trọn một góc...

1. Càfé Lâm không có âm nhạc, không có hệ thống chiếu sáng

câu kỳ. Đến một cái biển hiệu cũng không được chủ nhân của quán để ý chú ý dừng nói gì đến việc khuyếch trương theo biển hộp photoemica bóng lộn và quảng cáo rầm rĩ. Nếu không vì mưa nắng làm mục nát thì có lẽ cái băng gô nho thố, cũ kỹ vòn vện ba chữ sơn đỏ “Càfe Lâm” từ những năm 80 giờ vẫn ngự trên tường mà người đi đường phải tinh mắt, phải chú ý mới nhìn thấy. Để tiếp tục “định vị” cho quán của mình, ông Lâm chỉ cho treo lên vào đúng vị trí đó, cũng vẫn nội dung như cũ một tấm biển nhôm hơn tí xỉu, bằng nhựa cứng. Qua khuôn cửa phải cúi người không thì chạm đầu là những bàn gỗ ghế gỗ thô mộc, được phủ một lớp bụi thời gian thâm đen mà vẫn sạch. Sạch trong cái hồn cốt của thế giới thánh thiện, tịch mịch và giờ này vẫn mệnh mang hoài niệm. Càfe Lâm mở cửa suốt ngày nhưng không bao giờ bán quá khuya. Có điều là ít ai vì cái “nội quy” đó mà bỏ quán. Những ai đã một lần ngồi nhâm nhi tách càphê đen nhánh nơi đây thì lại mong có lần thứ hai, thứ ba gặp lại. Vậy nên Càfe Lâm vẫn có lượng khách riêng của mình. Từ giới trí thức, văn nghệ sĩ đến những kẻ đi buôn, những người qua đường, học sinh, sinh viên... Bấy giờ vì tuổi cao, ông chủ Lâm không còn trực tiếp ngồi pha báy càphê nữa. Nhưng so với các quán khác Càfe Lâm vẫn ngon, giá vừa phải và điều đặc biệt, bỏ kệ ngoài kia là phố thị ồn ào, bước vào nơi cả bốn bức tường ken đặc tranh với đủ chất liệu, kích cỡ ai cũng cảm được cái không gian yên tĩnh, không gian của mình, không gian cho mình. Hình như, đó là một không gian vô nhiễm?

2. Ông Lâm họ Nguyễn, tên đệm là Văn – Nguyễn Văn Lâm. Tên ấy không đẹp nhưng cũng chẳng xấu chút nào vậy mà bạn bè lại ít người gọi. Vì lẽ mặt ông kém, lại hay rèm rử nên họ gọi thân mật một cách bỗ bã là Lâm “toét”. Ông nghe gọi, muốn phản bác nhưng lại tự hỏi “để làm gì một cái tên?” thế là thôi im.

Thế là thành quen. Lâm bắt đầu bán cà phê bằng xe đẩy ở vườn hoa Chí Linh, Hà Nội từ khoảng những năm 50 của thế kỷ 20 đang vội vã trôi đi này. Ở cái vườn hoa ấy khách của ông thường là công chức từ các nhiệm sở quanh đó. Mà thời điểm này công chức có nhiều thời gian rảnh nên thường ra nhấm nháp cà phê. Nhưng đã là công chức thì hay ngại ngồi nơi lang chỗ chạ nên điều đó đã khiến ông tìm một chốn ngồi ổn định. Thế là vào khoảng giữa những năm 50, Lâm mở một quán cà phê ở Hàng Vôi, vẫn ở trung tâm phố cổ. Có quán ngồi uống, lập tức nơi đây trở thành nơi tụ hội giao lưu của giới trí thức, học sinh, sinh viên quanh vùng. Và nhiều người ngay lập tức trở thành khách hàng trung thành của Lâm.

3. Làm ăn ngày càng có uy tín, Lâm nhật nhạn tiền và mua căn nhà ở phố Nguyễn Hữu Huân. Tại mảnh đất lành này Lâm tiếp tục cái nghiệp bán cà phê của mình để duy trì cuộc sống. Qua cái hương vị nồng đắng của cà phê, Lâm đã quen biết được một số họa sĩ trẻ. Nhưng giai đoạn này cũng chính là những năm sôi động trước và sau chiến tranh, vì thế người dân Việt Nam nói chung và giới họa sĩ trẻ Việt Nam nói riêng cũng phải vật lộn để kiếm sống và vẽ tranh. Với giới họa sĩ trẻ bấy giờ khát vọng sáng tác thì nhiều nhưng những điều kiện vật chất lại không cho phép. Lúc đó không hẳn là người giàu nhưng tình người đã khiến Lâm cho những khách hàng quen vay tiền mà mua vật liệu, thuốc vẽ. Chính vì thế, trong những thập niên 60, 70 quán Cà phê của Lâm đã thực sự là một mái ấm, một chốn qua lại gặp gỡ của nhiều văn nghệ sĩ lớn như cụ Nguyễn Tuân, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Văn Cao, Nguyên Hồng, Dương Bích Liên, Hoàng Lập Ngôn,... Đối với các danh sĩ Bắc Hà thời kỳ này, nơi đây cũng có nét hao hao như quán La Rotonde của những Picasso, Apollinaire,... thuở hàn vi ở Paris.

Có người nghĩ rằng “Lâm toét” lấy tranh của các họa sĩ để trừ vào tiền caphê. Thực tế là không phải, với các họa sĩ trẻ có nét tài hoa Lâm là người khá rộng rãi. Trước sau ông vẫn trọng cái tình hơn. Điều này càng khiến cho số tranh trong bộ sưu tập của Lâm thêm hấp dẫn. Ta hãy cùng xem lại hai trong số nhiều họa sĩ đã để lại thư tịch trong bộ sưu tập của Lâm:

– Họa sĩ Nguyễn Sáng:

“Thân gửi a.Lâm,

Tôi cần gấp anh và nói nhỏ với anh là tôi đang cần 10đ để chiều nay tiễn đưa một người bạn đi làm việc. Anh cứ giao cho a.Dậu mang về. Tôi đang sáng tác nên không gặp anh được – Anh rồi đến tôi chơi. Bao giờ tôi vẫn cho anh là người đi vào lịch sử của CMVN vì nhân dân quên mình.

Thân.

29-9-73.

TB: Nếu có hơn số đã định càng tốt, không sao cả!!”

Còn họa sĩ Văn Cao ngày 25-6-1974 có viết về Lâm:

“Nếu như người ta yêu nhau thì nhìn đôi mắt, anh Lâm lại là người kém mắt. Người kém mắt lại yêu hội họa. Tôi yêu người kém mắt ấy và vẽ tặng”.

Không chỉ với Nguyễn Sáng. Không chỉ với Văn Cao. Mà là với cả Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Phùng Quán, Dương Bích Liên... Bất cứ ai khi túng thiếu mà đến gặp, ông Lâm đều mở tủ lấy tiền cho mượn. Và là những người nghệ sĩ chân chính, họ lại trả nợ bằng một thứ tiền mà họ có, đó chính là những tác phẩm.

Vì lẽ ấy mà giờ đây bộ sưu tập của Lâm rất lớn: ngoài hơn 1000 bức tranh của các họa sĩ tên tuổi còn có gần một vạn cuốn sách và các vật kỷ niệm liên quan đến giới văn nghệ sĩ.

Nhà phê bình nghệ thuật Thái Bá Vân nhận xét: “Ông Lâm đã góp phần bảo tồn một bộ phận quan trọng của văn hóa Việt Nam, đã thu thập được một khối lượng tác phẩm xuất sắc của nghệ thuật. Nhưng điều làm cho bộ sưu tập của ông độc đáo chính là mối quan hệ ấm áp tình người của ông đối với nghệ sĩ”.

4. Giờ này thì các quán cà phê ở Hà Nội vẫn đông. Không ai biết hàng ngày ở thành phố này có bao nhiêu quán mọc thêm lên, mấy quán đổi chủ, mấy quán chuyển bán thêm các mặt hàng khác. Trong giới nghệ sĩ không ít người mở quán cà phê để mưu sinh sau những ánh hào quang của sân khấu và điện ảnh. Vẫn có những Đức Minh, Trần Hậu Tuấn, Đỗ Huy Bắc, Nguyễn Hào Hải, Nguyễn Trường... say mê làm công tác sưu tập trang của các họa sĩ bậc thầy. Nhưng tưởng như không ai làm việc bán cà phê như Lâm đã làm ngày trước để rồi các họa sĩ đến thưởng ngoạn hương sắc nâu nồng mà lịm đi, mà ký thác lại những bức tranh khi thì nét phóng như phượng múa rồng bay, khi lại dần đo, chậm chắc mà thành người tri kỷ. Giờ đây người ta sưu tập tranh kiểu khác. Và cà phê của ông Lâm cũng không còn là thứ xa xỉ để khiến các họa sĩ gán tranh. Mỗi bức tranh thời gian này ít người đến gặp Lâm để tặng hoặc đổi tranh. Ông Lâm cũng không mấy để ý đến điều ấy. Và ông cũng có cách riêng để bổ sung thêm cho bộ sưu tập của mình. Ấy là mỗi khi nghe tin có họa sĩ lúc người Việt, khi người Tây đến uống cà phê ở quán, ông đều xuống và trân trọng mời họa sĩ đó vẽ tặng một bức để làm kỷ niệm. Trước lời đề nghị lịch thiệp và trân trọng, các họa sĩ hiếm người từ chối. Ông đang ấp ủ dự định thành lập một Bảo tàng mỹ thuật tại chính mảnh đất của mình và ước tính phải mất 100.000 USD thì mới thực hiện được tham vọng đó.

Riêng tôi cứ sợ mất đi một thói quen đã cũ: suốt trong cả bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông Hà Nội, những lúc rảnh, những lúc

muốn ngồi cho riêng mình và những khi bạn bè hạnh ngộ lại tìm đến chiếc bàn gỗ thâm xỉn trong một góc nào đó của căn phòng trệt số nhà 60 phố Nguyễn Hữu Huân.

*

* *

Mấy tháng nay tôi đã thừa ra ngồi ở Càfé Lâm. Không phải vì bận. Cũng không phải là vì không còn thích uống càphê nữa. Ông Lâm đã mất. Quán Càfé Lâm đã được sửa sang, nới rộng ra. Rồi lại còn có thêm cả một phòng nữa. Các bức tranh được thay đổi và sắp đặt lại. Bàn ghế được kê thêm. Gỗ và nhựa; nâu sồng và xanh, đỏ; mới và cũ... cứ “va” nhau loảng xoảng. Cung cách phục vụ cũng có phần chuyên nghiệp hơn. Khách vào Càfé Lâm giờ cũng đông hơn trước... Và, tôi đã thôi một thói quen rất cũ...

8-2003

BÁCH HÓA TỔNG HỢP CA BÁN HÀNG CUỐI CÙNG

Trên đường đi công tác, tôi được biết ngày 29 tháng 9 năm 1995 sẽ là ngày cuối cùng của Bách hóa Tổng hợp.

Về đến Hà Nội, tôi vội vàng tắm rửa, chọn bộ đồ mới nhất đến tiễn đưa người bạn Bách hóa Tổng hợp đi vào nơi Cực Lạc. Các quầy không còn nhộn nhịp như những ngày hôm trước nữa. Các cô vừa bán nốt số hàng còn sót lại trên quầy vừa kiểm kê mặt hàng cho kịp rời chân. Khách hàng thưa thớt mua vội vài thứ cần dùng. Tôi đã đọc sách, đã xem phim: khi con tàu bị đắm, thủy thủ lần lượt xuống xuống cứu sinh còn thuyền trưởng vẫn đứng trên đài chỉ huy điều hành nốt phần việc cuối cùng rồi nắm chặt tay vào lan can đài chỉ huy chìm theo con tàu. Thế mà tôi đi ngang dọc các quầy cố tìm vị giám đốc để hỏi xem vị nghĩ gì khi con tàu Bách hóa Tổng hợp đang từ từ chìm vào quên lãng. Chẳng gặp một vị chức sắc nào. Bà giám đốc nhận được lệnh về nghỉ hưu và ông giám đốc vừa chân ướt chân ráo về đây nhận chức có trách nhiệm đánh chìm con tàu Bách hóa Tổng hợp cũng chẳng có gì lưu luyến thì tiễn đưa ai nữa.

Tôi gặp ngay ông bạn truyền hình cùng đi với tôi vào Khe Sanh dạo nào. Anh cũng phục đến giờ phút này mới đem camera ghi hình quang cảnh Bách hóa Tổng hợp nở nụ cười vĩnh biệt. Anh đưa micro phỏng vấn một cô bán hàng. Cô trở tay sang quây điện tử phía bên kia:

- Anh sang mà hỏi chị kia kìa. Chị ấy bạo nói lắm.

Anh bạn tôi vẫn cầm micro mỉm cười nói với chị:

- Chị vui lòng cho chúng tôi biết cảm tưởng của chị về buổi làm việc cuối cùng ở Bách hóa Tổng hợp. Nghĩ sao nói vậy mà.

Chị hỏi luôn:

- Anh có dám đưa lên đài những lời nói thật về số phận của chị em chúng tôi không?

Trong lúc anh bạn tôi đang ngần ngừ, tôi rút ngay danh thiếp đưa cho chị:

- Chị vui lòng cho phép tôi nghe chị nói chuyện.

Chị thở dài:

- Muộn rồi anh ạ. Chúng em đã gửi đơn lên cấp trên, đơn của chúng em chạy vòng chạy vào cuối cùng lại chạy về đúng bàn làm việc của giám đốc chúng em.

Tôi nói với chị:

- Nhưng bài báo của chúng tôi in những hơn mười vạn bản kia mà.

Chị nhìn tôi bằng đôi mắt thiện cảm:

- Một số anh nhà báo rồi cả người của đài truyền hình cũng đến đây, chúng em biết các anh ấy chỉ ghi những lời phẩn khởi nên chẳng muốn nói. Anh thích nghe những lời nói thật: chúng em chưa biết ngày mai chúng em sẽ sống bằng gì?

Tôi hỏi chị:

- Cửa hàng lớn thế này nếu chuyển sang liên doanh, chính quyền, công đoàn phải thực hiện các chế độ đối với người lao động chứ.

Chị nói:

- Trước đây giám đốc nói tưởng như đình đóng cột: khi nào lấy được nhà 18 Hàng Bài mở cửa hàng chúng em sang bên ấy bán hàng thì bên này mới đóng cửa. Thế mà nhà 18 Hàng Bài chưa đòi được, bên này đã đóng cửa rồi. Tháng 9, chúng em mới lĩnh nửa lương còn nửa lương nữa vẫn chưa thấy đâu. Bà giám đốc vừa nhận được quyết định về hưu, lời bà ấy như gió bay. Ông giám đốc mới về cứ theo lệnh trên đóng cửa là đóng cửa. Chúng em còn biết kêu ai.

Rồi chị thở dài nói tiếp:

- Bên quốc doanh phát hành sách cũng liên doanh với Tây nhưng ông giám đốc bên ấy thông minh hơn bên này, vẫn giữ khu trệt cho chị em bán hàng, chỉ liên doanh những tầng trên. Lúc đầu bà giám đốc bên em hứa nhiều thứ lắm: Công ty sẽ mở cửa hàng ở Lạc Trung, Thành Công chuyển chúng em ra đấy mà làm. Đến nay đã có gì đâu.

Tôi hỏi:

- Sao nghe nói các chị được hưởng tiền đền bù cao lắm kia mà?

Chị gạt đầu:

- Giám đốc mới phổ biến. Anh tính thời buổi này thay đổi từng ngày, biết thế nào mà tin được. Trong tay chúng em chẳng có một giấy tờ nào làm bằng thì lúc người ta thay đổi lãnh đạo lúc người ta tách ra nhập vào, chúng em biết kêu ai.

Theo lời chị tôi sang quây điện tử phía bên kia gặp “chị bạo

nói”. Tôi đưa danh thiếp cho chị xem. Cô bé đứng bên cạnh ghé mắt đọc rồi ngẩng đầu nhìn tôi:

- A, chú. Chúng cháu hay đọc bài của chú trên báo Tiền Phong. Nghe cô bé nói thế, chị “bạo nói” nhìn tôi bằng đôi mắt thiện cảm rồi nói một hơi:

- Giám đốc phổ biến chúng em sẽ được trợ cấp mỗi tháng 40 dollars trong ba năm. Cứ việc ngồi nhà cho đến ba năm “liên doanh” sẽ giao công tác. Anh tính, bọn chúng em từ ngày mở cửa theo cơ chế thị trường nhảy ra ngoài làm ăn thì dễ chịu quá nhưng tình cảm với cơ quan cứ níu chúng em lại nên mới đến nỗi này. Đọc trên tờ giấy thì hay lắm nhưng thực sự ba năm sau, chúng em già rồi, “liên doanh” sẽ tuyển những cô 19, 20 thân hình cân đối, khuôn mặt duyên dáng, biết tiếng Anh. Chúng em biết trước là sẽ thất nghiệp. Ai không thích ngồi nhà thì ghi tên xin đi làm nhưng công ty có mở thêm được cơ sở nào đâu mà chúng em xin đi làm. Lại ngồi chơi lĩnh 70% lương cơ bản hay sao.

Tôi hỏi địa chỉ của chị, chị trở tay về phía sau:

- Chúng em đang đề nghị giám đốc giải quyết việc làm cho chúng em: cửa hàng này, ngày mai sẽ đóng cửa, chúng em sẽ đến 24 Hai Bà Trưng ngồi chờ giám đốc giải quyết. Anh cứ đến đấy là gặp chúng em.

Tôi sang quầy giày dép, một chị đứng quầy nói ngay:

- Bọn chúng em cứ lĩnh trợ cấp ba năm rồi đến “liên doanh” chờ xếp công việc. Chúng em vừa già vừa xấu, họ đẩy chúng em đi lau sàn, đi dọn nhà vệ sinh chứ đời nào để chúng em đứng quầy nữa. Chúng em cố đi làm vài năm cho đủ thời gian làm thủ tục nghỉ hưu, bí nhất là các chị 30-45 tuổi. Về cũng dở, mà đi làm cũng dở. Ngày trước chúng em còn là thanh niên, cấp trên

giải quyết kiểu gì, một thân một mình chúng em sẽ khắc phục được, nhưng bây giờ người nào người ấy cũng hai con cả rồi. Hàng tháng tự dưng thu nhập sụt một khoản như vậy, chúng em chưa biết tính sao đây.

Tôi cũng như nhiều khách hàng mỗi người mua một vật lưu niệm của ca bán hàng cuối cùng trong một cửa hàng sang trọng cả nước biết tên: nhà Goddard, Bách hóa Tổng hợp Hà Nội, Công ty Thương mại Hà Nội. Đã buồn vì phải chia tay vĩnh viễn cửa hàng gắn bó với cả cuộc đời mình lại càng buồn hơn khi gặp những “thủy thủ” đang xuống xuống cứu sinh ngoái cổ lại nhìn con tàu từ từ chìm trong quên lãng.

Cách đây vừa đúng 30 năm. Trước ngày lên đường xuống Nam Định theo một đơn vị pháo cao xạ bảo vệ thành phố Dệt, tôi đã lên cửa hàng Bách hóa Tổng hợp lượn một vòng. Chia tay lần cuối, tôi nghĩ rất có thể khi tôi trở về, bom Mỹ sẽ san bằng tòa nhà này. Trong chiến tranh nào ai có thể biết trước những gì có thể xảy ra vào ngày mai. Mỗi lần trở về thăm Hà Nội, nhìn thấy tòa nhà vẫn đứng lừng lững tôi vui sướng như chính nhà mình vẫn còn nguyên vẹn. Còn bây giờ đứng trước tòa nhà sắp bị san bằng, tôi phân vân tự hỏi ta tiêu tiền Tây 40 dollar một tháng còn cao hơn đồng lương hưu của tôi nhiều lắm mà tôi chưa gặp chị nào phấn khởi. Hay những người phấn khởi đã thay ca. Hay trong ca này vẫn còn người phấn khởi mà tôi chưa được hân hạnh gặp chẳng. Mỗi bước ngoặt trong cuộc đời bao giờ cũng kéo theo cái xóc lắc thường tình đối ai tránh khỏi nhưng rồi cuối cùng mọi việc sẽ đâu vào đấy cả mà thôi.

*

* *

Cái nhớ ở đâu cứ ủa đến. 62 năm trước, bố mẹ tôi đưa tôi lên nhà Goddard – Cửa hàng BHTH bây giờ. Sàn lau láng bóng tưởng chừng soi gương được. Tôi giật khỏi tay bố mẹ chạy theo mấy anh lớn lên gác. Tôi đi giày da đóng cá sấu dưới đế nên mới chạy được vài bước đã bị trượt chân ngã vấp đầu xuống đất. Một đời người thường vương vấn vô vàn cái nhớ. Sau ngày Thủ đô giải phóng, Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp được coi là pháo đài mẹ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Các ông bà nông dân ở các tỉnh lên Hà Nội thế nào cũng bắt con cháu đưa đi “Tổng hợp”. Các anh các chị từ khắp mọi miền đất nước về Thủ đô thế nào cũng phải đi mua một món hàng ở “Tổng hợp”, lên Thủ đô chưa đi thăm “Tổng hợp” thì coi như chưa đến Thủ đô. Cửa hàng BHTH nghiêm nhiên trở thành một điểm du lịch. Bọn chúng tôi ở Hội văn nghệ Hà Nội vẫn có thói quen “đi chợ” ở Cửa hàng BHTH. Một năm mỗi người chỉ có một phiếu vải 5 mét, một tháng mỗi người chỉ có một phiếu đường 500 gram nên chúng tôi thường đi tuần các quầy xem có mặt hàng nào bán tự do là gọi nhau đến xếp hàng. Một đứa xếp hàng thì giữ luôn chỗ cho ba bốn đứa chặm chân. Vui đáo để. Anh nào lấy vợ, đăng ký kết hôn xong cầm phiếu ra Cửa hàng BHTH đến “quây cưới” mua giường cưới, quần áo cưới, chăn cưới, phích cưới, nhẫn cưới bằng vàng tây. Anh chị nào sinh cháu, sau khi làm xong giấy khai sinh ra Sở thương nghiệp lĩnh phiếu rồi đến quầy “trẻ sơ sinh” mua vải làm tã lót, phích, chăn trẻ em, chậu nhôm to, đồ chơi cho bé, hộp phấn rôm... Cửa hàng BHTH chẳng khác nào bà chị dâu chia sẻ với chúng tôi niềm vui nho nhỏ giữa những năm trường chia nhau từng lạng mì chính, mặc quần “pích kê” đầu gối rồi cuối cùng phải xoay ống đàng trước ra đàng sau để giấu cái nghèo của mình. Vì thế những ngày đi theo các đơn vị cao xạ xuống Nam Định, Phủ Lý, tôi cứ lo ngay ngáy Cửa hàng BHTH khó

thoát được trận bom Mỹ. Thế mà chỉ vài ngày nữa người ta sẽ đập nó đi và xây khối nhà phía đường Hai Bà Trưng, nghe nói 22 tầng, phía đường Tràng Tiền 17 tầng.

Chiều nay chỉ còn dăm quây bán nốt hàng rồi bàn giao cho nhà kho. Một số anh chị từ ngoại thành biết tin Cửa hàng bán ca cuối cùng cũng đáp xe lên – chẳng mua gì cả chỉ đi ngắm từng quây hàng. Một ông tóc đã ngả sang màu hồ tiêu pha muối nhưng vết chải ộp vẫn giữ nguyên trên mái tóc, ông mặc chemmise popeline Chamfort, cúc cài kín cổ, quần là thẳng nếp, dận đôi giày sans-bout buộc dây đánh xi nhẵn bóng. Chắc chắn sống nhiều năm với cái cửa hàng thương nhớ này nên suốt buổi, ông cứ lúi lúi đi ngắm từng quây hàng – cả những quây hàng bỏ trống. Đi hết tầng một, ông lại leo lên tầng hai rồi lại leo xuống tầng một, biết rằng chỉ ngày một ngày hai những gì ông đang nhìn tận mắt, sờ tận tay, sẽ tan biến vào chốn hư không. Bỗng dưng ông đứng lại, giơ hai tay lên trời như đang vào vai diễn. Tôi biết ông đang xúc động, nói câu gì gói gém toàn tiếc nuối. Các cô bán hàng từ ngày khai tử chế độ tem phiếu đã biết cười nhưng chiều nay cô nào cô ấy chỉ cười gượng khi giao dịch với khách hàng rồi sau đó mặt lại dăm chiêu nghĩ về thân phận mình sẽ trôi dạt về đâu khi san bằng cái tổ ấm đang chung chiêng này và mình sẽ đậu vào đâu khi liên doanh chỉ tuyển những cô gái duyên dáng, thân hình cân đối?

Thế là Cửa hàng BHTH bị san bằng, bị xóa tên trên bản đồ Thủ đô, nhường chỗ cho một liên doanh mang tên Hà Nội Plaza. Cuộc chia tay nào chẳng buồn. Mỗi lần đi qua khu đất vừa cấm biển hiệu Hà Nội Plaza, ngẩng đầu nhìn Cửa hàng BHTH của mình đang bị phạt ngọn, lòng tôi đau như cắt. Tôi tự an ủi: Mình già rồi chỉ quen nhớ thương cái cũ. Ra đời sau Nhà giầy thép – Sở bưu điện bây giờ (1892). Tòa thị chính – Tòa Đốc lý sau này

(1888), phố Hàng Khay, phố Tràng Tiền (1886)... Cửa hàng BHTH chưa kịp được nhân dân Thủ đô gắn tấm biển đồng Cửa hàng 100 năm thì đã trở về nơi cát bụi.

Cũng trong thời gian đó, trong chuyến đi Trường Sơn, chúng tôi dừng chân ở thành phố Đà Nẵng. Trần Kỳ Trung – nhà văn của Đà Nẵng bảo tôi: Khu du lịch Non Nước đẹp lắm, ta sắp sửa phá đi rồi liên doanh với Mỹ; anh nên vào xem kéo lần sau anh đến không đủ tiền ngủ một đêm trong khách sạn Mỹ đâu. Thế mà năm ngoài tôi lại vào Đà Nẵng, Trần Kỳ Trung phóng xe đưa tôi về khu du lịch Non Nước. Tôi ngỡ ngàng hỏi anh: Cậu bắt mình tập sai sang đây à? Trung cười: “Thằng BBI Group Character ở tận Maryland bên Mỹ định chơi quả “đặt xô rách, chậu thủng” xí chỗ rồi cho cò đi “mời” người mua lại để ăn chênh lệch. Ban lãnh đạo khu du lịch Non Nước đã bắt được vở của ông đối tác chơi trò buôn nước bọt, kiên quyết không chịu san bằng khu du lịch của mình để giao đất cho liên doanh”. Còn Cửa hàng BHTH của Thủ đô ta thì sao? Nghe nói đến nay Critchin and Nienche-Tittle Ltd lại “bán cái” cho Sian Sindhom Ltd (Thái Lan) rồi. Hỡi ơi, đối tác của chúng ta không còn là chính chủ nữa, chẳng hiểu số phận của cái giấy phép đầu tư lập liên doanh Hà Nội Plaza sẽ ra sao nhưng cái bao tử của hàng trăm cô bán hàng ở Cửa hàng BHTH mỗi ngày vẫn cứ hoạt động đủ ba ca. Công ty thương mại Hà Nội đang tiến hành xây dựng một sở cơ sở kinh doanh nhằm giải quyết việc làm cho chị em sau khi Hà Nội Plaza hết hơi không trả tiền đền bù cho thời gian nghỉ việc nữa. Nghe đâu vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ ở Thái Lan, Sian Sindhom Ltd cũng bắt đầu hụt hơi. Một số nhà nghiên cứu kinh tế đã tính đến chuyện theo mô hình xây chợ Đồng Xuân, gọi cổ phần xây một Cửa hàng BHTH khác. Triệt để phát huy nội lực mà. Thôi thế là ba năm đã trôi qua nhà mới không thấy,

nhà cũ cũng chẳng còn. Chỉ tiếc một điều đã định ta về ta tắm ao ta thì cứ thế mà tiếp tục tắm, đừng nghe thiên hạ tán bùi tai đã vội vàng lấp ao đi rồi bây giờ lại hì hục đào ao vật thổ làm lại chỗ tắm. Hãy xem như mấy cô gái miền Tây Nam Bộ kia chán vùng nước nổi các cô chạy lên thành phố Hồ Chí Minh định lấy chồng Đài Loan. Bốn mẹ mìn liền dỗ các cô về Hóc Môn để các ông Đài Loan đến “phỏng vấn”. Cô nào đạt tiêu chuẩn các ông Đài Loan mới lấy làm vợ rồi làm thủ tục cho về nước bên chồng. Ai ngờ các ông Đài Loan cứ thay phiên “phỏng vấn” rồi cao chạy xa bay. Khi các cô biết mình đã bị lừa thì đã quá muộn không dám vác mặt về làng nữa.

Mỗi lần đi qua khu đất cỏ cao ngang bụng của Cửa hàng BHTH tôi cứ đổ con mắt bên trái vì bây giờ đã là ba năm rồi, tôi vẫn chưa thấy “Toà nhà được xây dựng với tổng diện tích sàn khoảng 30.000 mét vuông trong đó có hơn 5.000 mét vuông kinh doanh siêu thị còn lại là các văn phòng cho thuê, căn hộ cho thuê, khách sạn, câu lạc bộ thể hình, tầng hầm để ô tô” như những lời hứa hẹn của ai đó trên báo chí. Hối ôi, mỗi khi nghe đến tin chúng ta sẽ tự lực xây dựng một tòa nhà to đẹp hơn, đàng hoàng hơn, tự dựng tôi lại ngửa con mắt bên phải vì chúng ta những tưởng đã góp 4385 mét vuông đất vào liên doanh The Hà Nội Plaza sẽ có 4 triệu dollar Mỹ nhưng kết quả thì sao? Đã ba năm – một diện tích đất hàng ngàn mét vuông bỏ hoang. Ấy là chưa kể đến ba năm Cửa hàng BHTH mất tích, chúng ta còn mất bao nhiêu tiền nữa? Cứ coi như doanh thu một tháng của Cửa hàng BHTH là 5 tỷ đồng, 12 tháng mất 60 tỷ đồng, 3 năm mất 180 tỷ đồng... Tôi lại thấy đổ con mắt bên phải...!

*

* *

Những người cùng chung một nỗi đau dù ở gầm trời cuối đất vẫn cứ tìm đến nhau cùng san sẻ nỗi niềm tâm sự. Ngay buổi trước ngày phát hành báo Tiền Phong Chủ Nhật số 39 thầy giáo Đặng Đình Đại ở trường PTTH Nguyễn Gia Thiều đã điện cho tôi: “Nếu biết anh sẽ viết tiếp về Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp Hà Nội, chúng tôi xin thưa với anh chính nơi đó là nơi gặp gỡ của hai chúng tôi vì tháng nào tôi và Dung cũng hẹn nhau đi xếp hàng mua đường, mua vải, mua pin chạy đài thu thanh...” Cô giáo Dung lại nói tiếp: “Chúng em cứ việc đứng bên nhau chuyện trò thấy ai có việc gì vội cần chen ngang, chúng em vẫn nhường chỗ. Bao giờ chúng em cũng là hai người mua hàng cuối cùng”. Nhà văn Lê Bầu còn cho tôi biết hồi đầu tháng 9 năm 1960, khi Cửa hàng BHTH vừa khai trương, người đến xếp hàng chờ giờ mở cửa đông vô kể, đặc kín cả dải hè Hai Bà Trưng, Hàng Bài, Tràng Tiền, lượng người đã đông, ba cái cửa lại nhỏ nên nhiều người chen vào xem pháo đài thương nghiệp XHCN bị tụt cả dếp nhưng không tài nào cúi xuống nhặt dếp được. Về sau, đội bảo vệ của cửa hàng vun được một đống dếp to đùng, ai quay ra nhận đôi nào thì xô ngay chân vào đôi ấy. Hình như bài báo “Đỏ con mắt bên phải, ngứa con mắt bên trái” đã chạm vào kỷ niệm xa xưa của những ai đã một lần bước vào Cửa hàng BHTH. Khi lên tòa soạn, tôi được thư ký tòa soạn thông báo: Ông Vũ Đình Trọng, người thiết kế bản kế hoạch sửa chữa nhà Goddard sau khi đọc bài báo muốn gặp người viết bài để cung cấp thêm tư liệu về Cửa hàng BHTH Hà Nội.

Theo địa chỉ và số điện thoại thư ký tòa soạn đã ghi lại, tôi nói chuyện qua điện thoại với ông Vũ Đình Trọng và ngay ngày hôm sau, tôi xuống Ngọc Hồi tìm đường đến thăm ông.

*

* *

Ông Vũ Đình Trọng là người ở phố Hàng Giò (cũ) - đầu phố Bà Triệu bây giờ. Là “dân quanh hồ” không ngày nào cậu bé Trọng không nhảy chân sáo vào Nhà Goddard - Cửa hàng BHTH sau này. Lúc nhỏ, cậu mua bì, mua giấy, mua bút; lúc nhớn cậu mua phong bì, mua pelure viết thư cho cô bạn, hay đi mua chiếc áo chemise, chiếc cravate mới đời chót. Vì thế ngày 10/10/1954, trên chiếc xe chở cán bộ thương nghiệp về tiếp quản Hà Nội, anh chàng thanh niên phố Hàng Giò đã dùng mẹo vặt chờ xe bắt đầu lăn bánh mới chạy theo bám vào thành, nhảy lên thùng xe nên anh được ngồi ngoài cùng tha hồ ngắm đường phố Thủ đô sau tám năm xa cách.

Tám năm trước, tên chính thức của cửa hàng vẫn là Grands Magasins Réunis (Liên hiệp Đại thương điểm) do nhiều chủ hàng góp cổ phần, không hiểu tại sao lại có tên Nhà Goddard. Một ông nhà báo bảo tôi: Năm 1936, ông Goddard, Nghị viên của Quốc hội Pháp - đảng viên xã hội Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương, bà con ta đứng đón ở đây nên mới gọi cửa hàng này là Nhà Goddard. Tôi hơi ngờ ngợ vì sau khi xây dựng Nhà hát Lớn năm 1911, chính quyền thuộc địa mới cấp giấy phép xây Grands Magasins Réunis (1923) trước khi ông Goddard đặt chân tới Hà Nội những 13 năm kia mà. Sau ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/1946, hội đồng quản trị Grands Magasins Réunis chạy về Pháp, chính quyền bù nhìn Bảo Đại cho phép một số nhà tư sản và tiểu chủ mở cơ sở kinh doanh tại mặt bằng của Grands Magasins Réunis, 49 cơ sở kinh doanh ấy vẫn hành nghề đến tháng 8/1959. Khi được Công ty Bách hóa Hà Nội phân công vẽ bản thiết kế sửa chữa “cụm tiểu thương điểm” này thành Cửa

hàng BHTH Hà Nội, ông Vũ Đình Trọng còn được nhìn tận mắt 49 cửa hàng mặt tiền trông ra phố chính và kéo dài về phía sau, vừa làm nơi bán hàng vừa làm nơi ăn nghỉ. Trên mặt bằng Grands Magasins Réunis, các nhà kinh doanh mở cửa hàng mỹ phẩm, cửa hàng lưu niệm, cửa hàng tạp hóa, cửa hàng cắt tóc... Thời ấy việc giải phóng mặt bằng không khó khăn vất vả như bây giờ. Phần lớn người bán hàng không phải là chính chủ, chủ của hàng đã di cư vào Nam chỉ viết giấy ủy nhiệm không có dấu và chữ ký của chính quyền để những người mua lại cửa hàng tiếp tục kinh doanh. Một số chủ của hàng khác vốn là nhà tư sản, sau khi đốt pháo ăn mừng vào công ty hợp doanh, họ vui lòng cho Công ty Bách hoá toàn quyền sử dụng mặt bằng.

Bắt tay vào việc mới thấy lần hóa kiếp này mới vất vả làm sao. Từ chỗ 4.500 mét vuông thông thống của Grands Magasins Réunis đã biến thành 49 căn hộ với gần một trăm bức tường ngăn. Một số chủ của hàng còn phá cầu thang gác của Grands Magasins Réunis để mở rộng diện tích lấn chiếm và xây thêm tầng cho cửa hàng của mình. Đã lên tầng ắt phải xây cầu thang, “Cụm tiểu thương điểm” này sáng tạo một phong cách kiến trúc độc đáo: một dãy nhà con hai tầng nằm trong ngôi nhà mẹ hai tầng.

Hà Nội hồi ấy không có mấy kiến trúc sư. Công ty Bách hóa có mời một kiến trúc sư thiết kế phương án sửa chữa Grands Magasins Réunis nhưng bản vẽ chưa phù hợp với một cửa hàng lớn kinh doanh tổng hợp.

Ban công trường Goddard được thành lập. Ông Trần Văn Thanh, một du kích Ba Tơ mới ra tập kết được bổ nhiệm làm trưởng ban, ông Hoàng Ngọc Toàn làm phó trưởng ban và ông Vũ Đình Trọng được cử làm trưởng tiểu ban trang trí nội thất.

Vốn là nhân viên bán hàng từ ngày còn trẻ, ông Vũ Đình Trọng mới chỉ hiểu cách bày biện một quầy hàng còn cách bày biện một cửa hàng lớn kinh doanh tổng hợp ông chưa bao giờ nghĩ tới. Ông đến các bạn cũ ở Trường đại học Kinh tế quốc dân, Trường đại học Thương nghiệp mượn giáo trình về đọc. Say mê với công việc, ông nhảy bổ đến nhà bạn bè, lục thư viện gia đình tìm sách viết về cách bày biện cửa hàng. May mắn làm sao, ông tìm được cuốn *Installations des magasins* (cách sắp xếp cửa hàng). Tác giả cuốn sách đã hướng dẫn tỉ mỉ cách phân bố các quầy trong cửa hàng, cách bố trí đường vận chuyển từ kho đến quầy hàng... Ông đi c đến đâu lại liên hệ đến cách bố trí từng khu vực kinh doanh của Grands Magasins Réunis rồi phác thảo sơ đồ bày biện mặt hàng trên mặt bằng của Cửa hàng tổng hợp. Một điều quan trọng, mặc dù không tìm được bản vẽ của Grands Magasins Réunis, ông vẫn thiết kế cầu thang lên xuống theo trí nhớ của ông. Sau này kiến trúc sư Hoàng Như Tiếp có góp ý kiến với ông khoảng cách các bậc thang không phù hợp với sải chân của người Việt. Ông đã kịp thời sửa chữa.

Cấp trên cử ba trợ lý cùng làm việc với ông: Đức Minh, Tăng Kiến Sơ, Bảo Hoa – ba nhà tư sản dân tộc vừa vào công tư hợp doanh. Ba nhà tư sản ra sức thăm dò xem “ông Việt Minh” chỉ huy mình là người vùng nào. Một hôm, anh em vào ăn cơm tây ở Phú Gia, ông Đức Minh gọi lapin rôti (thỏ quay), ông Trọng gọi civet lapin – một món thịt thỏ rưới bằng sauce tiết thỏ trộn với tỏi. Nhà hàng không biết đằng nào mà làm. Ông Đức Minh ngạc nhiên hỏi: “Ông ăn kỹ tính thế?” Ông Trọng cười: “Hồi trước tôi vẫn dùng civet lapin ở nhà hàng Sơn Dương gần đền Bà Kiệu đấy chứ”. Ông Đức Minh hỏi lại ngay: “Ồ, thế ông là người Hà Nội đi kháng chiến?” Ông Trọng gật đầu: “Tôi là dân Hàng Giò “dân quanh hồ” mà”. Ba nhà tư sản từ khi biết ông Trọng là

người Hà Nội tự dung gấn gũi hơn, mỗi khi ông Trọng tham khảo vấn đề gì liên quan đến kinh doanh, ba ông đều tận tình góp ý kiến.

Thiết kế mẫu từ hàng, quầy hàng đến chỗ nào chưa gỡ được mối rồi, ông lại tìm đến các bậc thầy ngành mộc hỏi ý kiến nên tổng số tủ quầy của cửa hàng nếu lắp nối đuôi nhau sẽ vây kín một vòng hồ Hoàn Kiếm nhưng đảm bảo kế hoạch di chuyển sau này, ông Trọng thiết kế loại tủ démontable (tháo rời và lắp vào được).

Cường độ của mặt sàn cửa hàng không đồng đều, một mét vuông ở phía Tràng Tiền chỉ chịu được 200kg, khoảng giữa 500kg trên một mét vuông, về phía giáp Hàng Bài 1.000kg trên một mét vuông. Do đó việc bố trí quầy hàng về phía Tràng Tiền thường thưa hơn khoảng giữa và phía Hàng Bài.

Theo lệnh của UBND thành phố Hà Nội, ban chỉ huy công trường nhà Goddard phải trình bày sơ đồ bố trí mặt bằng cửa hàng. Biết trước tình hình sắp diễn biến, đêm hôm trước, ông Trọng ghi toàn bộ kế hoạch sửa chữa mặt bằng vào cuốn sổ tay. Y như rằng sắp đến giờ làm việc, ông Thanh – trưởng ban bảo ông Toàn trình bày, ông Toàn – phó ban lại hất hàm sang cho ông Trọng. Được chuẩn bị sẵn, ông Trọng trình bày cặn kẽ và giải đáp ngay tại trận những vấn đề các ông thành ủy viên đặt ra. HÀi lòng với bản trình bày, một ông thành ủy viên hỏi ông Thanh – trưởng ban: “Cậu này đã vào Đảng chưa?” Ông Thanh trả lời: “Trước đây các đồng chí đã đến tuyên truyền nhưng cậu ta sợ “kỷ luật sắt” nên xin được về suy nghĩ”. Ông thành ủy viên gõ gõ ngón tay ra trước mặt: “Công trình này rất quan trọng, không phải Đảng viên không tham gia được đâu”. Ông Thanh bèn hội ý với ông Toàn cùng với các đồng chí trong Đảng ủy tiến

hành thủ tục kết nạp Đảng viên cho ông Trọng. Sau một thời gian “làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm” sức khỏe ông ngày càng sa sút. Ngày dự lễ kết nạp Đảng, hai đồng chí trong chi bộ phải đến tận nhà dìu ông đi.

Chính vì thế đúng 35 năm sau vừa nghe tin liên doanh Hà Nội Plaza đang phá cửa hàng BHTH Hà Nội, ông Trọng vội đạp xe lên ngay. Ông đứng nhìn toà nhà hai tầng bị đập vỡ từng mảnh, vui vữa bay mù mịt. Những đêm thức trắng tính toán cho bản thiết kế mặt sàn tòa nhà, ông không bao giờ nghĩ tới ngày người ta nổ cất búa phá một công trình đẹp đẽ đã hòa nhập với quần thể kiến trúc lâu đời ở bên bờ Hoàn Kiếm. Đêm hôm đó về nhà ông không tài nào chợp mắt được. Những hình ảnh từ ngày Grands Magasins Réunis hóa kiếp thành Cửa hàng BHTH cứ lần lượt hiện dần trước mắt ông.

Ba năm sau, về thăm nhà cũ, ông Trọng lại đi qua khu đất của Cửa hàng BHTH. Nhìn đám cỏ hoang trùm kín mặt bằng, ông tự hỏi lần hóa kiếp thứ ba, Grands Magasins Réunis đã trở thành vô dụng, nhân dân mất bay Cửa hàng BHTH và phải chăng Nhà nước mất mỗi năm 18 tỷ đồng Cửa hàng nộp lãi, 3 năm mất 54 tỷ đồng, có ai được lãi trong phi vụ này không? Chưa thấy ai nói điều đó. Còn cửa hàng mới thì mỗi mất trông chờ vẫn chưa thấy đâu?

RÙA HỒ GƯƠM

Trước hết, tôi không phải là một nhà sinh vật học, cũng không phải là nhà lịch sử hay khảo cổ muốn đào sâu xuống lòng hồ để “khảo” xương những con rùa cổ xem có phải chính Lê Lợi đã “cách rách” mang những “cụ” rùa từ Lam Kinh, Thanh Hóa về đây, để tạo dựng nên truyền thuyết “Hoàn Kiếm”, vỗ yên trăm họ.

Tôi chỉ nói về những điều có thật mà tôi đã chính mắt nhìn thấy, vào thời gian tôi ở nhờ trong đền Ngọc Sơn từ năm 1963 đến năm 1972...

Vào mùa lạnh, trong những ngày có hoe hoe nắng vàng, ấm áp, rùa thường hay lên phơi nắng, sưởi ấm. Thông thường chúng hay lên phơi nắng ở bãi cỏ quanh tháp Rùa. Chúng nằm bất động im lặng như lơ mơ ngủ, không theo một hướng nào. Đôi khi cũng có con lân la vào bờ, nhưng chỉ nằm ở mép nước, thò đầu gác lên thành bờ và cái lưng chập chờn trên mặt nước. Chưa bao giờ tôi thấy một con rùa nào lên phơi nắng ở sân gạch rộng ngoài Trấn Ba Đình. Ở đấy rùa chỉ lên vào ban đêm, khi cổng đền đã khóa, nhưng chỉ thoáng thấy bóng người, chúng cũng vội vàng ù té xuống nước, mất dạng.

Về mùa hè, chúng lại hay lên “hóng mát” ở gốc si sau đền, có khi chúng leo hẳn lên trên mặt những thân si ngã xuống, nửa chìm nửa nổi trên mặt nước. Ngày ấy, những cây si sau đền này, nhất là vào những trưa hè thường tuyệt đối yên tĩnh, vì giữa nó và Trấn Ba Đình bên ngoài đã được ngăn cách bằng một bức tường cao. Đây là những “anh” bạo dạn, còn những “anh” nhút nhát thường chỉ luẩn quẩn dưới nước, trong bóng mát, vì chỗ đó nông nên những con này đi đến đâu là làm đục nước đến đấy, đôi khi còn xúi tăm lên. Cũng có khi chúng nằm im lặng dưới đáy nước.

Tôi đã từng vớt ở dưới hồ lên một con rùa con, bé tí xíu, chỉ to bằng miệng chiếc chén uống nước. Con rùa rất xinh và rất đẹp, đặc biệt là cái bụng nó, đầy những đốm màu hồng tươi loang lổ trên nền mai bụng màu vàng. Tôi lấy nước Hồ Gươm đổ vào lọ thủy tinh, đặt trên bàn làm việc, nuôi nó. Tôi nuôi nó bằng giun, bằng thủy trần và cả bằng ruồi và những miếng thịt nạc băm nhỏ, thỉnh thoảng lại thay nước một lần... Con rùa con ấy tôi đã làm quà tặng cho một cô bé học sinh lớp bốn, con một người bạn gái, đến từ biệt tôi, đi sơ tán lên miền núi. Khi cô bé trở về Hà Nội, tôi có hỏi đến con rùa, cô bé cho biết đã biếu lại con gái bà chủ nhà, cùng lớp học.. Mong sao con rùa bé nhỏ ở Hồ Gươm đến nay vẫn còn sống, hợp với môi trường miền núi, nơi tha hương ấy... Mong sao nó cũng đã tìm về được một hồ nước nào đó rồi! Mong sao sự ngu dại của tôi đừng ai lặp lại...

Sự ngu dại của tôi lại xuýt nữa xảy ra thêm một lần! Hôm ấy, cũng vẫn vào thời kỳ chống Mỹ, tôi có chuyện buồn, nên lững thững đi bộ vòng quanh hồ. Khi đi đến đúng chỗ trước tượng vua Lê, tôi đã trông thấy một con rùa lớn, to bằng cái nia đang phập phênh bơi. Đầu nó ghéch lên bờ, bốn chân xò rộng loào cào trên mặt nước. Nhìn trên lưng nó, có một lỗ hồng, to bằng một vòng

ngón tay cái và ngón tay trỏ, đang phập phùng xù lên một lớp bọt, theo nhịp thở, trên đó loang màu máu hồng. Không biết kẻ bắt nạt nào đã đâm vào lưng nó, mà tôi cho rằng, đã đâm bằng một chiếc xà beng... Thành phố khi đó đang sơ tán, lại vào buổi trưa nên chỗ đó cũng vắng vẻ lắm. Có lẽ nó sẽ chết mất. Tôi đi vội về đền Ngọc Sơn, khi ấy cũng đang là nhà tôi. Lúc bấy giờ trong đền, có một đơn vị chống tệ nạn xã hội của công an chủ yếu là chống trộm cắp và gái điếm. Tôi gặp hai anh công an trẻ đang ngồi vắt vẻo trên một chiếc xe thuyền, đậu bên ngoài cầu Thê Húc. Chẳng biết ma xui quỷ khiến thế nào, tôi lại đi xui dại hai cậu công an trẻ:

- Này, ở bờ hồ bên kia, chỗ gần với Khai Trí Tiến Đức ấy có một con rùa to lắm, không biết bị đứa nào đâm, sắp chết. Các cậu sang khênh về mà thịt cải thiện...

Hai cậu công an trẻ chẳng hiểu sao cũng nghe lời xui dại của tôi, vội vã phóng chiếc xe chạy ngay về phía ấy. Một lúc lâu sau, tôi thấy hai cậu đi tay không vào đền...

Tôi hỏi:

- Rùa đâu?

Hai cậu lắc đầu:

- Nặng lắm, không bê lên nổi!

Cũng may mà nó nặng lắm! Không bê lên nổi, chứ nếu hai cậu ấy bê được về đền rồi mổ thịt mà ăn thì cứ gọi là tù cả nút, cả tôi.

Sau đấy, tôi lại nghe tin con rùa bị thương ấy đã được những người quản lý Hồ Gươm gạ bán cho khách sạn Phú Gia để chế biến món đặc sản “Rùa Hồ Gươm”... May hơn cả là chuyện con rùa bị thương đã bay đến tai ông Chủ tịch thành phố là bác sĩ Trần Duy Hưng. Ông lập tức chỉ thị cho nhân viên y tế phải cứu

con rùa bằng mọi giá... Nhưng tin cuối cùng đến với tôi là con rùa đã chết, vì vết thương quá nặng, mặc dù đã được “các bác sĩ tận tình cứu chữa”.

Nghe nói, trong đền Ngọc Sơn hiện nay có một con rùa đã được nhồi rơm, cung cấp hiện vật cho khách tham quan, không biết có phải là con rùa đáng thương ấy không? Nếu đúng là nó, thì trên lưng nó phải có một lỗ thủng. Sở dĩ tôi nói vậy, là vì kể từ khi đền Ngọc Sơn thu tiền vào cửa tới nay, tôi không bèn mắng đến đền làm gì nữa. Không lẽ mình phải bỏ tiền ra để được đến thăm “cổ cư” của mình?

Trong những ngày sống nhờ trong đền Ngọc Sơn, tôi còn được chứng kiến một cảnh thật xúc động của một “cặp rùa”.

Hôm ấy, như mọi buổi sáng, tôi một mình bước ra cầu Thê Húc, không phải để tập thể dục và hít không khí trong lành. Những buổi sớm như thế tôi ra ngắm màn sương dăng dăng mờ ảo trên mặt hồ, nhiều khi sương dày che kín cả ngọn tháp phía xa. Hôm ấy mặt hồ cũng có sương, nhưng rất mỏng, mỏng như tơ. Tôi đứng trên cầu nhìn về phía những cây vông (phía trước cửa Sở Văn hóa), và bất chợt tôi thấy trên mặt hồ có chuyện lạ. Trên mặt nước, có một khối gì đó, to hơn cái nón cứ phập phênh, trôi nổi. Điều lạ hơn là bên cạnh cái khối phập phênh đó có một con rùa đang bơi vòng quanh... Và chỉ đến khi con rùa bơi quanh đó, ngụp hẳn xuống nước. Rồi bất chợt, đầu nó húc thẳng vào giữa vật ấy, đội nó lên cao, tôi mới nhìn rõ đó là một con rùa chết... Một con rùa chết, nổi trên mặt nước, bên cạnh nó là một con rùa sống, cứ bơi vòng quanh, chốc lát lại lặn xuống, đội con rùa lên khỏi mặt nước...

Phải chăng đây là một cặp “vợ chồng rùa”, trước sự tử biệt sinh ly, vẫn còn lưu luyến, chẳng đành lòng rời bỏ nhau? Sự bịn

rịn ấy, sự không nỡ chia tay ấy, cứ kéo dài, kéo dài theo thời gian. Động tác bơi quanh, rồi đội con rùa chết lên luôn luôn được lặp lại. Cho đến giờ đi làm, mọi người đứng kín trên bờ hồ xem “cảnh lạ”. Quả là lạ thật, bởi như đã nói, giống rùa rất nhát, thấy bóng người là biến mất ngay. Nhưng đây, cảnh ấy vẫn được tiếp tục diễn ra trước mặt đông đảo mọi người, mặc dù nơi con rùa đang bơi chỉ cách chỗ mọi người đứng chừng dăm bảy thước... Trước sự đau thương của cái chết, dường như cái sự sợ hãi cũng đành nhường bước.

Khi ấy tôi mới chạy vào trong đền, nói với cụ từ đền đang quét lá rụng phía sau:

- Bác ơi, ngoài hồ có con rùa chết, bác chạy sang Sở Văn hóa báo cho họ biết để vớt nó lên...

Nói xong, tôi cũng vội vã xách xe đạp đi dự một hội nghị nông dân ở ngoại thành, nên không biết xác con rùa chết, trôi nổi ra sao.

Và cho đến tận giờ, nghĩ tới “mối tình chung thủy” ấy, đôi khi tôi vẫn còn bâng khuâng tự hỏi: “Con rùa sống ấy, liệu bây giờ nó còn sống hay chẳng? Hay nó đã chết dăm chết dúm trong cô đơn ở một góc nào trong hồ đó rồi? Nó chết ai đưa đám nó?”.

Đến đây, tôi muốn nói thêm một câu, bên ngoài chuyện những con rùa Hồ Gươm, nhưng vẫn là chuyện rùa. Trong những huyền thoại, truyền thuyết lịch sử của nước ta, tôi thấy *hình tượng con rùa* đã xuất hiện nhiều hơn, so với *hình tượng con rồng*. Phải chăng hình tượng con rồng chỉ là sự vay mượn vội vã của giai cấp phong kiến nước ta từ giai cấp phong kiến Trung Hoa? *Hình tượng con rùa* vẫn còn là một mảnh đất hoang hóa bỏ ngỏ của các nhà nghiên cứu nước ta. “Phải chăng”?

NHỊP ĐẬP PHỐ CŨ

Hồi nhỏ tôi ở Hàng Buồm, trong khu phố bây giờ được định danh là “cổ”. Những ngôi nhà ống chật chội chen chúc người tứ xứ, đa phần dân nghèo, nghĩ ngơi rất đơn giản. Vào sâu hun hút là nhà bếp, hố xí bắn thiu, hàng xóm chán nhau mà gặp mặt không chào lại trách móc. Tôi đã không thể yêu “cái tổ” của mình, mặc dù nó có cấu trúc tương đối gọi là “di sản” bây giờ: nhà ống nhiều ngăn chen sân giời, những khoang gác có ô trống để kéo hàng từ tầng dưới. Chỗ ở của một gia tộc tám tứ đại đồng đường, đem nhét nhiều gia đình ở tỉnh về thật bất tiện.

Nhưng sang nhà cô tôi ở Hàng Đường lại là một không gian khác hẳn. Cô tôi ở một mình, kĩ tính, búng bình đến gan góc, thế nào mà giữ được cả số nhà nguyên vẹn trong cơn bão tố cải tạo. Mảnh sân không rộng, vì vẫn là nhà ống, nhưng sâu, đặt đây chậu cảnh. Cầu thang chẽ ra, dẫn lên những căn phòng lát gỗ lim lâu ngày nở lồi lên. Thiêng liêng nhất là gian thờ lúc nào cũng khép kín. Mở ra, mùi nhang đen, hoa huệ và buổi đột nhập vào mũi gây cảm giác rất lạ. Ngày kị cô tôi nấu những món *đặc phong kiến* tinh xảo không thể tưởng. Ấy là nghe bình phán lại,

chứ ngày bé tôi chỉ thấy sương mê mẩn được lên ăn, phễnh bụng rồi còn muốn nhồi tiếp.

Kỉ ức của tôi về sự cổ kính đã qua đường mũi và dạ dày như thế. Sau này, trong sách vở, nhất là qua tiểu thuyết “Hồ Quý Ly” của Nguyễn Xuân Khánh, tôi mới biết phường Hà Khẩu từng có một không gian sông hồ cơ man lãng mạn. Một thời dài, phần *thị* của Thăng Long chỉ gồm những lối đi hai bên có nhà tranh tre, một ngọn lửa có thể thiêu trụi dãy phố và đèn tạ vương hầu, ngay cả phủ chúa. Bao nhiêu lần đổi chủ, lúc có, lúc không phi chiến địa, kiến trúc bền vững trong khu phố ấy giờ sót lại chỉ còn cổng Ô Quan Chưởng. Chếch lên mé Đông Bắc có Thành Cổ, điện Kính Thiên.

Rồi người Pháp đến, xây phía Nam đường Tràng Thi một loạt công sở, biệt thự, đồn binh. Khu Ba sáu phố phường hình thành với những kiến trúc phong kiến chuyển tiếp sang thực dân, tuy có đặc trưng khá rõ nhưng gọi là “cổ” rất không chính xác. Riêng quận Hoàn Kiếm bé tí xít có hơn trăm di tích. Nhưng so sánh với những ảnh tư liệu do người Pháp giữ, thấy không thể tưởng tượng ra “dấu xưa xe ngựa”, “nền cũ lâu đài”, nghĩa là yếu tố kế thừa không còn bao nhiêu.

Lúc trưởng thành tôi không còn ở Hàng Buồm, chỗ mới vẫn trong khu Ba sáu phố phường. Ấn tượng sau chiến tranh về khu phố mình thường bắt đầu từ những buổi sáng. Tỉnh mơ, người hàng xóm lạch cạch chẻ củi, đánh thức giấc ngủ còn đương non. Đến khi khói nhóm lò bay khắp phố, vào từng căn buồng thì không thể nằm nường mơ màng nữa. Ngọt ngạt, khó chịu, nhưng kêu ca rất khó, vì đấy là miếng ăn trưa, ăn tối cho con họ. Hòa bình đã về nhưng sinh hoạt vẫn đắt đỏ. Thời thịnh trị của những chị mậu dịch mặt vác lên chưa hết, cầm tem phiếu đi mua thực

phẩm còn phải khúm núm để có miếng ngọt. Ngày ấy, người đàn ông khen cô bán gạo có bàn tay đẹp đã đem về nhà được túi tấm trắng vợ khen phải biết. Một phóng viên Pháp ghi nhận “cái nghèo và chiến tranh giữ lại cho Hà Nội hình thái cổ kính”...

Sau năm 1975, kiến trúc bắt đầu biến đổi. Cuộc cách mạng khu phụ, có người gọi là “nền văn minh toa lét” từ Sài Gòn tràn ra. Những nhà vừa được ở biệt lập đã xây bếp, phòng vệ sinh mấy lạng vàng một mét vuông, giá trị cao hơn hẳn chỗ ngủ, tiếp khách. Tiện nghi biến đổi con người. Ngồi xí bệt “tư cách” khác hẳn xí xồm “họ hàng với “quận công”, “câu tôm” ở quê”. Có máy tính, vi ti, thanh niên nhuộm tóc, hét theo MTV. Nhưng còn ối gia đình cũng khá giả mà còn phải chung đụng thì không thể, vì nhà trên là tư nhân, nhà dưới lại nhà nước quản lý. Trong bữa ăn họ còn phải chịu đựng ông hàng xóm sột soạt vo nửa tờ báo đi qua để vào khu phụ dùng chung, cả hai bên đều thấy chướng.

Kịp đến thời đổi mới, mọi người, mọi nhà nhất tề bung ra làm ăn, sự khấm khá lan tỏa, kiến trúc vùn vụt đổi dạng. Nhiều người mua lại được cả số nhà, rất nhiều người mua lại được một phần để xây cất lại cho riêng biệt. Phổ biến hơn là những cuộc hoán chuyển. Trong một số nhà, các hộ tìm cách chia cắt khu phụ dùng chung, đổi chỗ cho nhau cốt có không gian biệt lập. Rồi thì cửa đóng then cài, ai ăn gì hay không ăn gì, mặc gì hay không mặc gì đã thoải mái, khỏi so bì giữ ý. Cuộc chia cắt, cởi nối đem lại sắc thái độc lập hơn cho mỗi “tế bào xã hội”, tất nhiên phải có tiền lo lót phường quận, những nhân viên quy tắc, thanh tra xây dựng. Nhưng tiền vẫn dễ lãi, mà nhu cầu có không gian riêng cho mỗi cá nhân đã xuất hiện. Nên chỉ chỉ trong quãng hai chục năm cuối thế kỉ XX, nhiều gia đình đã có đến hai cuộc “cách mạng nhà cửa”, lần đầu để quây khu, tránh chung đụng,

lần sao thỏa mãn những ý thích về tiện nghi, nhu cầu cho mỗi thành viên. Kết cấu mỗi số nhà thường có lối đi chung rộng 80 - 90 phân, đủ chỗ cho xe máy vào, và phải ngồi lên xe đi mới tiện. Những ô cửa trở từ ngõ chung vào mỗi nhà, có đường thoải lên cho xe máy. Bây giờ thì nhiều ông bố bà mẹ muốn vào phòng con phải gõ cửa, khiến thân thuộc ở quê ra thấy xa cách, rằng “vê, sao mà phú quý sinh lễ nghĩa...”. Mặc lòng, các nhu cầu thị dân phải được thỏa mãn. Những cậu trai mới lớn thích mặc “xìp” lên giường, “ép phốn” gắn vào tai nghe Bít – tôn không hề muốn ngủ chung với anh em, dù rất ít anh em, càng không thích bố mẹ soi. Mỗi người có âm nhạc, kênh truyền hình, thú khám phá riêng. Riêng quá, đến nỗi một ông chủ gia đình khi xây lại nhà đã yêu cầu thiết kế hành lang, chiếu nghỉ rộng ra, làm chỗ sinh hoạt chung, kéo con cái nghĩ gì chẳng biết đường theo dõi. Hình như là “sự cô đơn bản thể” đã bắt đầu mon men...

Phải công nhận là khu phố cũ có nhiều gia đình trung lưu. Tuy chỗ ở bé xíu, mà con họ béo phì, đeo kính, học đàn orgue, có vài gia sư kèm riêng Anh văn, toán, lí. Thích truyện tranh, xem băng đĩa hình, TV, chơi games hơn truyện chữ, chúng chẳng tỏ con ẻnh ương khác con ếch. Nhiều “cô”, “cậu” đi học Việt – Đức, là trường phổ thông trung học theo tuyến – bằng xe máy Spacy, có lúc chỗ gửi kêu văng cả chục điện thoại di động để trong cốp.

Nhưng giàu có đến mấy thì sự sang trọng, bực bực cũng chỉ có chừng mực, bởi diện tích nhà chỉ có thể tăng theo chiều cao chứ không nong rộng đi đâu được. những hộp diêm đứng, có người gọi là “nhà công ten nơ” – ngó xuống đường đã thấy hun hút, ban công “bụng chứa bầy thàng” phì phò máy điều hòa. Vườn leo lên sân thượng – nơi thường có bàn thờ thiên, đôi khi to cỡ cái miếu, ông chủ đứng tưới cây bên trên những âm âm huyền ảo. Dưới đường, tiếng ồn, bụi bặm và sự lộn xộn làm chúa tể, tuy tiếng ồn

Hà Nội còn phải gọi tiếng ồn Sài Gòn là “cụ”. Những gốc bàng, bằng lăng bị quây gạch bít góc để chỗ đặt bếp than tổ ong, hộp thuốc, ấm nước. Đa Cu Quyền Hàng Bông, đa Thanh Lương Ngõ Gạch chẳng có đất cắm râu. “Nhà mặt phố bố làm to”. Bởi phần vỉa hè trước mặt nhà nào đã thành sở hữu bất thành văn của nhà ấy nên nơi ngõ chung trở ra thành chỗ kiếm ăn của các hộ bên trong. Len lách qua những bàn nước, gánh phở, mẹt bún phải “tay lái lùa” lắm. Sự công sinh tạo ra những quan hệ ngọt ngào hay xô bắt đồ đĩa, nhưng cuối cùng người ta cũng phải thu xếp bằng được. Trên vỉa hè, chẳng cần say rượu hay ngổ ngáo gì, không “đánh võng” đổ đi bộ nổi. Nên chi bà đầm diện ảnh Pháp C, Deneuve dòm phố cổ trên xích lô có nhận xét ngồ ngộ: “Hà Nội hoang dã, ô tô đi sau bộ hành”.

Chật nình ních, ngày càng đông, mà phố cũ níu giữ người ta, cả người thừa tiền tậu đất xây nhà ra ven ngoại thoáng đàng. Ngoài phần là trung tâm, ở đây có trường học tốt, lắm chợ búa, quà bánh vừa ngon vừa rẻ. Cuối những năm tám mươi, khi sự làm ăn bung ra, nhiều chị nhiều cô ra bán hàng rất thanh tú, gọn ghẽ. Nhưng cốm đầu nia, nhãn đầu mùa sẵn quá, sẵn cân nhà thì đồ đưa nào bán điều nổi, thế nên chỉ vài năm mớ nào mớ nấy đã ra “eo bánh mì” cả.

Dù nhà quản lí đã có chính sách hạn chế xây cao, xây to để giữ gìn bộ mặt cổ kính, sức sống nội tại trẻ trung vẫn tràn ra, làm bật từng mối chỉ của manh áo quá cũ. Người viết bài này có lần dẫn một đoàn sinh viên thành phố Hồ Chí Minh đi thăm “phố cổ”. Dọc Hàng Đường, Hàng Ngang, chốc chốc lại có em hỏi “phố cổ đâu chú?”. Không có không gian cổ thì lấy đâu cảm giác cổ, dù chả đâu trong cả nước – ngay cả Hội An hay Huế – dày di tích bằng khu vực này. Chùa Cầu Đông, Thái Cam, đền Bạch Mã, và ngôi đình Tơ Lụa mới toanh ở 38 Hàng Đào nằm quá lạc

lông. Nên chi, đành dắt các cháu vào các ngõ: Tạm Thương, Phất Lộc. Thanh Hà dù nhem nhếch nhưng còn rung rúc cũ một chút.

Kiến trúc đã vậy. Còn dân cư thì sao?

Giống như mọi đô thị, Kẻ Chợ chẳng bao giờ bảo vệ được cho mình một cấu trúc bất biến. Cứ hai trăm năm một cuộc xâm lăng, gần gần chùng nấy một vương triều, bao nhiêu nước chảy qua cầu mà kể. Mỗi khi người trị vì trong *thành* thay đổi, cư dân ngoài *thị* lại xáo trộn theo. Quan binh các nơi kéo về cùng gia quyến mang theo nếp ăn ở quê nhà, thì sinh hoạt, lối sống, và trên hết, tinh thần của đô thị thật khó xác định. Thế nhưng dù sao ông giải nguyên Nguyễn Công Trứ gốc Hà Tĩnh cũng đã có câu “dầu không thanh lịch cũng người Tràng An”. Thanh lịch, chắc là trên nhiều phương diện, người ta thể hiện nét văn hóa trong ngôn ngữ, giao tiếp, ăn mặc, dáng đi, nụ cười, điệu hát... Đó chắc chỉ là bên ngoài, và cũng chắc rằng đó phải là kết quả của một thời kì Kẻ Chợ được ổn định lâu dài. Chiến tranh và mọi sự xáo trộn làm *đứt* các tiến trình văn hóa, giáo dục. Không bị binh lửa với những thói quen thời chiến ảnh hưởng, đã phân hóa thành giàu nghèo, chí ít cũng có một lớp người không phải lo cày cấy quá, để mà bận tâm nhiều đến cách châm chè, pha rượu, sửa câu hát, lời văn..., đô thị mới có được nếp thanh lịch ấy. Nho giáo và nho sĩ đóng vai trò quan trọng. Dù ở Thanh Nghệ ra, Kinh Bắc, Sơn Nam về, họ đều đã được tuyển chọn, là tinh túy ở quê. Họ tập nhiễm lễ thói kẻ chợ, đồng thời làm chúng giàu lên bằng bản sắc của mình. Quá trình thành thị hóa nông thôn và nông thôn hóa thành thị cứ tồn tại song song tạo nên bản sắc Tràng An. Càng ít chiến tranh, nhiều phân hóa, sự chuyên biệt ở mọi giai tầng càng rõ, thì sự khác nhau giữa “nhà quê” và “nhà tỉnh” càng lớn.

Trong ba phần tư thời gian đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam trải qua những vận động cực lớn: Nho tàn, Tây học, canh tân, cách mạng... Bảy tám mươi năm trước, trong tôn ti phong kiến bán thực dân, khu phố có người giàu kẻ nghèo. Công chức, trí thức và người lao động chân tay có thân phận rạch ròi; bác sĩ đã được gọi “quan đốc”. Hàng Đào có những hiệu buôn lớn của người Ấn, Người Việt có nhà Tam Kỳ, Lê Đào. Cụ Vinh Hòa ở Hàng Đường buôn chè sen tuyết nuôi mấy ông con phương trưởng được triều đình phong Tứ phẩm cung nhân. Sự phân hóa xã hội cùng một vài tiến trình văn hóa, kinh tế tạm ngưng lại sau cách mạng, trong các cuộc chiến tranh bảo vệ nền độc lập, giành thống nhất đất nước. Cuối thế kỉ, sau giai đoạn nhùng nhằng chọn đường là công cuộc đổi mới. Dẫu sao sự ổn định mới chỉ bắt đầu, vì thế kỉ quá nhiều biến động.

Như kiến trúc, cư dân phố cũ đảo lộn tận gốc rễ. Đảo lộn lớn nhất là người dân về quá nhiều. Không thể nói đến các tập tính lâu đời của “dân gốc” sau những biến động như cải tạo nhà cửa, sự xếp hạng lí lịch... Nhiều định kiến, chính sách làm họ co lại. Có xu hướng yếm thế, nghi ngờ, thậm chí sợ hãi mọi thứ, họ hay chọn các ngành chuyên môn, kỹ thuật, nghệ thuật. Tránh xa những vị trí phải đương đầu, chịu sức ép, cũng là đồng nghĩa với sự không có quyền lực. Tinh tế, có óc hài hước, họ cũng dễ tổn thương; tóm lại là bản năng sinh tồn yếu ớt. Sinh ra, lớn lên trong sự ổn định, họ không được chuẩn bị cho sự tranh đấu còn dài dài trong cuộc đời rất dài. Hay thu mình lại, không có máu đồng hương hay làm thủ lĩnh, rốt cuộc là họ phải chịu lép trước những tập người Thanh Hóa khôn ngoan, Nghệ Tĩnh vừa mạnh mẽ vừa cục bộ. Có thể nói là trong cuộc tranh đấu toàn diện về vị trí công tác, không gian cư trú, thậm trí không gian văn hóa, ngôn ngữ, với bản tính “cô”, “cậu”, thua kém về óc tổ chức, tính

kỉ luật, họ là kẻ thua – dù chẳng ai tuyên bố, và sẽ chẳng bao giờ có “cuộc tuyên bố” đó. Thế nên giờ đây gần như là không thể xác định được một tính cách Hà Nội. Để rồi, con cái những gia đình cũ và thế hệ thứ hai trong các “nhà mới đến” lại hòa đồng nhau, kết hôn phổ biến. Những nét đặc thù đại thể không còn bao nhiêu, tuy chất tiểu thị dân khá rõ.

Do chỗ là cái “chợ lớn”, Hà Nội không có những họ danh giá như Nguyễn Khoa trong Huế, hay là “họ Hồ Nghệ An, họ Phan Hà Tĩnh”, mà chỉ có những làng khoa bảng. Tuy thế, sinh hoạt họ tộc vẫn còn. Ngay thời kì xóa tàn tích phong kiến, họ Nguyễn vẫn có người đi *nôi phả*, sinh hoạt họ, tôn cụ Nguyễn Bặc làm tổ.

Sau năm 1954, không ít người hữu sản chạy vào Nam, sau này có thể lại sang Pháp hoặc Mỹ, đem theo một tầng trí thức và văn hóa nhất định. Thành phố ở lại, hệ thống hạ tầng để phục vụ vài chục vạn người nay càng đáng lượng người đông gấp bội, sinh trưởng lại mau. Những gia đình lâu đời hoặc bị cải tạo tư sản, trưng tập nhà cửa, hoặc phải phân chia chỗ ở cho đàn con cháu, tứ tán ra nhiều nơi cư trú. Thế vào là “thị dân mới”. Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Buồm, Hàng Bồ ít người cũ, trong khi Hàng Bạc, Hàng Trống, Lãn Ông còn khá nhiều. Những ngôi nhà bị bán, chủ cũ đem đồ thờ lên đình, đền gửi Thánh. Gia phong thay đổi khi cách dạy con thừa gửi, “không dám” với “xin phép ra về ạ” “bị coi là phong kiến, tiểu tư sản. Giáo dục khuôn phép đã kém phù hợp, thay vào là “tác phong quần chúng” kiểu xuề xòa. Quan trọng hơn là nhiều khi đặc tính “chín bỏ làm mười” bước sang ngụy trị trong cả công việc, tư duy khoa học. Như “giai tầng thứ ba” sau cách mạng Pháp, người bình dân hừng hực bản năng sinh tồn vươn lên nắm giữ những cửa hiệu, vị thế quan trọng trong bộ máy mới. Thời kinh tế eo hẹp, lấy vợ lương thực, thương nghiệp thành một trong công chức. Sự lãng

mạn, cả tin nơi các “cô”. “cậu”, con các ông thông ông kí xưa mất dần. Quả là sự thanh lịch có ít đi: xếp hàng chen ngang, hàng xóm sửa nhà trở cửa, để nước chảy sang nhau. Thời chống tàn dư phong kiến, mê tín dị đoan, các bà đi lễ khó vì đình đền bị xâm nhập, đồ thờ hóa bỏ hoặc không ai bảo vệ. Khi thần phật không còn, người ta ít biết sợ. Rất nhiều cuộc vận động xây dựng nếp sống mới được tổ chức trong khi quan niệm Nho giáo trong tổ chức gia đình, xã hội bị coi thường. Nhưng dầu sao thì một vài “tàn dư” cũ vẫn tồn tại: những bà già Hàng Bạc sang trọng một cách kín đáo. Con cháu những ông lang ở Lãn Ông giàu nứt đố mà không chơi bởi lối giàu xổi, khá dị ứng với loại nhạc thiên về tiết tấu.

Rồi “thời thị trường” ập về. Cuộc sống biến đổi vùn vụt. Truyền thống được đánh giá cao hơn, thi thoảng cả những “di sản phong kiến”. nhưng quay lại không thể như xưa, hoặc bị chấp vá. Do phân công tự nhiên, nhiều *phố hàng* xáo trộn. Thuốc Bắc chuyển sang bán đình, Hàng Cân, Hàng Cá bán quần áo. Hàng Buồm chuyên rượu, bánh kẹo, vẫn còn lập xưởng, thịt quay nhưng “rốn ông Tàu” đã hết. Người Ninh Hiệp bên Gia Lâm có nghề da sang chiếm cứ Hà Trung đã lâu, nay buôn thuốc bắc, mua lăm nhà Lãn Ông. Chợ Đồng Xuân gần như chỉ còn bán buôn. Hàng Bè thành “chợ xịn” với các bà còn chưa quen ra siêu thị, vì thịt cá rau quả vừa nhiều vừa ngon. Dù thuế cao và không ngừng tăng, nghề buôn vẫn phát đạt. Lạ, là chẳng nơi nào đắt đắt như đây, mỗi mét vuông hàng chục lạng vàng, mà vẫn có người tậu nguyên số nhà. Lạ nữa là họ lại từ tỉnh ngoài về. Có lời giải thích: tỉnh ngoài, nhất là tỉnh xa, công chức – tất nhiên chỉ cỡ cao cấp – kiếm ăn qua các dự án dễ vô kể. “Lấy thẳng miền xuôi nuôi thẳng miền ngược” mà.

Bây giờ thì kí ức về phố cũ ra sao? Thật khó mà kể ra. Đã tí

mù tấp không gian sông hồ, mặt người chìm trong sương giăng. Khói bếp dóm than tổ ong cũng dạt nhiều ra ven ngoài. Có lẽ nên chuyển “ấn tượng” qua cái ti vi. Sáng sáng, vừa trời dậy, người ta với tay tìm ngay cục điều khiển. Sau một ngày làm lụng không thấy mặt nhau, tối đến, cả nhà quây quần quanh cái hộp có hình có tiếng, không ai nói chuyện với ai. Nghĩ ngợi, xúc cảm gì do TV quy định. Một nhịp sống, sự hưởng thụ có thể gọi là đơn giản. Hiện đại là như thế?...

Và phố cũ ngày một mới hơn, bắt chắp những hội thảo về phố cổ và văn bản định danh “cổ”. Khu phụ dùng chung trong các số nhà “đa hệ” đã “tư nhân hóa” gần hết; một quá trình béo bở cho cấp phường. Mọi sự thay đổi theo hướng tiện nghi, dễ khai thác hơn, tiêu biểu nhất có lẽ là phố Hàng Giấy. Cái nhà vệ sinh công cộng sừng sững bao nhiêu năm giờ phải nhường chỗ cho khách sạn Phan Thái và trung tâm Hướng dẫn du lịch. Tấp nập một đoạn phố con là những cà phê internet, chi chít biểu hiệu Prince, Classic. Có cái hồn gì đấy trong khung cảnh không quá sang trọng, không quá nhem nhếch này, rất quyến rũ dân du lịch. Trên vỉa hè hẹp, cạnh dòng cống “róc rách”, gái Bắc Âu tóc trắng ngồi tu Heineken chai. Những quán bar ốp gỗ, thấp đèn dây tóc tạo không gian “hơi bị cũ kĩ”, vừa ngộ ngộ vừa gần gũi, để mà có thể chiêm nghiệm, khám phá “cái gì đấy”. Sáng ra, những gánh rau quả, xe đạp chở hoa sặc sỡ đi qua hàng chí mà phù có con ngựa đá thật bắt mắt. Về giá ăn ở, dù đã là “giá Tây”, chắc chẳng có nơi nào trên thế giới rẻ bằng. Mà đã thế, du lịch bụi còn mò ra phở xào Ngõ Gạch tám nghìn, “giá ta”. Một anh Bỉ nhờ học trước tiếng Việt được chủ khách sạn đầu Hàng Gà giảm giá phòng từ một trăm xuống còn tám chục nghìn một ngày. Ngoài ra là những giấy dép Hàng Dầu, sơ mi Hàng Đào, đĩa CD Tàu..., có lẽ “rẻ nhất thế giới”.

Với những hương vị không giống Sài Gòn hiện đại, rất khác Huế, Hội An – có không gian cổ riêng để bảo tồn, khu Hà Nội Ba sáu phố phường mang lại cho khách nước ngoài những ấn tượng riêng. Nhưng nó đâu có giống những Arbat của Maxkva, Ile de la Cité của Paris, mà là khu thương nghiệp phùng phùng sức sống. Sự bán buôn chẳng bao giờ già nua. Cái câu “nhất cận thị nhị cận giang” chả hề đúng với những bảo tàng, di tích, kiến trúc tông giáo. Những cụ hưu, đám Việt Kiều hồi cố và du khách hiếu kì đâu có mang lại động lực sống cho khu phố. Không làm ăn, xông ra mặt phố, không khiến đồng tiền để lâu thì lấy gì đóng thuế – nguồn thu chính cho Nhà nước. Dám chắc là trên một diện tích tương đương, chẳng khu vực nào ở Hà Nội đều đặn góp vào ngân sách thành phố một lượng tiền tương đương. Cho nên không thể bắt buộc nước người biến phố cũ thành khu bảo tàng, gái già kể chuyện ngày xưa. Nói thô tục, “cô gái” ấy mà bị áp đặt vào những dự án kiểu phố đi bộ thể nào cũng “thủ dâm”. Cái áo cũ bện ngoài cơ thể trẻ trung chỉ nên giữ lại những đường nét, chi tiết ‘cổ’ thôi. Các vật liệu nhôm kính, dầm nhà quá cứng cáp, và loại “hộp diêm đứng” chênh vênh cần bị hạn chế. Rồi phải có những điểm độc đáo cho người ta thăm thú. Chẳng may là trụ sở trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở 10 Hàng Đào – một biểu tượng của khát vọng canh tân – chưa phải địa chỉ được lựa chọn, trong khi phố ẩm thực Tống Duy Tân được chăm sóc đến nơi lại nhiều nỗi “rất đáng tiếc”. Hồ Gươm – gạch nối giữa khu phố Tây và khu phố cũ, nếu không đập bỏ được những kiến trúc quá nghiêm khắc thì xin dừng cho xây thêm công trình đồ sộ nào bên cạnh nữa. Hà Nội Vàng, “Hàm cá mập” chẳng phải những bài học đủ ê chề rồi hay sao...

Nhưng không làm “đông cứng” phố cũ thì Hà Nội có cái gì để

khoe là bản sắc (về văn hóa), là điểm du lịch (về kinh tế)? Khu vực ven ngoại và ngoại thành còn khối nét son đây. Thành phố đã chọn những làng nghề như Bát Tràng gốm sứ, Vân Hà chạm gỗ, Ninh Hiệp buôn thập cẩm. Nếu Huế có nhà vườn thì sao Hà Nội không khai thác những làng cổ, văn vật. Phú Thượng, Mọc có bao nhiêu vị khoa bảng, còn những cổng làng gợi nhớ đến cánh cổng phố làm nên tên phố Hàng Ngang cách nay trăm năm, những cụm di tích đủ cả đình đền chùa, những dòng họ còn nhà thờ, phủ hệ, giữ nguyên ngày giỗ tổ... Đi chơi chỗ đấy bây giờ có thể hình dung “ngôi làng lớn nhất nước” đã “hàng phố hóa” như thế nào...

Nhưng đây lại là sự tìm hiểu, là du lịch văn hóa, thứ hiện nay ta chưa lí đến nhiều. Còn phố cũ thì nó sẽ “vây vạy”, vừa là di sản vừa là chỗ đồng tiền để lãi từng phút từng giây.

2002

THẬP NIÊN TÂM SỰ CỘNG THANH THIÊN

Quả bom Mỹ lần đầu ném xuống Hà Nội trong chiến tranh phá hoại đã rơi vào phố Huế mùa hạ 1967, còn những trái sau cùng là những chùm đã trút xuống khu Khâm Thiên vào đêm tháng Chạp 1972. Những năm ấy gần như vòm trời trên đầu chúng ta lúc nào cũng xanh đến nóng ruột. Người Mỹ thích đặt tên cho các chiến dịch; hồi đánh dọc Đường 5 họ gọi là “Sấm rền”, còn đánh Hà Nội thì được gọi là “Biển lửa”. Đấy đâu phải là những từ văn vẻ, nó là một sự thật. Mục đích cuối cùng của những cuộc tiến công ấy là nhằm triệt phá tận gốc ý chí độc lập, thống nhất của một dân tộc, là bắt đối phương phải chịu khuất phục bằng vũ lực.

Vào những ngày tháng sôi sục đó, bộ đội phòng không nảy ra sáng kiến đưa súng máy lên đỉnh cầu Long Biên. Đúng là đối mặt với quân thù. Có cả thủy tám khẩu 14 ly 5 được đặt trên tầm nhíp. Những người lính trẻ quê quán gần như đều ở các làng trong vùng châu thổ sông Hồng cả. Họ thay nhau leo lên leo xuống một vài ngày ba lần, lấy cơm nước, tắm giặt, khi lên khi

xuống đều đặn dò nhau đừng có nhìn xuống dễ chóng mặt. Lại đang giữa mùa đông, đứng ở trên cao mới thấy gió lạnh lùa dữ lắm. Có bà mẹ tìm lên thăm con, bà cụ cứ ngẩng mặt lên gọi con mà giàn giụa nước mắt. Chưa kịp đánh trận nào bỗng lại có lệnh tháo gỡ cả xuống, trong một vài ngày phải mang hết súng vào thành phố, đặt lên những nóc nhà vững chãi nhất, chẳng hạn như nóc Học viện Thủy lợi, nóc Hội trường Ba Đình, nóc Nhà Bàng, nóc Nhà hát lớn; ở một nóc ngôi nhà dân trong Hàng Buồm cũng thấy có một khẩu. Nghe nói đấy là theo lệnh của Bác.

Ở bên đường Cổ Ngư mé Hồ Tây cũng thấy có đặt một trận địa nổ. Hàng mấy trăm chiếc thùng phuy được ken xít vào nhau bằng những sợi cáp to, bên trên lát ván. Bình thường không sao nhưng mỗi lần nổ súng cả người và pháo đều nhảy lên, chao như chao võng. Đó là những khẩu 37 ly phục ở đấy để đón lõng máy bay bay thấp. Đêm nào anh chính trị viên cũng xách đèn bão đứng trước hàng quân xác định nhiệm vụ, chúng ta ở đây là bảo vệ các cơ quan Trung ương, bảo vệ cầu Long Biên, nhà máy điện Yên Phụ và chùa Trấn Quốc.

Trong chùa Trấn Quốc lúc đó có bếp anh nuôi, lại thêm một đơn vị công an kéo ra ở nhờ nhà chùa, phải tới một trung đội. Ban ngày thấy họ ngủ, họp hành cũng ít, nhưng đêm đêm là gọi nhau đi mất hút, sáng bảnh từng tốp lần lượt quay về. Chỉ có thể nói là hết sức bí hiểm và quan trọng.

Vị sư trụ trì tuổi đã cao lắm, đôi mắt già nua nhuộm màu sương khói. Cụ thường ngồi tiếp chuyện tôi bên thềm nhà, trong tay là một chiếc chày gỗ và một chiếc cối gỗ nho nhỏ. Hôm thấy cụ già vài lát gừng, hôm lại thấy cụ già nắm lá tía tô, kinh giới. Một lần tôi hỏi, thưa cụ sao trong chùa lại có treo tấm đại tự với hai chữ “Trấn Bắc”. Cụ thủng thẳng hỏi lại: Anh cũng có chữ

Hán? Cháu chỉ lồm bồm vậy thôi, thuở bé ở nhà quê đến trường học quốc ngữ, về nhà vẫn phải học thêm Hán tự, cháu là một thú đồ bần cụ ạ!

Nhà sư già gạt chiếc cối gỗ sang một bên quay vào nhà trong mang ấm chén ra thêm pha trà mời tôi cùng uống. Cụ thêm nói chuyện. Giọng cụ nghe thều thào lúc xa lúc gần, nhiều lúc đang nói cụ bỗng ngừng lại nghĩ vẩn vơ đâu đâu, tôi đoán rằng những lúc đó cụ đã quên bằng là có tôi đang ngồi hầu chuyện.

Đấy là lần vua Minh Mạng tuần du Bắc Hà, ngài có tới thăm chùa này và đã hạ thánh chỉ cho đổi tên chùa là Trấn Bắc. Đã có Huế là kinh đô rồi thì ngoài này cái gì cũng phải xuống cấp. Cũng như khi Gia Long lên ngôi thì Thăng Long được gọi là Hà Nội. Vùng đất có cái thế rồng chầu hổ phục nằm ở giữa trời đất, bổng chốc chỉ còn là một cái tên nôm na tầm thường, đất trong sông. Cho nên Bà Huyện Thanh Quan mới có thơ: *“Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo; Nền cũ lâu đài bóng tịch dương”*. Anh có tưởng tượng nổi khi bóng chiều phủ xuống những bờ thành ngoài cửa Tây, cửa Bắc kia nó khiến ta nao lòng đến thế nào không. Năm Tây lấy thành Hà Nội lần đầu, hình như là năm 1873, cụ Nguyễn Tri Phương bị trúng đạn ở bụng trong lúc đốc quân kháng cự, vào cuối trận đánh, thấy thế ta đã núng lăm rồi, cụ bèn gọi người con trai dìu cụ lên bờ thành, để nhìn thành phố một lần nữa. Cụ là tướng giữ thành, phải chết ở trên thành. Tây lấy được thành nhưng tự liệu thấy chưa giữ nổi, chưa sống yên được bèn rút ra ngoài, phải mười năm sau đó, là năm Giáp Thân 1884 chúng mới quay lại lấy thành lần thứ hai, lần này thì ở hẳn, thiết lập Nhà nước thực dân. Với dân mình đó là mười năm mang rất nhiều tâm sự. Quan giữ thành là cụ Hoàng Diệu. Lúc mất thành là vào buổi chiều, cụ một mình bước vào Võ Miếu thắp hương khấn vái nhận lỗi trước Tổ tiên rồi tuần tiết bằng một dải

lụa bạch. Trước hai cụ ít lâu, Hà Nội còn có một quan tổng đốc nhân cách cũng lớn lắm, đó là cụ Trần Bích San. Cái chết của cụ có lẽ chỉ có con cháu trong nhà mới rõ thực hư. Rất nhiều năm sau người ta vẫn đồn thắm rằng đã nuốt đầy giấy bản vào ruột mà chết. Năm ấy cụ tròn ba mươi bảy tuổi, là một trong sáu người được vua Tự Đức cất cử làm đại diện Nam Triều qua Pháp thương thuyết. Nói là thương thuyết nhưng thực là sang để cắt ba tỉnh miền Nam Bộ cho họ. Biết vậy cụ Trần bèn chọn lấy cái chết cho mình. Cụ Phan Thanh Giản là trưởng đoàn thì không thoát thác được, sau đó về nhà nhục không chịu nổi cũng uống thuốc độc mà mất. Cụ Nghè Trần Bích San đỗ tam nguyên năm hai mươi năm tuổi, được giữ lại trong triều làm quan luôn. Tuổi trẻ tài cao, về sau dễ gặp sương giá nghiêm trọng. Lúc nghe tin con trai đỗ đầu cả ba kỳ thi, thân sinh của cụ là cụ Nghè Trần Doãn Đạt đã ôm mặt khóc rồi làm một bài thơ gửi vào Huế dặn con trai. Thơ có câu: *"Hữu thức vô nan nan thức đáo. Vô danh bất hoãn hoãn danh phù"*. Làm một người có hiểu biết không khó, khó là thành một người hiểu biết thấu đáo. Vô danh không hèn, hèn là những kẻ mang danh hão, hư danh. Các cụ đều đã giữ trọn danh tiết, để lại tiếng thơm muôn đời. Phải gánh vác việc nước vào lúc nước suy là cầm chắc gặp nhiều nông nổi cay cực, cay cực không sao thổ lộ được cùng ai. Những cái chết như vậy bao giờ cũng là những an ủi lớn, làm giàu có và có sức thúc đẩy mạnh tính lịch sử.

Hiện nay trước cổng gò Đống Đa vẫn đang lưu giữ câu đối của cụ Nghè Liên làm. Lấy có trùng tu Trung Liệt miếu tưởng niệm công lao hiển hách của Quang Trung, nhưng kỳ thực là các cụ còn muốn gửi vào đấy những tâm sự của các trí giả trong thời mất nước. Đó là lời điệu. là những buồn thương, những uất hận, và niềm kiêu hãnh của con cháu trước vong linh các bậc liệt sĩ

đã ngã xuống trong hai cuộc chiến đấu giữ thành Hà Nội. Là muốn gửi gắm vào đây một niềm tin bất diệt về sự trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Câu đối ấy đọc là: *“Thử thành quách thử giang sơn, bách chiến phong trần dư xích địa - Vi nhật tinh vi hà nhạc, thập niên tâm sự cộng thanh thiên”*. Dịch là: Đây thành quách giang sơn gió bụi trăm trận như được thu cả về khoảnh đất nhỏ này - Kìa trăng sao tinh tú, tâm sự mười năm ấy tưởng cũng đủ để sống mãi cùng trời xanh.

Xem đây để biết không có cái đau nào bằng cái đau mất nước. Không có cái tủi nhục nào đáng sợ hơn tủi nhục mất nước. Có nước mà không biết giữ, để sễnh tay thì chỉ còn có cách nhìn nhau mà ngậm ngùi. Thật quả là trở trêu, đến lúc ấy chỉ một cô me tây cũng đủ làm đảo điên tất cả. Anh có biết ai đã đứng ra mộ phu phá thành Hà Nội hồi cuối thế kỷ trước không. Đây là nhà chị Tư Hồng. Một cô gái vùng đồng chiêm Phủ Lý đi mua gà về bán cho Tây, rồi lân la thành vợ một viên quan ba. Tây tổ chức đấu thầu phá thành, chị ta dự thầu và trúng. Thiếu nhân công thì về làng mộ lấy vài trăm gia đình. Chỉ mấy tháng chị ta đã phá tan cả bốn bờ thành, số gạch mang ra xây được cả dãy phố cửa Đông. Vào lúc vận nước đã xuống bao giờ cũng thấy có lắm sự cố lổ lảng kỳ lạ.

Ta hãy cứ nhìn vào hai chị em bà chúa Chè đủ rõ. Quyền bính nghiêng thiên hạ, họ coi cái đất kinh kỳ này không bằng một con muỗi. Cho nên dám hô đám kiêu binh mắc mùng giữa ban ngày ban mặt giữa đường giữa chợ để mà vật con gái người ta ra. Ghê gớm thật, con người ta khi được thời được thế là sinh ra nhiều tệ hại, nó là những vết nhơ nhuốc rất khó gột tẩy, là nguồn cơn chuẩn bị cho con cháu mỗi khi bước ra đường không

còn dám ngẩng mặt lên. Cũng bởi biết con người ta là lắm chứng tật cho nên người xưa thường khuyên “quân tử nép tường mà đi”. Người xưa dạy ta sống một ngày là giữ sạch mình một ngày, là khiêm cung nhân ái, chẳng ai dạy ta sự bừa bãi cầu thả.

Một lần cụ dạy tôi, trong những ngày cả nước lâm nguy thế này, bận thì bận, nhưng dù bận mấy có dịp anh vẫn cứ lảng vảng tạt qua những nơi vốn vẫn được gọi là chốn xưa cảnh cũ của Hà thành. Những chỗ ấy giờ sắp hóa phế tích cả rồi, tuy vậy nó vẫn còn giữ được nhiều dấu vết của cổ nhân, đủ để sau ngẫm ngợi. Đây là những pho sứ tượng tàn mạn mà rất công phu, được đặt giữa trời giữa đất, đặt trước mắt tất cả mọi người, mọi thời, nhiều khi nó còn toàn bích hơn cả những pho sứ được cất giữ kín đáo trong cơ mật viện của các triều đại đã đi qua. Tôi thuở trẻ là người cũng ham đọc kinh sử, đọc rồi gấp sách lại nhìn ra ngoài đời, bỗng giật mình mà hiểu ra rằng mình chỉ còn mỗi một con đường nấp nhờ cửa phật là hay hơn cả.

Lúc xây đền Ngọc Sơn trên Hồ Gươm, các bậc khoa bảng cân nhắc mãi vẫn không biết nên rước ai vào thờ ở chỗ ấy cho phải nhất, sau cùng các cụ bảo nhau hơn hết thấy chỉ có đức thánh Trần mà thôi. Cũng từ cái đức lớn của Ngài mà cụ phó bảng Nguyễn Văn Siêu mới ghi ra được mấy câu để ở cổng trong của đền. “*Luận sự thường tôn trung hậu tâm, vật đại phân hắc bạch, vi văn bất tác khinh bạc ngữ, đồ tự sinh thư hoàng*”. Khi xem xét việc đời nhớ là phải lưu lại lấy một chút lòng trung hậu, chớ có riết róng chuyện đúng sai quá, văn chương thì phải tránh dùng những lời khinh bạc cao ngạo, càng không nên hoa mỹ son phấn mà làm gì.

Rồi anh lại phải qua Văn Miếu. Đó cũng là chỗ linh thiêng huyết mạch chẳng kém gì Hồ Gươm. Có nhiều chỗ bị tàn phá

phải xây cất lại mấy lần, chỉ riêng chỗ ấy là thấy mỗi thời lại được xây dựng thêm một ít. Đến thời Nguyễn thì trong Huế có Văn Thánh, cũng là văn miếu cả đấy. Tuy vậy, vào thời Gia Long các cụ ngoài này vẫn tiếp tục cho xây Khuê Văn Các. Khuê Văn Các mới có từ đó. Ở trong nhà Văn Miếu giờ vẫn đang để ba chữ “Tập đại thành”. Thế nào là tập đại thành đây? Đây là mấy từ được rút ra từ sách **Luận ngữ** - “Tập tiên thánh chi đại thành”. Nghĩa là phải học kỹ lưỡng, học tất cả các bậc hiền triết trước mình, không trừ một ai. Anh thử tính xem, cùng thời với Khổng Phu Tử còn có biết bao các vị khác nữa. Khổng Phu Tử chỉ là thánh chi thời, còn có Bá Di là thánh chi thanh, Liễu Hạ Huệ là thánh chi hòa, Y Doãn là thánh chi nhậm... Vô khối người lớn giúp ta khôn lớn trưởng thành, ở đời đừng có một mục chỉ biết tới cái này mà không thấy còn có cả những cái kia. Hai thời Lý - Trần có nhiều thành tựu lớn, khoan dung mà mạnh mẽ, đó là một sự khai mở vĩ đại, tạo ra được nhịp điệu khai mở như thế quả là đã mang lại cho dân tộc một hồng phúc. Tìm ra được nhịp điệu ấy tất nước nhà lúc đó chắc chắn phải có nhiều bậc cao minh, lòng dạ phải sáng như ngọc. Chỉ thế mới có thể hiểu thấu nổi cái chân lý đơn giản, trong cõi đời vốn đã có cái này nhưng vẫn còn cả cái kia. Trong quy mô rộng lớn đến vô chừng của ba vạn sáu trăm nghìn thế giới cũng vậy, có cái này nhưng vẫn còn có cả những cái kia. Cái này và cái kia nó chính là sự toàn vẹn và chính nó làm nên nhịp điệu hòa thái muôn đời. Đã không đủ sức bao dung ôm nhận thử hỏi làm sao có thể gọi được là lớn. Cái nghèo cái khổ suy cho cùng chưa phải đáng sợ nhất, cái đáng sợ nhất có lẽ là sự tăm tối, nó mới chính là cái nghèo nhất trong mọi cái nghèo. Nam mô a di đà Phật, xin ngài đại xá, đã chúng sinh ắt khó tránh khỏi vô minh.

“Thăng Long phi chiến địa” là lời sấm của cụ Trạng Trình,

nói thế để can mấy ông họ Mạc họ Nguyễn chớ có cố chấp tranh giành mãi với Lê, Trịnh, mỗi nhà hãy tìm một phương mà mở nước, dựng nước. Chứ bảo phi chiến địa là không có đánh nhau thì không phải, chả có cuộc chiến nào đến hồi quyết định lại không diễn ra ở đây, thế mới ác liệt.

Cũng như bảo người Trảng An là thanh lịch thì cũng đâu có sai, nào có thiếu gì kẻ sĩ, thiếu gì hiền tài ở chốn này. Anh cứ thử lội dọc dòng Tô Lịch mà đếm, thời nào cũng có thể gọi ra vài chục đấng. Vậy suốt mười thế kỷ cả thành Thăng Long này sẽ là bao nhiêu, rất nhiều. Họ từ bốn phương tụ họp về, mỗi người mang theo hào khí một miền, một gốc rễ, chung đúc nên hào khí Thăng Long. Cụ Trần Bích San người trấn Sơn Nam Hạ, nay là Nam Định, cụ Nguyễn Tri Phương người Thuận Hóa, cụ Hoàng Diệu người xứ Quảng, lại còn có những vị vốn là gốc Chàm, gốc Châu Mân. Châu Liêm, đời này qua đời khác, con cháu về sau cũng có nhiều người hiển vinh.

Nhưng về một lẽ khác mà nói, phàm đã gọi là đất kinh kỳ thì không tránh được chuyện chín người mười làng, cho nên đất Trảng An cũng còn được gọi là đất Kẻ chợ. Gọi là người Trảng An thì thiên hạ quý trọng lắm mà bảo đấy là người Kẻ chợ thì họ thấy e ngại. Chưa chắc giàu đã sang, chưa chắc mũ cao áo rộng mà không ngồi xồm ăn bốc. Có những ông tổng đốc nhưng lại vẫn có những ông bất quá cũng chỉ như một viên lý trưởng ở một cái làng quá nhiều thượng thư, tuần phủ.

Anh xem cái thú chơi cây thế có bác học không. Cây có rất nhiều thế, mỗi thế mang một ý nghĩa, một cốt cách riêng. Cây thông thẳng đứng là thế trực, *minh minh cô cao đa liệt phong*, nó chính là tư chất của người anh hùng giữa cuộc đời nhiều giông bão, sóng gió mây mù. Cây thông quần quai bám vào vách đá mà

ngoi dậy là thế tà, *khô từng đảo quải ý tuyệt bích*, nó là biểu tượng của một ý chí phi thường, một bản lĩnh sống phi thường, đầy thách thức và bất chấp. Tưởng là tình cờ như không mà thế nào vẫn phải ra thế ấy, rất rành mạch, có vậy mới gọi là biết chơi, kẻ đã không biết mà toan đua đòi thì tội lắm, cậy nhiều tiền ra chợ ôm về những bụi cây thân cành xoắn tít. Uốn éo rối loạn, nom ngó hay lăm thực tình là nhảm nhí. Rồng đâu có bay lượn như vậy chứ, đó chính là đã rơi vào thế địa lợi. Với những người sành cây thế, một khi cất gọt nhầm lẫn, để cái cây của mình sa vào thế địa lợi thì chỉ còn có một cách là vứt vào bếp làm củi. Nói cho cùng, cứ để các nhà sinh vật cảnh mặc sức thì tho vẫn không sao bén được gót các cụ ta xưa. Hãy nhìn, xung quanh Hồ Tây là những rừng bàng bát ngát, làng nào cũng bàng, ngõ nào cũng bàng, đường nào sân nào cũng bàng. Những vòm cổng dưới bàng, những hiên nhà dưới bàng, cầu ao bờ giếng, đền miếu chùa chiền đều nấp dưới những tán bàng. Và áo the khăn xếp, nón thúng quai thao, khăn vuông mỏ quạ, áo dài tứ thân, yếm trắng bao xanh, tất cả đều hiện ra thấp thoáng dưới những rừng bàng. Cây bàng mùa hạ lá xanh rờn, mùa đông lá đỏ, mùa ra lá có cái đẹp của mùa ra lá, mùa rụng lá lại mang vẻ đẹp của mùa rụng lá. Chao ôi, chơi đến thế là tuyệt vời lịch duyệt, mà lại gần gũi giản dị biết bao nhiêu. Đây là chơi giữa trời đất, sống giữa trời đất, sống cùng trời đất.

Chiều ấy tôi tạ từ nhà sư bước đỉnh đoảng ra khỏi cổng chùa. Sóng vỗ ì oạp lên bến đá. Ở đằng xa, chỗ mây nước một màu, trong sương lạnh đàn vịt trời đang vừa đập cánh vừa chín chít gọi nhau. Một ngày yên bình hiếm hoi giữa thời khói lửa. Không gian im ắng, chứa đầy vẻ pháp phủng cảnh giác. Những chiếc xe “Gát” kéo theo những khẩu pháo không trùm bặt chạy từ thành phố lên đê sông Hồng. Những người lính mặt mày gầy xác, áo

sống lấm bụi, đầu đội mũ ngồi đứng lố nhố trên các thùng xe. Cầu Long Biên đã bị gãy một nhịp từ mấy hôm trước, cầu phao Chương Dương vừa bắc xong. Cánh lính pháo di chuyển trận địa. Anh em công an cũng được lệnh chuyển vào nội thành. Ngôi chùa trở lại vẻ tĩnh mịch vốn có của nó.

Mấy năm sau ở chiến trường ra, tôi có trở lại nơi ấy, muốn tìm gặp nhà sư lấy một lần nữa nhưng ông cụ đã quy rồi. Ông cụ đã hạc giá vân du về chốn xa xăm, như người ta thường nói. Tôi đứng lơ đãng trong mảnh vườn vắng vẻ sau chùa, nơi đặt mộ chí của các vị đã tịch diệt. Mỗi trưởng lão lúc sắp qua đời đều tự lo cho mình một cái tháp gạch, cái thì cao, cái thì thấp, cái nọ nấp sau cái kia, nhìn chung vẫn có cùng một kiểu dáng, bốn mặt đều có chữ Phật đắp bằng xi măng tô sơn đen giữa nền vôi trắng. Vì các vị không cho khắc tên riêng của mình nên tôi đành chịu không thể rõ ông cụ giờ đang nằm ở đâu trong khu vườn đó. Tôi đốt một nắm hương thơm mang chia lẻ ra cắm xuống chân của từng cây tháp. Tôi bỗng tự hỏi vậy là nhà sư già buổi ấy đã chuyện trò cùng tôi hay Hà Nội ngàn năm tuổi đã chuyện trò cùng tôi.

Ngoài đê con nước đang lên cao. Những con gió từ hai bờ đất cứ thổi mãi vào lòng tôi những vui buồn muôn thuở.

Hà Nội, tháng 11 năm 2000

PHỐ BỜ SÔNG

Có nhà văn đã hình tượng phố cũ bờ sông như vạt áo vá của một bà mẹ nghèo tần tảo kiếm sống và sông Hồng như dải thắt lưng...

Tôi sinh ra và lớn lên ở phố bờ sông. Tuổi thơ tôi từng tắm nước phù sa thấm mát vào thịt da nâu bóng. Những chiều hè tôi cùng bọn trẻ trần truồng, xúm xít ở bên sông, bám quanh bè gỗ nữa, tầm vông, bơi, lội, đùa reo, té nước vào nhau.

Những buổi trưa chúng tôi chạy chơi luồn lách dọc bãi ngô xanh dâu biếc lồng lộng gió sông Hồng. Gió miên man, phóng khoáng, hiền hòa thoảng lên mùi ngô sữa và mùi gỗ nữa ngấm nước bến sông. Ôi, cái mùi cần lao, lam lũ khơi gợi ký ức tôi liên tưởng đến bóng dáng những người đàn ông mình trần quần cộc, bấp tay cuộn nổi gân sần, bấp chân đầy bùn, người nọ nới bước người kia ở hai bên rãnh dốc, khênh những cây gỗ nặng nề vai dưới những đoạn tre to, đoạn sắt cứng thẳng căng dây cáp, dây xích sắt. Những người đàn bà vác những bó nữa dài bùn ướt rườn rượt vai áo.

Gió cuộn bụi xe than theo người đánh xe vung roi quất mạnh

vào lưng con bò thở nặng nhọc, sùi bọt mép, dừng lại bên những người đàn bà và những đứa trẻ mặt mũi, áo quần, nhọ lấm than đen, ngồi lê la suốt ngày sàng sảy than cám, chọn nhặt than hòn quét vụn thành đống.

Phố bờ sông thân yêu với những tên: Phú Tân, Hàm Tử, Chương Dương. Những ngôi nhà phố xưa lở loét vôi tường, ngả xiêu vách nứa. Những mái cao, mái thấp nhô ra, thụt vào, lợp tôn chấp vá. lợp ngói xi măng sứt mẻ, lợp lá cọ, giấy dầu đơn sơ. Trong ngõ hẻm chen lẫn những căn nhà ổ chuột tối tăm, chật chội. Rải rác dọc phố lều tèo dăm ba quán nước, hàng quà. Những hiệu may, hiệu cắt tóc, hiệu chữa xe đạp, cửa hàng bán áo quan, xưởng xẻ gỗ với những tải mùn cưa, vỏ bào chất đống. Cửa hàng bán tre nứa. lá gồi xếp ngổn ngang.

Dân buôn bán, làm ăn sinh sống ở đây phần đông là những người nghèo buôn thúng bán mẹt, gánh cá, thịt, rau quả bán rong.

Những thợ làm thuê, gánh mướn, phu phen khuân vác, người chèo ba gác, xích lô, ông lão tẩm quất lăm lũi bước đi thỉnh thoảng lại buông ra một tiếng rao to “tẩm quất đi” khiến cho người đi đường bất ngờ giật mình. Bà già sống độc thân tay cấp thúng đi quanh quán men theo mép nước bờ sông nhặt củi vụn, nứa mẩu rơi vãi. Bác công nhân bến phà với dáng đi mệt mỏi, mặt lấm bụi than. Chị mua lông vịt, giẻ rách lững thững gánh quang thúng đi rao. Anh đeo bao tải đồng nát, sắt vụn bằng chiếc xe đạp rỉ quện. Thằng bé đánh giày tay xách chiếc hòm gỗ con tong tả bước đi.

Ngoài ra là bóng dáng vật vờ của những kẻ lang thang khuất thực, người cơ nhỡ nằm ngồi lê lét ở vỉa hè, lều chống bên sông.

Có khi tình cờ tôi bắt gặp trong quán rượu một anh chàng tứ

chiến say nghiêng ngả bên bàn, ngồi chống tay vào cằm, thỉnh thoảng gân cổ lên giọng hát nghêu ngao, méo mó... ngoài bờ đê một cô gái giang hồ bước thất thểu, nét mặt bơ phờ, áo quần tiêu tụy, dầm dãi, ngày về với căn nhà chật hẹp trong ngõ phố lầy bùn.

Mùa nước lên, sông Hồng rộng mênh mông, bát ngát. Sóng cồn lóp lóp đuổi nhau cuốn băng băng những bọt bèo, rác rưởi, củi mục, xác súc vật trôi lênh bênh. Những nền nhà ngập nước phù sa ngấm đỏ quanh tường. Những cánh buồm nâu to lừng lững lướt qua cửa sổ nhà tôi. Đôi khi một chiếc thuyền nan xoay tròn cuỗi chồm trên sóng lũ với đôi vợ chồng cứng tay chèo, lái. những sóng nức sâu như trong mắt tử thần khiến tôi nhớ đến truyện ngắn: “Anh phải sống...” của nhà văn Nhất Linh nói về thảm họa sóng lũ lật úp con thuyền của đôi vợ chồng nghèo vớt củi trôi. người vợ đuối sức không muốn cả hai vợ chồng cùng chết, bỏ lại lũ con thơ. Trước khi buông tay lìa khỏi người chồng, người vợ đã thốt lời trăng trối...

Phải chăng những thiên phóng sự sống động như: “Tôi kéo xe” của Tam Lang: “Những đứa trẻ”... của Trọng Lang và truyện ngắn “Gió đầu mùa” của Thạch Lam đã được thai nghén từ cuộc sống của những người dân nghèo khổ xưa ở phố bờ sông này trong những thập kỷ qua?

Những năm tháng chiến tranh, Hà Nội thành tọa độ lửa phòng không thiêu đốt giặc lái Mỹ, phố bờ sông nhộn nhịp với bến phà Chương Dương, bập bênh cầu phao bắc bằng tre nứa đóng bè và thùng phuy xăng ghép lại. Xe người chen chúc, hối hả, vội vã theo cầu, phà qua sông. Thỉnh thoảng hội còi báo động đột ngột rú lên. Đạn trung, cao xạ pháo, tên lửa nổ rền vang náo động khí thế của quân dân ta quyết tâm đánh giặc bảo vệ bầu trời, mặt đất thủ đô.

Những người dân phố bờ sông tiễn đưa từng tốp con, em nhập

ngủ đi chiến trường xa với nét mặt hân hoan và lời dặn dò tha thiết động viên.

Những con, em ra đi đánh Mỹ, gửi về trong thư nỗi nhớ phố bờ sông đêm đêm lấp lánh ánh đèn như sao sa. Trong giấc ngủ chen vào nỗi nhớ tiếng còi tàu hỏa rầm rập chạy qua cầu Long Biên rung chuyển.

Sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, Hà Nội sôi động náo nức bung ra hàng hóa tràn ngập phố, hè, nhà cửa chen chúc xây thêm. Kinh tế phát triển, theo cơ chế thị trường đổi mới phố bờ sông đã khởi sắc đổi đời. Hai tầng đẹp đẽ, Khang trang quét sơn, vôi sáng sửa thay thế cho những ngôi nhà lụp sụp ảm thấp trước đây. Cửa hàng ăn, quán cơm bụi, quán nước, quán giải khát nối tiếp nhau. Cửa hàng bán gỗ phiến gỗ tấm. Xí nghiệp sản xuất gỗ xoèn xoẹt tiếng máy cưa, xẻ gỗ rộn rã. Cửa hàng bán vật liệu xây dựng như: gạch men, hoa sắt tròn các loại, cửa gỗ, cửa sắt. Có nơi bến bãi cho những người hợp tác kinh doanh bán gạch, vôi tôi, cát sỏi chất từng đống. Vật liệu trong xây dựng có xe ô tô vận tải thuận tiện, nhanh chóng thay thế cho sức người vận chuyển bằng bè mảng theo đường sông từ ngược về xuôi trước đây, nên không còn cảnh khênh gỗ, vác nứa lam lũ, nặng nhọc ở bến sông.

Cầu Chương Dương bê thế vững chắc thành tuyến đường thiết yếu qua sông Hồng cho các loại xe ô tô, xe máy đông đúc, tấp nập, rộn rã ngày đêm vận chuyển hàng hóa đi, về với Hà Nội và phố bờ sông.

Do sinh hoạt chuyển đổi từ lao động chân tay sang mở hàng quán kinh doanh buôn bán kiếm sống, con người ở phía bờ sông đã thay da đổi thịt, tươi mới áo quần, phần lớn các nhà đều có tivi, cát-sét.

Những người có nhà ở góc phố gần gậm cầu và chợ Long Biên kiếm sống bằng phương tiện đón những chuyến xe buýt, xe ca từ Gia Lâm, Hải Hưng, Bắc Ninh chở gà, vịt, ngan, ngỗng, chó, chim, tôm, cá hoặc quả chín bốn mùa để mua buôn trao tay, đem vào phố, chợ bán. Có gia đình có lò mổ trong nhà, thường xuyên vận chuyển thịt lợn đến giao cho các cửa hàng bán lẻ trong phố!

Phố bờ sông quê tôi đứng bên sông gió nhưng cuộc sống của người dân ở phố tôi không còn bỗng bẽnh, chao đảo như những con thuyền mỏng manh trên sóng lũ năm xưa.

Phố bờ sông, cái phố gần bó, đan xen với bao kỷ niệm của đời tôi. Cái phố có một quá vãng đầy mặc cảm và xúc động. Hồi tưởng lại quá khứ, lòng tôi cũng gần gũi mến yêu những người dân phố bờ sông đang sinh động đổi mới từng ngày với sớm chiều náo nhiệt trồn rộn xe, người qua lại, mua, bán, hỏi chào. Những đêm trăng vào lấp lánh đầy sông, gió đưa tiếng hát, tiếng cười khúc khích từ một mũi thuyền ngoài sông xa vắng lặng, làm tiêu tan nổi một nhọc của thể xác và tâm hồn tôi sau một ngày miệt mài lao động. Phố bờ sông, cái phố của tâm tình tôi trần trở, bồi hồi mỗi khi đi xa, về gần.

MÀU XANH BỜ BÃI CỦA ĐẤT HOA ĐÀO

Vào những tháng cuối năm âm lịch, ngoại thành Hà Nội như đã có nhiều vẻ đẹp báo tin mùa xuân sắp tới cho những ai có dịp đi ra khỏi thành phố. Vành đai phía bắc Hồ Tây (vành đai hiện nay) phô bày tất cả vẻ đẹp của cảnh giao mùa ở các vườn cây từng gia đình và các khu vực trồng trọt của tập thể. Màu rực rỡ nhất gợi một sự vui mừng xôn xao, ấy là màu đỏ ven hồ Quảng Bá. Mùa xuân mong căng tròn trĩu và tỏa nắng ở màu đỏ những cành quất quả sai lúc lỉu, mặc những trận gió bắc vẫn ào ào thổi. Mùa xuân sắp tới rồi. Qua vùng đất trồng quất, lại đến những luống cúc và những luống rau. Hàng viền rau và xà lách xanh non bao quanh những luống thực được, mắc-gơ-rít, chân chim và vi-ô-lét, đồng tiền, là một bức thêu nhiều màu sắc nổi trên nền đất màu sẫm chạy dài suốt từ cuối đường Yên Phụ tới khu vực dinh đảo của xã Nhật Tân. Nếu đi từ Láng, quê rau, vòng qua Ngọc Hà, Hữu Tiệp làng hoa tên tuổi của đất Hà Nội, và dừng lại ở đất Nhật Tân này, ta có thể hình dung được vòng cung vườn hoa và vườn rau lớn ôm quanh phía tây và phía bắc thủ đô chúng ta.

Đến đây, Nhật Tân là đất hoa đào, ta hãy vào thăm những gốc đào đang được hàng ngày chăm sóc để giáp tết sẽ rời vườn mà mang mùa xuân vào từng hộ của Hà Nội. Mà không riêng gì Hà Nội, chúng ta chẳng đã thấy những cành đào của Cống Chéo Hàng Lược còn đi khắp các nơi, hoặc buộc sau xe đạp, xe máy hoặc bung tươi cả một toa xe lửa hay một khoang tàu thủy chiến cuối năm để về những làng quê xa nhất. Cành đào với ngày tết đã thành một nếp thưởng xuân thanh nhã của dân tộc ta từ bao năm nay; mà nghĩ đến cành đào của chợ hoa là người ta liền tưởng ngay tới những gốc đào ở Nhật Tân, nơi có những ruộng trồng đào của hợp tác xã đủ cung cấp cho Hà Nội mỗi dịp tết từ bốn đến năm nghìn cành đào theo kế hoạch của Thành.

Nhưng trước khi rẽ xuống cái dốc gạch, bắt đầu đi từ thôn Tây tới thôn Đông, thôn Bắc và thôn Nam để thăm những gốc đào của tổ trồng đào và của riêng từng hộ ở mảnh đất vườn gia đình, chúng ta hãy đi thăm bãi rau bát ngát của Nhật Tân ở ven sông Hồng. Người Nhật Tân rất thích thú khoe với khách tới thăm quê mình:

Trong đê khoe thăm sắc đào

Ngoài đê bắt cải su hào phô xanh.

Đúng như thế. Những người chủ của đất trồng đào có tiếng ấy lại còn là những người đang trải một màu xanh ngon mắt lên ngót trăm rưỡi mẫu đất bãi phù sa sông Hồng. Đất trồng rau của hợp tác xã Nhật Tân chủ yếu là ở đây, và mỗi năm, nghĩa vụ của họ là để đáp ứng cái nhu cầu thưởng xuân của nhân dân thành phố và còn phải cân cho công ty rau quả 1500 tấn rau xanh phụ thêm 10 tấn đậu xanh và đậu đen (cho chiếc bánh chưng ngày tết và cho cốc chè đậu đen đá những ngày hè). Tất cả những thức rau đậu ấy cứ trải bạt ngàn một màu xanh phủ kín

bãi bồi Nhật Tân từ chân đê đến bờ cát lợi nước. Tất cả đều là sản phẩm của lao động xã viên và của cái dải đất phù sa màu mỡ mà thiên nhiên đã dành cho con người. Bờ bãi ven sông bao giờ như cũng gọi cho người ta những ý tình bát ngát. Bên ngoài cái vùng rau trái dài là dòng sông nhìn chỉ thấy ánh nước lấp lánh như một dải áo dài bằng pha lê. Bên kia sông là con đê chạy dài tít tắp, có cái điểm canh nổi bật lên một điểm tường vôi trắng. Xa xa phía trên kia là công trường cầu Thăng Long, xe tải nối đuôi nhau chạy âm ỉ suốt ngày. Vào những ngày cuối năm có gió mùa rét muốt này, cảnh lại càng thêm xa xôi sau màn mưa bụi. Nhưng ở đồng bãi Nhật Tân thì lại nhộn nhịp, trái hẳn với cảnh xa xôi lặng lẽ kia: nơi phun nước bằng máy cho những luống rau, nơi thì đang phun xuyn-phát đồng để bảo vệ những giàn cà chua chống sương muối; chỗ thì một đội đang đào mương khơi lối cho dòng nước đến được những thửa ruộng xa nhất chỗ đang thu hoạch bắp cải su hào, làm cho công việc lao động đồng bãi có một nhịp điệu tấp nập khác hẳn. Bầy đội lao động rải ra khắp diện tích ngót trăm rưỡi mẫu đất bãi. Không khí làm ăn của đất bãi gợi nhớ đến tập thơ “Thôn ca” của Đoàn Văn Cừ, người thi sĩ của quê hương đồng nội. Bài thơ “Về quê ngoại” có vẽ lên một cảnh đất bãi của khúc sông Hồng chạy qua Nam Định, bài thơ đã từ mấy chục năm nay nhưng cảnh lam làm đông vui của người nông dân đất bãi vẫn như còn ấm áp hơi thở:

Tôi nhớ đi qua những rặng đê

Những dòng sông trắng lượn ven đê

Cồn xanh, bãi tía kẻ liên tiếp

Người xới cà ngô rộn bốn bề.

Người ta mến yêu sao cái cảnh lam lụng đông vui trong cảnh mưa bụi một chập, giêng hai của đất bãi! Cái tàng đất bãi cứ óng

ánh màu nâu như từng tảng mật đặc. cái màu xanh của những ruộng rau thì xanh đủ sắc độ, từ đậm đến nhạt, khiến cánh đồng bãi có vẻ đẹp màu mỡ đang được phô bày. Màu xanh ngả lơ và có ánh bạc hắt lên kia là màu xanh của 20 mẫu bắp cải và su hào muện đang được thu hoạch. Màu xanh đậm kia là màu xanh của 45 mẫu cà chua, có cà chua ta giống cà múi chắc nịch. có cà chua Liên Xô, quả tròn và da căng mọng, có cà chua Ba Lan tròn tria như những trái hồng. Bốn mẫu ruối cà tím xen với rau cải và 40 mẫu bí ngô chạy dài một mảng xanh đen. Vui mắt nhất là ba mẫu hoa cải vàng rộ và trắng như màu hoa mai ở cạnh nhau, bên những đầm chứa nước ven đê. Củ cải để giống, hoa một màu trắng, rau cải để giống, hoa một màu vàng. Mỗi cơn gió qua, muôn vàn hoa trắng hoa vàng xôn xao lay động, ngả nghiêng, như có muôn nghìn cánh bướm vàng bướm trắng rập rờn bay đậu. Thảng chập đến, ở những mảng sân vườn của làng quê ta, thường có những bụi cải để giống, hoa vàng và thưa thoáng bên giậu nứa, cạnh bể nước, chum tương. Chút cánh hoa vàng ấy điểm xuyết vào cái màu xanh rau quả của một chạp, càng làm cho màu sắc của thời điểm cuối năm thêm phong phú, và tình cảm quê hương của con người nhiều khi cũng chỉ vì mấy luống hoa cải vàng lơ thơ này mà càng thêm sâu đậm. Ngày nay ta hào hứng ngắm cái cảnh ba bốn mẫu cải vàng cải trắng trên ruộng để giống của hợp tác xã. Hoa cải vàng, hoa cải trắng nổi lên trên màu xanh của rau đất bãi, càng làm cho người ta thấy cái nhịp vội vã quay vòng của đất bãi, chỗ thì đang thu hoạch, hái quả ngắt rau, chỗ thì đang vun luống tĩa cây, làm cỏ, nơi thì đang rộ hoa để gây giống cho mùa sau. Ở bờ bãi sông Hồng phía bắc Hồ Tây của Hà Nội chúng ta là cả một bài thơ về sự lam làm chăm chỉ của con người và về độ lượng màu mỡ của đất.

Ta lại đi qua đê, xuống cái dốc gạch thôn Tây của hợp tác xã

Nhật Tân để đi thăm những gốc đào nay mai sẽ về họp với chợ Hoa ngày Tết của thủ đô. Cái cảnh quen thuộc hàng năm là cứ độ 20 tháng chạp đổ về Tết, trên con đường từ Nhật Tân đến cửa ô Yên Phụ, lúc nào cũng có những cành đào đang đi vào Hà Nội. Ruộng đào của đội trồng đào hợp tác xã Nhật Tân ở ngay bên boong-ke mà giặc Pháp đã xây hồi chiếm đóng, và cũng là một sự tình cờ, ụ tên lửa và trận địa pháo của ta thời gian đánh Mỹ cũng bố trí ở sát ngay gốc đào. Màu xám xỉn và hình thù quái gở của chiếc boong-ke lại càng tôn vẻ đẹp của những cành đào mỗi tiết xuân đến. Nhiều người bạn nước ngoài đã tới đây thăm vườn đào và đều cảm động mà quý trọng cái tinh thần lạc quan trong chiến đấu của dân tộc ta. Dọc đường từ Xuân La đến dốc Phú Xá là những gốc đào san sát, cành tua lên đan những nét khỏe mạnh trên nền ánh nước bạc của hồ Tây. Cái cảnh quen mắt là mỗi sân nhà đều có ít nhất ba bốn chục gốc đào. Những vườn đào riêng trên đất năm phần trăm của mỗi hộ, mỗi vườn một kiểu, nằm ngay dọc đường cái gạch. Ngõ làng đều lát gạch từ ngày xưa (gạch nộ treo, theo lệ làng cũ, mỗi khi một cô gái trong làng đi lấy chồng). Đứng trên đê sông Hồng nhìn xuống, suốt mấy xóm Đông Tây Nam Bắc của Nhật Tân, bạn sẽ thấy một quang cảnh vui mắt: nhà mái ngói mới màu hồng tươi, mái cũ màu nâu sẫm, và những khoang tường vôi trắng lớp bên những vườn đào. Đào là cây chủ nhân ở từng luống đất, nhưng dưới gốc là hoa cúc, là quất, là su hào, hoa lơ xen kẽ để tận dụng đất. Cứ vài bước ta lại gặp một cây hồng xiêm rất sai quả. Muốn xem một cảnh vườn riêng biệt tận dụng đất để nở hoa kết quả, không gì bằng lên xem hoa đào ở Nhật Tân những ngày cuối năm âm lịch. Chiều mùa đông điện ở từng nhà bật sớm, hắt ánh sáng ra những cây nhận lai hồng đỏ rực và làm cho những cành hoa mạn đã trắng lại càng trắng.

Ở đất nước ta, mỗi thôn nhỏ cũng đều mang một lịch sử chiến đấu. Mỗi mái nhà, nếu dừng lại, vào thăm hỏi, cũng có thể ghi được ít dòng sự tích. Xã hoa đào này, những ngày giặc Pháp đánh ra ngoại thành đã đốt trụi, phá trụi chỉ còn sót lại hơn hai chục nóc nhà năm 1946. Nhân dân trong xã bị kẹp vào 4 boong-ke và 2 bốt hương dưng. Một trong 4 chiếc boong-ke này nằm ở ngay khu vực vườn đào của hợp tác xã ngày nay. Căn nhà ngói ba gian gạch gỗ như còn mới này là nhà cụ Đỗ Văn Phúc. Vườn đào của cụ đã qua đủ mọi khâu chăm sóc cần thiết như bấm ngọn, nuôi tán, tiện khoanh. Cụ đã tính ngày lập xuân để xem Tết này lập xuân trùng lịch vào ngày trong năm hay ngoài năm mà tính số ngày tuốt lá, hãm hoa cho nở đúng vào những giờ đầu năm. Những gốc hồng xiêm của cụ, với cành nào cũng ngắt được từng chùm quả. Một cảnh vườn đẹp và hứa hẹn thu nhập, một mái nhà ấm cúng, khang trang như nhiều mái nhà xinh gọn trong thôn. Nhưng chính ở mảnh đất này, ngày 13 tháng 3 năm 1966 - nơi cách đây gần hai chục năm, giặc Mỹ, sau trận ném bom Đức Giang đã gây tội ác ở Nhật Tân, Phú Xá làm chết nhiều người và sập đổ hơn 10 nóc nhà. Trong số nhà bị sập ấy, có ba gian nhà gạch của cụ Đỗ Văn Phúc. Huyện Từ Liêm bàn cách cứu giúp ngay những gia đình bị nạn. Các xã thi đua với nhau, mỗi xã làm nhiệm vụ giúp đỡ một gia đình. Cụ Phúc, nhà bị tan nát không còn chỗ ở, cháu gái bị chết bom, ba người con trai lại đang ở trong quân ngũ, chủ hộ bị thương gãy chân, nên được ngay xã Quảng An mang đủ vật liệu tới làm cấp tốc cho cụ ba gian nhà mới, đúng như kiểu nhà cũ của gia đình trước lúc bị đánh phá, chủ hộ chỉ việc dọn đến mà ở. Đó cái nhà hiện nay của cụ Phúc ở thôn Tây xã Nhật Tân, căn nhà ngói ba gian khang trang, có vườn hoa và hồng xiêm trĩu quả. Trong chiến tranh chống Mỹ, Nhật Tân còn phải chịu đựng những trận địch bắn

tên lửa tầm xa là chuyện cứ vài ngày lại xảy ra. Chị Thông, người giáo viên mẫu giáo, lúc bị mảnh tên lửa tầm xa xuyên qua thái dương, chết còn ở tư thế hai tay ôm hai cháu học sinh trong hầm trú ẩn. chị Thông được truy tặng liệt sĩ trong những ngày chiến tranh chống Mỹ ấy.

Chị Bla-ga Đì-mi-tơ-rô-va, một nữ văn sĩ Bun-ga-ri nhiều lần sang thăm Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ đã dành mấy trang trong cuốn tiểu thuyết du ký *Ngày phán xử cuối cùng* để ghi lại những nét xúc động về Nhật Tân trong lửa đạn. Ngày cầm thù đáng ghi nhớ ấy là ngày 13-8-1966:

“Làng Nhật Tân chỉ cách Hà Nội có 7 cây số. Năm ngoái tôi đã được đưa đến ngay sau cuộc ném bom đã biến làng này thành một khu đất giống như nơi người ta đang khai quật để tìm những di vật thời tiền sử.

Ngày 13-8-1966, vào lúc 12 giờ trưa, khi mọi gia đình đang ăn cơm dưới những mái nhà gianh, bom bỗng rơi xuống từ trên bầu trời không gợn một bóng mây. Nhiều gia đình bị giết cả một lúc ngay đang khi ăn, họ không kịp đứng dậy ra hầm nữa. Những người già cả trong làng đều bị chết cả. Trên mặt đất không còn một ngôi nhà nào.

Ở đây tôi đã thấy một đoàn người, rất đông, tất cả đều cầm cuốc, xẻng. Họ là những người dân từ 27 làng lân cận, kéo đến để san bằng các hố bom. Tính ra các làng chung quanh đã góp hơn một vạn ngày công để giúp đồng bào Nhật Tân dựng lại nhà cửa. Sự giúp đỡ ở đây, không phải là lời nói mà là bằng xẻng cuốc. Họ mang đến đây cả những gốc chuối non để trồng lại trên những đồng tro tàn...

Vào cái ngày đáng ghi nhớ ấy, một số người đi làm đồng về muộn, họ cố làm thêm nữa để phục vụ đất nước mình. Nhờ tình

thần trách nhiệm ấy mà họ may mắn thoát trận bom kia. Khi bom vừa rơi xuống, họ vội vã lao về phía làng, nhưng đã muộn mất rồi! Bố mẹ họ, những đứa con của họ, nhà cửa súc vật tất cả đã nằm sóng xoài trên mặt đất.

Một người phụ nữ nhỏ nhắn, vẻ mặt hắt hiu như một ngọn nến sắp tắt, bước lại gần bên tôi. Đó là chị Lê Thị Hương, 24 tuổi. Chị kể lại chuyện bi thảm ghê gớm của đời mình bằng một giọng dường như bình thản, khô khốc:

Gia đình tôi có 6 người. chồng tôi ở bộ đội. Sáng ngày 13, tôi đi hái dâu. Giữa buổi, tôi tạt về nhà cho con bú rồi lại quảy quang gánh ra ruộng dâu. Khi tôi hái đầy cả hai thúng, tôi bỗng nghe thấy tiếng nổ đến choáng tai. Tôi lao về nhà. Chỉ nhìn thấy khói, không nhìn thấy một ai. Chiếc nôi mắc trên cây.

Trong chiếc nôi có một vật gì nho nhỏ cháy đen thui. Đó là con tôi! (Trang 205. *Ngày phán xử cuối cùng*).

ĐI QUA BỐN MÙA...

Một hôm nào đấy chợt có tiếng gõ cửa. Nghe mơ hồ, mông lung lắm. Tôi mở tung tất cả những cửa trong nhà. Không có ai. Không mơ và không tỉnh. Tiếng gõ cửa như bật ra từ đâu đó, xa xăm gọi mời, như cõi mộng du.

Đêm, tôi lang thang trên đường. Vẫn những hàng phố thân quen. Phố cũ rích trong mắt nhìn hiện thực nhưng thật ảo huyền khi tôi nhắm mắt trong đêm. Hít một hơi dài, làn khí từ thỉnh không tinh khiết ứa vào làm lạnh toát người. Tôi như được tẩy rửa phần hồn. Tiếng chuông nhà thờ Hàm Long. 12 giờ đêm đánh lên đông dặc. Thu về cùng không gian yên tĩnh.

Tôi lơ lửng trong đêm. Mình tôi còn lại với những trang giấy trắng tinh. Cảm xúc, nỗi nhớ, tình yêu, nỗi bồn chồn đã lấp đầy mặt giấy. Rút ruột lòng mình bằng những ký ức có thể vô nghĩa. Rút hồn mình bằng hồi ức thiêng liêng.

Không thể nhìn rõ phố cổ trong đêm. Không bao giờ tôi nhìn thấy tôi.

Có thể là vu vơ khi tôi nghĩ về Hà Nội, về đêm. Nhiều lúc tôi

muốn trốn một mình, đi thật xa hoặc loanh quanh phố vắng. Thợ ống nước quanh năm đào bới, làm vữa hè xộc xệch. Những hàng gạch khóc trong đêm. Xích lô chở đông người, ồn ào đi qua phố nhỏ. Khe khẽ tiếng xô chậu ban đêm hứng nước va vào nhau. Hà Nội hào nhoáng với nhiều khách sạn. Hà Nội âm thầm tâm hồn những công dân bé nhỏ. Quay cuồng kiếm sống. Từ sáng đến nửa đêm.

Tôi khóc tự lúc nào không rõ. Có tiếng gọi ở đâu vắng vắng xa, gần. Chẳng phải tiếng gọi của phố xá, bạn bè. Từ hư vô đấy là tiếng gọi tình yêu cuộc sống. Vì thế tôi nhẫn nại, tôi dò tìm từng con chữ, tra cứu ra mình. Tôi hiểu mình không là gì cả và tôi hiểu dần những giá trị nào làm nên sự bất tử. Ai hiểu được tiếng nói của xung quanh người ấy không vô vọng bao giờ.

Đi qua lòng tôi – niềm vui và nỗi buồn. Đi qua đời tôi – bốn mùa trong sáng, ảm đạm, hồi sinh. Tôi nhận chìm trong dòng chảy thời gian, không gian với những yêu thương, sở thích cảm hứng.

Đêm không trăng, Hà Nội tối đen như mực. Không gian cô đặc lại nhưng vẫn đầy âm thanh.

Tôi vừa đi vừa ngoái lại bàng hoàng, ngất ngây ở vẻ dịu êm phố đêm Hà Nội. Thích làm một chén rượu góc phố, một mình để nghe gió về lay thức cây ven đường.

Những con chữ bò ra chậm chạp, bởi bao nhiêu ngôn từ cho đủ nói về Hà Nội.

Rồi có ngày tôi ngấm ngội. Rằng, đi qua bốn mùa không hẳn là thiên nhiên. Đi qua bốn mùa là những chuỗi ngày vui, buồn, sướng khổ. Là những ngày lê thê kiếm sống đủ mọi kiểu từ sáng đến 12 giờ đêm. Là những ngày vô vị, hoài công, mất sức. Cuộc đời là chuỗi gian truân vô tận để hiếm hoi có được nụ cười. Thường đêm, ngả mình vẫn còn lo âu, trần trọc sinh kế cho ngày mai.

Đi qua bốn mùa, bàn tay lúc đầy, lúc mỏng, đôi khi hằn xanh những đường gân. Cặp mắt khi mờ, khi tỏ. Tình yêu hết giận đến thương.

Đi qua bốn mùa để mỗi lần hết một mùa ngoái đầu nhìn lại. Tuổi trẻ ăm ắp quỹ thời gian. Người già hay nhìn xuống đáy lòng mình, đôi khi thấy ánh sáng của thời gian lọt vào qua vài khe hở nhỏ.

Phố chúng bước chân mỗi khi về đêm. Qua những ngày mưa phùn ướt át đến những ngày bụi, nóng kinh người.

Đi qua bốn mùa là sự đổi thay của con người, phố xá. Hàng xóm lúc thì yêu thương, khi ghen ghét đố kỵ. Thế rồi tất cả đầu lại vào đây, ổn thỏa. Con người tự làm mình khổ, dày vò bằng những cơn điên bất thường, vô cớ.

Đi cùng với tôi có một con người, là bóng, là hình, là hư ảo, diêm dā vượt qua mọi gian truân. Đôi khi con người ấy dặt tay tôi vượt qua mọi phiên muộn ban ngày và đêm về trò chuyện cùng tôi.

Dần dà tôi hiểu người ấy chính là nửa còn lại của tôi, là tiếng gọi tình yêu cuộc sống. Tôi cứ loanh quanh đi mãi trên những vỉa hè đến một lúc tôi nghe được tiếng nói của mỗi con đường, hàng cây, bốn mùa.

Cùng một không gian Hà Nội phố khi thì hiện thực, lúc lại đầy ắp sắc màu ẩn tượng. Đêm Hà Nội ảo huyền siêu thực những bóng cây và trầu tượng trắng mái phố. Chẳng phải ngẫu nhiên Hà Nội vĩnh cửu trong tranh nhiều họa sĩ. Hà Nội không xa mà không gần trong cảm giác lúc dễ, lúc khó khi nắm bắt con người và phong cảnh ở đây, ở mắt nhìn người nghệ sĩ. Bởi Hà Nội tập trung người bốn phương trời, đan xen nhiều giọng nói, nét cũ, và cuộc sống mới hòa quyện lẫn nhau.

Đi qua bốn mùa, ấn tượng những hàng cây trĩu lá. Khói hương thanh tịnh đình chùa. Những quán cà phê rì rầm ven hồ. Những ánh mắt đêm sâu hy vọng, đợi chờ. Bàn chân gắn chặt dưới đất, không gian Hà Nội bay lên. Tôi nghe rõ tiếng gọi đêm đó, xa xăm, thức tỉnh rủ rê tôi hành trình vào chốn ồn ào, nơi tĩnh lặng, vào tầng không gian suy tưởng mà nhờ đó tôi và nhiều bạn bè nó trôi sống thiếu thốn về nhu cầu nhưng đầy đủ về cảm xúc. Đi qua bốn mùa chính là đi qua sướng, vui, khổ đau, vì thế cuộc đời mới đáng sống.

HỒ DZẾNH

CON NGỰA TRẮNG CỦA BA TÔI

Truyện ngắn

Ba tôi lúc mới đặt chân lên đất nước này thì vốn liếng không ngoài mấy đồng bạc. Cũng được đúc theo khuôn khổ kiên nhẫn và cần kiệm như bao nhiêu bạn đồng hương khác, ba tôi hơn họ ở chỗ sớm biết tìm học chữ Pháp.

Tôi biết không được tường tận lắm về sức học của ba tôi, bởi tôi sinh ra quá chậm và khi cái tuổi lên mười bắt đầu mở hai con mắt ngờ ngạc nhiên của tôi ra xung quanh, thì ba tôi mất. Ba tôi bị bệnh đau xương trong một khu rừng ở Thanh Hóa, sau nhiều năm trời lăn lộn, gian nan và mất đi, một buổi sáng, lúc tôi còn bập bõm một đoạn dây thả diều. Tôi nhận cái hung tin ấy với một tấm lòng bình tĩnh vô hạn, vì tôi chưa từng được chứng kiến một cuộc ly tán nào xảy ra trong gia đình tôi, từ ngày tôi cất tiếng khóc chào đời.

Hôm ấy, người vú già bảo tôi:

- Ông “già” rồi cậu ạ.

Tôi không hiểu nên đáp trơn tru:

- Không già mà lại có râu!

- Không, già là mất, là chết kia.

Tôi vẫn nhìn vú, bình thản:

- Thế mất thì phải làm thế nào u?

- Cậu phải chít khăn trắng, phải chống gậy, phải khóc nữa.

Tôi không hiểu làm sao lại có thể khóc được. Khóc được với tôi, chỉ có khi nào bị đánh. Tôi lo lắng tìm cách để khóc, khóc cho nhiều như mẹ tôi trong những ngày giỗ chẳng hạn. Tôi đem duyên cớ nỗi lo lắng nói với một người bạn nhỏ, thì hấn bảo rằng thế nào tôi cũng khóc được, vì “ngày xưa” hấn cũng đã khóc được một lần như thế rồi. Chúng tôi đem chuyện đám ma ra bàn với nhau, cuối cùng, cả hai đều thấy có những ý nghĩ vui vui. Nó nghĩ đến khi được mặc áo mới, chít khăn mới, còn tôi nghĩ đến những bữa cỗ bày ra để mời mọc xóm giềng.

Hồi ấy, chúng tôi chưa sống “văn minh” như bây giờ, để có được một tám lòng tám chín tuổi đã biết suy nghĩ hay thao thức. Chúng tôi sống bình yên với cảnh đời thay đổi, chưa từng để ý đến những cảm xúc băng khuâng gợi lên bởi một mảnh ao hay một tấm lá. Cái vui của chúng tôi là cái vui của con điều no gió và cái nhớ viễn vông chỉ có thể hơi làm buồn được những lúc vắng nhà.

Vậy, tôi đã đợi ngày rước linh cữu ba tôi về - ba tôi mất ở trong nhà thương - với những ý nghĩ hoàn toàn ngây dại như trên.

Tôi chỉ nhớ rõ một buổi sáng năm ấy, nhưng không biết về mùa nào, mới sáng tinh sương, tôi đã bị đập dậy bởi những tiếng kêu hoảng hốt của người vú già:

- Cậu! Cậu dậy mau! Về đến nơi rồi!

Đoạn vú công tôi một mạch chạy ra cổng làng. Khi chúng tôi đến nơi thì đã thấy hiện ra một đám người trắng lơ lửng. Ảnh ba tôi được phủ lụa điều, được bốn người khiêng lên như kiệu, và theo sau cái bài vị sơn đỏ, mẹ tôi và anh tôi đi đếm từng bước. Tiếng khóc mà tôi lo lắng từ mấy ngày nay làm sao cho có, thì lúc này tự nhiên bật ra, khi tôi thấy có gì không còn nữa trong cái gì đang còn trước mắt tôi.

Đó là những tiếng khóc đầu tiên tôi biết, tiếng khóc sau này khi tất đi, còn vẳng lại một điệu thở dài chua xót trên ngày tháng bơ vơ của tôi. Mẹ tôi thấy tôi thì bù lu, bù loa lên, bế xốc lấy tôi, và đôi lúc đứng lại để xịt mũi hay lau nước mắt.

Tôi nhận thấy mấy cây cột nhà đứng bơ vơ hơn trước, bóng tối mau chiếm lấy sân và lòng tôi hay nhớ thương, ngao ngán.

Trong hơi lạnh lẽo bốc lên trước lúc gà vịt nhảy chuồng, bốn ngọn nến cùng nháy mắt trên chiếc bàn thờ mới dựng, thay chỗ cho nơi kê bàn đèn thuốc phiện ngày xưa. Tôi bắt đầu sợ bóng tối, rùng mình tưởng rằng ở đâu đây vẫn còn rề rề những tiếng dục tấu kéo ngày xưa.

Một tình thương mất đi, vừa khơi lũng xuống tháng ngày tôi sống.

*

* *

Như trên kia tôi đã nói, tôi biết ba tôi quá chậm. Bảy năm một, ba anh em chúng tôi thi nhau ra đời, tài trí và tính tình khác nhau xa quá. Khi tôi bập bẹ biết nói thì anh cả tôi đã trưởng thành, và anh hai tôi cũng bắt đầu giặt sợi dây điều xuống cùng với cái tuổi bay lượn của anh để vào trường. Tôi lớn lên giữa sự chiều chuộng nung niu của một gia đình có thể kể vào bậc khá.

Thoạt đầu ba tôi làm thông ngôn cho một viên chức nhà đoan, rồi sau xoay ra lập một ty muối. Dần dần, vì công việc phát đạt, ba tôi góp phần cổ đông buôn gỗ. Những cuộc kinh doanh hồi ấy, tóe ra tiền, nảy ra bạc, nhờ có cái thời mà mọi người chưa bị ngạt hơi vì sinh kế như bây giờ.

Tôi không hiểu rằng ba tôi đã học chữ Pháp với ai, bằng cách nào, vì một người chưa nói sõi tiếng Việt Nam đã “thạo” cái tiếng ngoại quốc ấy, kể cũng kỳ!

Đó là một sự hân hạnh lớn lao cho nhà tôi. Công nghiệp của ba tôi xưa, thường được mẹ tôi kính cẩn thuật lại, có khi đang thuật, người đưa mắt nhìn lên bàn thờ ba tôi... Ngày nhỏ, mỗi lần chạy chơi đâu về tôi thường mò lên gác, nằm yên lặng bên cạnh khay đèn, mũi hít từng hơi dài làn khói xanh thơm phưng phức, như khi chạy ra đường cái đón lấy cái mùi “ét-xăng” dễ chịu tỏa lại sau chiếc ô tô. Tôi tò mò đưa mắt ngắm mấy quyển sách chữ Pháp đặt cạnh đấy, mà ba tôi ít khi rời ra.

Ngoài cái sung sướng, hãnh diện có một người cha khác thường, thỉnh thoảng một vài cái xe ngựa đỗ lại ngoài cổng, đem đến nhà tôi những người ngoại quốc, lại làm tôi nghĩ ngợi về cái gia thế hẳn không phải là tầm thường của chúng tôi. Tôi thấy ba tôi nói chuyện với họ một cách dễ dãi quá. Người luôn luôn gật đầu, mỉm cười, khiến tôi nghĩ đến sự dồi dào chữ nghĩa ở bên trong khối óc hẳn phải rộng mênh mang! Thường thường những buổi đàm luận rất thân mật kia đều được kết thúc bởi một bữa tiệc có bánh bích quỳ và rượu sâm banh.

Tôi thường hỏi anh tôi:

- Ba học ở đâu mà giỏi thế anh?

Anh tôi vênh mặt lên:

- Mày tưởng ba vừa chắc? Ba giỏi gấp trăm tao kia!

Chắc chắn là ba tôi phải giỏi, không còn ngờ gì nữa. Ba tôi có thể vào làng Tây được rồi. Nhưng tôi còn muốn biết thêm nữa, tôi muốn biết về mấy quyển sách đẹp đẽ mà ba tôi hay đặt lên ngực, khi mắt người lim dim, môi người mấp máy!

Nghe tôi hỏi thêm, anh tôi gất với một vẻ tự phụ:

- “Lăng-ga făng-xe, đích-xon-ne”, hỏi mãi!

Nhưng những điều dẫn giải ấy không gạch được vào óc tôi một nét sáng gì cả. Tôi đành phục ba tôi vậy. Cái con người kỳ lạ ấy là cả một sự khó hiểu với tôi, khó hiểu như cái ngôn ngữ xa lạ kia không biết nhờ ở một phép bí truyền gì, lại có thể kết được ý nghĩ trên đôi môi chỉ quen mấp máy thứ tiếng phương Đông.

Sau này, đem chuyện ba tôi ra khoe với các bạn cùng lớp, tôi bị họ chế giễu:

- Ba mày có nói tiếng Tây... giả cây!

Mặc dầu, tôi vẫn tin ở tài trí của ba tôi, vì hàng ngày những bạn ngoại quốc vẫn đến, vẫn vui vẻ nói chuyện và vẫn vui vẻ ra về.

Hai năm sau đấy, một chuyện phi thường vụt xảy ra trong gia đình tôi: anh hai tôi đậu bằng Cơ-thủy Pháp-Việt. Đậu được cái bằng Cơ-thủy, vào hồi ấy, người ta có thể được bổ dụng ngay rồi. Anh tôi về nhà, tay xun xoe đốt một bánh pháo tếp, đá vào đít tôi một cái, rồi chạy tọt lên gác báo tin mừng cho ba tôi. Thực là long trọng! Mấy người ngoại quốc ngồi cạnh đấy rồi rít xoa đầu anh, xì xỏ nói những gì làm anh đỏ mặt. Tự nhiên tôi cảm thấy hổ thẹn, ghen tỵ, khi tôi thấy anh sung sướng chạy nhảy khắp nhà.

Tôi bảo anh tôi:

- Anh cũng không giỏi bằng ba đâu. Ba sắp mua cho em cái xe đạp ba bánh kia!

Anh tôi quay lại:

- Ừ thì mày có xe đạp ba bánh. Tao có tiền đây này.

Đoạn anh dần lên nền gạch cho tôi nghe tiếng kêu coong coong của đồng bạc mới long lanh. Tức quá, tôi chạy lại bên ba tôi, khóc tím tím:

- Bắt đền ba đấy. Ba không cho con tiền, ba cho anh hai.

Ba tôi bế tôi vào lòng, rồi móc túi cho mấy đồng hào con mới tinh.

Thuở nhỏ, tôi chỉ được sống mấy năm sung sướng. Cái cơ nghiệp của ba tôi, những người nối tiếp là mẹ tôi và dì ghẻ tôi không giữ vững nổi. Chúng tôi sớm bị đuổi ra khỏi cuộc đời sung túc.

Trong tất cả những kỷ niệm ba tôi để lại, cái làm tôi nhớ nhất và tôi không hiểu tại sao lại nhớ đến thế, là con ngựa kim hoa trắng của ba tôi.

Những buổi trưa hè oi ả, một nhọc mang ba tôi từ những cánh rừng xa về, nó vui mừng hí lên khi nhận thấy cái mái nhà thân thiết trên đấy đậu mấy con chim bồ câu. Chân nó đạp lên những lối đi quen biết, mồm nó ngoạm những cây cỏ ngon lành... Tôi chạy ra đón ba tôi và thường thường người giao cương cho tôi cột nó lại. Dưới cánh những con muỗi bay vo ve, nắng hoa xôn xao, da nó động đậy, mồ mướt trong một vẻ đẹp đẽ, oai nghiêm riêng. Rồi những buổi trưa không còn có trong đời tôi nữa, tôi theo người nhà dắt nó đi tắm, đánh nó bơi qua sông. Tôi sung sướng cười vang trên mặt nước lóa nắng, cuỗi trên mình con ngựa kim hoa mà tiếng hí quen quen, tôi chắc đã lâu ngày rồi, không còn rên qua cánh đồng ngập cỏ nữa.

Bây giờ tôi chỉ còn lại những trời quạnh vắng, những buổi trưa đột nhiên vọng một tiếng gà gáy lạ lùng. Tôi thoáng thấy

bóng người cưỡi ngựa về sau hàng rào, đi ngược lại thời gian, run run như chỉ đợi một hơi gió mơ hồ là biến mất.

Mẹ tôi bán dần dần nhà cửa, ruộng vườn để trả nợ, và cả con ngựa trắng cũng bị đổi lấy tám mươi đồng. Hôm mẹ tôi định bán nó đi, tôi thấy lòng buồn vô hạn. Tôi không mấy lúc rời cái chuồng nhốt nó ra nữa, lưu luyến như đứa trẻ con bị đuổi khỏi căn nhà cũ, còn tiếc rẻ những chốn ăn nằm, đồ đạc quen thân. Tôi cầm một nắm cỏ đút vào mồm con ngựa trắng, vỗ vào mớ lông bờm trắng toát của nó. Từ ngày ba tôi mất đi, nó gầy gò thiếu não, mắt nó ướt và có ghèn, thỉnh thoảng cất tiếng hí không nhất định, mà tiếng hí mới buồn thảm làm sao!

Hôm người đến mua dẫn nó đi, tôi khóc bảo mẹ tôi:

- Mẹ đừng bán nó cho người ta. Mẹ để cho con.

Mẹ tôi thở dài:

- Nhà còn chả tiếc nữa là ngựa. Không bán đi thì xé xác ra mà trả nợ à?

Con ngựa ấy ngày nay đã chết. Cũng như ba tôi để lại cái danh vọng tàn của những ngày rực rỡ, nó cũng đã từng nổi tiếng một thời về nước kiệu hay.

Anh hai tôi thường trêu tôi:

- Đồ người không nhớ người, lại nhớ ngựa. Rõ dở hơi!

Mà tôi dở hơi thật. Trên đường đời, tôi đã nhiều lần dở hơi như thế, và chắc sẽ phải dở hơi suốt đời...

Ngày nay, mỗi lần đi qua cánh đồng ngập cỏ, tôi vẫn còn phảng phất ngửi thấy mùi ngựa, nghe thấy tiếng ngựa, và hình dung một bộ yên cương vắng chủ, ngơ ngác đâu đây...

NGƯỜI GÓA PHỤ PHỐ SINH TỬ

Truyện ngắn

Vào một đêm mùa đông ở Hà Nội năm 1960, anh Bảy Sơn ghé lại nhà tôi. Vẫn tề chỉnh như mọi khi trong quân phục đại úy gắn phù hiệu quân y ở ve áo, nhưng trông anh đêm nay hơi khác, đầy vẻ phấn chấn và xúc động. Ngồi ghé xuống bên tôi, anh nói khẽ:

– Nè chú, anh đã được điều động về Nam rồi!

Tôi nhìn sững anh, kêu lên:

– Thiệt hả... Trời ơi, vậy là nhất anh rồi!

Hồi ấy, anh em Nam bộ tập kết chúng tôi, ai cũng đều mong mỗi được trở về quê hương tham gia chiến đấu, dù chúng tôi đang sống yên ấm giữa miền Bắc hòa bình và biết rõ quê hương mới vùng lên qua thời đen tối, giờ đây đang bắt đầu chìm trong lửa đạn. Lúc chống Pháp, anh Bảy Sơn là y tá bộ đội. Chúng tôi coi anh như cột ruột, mặc dù không có mối quan hệ ruột rà, vì hồi đó giữa tuổi thanh niên cơ nhỡ tại thành phố Cần Thơ, người

anh lớn của tôi đã dắt dìu, đưa anh vô khu kháng chiến. Má tôi rất thương anh, coi anh như con. Ở bộ đội, mỗi lần về phép, anh đều về nhà má tôi ở Biển Bạch - Tân Bằng phụ tiếp làm rẫy. Do hồi nhỏ ít được học, ra Bắc anh xin đơn vị đi học bổ túc văn hóa, rồi vào học trường đại học Quân y. Giờ đây mới tốt nghiệp ra trường chưa đầy một năm, anh được lệnh về Nam. Tôi vừa mừng cho anh vừa nôn nóng cho mình.

Em đang mong được gọi về mà chẳng thấy ở trên dả động gì đến văn nghệ cả. Ở ngoài này viết riết cạn cả đề tài, mà đề tài miền Bắc thì em chỉ dám rờ tới bút ký chớ đâu dám rờ tới truyện... Truyện, tiểu thuyết không chỉ là vấn đề thể loại, đó là vấn đề của máu thịt.

Anh Bảy Sơn dòm tôi cười, lát sau nói:

Bây giờ bộ đội phải về trước. Ở trong mình cuộc chiến đấu đã bắt đầu, ngoài quân nguy, cố vấn Mỹ vào trận ngày càng đông. Lực lượng vũ trang cách mạng tại chỗ của mình trong đó đã hình thành tới cấp tiểu đoàn, trung đoàn, nhưng vũ khí thiếu và trình độ chiến kỹ thuật chưa cao... Nhưng mà em cứ yên tâm, trận đánh này chắc còn lâu, vì Mỹ rất mạnh, mình phải đánh kéo nhằng ra cốt để nó thối chí, để nó yếu đi và mình mạnh lên thì mới mong hạ nó được. Vì vậy anh tin rằng anh em mình trước sau gì rồi phải kéo về hết. Cái binh chủng cầm bút của em thế nào cũng phải vô trận, bởi vì cây bút là cây súng, có khi cây bút còn lợi hại hơn cây súng...

Anh Bảy Sơn lên đường về Nam vào cuối mùa đông năm ấy. Anh ra đi để lại sau lưng một mối tình đẹp, với một người con gái Hà Nội mà tôi chỉ biết tên chớ không biết mặt nhưng lại biết nhà vì có một lần anh Bảy Sơn và tôi đi qua phố Sinh từ, anh đã chỉ số nhà ấy cho tôi. Nhưng trước lúc đi Nam, tự anh Bảy Sơn kết

thúc cuộc tình đó. anh nói với tôi: “Mình đi, con đường phía trước mù mịt lửa đạn, không biết kéo dài bao lâu và sống chết ra sao, để cô ấy chờ đợi e lỡ cả đời, tội nghiệp!”. Trước khi đi, anh đem lại cho tôi một chiếc áo ấm đại cán. Riêng chiếc khăn bông bộ đội hầu như còn mới thì anh gói bọc lại, rồi sau đó đem đi, không biết đem đi đâu.

Quả đúng như lời anh Bảy Sơn nói, hơn một năm sau đến lượt tôi được điều động về Nam. Và tôi cũng có một cuộc tình, nhưng tôi không làm theo phương cách Bảy Sơn, chúng tôi cứ để y như vậy, cứ để tuần tự nhi tiến, chấp nhận mọi rủi ro và thách thức.

Tôi lên đường vào Nam giữa năm 1962, trong mùa mưa lũ Trường Sơn. Về đến cơ quan Hội Văn nghệ Giải phóng ở chiến khu Đông Nam Bộ, ít tháng sau tôi theo đường giao liên đi xuống Tây Nam Bộ, qua Cần Thơ, Rạch Giá, Cà Mau. Tôi cắm chốt tại Ban Tuyên huấn Khu Tây Nam Bộ, rồi đi thực tế các nơi. Đi đâu tôi cũng hỏi thăm dò tìm anh Bảy Sơn mà dò không ra. Hỏi tên Bảy Sơn - bác sĩ quân y chẳng ai biết cả. Nhưng khi tôi tả kỹ hình dạng thì anh em bảo vậy chắc Bảy Sơn chính là Bảy Nam. Thì ra anh đã đổi tên Bảy Sơn thành Bảy Nam, và bây giờ anh đang làm hiệu trưởng một trường quân y chuyên đào tạo y tá cho các đơn vị. Cái trường của anh đóng tốt dưới Sào Lưới giáp biển Hòn Đá Bạc thuộc xã Khánh Bình Tây - Cà Mau. Khi đó là gần cuối năm 1963. Sau khi đi nhiều nơi, lấy được nhiều đề tài và chất liệu, tôi ghé chỗ anh em Văn nghệ Cà Mau đóng ở Giáp Nước rồi tính mượn xuống, từ từ chèo về miệt Sào Lưới. Muốn đi tới đó, tôi phải từ Giáp Nước ra đăm Bà Tường tới xáng Thọ Mai, qua sông Đuốc... Anh em Văn nghệ Cà Mau cản tôi, nói đi vậy không an toàn, để rồi bố trí người đưa tôi đi, các anh bảo tuy cả vùng này đều là vùng giải phóng nhưng địch có thể đánh từ trên

không, sợ khi qua đầm Bà Tường mệnh mông thế đó rủi bị trực thăng rà siết bắn tĩa rồi sao? Tôi bảo không sao, tôi sẽ chèo qua đầm ban đêm. Thực ra tôi muốn một mình rong ruổi tự do, vả lại đường đất sông rạch ấy tôi quá rành hồi chống Pháp. Thế là tôi một mình một xuồng theo rạch Giáp Nước ra đầm Bà Tường. Đợi đêm vừa xuống, tôi chèo băng qua đầm ruộng, vừa đẩy mái chèo lòng vừa bồi hồi nhớ lại hồi chống Pháp mình đã nhiều lần đi qua đầm này, không dè giờ đây có ngày trở lại, đưa mũi xuồng lướt đi trên những ngọn sóng nhấp nhô mà tôi biết ở bên dưới có biết bao linh hồn người chết. Đó là những cán bộ và đồng bào bị sát hại, bị bọn ác ôn đập đầu liệng xuống đầm lúc Mỹ Diệm khùng bố trắng, mở các chiến dịch tố Cộng. Trên mỗi dòng kinh con rạch từ đây đi qua các xóm làng ở phía bên kia sông Đốc, tới đâu tôi cũng nghe cô bác kể chuyện của một thời dẫm máu một thời đau đớn. Là những cán bộ từ miền Bắc trở về mà cô bác thường gọi là “cán bộ mùa thu”, chúng tôi được cô bác hết sức tin yêu. Đi tới đâu khỏi cần phải giới thiệu, cứ nhìn bộ quần áo chúng tôi mặc, chiếc bô-lô chúng tôi mang là cô bác biết ngay. Lại nghe tôi là nhà văn, cô bác bảo tôi phải “chép” lại hết mọi sự. Chưa bao giờ trái tim tôi đau nhức như những ngày ấy.

Mấy hôm sau, vào một chiều mưa tôi chèo xuồng tới đầu một con kinh có tên là “Coi Năm”, thuộc xã Khánh Bình Tây, là nơi sắp đến chỗ anh Bảy Sơn tức Bảy Nam, chỗ có ngôi trường anh đang đào tạo y tá bộ đội. Tôi cho mũi xuồng cặp vào một túp chòi trực ở đầu kênh, trình giấy cho một cô gái trực gác và hỏi có anh Bảy Nam ở đây không? Cô ta hỏi tôi kiếm anh Bảy Nam có chuyện chi. Tôi nói tôi là em của Bảy Nam mới ở ngoài Bắc về, ghé thăm anh. Cô ta liền với quyển sổ, xé đưa tôi một tờ giấy, bảo tôi viết vài câu, nêu rõ danh tánh để cô cho người đem vào. Tôi liền viết “Anh Bảy Nam, em đã về tới, hiện ngồi ngoài trạm thường trực

của anh - Bùi Đức Ái" Cô gái giao mảnh giấy cho một cậu bé. Cậu ta xằng xái xuống xuống, dùng sào chống đi. Tôi đốt một điếu thuốc, ngồi hút và đợi. Mười lăm phút sau, từ phía ngọn kinh, dưới màn mưa lất phất, có một chiếc xuồng ló dạng. Khi xuồng tới gần, tôi nhận ra người chống xuồng chính là anh Bảy Sơn. Anh nhảy lên bờ, ôm chụp lấy tôi, cười ha hả.

– Đó, chú thấy chưa, tôi nói có sai đâu. Bây giờ chú đã về, tha hồ mà đi viết, có biết bao chuyện cho chú viết...

Rồi anh nói:

– Vậy là chú về sau tôi một năm chớ mấy... à, hôm rày chú đã đi được những đâu, thâm nhập trở lại có dễ không, chớp được nhiều đề tài và lấy được nhiều chất liệu không, đã viết được cái gì chưa?

Anh Bảy hỏi tôi dồn dập. Tôi cười bảo:

– Trở về vùng đất quen thuộc cũ, em hòa nhập mau chóng. cũng đã ghi chép được nhiều, nhưng chỉ mới viết một vài bút ký và truyện ngắn, em đang định kiếm chỗ cắm sào để viết thêm một số truyện khác.

– Còn kiếm chỗ nào nữa, chú cứ ở lại đây vài tháng để viết. Bảo đảm với chú nơi này là một nơi lót ổ tốt nhất để cho chú đẻ trứng.

Anh Bảy lại cười ha hả:

– Trường này đào tạo y tá cho bộ đội mà anh là hiệu trưởng kiêm giảng dạy, ngoài anh ra còn có một anh tên là Năm Minh cũng là cán bộ mùa thu về, làm phó lo khâu tổ chức, quản lý. Anh Năm lớn tuổi hơn anh, ông rất tốt, nhưng hay bao đồng, cứ lo đi kiếm vợ cho anh hoài...

– Đó đâu phải là chuyện bao đồng... Anh Bảy năm nay đã băm lăm rồi còn gì...

Nghe tôi nói, anh Bảy thôi cười, mặt hơi buồn.

Ngôi trường của anh Bảy nằm ở ven một cánh rừng tràm, cách xóm Sào Lưới chừng hai cây số. Ngoài một hội trường cất trên một nền đất hơi cao, có hơn một chục cái nhà sàn nhỏ dành cho học viên, ẩn dưới rừng tràm ngập lênh láng nước U Minh đỏ. Giữa các ngôi nhà có thể đi qua đi lại với nhau bởi những cây cầu dài. Cảnh trí nhà trường tuy là dã chiến nhưng rất ngăn nắp, nên thơ. Anh Bảy ở một mình trong một cái nhà sàn như thế. Nay có thêm tôi, tối đến chỉ cần trải thêm một tấm đệm bằng lên sàn nhà lót bằng những thân tràm lột vỏ là có chỗ ngủ.

– Còn bàn viết, mai sẽ có ngay cho nhà văn. – Ông Năm Minh bảo, và ông ấy tiếp: – Chú em cứ nằm ở đây viết, tôi với Bảy Nam như một, đều là dân gốc ở sư 330, nhưng Bảy Nam là bác sĩ có chuyên môn, còn tôi chuyên làm công tác chánh trị, tổ chức. Bảy Nam dạy ở đây hai khóa rồi, y cứ nằng nặc đòi xong khóa này phải cho y ra tiền phương. Nghe đâu trên Khu đã chấp thuận, vì sắp có một đoàn cán bộ quân y mùa thu về tới, ở trên sẽ rút người về thay y. Bảy Nam là một bác sĩ mổ giỏi, y rất ngứa ngáy chân tay... Thế là từ hôm đó, tôi ở lại trường quân y của anh Bảy Nam và Năm Minh, nhưng không phải để giảng dạy mà để viết. Sau nhiều tháng thâm nhập đã sẵn có đề tài và chất liệu, nơi đây quả là một nơi lý tưởng để tôi làm điểm dừng chân sáng tác. Ban ngày anh Bảy lên lớp hoặc đi chữa bệnh cho dân ngoài xóm. Có đêm, anh phải chống xuống ra nhà bảo sanh xã giúp giải quyết một trường hợp sản phụ sanh khó. Tôi ngồi trên nếp nhà sàn ấy mà viết truyện ngắn. Bàn viết của tôi là một cái bàn có chân xếp, do ông Năm Minh sai người đóng. Anh Bảy và Năm Minh cung ứng cho tôi không thiếu thứ gì. Từ trà, chuối khô, bánh trái và cả thuốc thơm Ruby, Capstan. Bữa ăn ở đây phong phú hết chỗ chê. Cá rô mè nướng cỡ bàn tay chấm nước mắm me,

lươn vàng mập bự đem um rau ngổ nước cốt dừa. Lươn cá ấy do anh em bảo vệ giăng lưới và đặt trúm. Ăn lươn cá hoài cũng ngán, anh Bảy và Năm Minh kêu chị nuôi bắt vịt làm thịt, vì vịt ta lẫn vịt xiêm nuôi cả bầy bơi lội quanh nhà. Bữa nào anh Năm Minh cũng ép tôi uống một ly nhỏ rượu nếp ngâm lá nhào, bảo là: “Uống vô để sau khi viết khuya, nhà văn ngủ cho êm mình”. Thú thật, trong đời viết, tôi chưa được ngồi ở một trại sáng tác nào có các điều kiện hay hơn chỗ này. Hay hơn về điều kiện vật chất đã đành, còn hay hơn nữa là không khí cùng cảnh vật. Quanh tôi là bầu trời cuối đất U Minh Hạ thỉnh thoảng vù vù giữa chốn thình không tiếng cánh bay của những đàn ong vĩ đại đi đi về về hút mật nhụy hoa trầm. Quanh tôi là biển nước nổi sắc đỏ tựa máu do lá trầm rụng xuống lưu niên. Trong buổi chiều tà, cò diệc chớp hàng vạn đôi cánh trắng bay ngang qua để về ngụ ở rừng trầm kế cận. Đêm đêm sau khi viết, ru tôi vào giấc ngủ là tiếng sóng vọng về từ biển Đá Bạc cách đó chừng vài dặm đường chim. Tại đây, tôi đã viết truyện ngắn “Đất”, rồi “Con chị Lộc” và “Giấc mơ ông lão vườn chim”, truyện nào hình như cũng được hương rừng, hơi đất, biển cả, khí trời chốn U Minh Hạ phủ vô đó mỗi thứ một ít. Ngoài ra Anh Bảy còn giúp chỉ cho tôi những chi tiết cần phải có ở nhân vật chị Lộc, người nữ tù trở dạ sinh con trên chuyến tàu lưu đầy ra Côn Đảo.

Tôi ở đây khoảng hai tháng rồi lên đường, vẫn với chiếc xuồng nhỏ ấy. Anh Bảy cũng chuẩn bị đi ra trạm quân y tiền phương, vì lớp học đã mãn và anh cũng đã nhận được quyết định. Sẽ chỉ còn anh Năm Minh ở lại, chờ một bác sĩ quân y mới về thay anh Bảy làm hiệu trưởng.

Tôi đâu ngờ sau buổi chia tay tại ngôi trường quân y ở Sào Lưới đó, không khi nào tôi còn được gặp lại anh Bảy và anh Năm Minh nữa. Cả hai anh đều lần lượt hy sinh trước ngày giải phóng.

Anh Năm Minh chết không lâu, sau khi tôi rời Sào Lưới. Khu trường quân y bị phát hiện, trực thăng giặc kéo đến bắn phá ác liệt, anh Năm Minh chết bởi một loạt rốc-két. Riêng anh Bảy thì tới năm bảy ba hy sinh ở Cần Thơ. Nghe kể lại là sau những ca mổ cho thương binh từ mặt trận lộ vòng cung chuyển về, anh mệt quá leo lên vông vừa chợp mắt thiếp đi thì chết vì một trái pháo bắn trúng trạm phẫu thuật.

Từ ngày đất nước hòa bình, tôi đã rất nhiều lần ra Hà Nội. Một rong những lần đầu tiên sau giải phóng, đi giữa Hà Nội tôi bỗng bồi hồi nhớ lại bao kỷ niệm với anh Bảy ở nơi này, rồi bỗng nhiên tôi nảy ra ý định tìm về ngôi nhà ở phố Sinh Từ. Thoạt tiên tôi chỉ tính tới đó ngó nhìn vậy thôi, nhưng khi đặt chân tới – thấy ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn, cũ kỹ như xưa, tôi rấn thêm một bước, hỏi thăm chị Bảo người yêu của anh Bảy. Một bà cụ bán tạp hóa dưới căn trệt trở lên gác:

– Nhà chị Bảo ở trên đó, chị ấy đang có nhà đấy!

Tôi men theo cầu thang gỗ ọp ẹp đi lên gian gác trên, gõ cửa phòng. Có tiếng phụ nữ vắng ra:

– Ai đấy, tôi ra ngay đây!

Khi cánh cửa mở, trước mắt tôi là một thiếu phụ mảnh mai ước chừng bốn hai, bốn ba. Tuy đã đứng tuổi nhưng trên khuôn mặt trái xoan của chị vẫn còn lưu lại nét đẹp của thời xuân sắc. Thấy chị có vẻ ngạc nhiên về sự hiện diện lạ lẫm của mình, tôi liền mở lời:

– Xin lỗi, thưa chị... chị có phải là chị Bảo?

– Phải, tôi là Bảo. Còn anh...

– Chị không biết tôi đâu... Trước kia tôi tập kết ra đây, rồi về Nam. Tôi vừa từ Thành phố Hồ Chí Minh ra, tôi là em... em anh Bảy Sơn.

Khi tôi nói thế, nét mặt thiếu phụ vụt xao động, tái bọt. Tôi bèn tiếp lời, kể cho chị nghe mọi sự, từ lần gặp anh Bảy Sơn ở U Minh cho đến khi biết tin anh hy sinh. Chị ngồi lặng đi. Lát sau đôi vai hơi gầy của chị rung lên. Chị khóc nức nở. Giây lâu, khi cơn xúc động đã dịu bớt, chị sụt sùi cho tôi biết là hồi ấy anh Bảy Sơn đi Nam không muốn chị chờ đợi nên cắt đứt mối tình giữa hai người. Sau đó gần chục năm chị xây dựng gia đình.

Chồng chị là một sĩ quan không quân, lấy chị chưa kịp có đứa con nào, đã hy sinh trong một trận không chiến với giặc Mỹ trên vòm trời Hà Tây. Nghe chị nói tôi cảm giác như đang đi bị hụt chân. Ngồi im một lúc, chị đứng dậy đi vào buồng trong mở tủ, đem ra một cái gói lớn bọc ni-lông. Chị lấy từ bọc ni-lông ra một tấm chăn bông bộ đội, nghẹn ngào nói:

– Đây là cái chăn anh Bảy Sơn để lại cho tôi trước lúc anh ấy lên đường về Nam. Anh ấy dặn tôi mùa rét đem trải thêm dưới giường nằm cho ấm...

Tôi đưa tay sờ rầm tấm chăn, thấy nó không phai cũ mấy. Chợt chị Bảo thốt, giọng nhỏ hần đi:

– Không phải tôi chỉ có mỗi chiếc chăn ấy, tôi còn có một chiếc khác nữa cũng là chăn bộ đội...

Bấy giờ tim tôi bị nhói lên, nhưng chị Bảo thì tưởng như rất tỉnh táo. Chị không khóc nữa, ngay cả khi lặng lẽ tiễn tôi xuống gác. Lúc ra gần khỏi phố Sinh Từ, tôi bản thân đi giữa dòng người co ro trước cơn gió mùa Đông Bắc vừa tràn về, và một lần nữa tôi ngoái nhìn lại gian gác cũ kỹ của người góa phụ. Thế rồi giữa phố xá đông đúc, tôi bỗng thấy hiện ra bầu trời ong ong tái tái của vùng U Minh Hạ xa xôi và kể đó tôi mừng tượng hình dung ra một vùng trời Hà Tây rạch đầy lửa đạn.

Cuối năm 1998

CỐM VÀ MÙA THU

Cốm là biểu tượng của mùa thu. Nói đến mùa thu là nhớ tới cốm. Nhớ tới ngọn lúa mớm dòng lay vờn gió heo may, cánh chim ngói về đồng võ dòn trong lưới bầy. Nói đến cốm là nói đến hương sắc mùa thu thoảng hơi sữa lúa, xanh bèo ao quê. Dân gian xưa khéo cộng hưởng nổi băng khuâng giao mùa giữa hè ngát và thu say vào lòng bàn tay lá sen gói với lạt rạ nhẹ mềm buộc lỏng.

Ôi, mùa cốm, trắng hão hức tuổi thơ. Trăng cong cánh diều lên bổng. Trăng tròn bánh cỗ trung thu, cốm ngọt, chuối vàng thơm môi trẻ nhỏ. Cốm và mùa thu như đôi tình nhân cùng về mùa cưới. Hồng và cốm xưa, nay trở thành lễ vật sâu, tết để gần gũi thông gia, gắn bó duyên tình.

Nghe tin em muốn lấy chồng

Để anh mua cốm mua hồng sang chơi...

Tiếng rao trẻ, non, mềm của cô gái bán cốm rong đã giục lòng tôi về với thôn Hậu, xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, quê hương cốm Vòng.

Huyền thoại làng cốm sống trong giọng nói trầm ấm chân quê của cụ Chường:

“Vào một năm nào đó, cái năm xa ngái của thời cha, ông tổ

nghiệp, nạn hồng thủy bỗng dâng tràn. Cánh đồng và làng Vòng bị ngập chìm trong lũ lụt, dân các làng mất mùa, thất bát, đói khổ. Người người trông nhau ứ tràn nước mắt. Thôn, xóm đó đây người già, con trẻ xúm tay đào, bới, xới lộn nhưng không còn cả đến măng tre, củ chuối mà ăn.

Khắp thôn Hậu làng Vòng người chết đói như ngã rạ. Đêm đêm tiếng khóc hờ bên lửa bếp lắt lay.

Có một gia đình đông con nheo nhóc, đói ăn đã bảo nhau chung tay chèo, lái chiếc thuyền nan quay cuông giữa sóng lũ, chồng cuời lên cái chết nơi đầu sóng, ngọn gió để đi tìm cái sống ở bờ xa.

Khi tay chèo lái của những đứa con rời rã, mệt mỏi, thì bố mẹ chúng chợt nhìn thấy một vạt xanh dài ngoi ngóp trên làn nước đục ngầu những bông hạt chơi vơi như những bàn tay vẫy gọi. Niềm hy vọng bùng sáng lên trong ánh mắt của vợ chồng, con cái trên thuyền. Họ vội nhanh tay chèo, lái ghé bờ. Những bàn tay mừng tủi khôn xiết xúm lại nhỏ lấy những bông, hạt ấy mà nhai, ngấu nghiến, những hạt thơm mềm ứa ngọt như sữa ong chúa.

Từ ấy, lúa cốm được những người trong gia đình nghèo kia ủ mầm giống lưu trữ hạt, truyền lại cho dân làng Vòng và các làng quanh đó gặt hái những bông lúa ngập nước về làm cốm cùng ăn, cứu sống được bao người thoát khỏi cảnh chết đói.

Hạt lúa cốm được người làng Vòng chọn giống, cấy, trồng, vun, bón lưu truyền từ đời này qua đời khác cho đến nay.

Hàng năm cứ đến tháng 7, tháng 8 Âm lịch, làng Vòng lại giòn giã tiếng nói, cười chen lẫn nhịp chày ầm, nhẹ vào thời vụ chính của nghề làm cốm. Nhưng ở cánh đồng Gôi thường gặt lúa vào tháng tư, tháng năm nên có cốm sớm, gọi là cốm chiêm.

Lúa gặt về nhà từng bó được gỡ ra chọn lọc. Sau khi gạn lọc và tuốt lá, những bó lúa lần lượt được đưa vào máy tuốt, chân

đạp kêu vù vù, tuôn ra muôn hạt thóc nếp non. Thóc qua tay sàng sảy của dân bà, con gái rồi mang ra ao rửa, hong khô cho vào chảo rang từng mẻ, mỗi mẻ rang chừng 30 phút, lúa từ màu xanh chuyển sang màu mỡ gà vàng óng.

Một mẻ cốm phải qua 7, 8 lần giã mới đủ độ mềm, thanh mảnh, dẻo dai, cốm chuyển màu xanh mạ non. Cần chày giã cốm ngắn hơn cần chày giã gạo. Nhịp chày giã cốm nhanh hơn nhịp chày giã gạo và tiếng chày giã cốm cũng thanh hơn tiếng chày giã gạo. Cốm giã không đủ lượt thì lúc ra mẻ sẽ đỏ. Cốm rang giòn quá đem giã sẽ bị đốn. Cốm rang để chưa nguội đã vội giã sẽ dính bết đầu chày, giã cốm phải nhẹ và nhanh tay, cứ giã xong một lượt lại sảy. Mỗi mẻ giã đủ 7 lần thì cốm mới sạch, mới xanh, mới mảnh mai hạt ngọc. Từ hạt thóc đến hạt cốm phải qua bốn tháng chăm sóc và một ngày lao động cật lực của những người làm cốm.

Cô hàng xưa đội nón lá mỏng, mặc áo tứ thân vạt thắt quả cù, chân đi dép lá da có lỗ khâu quai, gánh cốm bằng đòn gánh cong đầu rồng, đeo từ gốc tre cong như sừng trâu.

Cốm làm ra ủ bằng lá dáy. Cốm đem đi bán ủ bằng lá sen. Nhìn cốm dễ mệt, trông cách gói cốm, người ăn cốm sành sỏi phân biệt được đó là cốm Vòng hoặc cốm Kẻ Mây (Mễ Trì) hay cốm Lũ (Đại Kim).

Ngày xưa người bán cốm gánh ra cửa ô Cầu Giấy đi tàu điện đến các vỉa hè, ngõ phố bán rong hoặc đến bán ở các chợ Bưởi, chợ Canh, chợ Diễn...

Ngày nay người ta đem cốm đi bán bằng cả phương tiện ô tô, xe máy hoặc thồ xe đạp. Cốm theo người vào Nam, hoặc đi các nơi trong nước đến với bà con, bạn bè thân thuộc thành quà biếu. Cốm ra nước ngoài thành vật phẩm giới thiệu sản phẩm đặc biệt của đồng quê Việt Nam. Cốm vào nhà hàng ô-ten thành món ăn đặc sản chỉ có vào mùa thu.

Từ thời xưa, cốm đã là đặc sản của đất Thăng Long hào hoa và phố xá kinh kỳ thanh lịch.

Người ăn cốm cốt để thưởng thức hương vị chứ không ăn no; ăn cốm đựng trong lá sen ngon hơn đựng trong bát, đĩa. Ăn bằng thìa thật là vô vị và không đúng kiểu cách. vì nó không hưởng trọn được hương thơm ngát hòa quyện giữa cốm và sen; người ăn cốm sẽ không cảm nhận được thi vị của thu và cốm. Khi ăn người ta dùng năm đầu ngón tay chụm vào vốc cốm, vừa nhai vừa ngẫm ngấm hương vị dẻo ngọt của lúa thu.

Cốm luyện với thịt lợn nạc giã ra, rán lên làm chả ăn với cơm gạo tám là món ăn dân tộc thơm ngon và thanh lịch của người Hà Nội. Cốm xào với đường kính ngọt, béo. Chè cốm nấu bằng đường trắng, bột đao sánh ngọt ăn tráng miệng sau bữa cơm. Bánh cốm hiệu Nguyên Ninh phố Hàng Than đã từng nổi tiếng một thời, dùng cho cúng, giỗ, sêu, đám hỏi, cưới xin... Bánh cốm Lũ xắt vuông, có rắc thêm dừa sợi lên trên thường bán ở chợ Bưởi và các chợ ven đô. Cốm là món ăn vừa dân dã vừa thanh tao.

Ồi, mùa thu và cốm. Cốm của những mùa thu muôn thuở thấm say lòng người dù chỉ thoảng lên trong mùi rạ, ngát trong hơi lá sen.

Cốm gợi nhớ mùa thu cách mạng, mùa thu kháng chiến. Cốm gợi nhớ ngày giải phóng thủ đô Hà Nội (10-10-1954). anh bộ đội là con trai làng Mễ Trì gặp lại cô gái làng Vòng đi bán cốm, lúc dừng chân giữa buổi hành quân bồi hồi. xao xuyến nhìn lớp lớp quân hùng, thép sáng ngời. áo xanh màu lá. trùng trùng say trong câu hát tiến về Hà Nội giữa tiếng hoan hô như sóng dạt dào.

Cốm và mùa thu cho thơ thi tứ, bởi cốm giàu hương sắc, thu giàu ý thơ.

Cốm và mùa thu, mùa thu và cốm quyện nhau như mối tình khăng khít. thủy chung. Ồi. mùa thu. mùa cốm!

SƯƠNG CHIỀU BÃI SÔNG HỒNG

Gió bắc thổi qua mặt nước sông nằm hẹp dưới lòng một cách hiền lành. Mới đầu mùa, gió chỉ sấn sấn mà chưa tới nổi rét tê tái. Tôi nghĩ, hình như gió bắc chỉ đánh thức mùa xanh ven bãi sông. Còn nhớ, bữa nào người dân Hà Nội thốt người mỗi khi từ đài phát đi những thông báo số 1, số 2 của Ủy ban chống lụt bão Trung ương. mực nước sông Hồng mỗi ngày được thông báo khiến cho mắt người âu lo, thắc thỏm. Vậy mà chỉ cần qua độ gió heo may và bãi sông vào dịp mùa hạ chỉ ngập chìm ngấm dưới dòng nước đỏ ngầu. Sương giăng mờ mờ trên ngọn tre phía ngoài xa, chỉ đủ làm màu xanh của những lá ngô thêm mượt mát, làm những cây bắp cải thêm cuộn tròn chắc nịch như bắp tay chàng trai vừa chèo đò cập bến lấy rau. Màu xanh lá su hào non tơ. Sương bay la đà trên bãi rau, luống ngô, giăng mờ ảo trên mặt sông. Ai đó đã từng có những câu thơ bất hủ:

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.

Quả có thể, sương bay lan tỏa trên mặt nước sông ảo ảo mờ mờ, ánh chiều mờ nhạt tới mức chưa nhòa mặt người nhưng cũng chẳng đủ để ta nhìn rõ bóng một chiếc đò phía xa. Bước

trên bãi cát, phù sa gọi những cảm giác mơ hồ về dòng sông những năm xa xôi. Phải chăng là vậy bởi mỗi hạt phù sa khi về tới bờ bãi sông Hồng đã qua bao miền đất khác nhau. Tầng ẩn trong hạt phù sa nhỏ xíu là một kho tàng chuyện vui có, buồn có. Nào ai biết những hạt phù sa ấy bao nhiêu tuổi, chứng kiến bao thăng trầm của bờ bãi sông Hồng, nghe bao nhiêu lời tình tự của những chàng trai cô gái ra sông gánh nước, nhìn bao nhiêu cảnh thuyền chiến dữ dằn của những kẻ vốn không gắn bó với dòng nước này, vô cớ tìm đến để đòi quyền cai trị, để rồi bị nhấn chìm nơi đây. Mỗi hạt phù sa ấy là một cuộc đời. Tôi thì chưa hiểu hết những điều ấy trong hạt phù sa, nhưng cứ chiều chiều mùa đông, đứng trước màu xanh nõn nà của những bãi ngô, luống rau, tôi lại định ninh rằng giữa hạt phù sa ấy và màu xanh của những cây ngô, cây rau có mối gắn bó thân tình. Gió bắc về đánh thức hạt phù sa, để hạt phù sa bừng thức một màu xanh. Không có gió bắc, không có màu xanh của những cây rau mùa đông, không có hạt phù sa ở bãi sông Hồng; không có những bắp ngô, những cây bắp cải, những củ su hào. Thành ra, tôi rất thích màn sương giăng mờ mờ mỗi chiều đông trên bãi sông Hồng. Hình như chả bao giờ tôi lại buồn bã trước cảnh sương giăng mờ mờ trên bãi rau ven triền sông được. Phía ngoài kia vẫn là dòng nước đỏ au, uốn mình chảy vô tư lự dưới chân cầu. Bãi cát, dòng nước có thể nhòa trong sương chiều, nhưng màu xanh của những cây rau vẫn ánh lên, không nhòa lẫn. Bóng cô gái gánh nước phía xa tưởng chừng như lẫn vào trong sương chiều. Thế nhưng, tôi lại thấy rõ lớp áo đầm mồ hôi sau lưng cô. Có lẽ, đấy mới là những hạt phù sa đích thực chăng? Chính những hạt phù sa ấy mới làm bừng thức màu xanh của bãi sông. Tôi cứ nghĩ như vậy. Bởi sáng nay, khi đi ngược ra ngoài thành phố, tôi thấy ùn ùn những chiếc xe đạp thồ rau vào cửa ô để rồi ngược xuôi các chợ. Người

Hà Nội chúng ta mỗi khi đứng trước sọt rau của những người xe thô, thường mong có một món ăn ngon lành. Cầm trên tay cái bắp cải chắc nịch, ai nghĩ tới những giọt mồ hôi kia? Có người, lựa những cây rau lại còn mắng mỏ ra vẻ ta đây là người đi mua cơ chứ. Biết làm sao được, chuyện giữa người có tiền đi mua, và người mang rau đi bán, có phải khi nào cũng êm thấm cả đâu! Cần mẫn, những chiếc xe thô rau vào thành phố để những chủ nhân, khi chiều về lại tất tả ra bãi sông, cầm cúi với những cây rau, những vạt ngô. Đứng trước màu xanh ấy, hình như cô gái ven sông quên hết nỗi nhọc nhằn. Lại gánh nước, lại tưới rau và ngày mai lại bắt đầu vào thành phố, ngược xuôi các chợ. Bao nhiêu lần tôi gặp em là bấy nhiêu lần tôi phải quay mặt để nhìn một cánh buồm phía xa xa, vì tôi sợ, cứ nhìn vào mắt em, cô gái ven sông, là tôi khó mà dứt đi cho được. Sương chiều mờ ảo vẫn không làm con mắt ấy mờ đi chút nào. Hay em là hạt phù sa của bến bãi sông Hồng. Không, tôi không gọi như vậy mà mỗi khi đứng trước sương chiều, nghe lòng ấm lên trước làn gió se se, tôi lại nghĩ em là màu xanh bến bãi sông Hồng, màu xanh chỉ đẹp trong sương chiều. Thành ra, khi ấy, tôi không hề muốn ngâm ngợi câu thơ của người xưa: Khói sóng làm buồn lòng người. Tôi chả dám nói gì về người xưa, bởi nhà thơ ấy sống trong tâm trạng của kẻ xa quê. Còn tôi, trước sương chiều bãi sông, tôi gặp lại ánh mắt em, ánh mắt lấp lánh cả sương chiều, ánh mắt gọi về màu xanh trong gió lạnh, làm sao có thể buồn mà nhập vào dòng thơ của người xưa được. Bởi thế, sương chiều bãi sông Hồng chỉ đem lại cho tôi niềm khoan khoái, mặc dù gió bắc, gió bắc lại thổi về.

TRỞ THÀNH NGƯỜI HÀ NỘI

Hiệp định Geneve được ký kết, thế là hòa bình được lập lại! Bác tôi, lúc đó là giám đốc sở Y tế liên khu Bốn, được triệu tập ra Việt Bắc để chuẩn bị vào tiếp quản thủ đô.

Cả nhà rộn ràng chuẩn bị chờ tháng mười sẽ vào Hà Nội sau. Hồi đó tôi ở cùng với gia đình bác tôi để đi học cấp ba. Mẹ tôi mất sớm nên bác đã nuôi tôi ăn học.

Đầu tháng 11-1954, Trung ương đã phái một chiếc ô tô tải Môlôtova về tận Rạng (Thanh Chương, Nghệ An) đón cả nhà ra Hà Nội.

Chiếc ô tô đầu dài thương tích đã từng đi phục vụ chiến trường chở súng ống đạn dược, trùm kín lá ngụy trang, nay được trần trụi chạy giữa ban ngày, chở một đoàn toàn đàn bà con nít, chủ lái xe râu ria tua tủa vừa cười, vừa nói: “Chuyến xe này sẽ vất vả đây”. Diện tích thùng xe chỉ khoảng gần ba mét vuông, đã bốc gọn cả nhà năm người cùng với tất cả tài sản chín năm kháng chiến mà vẫn còn thênh thang. Chúng tôi trải chiếu nằm ngồi thoải mái như đi cắm trại. Xe vừa chạy là ba chị em tôi đã hát vang những bài ca về Điện Biên Phủ, *Giải phóng Điện Biên, Hồ*

kéo pháo, Giải phóng Him Lam. Nhưng chỉ được một lúc thôi, khi xe ra đến đường quốc lộ thì tất cả bị hất tung, chúng tôi như xúc xắc trong cái lọ của người cầm cái trong trò đánh bạc. Lũ trẻ con bấu chặt vào thành xe cười như nắc nẻ, hai bà già ngơ ngác thất thần ôm nhau rên rĩ: “Thế này chắc chết trước khi ra đến Hà Nội”. Chú lái xe phải cho mượn cái võng dù treo chéo thành xe, bác gái tôi nằm võng thoải mái, bà lại phẩn chấn ca Huế, cả xe rộn ràng niềm vui.

Đường sá vùng khu Bốn đều bị phá, để ngăn địch tấn công vào vùng tự do. Nay mới san lấp tạm tạm cho xe chạy. Xe vừa chạy vừa gào rú vật lộn với con đường nham nhở ổ gà, lại có chỗ hõm xuống như lòng chảo mà chú lái xe gọi là ổ voi. Xe cộ xuôi ngược gặp nhau vẫy chào hỏi han rối rít, hình như tất cả lái xe đều là bạn bè thân thiết với nhau thì phải.

- Đi đâu đấy?

- Đi Hà Nội đây.

- Chở ai đấy.

- Gia đình cán bộ đi tiếp quản thủ đô.

- Ái chà chà, sướng thật!

Đến những chặng nghỉ, tất cả ào ào xuống tìm giếng nước rửa mặt mũi chải tóc, co chân duỗi tay cho giãn gân cốt. Thấy có đoàn xe của bộ đội, chúng tôi chạy ủa lại chiếc xe Commăngca của sỹ quan, ở đó có đài bán dẫn với chiếc cần-ăng ten dài nghêu như cần câu. Đài phát thanh đang phát tin giọng nghe éo éo không rõ lời, có lẽ tại ắc quy yếu điện quá nhưng tất cả đều ngây mặt lắng nghe, mắt lấp lánh niềm vui. Mấy anh bộ đội thấy hai cô gái trẻ liền sán đến hỏi han:

- Mấy cô đi đâu vậy ?

- Chúng em vào Hà Nội, ba em đi tiếp quản thủ đô. Thế các anh sao lại đi vào phía Nam?

- Chúng tôi lại tiếp tục đi chiến đấu.

- Hòa bình rồi cơ mà?

Có tiếng còi tập hợp, tất cả các anh bộ đội leo lên xe, đoàn xe quân sự lại âm âm lao đi. Chúng tôi vẫy chào mãi đến khi chiếc xe cuối cùng đã khuất sau rừng núi điệp trùng.

Hết địa phận Thanh Hóa, càng ra phía Bắc làng mạc càng trù phú đường sá càng tốt hơn. Chiếc xe chạy hai ngày chỉ được hơn trăm cây số. Chúng tôi tóc tai bơ phờ, quần áo nhàu nát mà lòng tràn ngập niềm vui sướng tự hào. Tất cả quang cảnh hiện ra trước mắt ngày càng lạ lùng kỳ ảo. Bây giờ thì xe chạy băng băng. Chỉ trưa ngày hôm sau xe vào địa phận Hà Nội. Trời ơi, sao mà tấp nập đông vui đến vậy, thế mà chú lái bảo đây chỉ mới là ngoại thành thôi, chú dừng xe để các cô gái trang điểm thật đẹp vào. Hai đứa con gái lô trong ba lô ra bộ quần áo đẹp nhất, sơ mi màu thiên thanh, quần lụa đen, nhưng ôi thôi, áo quần nhàu nhò thảm hại, phải đắp nước vuốt mãi rồi gấp lại lấy khăn phủ lên, rồi ngồi chờ đến khi hơi hơi phảng phiu mới mặc vào. Bác gái tôi cũng mặc chiếc áo dài màu tím Huế, lấy chiếc hộp trang điểm bị quên tám năm, nay nhìn vừa quen vừa lạ, bác thoa phấn bôi son rồi tủm tỉm cười, lũ trẻ kêu lên: “Má đẹp quá!” Chú lái xe cạo râu, lấy bộ quần phục mới ra mặc. Tất cả trở nên chỉnh tề nghiêm trang.

Xe từ từ lăn bánh vào nội thành. Những tòa nhà lộng lẫy hiện ra ngày càng đẹp hơn, trên đường phố các cô gái áo dài rực rỡ thướt tha, các em học sinh mặc sơ mi trắng tinh, đi xe đạp vui vẻ chuyện trò nhưng vẫn giữ trật tự, tôi ngạc nhiên thấy khi qua đường các em giơ tay xin rẽ trái nghiêm chỉnh như người lớn. Ô

tô, xe máy rất đông nhưng trật tự chạy theo sự chỉ huy của cảnh sát, họ mặc quần áo trắng, đội mũ trắng, họ chỉ đường đẹp như múa, chúng tôi ngắm mãi những ông cảnh sát oai vệ ấy và xuýt xoa thán phục. Chú lái xe bảo: “Đó là cảnh sát ngụy được chính phủ ta lưu dụng cho làm việc”.

Chiếc xe tải kèn cồng cũ kỹ xấu xí của chúng tôi chạy giữa thành phố nom như chú gấu lạc loài từ trong rừng vừa xổng ra. Nhưng chú lái xe tự hào dàng hoàng lái đi trước con mắt kính nể của cảnh sát và ánh mắt triu mến của người dân. Xe chạy loanh quanh một hồi, hồi thăm tìm phố Hàn Thuyên. Cuối cùng xe đỗ trước tòa nhà ba tầng đẹp đẽ. Bác trai tôi mặc một bộ comlê màu ghi sáng chạy ra đón: “Chúc mừng cả nhà đã đến nhà mình”.

Thế là chúng tôi đã trở thành Người Hà Nội từ đây. Hôm ấy là ngày 10-11-1954. Đúng một tháng sau tiếp quản thủ đô. Ngay ngày hôm sau tôi đã hỏi thăm được địa chỉ của thành đoàn Thanh niên Cứu quốc ở 16 Lý Thường Kiệt (nay là Đại sứ quán Vương Quốc Anh) Tôi mang toàn bộ hồ sơ đoàn viên đến để xin đăng ký sinh hoạt. Vừa bước vào cơ quan tôi gặp một anh trạc hai lăm hai sáu tuổi, dáng người nhỏ nhắn, khuôn mặt gầy nhưng nét cười hiền hậu. Tôi lễ phép đưa phong bì đựng lý lịch, giấy giới thiệu, cả học bạ lớp chín nữa.

Anh ấy cầm lấy hồ sơ rồi tự giới thiệu: “Tôi là Huy cán bộ Thành Đoàn”. Anh rút hồ sơ ra đọc lướt qua rồi nhìn tôi cười cười hỏi: “Cô có thích đi làm cán bộ Đoàn không?” Mắt tôi sáng rực lên hơn hờ trả lời ngay:

- Dạ em thích lắm, em rất muốn được đi thoát ly.
- Cô thích làm công tác gì?
- Dạ em thích làm phụ trách thiếu nhi.
- Hay lắm! Để tôi báo cáo với Ban Thiếu nhi, nếu được Ban

đồng ý thì sẽ đề đạt ý kiến lên Thường vụ Thành Đoàn, nếu được duyệt tôi sẽ báo với cô sau. Cô ghi địa chỉ hiện nay của cô cho tôi.

Tôi run lên vì sung sướng, buột miệng kêu lên: “Hôm nay là ngày may mắn nhất đời!”

Một tuần sau anh Huy đến nhà gặp hai bác của tôi xin phép cho tôi được đi công tác tại Thành Đoàn.

Hai bác tôi mừng quá cứ nắm chặt tay anh Huy cảm ơn mãi.

Tôi run rẩy cảm tử quyết định tuyển dụng của Thành Đoàn mà sung sướng chảy nước mắt. Tôi nhớ mãi cái ngày được vào biên chế chính thức, ngày 1-12-1954. Tôi được phân công vào tổ chỉ đạo thí điểm thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong đầu tiên của thành phố Hà Nội tại trường tiểu học Nguyễn Du.

Các em học sinh rất yêu quý kính trọng các anh chị phụ trách nên chúng tôi phải hết sức gương mẫu trong mọi mặt công tác và cả trong tác phong cư xử, thậm chí các em còn bắt chước cả cách nói năng, đi đứng. Tôi nghĩ thầm: mình phải tốt thực sự để các em đừng thất vọng về mình.

Một buổi sáng, tôi vừa bước vào cổng trường thì thấy các em xôn xao lo lắng đứng vây quanh em Thanh Quý, một đội viên vừa được kết nạp, chiếc khăn quàng đỏ rực rỡ đang thấm ướt nước mắt. Em chạy chạy xô lại ôm tôi nức nở:

- Chị ơi, bố mẹ em bắt em phải vào Nam.

Các em khác nhao nhao hỏi:

- Chị ơi, có cách nào cứu bạn ấy không?

Lòng dạ phân vân, tôi chẳng biết phải giải quyết việc này ra sao đây?

- Để chị đến gặp gia đình em nhé.

- Dừng, dừng chị ạ. bố mẹ em không chịu gặp ai cả đâu. Đồ đạc đã chở xuống Hải Phòng cả rồi. tối qua em phải trốn nhà, đến nhà bạn Nga ở nhờ, em đã mang được va li quần áo đi. Bây giờ em phải trốn ngay nếu không bố mẹ em sẽ đến trường bắt về.

Tôi lo đến toát mồ hôi, liền dẫn em Quý lên gặp thầy hiệu trưởng. Thầy là một nhà giáo lâu năm, đã ba mươi năm trong nghề dạy học, một con người đức độ mẫu mực, yêu thương học trò như là con cháu của mình. Thầy nghe chuyện chúng tôi thưa lại, trầm ngâm hồi lâu, thầy bảo:

- Chúng ta phải giúp em Quý ở lại, nhưng tôi và cô không thể công nhiên giữ em được. Như vậy gia đình sẽ kiện chúng ta vi phạm quyền tự do cư trú của công dân, hơn nữa em Quý đang ở tuổi vị thành niên là thuộc quyền quản lý của gia đình. Nên để em Quý trốn ở nhà bạn, chờ đến khi chuyến tàu thủy này rời khỏi Hải Phòng, lúc đó ta sẽ liệu thu xếp cho em sau.

Thầy rút ví lấy tất cả tiền đưa cho Quý và bảo:

-.Em cầm tạm ít tiền đưa cho gia đình bạn, nhà bạn chắc cũng khó khăn.

Tôi cũng lục ví, còn sáu ngàn tôi đưa cả cho em:

- Thôi bây giờ em Nga dẫn em Quý về nhà ngay, kéo rồi bố mẹ Quý đến trường tìm thì phiền lắm.

Suốt một tuần lễ sau đó tôi đạp xe đến từng nhà họ hàng của Quý để tìm hiểu hoàn cảnh sống và tình cảm của họ đối với em. Để tìm chỗ nương thân thì không khó, nhưng để có một gia đình thực sự yêu thương Quý thì không dễ. Phần nhiều những gia đình khá giả đều tỏ ý ngần ngại, họ không muốn có thêm đứa con gái búng bình ấy ở trong nhà. Tuy chẳng ai nỡ từ chối, nhưng thái độ thật miễn cưỡng:

- Vâng, cháu tôi chẳng may rớt lại thì họ hàng phải cứu mang thôi! Con cái mà tự ý bỏ bố mẹ cũng là thứ người sống chẳng mấy nghĩa tình!

Phải đành lễ phép chào từ biệt họ, rồi lại đi sang nhà khác. Cuối cùng tôi đến nhà một bà cô luống tuổi, gia đình thanh đạm, bà có hai anh con trai đều đã đi bộ đội và đi thanh niên xung phong. Bà ở một mình mở quán nước trước cửa nhà.

- Thưa bác, hôm nay nhà trường cử tôi đến để thưa chuyện về em Quý.

Bà cô rút khăn chấm nước mắt, buồn rầu nói:

- Vâng, anh chị tôi đã đi Nam cả rồi, chả hay cô giáo muốn hỏi tin tức cháu Quý hay sao?

- Thưa bác, em Quý đã trốn gia đình ở lại Hà Nội, em không muốn đi Nam, bây giờ em đang ở nhờ nhà bạn.

Bà cô ngạc nhiên kêu lên:

- Khổ thân cháu tôi! Sao nó không đến nhà họ hàng? Mà họ hàng tôi ở Hà Nội đông lắm.

- Thưa bác em Quý sợ gia đình tìm thấy nên phải ở nhà bạn. Còn bây giờ em lại sợ họ hàng trách mắng là đã bỏ gia đình trốn ở lại một mình nên không dám đến.

- Thương con bé quá! Bây giờ tôi xin phiền cô giáo có thể giúp tôi đến đón cháu về được không?

- Dạ được ạ, cháu sẽ đeo bác đến nhà cô bé Nga, em Quý đang ở nhờ gia đình ấy.

Ngồi sau xe đạp bà nói chuyện:

- Nhà tôi cũng nghèo cô ạ, nhưng mà tôi sẽ nuôi cháu ăn học đến nơi đến chốn. Có rau ăn rau, có cháo ăn cháo.

- Con bé ngoan lắm, tuy nhà cháu rất giàu nhưng mà cháu

biết quý người. Tết nhất vẫn đến thăm tôi, còn thắp hương lên bàn thờ ông ấy nữa.

Quý vừa trông thấy bà cô đến, em chạy ào ra ôm chầm lấy bà, vừa nức nở vừa cười rồi rít nói:

- Cô ơi, cháu sẽ ở với cô, cháu sẽ làm lụng bán hàng với cô, cô cháu mình sẽ lao động kiếm sống nuôi nhau.

...

Đó là công việc hữu ích đầu tiên trong cuộc đời công tác của tôi ở Hà Nội.

Hà Nội, 19-5-2004

QUÀ MÙA HÈ

N. Thân mến!

Những ngày nóng nực nhất đã đến khi hè vừa bắt đầu. Ngồi ở chỗ nào trong Hà Nội, cũng chỉ nghe thấy những đề tài quen thuộc, ngoài chuyện thiếu nước và đào đường, nên hay không nên đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, là chuyện đi đâu và ăn gì cho bớt nóng. Không biết có phải do hiệu ứng lồng kính, do trái đất nóng lên, hay chỉ đơn giản có thêm nhiều máy điều hòa nhiệt độ mà người Hà Nội kém chịu nóng hơn? Nếu coi quạt máy như một khoản tài sản đáng kể, quạt trần là một xa xỉ chỉ có những nơi đông người, như cách đây vài mươi năm, không rõ người Hà Nội sẽ thế nào? Tiện nghi là một điều không thể thiếu được, mặc dù như Kahli Gibran từng viết, tiện nghi ám sát tâm hồn rồi cười toé toét khi đưa đám. tôi vẫn thấy rằng người Hà Nội vẫn mình, lịch sự thời nay tha thiết lắm với tiện nghi. Những nơi nóng nực chật chội đã dành, cả những nơi không nóng nực chật chội cũng vậy. Tôi đã định chụp vài tấm ảnh cho bạn xem những ngôi nhà ven hồ Tây gió lộng, những ngôi nhà lẽ ra phải đóng bớt cửa lại cho đỡ lạnh về đêm, thế mà từ ba phía tòa nhà, trừ

mặt tiền, vẫn cứ chìa ra ngoài chơ chớn những cái lưng của máy điều hòa. Chuyện ở thì máy điều hòa có thể là một giải pháp, tất nhiên giải pháp của những ai có điều kiện lắp máy điều hòa, nhưng chuyện ăn, có lẽ không khó khăn như vậy. Ở mỗi chợ, những hàng cua đồng xay sẵn, hoặc cần thận hơn, giã chày tay trong cối đá như ở chợ Hàng Bè, trở nên đông đúc hơn nhiều so với các mùa trước. Cà pháo muối, rau muống xanh ngắt, rau mồng tơi với mướp xanh nõn..., với cả trăm thứ khác nữa làm thành những lời gợi ý cho các bà nội trợ mệt mỏi xách làn đi từ hàng nọ tới hàng kia những buổi chợ chiều. Những thức ăn mùa hè ở Hà Nội có một đặc trưng khác hẳn thức ăn của mùa đông là nó không bắt người ta phải nghĩ ngợi, toan tính đổi món, nó giới hạn người ta trong sự đơn giản bắt buộc. Những hàng quà mùa hè hầu như đều nằm trong giới hạn ấy. Người ta không thiết vào những nhà hàng ngọt ngào để gọi những món chiên hay xào, nướng hay lẩu... bằng gọi từ một gánh vỉa hè một bát cháo đậu xanh với vài quả cà muối và vài miếng đậu phụ om hành. Phở sáng chẳng bao giờ thiếu với người Hà Nội dù mùa nào, nhưng cũng phải nhường chỗ cho bánh cuốn Thanh Trì hay xôi lúa, những món ăn nguội mà không chán. Những người dân làng Hoàng Mai mùa hè tăng lượng xôi lúa mang lên phố mỗi sáng. Họ còn làm cơm nắm, cũng có thể là dân Lạc Đạo, Hải Dương lên Hà Nội bán cơm nắm trú luôn trong làng Hoàng Mai, hình thành một tập đoàn cơm nắm để tỏa ra khắp thành phố. Cơm nắm năm nay được chuộng hơn những năm trước. Một nắm cơm hơi vuông, dẹt để dễ cắt thành những lát cơm mỏng, mát lạnh như miếng thạch, gói trong giấy báo, mở ra trắng tinh, thơm mùi gạo mới, cùng với một gói muối vừng nho nhỏ hay nhúm ruốc thịt chà bông kèm theo... Bữa trưa ở văn phòng, một nắm cơm với một cốc đồ uống gì đó, có khi thế là đủ. Giờ chưa

phải mùa sen, nhưng tôi đã thấy từ vài hôm trước một gánh hoa trong có hai bó sen, những nụ nhỏ và nhọn, gói trong tai tấm lá xanh, chỉ nhìn qua thôi cũng thấy nhẹ cả lòng. Hoa sen chưa có, nhưng lá sen thì nhiều. Cốm đầu vụ cũng đã được ủ trong lá sen thơm ngát, một nghìn đồng xôi lúa tôi mua buổi sáng cũng được bà bán xôi hào phóng gói trong một lá sen to. Cơm nắm có lẽ cần bảo quản một cách thoáng hơn nên không gói vào lá sen, nhưng tôi cho rằng sẽ có nhiều người thích hơn nếu các chị bán cơm làm như vậy.

Hà Nội có những phố nghề, làng nghề, bạn biết đấy. Gần đây, đọc báo, tôi còn thấy cả đến thầy bói cũng còn có làng nghề – làng Giảng Võ có tới 15 thầy đang hoạt động. Nhưng đấy lại là chuyện khác. Ngoài làng Hoàng Mai xôi lúa và cơm nắm, còn có những làng khác nhau lên Hà Nội bán quà: làng cốm, làng bánh cuốn, làng cháo trai,... lại có cả một làng làm bánh đa kê nữa. Bạn có biết thứ quà này không? Một lượt kê nấu thành xôi, mỏng, dẻo mềm trát vào một tấm bánh tráng nướng vàng, mỏng mảnh, một lượt đỗ xanh nắm lại rồi nạo bằng dao như thể đậu cho vào xôi lúa, rắc lên trên với một chút đường. Một món quà rất rẻ tiền, thanh, mát và khá lạ miệng. Bán cả năm nhưng cũng chỉ đắt hàng vào mùa hè. Chị bán bánh đa kê ngồi gần cơ quan tôi mỗi sáng đi theo xe buýt lên từ làng Xù Gạ. Xù Gạ là tên cổ, tên làng từ lâu là Phú Gia, chỉ xa hơn “liên hiệp” các hàng thịt chó Nhật Tân một đoạn đường. Cùng các chị các cô, cả con gái và con dâu của làng lên phố bán, nhiều người được vài chục nghìn, người ít có khi chỉ dăm nghìn mỗi ngày, thu nhập ít, nhưng đã coi là nghề thì không bỏ đi bán thứ quà nào đắt hơn. Chị bán bánh đa kê còn chỉ cho tôi dây khách sạn Phú Gia giờ đây vào loại đông khách của thành phố để nói về người làng mình, gần nửa thế kỷ trước đã làm giàu được ở Hà Nội với một vẻ tự hào, tuy nhiên

người làng chị xưa kia không làm giàu bằng bánh đa kê. Các thứ quà bánh mùa hè của Hà Nội kể không biết bao giờ mới hết. Tôi không muốn nói theo các nhà học giả rằng đây là một bộ phận của văn hóa ẩm thực Hà Nội. Tôi chỉ nhớ, trong một ngày nắng nóng không chịu nổi, một bát cháo đậu ăn với cà hay một món gì đại loại như vậy, cũng có thể trở thành khởi đầu những nhớ thương để đi đâu xa cũng muốn quay về.

NGUYỄN PHAN HÁCH

HOA SEN TRẮNG

Truyện ngắn

Ký túc xá sinh viên chúng tôi ở trong một khu phố ngột ngạt không cây cối, tường xi măng lở loét. Chiều hè oi bức, người như cá nằm trên cạn. Thật sợ mất vía ngôi nhà ký túc giường tầng nhưng nhúc người cởi trần. Có một buổi chiều như thế, tôi nghe tiếng rao: “Ai mua hoa sen trắng”. Tiếng rao trong trẻo như gợn gió nhẹ len vào gian phòng nực nội. Ngó ra thấy một cô gái xinh xắn, thanh mảnh, đòn gánh vút cong một gánh hoa sen. Tôi quyết định nhịn phần xôi sáng lấy tiền mua một bông. Sen chớm nở, cánh trắng muốt, nhị vàng lấp ló thơm ngát.

Về phòng, tìm chiếc lọ gốm cắm hoa, tôi cứ liên tưởng vẩn vơ. Hình bóng cô gái vẩn vương gợi nhớ những bông sen trắng, hay là ngược lại, bông sen trắng gợi bóng hình cô.

Bông hoa đem một chút hương đồng quê về với căn phòng bộn bề quần áo sách vở. Những chàng trai sinh viên mơ mộng chợt hiểu ra điều đó.

Hai hôm sau, cô gái lại đến. Lần này phòng “phân công” người khác mua.

- Mỗi chiều cô đến đây một lần nhé. – Tôi bảo.

Cô mỉm cười:

- Thường thì người ta mua cả bó 10 bông. Lặn lội đến tận phố hẻm này, chỉ bán được một bông, chả bõ.

Tôi thật sự thất vọng, khi mấy chiều liền không thấy tiếng rao: “Ai mua hoa sen trắng” nữa! Nắng hè như càng oi bức ngọt ngào hơn. Tôi cầm sách xuống phố, tìm một góc vắng, cố nhét chữ nghĩa vào đầu. Những chữ nghĩa cũng ngọt ngào, lộn xộn, không chịu vào cho. Tôi và nó đánh vật cùng nhau mệt phờ. Bỗng tiếng rao: “Ai mua hoa sen trắng” trong vắt như rót từ trên cao xuống. Giật mình cảm nhận mùi hoa sen thơm ngát đầu đây.

Tôi móc đồng bạc cuối cùng trong túi ra mua. Nhưng không dám hẹn cô ngày mai trở lại. Làm gì còn tiền. Đúng lúc tôi biết thân biết phận, chẳng biết mong đợi nữa thì cô lại đến đều đặn. Có hôm, từ sáng sớm, những bông hoa sen vừa hái dưới đầm lên còn đọng sương. Sao cô bảo lặn lội đến phố hẻm này chả bõ... Tôi nhìn ánh mắt cô đọc được cái gì đó trong trẻo, hồn nhiên vui thích mỗi khi đưa hoa cho chúng tôi.

*

* *

Mùa hạ có bao nhiêu ngày nhỉ. Và mùa sen đến bao giờ thì tàn. Bẵng đi mấy tuần không thấy tiếng rao: “Ai mua hoa sen trắng”, giật mình nhìn lên, thấy trời đã sang thu tự lúc nào. Nắng vàng óng mây xanh ngắt. Sang thu làm gì còn hoa sen. Thảo nào không thấy bóng cô gái. Tôi buồn buồn cái gì không rõ

rệt. Sương thu làm cho tôi buồn hay sao. Đúng là tại sương thu thật, mù mịt đầy trời...

Một buổi sớm, tôi đi dạo lang thang trông nắng thu, thì lại gặp cô gái. Cô đi bán lá sen. Những bó sen ép chặt đầy quang.

- Hết mùa sen rồi hả cô?

- Ừ, hết mùa sen rồi. Chỉ còn lá.

Mùa thu, mùa cốm mới. Những hạt cốm xanh biếc gói trong mảnh lá sen xanh ngắt, buộc sợi rơm vàng. Lá sen thơm, cốm thơm, sợi rơm cũng thơm.

Những cô hàng cốm tranh nhau mua lá sen của cô. Lá sen tươi như còn ẩm hơi sương. Còn thừa một chiếc lá, cô lấy che đầu. Nắng thu vàng chói làm má cô đỏ rực nẻ căng.

Tôi xin chiếc lá. Bẻ những mẫu cuống nhỏ. Cuống gãy, tơ sen lướt thướt tơ trời.

- Nhà cô có đầm thả sen? – Tôi hỏi.

- Vâng.

- Đầm rộng và trong không?

- Đầm sen nào mà chả trong.

- Bao giờ cho tôi về chơi, bơi đầm sen nhé!

- Mời anh.

- Sợ thầy mẹ em không ưng.

Những mảnh tơ sen dài lướt thướt quấn quýt ngón tay tôi. Tôi và cô gái đã quen nhau. Rồi cô nói chuyện về chiếc đầm sen trước cửa nhà mà cha cô hồi trẻ đã đào để thả sen nuôi cá. Hoa sen góp phần nuôi sống cả nhà. Mùa hạ bán hoa. Mùa thu bán lá. Cuối thu bán *gương sen*. Mùa đông bán hạt sen già để làm mứt Tết.

Cô cho tôi ăn những chiếc *gương sen*, trong những lần gặp

sau. Hạt sen non ngọt thơm, tan trên đầu lưỡi. Nhưng tôi vẫn chưa có dịp về chơi đầm sen. Cô bảo: anh biết chèo thuyền nan không? Mùa hè, thuyền ngập trong lá và hoa. Đầu thu, thuyền trôi trên những cánh hoa sen rụng bông bông trắng mất đầm. Tôi nghĩ bao giờ học xong, cầm bằng tốt nghiệp trong tay, là tôi sẽ từ trường đi thẳng tới đầm sen.

Tôi mong mong đợi đợi mơ hồ.

Thời gian dần trôi. Có một hôm tôi lại giật mình, bởi mùa hạ mới lại đến rồi, hóa ra tôi đã sống qua một mùa lạnh. Và như thế là đã lâu lắm tôi không gặp cô gái. Nhưng mùa hạ đến tức là hoa sen đã nở. Tôi nhìn lịch, càng bàng hoàng khi nhận ra, vào cỡ này, hoa sen đang rộ. Tại sao không thấy cô gái đến. Chiếc lọ gốm nằm ngoài vẫn nằm chỏng chơ dưới chân giường, chẳng ai ngó ngang. Tôi cũng không khêu chuyện hoa sen năm ngoái làm gì, sợ cả bọn trách móc. Chúng mà nhớ ra là chúng trách cô gái thật đấy.

Chiếc lọ gốm không có hoa sen đến mùa hạ thứ hai thì bị một cậu nào đó đá vỡ. Vỡ ném ngoài bãi rác. Tôi cũng chả ngồi đếm mùa hạ mùa thu làm gì nữa, vì cô gái đã bật tắt.

Tôi đã thi tốt nghiệp, và ra trường. Do trình độ Anh văn khá, được tuyển vào làm cho một Hãng đầu tư của Nhật, lương cao. Bây giờ, mỗi ngày tôi có thể mua cả bó sen trắng đẹp nhất để cắm, nhưng không hiểu sao, chẳng thiết.

Mỗi hôm tôi có nỗi buồn. Do sai sót tý chút trong kỹ thuật, tôi bị ông chủ mắng chửi, dọa đuổi việc, và giờ thẳng tay tát một cái vêu má. Khi cơn thịnh nộ của ông ta lui, tôi mới hoàn hồn.

Ra khỏi văn phòng, tôi đi lơ vơ trên đường phố, thăm thía nỗi nhục nhã. Biết lấy gì để xua nỗi buồn. Phương pháp cổ điển: rượu và gái! Tôi vào một quán Karaoke sang trọng. Tôi đâu có

giọng hát. Nhưng mà cái giống Karaokê loa vọng réo rất, nghe cũng xuôi tai. Vô tình bật đúng bài “Hoa sen trắng” tôi gân cổ hát.

*Em gái nhỏ ngày xưa
Xuống đầm hoa sen tắm
Trắng muốt trong nước xanh
Giữa rừng hoa sen trắng.*

*Em cũng thành bông sen
Trắng ngọc ngà tinh khiết
Cũng mở nhị ngát hương
Giữa trời xanh nước biếc*

*Thu đến hoa sen tàn
Nhị vàng rơi lả tả
Đời em cô gái nhỏ
Có mùa thu không em.*

Trong ánh đèn mờ mịt như sương thu, một cô tiếp viên vào rót cho ly rượu. Mặc ten, nâng tận môi. Ngật ngưỡng tôi vừa nhấp rượu vừa hát, giọng khàn khàn vệt đục. Vừa hát vừa vuốt ve bờ vai để trần mát rượi của cô gái. Cô cúi sát hôn vào cái má bị tát sưng vếu của tôi. Không thích các cô tiếp viên hôn, tôi né tránh. Nhưng mặt sát mặt, làm tôi giật mình ngờ ngợ. Với tay bật đèn tôi chết sững, cô gái cũng chết sững. Đó chính là cô gái bán hoa sen trắng ngày xưa.

- Có lẽ nào...
- Vâng, có lẽ nào...

Cô gái cúi gằm mặt rất lâu. Nhưng hình như cô đã uống vài ly. Còn tôi thì đã bông bênh. Các món ăn tiếp tục bày ra. Toàn thứ quý giá đắt tiền. Cua bể, chim quay, nấm nhồi thịt. Cô gái với tay tắt công tắc đèn. Căn phòng lại chìm trong khói thuốc lá mù mịt.

Em gái nhỏ ngày xưa

Xuống đầm hoa sen tắm

Tôi tiếp tục cất giọng khàn khàn. Bàn tay trần ngập cảm giác êm ái do làn da thiếu nữ căng tròn đem lại. Cô gái ôm lấy tôi, run nhè nhẹ. Tôi cũng ôm lấy cô.

Chúng tôi vừa hát, vừa ăn, vừa uống, vừa hôn nhau. Đôi môi son phấn của cô thơm thơm. Nhưng có lúc tôi bất chợt nếm thấy vị mặn chát. Cái gì vậy? Món ăn nào để lại hương vị ấy trên môi cô mà lạ thế.

Cô gái chùi nước mắt. Và rồi lại nhoẻn cười. Nụ cười dù cố gắng mấy cũng không giống nụ cười cô gái bán sen ngày xưa.

Bồi bản bụng vào món ăn cuối cùng, trình trọng giới thiệu: Xin mời anh nếm “Kim Chi Ngọc Diệp”. Cô gấp cho tôi những cọng dài dài trắng trắng như ngó cần, vị chua ngọt. Chán mọi thứ béo ngậy, món này ăn nghe được.

Lúc thanh toán, nhìn hoá đơn món “Kim Chi Ngọc Diệp” đắt cắt cổ. Chẳng biết nó là cái gì.

Buổi karaôkê kết thúc, tôi vội vã chia tay cô gái, sau khi trao đổi số điện thoại. Ngay tối ấy nghe giọng cô ở đầu dây. Mọi xao động bàng hoàng đã đi qua, chúng tôi bình tĩnh trò chuyện cùng nhau.

- Sao em bỏ đầm sen. bỏ những bông sen trinh trắng đi làm tiếp viên?

- Sao anh dám vào quán karaôkê để uống rượu ôm gái?
- Những bông sen trắng của tôi bây giờ đâu.
- Làm gì còn sen trắng nữa.
- Đầm sen đâu?
- Cũng chẳng còn đầm sen nữa.
- Thế là thế nào?
- Anh có nhớ hương vị của món kim chi ngọc điệp?
- Sao không...
- Chua, ngọt phải không anh?
- Ừ, chua... ngọt...
- Có đắng không?
- Không
- Với em thì nó đắng lắm đấy.

Máy điện thoại bị gác giữa chừng. Tôi với cô gái nghĩ cho cùng, người đứng nước lã! Nhưng ơ hay, sao đầu óc tôi cứ vương vấn hình cô. Hình bóng bông sen trắng muốt dầm sương ngày xưa không chịu nhường cho hình bóng người nữ tiếp viên son phấn bây giờ...

Cho đến một hôm, tôi chủ động gọi điện hẹn tới công viên. Hai người ngồi bên ghế đá giữa vạt hoa cúc vàng đầy bướm bay.

Cô gái thút thít khóc. Tôi chùi nước mắt cho em, nghe em kể chuyện. Hóa ra những ngày tôi hoài công mong đợi tiếng rao: "Ài mua hoa sen trắng" lại chính là những ngày đầy biến động của đời cô. Quen thuộc các nhà hàng khách sạn do đem hoa đến bán, cô được người ta gợi ý bán cho họ nguyên liệu để làm món "Kim chi ngọc điệp". Giá cao lắm. Đắt bằng mấy chục lần so với hoa sen. Kim chi ngọc điệp, đó chính là các *ngó sen*. Cô đã lặn hụp dưới đầm sen vớt trụi hết lứa *mầm sen* này đến lứa *ngó sen* khác.

Cô làm hăm hở. Tiễn đến ngay một lúc, rất nhiều, mà chả phải chờ cây sen hứng từng ngụm nắng giọt sương để trở lá đâm hoa. Các nhà hàng hối thúc cô. Món “Kim chi ngọc diệp” được khách thừa rượu thịt ưa chuộng. Mầm sen ngó sen cũng chả kịp mọc với cô nữa, chứ đừng nói đến hoa sen. Hoài hơi cho tôi đợi tiếng rao “Ai mua hoa sen trắng”. Ngó sen, mầm sen bị triệt hạ đến mức cho đến một ngày kia đầm sen của cô đã chết hẳn, chỉ còn lại chiếc đầm đầy bùn và xác rế sen.

Nhưng dù đầm sen đã chết, cô cũng chả cần. Bởi vì trong những tháng năm lui tới các nhà hàng khách sạn bán ngó sen, mầm sen, cô đã lọt vào “mắt xanh” một “bà chủ”. Bà nhìn thấy hương sắc như bông hoa sen trắng của cô. Tiền, vàng, đô la, quần áo nhung lụa, phấn son, tiếng nhạc, ánh đèn màu và điệu nhảy vanxơ êm ái của các chàng trai giàu có hào hoa phong nhã đã quyến rũ cô. Cô từ bỏ chiếc đầm sen đã chết nơi quê nhà, từ già người cha già suốt ngày ngồi tựa cửa sưởi nắng để ra thành phố.

Và chính vì thế mà tôi gặp cô trong quán karaôkê trong cái ngày bị ông chủ tát vếu mặt...

Chia tay cô gái, lòng tôi bình lặng, đứng dừng. Giữa thành phố xa lạ này, tôi quen một cô gái xinh đẹp. Chẳng cần phải tốn tiền vào quán, chỉ cần nhắc máy điện thoại là có thể gặp nhau. Bờ vai trần của cô mát rượi như trăng rằm. Và trong lòng cô chắc vẫn dành một góc trong trẻo cho tôi.

Tôi được lợi quá rồi. Còn hờn trách cái nỗi gì?

Vậy mà sao lòng cứ rọi buồn nuối tiếc. Mỗi mùa hạ đến, nhìn thấy hoa sen trắng lại sưng sờ.

Đại Yên, 1/1998.

HÀ NỘI QUA LỜI NGƯỜI HÀ NỘI...

Biến đổi lớn trong các gia đình ở Hà Nội là cái toilet. Khi xây nhà cửa, người ta bắt đầu chú ý tới cái khu vực mà trước nay dành cho chỗ xấu xí nhất, nhỏ hẹp nhất. Từ chỗ vùi hoa sen là sang lắm rồi, tới chỗ nào bồn, nào tắm chần. Máy giặt thì Electrolux châu Âu, hèn ra cũng phải LG Hàn Quốc. Những nhà khá giả thì đã dùng bếp gas, tủ bếp “đề cơ” xịn, có cái lên tới 5 triệu 1m tủ bếp...

Lâu ngày gặp lại, thằng cháu cũng làm báo hay sục sạo miêu tả cho người bác ở Sài Gòn ra trong một bữa ăn gia đình quây quần. Mẹ của thằng cháu ngồi gọt cam bên cạnh góp: “Nhưng mà vẫn có người cực nghèo”. Thế cô đánh giá xem bao nhiêu phần trăm người đã không coi ăn mặc là vấn đề? 20% – con số của thằng cháu đưa ra. Còn mẹ nó bảo: “Nếu mức sống như em là 40%. Viện em như thế cả”. Sính cái gì? “Lò vi ba. Tủ lạnh không đóng tuyết, hai cửa chứ máy đời cũ thì thôi rồi Lọm ơi...” – Thằng cháu hài hước. Mẹ nói: “Mỗi người một giờ đi về, ngày càng ít gặp mặt. Rất khó để có bữa cơm chung”. Con tiếp: “Đồ gia dụng thì bác ra tìm cốc chén đồ Tàu ở Hàng Khoai, Phùng Hưng,

chỉ bán cho người nhà quê thôi. Dân chơi bây giờ sành thổ nhám, thủ công Bát Tràng. Đồ biếu quà bây giờ là rượu ngoại, thuốc lá ngoại, chứ “súc cù là” ngoại cũng không còn sang nữa. Mà quà biếu đắt tiền thì từ Hàng Buồm về, lại trở ra Hàng Buồm”.

Thế còn ăn uống thì thế nào, bác muốn đi ăn quà Hà Nội? Thế này: tìm ra món mới thì không thay đổi thêm được nữa, nhiều quá rồi. Ăn quán là phải vào những quán có cả dãy “chuyên đề” chứ một quán lác lõng ven đường không ai ăn. Chỗ sạch quá đáng ngờ. Chỗ bừa bộn mới là quán ngon. Theo ý riêng cháu, lấy ngõ Cấm Chỉ làm phố ẩm thực không hợp là vì: quán Hà Nội chỉ chuyên một món chứ không đủ thứ vừa phở vừa miến, mì lai tạp. Thế thì theo cháu ở đâu? Khu ngách hông chợ Đồng Xuân ra Hàng Chiếu chỉ có hàng ăn. Vì sao ở đó phải ngon? Vì bán cho dân bán hàng ở chợ ăn quà đã chai cả lưỡi. Có hai nhân vật hay ở đó: bà phở Tíu béo đeo trang sức lóng lánh. Hàng đông lắm, bà nấu phở chua theo kiểu Lạng Sơn ăn lạ mà rất dễ chịu. Thời phoóc môn bà chuyển rất nhanh, trưng ngay biển: “Bánh đa Tíu”. Lại có hai câu vè: *“Dù ai đi ngược về xuôi – Nhớ ăn phở Tíu cho đời thêm xuôi”*. Giọng bà khàn, suốt ngày bận túi bụi và quát Ôsin. Bên cạnh là một tương phản: bà bún ốc gầy quắt queo, món hàng bún ốc cũng tương phản phở béo ngậy. Bún ốc của bà thật mê ly. Bún ốc chua theo kiểu xưa, khi nước me, nước khế, không chơi giấm “Tây”. “Ốt của mụ thì cay thôi rồi. Ở Cầu Gỗ món nem tai - tai lợn luộc thái mỏng rắc thính thơm lừng, cuốn với một tỉ thứ lá như đinh lăng, lá sung, kinh giới... Không chỉ dân nội trợ ăn mà học sinh, sinh viên vì 10.000 một hộp bốn đứa no. Phố Lý Quốc Sư thì có khế dầm, mận dầm, toàn trẻ con, đối diện với hàng bánh gối, Tắc cả đường giờ tan học.

Chơi hoa? Mùa này nhà nào cũng có hoa tươi. “Hoa vô giá, cá

vô ngân”. Chính cháu có lần thấy cô bán hoa khóc vì 1.500 đồng mà 100 bông cúc đại đóa. Có ngày lại đắt đỏ, lễ tết hoa hiêm tranh nhau mua. Mùa này thì Hà Nội tràn ngập bông hồng, 1.000 – 2.000 đồng là có chục bông cực đẹp. Hết cơn sốt hoa ngoại vì không tươi non bằng hoa trồng xung quanh Hà Nội, sáng sớm đem vào còn đọng sương. Nhà nào cũng cắm hoa nhưng không phải ai cũng cắm hoa đẹp. Đầy hự, đỏ chóc có khi thê thảm, không hợp “đề co” nhà. Cúc rất hợp màu tường và đèn chùm.

Còn đây là cuộc “phỏng vấn” cô Bùi Thị Cúc, huyện Mê Linh, làng Vĩnh Yên, 48 tuổi, ba con. Chồng: trồng hoa. Nhà ba sào đất, trước bắp cải, dưa lê; nay hồng, cúc, loa kèn... Bán rong hoa hồng trên các phố Hà Nội. Thế giống lấy ở đâu? Giống tự nhân ra. Cắt cây, ghép cành có gai là ra! Bây giờ cô trồng, đến Tết là “ăn”. Cây hồng tủa hết lá, để ngọn, cắt mất gai ghép vào. Trồng hoa gì khó nhất? Cúc chùm đủ các màu vàng, tím, be vì nó hay chết sương, phải che. Cúc 20.000 đồng một cành đây cô ạ. Đi bán hoa: cắt chiều qua, bó từng bó dựng, phụt nước. Đi từ 6 giờ sáng, lung tung khắp phố, ngõ. Chợ thì không có chỗ cho mình. Ngày lễ bán được, mùa lạnh cũng bán được nhiều. Bán quanh năm. Một ngày bán cũng gần trăm ngàn, còn trừ phân tro, công không kể. Xóm cháu mỗi nhà 4 - 5 sào. Mỗi xóm 500 nhà, vườn đẹp lắm. Người ta đến ngắm, mua hoa tại vườn. Chồng cháu tới, cắt cành, phụt thuốc. Đất cứ cày lên, cày trâu, máy bừa. Lên luống, cứ thế trồng. Hoa phải luống cao, úng là chết hết. Đi tong. “Hợp chợ” lẩn chiếm vỉa hè có sao không? Ổi giời, công an phạt suốt ngày. Phạt 20.000 đồng một biên lai. Nếu không cứ ở đồn đến tối ra thì hoa vứt đi, ai mua! Vào chợ không có chỗ đỗ, ai người ta cũng đuổi. Ăn thì ở quán, tối về. Cô hỏi nhanh cho cháu đi bán.

Toàn câu “giật cục” ngắn gọn vì còn cả một bó toàn hồng nhung. Bồi dưỡng cho chị ấy xong, mới thở phào, chào cô cháu đi bán nốt...

Họ mỗi người một xe đạp, phố nào cũng cả đoàn đi rong, tất cả ngược xuôi, mồi mọc, rao lớn khắp các nhà, ngõ hẻm... Chỉ lo sinh kế, không một ai tự thấy mình đang làm cho phố Hà Nội vừa bộn bề mất trật tự, lại vừa đem đến một vẻ đẹp kỳ lạ: ‘dòng’ hoa đủ màu, đẹp lộng lẫy trôi trên phố xá. Hoa vẫn đẹp nồn nà, “vô tư” sau lưng người đạp xe đang lo sốt vó...

THÀNH XƯA IN DẤU

Vì sao khi Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) được nước, cung điện nơi thành Hoa Lư các vua Đinh, vua Lê dựng như *“điện bách Bảo thiên tuế, cột điện dát vàng, dát bạc làm nơi coi châu, bên đông là điện Phong Lưu, bên tây là điện Cực Lạc, rồi làm lầu Đại Vân, dựng điện Trường Xuân làm nơi vua ngủ, bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc...”*; lâu đài điện các như thế, tưởng đã đến cùng xa cực xỉ.

Thế mà Lý Công Uẩn vẫn chưa hài lòng, vẫn quyết định dời đô về nơi đất thành Đại La? Tại sao lại như vậy?

Nếu ham hưởng lạc, chắc chắn Lý Công Uẩn đã đắm mình trong các cung vàng điện ngọc nơi đất cũ Hoa Lư. Ta cũng nên nhớ, khi ấy nhà vua mới có 36 tuổi, sức lực còn đang cường tráng, dễ thả mình vào các thú vui dục lạc. Nhưng vì thế nước, vì sự phát triển dài lâu nên ông phải chuyển dời. Đường hướng, ý tứ đều ngụ cả trong lời “Chiếu dời đô”.

Nhà vua đã xác định với ý thức tự chịu trách nhiệm trước lịch sử. Tức là *“không theo ý riêng mà tự dời đô bầy dâu là vì mưu chọn chỗ ở chính giữa làm kế cho con cháu muôn đời”*.

Nói về thế đất chọn làm nơi định đô, trong tờ thủ chiếu, Lý Công Uẩn khẳng định:

“... Đại La ở giữa khu vực trời đất, có thế rồng cuộn hổ ngồi, ở giữa nam bắc đông tây, tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phồn vinh, xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi hơn cả. Thực là chỗ hội hợp của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sư muôn đời...”

Đúng như lời “Chiếu dời đô” mong muốn, từ khi nhà Lý chuyển về Thăng Long, vận hội nước ta ngày một mở mang. Kinh tế phát triển, Văn hóa tân tiến, cởi mở. Các học thuyết Phật – Nho – Lão được vận dụng vào việc định hướng chính trị rõ ràng. Với định chế hài hòa giữa con người, xã hội và thiên nhiên. Đó là xã hội Nho, tâm linh Phật và thiên nhiên Đạo. Đây chính là cốt lõi của học thuyết “tam giáo đồng nguyên”. Đặc biệt về quân sự có học thuyết “Ngụ binh ư nông” để tổ chức quân đội, khiến nhà Tống còn phải học.

Việc này trong “Vân đài loại ngữ”, Lê Quý Đôn viết: *“Thái Diên Khánh làm quan ở đất Hoạt, học được cách tổ chức quân đội của An Nam, biên chép thành sách, dâng lên vua Thần tông nhà Tống, được vua khen”*.

Ở châu Âu, nhà nghiên cứu văn hóa Pierre Pasquier trong *L'Annam d'autrefois* cũng nhận định về việc này như sau: *“Nước Nam đã biết dùng binh lính vào việc làm ruộng trước cả nước La Mã cổ xưa”* (L'Annam a connu le soldat laboureur avant la Rome antique).

Nhà Lý sau khi đã bình ổn được thiên hạ, lập tức nghĩ đến kế sách làm cho dân giàu, nước mạnh. Tổ chức quân đội thì như vậy. Còn việc nông tang lại càng khuyến khích người dân khai

hoang vỡ hóa, và làm chủ luôn đất ấy. Vừa lên ngôi, kho tàng trống rỗng, mà Lý Công Uẩn xuống chiếu tha tô thuế ba năm liền, để người dân có cơ hồi sức. Trong 18 năm trị vì, vị vua khởi nghiệp của nhà Lý đã ba lần tha tô thuế, tổng cộng tới 8 năm. Các loại thuế trong thiên hạ chỉ quy về có 6 sắc, chủ yếu đánh vào các nguồn lợi thu từ rừng và biển. Ví dụ: sừng tê, ngà voi, trầm hương, ngọc trai, đồi mồi và muối.

Các chính sách chấn dân và phát triển đất nước của Thái Tổ Lý Công Uẩn, đều thể hiện rất rõ trong lời chiếu. Và đất nước hưng thịnh sau khi dời đô, lại càng ứng với sự tiên đoán của nhà vua.

Thật ra trong lịch sử cổ kim của nhân loại, từ khi có tổ chức nhà nước, thì chưa có nhà nước nào lại thương dân, nuôi vỗ dân và tha tô thuế dài dài như vị vua mở nghiệp của nhà Lý này. Phải chăng, ông xuất thân từ cửa Phật, nên lấy sự hướng thiện làm mục tiêu chính trị của đời mình.

Chính vì thế mà triều Lý là triều đại đầu tiên đưa nước ta vào hàng ngũ các quốc gia văn hiến. Lại nữa cũng chính nhà Lý, xây dựng nước Đại Việt trở thành một nước vừa giàu có vừa hùng mạnh, vào bậc nhất trong khu vực, đến nhà Tống cũng phải nể trọng. Điều đó càng chứng minh bản lĩnh chính trị và sự sáng suốt của Thái Tổ Lý Công Uẩn, mà dời đô chỉ là việc mở đầu.

Nay nhân xây nhà Quốc hội, giới khảo cổ nước ta được phép vào thăm sát trước khi đào móng đắp nền. May thay lại khai đúng “mỏ vàng”.

Điều đáng nói, không phải lần đầu tiên ta tìm thấy ngôi úp nóc lá đề, ngôi ống trang trí hình rồng giun, men ngọc, đầu rồng bằng đất nung đặt trên mái điện và bình, bát... đời Lý. Cũng

không phải là lần đầu tiên ta tìm thấy đầu phượng đất nung, gạch lát thêm, gạch lát nền trang trí hoa cúc, các linh thú bằng gốm, các thạch, thổ, bình, bát, đĩa men ngà, men nâu thời Trần. Mà điều quan trọng ở chỗ ta khai quật được một số lượng khá lớn các di vật cổ, và trong cùng một hố khai quật cho ta biết tới mấy tầng văn hóa.

Diện tích khai quật chưa phải là lớn, nhưng các cổ vật thu được kể tới hàng triệu, rõ ràng ngành khảo cổ nước ta đang được mùa lớn. Đặc biệt nhất là những hàng tảng chân cột cung điện, hứa hẹn cho ta một cái nhìn toàn cảnh về thành Thăng Long cả ngàn năm trước.

Từ xưa, các triều đại Lý, Trần, Lê dựng các cung điện tại các vị trí đều đã được mô tả trong sách sử. Kể cả về huy hoàng, lộng lẫy của nó, không chỉ sử ta ghi chép, mà các sứ thần phương Bắc tới, dù công nghênh, ngạo nghễ như sứ Tống, sứ Nguyên cũng đều phải thốt lên: *"Đến triều đình bên thượng quốc chúng tôi, cung điện cũng không đẹp hơn bên quý quốc được."* Và những điều mắt thấy ấy, đều được họ chép ghi rải rác trong các sách sử hoặc các tạp ký của người Trung Hoa.

Chỉ xem những đầu rồng, đầu phượng, ngói úp nóc lá đề, ngói ống men ngọc với những hoa văn trang trí tinh xảo như vậy, đủ biết về quy mô và rực rỡ của các cung điện thời Lý-Trần đến mức nào.

Tuy nhiên, để hình dung ra một kinh thành Thăng Long từ đời Lý-Trần thật không dễ. Bởi trải bao biến thiên. Nào bão lụt, nào động đất, nào giặc đốt phá. Riêng đời Lý đã mấy lần tu sửa cung điện. Đời Trần nhiều lần giặc Nguyên-Mông tràn vào đốt phá. Cả nước Champa nhỏ bé ở phương nam, được vị vua giỏi là Chế Bồng Nga dẫn dắt, cũng nhiều phen vào tàn phá Thăng

Long hồi cuối thế kỷ 14. Khi Chế Bồng Nga rút đi, vua Trần Nghệ Tông đã phải cho dựng nhà tranh tre làm nơi coi châu.

Ta biết nơi nhà Lý dựng điện Càn Nguyên, sau nhà Trần dựng điện lớn Thiên An vẫn trên nền đất ấy. Rồi sau nữa nhà Lê dựng điện Kính Thiên cũng trên nền điện Càn Nguyên khi trước.

Ta lại có bản đồ Hồng Đức, gần đây tiến sĩ Ngô Đức Thọ vừa công bố tám bản đồ khá chi tiết, và được biết rõ xuất xứ từ năm 1810. Do đó gương mặt thành Thăng Long cũng giúp ta hình dung tương đối rõ nét.

Việc định vị điện Kính Thiên, rồi từ đó xác định vị trí các cung phủ khác không phải là khó. Thế nhưng ta có dám chắc các cung điện khác, các đời sau vẫn duy trì tu bổ, hoặc bị giặc tàn phá, lại dựng đúng đất cũ nền xưa, hay nó chuyển dịch sang đông, sang nam... Cho nên các nhà khoa học lấy Kính Thiên làm định vị để đoán tả văn hữu võ, rồi suy ra cung này cung nọ, cũng chỉ là một giả định thôi.

Việc xác định này thật không dễ, chắc còn phải khai quật tiếp để thêm nữa các thông tin lịch sử, rồi hội thảo bàn bạc và cuối cùng là kết luận trên các luận chứng lịch sử mang tính khoa học chặt chẽ. Mong sao nhân sự việc trọng đại này, ngành khảo cổ học nước ta, nên mời thêm các chuyên gia của một số nước có trình độ phát triển cao, và có quan tâm đến lịch sử Việt Nam như Pháp, Nhật để tham vấn. Và như vậy, khi kết luận, các công trình sẽ mang độ tin cậy cao.

Ngôi mộ cổ Dương Lô ngày nào, vì kết luận theo suy đoán, chứ không dựa trên những thông tin khoa học, đã gây hậu quả phiến toái, chắc đã là bài học mà giới sử học nước nhà khó quên. Dân chúng càng không thể quên được.

Đây là một công việc của khoa học lịch sử, chỉ giới khoa học

lịch sử mới đủ thẩm quyền kết luận. Là một nhà văn, viết về đề tài lịch sử trong các giai đoạn Lý – Trần, tôi hết sức quan tâm theo dõi.

Nhân đây, có một vài cảm nghĩ về các đồ gốm, sứ mà ta vừa khai quật được. Các giá trị về kỹ năng chế tác như xương, men, nghệ thuật nung và đặc biệt là phong cách tạo dáng, vẻ đẹp của hoa văn trang trí; giới khoa học và mỹ thuật nước nhà từ lâu đã được khẳng định rằng, nền gốm sứ thời Lý – Trần đạt tới trình độ tuyệt hảo.

Những nhà sưu tầm gốm sứ sành điệu của Nhật Bản, từ những thế kỷ trước đã rất ưa chuộng đồ gốm sứ Lý – Trần – Lê hoàn hảo như của người Nhật Bản. Ngay ở nước ta, Bảo tàng lịch sử, Bảo tàng Mỹ Thuật, cũng chỉ có được những mảnh vụn của dòng văn hóa vật thể này.

Từ những viên gạch lát nền, lát thêm, gạch xây tường, ngói lợp mái, ngói ống, ngói nóc rồi tới các đầu rồng, đầu phượng, các linh thú, các thạp, thố, bình, ấm, chén, bát, đĩa... cho ta một cảm nghĩ:

1. Tất cả những sản phẩm trên về mặt tạo hình đều in đậm nét văn hóa Đại Việt, dường như không có dấu ấn Trung Hoa.

Ta cứ hình dung trên nóc điện hoặc nóc đình chùa, tại hai đầu mút có hai cái đầu rồng (Lý) hoặc đầu phượng (Trần), châu vào một lá đề lớn đặt chính giữa nóc mái với họa tiết rất tinh tế, và chạy dọc nơi mái là những ngói úp nóc cũng hình lá đề nhỏ, cho ta một cảm giác về cái đẹp thuần Việt biết chừng nào. Cách trang trí này sang thời Lê - Nguyễn là lưỡng long triều nhật hoặc triều nguyệt. (Hai rồng châu mặt trời hoặc mặt trăng). Đây là lối trang trí ảnh hưởng nặng nề phong cách Trung Hoa. Sự ảnh hưởng nặng nề đó, không chỉ riêng về kiến trúc mà còn thể

hiện trên nhiều bình diện xã hội khác. Sở dĩ có tình trạng này là bởi các triều đại Lê, Nguyễn đã để mất đi tính độc lập của Việt nho mà lấy nho giáo Trung Hoa, cụ thể là Minh nho. Thanh nho làm hệ quy chiếu.

2. Về kỹ năng chế tác những loại sản phẩm này như xương đất, chất liệu men và màu men cùng nghệ thuật nung, đã đạt tới trình độ rất cao so với kỹ nghệ chung của thế giới trong các thế kỷ X-XIV.

Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao cái nghề gốm sứ tinh xảo thời Lý – Trần ấy lại mất tiêu vào thời Lê kế đó? Mãi gần đây một vài nghệ nhân ở Bát Tràng mới phục chế được. Tuy nhiên chất men vẫn chưa đậm, và chưa “khôn” tới mức sâu lắng hút cả tầm mắt ta như loại men ngọc thời Lý, hoặc khỏe khoắn đến ngạc nhiên như chất men nâu thời Trần.

Sự đứt gãy nghề gốm sứ tinh xảo thời Lý – Trần kéo dài tới sáu thế kỷ, chỉ có thể giải thích được do cuộc xâm lược tàn bạo của giặc Minh, đứng đầu là tên cáo già Minh Thành Tổ. Chính sách của nhà Minh là đồng hóa Đại Việt bắt đầu bằng việc tàn sát văn hóa. Tiếp đó là tàn sát con người, đặc biệt là giết hại đàn ông, thiến hoạn trẻ em tiến tới đồng hóa về huyết thống, về chủng tộc.

Minh Thành Tổ lệnh cho các tướng sang xâm lược An Nam phải đốt tất cả các sách do người Nam viết. Tất cả những sản phẩm văn hóa cái gì quý có thể cướp đi được thì cướp, không cướp được thì phá hủy. Tất cả những sách do người Trung Hoa viết thì thu hết đưa về Yên Kinh (tức Bắc Kinh ngày nay). Tất cả những người có học thức, có chữ nghĩa, có nghề nghiệp đều bắt hết đưa về Trung Hoa.

Về việc giặc Minh đốt phá, cướp bóc, hủy hoại khiến thiếu

nghiêm trọng tài liệu cho việc viết quốc sử, được thể hiện trong Biểu dâng sách “Đại Việt sử ký toàn thư” của Ngô Sĩ Liên lên vua Lê Thánh Tông, trong đó viết:

“Dáo mác đầy đường, đâu chẳng là giặc Minh cường bạo; sách vở cả nước, đều trở thành một đồng tro tàn. Muốn tìm sự tích sót lại trong than trong tro, khó tránh thị phi về lầm chữ hợi chữ thi.” (Hai chữ này tự dạng gần giống nhau).

Các việc này, “Đại Việt sử ký toàn thư” chép như sau: *“Quân Minh vào Đông Đô (tức thành Thăng Long), cướp bắt con gái và của cải, tính toán lương chứa, đặt quan coi việc, chiêu tập dân xiêu tán, làm kẻ ở lâu dài, thiên hoạn nhiều con trai trẻ tuổi và thu lấy tiền đồng ở các xứ cho trạm đem về Kim Lăng (Nam Kinh ngày nay). (Bản Kỷ quyển VIII trang 248).*

Ở một đoạn khác “Toàn thư” lại chép về thủ đoạn và hành vi thâm độc của giặc Minh. Chúng bắt *“... Người có tài đức, thông minh, chính trực, giỏi giang xuất chúng, thông kinh giỏi văn, học rộng có tài, quen thuộc viết văn, tốt chữ giỏi tính, nói năng hoạt bát, hiểu để lực điền, tướng mạo khôi ngô, mạnh khỏe can đảm, tập quen đi biển, thợ nung ngói làm hương, tìm bắt chính thân những người ấy lục tục đưa về Kim Lăng...”* (Bản Kỷ quyển IX trang 255).

Thế là đủ rõ âm mưu nham hiểm được tính toán khá kỹ càng của giặc Minh. Ngoài việc chúng tàn sát nền văn hóa vật thể, kể cả nền sản xuất của chúng ta, chúng còn triệt phá nguồn lực và các tiềm năng có thể hồi phục đất nước của Đại Việt. Nên chúng đã bắt hầu như tất cả những lực lượng ưu tú nhất của xã hội ta từ người có nghề đến người có chữ, từ người khỏe mạnh can trường đến người biết các nghề thủ công (mộc, nề, gốm, sứ), kể cả người làm ruộng (lực điền), người quen thạo nghề đi biển (để mò ngọc

traí, bắt đôi mồi), thậm chí cả người đẹp (tướng mạo khôi ngô) cũng bị bắt đưa hết về Yên Kinh, để chúng tùy nghi sử dụng hoặc thủ tiêu.

Ta được biết nhà khoa học và là chuyên gia chế tạo vũ khí Hồ Nguyên Trừng, được nhà Minh trọng dụng đưa lên tới chức thượng thư bộ Công, để ông ta chế tạo đại bác bắn đạn đồng vào loại sớm nhất thế giới cho nước Trung Hoa. Trong khi đó thì cha (Hồ Quý Ly) và em (Hồ Hán Thương) của Hồ Nguyên Trừng đều bị người Minh bắt và giết chết.

Lại nữa, kiến trúc sư Nguyễn An cũng bị giặc Minh bắt đưa về Yên Kinh, họ dùng ông vào việc xây dựng cung điện. Chính Nguyễn An là tác giả của công trình kiến trúc Thiên An Môn, và là tổng công trình sư đại trùng tu cố cung Bắc Kinh dưới triều Minh.

Vì những lý do trên, sau khi đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi, nước ta bị hẫng hụt về trí thức, về vật lực, tài lực. Và việc mất tiêu ngành gốm, sứ tinh xảo vào bậc nhất trong lịch sử gốm sứ nước nhà, thủ phạm chính là bọn xâm lược nhà Minh. Bởi chúng đã tàn phá triệt để các cơ sở sản xuất, lại giết hoặc bắt hết thợ đi rồi để ta hết đường khôi phục. Vì vậy ngành gốm, sứ Lý – Trần nước ta bị mai một là điều dễ hiểu.

Nhân việc ta tìm lại được một số lượng lớn gốm, sứ tập trung trong các hố vừa khai quật, nên chẳng giới sử học, giới văn học, giới báo chí nước nhà hãy cùng nhau làm sống lại lịch sử và vạch trần tội ác trời không dung, đất không tha của giặc Minh tàn bạo thế kỷ 15. Việc phơi bày tội ác hủy diệt văn hóa và môi trường văn hóa này, nhằm cảnh báo để không bao giờ các thảm họa văn hóa tương tự được phép xảy ra nữa đối với nhân loại.

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Trãi viết lời hịch kể tội

ác của giặc Minh. với tất cả lòng căm thù được trút lên ngọn bút.
Lời hịch có sức nặng như cả trái núi.

“... ”

*Cây binh gây hấn, ác chứa gần hai chục năm,
Bại nghĩa thương nhân, trời đất tưởng chừng muốn dứt.
Cỏ cây sâu bọ, không loài nào được thỏa sống còn,
Quan quả khốn cùng, chẳng một ai được ở yên ổn.
Hút máu mủ sinh linh, quân tham ác miệng răng nhờn béo.*

...

*Tát cạn nước Đông – hải không đủ rửa hết vết nhơ,
Chặt hết trúc Nam - sơn, chẳng đủ ghi hết tội ác
Thần người đều căm giận, trời đất chẳng dung tha...”*

Trở lại chuyện thành xưa in dấu. Chắc chắn Thăng Long rồi sẽ được hiển lộ rõ nét hơn, nếu ta mở rộng thám sát và khai quật.

Tuy nhiên. để phân loại rồi đánh giá các cổ vật ấy, và xác định vị trí những cung điện xưa, còn phải mất nhiều thời gian nữa.

Song thiết nghĩ, một khi ta đã có đủ dữ liệu lịch sử tin cậy và điều kiện cho phép, nên tái dựng mô hình thành Thăng Long thế kỷ XI. Và nên chăng, thử dựng lại một trong các cung điện đó, như điện Tập Hiền chẳng hạn. Và cũng nên giữ lại một diện tích tiêu biểu làm bảo tàng ngoài trời, như nước Nhật Bản đã từng làm với kinh đô Nara cổ kính của họ.

Song tốt nhất vẫn nên dựng lại điện Càn Nguyên (đời Lý) hoặc điện Thiên An (đời Trần) thay vì điện Tập Hiền. Bởi Càn Nguyên – Thiên An có vai trò lịch sử quan trọng trong việc hoạch định các chính sách to lớn mang tính sống còn của nhà nước Đại Việt.

Tuy nhiên, thành Thăng Long đã bị chìm khuất, bởi nó bị tàn phá nặng nề qua các cuộc xâm lăng của các thế lực ngoại bang, như nhà Nguyên (thế kỷ XIII), Champa (thế kỷ XIV), nhà Minh (thế kỷ XV), nhà Thanh (thế kỷ XVIII), thực dân Pháp (thế kỷ XIX),...

Do đó, đối với mỗi người Việt Nam, kinh thành Thăng Long chỉ tồn tại như một dư ảnh. Nay ta khai quật, vớt dáng kinh thành đã hiện dần lên với diện mạo thời Lý – Trần, vừa đẹp đẽ vừa hoành tráng xiết bao.

Nếu tái dựng điện Càn Nguyên trên nền đất cũ (tức là nền điện Kính Thiên thời Lê), thì đó sẽ là niềm tự hào chân chính của nhân dân cả nước, kể cả kiều bào ta đang sinh sống ở nước ngoài cũng vô cùng hoan hỉ. Đặc biệt rất có ý nghĩa đối với nhân dân miền Nam, những chiến sĩ tiên phong đi mở đất, từng mơ khát về Thăng Long như nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ đã viết:

Có ai về Bắc ta đi với

Thăm lại non sông giống Lạc Hồng

Từ thuở mang gươm đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long

Biết đâu, kỷ niệm một ngàn năm Thăng Long ta chẳng có nhiều cái mới, như mô hình thành Thăng Long, bảo tàng cổ vật Thăng Long, bảo tàng Thăng Long ngoài trời...

Đó mới là những việc làm đích thực để kỷ niệm MỘT NGÀN NĂM THĂNG LONG. Đó mới là những việc làm để tôn vinh lịch sử đúng mức.

Hy vọng từ đây nước ta sẽ mở ra một vận hội mới.

Láng Thượng, ngày 11/01/2004

NHẬT KÝ (GÃ) ĐÀO ĐƯỜNG

Tháng 4, năm 200... -

Mình có nên đi khám bệnh không? Khi cái ham muốn điên cuồng kia lại trỗi dậy. Sáng nay ngủ dậy còn thấy rất sảng khoái. Có con chim nhà bên cạnh hót rất vui. Rồi mình đi tắm. Lúc trong nhà tắm mình còn vừa tắm vừa hát. Khi đó mình thấy yêu cuộc đời này quá...

Rồi lúc chạy xe đi làm mình cũng còn thấy vui. Thế mà khi vừa quẹo ra con đường mới, thì tất cả thay đổi. Vừa nhìn thấy mặt đường phẳng phiu mới trải nhựa xong ít ngày, xe chạy bằng băng không vướng bụi, tự nhiên cái ham muốn kia bùng lên trong người mình. Nó ngùn ngụt đến mức mình tự hỏi, sao thế này? Chẳng lẽ thuốc uống suốt quý I năm nay không có tác dụng gì sao? Không, mình nghĩ rồi, đối với dạng bệnh này, thuốc chỉ có tác dụng khi “yếu tố khởi phát cơn” dừng xuất hiện nữa. Có nghĩa là dừng có những con đường mới ra đời, mặt đường dừng quá phẳng, và người đi đường dừng mang vẻ mặt quá thỏa mãn vì được thênh thang... Nhìn thấy tất cả những thứ này, Thánh cũng phải lên cơn đào bới như mình mất thôi. Mình chỉ muốn có ngay một cái xẻng trong tay, hay một cái cuốc chim cũng được,

đào một cái gì đó trên đường, nhỏ cũng được, một cái lỗ cũng được, miễn ở ngay giữa cái mặt đường phẳng phiu kia...

Mình biết đào đường thế là sai. Một cái gì đi ngược lại quyền lợi của đám đông vô tội thì nói chung là sai, mình biết. Nhưng đó là bệnh, bác sĩ gọi tên nó là “ám ảnh phá hủy”; nó nằm ngoài ý muốn của mình, nó bất chấp ý muốn người khác, và mình chỉ mong nhân dân hiểu được cho là mình bị mắc cái chứng oan nghiệt này để mà tha thứ cho thôi.

Tháng 7, năm 200...

Tưởng đã đỡ sau đợt điều trị tháng tư, hóa ra kết quả lại còn đáng sợ hơn: bác sĩ nói mình chuyển sang một dạng khác của bệnh, như mặt kia của một đồng xu, có tên là “ám ảnh xây dựng”.

Hình như có sự thay đổi về thị giác và ý thức vật cản. Những con đường ở Hà Nội, trước kia mình vẫn thấy nhỏ bé, xinh xắn, rất đặc trưng Hà Nội, thì từ khoảng một tháng rưỡi trở lại đây, mình thấy nó sao mà quá to, quá trống trải, lại như không có gì có thể ngăn được hai luồng xe (dù chậm) đâm sầm vào nhau. Cứ bước ra đường là mình chỉ muốn xây ngay một con lươn, xấu xí cũng được, gây chết người như chơi cũng được, nhưng phải xây ngay, xây vội vàng, cắt cho nứt đôi một con đường, cho hoa sữa rụng đều hai nửa, cho mọi thứ hẹp lại, chật chội lại, ùn tắc lại... Trời ơi, chỉ có ngồi đây, viết lại thôi, mà cái ham muốn làm con lươn đã trỗi lên trong mình như thế này rồi, nó lại bưng bưng không khác gì cái ham muốn đào đường mấy tháng trước. Nó thiêu đốt mình, làm mình chỉ muốn lấy trộm tiền của mẹ Nhà nước, thỏa mãn cái cơn làm lươn này xong rồi muốn gì thì muốn...

Mình đâm oán mẹ. Có lẽ mẹ chiều mình quá nên mình mới thế này. Trước tất cả những cơn điên của mình, mẹ vẫn đều đặn cấp tiền ăn sáng cho mình. Mẹ phải biết rằng, không có tiền của

mẹ thì cơn điên nào có điên mấy cũng phải tỉnh chứ! Chỉ trong 2 tháng, mình đã phá được 6 con đường, cày tung 3 dây phố, và làm được 4 con lươn. Nếu nhân dân có oán, thì phải oán mẹ mình, chứ không phải mình. Ấng lẽ mẹ mình phải theo dõi chặt hơn, “siết” hết các phương tiện gây án của mình, hoặc nặng hơn, như tích Tàu, mẹ phải giết mình đi mới phải.

Tháng 12, năm 200...

Không có cái gì an ủi với một người bệnh hơn là việc nhìn thấy có một thằng cũng bệnh giống hệt mình.

Hôm nay mình đi qua khu X, đã thấy một thằng cũng đang đào bới. Hình như nhà nó giàu hơn nhà mình. Mình thấy nó đông công nhân hơn, xe ủi to hơn, và đường nó đào nát hơn mà người đi qua không ai dám nói.

Nhưng giữa những người bệnh, lại còn có cả tâm lý ganh đua: tao nặng hơn mày. Thằng này mới ở giai đoạn “phá hủy”. Còn mình đã bước sang giai đoạn 3: “xây rồi phá”. Mình giờ có cái thú làm đường mới, làm vừa xong thì đào bới lên. Mình thích xây đường thật to để sau đó phá thật nát. Và mình thậm chí còn tìm ra những lý do chính đáng để phá thật nát. Trò chơi này tốn tiền khổng lồ khiếp, và mình biết mẹ phải vay tiền các dì bên nước ngoài. Trò chơi này lại làm đau lòng nhân dân qua đường, nhưng họ là nhân dân, nghĩa là không dính líu gì đến mình cả.

Mình đã ở giai đoạn cuối của bệnh, mình chẳng sợ ai.

Mình chỉ sợ công an.

Nhưng có lần mình nghe trộm được mẹ nói với bố: “Đừng lo, pháp luật nào cũng có những lý do che chở cho những thằng điên, anh ạ!”

2002

HÀ NỘI – ĐÔNG NÀY...

Tháng 11, Hà Nội bắt đầu lập đông. Cái rét mùa đông Hà Nội ngọt lãm, không đơn sơ buồn ảm ướt như ở quê tôi. Hà Nội, những con đường đạp xe không biết mỏi, những ngõ phố uốn mình quanh các khu tập thể thơm mùi bếp núc... Lũ chúng tôi, những kẻ tứ xứ đổ về đây đã không ít lần ngẩn ngơ mỗi khi ngang qua Hồ Tây với con đường Thanh Niên mờ sương phủ. Có một chút buồn và nhớ mơ hồ về quê hương, về nơi đồng cỏ hoang đã gắn với tuổi thơ của mình. Giữa lòng thủ đô, tưởng rằng không thể tìm được chút gì mang hồn sắc quê hương, nhưng như thế có phải là nhầm lẫn quá không? Hà Nội vẫn còn đó những mái đình rêu phong, những ngôi chùa cổ kính. Và nét thơ của Hà Nội hòa vào thiên nhiên, quyện vào con người tạo nên một cảnh sắc hài hòa, một bức tranh hoàn hảo. Bạn hãy thả bộ một lúc trên đường Hoàng Diệu hay Nguyễn Du mà xem, tôi dám chắc khi về bạn sẽ có một cái gì đó cho riêng mình. Có thể là niềm tin, tình yêu hay một chút tự hào... Còn đối với những kẻ lãng mạn như chúng tôi, ý tưởng về một bài thơ hay một truyện ngắn là không thể không có. Và để rồi từng đêm trong căn phòng nhỏ nơi ký túc xá, tôi lại

ngồi thật khuya để nghĩ về Hà Nội, về một ngày nào đó mình sẽ phải xa nó, chợt buồn đến nao lòng...

Tôi nhớ, ngày còn học phổ thông, mỗi lần lớp lấy biểu quyết chọn địa danh đi tham quan thì cả nhóm năm đứa con gái chúng tôi thường gào lên: “đi Hà Nội” làm tội trong lớp có khi phải bực mình. Chúng nó thích đi xa hơn. Huế hay Đà Lạt gì đó. Vậy cho nên ý định của chúng tôi thường bị gạt đi. Học hết lớp 12, mặc dù bố thu xếp cho tôi một chỗ khá vững trong Công ty xuất nhập khẩu nhưng tôi vẫn nhất quyết đòi thi đại học. Lý do duy nhất là chỉ cần một lần được đến thủ đô, được theo dòng người thành kính vào Lăng viếng Bác, thế là đủ. Bây giờ tôi đã là sinh viên. Tôi hơn tội bạn ở chỗ được sống giữa thủ đô Hà Nội, được tận mắt thấy vòng quay bốn mùa của nó. Và có lẽ nói bạn không tin chứ tôi yêu nhất vẫn là mùa đông, bởi vì đông Hà Nội nhớ đến thất lòng...

Giảng đường chúng tôi học nấp sau một hàng cây xà cừ. Mùa đông quả xà cừ bắt đầu rơi đều xuống gốc. Khi lớp vỏ màu xám tách ra bốn cánh thì tôi mới giật mình nhớ đến mùa quả xà cừ rụng mấy năm về trước. Vậy là đã qua hai mùa đông...

Mùa đông năm ấy, khi tôi còn là một cô bé mới bước chân vào giảng đường đại học thì một ngày... Hôm đó Hà Nội cũng se se vào đông, một người con trai đến đặt vào tay tôi quả xà cừ: “Anh muốn đem lại một niềm vui nho nhỏ cho em, để đông này đỡ lạnh...”. Quả xà cừ run rẩy trong tay tôi, nó nằm yên lặng lẽ, khó hiểu. Ánh mắt của người thanh niên nồng nàn và ấm áp. Đông đó - mùa đông đầu tiên tôi không còn được rúc đầu vào lòng mẹ, người ấy đã đến và xua đi cái lạnh trong tôi. Sau này, tôi vẫn không thể hiểu nổi tại sao loài hoa mỏng manh yếu ớt ấy khi thành quả lại cứng và khô đến vậy. Rồi anh ra trường, mỗi mùa

hoa xà cừ đến anh lại đưa một người con gái rất đẹp trở về nơi giã gạo xưa, nhưng mà anh không dừng lại trước hàng xà cừ. Những bông hoa nhỏ bé ấy cứ tung lên rồi lại rơi xuống trước bánh xe quay tròn của anh. Tôi hiểu... và không nuối tiếc mùa hoa... tôi chỉ yêu mùa quả của nó. Tôi yêu cái lạnh và sự cô đơn như hoài vọng của một sự ảo tưởng mơ hồ.

Bay giờ mùa đông Hà Nội đã khác mùa đông năm xưa, chỉ có cái buồn của nó vẫn còn là vĩnh viễn. Mùa đông, lá vẫn rải đều trên những con đường vắng lá đậu vơi vàng trên mái tóc buồn tha thướt của người thiếu nữ. Tiết trời đông Hà Nội dễ buồn và dễ nhớ, xao xác tận đáy lòng. Đã có ai một lần mãi mê đạp xe trên phố, nghe cái gió lùa vào tận chân tóc mới cảm nhận được cái nét hoang sơ dịu dàng ẩn chứa trong mùa đông Hà Nội. Tháng 10, khi mùa thu còn chần chừ với hương cốm làng Vòng thơm ngát thì đông đã ủa về đem theo làn gió mới lành lạnh hơi ẩm, đơn sơ nét giao mùa. Dạo chớm đông, khi cái rét ngọt ngào vừa đủ cho người ta đi bên nhau để tìm hơi ấm thì Hà Nội vẫn còn băng khuâng như chưa muốn dứt mùa thu ra đi vội. Cho nên năm nay, dường như Hà Nội lập đông muộn hơn, nhưng điều đó không có nghĩa là đông bớt đi phần thơ mộng của nó...

Mùa đông, người Hà Nội có cái thú bách bộ trên đường. Một tấm áo gió mỏng mảnh, một chiếc gi-lê khoác với quần bò. Hơi lạnh đấy, nhưng mà thi vị lắm. Đêm về, chỉ cần có vài đồng lẻ trong túi, ta có thể sà ngay vào một hàng ốc nóng ngang đường. Vừa ăn vừa xuýt xoa vì cái vị cay nồng của nó. Ốc nóng có nhiều nơi, cứ mỗi lần ngửi cái mùi lá chanh ngan ngát là tôi lại nhớ ngay đến những lần để chân trần lội bờ mương bắt ốc dạo còn bé. Ngoài ốc ra, ngô nướng cũng không kém phần hấp dẫn. Bạn cứ hình dung ra cái cảnh 5, 6 đứa con gái ngồi quây quần bên bếp

than nghe người bán hàng vừa xoay đều bắp ngô trong tay vừa kể chuyện mà xem. Tuyệt lắm chứ!

Còn gì nữa không? Vâng, quả là nhiều lắm. Hà Nội không chỉ có mùa thu đẹp như mơ trong các ca khúc của người nhạc sĩ mà Hà Nội còn có mùa đông – một mùa đông gợi nhớ tất cả những mùa đông đã qua. Dù cuộc sống ngày càng khó khăn, dù lòng người dễ đổi thay nhưng có mấy ai không cảm thấy bồi hồi mỗi khi trở lại con đường với những kỷ niệm ngày xưa, với thủ đô “ngàn năm văn hiến”?

Và mùa đông này, ai còn nhớ? Ai đã quên?

TÀO PHỞ... TÀO PHỞ

Ấy là tùy theo giọng rao của từng người bán hàng mà lúc thì ta nghe ra “phở”, khi ta lại nghe ra “phở”. Nhưng dấu tiếng rao thế nào người Hà Nội cũng biết đó là một món ăn quen thuộc trong mùa hè. Đây là một món ăn dân dã được chế biến từ đậu nành. Cách làm cũng gần như làm đậu phụ: đậu dãi vỏ, xay mịn với nước rồi lọc kỹ qua vải dày và đem đun. Khi nước đậu đã chín, thay vì ép khuôn như đậu phụ, ta thêm hàn the vào, nước đậu sẽ kết tinh thành tào phớ, một thứ kết tinh rất mềm và mịn bóng.

Tôi đã hỏi nhiều người về xuất xứ của từ “tào phớ” và được giải thích rằng đây là món ăn của người Tàu, do những người Tàu rao bán, lâu ngày từ này được Việt hóa. Tôi chỉ đồng tình một nửa với lời giải thích này, đó là về cái từ “tào phớ”, một cái từ mới nghe đã thấy rất là Tàu. Chứ còn món ăn chế biến từ đậu nành vốn là món ưa thích của người châu Á chứ phải đâu riêng của người Tàu. Ngay ở ta, món ăn này có khắp mọi nơi, đặc biệt nếu bạn về Quảng Ngãi vào mùa hè, đâu đâu bạn cũng thấy. Người ta bán dạo món ăn này dọc theo đường cái quan, ở sân

đình, trong sân trường, len lỏi cả vào các đám gặt, đám chặt mía đang đông người lao động. Có điều tên gọi thì khác hẳn với tiếng rao rất cụ thể: “Ai... đậu hũ”. Cái tên rất chi dân dã nói lên cái chất dân dã của món ăn. Cũng là nguyên liệu đó, cũng với cách làm đó nhưng người Quảng Ngãi không đựng đậu vào thùng gỗ mà đựng vào hũ sành, vậy nên nó được gọi đích danh là “đậu hũ”. Đậu đựng vào hũ, vậy thôi, rõ ràng ăn kèm với đậu, người Quảng Ngãi dùng ngay mật đường. Món mật này xuống trong quá trình đường kết tinh trong các “muống đường”. Người Quảng Ngãi dùng món mật này muôn hình muôn vẻ: pha một chén vào bát nước chè đặc quánh, uống một hơi sau buổi làm đồng về, bày trẻ dúi đựng cầm từng lát khoai lang khô chấm vào bát mật ăn ngon lành, người ta trộn mật vào nước cho bò, cho ngựa uống bồi dưỡng sau buổi lao động nặng nhọc, lại trộn mật vào vữa, vôi, cát để cho cái chất kết dính này khi khô lại, cứng đến độ dính đóng không vào... và người ta dùng món mật đường này thêm một ít gừng giã nhỏ làm chất ngọt ăn kèm với đậu hũ. Cầm bát đậu trên tay, màu trắng của đậu, mùi thơm dậy của mật với chút hương cay cay của gừng bốc lên – làm cho ta dẫu chưa ăn đã thấy ngan ngát một hương vị đồng quê.

Tôi lan man thế bởi cái món “đậu hũ” của Quảng Ngãi đã im đậm vào tuổi thơ tôi và cũng để nói lên rằng cái món ăn này rất là Việt Nam và đã có một tên gọi rất Việt Nam.

Bây giờ ta lại quay về món “tào phớ” của Hà Nội. Cũng cùng một thứ kết tinh như thế của tinh bột đậu nành, nhưng ở Hà Nội người ta không đựng vào hũ mà đựng vào thùng gỗ trơn. Còn cái thứ nước ngọt ăn kèm thì được nấu với đường kính trắng và phải là đường kính trắng để khi rưới vào tào phớ, ta chỉ thấy một màu trắng đơn thuần, tinh khiết. Đặc biệt hơn cả là cái thứ

nước ngọt màu trắng trong ấy nhất thiết phải pha thêm hương bưởi. Thiếu cái vị này thì không còn là tào phớ Hà Nội.

Giữa trưa hè oi bức, khi cho thìa tào phớ vào miệng, bạn sẽ nhận được một cảm giác mát dịu. Cái mát cứ dịu dịu, chậm chậm tỏa lan vào cơ thể bạn... và cái nóng cũng từ từ, từ từ tan dần đi, sự chuyển đổi từ cực này sang cực khác diễn ra nhẹ nhàng mà bạn vẫn cảm nhận được một cách khoan khoái. Nó khác hẳn với sự thay đổi đột ngột khi ta ăn một thìa kem cốc. Cái lạnh “quá” chợt đến rồi chợt đi, như một hòn sỏi thả xuống ao, chẳng giúp được mấy cho cái sự giải khát, giải nhiệt! Lại nữa, cứ một thìa tào phớ trôi đi, mùi hương bưởi vẫn đọng lại nơi khứu giác. Cũng từ từ, từ từ, hương bưởi tích tụ dần... cho đến khi ăn xong thìa cuối cùng của bát tào phớ thì trong bạn như có một mùa hoa bưởi đang đến, như có một mùa thu đang đến. Một thoáng hương bưởi giữa trưa hè mà không cảm nhận được mùa thu.

Cảm ơn ai đó đã làm ra hương bưởi. Cảm ơn ai đó đã nghĩ ra việc pha chế hương bưởi vào món ăn này. Sự pha chế đã đạt đến tinh tế mà sâu sắc như một nghệ thuật mà tác giả của nó xứng là một nghệ nhân đáng kính.

Chả thế mà người Hà Nội ta thích ăn tào phớ! Cũng rẻ thôi, năm trăm một bát. Và người bán tào phớ nào cũng dễ tính, cháu bé chỉ có hai trăm cũng được thưởng thức món quà mát dịu, thơm tho này, mặc dầu bán như vậy rất là “hao”.

Đúng là còn một khía cạnh độc đáo nữa của tào phớ: gọi là “ăn” chứ có ai gọi là “uống” tào phớ đâu. Thế nhưng khi ăn cái món này, chẳng bao giờ ta phải dùng đến hàm răng, thật là thú vị.

Và cuối cùng tôi muốn nói với các bạn một điều thú vị nữa.

Có thể bạn đã biết, còn tôi thì mới biết do vừa ăn vừa tản mạn hỏi chuyện người bán hàng:

– Gặp khi vắng khách, bán không hết thì giải quyết thế nào?

– Thì chúng em lại cho vào “khuôn” ép thành đậu phụ. Mà bác ạ, cái loại đậu phụ này thì cực ngon.

Ra thế, tôi lại hiểu thêm một điều nữa. Tào phớ... đậu hũ lại biến thành đậu phụ! Thì cũng là từ một thứ tinh bột đậu nành mà ra đấy thôi. Sự luân chuyển cứ như biến, như ảo trong cái vòng quay của quy luật tự nhiên, miễn là con người hiểu biết đúng và sử dụng cho đúng.

.

TÔ HOÀI

THÀNH PHỐ, GƯƠNG MẶT, CON NGƯỜI

I

Hà Nội là Hà Nội mà Hà Nội cũng là cả nước – Hà Nội trái tim cả nước. Hà Nội đã là cả nước từ bao đời nay, kể cả gương mặt hình thành con người Hà Nội.

Tiếng nói Hà Nội – “giọng Kẻ Chợ” không giống tiếng một địa phương nào. Ai đến Hà Nội rồi cũng nói giọng Hà Nội. Trong tiếng Hà Nội thấy được hơi hướng các vùng khác nhau trên đất nước. Con người Hà Nội cũng vậy.

Từ khi nhà Lý định đô ở vùng đất bên này bờ sông Hồng trải hàng nghìn năm, đời đời cả nước hướng về nơi đô hội. Từ xa xưa tới bây giờ vẫn tiếp tục phát hiện thấy vô số dấu vết bốn phương đất nước đã đem đến biết bao công sức dựng nên quang cảnh trung tâm đất nước, những đình đền, chùa miếu, những dòng họ, những người cùng nghề quần tụ một vùng, một phường mà những nghề nghiệp, những tên phố còn mang hình ảnh sự cấu tạo ấy. Hàng Bông, Hàng Gai, Hàng Giầy, Hàng Nón, Hàng Bừa,

phố Lò Rèn, Lò Sũ, Hàng Khay... cả băm sáu phường Hà Nội đều một bóng dáng như thế.

Hà Nội cũ, từ những phố phường thâm uất ra đến bốn huyện ngoại thành còn thấy được những nơi định cư lâu đời ở thủ đô như làng Định Công ở Thanh Trì, hay mười ba trại giờ vẫn mang những tên y nguyên ngày trước: Liễu Giai, Giảng Võ, Đại Yên, Thủ Lệ, Kho Than, Hàng Hoa, Cống Vị, Cống Yên... những nơi cổ kính nhất ấy là những phường, xóm, phố xá mà người các cõi đem nhau về kinh đô làm ăn từ các đời.

Bốn phương tinh hoa đã tạo nên Hà Nội – tất cả Hà Nội, của tất cả. Bây giờ Hà Nội – Thủ đô đương phát triển trên nét chung rất dân tộc và truyền thống ấy.

Các triều đại phong kiến cứ thay đổi, nhưng đời sống người dân đô hội, dù trải những biến thiên thế nào cũng ngày một mở mang hơn. Kể cả đến triều đại nhà Nguyễn dời đô vào Phú Xuân, đã dùng mọi cách diệt hạ phong thủy Hà Nội, nhưng trước sau Hà Nội vẫn nguyên tinh thần nơi hội tụ đất nước trước kia và sau này. Hà Nội đã cùng cả nước đứng lên trong gian khổ và vinh quang của tất cả các trận chiến đấu đánh đuổi quân xâm lược.

Ở thời kỳ lịch sử gần đây, dù phải trải qua một thế kỷ mất nước, trong thử thách, Hà Nội càng tỏ rõ bội phần yêu nước lớn lao của người Hà Nội, anh hùng Hà Nội của cả nước.

Những hoạt động đầu tiên khi đảng tiên phong xuất hiện, trước nhất là ở Hà Nội. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam đã ra đời ở Hà Nội và cương lĩnh đầu tiên, bản luận cương của Đảng và cách mạng đã được khởi tạo tại Hà Nội.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Thủ đô nước Việt Nam thống nhất từ 1945 đã hoàn toàn xứng đáng tin yêu của cả

nước. Ba tháng chiến đấu dẫm đạp trong vòng vây ở Hà Nội của quân và dân Hà Nội, tính theo thời gian không gian của lịch sử cũng không phải chỉ có ngót trăm ngày oanh liệt ấy, bao trùm suốt chín năm kháng chiến, Hà Nội đã liên tục chiến đấu cho đến ngày Hà Nội hoàn toàn giải phóng. Đêm ấy, trung đoàn Thủ Đô vượt qua ngõ Phất Lộc phía cầu Đất cạnh cột Đồng Hồ bên kia sông Hồng, cả trung đoàn con em Hà Nội đã giơ tay thể có ngày trở lại Thủ đô giải phóng. Đêm ấy, Hà Nội rực cháy, đấy không phải là những ngọn lửa cuối cùng của các chiến sĩ nhóm lên đánh dấu kết thúc đợt chiến đấu, mà đấy là ngọn lửa mở đầu cuộc chiến âm thầm khốc liệt của những người ở lại thành phố trong vòng vây, trong nanh vuốt giặc mà chín năm gian khổ, tinh thần và nghị lực không bao giờ tắt, đã biểu hiện quyết tâm kiên cường cho đến ngày huy hoàng kia, binh đoàn Thủ Đô từ Điện Biên Phủ chiến thắng tiến về giải phóng Thủ đô.

Hà Nội gặp lại những chiến sĩ của mình, nụ cười và nước mắt chan hòa.

Hà Nội lại bước vào cuộc chống Mỹ, Hà Nội đưa chiến sĩ Hà Nội đi chiến trường phía Nam – một hành động yêu nước đã trở thành truyền thống của Hà Nội từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, trong chống Mỹ, chiến sĩ Hà Nội đã có mặt trên khắp các chiến trường. Hà Nội đã đánh giặc ngay ở chiến trường Hà Nội, mà tiêu biểu vô cùng là chiến công mười hai ngày đêm bẻ gãy đợt phản công cuối cùng của địch. Những chiếc B52 hung hãn nhất của không quân Mỹ lần đầu tiên thất trận trên thế giới và bị bắn rơi tan xác trên đất Hà Nội. Tất cả các binh chủng của quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, từ các đơn vị cao xạ và không quân đến các đội tự vệ tập trung của Hà Nội đều dự trận đánh. Các chiến sĩ Hà Nội suốt dọc Trường Sơn đến Nam bộ

đều có chiến công. Hôm nay, đến Hà Nội vào bất cứ nhà nào, đường phố nào, đều gặp tự nhiên, đâu cũng có, những gia đình có chiến sĩ đã chiến đấu ở chiến trường miền Nam, những gia đình có người thân đã hiến mình cho Tổ quốc ở phía Nam đất nước, trong cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc.

II

Đạo trong thành phố, lúc nào cũng có thể thấy được dáng vẻ, tuổi tác và vui buồn của đời sống thành phố. Cuộc đời Hà Nội nằm trong cuộc đời dân tộc. Sử sách và thiên nhiên, cây thông chùa Láng, núi nửa đền Trại và Hồ Tây, sông Tô Lịch những di tích cổ trên mặt đất, trong lòng đất, mỗi bước đi quanh ta đều chỉ chít chứng tích của đời người nơi đất gốc.

Từng bước hôm qua giúp ta suy nghĩ, khiến cho hành động hôm nay càng ý nghĩa hơn.

Hãy nói những điều nghe biết trong đời mình. Thuở nhỏ, ông bà tôi kể đường Thành - bây giờ là đường Hoàng Hoa Thám, ngày trước là tường thành, trên mặt thành có lính võ sanh đi tuần. Rồi các vua nhà Nguyễn nạy hết gạch cho xuống thuyền tải vào Huế xây thành, rồi Tây bạt mặt thành thấp xuống làm đường đi. Lại nghe ông bà kể sông Tô Lịch, cửa sông ra chỗ chợ Gạo - nhà tắm công cộng giữa phố Trần Nhật Duật bây giờ, rồi sông Hồng đổi dòng sang phía Gia Lâm, bãi bồi cát lên. Tây cũng lấp luôn cửa sông.

Đảo chính Nhật 9 tháng ba 1945 vừa được một ngày, người Hà Nội đã kéo ra đường đi vít cổ các tượng đồng của Pháp xuống. Tượng “đầm xòe” ở vườn hoa Cửa Nam. Tượng “sĩ nông công thương” có chú lính khố đỏ lom khom dưới tay chỉ của một người Tây, ngắm súng vào Cột Cờ. Tượng Pôn Be cầm cờ, xòe tay trên

dầu thầy đồ cấp tráp. Tượng toàn quyền Văng Hôven, phù điêu Giảng Duyputy trên bờ sông cạnh cầu Long Biên.

Một góc đường, một nếp nhà Hà Nội cũng mang dấu thời gian và không gian lịch sử đó. Qua phố Bà Triệu, quãng gần Bờ Hồ, còn thấy những nếp nhà một tầng với tầng hầm lưng lửng như trong vùng phố Hà Hồi. Trên đầu tường, vẫn nguyên chữ số đề năm làm nhà 1890. Thời ấy lính thủy đánh bộ Tây lên chiếm Sài Gòn và Hà Nội. Kiến trúc nhà cửa doanh trại thủy quân, những tường miếng có gạch ngang và các công sở rào sắt nhọn chung quanh, bây giờ chúng ta còn thấy những bờ tường mang dáng vóc kiến trúc thủy quân lục chiến ấy ở một số nhà Hà Nội. Và cả cái hàng rào sắt chung quanh “đình độc lập” thời Nguyễn Văn Thiệu ở Sài Gòn cũng là những hàng rào từ thời Tây Lính thủy đánh bộ đó.

Hà Nội đã sống trọn ngày hôm trước đến hôm nay bước vào xã hội mới. Bao nhiêu khu vực đang được xây dựng thành những trung tâm mới. Các khu công nghiệp Thượng Đình, Đuôi Cá, Bờ Sông, Gia Lâm, Yên Viên. Các vùng thành phố vệ tinh đang mọc ở Xuân Hòa, Xuân Mai, Sơn Tây, Ba Vì, Vĩnh Yên... ở đây, nhìn Hà Nội cũ ngấm ngấm xa gần, không bao giờ ai có thể quên được thời sự Hà Nội đau thương ngày trước.

Giữa phố Hàng Bồ và Cửa Đông, trên lan can mấy nhà còn lại chữ nổi tên những hiệu buôn của Nhật: Đại nan Kosi, Yatabê... Lác đác phố Nguyễn Du, phố Trần Nhân Tông, phố Ngọc Hà có những tòa nhà ngô nghê phục cổ với mái cong, tường dày. Giả vờ màu vẽ dân tộc thế thôi, thật ra thì bởi thời ấy, trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, tàu Tây bên châu Âu sang bị nghẽn đường không có sắt và xi măng, không làm được nhà bê tông cốt sắt.

Vì thế mà ở trong ngõ phố Trần Nhân Tông, năm Hà Nội mới giải phóng, đã có một khoảng trần nhà vôi vữa cốt tre sập xuống như cái bẫy chuột, chết mấy người.

Hôm nay Hà Nội đổi mới đang cất bước. Với những khu vực nhà máy ở qui mô mới, chúng ta biết công ơn cha ông ta đã cần cù, mồ hôi nước mắt và đổ máu xây dựng nên đời sống chúng ta.

Hà Nội thành phố hiện đại như các thành phố công nghiệp trên thế giới. Bảo tồn và phát huy thuần phong mỹ tục của Hà Nội, Hà Nội phải trở thành Hà Nội kiểu mới, Hà Nội xóa bỏ những cũ kỹ lạc hậu, xây dựng đời sống hàng triệu con người. Thành phố ngày nay và ngày mai nhất định khác hẳn đời sống mòn mỏi nhàn nhia của 36 phố phường xưa.

Hà Nội đòi mỗi chúng ta một ý thức có được con người và tổ chức với nhịp độ và “chi tiết công nghiệp”.

Thành phố, một đời sống tập thể kiểu mới. Từng bước đem đến một nền nếp và một trật tự mẫu mực. Mỗi khu vực với mọi sinh hoạt cần thiết đáp ứng cho con người. Thành phố đương sinh sôi ra nhiều trung tâm. Những khu nhà ở tập thể Kim Liên, ở Trương Định, ở Vĩnh Hồ được hình thành với mọi công trình văn hóa, các cơ sở giáo dục, y tế, cơ quan hành chính, nơi giải trí công cộng, những cửa hàng mua bán các thứ thiết yếu của đời sống. Thành phố đương nảy nở từng khu người ở.

Thời Pháp thuộc, ở Hà Nội có một phân biệt tuy không có rào sắt, bằng cấm mà ngấm ngấm đau đớn và mả mai nhục nhã. Ấy là những khu vực phố Tây bây giờ là các đường Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hàng Khay. Hàng Bài và phía trên Cửa Nam. Người Việt Nam chen chúc ở bốn phía ngoại ô, dưới bờ sông và những phố phường nhỏ hẹp của Hà Nội cũ. Mà khi ấy người bình thường đi qua ranh giới phố ta, phố Tây tuy không tường ngăn

và dây thép gai, nhưng thật là thấp thỏm, lúc nào cũng có thể có mặt thám, đội xếp theo rình. Đường xá sạch trơn và vắng tanh.

Hà Nội thủ đô của một nước độc lập, tự do, thành phố kiểu mới. Lòng đường cho xe cộ. Vĩa hè cho người đi bộ, phố này sang phố khác. Mọi nền nếp mới của Hà Nội, chúng ta có thể trông thấy được rành rõ ở sự phân định văn minh lần lần hình thành. Những khu vực nhà ở, nơi làm việc, sản xuất. Những vườn hoa, vườn cây, vườn cỏ để dạo mát nghỉ ngơi và những hồ nước, dòng sông vừa đẹp vừa cũng là nơi giải trí.

Cái gì chưa được như thế chúng ta sẽ cải tạo cho được như thế. Một quận Hoàn Kiếm hay quận Đống Đa, cả các quận nội thành và các huyện ngoại thành trong một thành phố qui mô phải được phát triển nhịp nhàng.

Đường phố và tên phố Hà Nội đều mang dấu vết lịch sử. Mỗi cái bảng tên là một trang bài học. Chỉ những tên phố Hà Nội cũng mang được ý nghĩa sâu xa. Hãy trở lại những cái tên, chỉ những cái tên cũng khiến ta thấy được Hà Nội.

Những tên phố, tên vùng mang bao nhiêu ý nghĩa ấy. Chợ Đuối, chợ Mơ, chợ Gạo, chợ Hôm... Nhà cửa và thành quách, mọi thứ thành tên phố trước tiên không phải do người đặt mà do đời sống tạo nên: Bến Nứa, Hàng Bè, Hàng Bồ, hàng Vải Thâm, Hàng Đồng, Hàng Bông, Hàng Bát Đàn, Hàng Chai, Hàng Chĩnh, Hàng Vôi, phố Thợ Nhuộm. Và thức ăn nước uống: Hàng Bún, Hàng Cháo, Hàng Gà, Hàng Khoai, Hàng Muối, Hàng Rươi...

Những tên phố thân thiết với lao động và đời sống. Nếu chúng ta chú ý ra các vùng quanh thành phố, sẽ còn thấy rõ hơn công phu xây dựng nên Hà Nội, từ cổ xưa, đã có Ngọc Hà và các làng ngoại ô Yên Hoa – Yên Phụ ngày nay trồng hoa và cây cảnh, rau thơm các làng Láng, Tứ Tổng trồng dâu nuôi tằm, cam Canh,

cam Cáo, đất kẻ Bưởi dẹt lĩnh và làm giấy bản, gạo tám xoan Mễ Trì, nếp cái Sầu Giá. Trong thành phố thời Pháp thì cũng thành nếp người Thủ Lệ nghề giặt giũ, làng Thụy và Sù Gạ bán quà vật, Thanh Nhân xách hòm cắt tóc rong, Cổ Nhuế lò khâu, Lai Xá thợ chụp ảnh..

Lao động của ông cha làm nên thành phố thủ công Hà Nội. Đức tính lao động, truyền thống người Hà Nội.

Thành phố đổi mới, đổi mới để gánh vác trách nhiệm của người Hà Nội mới. Gương mặt thành phố và con người thành phố. Tư thế con người thế nào, thành phố thế ấy.

Xưa kia và bây giờ từ khắp nước đến sinh sống ở Hà Nội thành người Hà Nội. Người Hà Nội gốc cổ với nghề thủ công truyền thống, nghề làm ruộng và trồng tía vốn thói quen sinh sống tản mạn, rời rạc. Người Hà Nội đã qua bao nhiêu thế kỷ trong cuộc sống kinh thành cũ. Đền nhà ai nhà nấy rặng. Đóng cửa bảo nhau. Sống chết mặc bay. Hay thì ở dở thì bước. Giàu có nhà quê không bằng ngồi lê Kẻ Chợ... Những câu tục ngữ có tính cách ngôn mang nếp nghĩ của một lối sống nhỏ nhoi, chỉ biết mình, Hà Nội cũ đương xa lạ dần.

Người Hà Nội tiếp thu truyền thống của cha ông đấu tranh bỏ đi những thói tục lạc hậu thành phố cũ, tạo cho con người và gương mặt thành phố một vẻ riêng xứng đáng truyền thống và hiện đại.

Phong cách Hà Nội, phong cách Hà Nội của chúng ta. Yêu lao động và khoa học, chịu học hỏi. Đối với bản thân và xã hội, con người tạo ra thói quen tự giác kỷ luật giờ giấc, sống giản dị, có văn hóa, tôn trọng tập thể từ cách đi đứng trên đường cái cho tới nhà trường, nhà máy, đơn vị. Những đức tính đó, kế thừa vô vàn nét tinh tế, ý tứ, của Hà Nội truyền thống làm nên lý tưởng

phấn đấu nên một con người. Lý tưởng và sự nghiệp bắt đầu từ những việc chắc chắn và cụ thể như vậy với mỗi chúng ta.

III

Trong những cuộc thảo luận, tranh luận quanh vấn đề nếp sống ở Hà Nội, đôi khi thường nghe nói, nghe hỏi: mình đâu phải gốc gác ở thành phố này, thử xem thế nào, nên phân biệt những cái tiêu cực này đâu từ Hà Nội, đâu do người ta tha đến. Thế là mặc nhiên có người cho rằng có quê gốc ở đây mới phải chịu và phải gánh mọi trách nhiệm về những cái hay cái dở nọ của thành phố.

Phân tích và nhận xét phiến diện như trên không đúng với thực tế và đặc điểm dân cư và con người ở vùng đất trung tâm từ thời dựng nước. Nói gốc gác Hà Nội, phải nhìn theo tầm bao quát nghìn năm Cổ Loa, Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. Ở nguyên một vùng trời ấy, đã tụ hội bốn phương lại, sự kiện lịch sử cũng như truyền thống này đã được ghi: chốn ấy là “chỗ bốn phương hội họp” trong “Chiếu dời đô” năm 1010 của Lý Công Uẩn. Thủ đô nước nào cũng vậy, không có nguồn gốc định cư đồng loạt như mọi địa phương.

Từ xa xưa, theo bước chân chuyển biến của tình hình mỗi thời kỳ lại có những lớp người khác nhau từ các nơi đến Hà Nội. Trong các triều đại phong kiến, người làm thuê thủ công lên kinh thành, người ta tự đi rồi đất lành chim đậu lập nên phố phường, hoặc vua quan bắt về hành nghề phục dịch nơi đế đô. Bây giờ vẫn có thể nhận ra dấu vết bộ mặt tứ xứ ấy ở tên đất, ở nghề nghiệp, ở dòng họ, ở giọng nói... Ra ngoại thành, các làng cạnh tranh nhau mà làm nhiều nghề khác nhau, có giọng nói thật khác nhau từng thôn, từng làng, như ở Bưởi, từ Sài, Bái lên

Đồng Hồ xuống Nghĩa Đô giọng khác nhau và người nhiều vùng ở Đan Phượng, Thạch Thất, giọng nói còn lạ nữa.

Có phải vùng này ngày xưa từ binh Chăm ở rồi dần dần Việt hóa (Sử sách ghi: họ Công ở Phú Gia, Phú Xá vốn là người Chăm được vua cho đổi họ). Có phải vì quan lại với họ hàng, với gia nhân, lính hầu ngày ấy đến kinh đô rồi ở lại, không trở về nguyên quán, như các họ, chi họ Phan Huy, Nguyễn Huy, Hà Tôn... và nhiều nữa, gia phả còn ghi nguyên quán.

Từ 1945, Hà Nội lại trải đổi nhiều phen về hộ khẩu, về người đến. Chỉ kể những đợt điển hình. Cán bộ quê khắp nơi về thủ đô công tác và định cư, trước đây, khi Pháp trở lại xâm chiếm Hà Nội, cũng có một xáo trộn đáng kể: người vùng du kích, vùng trắng, vùng tranh chấp chạy vào ở nội thành. Từ 1954, người ở Tân Đảo, ở Thái Lan về, cán bộ miền Nam tập kết ra nhập cư Hà Nội. Thành phố luôn luôn được bổ sung. Kết quả sự pha trộn ấy hình thành tính cách người và cả giọng nói, tiếng nói. Tiếng Hà Nội có giọng rành rõ, tiếng Thủ đô không giống tiếng bất cứ vùng nào. Những năm gần đây, đến ở Hà Nội khá đông người quê ở Thanh Hóa và Nghệ An, các lứa tuổi trong các gia đình ấy, giọng nói khác dân quê gốc rồi hòa dần vào giọng Hà Nội.

Do tính cách trên, có thể đề ra một định nghĩa: Người Hà Nội là người đương ở Hà Nội, mỗi chúng ta đương sinh sống ở Hà Nội, bất kể đã mấy đời hay mấy tháng, đều là một nhân tố và sức mạnh tạo nên đời sống thành phố.

Từ cơ sở quan niệm này, có thể nhận ra đặc điểm Hà Nội, là sự pha trộn mọi tính cách hình thành một tính cách, là cuộc đấu tranh sáng tạo và phát triển, khẳng định Hà Nội. Cũng như vậy, công cuộc xây dựng con người ở Hà Nội thông qua sự vật lộn thắng bại từ tư tưởng, hành động tới cách cư xử mỗi việc, mỗi suy nghĩ và mỗi lời nói.

Hãy xem xét cuộc vun đắp từng mặt, từng hoạt động trong xây dựng nếp sống ngoài xã hội, trong gia đình của thành phố.

Việc tang ma có tính xã hội tỏ rõ tình cảm và nhân nghĩa hiếu thảo của con người văn minh. Chúng ta giữ gìn và phát huy tinh thần ấy bằng phong tục mới. Các hội thọ, hội bảo thọ, hội lão, hội vui tuổi già... của nhiều tỉnh và của các xã, phường ở Hà Nội, đây là những nhân tố với xây dựng phong tục hôm nay.

Về nếp sống trong việc cưới cũng thế. Thảo luận và thậm chí lên án nữa, nhưng nếu không tổ chức thực hiện quy ước thì mới cũng chỉ là nói để đấy, một khi xã hội công nhận tính xã hội, tính pháp lý trong tổ chức kết hôn. Việc cưới xin được chỉnh đốn thích hợp sẽ thực sự phát huy phong tục theo hướng mới. Hà Nội đương xây dựng lại nề nếp về lễ cưới mà các đoàn thể chính quyền phải có trách nhiệm kỷ lưỡng từ giấy đăng ký đẹp, tổ chức lễ cưới trang trọng, làm sao cho vừa thân mật và thiêng liêng, có được kỷ niệm sâu xa của đôi lứa đối với xã hội và với bản thân.

Mê tín dị đoan đương lây lan vào các góc ngách tâm lý phức tạp, nào kiêng ngày lễ, ra đường phố đón ngõ, nào gieo quẻ xin âm dương. Chẳng phải chỉ có lễ thánh của dân phe dân phò cầu phát tài, mà còn cả thanh niên cũng đi "*lạy thánh mớ bái*" cho thi đỗ, cầu xin việc làm, cầu Phật phù hộ khỏi phải đi đâu xa "*đất thánh*". Đặc biệt, trong kinh tế đương bước qua gay go, chợ đen buôn bán và trao tay lén lút làm nảy nở đời sống thị dân kiểu cũ. Người buôn bán hàng ngày hồi hộp hóng tiền và lo hàng ế, lo trốn thuế, tính chuyện ăn gian nói dối tâm địa tan rã đời bại. Ở những người làm giàu bất chính phát ra ảnh hưởng xấu và hủ tục mê tín dị đoan được cơ hội ngóc dậy. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong kinh tế hoàn toàn không tách rời cuộc chạm trán liên tục, lâu dài, quyết liệt về mặt tư tưởng, không thể chỉ

là công việc của một tổ chức chuyên trách, mà phải là một hoạt động đồng bộ của toàn dân, trên tất cả các lĩnh vực sinh hoạt đời sống.

Cuộc đấu tranh chống tiêu cực về kinh tế cũng là cuộc đấu tranh về nhận thức, về xây dựng tư tưởng. Trước tình hình hiện nay còn nhiều khó khăn, trước những khó khăn về kinh tế, nhưng một khi cuộc đấu tranh vượt được qua mọi thử thách, sẽ quét được tận gốc mọi thói tục thị dân cũ, kể đến cả những cái cụ thể như tính lừa lọc gian dối, thói mê tín đồng bóng...

Nói đến nếp sống và trật tự nơi công cộng, có người cho rằng, thời trước thành phố sạch và ngăn nắp hơn bây giờ. Nhận xét đó đã đúng khi phải phân tích căn nguyên: xã hội thời ấy nhỏ bé đã an bài một bề như thế rồi và để giữ được cái thái bình đó, bọn thống trị ngày đêm lùng sục và tuần phòng, mặc sức đánh người, phạt tiền, phạt giam, làm cho phố xá khiếp đảm xanh mắt lại. Nguyên nhân này cũng quan trọng lắm. Thời ấy, Hà Nội là thành phố nhượng địa cho Pháp, người Pháp quy định nội thành cho một khu dân cư 20 vạn người, nhưng thực cũng chưa bao giờ Hà Nội được trên 15 vạn người. Ấy là không tính đến những người nghèo chui rúc nhà tranh vách đất dưới bãi sông Hồng và ven sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu ngập ngựa rác và muỗi. Những ung nhọt ấy, tòa đốc lý Tây coi là “ngoài pháp luật”. Thật mỉa mai, trong khi trên phố phạt đứng đái đường, phạt phơi quần áo và trước cửa để bần, nhưng ở bãi Nghĩa Dũng, bãi Phúc Xá phải xách nước sông về ăn và tắm rửa, và ra bãi đi vệ sinh công cộng. Nói về ngày trước nên thấy lại các quang cảnh khác nhau thế để so sánh mới là đầy đủ.

Thành phố ngày nay với các thị trấn vệ tinh bao quanh to rộng gấp bao nhiêu lần xưa kia, và khu vực Hà Nội cũ đã phình

ra quá sức chứa. Mỗi đợt, mỗi lần người các nơi về nhập cư Hà Nội, đem theo nhiều thói quen tản mạn và tự nhiên mà đời sống thành phố kiểu mới không chấp nhận được. Quét rác ra cửa coi như ở làng vun rác ra bờ tre. Không gõ cửa hay gõ như đấm cửa, gọi nhau ơi ới, chuyện bô bô giữa nơi làm việc như đứng ở ngoài đồng, ở đầu rừng. Ngồi nói chuyện, ngồi họp như ngồi một mình, cứ việc ngoáy mũi, nhổ râu, lấy ráy tai, gãi và ngủ tự nhiên. Rồi thì hắt nước, ném chuột chết ra đường, đi bộ, đi xe như nghênh ngang ở đường làng, đường quê, không ngó ngang đến luật lệ giao thông. Chửi, nó là những câu cửa miệng của bọn đầu đường, xó chợ, xã hội cũ. Bây giờ, lối ăn nói lưu manh ấy trước tiên vẫn nảy sinh từ những người chạy chợ buôn lậu, những người rục của đàn đúm phê phồn rồi lan đến cả trẻ con không biết, ngỡ đó là hay, là ngô mà cái lỗi do nhà trường, gia đình và xã hội kém ý thức tổ chức ngăn chặn. Những thói tục lạc lõng này luôn luôn hợp và được đất với lối sống phố phường cũ “đèn nhà ai nhà nấy rạng”, với lối sống gấp kiêu chộp rụt của những phóng túng tiêu cực hiện nay. Xây dựng nếp sống nơi công cộng phải làm sao cho thói quen mới thật tự giác mà cũng cụ thể của mỗi người, mỗi giới trở thành trách nhiệm của chính quyền, của các đoàn thể, từ đấy tạo nên nền nếp đạo sống mới.

Đấy là toàn bộ nội dung cụ thể cuộc cách mạng về tư tưởng, khó khăn lâu dài, khi lên và khi xuống, dần dần khí thế cái mới vượt lên, cái cũ tàn lụi dần. Ngay từ những ngày đầu 1945, những hoạt động xây dựng nếp sống và con người đã hình thành ở Hà Nội và cả nước. Bấy giờ, ban Đời Sống Mới – một tổ chức kết hợp chính quyền và các đoàn thể được thành lập ở Trung ương và các địa phương chịu trách nhiệm vận động “đời sống mới” với các mặt công tác tương tự mọi việc hiện nay: xây dựng cái mới trong

ma chay, nhà máy, ngoài đường, bài trừ các hủ tục và chống mê tín dị đoan... Từ đây, trên mặt truyền thống và lịch sử xuất hiện phổ biến những đức tính sáng tạo của con người thời đại. Chiến thắng hoàn toàn các kẻ thù xâm lược, con người thời đại nối tiếp xuất hiện trải ngót nửa thế kỷ, đã đưa đất nước tới vinh quang mà cả nghìn năm lịch sử chưa bao giờ được như thế. Tuy nhiên, để hoàn chỉnh con người mới trên tất cả mọi mặt lại là công việc không thể làm gán liền chỉ mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn xã hội. Cuộc cách mạng tư tưởng đã diễn ra hàng ngày, hàng giờ và lâu dài.

Với Thủ đô cũng không ngoài quy luật chung ấy, những đức tính con người ở Hà Nội được hun đúc nên trên đất Hà Nội do ảnh hưởng qua lại và kết tinh mỗi thời kỳ. Trên đường vượt qua những ngổn ngang, bể bộn, xuất hiện con người sống có lý tưởng, hoài bão cái mới, có ý thức trau dồi tinh thông nghiệp vụ, có tinh thần kiên trì miệt mài nói tay làm, con người nhất mực nhân hậu, nhất mực thanh lịch và tài hoa.

Không lơ là coi nhẹ các mặt thiếu sót, mặt tiêu cực, phải đánh giá đúng và kiên quyết làm thay đổi tình hình hiện nay, nhưng cũng không bao giờ cho là cái tệ hại hoành hành bao trùm cả, mà sự thực là những người tốt việc tốt, con người và đời sống tích cực, lành mạnh vẫn đương là chủ lực và số đông. Từ em bé học sinh đến các cụ già, mỗi người đương góp sức xây dựng đời sống tư tưởng thành phố, đấu tranh cho cái hay, cái mới. Những người đương ở Hà Nội, tất cả mọi người Hà Nội tự hào và trách nhiệm.

Tôi không cho là mọi mặt Hà Nội bây giờ xấu hơn trước. Trước là trước nào? Có người động nói là thử dài: xưa kia không có như thế... như thế... Lại nói lờm “bao giờ cho đến ngày xưa”. Cũng có người cho rằng phong tục nền nếp Hà Nội cũ đâu ra đấy, qui củ,

trật tự, bây giờ toàn những người ở đâu đến làm lung tung, nông thôn hóa phố phường đi. Không phải sự hình thành con người ở Thủ đô của mỗi đất nước, nhất là vùng đất phát tích này đã nghìn năm tồn tại đến bây giờ và còn phát triển nữa, thực sự khác hẳn quá trình hình thành một con người ở bất cứ địa phương nào, bởi mọi mặt cuộc sống Hà Nội từ xưa tới nay bao giờ cũng do cả nước đem tới, từ các vấn đề tư tưởng và hình thức, từ tâm tình cho đến lời ăn tiếng nói, chỉ có điều là khi tới đây đã Hà Nội hóa. Thủ đô hóa đi, và tất cả tinh thần Hà Nội kết tinh trên cơ sở sự trộn lẫn tứ xứ ấy. Thế nhưng bộ mặt của Hà Nội, sự hiện diện của nếp sống, con người Hà Nội của thời đại mới nhất vẫn chưa thật sự rõ rệt. “Giàu có nhà quê không bằng ngồi lê Kẻ Chợ” câu tục ngữ bây giờ vẫn đắt giá. Vô số người ngày đêm đầu đường xó chợ, các cơ quan an ninh vẫn bắt và đem về trả tận nguyên quán, thế mà rồi lại như bắt cóc bỏ đĩa ở đâu lại cứ kéo đến nằm ngồi thối nẫu, cơm rượu, giặt giũ quanh các bờ hồ, các phố khuất. Thật khó hết sức, làm sao mà làm cho một người bán phở, bán bách hóa hiểu rằng bán phở, bán bách hóa là một công việc ích nước lợi nhà.

Rõ ràng con người mới chưa hoàn chỉnh, chưa đủ hấp dẫn, chưa phổ biến được sức mạnh thời đại trong mọi công việc chưa đề cao và phát động phong trào con người mới, rất mới mà lại bình thường, không phi thường.

Vấn đề chiến lược con người trong công tác đấu tranh xây dựng, sự tác động của xã hội, từ chính trị đến kinh tế, là một việc lớn liên quan và ràng buộc với hết thảy mọi mặt đời sống. Xây dựng con người, không thể chỉ để tâm đến một lớp người nào, mà phải chú trọng đồng bộ các biện pháp từ vận động, tổ chức và đôi khi cả biện pháp chính quyền hỗ trợ.

Hà Nội là một thành phố khác các thành phố, các trung tâm dân cư trong cả nước. Ở đây, mỗi tên phố, tên đường, mỗi quận, huyện, thị trấn, mỗi phường, xã, một dòng sông, hay một đầm hồ, một gò đồng, thậm chí đến một dòng họ, một nghề cũ đều dính dấp đến mọi mặt lai lịch, lịch sử.

Xây dựng con người mới không thể có biện pháp nào khác là xây dựng và rèn luyện những tập quán phong tục mới, bảo vệ các giá trị tinh thần, văn hóa, đạo đức xứng đáng làm chủ xã hội.

PHẠM SÔNG HỒNG

NGHĨA CỬ

Truyện ngắn

Trông dáng cử ngữ Thúy Kiều

Ai ngờ Thị Nở người yêu Chí Phèo.

Nhiều chàng trai trên đường đã vượt lên để nhìn mặt cô, nhưng sau đó phanh ngay xe lại, độc vuốt lưng cô những câu đại loại như thế, cười rú ré rồi ngoặt tay lái.

...

Phải nói dáng cô như người mẫu: cô cao 1m65, chân dài, thẳng, eo lượn “ngọt”, cái cổ trắng thon hóp hờn. Cô lại biết tôn những vẻ đẹp ấy lên bằng cách ăn mặc riêng của mình: cô luôn mặc quần bó, mùa hè thì đi với hai cái áo không có cổ ngắn tay, mùa đông thì với một cái áo len chồm eo hoặc với cái áo len vừa rộng vừa dài mà cô tự đan lấy từ những cuộn len thừa mọi người cho, pha màu không giống bất kỳ ai.

Đến đám đàn bà cũng phải mê cái dáng ấy. Nhưng tạo hóa quá sòng phẳng đòi cô trả nợ lập tức hoặc thích đưa đòi với đám

họa sĩ lập thể đã bố cục mắt, môi và cái mũi gãy có khả năng đẹp về phương diện mỹ thuật... nhưng... về phương diện tự nhiên thì hơi ôi...

Có người bĩu môi: “Xấu thế cứ ăn mặc xoàng xĩnh còn đỡ, đằng này lại còn to ve tỏ vẻ”.

Có người tàn nhẫn hơn: “Ăn mặc thì đẹp đấy nhưng mặt mũi thì phải cái hơi mất mỹ quan thành phố”.

Với rất nhiều người dường như “xấu” là một tội hình sự không thể cải tạo được.

Ba mươi tuổi, cô có hai tấm bằng đại học và hai ngoại ngữ nhưng vẫn chưa có “tấm chồng”.

“Đã xấu, đã nghèo lại học lăm, ma nó lấy...”

“Rồi đến ở già với bố mẹ thôi!”

Cái tuổi già người ta thường chúc tụng nhau bỗng mới đáng sợ làm sao!

...

Vì vậy việc một chàng trai mặt mũi khôi ngô tối nào cũng đến nhà cô, tối thứ bảy còn đeo cô đi chơi đã thành câu chuyện đầy bí hiểm cho mấy bà hàng xóm rồi việc luôn để cho trí tưởng tượng của mình làm việc.

Họ rình xem mặt.

Họ dò xét thái độ của chàng trai.

Họ tìm nhiều cách để giải thích.

“Chắc không có chỗ ở”

“Dân ở quê ra, chưa nhập được hộ khẩu Hà Nội”

“Thấy anh nó mới lên trưởng phòng tổ chức, định lợi dụng xin việc đây”.

Nhất là sau ba tháng chăm chỉ đến nhà cô, chàng trai bỗng biến mất.

Họ cười với nhau: “Đã bảo mà...”

Có người bỗng nổi máu nhân đạo; “Thằng đều...”

...

Khi họ bắt đầu quên thì chàng trai lại xuất hiện.

Anh như vui hơn, trẻ đẹp hơn.

Đám cưới của họ đông nhất xóm, phần lớn gồm những khán giả tò mò. Trẻ con hét toáng lên: “Chú rể đẹp trai hơn cô dâu chúng mày ời!”

Đôi trai gái rạng rỡ như hiện thân của hạnh phúc.

Không ít các bà từ cửa sổ ngó ra thăm ghen và bỗng tiếc tuổi trẻ của mình.

...

Một năm sau họ sinh con trai.

Người bố xin nghỉ không lương để ở nhà chăm sóc vợ. Anh vừa huyết sáo vừa ra bể ước công cộng giặt tã lót từ sáng sớm. Xong, anh phóng xe ra chợ, trên tay cầm tờ giấy có gạch đầu dòng những thứ cần mua. Hì hụi nấu một lúc, anh vào dịu dàng gọi vợ dậy ăn sáng (ở khu nhà cấp 4 thông trần, người ta khó có thể giữ kín được điều gì, kể cả khi súc lọ nước mắm). Đứa con của họ hơi “ọ ọ” thôi là đã thấy giọng anh nựng dỗ con như đã rất thạo. Người vợ gần như không phải động tay vào việc nhà.

Các bà hàng xóm lại có dịp để than thở với nhau về những nổi vất vả mà mình đã trải qua khi sinh con. Các ông chồng bị dịp nghe kêu ca.

Ông bà ngoại thằng bé trẻ hẳn ra và cười nhiều hơn trước.

Sau đây tháng thằng bé gần như không ở trong nhà. Bà ngoại

nó bé rong ngoài hành lang, các bà hàng xóm liền gọi vào ngắm xem thằng bé giống ai. Chiều đi làm về, vút xe vào góc nhà, rửa sạch sẽ chân tay, bố nó bế thốc ngay nó ra đường cho xem ô tô. Ai cũng có cảm giác như trên đời này chỉ có mình bố nó có con.

Thằng bé giống bố nên đẹp, ngoan. Và nhất là khóc “rất đàn ông” (câu khen mà bố nó không hiểu nhưng thích nhất).

Chẳng ai còn xì xào gì nữa. Bố nó bây giờ trở thành “người chồng lý tưởng” được cả xóm quý mến. Như để trả ơn bố, thằng bé lớn nhanh mà chẳng đòi hỏi gì nhiều. Mấy đứa cùng tuổi còn bưng bình sữa thì nó đã chén đầy bát cơm nát với vài lát thịt thái mỏng, chẳng phải dỗ, chẳng phải rong.

Các cô bé mới lớn ước ao được “độc đặc” như mẹ nó.

Mẹ nó vẫn thế với cái dáng quyến rũ và khuôn mặt “lập thể”.

Có người đùa bảo bố nó mắc bệnh “cuồng con” khi thấy anh ta ôm chặt lấy đứa bé mà hôn hít rồi rơm rớm nước mắt khi nó bập bẹ “bố”, “bố”.

Mọi người trong xóm như yêu con mình hơn.

Tin thằng bé không phải ốm bình thường mà bị bệnh máu trắng nằm bệnh viện làm cả xóm sững sờ.

Họ dè dặt hỏi thăm ông bà ngoại thằng bé. Họ sẵn sàng cho máu vì nghe nói nó phải truyền rất nhiều máu.

Thỉnh thoảng thằng bé được về nhà.

Nó mệt mỗi gục đầu lên vai bố mỗi khi bố nó bế ra ngõ. Thằng bé chẳng nói chẳng rằng, chỉ khẽ ngước lên nhìn khi ai đó nựng nó.

Được một thời gian thằng bé phải nằm hẳn trong bệnh viện. Chẳng thấy bố nó về nhà.

Một đêm ở bệnh viện về, bố thằng bé lấy kim tự đâm vào đầu ngón tay, nặn máu rồi ngồi nhìn chờ đợi: những giọt máu đỏ tươi ứa ra, từ từ lăn qua đầu ngón tay, rỏ xuống nền nhà, lúc sau sậm lại, không phải trắng... Nhưng hình như màu da cam...

Anh bỗng nhớ những ngày ác liệt ở mặt trận Trường Sơn và cái màu da cam khủng khiếp của chiến tranh Hoa Kỳ. Ai bảo chiến tranh đã kết thúc, đã khép lại? Cái bi thảm của chiến tranh là một khi bom đạn đã hạ màn, ảnh hưởng của nó vẫn kéo dài đẳng như một oan nghiệp truyền kiếp.

...

Mọi người lặng lẽ thấp hương cho thằng bé.

Người ta bỏ vào cái hòm áo quan nhỏ tí những cái mũ xinh xinh, những đôi tất tay tất chân nhiều màu, cả xúc xắc, cả những viên bi xanh đỏ lúc sống, khi thấy chúng va “cách” vào nhau, thằng bé thường reo hò, nhảy lên sung sướng, có hôm nghiêng cả người, suýt ngã...

Ảnh thằng bé cười hở mấy cái răng sữa đặt giữa đám hoa trắng lạnh phủ mờ khói hương...

...

Hàng xóm khó biết được lúc nào bố mẹ thằng bé có nhà nếu không nhìn thấy bố mẹ nó ra, vào, mặc dù các dãy nhà vẫn thông trần. Họ không bàn luận gì về gia đình thằng bé, chỉ thờ dài khi nhìn về phía nhà nó.

Người thì thầm nghĩ họ không nên có con nữa vì chắc chắn chỉ sẽ có thêm đau khổ. Người lại thương mẹ nó và ngầm trách giải thích lý do bố nó lấy mẹ nó...

Họ không biết câu chuyện đã xảy ra khi bố nó “bỗng dưng” biến mất trước đám cưới.

Anh không thể lừa dối em.

Anh có thể chết bất kỳ lúc nào vì anh bị nhiễm chất độc hóa học.

Anh sẽ rất biết ơn nếu em là một nghĩa cử sinh cho anh một đứa con. Anh sẽ gắng lo liệu trước kinh tế cho hai mẹ con.

Anh muốn em suy nghĩ nên sắp tới anh sẽ không đến nhà em nữa”.

Cốc nước trên tay cô rơi xuống vỡ tan tành, nước bắn tung tóe trên nền đá trắng của quán giải khát.

...

Thằng bé bây giờ đã có em.

Hàng xóm thường cố nói với nhau: “Tiếng nó khóc khỏe hơn thằng anh”. (Lời nhận xét như thoáng bao hàm một ý nguyện cầu).

Còn bố mẹ nó thì cố định ninh rằng lòng yêu con, niềm hy vọng và sự khát khao của họ sẽ cứu rỗi được đứa nhỏ.

...

Những hôm trời trở gió, khó ngủ, bố hai đứa trẻ lại khẽ dậy với đêm, lấy kim tự đâm vào đầu ngón tay mình, nặn máu ra rồi ngồi nhìn những giọt máu tươi chậm chậm rỏ xuống nền nhà...

Đứa bé vẫn sống.

Tuổi nó đã gấp đôi tuổi anh nó.

Có phải đó cũng là một nghĩa cử?

TÂM SỰ VỚI ĐƯỜNG THANH NIÊN

Mỗi lần đến với con đường ấy sợi dây đàn của tâm hồn tôi lại rung lên những âm thanh rạo rực của tuổi xanh.

Mỗi lần đi trên con đường ấy lòng tôi lại xốn xang, bồi hồi, nuối tiếc quá khứ yêu đương, hẹn hò, gặp gỡ...

Mỗi lần phải xa cách con đường ấy tôi thấy mình như đang xa cách người yêu. Đường Thanh niên có tên cũ là Cổ Ngư. Thuở nhỏ chiều chiều tôi được đi dạo chơi cùng cha tôi. Ông thường dẫn giải về con đường có hình cong như lượn, cổ cá cho tôi nghe.

Đường chạy giữa hai hàng cây xanh và đôi bờ Hồ Tây bằng lăng hoàng hôn, hồ Trúc Bạch sóng sánh trắng vàng.

Sang xuân lạnh lớt tiếng chim. Nắng lấp lánh trên lùm cây hai bên đường thay áo mới xanh tươi mẫm nõn chồi tơ, cành non, lộc biếc. Xe, người qua lại rộn rã, tấp lập hỗn nhiên tiếng nói, cười trong trẻo thoáng gió quẩn quýt, đan xen bay theo những màu quẩn, sắc áo dù chỉ thoáng qua cũng để lại cho đôi mắt trông theo những khát khao, rạo rực về một nụ môi hồng, đôi nét mày thanh hoặc mái tóc mây bồng trên xe đèo lướt qua.

Đường sớm mai băng khuâng, ngạt ngào mùi hương thoát tục bay ra từ đền Quán Thánh. Đường chiều hôm, tâm tư, trầm lắng theo từng giọt chuông chùa Trấn Quốc ngân nga...

Có lúc bước tôi chậm rãi, mãi mê trên đường mắt thả rộng tầm nhìn ngoạn cảnh, tưởng như con đường ấy đang dẫn tôi vào chốn thơ mộng của mây lang thang và sóng dập dềnh khác nào những cặp tình nhân đan díu đang dắt tay nhau đi dạo.

Vào hè, con đường chói chang nắng mới. Những ngọn cây phượng vĩ trào dâng lên nền trời ngọc bích một màu lửa hoa rực đỏ.

Đó đây sôi ồn dần đồng ca của muôn ngàn tiếng ve khô ròn khiến cho tuổi học trò bỗng thấy lòng rộn ràng, háo hức với mùa thi.

Trẻ thơ í ới gọi nhau cầm sào có bơi nhựa mít, nhựa kếp đi dính ve sầu ở các ngọn cây. Đôi, ba em bé gái nhặt hoa phượng rụng ngắt lấy nhị chơi “chơi gà”.

Bờ cỏ hai bên đường chỗ này, chỗ kia tím tím từng tốp, từng nhúm đám ba em học sinh nam, nữ ngồi quây lại, sách mở đặt trên đầu gối cùng nhau ôn bài trao đổi kiến thức.

Heo may về, trời nhạt nắng, cỏ, cây, gió, lá lăn tăn thoảng hơi thu se lạnh. Những lúc thưa vắng bóng người, con đường phẳng lặng, êm ả như đang nằm mơ. Xa xa thoáng thấy một thiếu nữ duyên dáng, thướt tha tà áo phất bay gọn nếp sóng hồ. Bàn tay nàng yếu điệu che nghiêng vành nón trắng.

Ôi! Cái vẻ đẹp xứ sở ấy đã từng gợi cảm xúc lãng mạn cho bao họa sĩ, thi nhân phóng bút tạo nên những bức họa, bài thơ tuyệt diệu.

Đường Cổ Ngư – đường Thanh Niên, hai tên của một con

đường nhắc nhở tôi về quá khứ, hiện tại của lịch sử Hà Nội. Khi đứng trông vời muôn con sông láng bạc về phía bên kia bờ hồ rải rác những làng mạc xa xanh mờ ảo, bỗng gọi lòng tôi nhớ đến bài học thuộc lòng của những ngày thu ấu trĩ trong Đại Nam quốc sử diễn ca với những câu “Hồ Tây nổi áng phong trần...” nhắc đến hai liệt sĩ nữ anh hùng dân tộc: Trưng Trắc, Trưng Nhị đã từng cưỡi voi, phát cờ kéo đại binh mã, đánh tan quân Tô Định đem lại thái bình cho đất nước.

Khi đứng nhìn về phía hồ Trúc Bạch, tôi thấy gần gũi, yêu mến làng nghề đúc đồng Ngũ Xã đã từng nổi tiếng với những nghệ nhân đúc tượng đúc chuông từ xa xưa ở đất kinh kỳ Thăng Long.

Hồi ức tôi mãi còn sống động với nhà máy điện Yên Phụ đã từng trải qua những năm, tháng chiến tranh, phải hứng chịu bao trận đạn, bom hủy diệt của máy bay giặc Mỹ trút xuống hòng dập tắt nguồn ánh sáng chủ yếu ban đêm của thủ đô ta, nhưng chúng không dập tắt nổi ánh hào quang mang hùng khí Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. Quân dân ta đã đập tan uy thế không lực Hoa Kỳ, bắt chúng phải đền tội ác với số lớn máy bay rơi và giặc lái tan xác giữa bầu trời thủ đô.

Trong số đó có tên giặc lái Mỹ rơi xuống hồ Trúc Bạch mé gần đường Thanh niên đã được quân, dân Hà Nội mở lượng khoan hồng cứu vớt sự sống còn của hắn. Hiện nay bờ cỏ bên đường còn lưu lại tấm phù điêu ghi nhớ chiến công.

Những năm tháng oanh liệt, hào hùng ấy, dọc bãi cỏ hai bên đường Thanh Niên đã dàn ra trận địa phòng không của bộ đội pháo cao xạ 37 ly thể quyết sống mái với quân thù trong những ngày, đêm tối bởi khói lửa.

Đường Thanh Niên – quá khứ con đường đã để lại mỗi hận

tình của đôi trai gái yêu thương nhau thiết tha, dằm thắm trước sự ngăn chặn của lễ giáo phong kiến nghiệt ngã đã bị lên án bằng nước mắt trong những trang của tiểu thuyết “Tố Tâm”

Đường Thanh Niên, con đường hiện tại và tương lai vẫn là nơi gặp gỡ của tuổi trẻ, tình yêu và hạnh phúc.

Khách thập phương và các bạn trẻ gần, xa đến thăm Hà Nội chớ quên rẽ vào hàng quán bánh tôm tỏa mùi vị thơm ngậy quện với mùi rau giấm, nước mắm tỏi, để thưởng thức món quà điểm tâm không thể thiếu mỗi khi bạn đã có nhiệt tình đến với đường Thanh Niên.

Một trong những con đường của thủ đô Hà Nội đã gắn bó với tâm hồn tôi như mối tình dầu trần trở... Đó là đường Thanh Niên – Con đường tôi yêu...

NGUYỄN THỊ THU HUỆ

RƯỢU CÚC

Truyện ngắn

Ngõ nhỏ, dài, ngoắt ngoéo, lượn cùng một chiếc cống nước sụt sùi quanh năm. Thỉnh thoảng có nhúm bèo tấm trôi vu vơ. Vài cánh hoa cúc vàng trôi dạt từ ống cống của một nhà nào đó làm cống bỗng như một dòng sông nhỏ dễ thương. Hú hồn hú vía rẽ phải, quẹo trái, chạy thẳng, quẹo trái rẽ phải... Cũng đến được quán Chân Quê. Quê ơi là quê. Quê từ nền gạch cũ lát bậc lên xuống, từ góc sân có cái chum nước rất to hình như mới mua 250.000 đồng từ một tay chuyên từ mạn ngược phục vụ miền xuôi đang hồi một quay về thời kỳ đồ đá? Từ những bộ bàn ghế tre đích thực, chạm trổ cầu kỳ. Đũa tre. Niêu đất, các món rau lặt rừng xuống phố. Đặc biệt là rượu. Các động thực vật chui vào hết các loại bình to bình bé như xếp lọ thí nghiệm trong phòng thí nghiệm. Rượu sâm cầm, tắc kè, cá ngựa. Rượu tầm, rượu rần... Bao tử các loài dê, hoẵng... Nhìn cái thấy ngay. Đây chân thật, bắt mắt.

Chủ quán không biết uống rượu. Bắt đầu từ lòng tốt, ý thích mai mối giới thiệu. Thời hiện đại cho người ta nhiều sự chọn lựa, nhất là nhu cầu hoài vọng. Phải uống rượu này sẽ bổ bộ phận này. Uống rượu kia tốt cho vấn đề kia. Bắt đầu chỉ là mua hộ đôi rần cạp nong cạp nia, con trăn còn trong lồng, đôi tắc kè bìm bịp da đen mượt, mắt quắc lên đảo điên gây niềm tin bí hiểm diệu kì của một loại thuốc kích từ trong kích ra chứ không tương thẳng phũ phàng từ ngoài vào như cái giống thuốc Tây tàn bạo.

Rồi dần dần. Chân Quê có 2 mẹ con. Mẹ bốn mươi. Con 16. Mẹ còn núng nính, mỡ màng lấm. Con gái thì mọi thứ đang bắt đầu cứng cựa. Mở ngay một quán rượu mang hương vị các con động vật đang gặm gừ, nhảy múa loạn xạ trong chuồng phải dùng vũ lực mới thẳng cẳng, rồi thui qua ngâm ngay vào rượu. Hình như rất tanh. Biết uống là bổ nhưng lợm giọng. Thế là sinh ra món nhấm.

Quanh năm có vại trám muối. Rồi dưa leo. Hoa chuối. Dần dần đến các món chiên xào quuyến rũ gây tác động qua lại một cách nhịp nhàng bổ trợ với bình rượu động vật. Rượu sẽ bớt tanh khi có bê non chao, đậu phụ chấm mắm tôm đích thực đặt làm tận Hải Hậu còn đỏ màu gạch non. Các món chim, gà rán nướng sẽ bớt phồn thực vì rượu tanh tanh. Thêm vẻ là lạ, đôi phần bí hiểm nhưng tử tế của hai mẹ con chủ quán, lại giá cả khá người nhà, Chân Quê ngày càng đông khách.

*

* *

Ngoài trời. Đang nắng thế bỗng có mưa.

Chị nhìn ra ô cửa vuông có mấy thanh gỗ chắn thấy lạ sao hạt mưa hôm nay vừa tròn vừa to thế. Ngó thêm ra ngoài, rõ ràng là nắng.

Họ ngồi trong một góc khuất. Nhỏ kê vừa hai ghế một bàn. Một ô cửa đủ để thấy một khoảng rêu mốc mà mốc mát của sân sau một nhà hàng xóm. Trên khoảng mốc mà mốc mát đó là phía sau của một hàng cắt tóc thanh nữ. Chỉ phục vụ phụ nữ và chủ là những chàng trai khéo đủ mọi chuyện.

“Mưa rồi”. “Hình như không phải”. “Xung quanh đây có nhà tập thể đâu mà có người hắt nước”. “Suyt. Im anh nghe”. Và anh nhào người. Rồi ngượng nghịu ngồi xuống, cười vu vơ, rồi cười khùng khục. Chị tò mò, đẩy chiếc kính cận lên cao hơn sống mũi, nhìn anh âu yếm, chờ đợi. Lúc nào ánh mắt và sự chờ đợi cũng như đợi tổ tình. Anh vẫn cười.

Chị nhìn ra. Ánh mắt ấm áp nhìn qua khuôn cửa hẹp. Hình như đã hết mưa. “Mưa bóng mây. Nhanh đến nhanh đi...” Anh vẫn cười. Rồi chồm người qua bàn, nắm lấy tay chị, thì thầm: “May mà em không nhìn lên, nếu em nhìn, em sẽ không thủ tiết với anh”. Chị sưng ra. Hai cánh mũi động đậy. Dưới môi, vài hạt mồ hôi lấm tấm như hơi nước.

“Một thằng... Rất ấn tượng... Mình đặt tên việc đó là Mưa bóng mây nhé”

Chị gật lia lịa và cười. Hai người cùng cười. Rồi rót rượu từ chiếc bình giả cổ rất khéo ra hai chiếc chén hạt mít. “Nguội rồi”. “Hâm lại nhé”.

Có một chiếc mõ gõ. Chị gõ nhẹ vào đó 3 tiếng.

Con gái 16 tuổi cụng cựa xuất hiện như vị thần chui từ chiếc đèn ra. Cười. Răng đều óng óng như những hạt ngô. Chị giơ bình. Cô bé gật nhẹ, đón lấy và biến vào cây đèn. Rồi thoát cái, quay lại, hồi hộp “Bà nấu rượu hẹn chiều mai cháu sang đèo mười lít rượu cúc về. Bà ấy hỏi thăm cô chú. Cháu bảo cô chú vẫn vậy, tốc độ uống có tăng”. Nó tí mắt cười, môi gọn đỏ như

vẽ, mòng mòng. Anh chợt hóm hỉnh: “Chú cháu mình có duyên với rượu cúc”. Chị đang ngồi khê kha chợt cười. Cười mãi không dừng được. Con gái mười sáu mắt tròn xoe, chờ đợi. Có một thằng bán thịt chó, hứng tình muốn đổi rượu cho khách thập phương. Thay vì hai can mười lít rượu sắn, lại tập tọng chén thêm bình rượu cúc. Lần thứ nhất. Đang phơi phới một mình một đường, tự dưng thấy trời xanh mây trắng nắng vàng, huýt sáo vang. Thế là chệt ngay vào hòn sỏi. Chỉ một hòn sỏi thôi- Anh cười mắt lóng lánh nước - thế là quay lơ. Tất cả nguyên xi. Vỡ độc bình rượu cúc. Hương cúc bay say hết bọn đi đường. Lần sau, nó rút kinh nghiệm, buộc chặt bình rượu, quyết về chơi trội, hơn phân cả dãy thịt chó rượu sắn bằng hương rượu cúc. Đang phơi phới, và tránh sỏi thì ôi giời ơi, mọc ngay một bác già ngả nghiêng hiện ra từ con đường tắt. Thế là lao thẳng cả người, xe, rượu sắn, rượu cúc xuống ruộng. Lại tất cả còn nguyên, độc bình rượu cúc vẫn buộc chặt sau xe đập ngay vào một tảng đá, mảy năm chệch đi một tí có phải vỡ vỡ bình rượu của ông không?”. Con gái mười sáu mắt chữ I mồm chữ O, hỏi “Thế có lần thứ ba không chú?”. Lần thứ ba thì chính bà ủ rượu không bán nữa, có tiền cũng không bán. Rượu cúc chọn người uống chứ người uống không chọn được rượu. “Bà ấy bảo cô chú có duyên với rượu cúc. Đến khi cô chú dắt cháu sang giới thiệu cháu cũng có duyên”.

*

* *

“Đây là tiền hàng tiền chợ, mẹ dặn bác ấy rồi. Con cứ thoải mái đừng lo lắng, có phải lúc nào cũng lái. Miễn không lỗi là được”. Mẹ bốn mươi cười miệng rộng, răng trắng đều ngà ngọc, mắt nâu ướt nước. Nhìn kĩ mới thấy vài sợi chỉ xiên xiên đuôi mắt. Con mười sáu cười ngắn hơn, mặt căng bóng, gật gật đầu

trêu mẹ: “Hết đồ nhắm, cho khách uống rượu xéch?” Mẹ bốn mươi tắt cười, lắc đầu lo lắng: “Khách say khướt, nhà có hai bác cháu làm thế nào?” Con mười sáu lần này cười phá lên: “Nhà có hai buồng, cho khách ngủ lại càng vui”. Mẹ bốn mươi lắc đầu: “Không được. Họ coi thường mẹ con mình dễ dãi”. Con mười sáu bót cười: “Dễ hay không ở mình. Mình hiểu mình là đủ cần gì ai hả mẹ?” Mẹ bốn mươi đứng lên, bỏ lại trong khoang trống nhỏ mùi nước hoa loáng thoáng, quyến rũ, nôn nao, đi biến vào trong gian phòng nhỏ quanh năm ẩm nồng nàn, các mùi hương. Nước hoa, kem dưỡng da toàn thân, phấn sáp và hương rượu. Nồng nàn người đàn bà chờ một hạnh phúc đến muộn. Cái gì muộn cũng ngọt ngào và giá trị, người ta hiểu nó hiếm hoi và khó giữ thế nào.

Con mười sáu đến đằng sau, thôi cười, xa vắng: “Mẹ lại đi lúc 9 giờ?”

*

* *

Hà Nội cuối đông, đêm xuống mù sương. Tất cả như lấp ló sau một tấm voan mỏng che khuôn mặt hồi hộp xinh đẹp đã hoá trang kĩ của cô dâu chuẩn bị về nhà chồng. Lần nào cũng thế, mẹ bốn mươi ngồi bên cửa sổ ô tô, ghế sau, trong một chiếc xe to và dài. Người lái xe quá hiểu vị khách độc nhất vô nhị của mình muốn gì. Bản nhạc xưa cũ, một thời nào đó rất đông người thích rồi dần dần chỉ còn những ai gắn nó cùng kỉ niệm là nghe lại. Đi chậm. Không một ánh đèn, dù chỉ nhỏ như một vì sao rụng. Cứ đến phà khoảng 12 giờ đêm là được...

Hai bên đường. Làng xóm ngủ kĩ. Nếu không có tiếng chó sủa vu vơ, không ra đuổi trộm cũng chẳng vì chán đời vì trắng sáng quá, biết là có một điều gì đó xảy ra xung quanh mình nhưng

trót sinh vào kiếp con vật nên chỉ biết ngóng cổ lên cao, ngửa mặt cảm hứng mà sữa... Tất cả, như trong một hạt thóc khổng lồ, được tưới bởi một dòng suối trắng bất tận.

“Không biết mùa đông, khách vắng, phà có chạy cả đêm?” Lái xe đột ngột hỏi, lại như than thở tự hỏi mình. Chị chợt bứt mình ra khỏi dòng sông trắng, cũng chẳng ra trả lời, chẳng ra tự hỏi. “Có khi phà chỉ chạy đêm mùa du lịch. Gọi mãi, ngủ say mấy cũng dậy”

Rồi lại chui vào hạt thóc mù sương.

“Mỗi ngày em phải ăn một con cua bể, hai xắt cá thu và 3 con tôm để bé về sau vừa khoẻ mạnh vừa thông minh”. “Anh có muốn em hét lên cho cả làng chài này biết đàn ông miền biển bắt nạt vợ thế nào không?” “Giời ơi, bắt ăn chứ không phải bắt nạt. Em ăn hộ bố con anh, mai kia em bé tự ăn được, anh để em chết đói, lúc đấy lại chả cướp của bố con tôi”. Chị hơi cười và lại nhìn ra tấm khăn voan. Có nhà ai đốt rạ, rất xa nhưng theo gió, khói nồng ấm lên về, luồn vào một cửa ô tô như chứng minh rằng vẫn còn người thức.

Mãi mãi trong sương. Trong khói. Trong hun hút đường dài. Bến phà hiện ra. Nước trôi lừ lừ. Vài cụm bèo dạt về cuối dòng dưới tấm voan trắng trải rộng...

Im lặng, họ cùng mở cửa ra ngoài. Gió biển mặn thốc vào mặt. Có mùi tanh, mùi mặn, mùi mát. Chị rùng mình, như tiếng anh gọi lại đằng sau.

Tiếng còi ô tô và những pha đèn bật sáng dôi sang bờ bên. Rồi một ánh đèn pha sáng chói gắt từ bên đó, quét thẳng vào chị. Tiếng khởi động máy phành phạch của chiếc phà nhỏ làm mặt nước vàng rực như vỡ ra.

“Mai tôi vào nhà thờ chịu lễ, anh cứ đi chơi. Gạo, cá, mắm

mẹ chồng tôi chuẩn bị hết rồi, anh đừng mua”. “Vâng”. “Sáng sớm tôi sẽ mua chục cân riêu tươi mang về làm mắm”.

Biển mở rộng toang trước mặt. Không thấy trăng đâu nhưng biển rất sáng. Chị quàng thêm chiếc khăn len xanh thẫm và đứng nhìn. Biển lần nào cũng mới. Đằng sau những con sóng kia luôn là những gì bí ẩn. Vừa háo hức mời gọi hãy đến đây với tôi. Lại giống một cánh cửa bí hiểm, lạnh lùng đến tàn nhẫn và tiếng gầm gừ: mi đã vào cửa nhà ta mi sẽ không về được.

Chị lại nói như cho mình, như với người lái xe đang ngất ngây: “Năm nào cũng có người không về”. Anh lái xe chuyên chở thứ trưởng một bộ kinh doanh mặt hàng không bao giờ lo ế, từ ngày quen vị khách đặc biệt sau một chuyến xếp vắng, vợ ốm vác xe đi đánh quả lấy tiền tiếp đạm cho vợ bỗng thấy cuộc sống thật rộng lớn mà có lúc anh tưởng không ai biết nhiều chuyện ở nhiều nơi bằng mình. Bỗng hiểu là mình cần khám phá nó nhiều hơn vì suy cho cùng, cuộc sống vẫn thế, chỉ khác là ở những kiếp người. “Năm nay là năm thứ 9. Nhanh nhĩ”. “Hàng trăm lần tôi đến đây, từ ngày yêu anh ấy, rồi anh ấy đi mãi không về...” Mẹ bốn mươi thở dài, đứng thẳng người vươn ra biển...

*

* *

Chân Quê hôm nay vắng khách. Cuối năm, ai cũng bận, hiếm thời gian dành cho rượu. Con gái mười sáu sung sướng đứng bưng rượu từ những chiếc bình to ra những chai con. nói với một bác rất già, nhưng mắt lại sáng hấp háy: “May quá. Ít khách, bác cháu mình đỡ chạy...” “Đúng là mẹ con nghệ sĩ. Bán hàng lại mong ít khách, không cần lãi”

Trong góc khuất. Cạnh vuông cửa sổ nhỏ. Hôm nay chỉ một mình anh. Trời tối sẫm, đi ngoài đường còn âm u nữa là chui vào

góc. Cái hốc hang nhỏ bé hôm nay thật lạnh, hai bát, hai đĩa, một đĩa lạc vài ngọn rau thơm, một đĩa dưa góp. Bình rượu thứ ba.

Con gái mười sáu vào, không toe toe như những hôm có cả chị. Nó bỗng dằm thắm, tế nhị và giới ả. thật đúng lúc đúng chỗ. Anh chợt hiểu đây vừa là văn hoá, vừa là bản sinh của một cô gái con những người tử tế.

“Nhà hôm nay vắng nhỉ? Chú không thấy mẹ cháu?”, “Mẹ cháu ra biển. Ngày mai đi lễ cùng bà nội”. Anh nhìn nó, hơi nhún vai. “Cô lại đi công tác ả?” Anh lắc đầu, dốc ngược bình rượu. Còn vừa xinh một chén hạt mít, ấm nóng, thơm tho. “Cô ấy bận một thời gian.”. Con gái mười sáu đứng lên. Đi ra, hông nở huých mép bàn tre cũ: “Cháu lấy rượu cho chú. Vừa nóng rồi”. Anh không kịp bảo thôi đừng lấy nữa, mọi hôm cả cô cũng ba bình, mà chú uống đâu bằng cô. Không cô. Rượu uống nhiều vẫn tỉnh, nhưng buồn. Có cô. Rượu uống ít mà say, chũnh choáng lại vui. Thôi chú không uống nữa đâu. Cháu ơi đừng hâm nóng. Mùi cúc quá nồng nàn làm chú vất vưởng. Ở đây về rồi không biết đi đâu. Khổ thân chú lắm.

Con gái mười sáu vào. Một bình ấm nóng, trên một chiếc khay nhỏ. Lần này có thêm một chén hạt mít. Anh nhướng mắt lên. Mình không say nhưng sao mí mắt lại nặng nặng. Nhiều câu định nói đây trong đầu nhưng sao lại không thể phát ra thành lời?

Mắt con gái mười sáu lóng lánh: “Cháu uống với chú. Cháu uống được hai chén này rồi”. Anh cười. Định bảo cháu ơi, già nghiện rượu như chú còn hồi không kịp nữa là phơi phơi như cháu, việc gì phải vội thế? Rượu chỉ ngon khi có bạn hiền. Chưa

chắc cứ giúp đỡ nhau lúc khó khăn mới là bạn hiền. Giúp khác mà cần có nhau những lúc cô đơn lại khác.

Chưa kịp nói gì thì cháu đã một và chú cũng một. Cả hai cùng dốc ngược chén. Cháu miệng gọn, răng đều tăm tắp cười, lưỡi nhỏ và hồng như lưỡi mèo liếm liếm miệng chén rượu đầy, sánh như mật. Cháu bảo cháu biết nếm tất cả các loại rượu, phân biệt được bình nào đến độ, bình nào chưa. Cháu bảo mai này yêu ai, cháu cũng rủ người ấy uống rượu giống cô chú không có người say người tỉnh nhạt lăm. Rồi chú cười. Cháu cười. Bày bình rượu cúc dốc ngược. Cháu bảo mai mẹ về mang nhiều con ở biển, con nào nhắm với rượu cũng ngon. Chú đến sớm sớm, cháu bày vẽ ra cả nhà mình cùng chén... Cháu lại kể từ ngày cô chú tặng mẹ con bình rượu cúc, rồi dắt đi đặt người nấu thường xuyên cho Chân Quê, mẹ ước lúc nào kiếm được tí đất chỉ trồng hoa cúc...

Ngoài kia. Một mình bác rất già mắt sáng phục vụ khách. Bày biện các đĩa có vẻ vụng nhưng đầy, lại chịu khó cười duyên, khách vui, chủ cũng tít.

*

* *

Bắt đầu những ngày mưa dầm dề sau những ngày hanh hao lê thê. Chân Quê lại đông khách. Trời đất ủ ê, buồn nản may còn có rượu kích thích. Mẹ bốn mươi sắp sang bốn mốt. Hơn có một tuổi nhưng lại ngoặt sang một chặng khác đây bất trắc và mù mờ, không thể định trước ngày mai ngày kia ra sao. Trước ai hỏi, con mười sáu đùa: “Mẹ cháu đầu ba đuôi vô tư”. Bây giờ thì nhốt một cái thành đầu bốn đuôi bất tận. Đuôi không quan trọng như đầu. Mẹ bốn mốt vẫn đẹp, vẫn giòn, cạnh con gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu. Không có trâu cho con gái bẻ sừng, chỉ

thấy con đi lại xem ra tăng phần mạnh mẽ giảm độ gọi cảm lắm khi xô vào bàn, đổ cả khay rượu. Thế mà khách không mắng, lại còn cười: “Thiếu nữ rồi. Mỗi tội còn lật đật trẻ con”.

Khách quen dất theo khách lạ. Khách lạ đến, ngồi nhắc chuyện khách quen giờ đi đâu về đâu. Mẹ bốn một, con mười bảy xem ra hài lòng với Chân Quê xinh xắn, ấm nồng hương vị rượu và đàn bà con gái. Mặc kệ chiến tranh bên xứ đạo Hồi. Mặc kệ khủng bố, chỉ xuýt xoa thương những người tài nhất thế giới tư bản chết trong toà tháp đôi. Mặc kệ ngoài kia chỉ còn là đường khi về đêm, ngày là chỗ trú chân của dân tứ chiếng. Kệ tất tật. Rượu đầy sòng sánh. Rượu thơm nồng nàn. Người đến kẻ đi đều tây tây vui vui nhìn nhau như người thân...

Suốt từ trưa. Chị ngồi nâng lên hạ xuống tí tí. Con gái mười bảy chép miệng: “Trông cô uống ngon như uống mật ngọt”. Chị cười “Ngọt hơn cả mật, con gái ạ”. Con gái mười bảy lại hỏi: “Chú ấy ở tận bên kia trái đất, không hiểu có rượu cúc mà uống không?”. Chị cười đậm đà mắt như lên men: “Kể cả có thì cũng không phải rượu cúc của mình”. Con gái mười bảy gật gù, mặt thoát già trước tuổi: “Rượu ngon phải có bạn hiền, chú năm ngoái lúc ngồi một mình đúng chỗ cô ngồi, uống rượu bảo cháu thế”. Chị chợt lặng đi. Hai mắt hình như có nước, vai xuôi xuôi cam chịu. “Mới đây đã một năm. Hồi ấy, cô đi biệt phái 6 tháng”. “Nghề nhà báo của cô thích nhỉ. Được đi khắp nơi. Chưa kịp chán thì đã về”. “Nhiều khi cuộc sống trôi được là nhờ cảm xúc và cảm giác. Sau này bằng cô, cháu sẽ hiểu”. “Thỉnh thoảng cháu cũng thấy vậy”. “Không biết sang bên đó, chú có còn thích viết văn?” Con gái mười bảy mơ màng. Mặt chị như có hơi sương: “Văn chương là thứ chú ấy không bỏ được”. Con gái mười bảy chợt chồm người lên, thì thào: “Mẹ cháu sắp lấy chồng”. Chị sững mặt, chợt thấy

không bị màng nước mắt kí ức kéo sập che đi như hồi nãy. “Bác ấy cũng người vùng biển. Bà nội cháu khen bác ấy tốt, thật thà. Người vùng biển nào cũng thật thà”. “Cháu nghĩ sao, về chuyện này?” “Tốt chứ cô. Cứ cái gì làm mẹ bớt khổ là cháu thích. Từ bé đến giờ, cháu chưa thấy lúc nào mẹ cháu vui hẳn. Chỉ hơi vui vui thôi”. Chị thở dài. Một hơi rất dài như thể hơi thở được dồn nén rất chặt. “Rồi sau đó thế nào?” “Mẹ cháu sẽ về Hải Thịnh. Mẹ cháu muốn ở gần bà nội. Sau đó thế nào...” Con gái mười bảy cười, răng trắng ngà ngọc, nhún vai lắc đầu: “Chỉ mới tính được đến thế thôi cô ạ”. “Còn cháu... và em Chân Quê này?” “Cháu ở đây với bác, có sao đâu cô. Cháu quen rồi”.

Chị lại thở dài. Hơi ở đâu mà lắm thế. Thở lần nào cũng dài ời là dài. Chả ra hỏi, cũng không phải nói chuyện, chị lầu bầu: “Mãi thế này, làm sao có tương lai?”

Con gái mười bảy đã đứng lên và biến đi từ lúc nào. Còn lại chị, trong bóng tối quá đậm của một chiều muộn cuối đông. Đèn không bật. Ngoài kia ô cửa sổ vàng vàng, có tiếng hát karaoke thỉnh thoảng theo gió tạt vào một bài hát lời Việt nhạc Hoa đang là loại nhạc của số đông quyền luyến.

Chẳng nhẽ cứ ngồi mãi đây. Thật là một kết thúc không tiền khoáng hậu. Con bé lại vào. Chị nhận ra không phải vì cái dáng núng nẩy thiếu nữ đi đâu va dấy của cô mà là hương rượu. Ấm nóng, ngọt ngào. “Con gái ơi. Cô có một mình, có cho cô về không?” Con gái mười bảy giọng hơi dính lại: “Chú bảo cô chỉ say khi uống cùng chú. Chú cũng chỉ say khi ngồi với cô. Còn uống một mình. Không ai say hết”. Rồi lặng đi một lát. “Uống đi cô. Cô vừa bảo lâu lắm cô mới lại đến đây”.

*

* *

Hôm nay sinh nhật con gái. Bây giờ con gái mười chín và mẹ bốn ba. Khách đến Chân Quê, mẹ con mời rượu miễn phí. Người quen dắt theo người lạ, vào đến nhà là vui và thành người thân tất.

Bàn ghế không đủ thì ngồi xuống đất, uống càng phê. Một số khách bảo sao không kê thêm bàn cho vào chỗ góc khuất, gần cửa sổ. Con gái mười chín lắc đầu, bảo chỗ đó cháu còn kê bàn làm việc. Mọi người hỏi con gái làm việc gì. Con gái mười chín bảo: “Cháu ngồi viết văn”. Nghe đến thế, chẳng ai dám đòi, chẳng hiểu ngồi viết văn thực sự là thế nào nhưng ai trong đời cũng từng thích một câu chuyện nào đó, đọc và nhớ rất lâu. Nếu không có những người viết ra những câu chuyện đó, họ lấy gì mà đọc? Tóm lại. Cháu viết được văn là quý. Và phải có một góc ngồi riêng là đúng rồi.

Mẹ bốn ba sau khi đợi con mười chín thổi nến bánh ga tô, đợi người chồng mới hiền lành thật thà, ít nói nhưng hễ cứ nói là ông ổng như đang ngoài bãi biển, chỗ đông người, bung chum rượu cần đặc sản mời khách lạ khách quen mỗi người một hít, tuyên bố con gái nay là chủ Chân Quê. Các khách quý hãy coi quán như nơi dừng chân tìm chỗ để chịu xua đi cái khó chịu dù chỉ trong chốc lát. Mẹ bốn ba đẹp đảm thắm, có xỏ người hơn một chút càng mỡ màng, ôm con gái mười chín má hồng hây hây và bảo con nói gì với mọi người đi chứ. Con gái mười chín cười cười, nụ cười say như men: “Cháu không biết nói gì, trước là cảm ơn tất cả các tửu khách sau con xin tuyên bố, được đổi tên Chân Quê thành Rượu Cúc”. Rồi cẩn trọng bung chiếc khay có bình rượu cúc nóng cùng 3 chiếc chén hạt mít về phía bàn làm việc. Con gái mười chín rót không nhỏ ra miệng bình giọt nào sấp ba chén, và cụng vào nhau. Cái miệng xinh lắm bấm nhai giọng chị: “Cạn nào”.

Hơi lặng đi một chút. Nhìn những quyển truyện của anh. Chiếc bút ký vật của anh tặng, chị mang làm kỉ niệm hôm cuối cùng chị đến để cả nhà vào Nam.

Tám biển Chân Quê được gỡ xuống. Ông bố dựng ít lời nhưng chất lượng âm thanh tuyệt hảo treo leo cùng bà bác mắt sáng treo tặng cô con gái riêng của vợ tám biển mới. Trên một nền những bông cúc vàng nhảy múa một chữ Rượu.

*

* *

Nhiều năm sau.

Khách lạ khách quen đến quán Rượu Cúc. Uống rượu gì thì uống. Ăn gì thì ăn. Muốn ngồi đến bao giờ cũng được. Nhưng khi về, bao giờ cũng được cô nhà văn chủ quán hong nỏ, miệng xinh, mời tráng miệng một chén rượu cúc âm ỉm, mềm mại và đậm đà như một loại mật, như thể dòng mật đó âm thầm, triền miên chảy trong lòng đất và thấm đẫm vào những cánh rừng hoa cúc.

NGÃ TƯ

Truyện ngắn

Trong một ngày, ngã tư có lúc ồn ào náo nhiệt, có lúc yên tĩnh. Ở thủ đô, ngã tư đâu đâu cũng vẫn là bờ hè hàng cây, nhà cửa mới cũ, rộng hẹp, cao thấp, đôi khi nhô ra lui vào một cách đột ngột tự do. Ngã tư đầu phố này giống mọi nơi nhưng ở một khu đông dân nội thành. Một chấn sắt đường tàu hỏa xuyên thành phố đằng sau lưng, đường xe điện trước mặt, một ngã khác, lối giao thông được phép của vận tải, một góc đổ ra công viên rộng mênh mông mới xây dựng.

Mặc dù thời chiến căng nhất, vì còn sớm, người qua lại không lúc nào ngớt. Tiếng còi tàu dồn toa trong nhà ga, tiếng xe vận tải kéo moóc, tiếng ồn xung quanh máy nước đầu chợ, tiếng chân bước, giọng nói cười, xen lẫn người rao hàng, trẻ em nghịch pháo diêm, chị công an thoải còi giữ trật tự trong chòi của kính. Tất cả dội lên bờ hè đầu phố, tiếng ồn âm vang, trong khi một xe máy xúc, xích sắt, ở đâu về chẳng biết, ngẩn ngơ đi chậm, âm ỉ chìa

ra phía đằng trước lưới xúc rộng to bản còn bám đất bùn có những mảng lấp lánh màu sắt đã mòn.

Khi xe tưới nước sơn xanh của thành phố, từ mạn nhà ga đổ về ngã tư, quanh một vòng, phun nước ướt đẫm mặt đường, thổi bụi đất lên bờ hè, những người dọn hàng muộn nhất cũng đã yên chỗ đầy đủ. Vào giữa năm kháng chiến chống Mỹ bắt đầu ác liệt, hàng ngày máy bay giặc đánh vào thành phố. Mỗi nhà, mỗi người còn lại ở đây, ngoài phần lo toan sinh sống, đã đảm đương nhiệm vụ kháng chiến phòng không đương nhiên đi vào sinh hoạt bình thường hàng ngày.

Hơn mười năm nay, trên gác cửa hiệu đồng hồ ở ngã tư có một đồng hồ mặt vuông quay ra phố, rộng bằng một mặt bàn, kim chỉ giờ bằng thước đo thợ may. Ở ngã tư, ai không có đồng hồ có thể xem giờ trên mặt kính vuông, căn cứ vào bệnh lâu năm của đồng hồ, chẳng hạn như kim chỉ phút bao giờ cũng chạy nhanh mười phút vào mùa hè, đi chậm mười lăm phút vào mùa đông.

Cách đây không lâu, bom phá rơi xuống phía bờ sông, hơi bom nổ rung những cửa kính lớn trong khu phố. Mặt kính đồng hồ vỡ làm ba mảnh rơi xuống mái tôn. Cùng một lúc, mặt kính lớn của hàng hợp tác xã trông răng, tấm kính sơn trắng, vẽ một đầu người thiếu nữ tóc uốn, hàm răng đều đặn trắng hồng, vỡ làm nhiều mảnh rơi vào hầm tròn trong cửa hàng. Kim đồng hồ lớn gãy, đồng hồ được bỏ mặc không chữa. Bây giờ hàng ngày ở ngã tư, mọi người ước chừng giờ giấc qua chương trình phát thanh, qua những chuyến tàu hỏa đi phía Hải Phòng, Đồng Đăng. Rồi tàu cũng chuyển về đêm, hoặc không khởi hành từ ga chính, sơ tán đi nơi khác. Người ngã tư xem giờ căn cứ vào công việc của những người đi về đều đặn, như người bán báo hàng ngày đi xe đạp đến ngã tư trước giờ đi làm của viên chức, sự lui tới của

những chuyến xe điện từ cửa ô vào bờ Hồ lúc bốn giờ sáng, đi ra ngoại ô chuyển cuối cùng lúc chín giờ Đêm. Xe tưới nước thành phố vào cũ tám giờ sáng ở mạn ga đổ về, phun nước rồi đậu lại bên bờ hè, lấy nước ở một vòi riêng. Vào lúc xẩm tối trước bảy giờ, xe đổ rác công kênh, chậm chạp đỗ trước cửa chợ rung chuông rất khỏe. Lúc ấy nhiều bà mẹ bắt đầu đỡ con nhỏ lên giường đi ngủ. Thế là trẻ phải đi ngủ sớm hơn ngày thường vì có trừ hao báo động ban đêm. .

Ngày đồng hồ vuông vỡ mặt kính cũng là ngày ông thợ cả chữa đồng hồ, tổ trưởng hợp tác, mời cơm khách. Không phải vì khách là tổ trưởng nhân dân khu phố mà mời ăn uống. Hai người quen biết nhau bốn mươi năm nay, từ thời ông Thợ tổ trưởng nhân dân có bà mẹ già đi bán ngô rang ở ngõ Chín Gian.

Ông Ba thợ đồng hồ, xuất thân từ một người ở Hà Đông trốn thuế ra Hà Nội đi ở. Từ đi ở, sang việc kéo quạt, giặt khăn, bưng nước trong một cửa hàng cắt tóc cửa ô, có thời khó khăn đi bới rác, chữa khóa, rồi lên chữa đồng hồ. Bốn mươi năm chữa đồng hồ, từ lúc tóc còn xanh đến khi đầu bạc, làm nên cái đồng hồ vuông quảng cáo trên gác cửa hiệu. Nào có ra cửa hiệu! Chỉ là hai thước vuông cửa hàng vừa đủ kê một tủ kính nhỏ, một bàn làm hàng. Ông Ba, có người quen gọi ông Ba đồng hồ, ăn ngủ ở nhà số 2 bên kia đường, ngôi nhà ba tầng, đầu ngã tư, có hai mươi bộ.

Còn hai người nữa, anh Tuấn con ông Ba đồng hồ, công nhân xí nghiệp cơ khí ngoài ga, sẽ lên đường đi thanh niên tiên phong làm đường ra mặt trận ở trong kia. Trong kia là sườn núi Trường Sơn, ông thợ đồng hồ biết mang máng như thế. Còn bom đạn, đương nhiên, ở trong ấy nhiều hơn ngoài này. Nhưng ông Ba nói với bạn:

– Ông làm cán bộ đường phố. Chỗ người nhà tôi xin nói thật. Nó vào diện thanh niên khỏe mạnh. A một đấy! Trong nhà máy, ba nam hai nữ. Đợt bộ đội lần trước thế là xong rồi. Kỳ này thanh niên xung phong. Thằng bé ít nói nhưng mà kiêu ngâm. Việc gì người ta làm được cậu ấy cũng không chịu kém. Hai lần viết đơn! Tôi nghĩ năm ba năm cháu về, rồi thì có chỗ đứng. Bây giờ nhà tôi mới thực sự là có người tham gia. Bây giờ ác liệt hơn cái hồi kháng chiến đánh Tây.

Ông Ba đồng hồ nhấn mạnh, bây giờ thế này, bây giờ thế kia. Ông tổ trưởng ăn cơm uống rượu nói chuyện với người con trai. Ông Thơ quen biết nhiều lớp thanh niên trong khối, tốt có, xấu có. Anh con ông Ba hiền lành. Có người nói cậu ấy lao đi thanh niên vì cãi nhau với con nhân tình. Còn biết thế nào, mỗi tuổi một khác.

– Tôi ở đây từ lúc còn ẵm ngửa, – ông Thơ nói, – chưa xây nhà hết dãy phố này. Các chú bây giờ chưa thể gọi là sướng, trong lúc đất nước còn chiến tranh, nhưng khổ thì chưa bằng tôi và ông cụ nhà anh hồi trước kia.

Buổi chiều tháng bảy nóng nực không một cơn gió. Tất cả cửa sổ gác hai gác ba ngôi nhà đều mở rộng. Nếu có gió từ ngoài vườn hoa, gió cũng không bao giờ thổi vào nhà ông thợ đồng hồ. Nhà ông, một gian xép, để phụ tùng chữa ô tô của nhà chủ thời trước, khuất trong một góc sân. Nhà số 2 ở ngã tư có một mặt quay ra vườn hoa. Phía đó cầu thang đá hoa thông lên ba tầng gác, hàng hiên bao quanh cửa buồng. Cứ xét bề thế ngôi nhà gác, mái cong ngói tròn, kiểu Á đông nửa tây tàu, người mới về khu phố không thể biết được cảnh tượng xưa kia. Phía cầu thang xuống mặt đất ngày nay còn một cây đại già, hai gốc liễu, một hàng đá xanh lốt lối đi. Hồi xưa, một chủ thầu đồng con, xây cất tòa nhà vừa ở vừa

làm kho chứa hàng. Thời Nhật, Pháp, hai tầng cho thuê phòng ngủ, một tầng mở hàng “ARA-BICA giải khát khiêu vũ”.

Ngã tư thay đổi nhiều. Ngày trước lo âu nghèo đói bệnh tật hành hạ con người ta. Ngày tháng vùn vụt trôi đi, mang theo kinh nghiệm thành đạt và thất bại, hạnh phúc và đau khổ của bao nhiêu cuộc đời.

Bên ngôi nhà lớn ấy, ông thợ đồng hồ vừa ý về gian nhà nhỏ của mình.

Tính ông ta như thế, thích ngồi một mình, sau giờ làm hàng, trong gian nhà chật hẹp mà còn làm thêm một gác lửng, chỗ ngủ của người con trai. Ở Hà Nội, thời nào cũng vậy, người không dư dật cứ tạm vừa lòng bữa ăn chỗ ở. Trước mặt gian nhà là bậc xi măng bước xuống tầng nền sâu dưới đất, hiện dùng làm hầm chung cho nhiều người trên ba tầng gác. Ông thợ già không bao giờ xuống hầm. Bất cứ giờ nào, dù ở xa gần, còi báo động, ông lần về đến nhà, bước vào trong buồng, ngồi bên tích nước chè mạn. cái điếu. Không ai biết từ hồi còn trẻ, ông ta đã đi ở, bây giờ làm chủ một cửa hiệu nhỏ chứa đồng hồ giữa thành phố, tiêu chuẩn chè mạn Hà Giang, thuốc lá Kiến An chính phẩm, sang trọng rồi.

Hôm nay ông mời bạn ăn cơm trong gian nhà này. Từ ngày ở Thủ đô tình hình khẩn trương, ông thợ đồng hồ thêm bận. Một số người quen đi sơ tán. Năm nay sáu mươi năm, tóc chưa bạc hết, còn rất khỏe, ông Ba có một triết lý riêng về số phận con người. Một trăm con người, một trăm số phận, một nghìn nỗi lo âu và sung sướng. Khổ đến đâu cũng có lúc sướng.

Mười hai năm không biết bao nhiêu nhiệm kỳ, ông Thợ già làm tổ trưởng tổ nhân dân khu phố ngã tư.

Ông Thợ hồi bốn mươi tuổi, khuôn mặt hốc hác khắc khổ, tuy

khỏe mạnh. Người ngã tư đặt tên ông Thơ già. Bây giờ nhiều tuổi già thật rồi, bề ngoài lại non hơn tuổi. Hai mươi năm làm phu chữa đường trước cách mạng, mười lăm năm làm công nhân cầu đường, sau giải phóng, ông Thơ lên đến tổ trưởng một tổ vá đường.

Mấy chục năm trên đường Thủ đô, ông có nhiệm vụ hàng tháng hàng ngày đi xe đạp từ cửa hàng Tổng hợp xuống Cửa Nam, sang đường hàng Dẫy, vòng về hàng Bội, rồi lại sang Tổng hợp xuống Bạch Mai. Máy chục năm, mặt đường tốt xấu, kỹ thuật cao thấp, vá vúi, mỏng dày, cát đá thiếu thừa, ông Thơ phải biết. Ngày mưa, ngày nắng, đi từng quãng, nhìn xuống mặt đường quan sát chỗ lồi lõm, nứt nẻ còn tốt hay đã vỡ, có khi bỏ xe ngồi xuống bờ hè, nhìn ngang, liếc dọc tính ra quãng hỏng, lên kế hoạch đất đá, sỏi cát, thi công. Chữa đầu đường thì cuối đường bắt đầu hỏng. Năm tháng ông ta đi vòng quanh đường phố, vá đường như vá áo.

Năm sáu mươi tuổi, ông Thơ được Công ty giữ lại mời làm hợp đồng thêm ba năm, phân công đi nhận đá ở bến Đ. Thời chiến, bom nó bắt đầu dội xuống Thủ đô, phía đông, phía tây, bờ sông, Văn Điển, nhưng đường cũ cứ phải chữa thành mới. Yêu cầu đất đá, sỏi cát kịp kế hoạch, ông Thơ già chịu trách nhiệm.

Đã hết nghề, có trách nhiệm. làm việc gì cũng phải biết rõ ngạch nguồn. Thuyền của hợp tác đây, – ông ta nghĩ, – cũng phải tính một tý. Cái chỗ chứa xã hội trong tâm tính con người ta giống như nước chảy vào thuyền. Có thuyền nào không phải tát nước. Chỉ có điều là để nước tràn vào, lỗ thủng rộng ra, có khi chìm thuyền. Ông Thơ già, tay cầm cuốn sổ, cái bút chì, nói với các ông lái và chân sào.

– Thời chiến gay lắm. Yêu cầu sỏi đá gấp rút không trì hoãn.

Cái bến này đã đánh động. Thuyền nườm nượp đậu lâu không được ạ. Máy bay nó từ phía Nam đảo lên sà xuống bến lúc nào không biết. Bây giờ yêu cầu các đồng chí bàn lại kế hoạch, thế này có được không nhà. Cứ trông mớn thuyền, gạch sỏi tính ra, nhận lấy đá cũng không xong. Tôi xin đề nghị mỗi tuần một lần rửa thuyền, xúc hết đá nhỏ ở trong ra. Các bác cũng biết cái đá rầm này nó lọt xuống đáy, mà lại ngâm nước thì một mớn nó kéo thuyền nặng xuống bằng rưỡi. Trước kia thời đế quốc, có ông lái còn ghếch mũi lên bờ, nửa thuyền chìm dưới nước, chúng tôi vô ý tưởng đâu thuyền nặng quá mớn, thật ra, đá chưa đủ khối. Có phải thế không ạ?

Sau ba năm hợp đồng, ông Thơ già được đồng chí Chủ nhiệm Công ty trẻ tuổi mời lên nói chuyện:

– Trong mấy năm chống Mỹ kháng chiến, bác đã đăng ký làm thêm ba năm hợp đồng công tác cầu đường, đưa ra bốn sáng kiến cải tiến ngành nghề hợp lý thật không phải dễ. Đó là điều chúng cháu phải học. Có đồng chí đến tuổi chưa muốn về hưu, nhưng sức không kham nổi, nhiệt tình năng lực không có đủ, yêu cầu công tác mỗi ngày một đòi hỏi, như thế tròn thêm ba năm, tuy là phụ động nhưng bác đã cho nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp. Hôm nay Công ty chuẩn bị liên hoan tiễn bác về hưu, cháu hỏi thật, bác có điều gì, điều gì cần thiết, trong khả năng quyền hạn trách nhiệm cháu xin hết sức.

Ông già ngồi tựa vào ghế, đôi môi hơi nhếch lên, mỉm cười, nhìn vào tờ lịch, tay cứ xoay mãi chén nước, một lúc nói khẽ:

– Gia đình tôi đồng chí cũng biết, xuất thân từ phu làm đường, cho đến bây giờ mới được gọi là công nhân. Tôi cũng nghèo, lấy vợ muộn lại một đàn con. Thành cháu lớn đi địa chất miền núi. Nếu đồng chí giúp tôi được cái đăng ký sửa chữa xe đạp ở đầu phố. Đồng chí thông cảm hoàn cảnh.

– Vâng cháu hiểu. Cơ quan, công đoàn cũng biết. Bác yên trí. Bác viết giấy, chúng cháu chứng nhận rồi đề nghị lên phòng Thương nghiệp khu phố.

Bây giờ ông Thơ già, còn vững vàng khỏe mạnh, làm thợ chữa xe đạp ở ngã tư, và tiếp tục làm tổ trưởng nhân dân khu phố.

Dưới con mắt ông tổ trưởng nhân dân, mấy người quen cũ, qua nhiều giai đoạn Tây, Tàu, Nhật rồi bây giờ Cách mạng, không rơi rụng còn ở lại khu này, đã giữ được tình thân gắn bó. Vườn hoa ngoài kia, rợp bóng bạch đàn, xà cừ, phi lao vun vút lên sắp thành rừng, trước đây là bãi rác lớn thành phố. Bãi rác là gia tài của người nghèo. Mặt đất nơi đây ngày xưa thấp hơn bây giờ một đầu người.

– Trong khối này, ông Thơ nói, mười một tổ, nhà số 2 hai mươi hộ, hơn bảy chục người lớn, so khắp nơi, có nề nếp nhất. Từ cái hộp thư cho đến điện nước. Có nhà nhiều hộ mà ở bần hơn cái quán chợ. Cãi nhau hơn hàng tôm hàng cá. Nhà số 2 này hai mươi hộ, thế mà được ba đi bộ đội, hai người đi thanh niên, bây giờ chú Tuấn nữa là ba.

Người con trai ông thợ đồng hồ, vạm vỡ dáng người giống bố, da đen, tóc rẽ tre, lắc lư cái đầu nói một giọng chân thật:

– Chúng cháu bây giờ, đường còn dài, đi còn xa. Cháu chỉ còn lo đi vắng không có ai quát bảo thẳng em, nó còn bé dễ đùa đòi. Chị thì chiều em. Ông tướng đã tập hút thuốc lá rồi đấy...

Ông Ba đồng hồ ôi dà một tiếng nói to:

– Được rồi, anh không phải lo. Tôi đẻ ra nó mà tôi lại không dạy được nó à?

Ông quay sang nói chuyện với bạn về chuyện vợ chồng con cái, làm ăn kiếm sống. Một của một con không từ. Năm con năm thương, Mười vợ mười nhớ. Cái anh tư sản ngày xưa nó thế. Đẻ

con ra nó có phải lo đâu. Nhưng mà cứ bố mẹ giàu thì con dễ hư. Thăng Tuấn nhà tôi...

Ông bố nào cũng thương con, chỉ thấy ưu điểm. Ông thợ đồng hồ tự hào về người con ít nói, chăm làm.

Anh Tuấn nghe hai cụ thì thầm nói chuyện chỉ mỉm cười. Anh yên tâm thấy bố cũng thích anh đi công tác. Hà Nội đối với anh là ngã tư quen thuộc, một nửa vườn hoa kia, rạp chiếu bóng ở cuối phố và rạp xiếc nhà vải bạt.

Anh Tuấn cao thước bảy, nặng năm mươi nhăm cân hay đi xem xiếc. Gánh xiếc đóng nhà bạt ở bãi cỏ góc vườn hoa, đêm khuya đưa về ngã tư tiếng sư tử gầm theo gió thổi từ mặt hồ vào phố. Buổi sớm từ lúc tiếng chuông nhà thờ lớn văng vẳng phía hồ Gươm, anh cởi trần chạy ra vườn hoa tập thể dục. Đến lúc chuyển xe điện đầu tiên chưa có hành khách từ ngoại ô thành phố, anh tập xong. Anh Tuấn đen – trẻ con ngã tư gọi như thế, đi làm theo ca kíp, ở một tổ rèn nguội. Anh Tuấn đã đi khám sức khỏe đợt tuyển quân, xếp loại A. Chờ đợi chưa gọi, kỳ này anh cùng một bạn thân vào thanh niên xung phong. Đằng sau ngã tư, đằng sau vườn hoa, ánh đèn quen thuộc trong đầu người con trai có một địa bàn mới mẻ. Có thể là tiếng súng phòng không hàng ngày trên bầu trời thành phố, những khuôn mặt người thân ở ngã tư, ở ngoài mặt trận, có thể là không khí chiến đấu trong xí nghiệp thôi thúc anh lên đường.

Ông Ba đồng hồ nói chuyện về báo động, công việc làm ăn, nhưng đôi lúc liếc mắt nhìn ra ngoài cổng, hình như có điều băn khoăn. Ông gọi con gái nói nhỏ:

– Con ra xem bác Quang đã về chưa. Nếu chưa về thì đón ông ở cầu thang, mời ông vào đây xơi nước. Bố cháu muốn hỏi ông một tý nhá.

Ông bóc bao thuốc mời khách.

– Ông bác sĩ dạo này cũng vất vả, có đêm không thấy về nhà. Tôi định nhờ ông ta một việc, từ sáng chưa về.

– Bây giờ ngành nào cũng thêm việc. Người không sơ tán còn ở lại mới bận.

Nói đến công việc bao giờ ông Thơ không hào hứng. Năm con, vợ yếu, mẹ già. Mặt dọn hàng. Mặt công tác. Ông tổ trưởng thì thâm;

– Tôi bận hơn các ông ấy, tuy công việc không quan trọng bằng. Người ta cán bộ, công nhân viên nhà nước trong biên chế. Mình bận có ai biết. Dạo này bận hơn bao giờ.

Con gái ông thợ đồng hồ đứng hóng gió ngoài cầu thang. Cô ta cầm chiếc quạt giấy vẽ bó hoa hồng, trông như một cô đào cải lương vì màu sắc sặc sỡ của cây quạt mỹ nghệ, màu áo xanh pha ni lông. Lúc nào cô May cũng vẽ thư thái của một người đàn bà khỏe mạnh hơn là một thiếu nữ. Công việc vất vả ở vườn hoa dưới trời nắng nặng nhọc, gánh đi bán cũng mệt mỏi, mỗi ngày, từ sáng đến xế chiều, cô vẫn đảm bảo một gánh cỏ bán trên phố Cột đồng hồ bờ sông.

Cầu thang nhà số 2 là nơi trẻ con chơi đùa cãi nhau khi không có báo động, nơi thiếu nữ các hộ đứng nói chuyện hóng gió vườn hoa, khu vực buổi sáng con mèo lông mượt vàng đen trên gác nằm phơi nắng, khi có tiếng súng chạy nhanh vào gầm cầu thang. Lúc báo động cũng là chỗ các bà mẹ quát tháo ầm ĩ vì trẻ con không chịu xuống hầm, cứ đứng xem tên lửa, cao pháo nổ trên bầu trời phía vườn hoa.

Cô May đứng nói chuyện với con gái bà khâu giày dép ở cầu thang, chân gác trên tường hoa, miệng hát khe, mắt đảo lên buồng thứ hai tầng gác ba. Hãy còn chiều mà đã đèn điện sáng

trắng trong căn buồng quét vôi màu vàng nhạt, soi vào chiếc áo mới là, treo trên mắc áo gỗ, ở cổ còn ngoàng một cà vạt xanh thẫm. Áo trắng với cà vạt màu ở khu phố này, dấu hiệu của thanh niên đi dự đám cưới vào mùa hè, tối thứ bảy hay chủ nhật. Vẫn báo động, tiếng cao pháo không mấy ngày im tiếng, vẫn đám cưới. Ở tầng gác trên cùng, cô cất cổ quen biết tất cả, dĩ nhiên là có nhà thân thiết hơn. Gia đình ông Quang, bác sĩ quân đội phục viên, đã đứng tuổi, chuyên về mổ gan, rất nổi tiếng ở bệnh viện thành phố, hai hộ công nhân đường sắt, một thợ hàn chữa sà lan ngoài bến cảng sông Hồng, một hộ khâu giày dép, một hộ xích lô. Mỗi khi bước ra cầu thang, cô May mặc một thói quen phải nhìn lên khung cửa sổ tròn sơn màu da cam ở gian gác anh tài xế đầu máy xe lửa. Trong các hộ nhà số 2 hình như anh công nhân đầu máy xe lửa ít xuất hiện nhất. Một phần do công việc, giờ đi về khác hẳn mọi người. Anh thường làm hai ngày nghỉ một ngày, làm đêm, làm ngày, thất thường. Ngoài giờ đi làm, hôm nào anh nghỉ ở nhà, cửa sổ đóng chặt cho đến mười hai giờ trưa dù báo động. Ai cũng biết anh ngủ để lấy lại sức. Cô cất cổ còn biết, đi một chuyến tàu đường trường, anh ta có thể bị hao mất hai cân bẩy. Ấy là nói như thế chứ có ai bắc cân lên mà cân. Nhưng người ta tin nghề anh vất vả, đòi hỏi kiến thức kỹ thuật, bây giờ trong kháng chiến rất quan trọng và nguy hiểm. Nhiều người trong nhà có cảm tình với anh thợ đứng đắn. Anh ở đây trong gian gác nhỏ có cửa sổ tròn như một gian chuồng bồ câu. Khi nào ngủ dậy anh công nhân đầu tàu cất tiếng hát âm ỉ, một giọng trầm và sai nhịp, bài hát “cô tóc dài hay soi gương, cô lười lao động mà cười rất xinh”. Giống ánh nắng chiều vào cầu tháng, anh đi đến tầng gác nào, đem từng bừng vui vẻ đến đấy. Anh có thể nói đùa lễ phép với các cụ già, nhã nhặn sắc sảo với thiếu nữ và bình đẳng với trẻ con. Có một hồi các cô trong nhà

gọi anh “người tìm sỏi” khi biết chuyện người yêu anh đi lấy chồng, một kỹ sư mới đi học nước ngoài về. Cơ sự như thế mà không hề thấy anh chàng nao núng. Vẫn ngủ đến nửa ngày mới dậy, vừa thức dậy lại “cô lười lao động mà cười rất xinh”. Thế giới của anh hình như không phải ở gian buồng chuồng chim kia mà cũng không phải ở nhà số 2. Anh chỉ là người ít tuổi nhất, người đốt lửa, trong đội lái máy đã đạt danh hiệu đơn vị anh hùng. Gần một chục thanh niên, có bảy người sinh trưởng trong Thủ đô. Danh hiệu đội đầu máy anh hùng như một tên lửa sáng rực trên đường sắt, bay xa mãi khỏi thành phố. Nhưng về đến nhà này anh vẫn chỉ là người con trai vui tính. Cô cắt cổ một lần bảo anh: “Cả ngày chỉ tóc dài tóc ngắn”. Thật ra còn có ai để nói chuyện, kể sự tình học bao năm tháng mới xúc được một xẻng than, một tay thôi, hấn than vào lò rải đều ra, dài hai thước rưỡi. Nói tóm lại, trên gác có nhiều hộ, cô cắt cổ có bạn thân, cô Phong, con bà khâu giày dép, nhưng sự chú ý của cô từ cầu thang thứ nhất vẫn là ánh đèn trong buồng anh đốt lửa.

Bà khâu giày dép vẫn quen miệng gọi cô cắt cổ như một người chưa thành người lớn, con bé này, con bé kia. Cô ta hay lên gác vào ngồi chơi, đôi khi ngủ trưa hay ăn cơm với bạn.

Bà Hai đến ở nhà này, hơn một chục năm, ở ngã tư vài chục năm. Bà là người quê Vân Hồ, Hà Nội, một trăm phần Hà Nội nghèo.

Chiều hôm nay cô con gái bà khâu giày dép nói to mách với cô May:

– Em vừa bị bà cô mắng cho một trận như tát nước vào mặt.

Cô ta chỉ ra hàng rào ô rô ngoài công viên:

– Hôm qua em mang về một con khỉ to lắm, gói nó để nằm trên tường cửa sổ. Sáng hôm nay lúc hết giờ báo động còn tối, bà

cụ rờ thấy, thét rầm lên. Bà cụ rưng rờ chân tay la thét nhá, chửi rửa nhá, ném mất con khỉ ra ngoài kia kia.

Cô Phong làm việc ở một cơ quan gọi là Viện dịch tễ hay vi trùng. Cô được xếp vào loại hiền lành trong nhà, rất cao lớn khỏe mạnh, đôi khi bạo dạn như con trai. Cứ theo cô ta kể chuyện, công việc đòi hỏi hàng tháng phải đi với một tổ lưu động, đến những nơi xảy ra tai nạn ngộ độc, nhiễm độc để điều tra nghiên cứu, làm biên bản kết luận về lý do. Cô hay dùng nhiều danh từ y học không ai nhớ hết được.

Cơ quan cô Phong nghiên cứu đời sống các mẫu tế bào. Cô vẫn xin về nhà những cành lá xanh thuộc dòng phong lan hoa đen vùng núi cao hai nghìn thước, sau khi cơ quan đã dùng làm mẫu cấy tế bào trồng cây sống bám. Những cây của cô, không có gì để ăn bám đều chết còng queo sau một thời gian ngắn. Bà mẹ vẫn mắng con lấy khó làm lười, không được việc gì có ích trong nhà. Khi có chuyện con khỉ, bà cụ hốt hoảng nghĩ ngay đến việc xúi quẩy. Con khỉ đã khoét bộ óc đi để làm thí nghiệm, cô Phong thấy nó còn nguyên vẹn đem về định lấy bộ lông. Đối với cô nhân viên dịch tễ hình như không có gì đáng sợ, cành phong lan hay con khỉ đã chết cũng giống nhau. Cô định nhờ bà cụ thuộc da thú vẫn làm mũ lông thỏ ở hợp tác may đo trước cửa thuộc bộ lông khỉ.

Cô Phong nói tiếp:

– Mẹ em vứt mất con khỉ ra vườn hoa. Tiếc quá! Không biết ai nhặt mất. Ngày kia anh Tuấn lên đường đấy hả chị? Tuần nữa em phải đi. Kỳ này đi lâu.

Vào lúc cô Phong, cô May còn nói chuyện về con khỉ, ông bác sĩ ở tầng gác ba vác xe đạp lên cầu thang. Buổi chiều nếu không có việc gì bất thường, vào khoảng bắt đầu phát thanh thời sự,

ông Quang về đến nhà. Ông có thể mang cái xe đạp đã cũ, không chẵn bần, nhẹ nhàng đi lên cầu thang dài. Bác sĩ trên gác ba, bên cạnh buồng anh thợ hàn sống hơi khác mọi người nhưng vẫn giữ được quan hệ nhiệt tình với tất cả. Hồ như thì giờ của ông rất gấp rút. Buổi sáng bác sĩ tập thể dục mười phút ở ngoài hiên bằng hai quả tạ nhỏ. Được nghỉ bù khi làm đêm, giữa buổi, cũng thấy ông tập thể dục, mười phút. Đó là giờ xen kẽ lúc ông đọc sách nghiên cứu. Trong nhà hầu như không bao giờ có lời nói to. Trên gác ba, ngoài tiếng động tiếng ồn từ đường phố ngả tư đưa lên, vào những giờ nhất định có tiếng nhạc. Loa chưa phải loại thật trầm bổng nhưng cũng đủ vang trong căn buồng vọng ra hàng hiên. Bác sĩ Quang, ngoài giờ chuyên môn, có hai việc chính: nghiên cứu và dạy con học. Khi có tiếng nhạc, mọi người đều biết ông đang đọc sách. Tai nghe mất đọc, một thói quen:

Cô May chào bác sĩ, nhưng cất tiếng thân mật:

– Bác Quang! Bố cháu bảo mời bác xuống nhà xơi nước. Bố cháu muốn gặp bác đấy ạ!

Ông Quang gạt đầu khóa xe đạp:

– Có việc gì đấy? Tôi xuống ngay đây. Nghe nói anh cô ngày mai đi phải không?

Trong gian nhà lụp xụp, bác sĩ chào hỏi, nắm tay hai ông già và người thanh niên:

– Cùng một nhà mà lúc nào cũng bận không mấy khi sang chơi trò chuyện lâu được với các cụ.

– Mời ông ngồi đã. Chúng tôi vừa nhắc bảo ông dạo này có vất vả.

– Bao giờ mà không vất vả cụ!

Ông Quang chỉ vào tổ trưởng nhân dân khu phố:

– Ông này mới bận. Quanh năm, mà thời chiến!

Ông Thơ già cười to. Nhiều ngày, lúc bác sĩ đi họp, đi làm đêm, tổ trưởng mới đi từng nhà trong phố “a lô” mời các gia đình đi họp. Ông ta gọi loa miệng rất to đứng ngay trong cổng nhà số 2 rồi mới đi từng hộ, hạ giọng quen thuộc: “Quan trọng đấy nhá, mời bà con đi họp bên Chín Gian”.

Ông tổ trưởng nhân dân khu phố, dù mê công việc cũng còn giữ luôn luôn trong đầu kỷ niệm và cảm giác của bốn mươi năm nghề cầu đường. Nhà nghèo chỉ có sức lao động, không có chữ nên chuyên môn làm nghề vá đường, bây giờ chữa xe đạp. Chữa đường, chữa xe thì dễ, nhưng chữa người ốm mới khó, phải học tập bao nhiêu năm tháng.

– Chúng tôi cũng chỉ là còn đôi chút sức lực. Nhưng bạn cũng không bằng các ông chuyên môn khó khăn hơn chúng tôi nhiều.

Ông Ba mời ông Quang uống nước.

– Tôi có một việc muốn nhờ ông giúp cho. Tôi chưa hề đi đến bệnh viện bao giờ. Ông anh tôi ở nhà quê mới ra đây hôm qua. Đi từ sáng bảo lên bệnh viện thành phố mà không thấy về. Anh tôi năm nay bảy mươi tuổi nhưng còn khỏe mạnh.

– Thế ông cụ ra đây chữa bệnh?

– Dạ! Không có! Dạ dày cắt hết cả rồi. Mười một năm nay, cứ hai ba năm ông cụ được mời ra bệnh viện khám lại, theo dõi, kiểm tra. Người mà cắt hết dạ dày thường chỉ sống được dăm ba năm, anh tôi đến bây giờ còn sống, được mười một năm, mười một năm ba tháng. Mái tóc chưa bạc hết, đi đứng vững vàng, tiếng nói còn khỏe mạnh. Đêm cụ ngủ khỏe, chỉ cần một cái gối xếp cao bằng hai gang tay. Nghe chừng cái cuống dạ dày nó chả ngắn đi. Tôi lo không biết anh tôi đi đâu. Bảo ở nhà chiều hôm nay ăn cơm tiễn cháu lên đường. ông ấy đã ừ. Không biết anh tôi

vào bệnh viện hay ra phố. Chỉ sợ mấy hôm nay nó đánh đàng chợ Mợ, con đường Đuôi Cá, tôi muốn nhờ bác sĩ hỏi giúp trong bệnh viện xem thế nào.

– Cháu cũng đã bảo, – anh Tuấn đen nói – thầy cháu chỉ lo phòng xa. Nhất định là bác cháu ở bệnh viện.

Ông Quang trở lại nghiêm trang như một bác sĩ:

– Cụ cứ yên tâm, mai tôi sẽ hỏi. Anh bạn tôi phụ trách chuyên khoa dạ dày. Cụ cho tôi biết họ, tên, tuổi, quê quán ông anh. Chắc không có vấn đề gì. Trường hợp ông cụ thật là đặc biệt đấy.

Nét mặt ông Quang cũng thoáng hiện vẻ suy nghĩ. Ông đứng lên chào hai cụ già, đặt bàn tay lên vai anh Tuấn:

– Anh sắp đi phải không? Chúc anh lên đường mạnh khỏe, thẳng con lớn của tôi hiện nay cũng ở Quảng Bình.

Ông bác sĩ quay lại với ông Ba:

– Cụ cứ yên tâm, mai tôi hỏi ngay. Nhưng trưa mai tôi đi làm đột xuất đến ba giờ mới về.

Ông Quang lên cầu thang. Cái loa ở ngã tư ngừng một bài nhạc, báo tin năm mươi cây số Đông Bắc Hà Nội có máy bay địch. Lúc chiều sập xuống, bóng tối bắt đầu từ chạng phi lao góc công viên, từ những vòm cây sấu già, lá rậm rạp về mùa hè ở ngã tư.

*

* *

Trong một ngày, ngã tư có lúc ồn ào náo nhiệt, lúc yên tĩnh. Hôm nay ngã tư không theo nhịp điệu thường lệ ấy. Dân phố bị đánh thức hai lần: còi báo động cách nhau nửa giờ vào lúc bốn giờ sáng. Khi báo động chưa có tiếng máy bay, tiếng súng, những người trẻ tuổi ở nhà số 2 vẫn ngủ ngon trên giường. Sáu giờ sáng, một giờ bất thường, có tiếng gọi loa miệng mà giọng nói lạ.

Đó là giọng nói đồng chí đại biểu khu phố, nguyên chức vụ trưởng, mới về hưu, bắt đầu sốt sắng tham gia công tác đường phố hơn năm nay. Khi nào đồng chí đó quần áo là, dép cao su trắng quai xanh, đeo kính viễn màu hai nhăm phần trăm, cầm loa ra ngã tư, mọi nhà đều biết là đại biểu khu phố, tất có vấn đề quan trọng. Đồng chí đại biểu khu phố, không cầm giấy, thông thả phổ biến rành mạch từng vấn đề. Chuẩn bị phòng lụt, đóng gạo hai tháng củng cố phát triển hầm hào, sơ tán gấp rút và cuối cùng, vấn đề chuyển học bạ, giấy tờ cần thiết của các cháu vỡ lòng, lớp một lên nơi sơ tán.

Vào quãng tám giờ, trên bầu trời thành phố vang tiếng máy bay của ta, có thể là nhiều máy bay hoặc máy bay bay cao nhiều tầng, tiếng vang dội lên không ai phân biệt được.

Tiếp đó, ở ngã tư, trẻ con rất thích mà người hay chú ý báo động thì phải vất vả vì cái xe lăn đường, băng đi mấy ngày, lại trở về, từ công viên đi ra đường phố. Cách đây không lâu, những đồng đá xanh đập nhỏ, đá sỏi vàng, những thùng nhựa rải đường được đổ xuống một bên lề đường. Một tổ công nhân nam nữ, đầy đủ dụng cụ đến đào cuốc rạch mặt đường ngã tư mà sửa chữa. Đường sửa gần xong, cái xe lăn âm ỉ, hoàn thành công trình ở vườn hoa đi ra lăn đường. Cô lái xe lăn khỏe mạnh, chân rất dài, cao thước bảy. Chỉ trong một buổi, đàn trẻ chưa đi sơ tán ở ngã tư mải mê chạy theo “tàu” lăn, mặc dù trời nắng, đã biết gọi tên là cô Phương, vận động viên thể dục, chạy thứ nhì toàn miền Bắc, một trăm thước. Cô ta chạy nhanh, mà vận cái xe lăn đường chậm rì, hay đùa với trẻ con, vừa lái xe vừa ăn quả doi, có lúc quát mắng lũ trẻ hay bám đằng sau xe, có lúc ngừng xe ở đầu đường, trò chuyện với nữ thanh niên ở nhà số 2. Cô Phong ở ngã tư đã làm quen với cô lái xe mặc quần áo công nhân, mái tóc cắt theo một lối ngắn như tóc con trai.

– Không theo kiểu nào cả – cô lái xe lăn giới thiệu kiểu tóc của mình – có con bạn làm nghề uốn tóc nó cắt hộ. Bảo cắt kéo, không uốn, là mới nhất. Tóc ?? đấy.

Cái xe lăn đã âm ỉ, nhưng vào quăng mười giờ, tất cả mọi thứ tiếng động đều bị át đi vì đoàn xe xích sắt. Trẻ con ngã tư chỉ đoán mò: xe này kéo pháo một trăm, xe này kéo pháo năm bảy, xe xích chở đạn trong có khung vải bạt vuông ý. Cũng không phải xe xích to như thế này phải kéo tên lửa. Tên lửa hay pháo, ban ngày không trông thấy nhưng đoàn xe xích tung tiếng máy gầm như rung cả tường nhà ngã tư, cuộn cuộn từng mắt xích nhả xuống mặt đường đương làm dở, phả làn khói và hơi nóng dầu ma dút khét lẹt quét ngang hai bờ hè ngã tư. Trẻ con vẫn gọi: “Lại một xe nữa bố ạ! To hơn ô tô nhá!”. Hai chục xe bọc thép, cứ nguyên vòng xích cũng đến một tấn, nặng nề lăn gọn len giữa hàng xe vận tải mới đổ về sáng nay. Trong buồng lái, anh bộ đội da nâu bánh mặt, không biết từ đâu về, nét mặt bình thản giạt cần hãm từng nấc lái vòng xích. Có một người đứng trên bờ hè ra vẻ thành thạo nói về cần hãm: “nặng lắm! ba mươi bảy cân!” Ngã tư vội người đi vắng hơn trước, nhưng tiếng động, tiếng ồn hồ như tăng thêm. Từ khi điện thành phố hạn chế, cái máy phát điện lưu động, bánh cao su đen đến đậu trên bờ hè trước cửa hợp tác xã cơ khí cao cấp, mở máy ban ngày ban đêm. Tiếng máy gầm lên đôi khi át cả loa hơi nén của thành phố mới được điều chỉnh trên cây sấu già ở bờ hè. Lúc xe điện đi qua, rầm rĩ khung sắt thép trong gầm toa, máy điện vẫn rít lên, mà loa thì vẫn cất tiếng ráo riệt đồng bào chú ý, lúc bảy mươi lúc năm mươi cây số, phía đông nam, phía tây nam, phía đông bắc, nhiều phía nhiều lúc khác nhau. Thế là phố vẫn ồn lên buổi sáng. Ngã tư cứ phải quen dần khi bất chợt hai tiếng nổ liên tiếp rung cửa kính vang âm kéo dài như trước một cơn mưa. Trên bờ hè lũ trẻ

con đã thành thạo the thé: “Của ta, máy bay của ta, tăng tốc”.

Trong tiếng ồn rầm rĩ, riêng biệt của một ngã tư sầm uất thời chiến, mặc dù đã sơ tán, người ta cũng vẫn quen cả khi bất chợt có máy bay lẻ, tiếng hơi lạ bay chạm vào cùng trời thành phố, rồi có tiếng phòng không loại trúng nổ liên tiếp. Không có còi, loa báo thông thả máy bay trinh sát không người lái.

Việc nào đi việc ấy. Ngã tư nhiều người nhiều việc. Việc của ai người ấy làm. Trong nhà số 2 dĩ nhiên mỗi người bận tâm một việc.

Ông thợ sửa chữa xe đạp ở đầu ngã tư hôm nay không dọn hàng. Từ sáng sớm, ông hối hả đi đến những nhà có thanh niên dân quân tự vệ thuộc tiểu đội ông phụ trách. Đi họp hay luyện tập mà cả mũ sắt, súng đạn? Ông Ba đồng hồ giữ ông Thơ ngồi uống chén nước nóng. Tuy ông tổ trưởng nhân dân uống vội chén nước, hút điếu thuốc, vẫn đủ thì giờ nhắc đến chuyện bạn quá “đạo này bạn hơn bao giờ”.

– Một mình tôi ba nhiệm vụ. Bốn chứ không phải ba. Trong ban quản trị hợp tác xã sửa chữa xe đạp nhá. Từ đây đổ xuống đê Đại La, mấy chục cửa hàng. Tổ trưởng nhân dân nhá. Phó ban bảo vệ lại tiểu đội dân quân trung đội quyết thắng.

Ấy là không kể hàng ngày sửa chữa xe đạp nuôi sống gia đình. Cứ mỗi việc gọi ra bao nhiêu góc ngách khó khăn. Bác chỉ một phía chuyên môn đồng hồ, tập trung kiếm đủ bữa. Tôi mới nặng. Đã định xin rút bớt một nhiệm vụ nhưng lại gặp lúc căng thẳng, báo động, sơ tán, phòng không, phòng lụt, các đồng chí trên Khu bảo cố một tý nữa. Hôm qua tôi đi họp. Họp cả ngày, phải nghỉ hàng nhưng không nghỉ ăn. Họp ở tận chợ Giời. Lại nhiệm vụ quân sự, cách đây hai năm tôi mới là tiểu đội phó nay tiểu đội trưởng. Trước nàng dâu sau mẹ chồng. Ấy là chuyện

thế. Quân sự có nhiệm vụ đăng quân sự. Trong tử của tôi, bác xem, vẫn có một cỗ súng, một hòm đạn. Hôm nay đi tập trung cả ngày, tối tập trận. Lại công việc nhân dân. Tối hôm kia, tổ II nhá, như tối hôm kia, bác xem, mưa, gió mùa, thế mà các hộ đi họp gần đủ. Chỉ có mỗi vấn đề sơ tán, đào hầm. Tôi và bà tổ phó đi từng nhà nói rõ yêu cầu. Trên khu chị Thắng về họp cũng phải hỏi tổ trưởng tổ II công tác từ bao giờ. Tôi bảo: “Thưa đồng chí, tôi ở đây ba mươi bảy năm, tổ phó lên tổ trưởng, mới ra công tác đường phố mười hai năm”. Mười hai năm không biết bao nhiêu nhiệm kỳ, ông Thơ già làm tổ trưởng nhân dân khu phố ngã tư. Giữa năm kháng chiến ác liệt, người quen việc, nhân dân tín nhiệm, đương nhiên có vất vả. Ông ta không quen ghi chép, chỉ trông vào trí nhớ thế mà không bỏ sót một vấn đề.

Vào quăng gần trưa, bà Hai gánh nặng nhưng vẫn quen kéo lê đôi dép quai da, dừng lại trước cửa hiệu đồng hồ:

– Ông đỡ hộ em một tay.

Ông Ba đồng hồ ngẩng lên, thò đầu ra ngoài cửa hàng, nhắc cặp lồng và nồi cơm còn nóng trên đôi quang gánh đầy ắp của bà cụ:

– Hôm nay canh đậu! Đậu kỳ này cất ô số mấy hả cụ? Đợt này nhiều đậu mà được cái không tốp lại như hồi trước kia cụ nhỉ. Còn sớm, cụ vào xới chén nước đã.

– Nươi nôi gì! Hôm nào cũng còn sớm! Tôi còn vội đây, không có nguội hết cả. Vừa uống bên nhà cụ Tư rồi.

Chợ sơ tán mở theo giờ phòng không. Bà Hai khâu giấy dép không ngồi chợ nữa. Bà vào tổ phục vụ cơm tháng ở ngã tư. Ngoài phân thối nấu, gánh cơm đưa đến những nhà bận việc, bà Hai còn cầm phiếu xếp hàng đi mua rau đậu thịt cá, đong gạo giúp cho một số người quen, bận con mọn đi làm ca kíp. Có nhà muốn gửi tiền thù lao, bà lắc đầu:

- Cũng một công có mất gì. Thời chiến ai không bận. Chị để tiền mua quà cho cháu.

Có nhà muốn biếu bìa đậu, mớ rau, bà cụ nói như quát to:

- Ô hay nhỉ? Mỗi nhà một bìa đậu tôi ăn làm sao hết. Nhà tôi ba mẹ con, còn khối thức. Thằng Minh ăn ở xí nghiệp. Con Phong ấy nó không ăn đậu. Con gái mà đậu xanh đậu đen, đậu trắng, không biết ăn, chỉ thích lạc rang.

Bà hai đặt quang gánh lên vai nói thêm với ông Ba một câu:

- Ngày mai bên số 2 cũng còn nhà đi nữa đấy. Hôm qua nó lại ném ở Bạch Mai.

Bà Hai dễ tính vui chuyện, hay trêu trẻ con mà cũng hay quát tháo. Trẻ trông thấy cụ từ xa đã len lén không dám đánh nhau chửi nhau. Đương nhiên từ trong nhà số 2, trẻ ở ngã tư, bà cụ coi như con cháu. Bà còn biết rõ lai lịch ông bà, bố mẹ chúng nó. Mặc dù đầu phố có Phòng Y tế, có cặp vợ chồng trẻ vẫn hỏi bà cụ về thuốc cam, thuốc ho khi trẻ ốm đau hay lên sởi. Như loại thuốc ho làm bằng quả quất chín hấp với đường kính, gừng non, có khi bà cụ đi mua các thứ đem về cho trẻ. Bà ta yêu trẻ, nhưng chưa có cháu nào.

- Tôi đã nghiệm mấy hôm vừa rồi, hễ “báo” nó về phía đông nam thì chưa có gì, bốn mươi cây cũng chẳng đáng kể. Hễ báo nó về phía đông bắc, sáu mươi cây số cũng phải đề phòng, là rồi y như có còi động. Thế mà lúc này cả đông nam, tây nam, cả đông bắc, tây bắc, cả bốn phía cụ ạ. Thế rồi lại im ắng cứ như không!

Lúc quay về bà Hai thông thả nhở bã trầu, đặt quang gánh đã vơi hết cơm nước, nói với cụ Trầm. Bà cụ già tóc bạc ở trong khung cửa sổ, chân cầu thang nhà số 2 bồm bồm nhai trầu, ngược đôi mắt sáng mỉm cười nói nhỏ:

– Quen đi, tôi cũng không có sợ đâu! Nhưng ngày mai vẫn phải theo thằng cháu đi sơ tán với cơ quan.

Cụ Trâm ngoài bảy mươi tuổi và một đứa cháu mồ côi họ xa sống trên một giường gỗ bên cửa sổ. Hai bà cháu cứ nói rằng sắp đi sơ tán nhưng rồi lại chưa đi. Có lẽ lần này mới đi thật. Bà cụ có chân trong hợp tác xã buôn trâu vỏ ngoài chợ. Mấy năm già yếu, bà mở cửa hàng ở ngay bậu cửa sổ thấp ngang tầm mắt trẻ con, trông ra sân. Hàng họ, một dúm hoa quả cuối mùa, dăm con lợn đất sơn son, tiến sĩ giấy quét phẩm bôi hò, trâu không tằm sẵn, trâu xanh, vỏ đỏ, cau tươi, một hào một miếng có thuốc lào ăn thêm tự do. Bà cụ ngày xưa ở phố cũng là con gái đội than tận ngoài bờ sông, gánh gạo đầu cầu, biết ăn trâu từ năm mười hai tuổi. Bà mẹ bảo, mày đi sớm về hôm, sương muối gió bắc, mà áo quần không có được như người ta, tập ăn miếng trâu nó sẽ ấm người lên. Thế là biết ăn trâu gần một đời người. Bây giờ ngồi bán trâu tằm sẵn, một hào một miếng, cũng không là đất, cũng không là rẻ.

– Đi đâu cũng được, chỉ có hai miệng ăn, làm gì không đủ. Thằng cháu họ năm nay mười sáu tuổi, nhưng cháu chịu khó, vẫn giữ được cái nết con nhà lao động, cháu được xếp lương học việc ở nhà máy tiện ngoài kia.

– Thế mai cụ đi thật à?

– Không phải mai, tối hôm nay, có xe vận tải của cơ quan.

Mỗi nhà mỗi việc. Khó nhất cái việc sơ tán. Bên trong cổng gỗ nhà số 2 trên ghề hàng nước chè tươi, ông cả Thân, xe bò kéo bánh cao su, cái lúc xe xích đi qua ngã tư, vẫn cứ ca ngợi con bò yếm trắng ông ta mua cho hợp tác.

– Con này nó khôn lắm, nó biết hết các loại xe, một mình

thùng thăng biết tránh tất cả. Có lần tôi đã thả đi một mình từ ngoài ga về nhà, nó biết đường đấy.

Vừa hôm qua, ông Cả ngồi ở đây cứ xoa bàn tay vỗ vào đầu gối quên cả bát nước để nguội, trong đầu bút rút như ong đốt. Ông ta phân tích “Con bò móng hài hay hà chân, con bò cổ bé chẳng ra gì, vỗ vai ngay, con bò so vai, cái con yếm trắng này lại đi khỏe. Đi khỏe thế mà thấp khớp. Cứ tưởng người già mới thấp khớp. Hai mươi lọ penixilin, một tuần khỏi cái chân. Được chân trước lại sưng chân sau. Rồi một đêm chẳng thuốc gì, hết cả sưng”. Từ thời lác chuông đi bán kẹo rong ở Hà Nội, làm xe hai mươi năm theo nghề, đến nay, ông Thân mới thấy lo nhiều. Đàng lo cho con bò, đàng lo đi chỗ hàng trên con đường Giáp Bát, phía cuối Đuôi Cá ngày nào không có bắn phá, đàng lo gửi thằng cháu đích tôn về quê, có đủ giấy tờ, học bạ cho nó đi học. Hôm nay ông Cả vui vẻ thanh thản. Ông ta đã ngủ một giấc cả buổi chiều. Bây giờ phòng không, xe bò kéo cũng chỉ đi từ chập tối đến ba giờ sáng trên quãng đường ấy.

Đến khuya trong gian nhà lụp xụp của ông Ba đồng hồ hãy còn ánh đèn dầu, tiếng nói chuyện, tiếng cười to, một giọng người già xen lẫn tiếng bác sĩ Quang. Người anh ông Ba, lúc sáu giờ lĩnh thuốc ăn cơm ở bệnh viện rồi mới ra về. Ông cụ cứ ân hận ở nhà phải lo.

– Như ngày xưa chúng tôi ở nhà quê, có bao giờ ra đến Thủ đô chữa bệnh, lại được cả bác sĩ nhớ tên tuổi, bệnh trạng. Cụ giám đốc giáo sư, trông thấy tôi còn nhớ cả tên, ngày tháng vào ra bệnh viện.

Người bệnh không còn dạ dày, lộ một cảm tình chân thật với ông bác sĩ ở nhà số 2. Ông cụ không hề biết ông Quang là học trò của ông giáo sư giải phẫu.

Bác sĩ Quang nói một giọng thân mật:

– Hôm qua nói thực, lúc ông Ba cho biết, tôi cũng lo. Bom Mỹ nó không kể người thường, người bệnh.

Bác sĩ còn xem những thứ thuốc ông già được lĩnh, nhắc lại cách dùng thuốc, căn dặn thêm việc giữ gìn sức khỏe, ăn uống.

Vào quăng hai giờ sáng ông Ba đồng hồ đã dậy, chuẩn bị đưa anh ra tàu Nam.

Lúc chuyển tàu Ninh Bình khởi hành, trên hệ thống loa thành phố loan báo hiện nay trên vùng trời Hà Nội có máy bay của ta diễn tập, có bắn pháo sáng, tiếng nổ. Nếu có máy bay địch đồng bào sẽ được báo kịp thời. Tiếng súng không nhiều như khi báo động thật, nhưng ở nhiều phía, pháo hiệu màu lơ lửng liên tiếp trên không xoa mờ những vì sao, chiếu ánh sáng di động vào những vòm cây, mái nhà, đường phố. Một máy bay lượn thấp phía công viên, lấp láy tín hiệu đèn xanh đèn đỏ. Từ ba phía, vùng trời Thủ đô, không ai biết được những mật hiệu của pháo sáng nhiều màu, trừ những đơn vị dân quân tự vệ, giờ này mũi súng định hướng theo tầm cao thấp đã quy định, trang bị đầy đủ như khi tác chiến, đang tập duyệt thay đổi đội hình ở các ngã đường phố, vườn hoa, ở khắp Thủ đô.

Tiếng động cơ xe vận tải, rất nhiều xe, về một phía thành phố vẫn không ngớt một phút. Tiếng gà gáy ở đầu nhà ngà tư. Người ta bảo gà ở thành phố gáy sớm hơn gà ở nông thôn, không biết có đúng không, nhưng hôm nay những con gà ở ngà tư tỉnh giấc vì pháo sáng. Giờ này, ở đây các ngã đường thật vắng lặng. Trong một ngõ phố hẹp, hàng trăm hầm tròn xi măng mới đúc, xếp hàng dài đều đặn trên mặt đường nhựa. ánh sáng pháo hiệu, khi mờ tỏ, lung lay, rớt xuống bờ hè và dãy nhà đóng cửa. Đến một lúc nào đấy, người ta mới nhận ra, lơ lơ một ít người ngồi xỏm

trên bờ hè. Đó là mấy người trong khu phố khi báo động ít xuống hầm, vào giờ này lại thức ra đường xem diễn tập. Tiểu đội dân quân tự vệ của ngã tư, giờ này phân tán ở phía nào trong công viên?

Trên bờ hè, trước cửa lưới sắt hợp tác xã cơ khí, bên một hàng nước leo lét ánh đèn dầu, một người đang ngồi xếp bằng cho một người đấm bóp, trên một chiếu hẹp dài. Ai cũng biết cứ ba giờ sáng ông tắm quất đứng tuổi, áo lụa kính đen mặc dầu ban đêm, từ ngoài ga chuyển vào ngã tư, ngồi ở đây xoa bóp cho khách hàng đến tờ mờ sáng. Khách của ông là những người khuôn vác làm đêm trong cổng sau nhà ga, những người đạp xe xích lô, đánh xe bò kéo.

Đến gần sáng ông Thơ già cùng đồng đội mới về đến đầu phố. Ngã tư trong một ngày có lúc ồn ào náo nhiệt, có lúc yên tĩnh. Ngã tư nhiều người, nhiều việc. Giữa năm kháng chiến, người đã quen việc, nhân dân tín nhiệm, đương nhiên có vất vả.

NGUYỄN KHẢI

ĐÃ TỪNG CÓ NHỮNG NGÀY VUI

Truyện ngắn

1

Tháng 4 năm 1945, gia đình tôi dọn nhà đến phố Đỗ Hữu Vị, một đường phố của giới viên chức Hà Nội, ở chung với bà chị ruột của mẹ tôi. Cả hai bên đều có lợi. Trả tiền nhà cho chị vừa ít hơn lại được nhờ cậy vào chị và các cháu trong cái thời buổi Nhật Tây hỗn loạn. Chị cho em thuê nhà vẫn cứ yên tâm hơn là cho người ngoài thuê, gặp năm khó khăn thêm đồng nào hay đồng ấy. Riêng tôi thì không lấy gì làm vui lắm vì phải sống trong một ngôi nhà toàn là đàn bà, vừa buồn vừa lạnh. Bà bác tôi vốn tính lạnh lùng, nghiêm khắc, hai người con gái cũng lạnh lùng giống mẹ, lại hay xét nét, riễu cợt. Họ vẫn gọi tôi là thằng ngố vì tôi nhút nhát lại hơi dần. Bác tôi có bốn người con: một trai đầu là bác sĩ đã có vợ con ở riêng và ba cô con gái kế tiếp. Người con gái thứ hai chết năm hăm năm tuổi, chưa chồng, chưa có cả người yêu, hình như thế, cái chết cũng đột ngột. Một đám ma im lặng và

trắng toát. Ngựa phủ vải trắng, xe tang sơn trắng, các ngù lông ở bốn góc xe cũng màu trắng và những người đi đưa đều mặc quần áo trắng. Duy có một người đàn ông đi cách xe tang chừng một quãng là mặc âu phục đen, hai tay ôm trước ngực một gói giấy báo. Lúc hạ huyệt người đó vẫn đứng ở xa, khi mọi người đã ra về người ấy mới bước lại trước mộ, mở gói giấy báo đặt lên mộ một bó hoa trắng rồi quì xuống.

Hai người em gái còn lại, một chị tên là Linh đã hăm năm tuổi và một chị tên là Nga, hăm hai tuổi. Các chị đều có bằng Cao đẳng tiểu học nhưng không ai chịu đi làm, cũng rất ít bạn bè, sống cô độc và lạnh lẽo. Đàn bà mà thông minh quá, biết rộng quá cũng khổ. Chẳng có người đàn ông nào trên đời khiến họ phải say mê. Bác tôi vẫn than thở với mẹ tôi: “Ai mà dám rước hai con quỷ cái ấy, rồi cũng đến làm bà cô thôi”. Bà bác tôi một đời không hề mớ tay vào công việc nội trợ, chỉ có đánh bạc và đi lễ. Một người đàn bà vô dụng là thế mà vẫn được chồng rất nể còn con cái thì sợ một phép. Bà đi vắng nhà như cái chợ, bà ở nhà mọi người đi lại như những cái bóng, muốn nói gì cũng chỉ dám thì thào. Mẹ tôi bảo: “Bà ấy sướng từ nhỏ tới già, con người ta đều có số cả”.

2

Đó là chuyện về trước. Từ ngày hai gia đình ở chung thì cách sinh hoạt của gia đình bác tôi đã khác xưa nhiều lắm. Tháng 6 năm 45 bác trai tôi mất. Ông là kỹ sư hóa học tốt nghiệp ở Pháp những năm đầu thế kỷ. Ông bị bệnh kiết lỵ đã mấy tháng, người cứ gầy rộc và rất hôi. Người con trai bác sĩ làm việc ở Hải Phòng một bữa về nhà lúc trời tối. Anh ta xách cặp thuốc lên thẳng trên gác ngồi nói chuyện với bố tới gần nửa đêm rồi lặng lẽ đi xuống

bảo các em: “Để cậu nằm ngủ”. Sáng sớm hôm sau anh ta nói với các em: “Cậu mất đêm qua rồi”. Bác gái tôi ở nhà cả ngày, cả tuần vì cũng không còn tiền đánh bạc, chỉ tới bữa ăn mới xuống. Hai chị tôi cũng thay đổi cả tính nết lẫn cách sống, nói năng mềm mỏng, cư xử với xung quanh nhũn nhặn, dễ dãi. Và rất hay đi chơi, đi một buổi hoặc đi cả ngày. Mỗi lần ra phố hai bà phải mất cả giờ để chọn áo và trang điểm, rồi nhìn ngắm nhau để có dịp bình phẩm, chọc ghẹo nhau trong tiếng cười hồn nhiên, trong trẻo. Mà bác tôi cũng không bảo sao, cũng có thấy sự khác thường nhưng bà xem như không biết.

Chỉ riêng ông bác sĩ, người con trưởng của gia đình, là vẫn giữ nguyên nếp sống cũ. Anh là người sang trong họ, là ông bác sĩ đã sang, lại là con rể một ông tổng đốc càng sang, vừa có danh vừa có tiền, dẫu thời thế có đổi thay cũng không thể xê dịch được cái địa vị đã có. Tôi chỉ không ưa anh gọi mẹ tôi là bà xưng tôi, như người dưng, còn mẹ tôi lại khúm núm gọi cháu là ông, cười nói nịnh nọt. Một lần anh lên Hà Nội rẽ qua về thăm nhà, bảo hai em gái: “Các cô cho tôi ăn cơm chiều nhé!” Lập tức chị Linh nói luôn: “Thôi, mời ông ra hiệu, ở nhà chả có gì” Anh cau mặt có vẻ không bằng lòng nhưng chị Linh vẫn thản nhiên trò chuyện với mẹ tôi. Một lần khác, anh nói gì đó với các em khi họ cùng ngồi ăn bánh ngọt và uống nước trà ở các bàn nhỏ kê giữa sân. Hai người em gái cũng vừa cười vừa nói lại điều gì đó, rồi nghe anh nói to: “Đừng có nghe mấy thằng VỆM, Nhật nó chém đứt cổ!” Chị Linh cũng to tiếng: “Có là con vật mới chịu ngồi một chỗ đợi chúng nó đến cắt cổ!” Ông anh đứng vọt lên, mặt hầm hầm xách cặp đi thẳng. Chị Nga nhìn theo anh, nói với: “Đàn ông gì mà nhát thế!” Trong bữa cơm tối bác tôi bảo: “Anh chúng mày lại ra Phòng luôn à?” Mẹ tôi nói: “Anh em to tiếng gì với nhau rồi

ông ấy bỏ đi luôn”. Bác tôi cau mặt: “Bố chết còn anh, anh không bảo được em thì hóa ra nhà vô phúc à?” Chị Linh khê hích tay em gái, cười gượng gạo: “Ông ấy là trí thức mà không biết gìn giữ phẩm giá, chỉ lăm le muốn làm đầy tớ thôi, không là ông chủ Tây thì là ông chủ Nhật”. Bác tôi dần đưa xuống bàn, mặt đỏ tía: “Quân ngu! Cả nhà này không ăn cơm của thằng Tây dễ thương húp nước gạo mà sống được đến hôm nay à”.

3

Tối tháng 7 bác tôi đã phải gọi người bán cái sập chân quì và tủ chè, cả một lô đơn thống bình lọ nghe nói rất quý, rồi đến áo gấm và áo măng tô lông. Cuối cùng cái xe kéo kiểu Ômíc, phương tiện đi lại của cả nhà, cũng bán nốt. Nhưng bữa ăn thì vẫn như xưa, một bàn thức ăn, thịt quay, cá nấu ảm, canh nấm, thịt băm nhồi ốc lột lá gừng ăn như phá núi cũng phải lỏ. Mẹ con tôi nghĩ thế nhưng bác tôi lại không thể quen ngồi trước một bàn thức ăn chỉ có vài ba món. Bà không ăn nhưng mắc tật nghiêng nhìn một bàn thức ăn thật đầy đặn, thật sang trọng. Sau một tuần ăn chung mẹ tôi xin được ăn riêng nhưng bác tôi trừng mắt, bảo: “Dì muốn ăn riêng thì không nên ở chung với tôi. Có hai chị em cũng bày ra hai bếp không sợ thiên hạ họ chửi cho à?” Mẹ tôi sợ mà phải theo nhưng cả ba mẹ con tôi ăn uống mất cả tự nhiên. Nhưng tối đến thì vui lắm. Cả nhà (trừ bác tôi đã lên gác sau bữa ăn) ngồi xúm lại dưới ánh đèn chụp mờ tối nghe chị Linh đọc thì thảo báo của Tổng Bộ Việt Minh, báo nhỏ bằng cuốn vở học trò, in rất xấu nhưng chỉ có tờ báo ấy mới dám viết: thực dân Pháp, phát xít Nhật, mới dám gọi nội các Trần Trọng Kim là nội các tay sai. bù nhìn. Và một ông vua bù nhìn. Năm ấy tôi nào đã biết gì nhưng rất hãnh diện được tham dự vào một âm mưu

phản loạn của người lớn, được sống trong cái không khí bí mật của người lớn, chỉ thế thôi cũng đã hơn lửa bạn cùng tuổi nhiều lắm. Rồi các chị tiếp bạn trai ở nhà cũng là một chuyện lạ. Thoạt tiên là một chàng trai trẻ, dáng dấp như sinh viên, lúc mặc quần soọc trắng, lúc mặc bộ dũi vàng, chắc hẳn gia đình cũng vào loại giàu của đất Hà thành. Anh thường đến chơi vào buổi chiều, cả ba người trò chuyện rì rầm cho đến lúc lên đèn. Người đàn ông nói nhiều hơn còn hai người đàn bà thì ngồi nghe rất thành kính, gương mặt rạng rỡ, thơ ngây, trở nên xinh đẹp lạ thường. Mẹ tôi bảo: “Cậu ấy là bạn của đứa nào?” Chị Linh đỏ mặt không nói gì. Chị Nga nói nhỏ: “Anh ấy là cán bộ”. Rồi lại thêm một người bạn mới nữa, chắc cũng là cán bộ, có khi còn là cấp trên của người đến đầu tiên. Anh này chừng lớn tuổi nhất bọn, để râu quai nón, lại đeo kính râm, rất ít nói và cũng rất ít cười, con người có vẻ bí hiểm như nhân vật Kỳ Phát trong tiểu thuyết trinh thám của Phạm Cao Cung. Gần như mỗi ngày đều có người mới tới bàn công việc với các chị. Làm việc bí mật ở nhà này là bảo đảm. Nhà ở phố vắng, chỉ có một chủ, gia đình tôi tuy ở chung nhưng ra vào lặng lẽ không có ý tò mò việc riêng của người khác.

Đầu tháng 8 có nhiều người mua đồng nát, lông vịt, ve chai tấp nập tới gõ cửa, kỳ thực chả có mua bán gì, họ lấy từ dưới đáy thúng từng xấp vải gói kỹ trong các bọc giấy đưa cho hai chị. Vải đỏ và vàng may cờ. Nhà có hai cái máy may, các chị và tôi hì hục khiêng vào buồng trong giáp bếp và ngồi may từ sáng sớm đến nửa đêm. Rồi mẹ tôi cũng vào may giúp. Bác tôi hỏi: “Mấy cô may vá gì mà đạp máy suốt ngày thế?” Mẹ tôi nói: “Có một hội từ thiện nhờ may quần áo vải xấu để phát chẩn” Bà lại hỏi: “Người ta có trả tiền công không?” Chị Nga nói: “Chuyện phúc đức ai lại ngửa tay lấy tiền công”. Bà cũng không hỏi gì thêm. Bà bếp phải

tự đi chợ, tự nấu ăn. Bữa cơm nghèo nàn hẩm nhưng bác tôi trở nên rất dễ dãi, có gì ăn nấy, không mắng mỏ, phiên trách ai, chỉ có cái nhìn của bà cứ khinh khỉnh, thỉnh thoảng lại nhếch mép cười nhạt là làm người khác không yên tâm mà thôi.

Rồi cách mạng tới. Một Hà Nội và một Tháng Tám đỏ rực, trẻ trung và cởi mở. Không có tiếng súng nổ, không có một ai chết nên càng vui. Người bị thua thiệt nhất là nhà vua cũng còn cảm thấy vui, thấy tự hào vì được làm công dân một nước Việt Nam đã độc lập. Cách mạng thành công được vài ngày thì hai bà chị tôi được gọi đi làm. Tưởng làm gì hóa ra làm cấp dưỡng cho một cơ quan an ninh của cách mạng đóng ngay tại Sở Liêm phóng cũ. Hai người cùng gầy nhỏ, cùng yếu ớt, từ nhỏ tới lớn chưa từng làm việc nặng, chưa phải hầu hạ ai, bây giờ phải dậy từ mờ sớm để đi chợ, phải nấu cơm ngày hai bữa cho mấy chục người ăn mà vẫn khỏe khoắn, vẫn tươi cười, còn như trẻ ra, đẹp ra. Mới hay cái phép thiêng của một niềm tin, của một tình yêu có thể cải tử hồi sinh là chuyện có thật.

Nhân nói chuyện vui trong một bữa cơm có đông đủ cả nhà, mẹ tôi hỏi bác tôi:

– Bác có biết chúng nó theo Việt Minh từ ngày còn bí mật không?

Bác tôi cười khẩy:

– Không biết mà tôi chịu để chúng nó chạy rong ngoài đường cả ngày!

Cả mọi người đều không hiểu. Bác tôi lại nói:

– Cái thằng trắng trẻo hay cười tao thấy được. Còn cái thằng để râu mang kính nếu chậm vài tháng không khéo thì bị bắt. Trông như thằng mật thám ai thấy mà chả ngờ.

Ở trên gác có cửa sổ nhìn xuống sân trong, cửa có treo rèm nên không thể biết người đứng sau rèm nhìn xuống.

4

Cuối năm 1946 gia đình tôi rời Hà Nội về thị xã Hưng Yên là quê ngoại. Rồi kháng chiến toàn quốc. Suốt tám năm đánh Pháp tôi không được biết tin tức gì về gia đình bác tôi. Năm 55 tôi trở về Hà Nội mới tới thăm bác. Bác đã ngoài bảy mươi, sống với con dâu và các cháu. Người con trai cả là bác sĩ trong quân đội Pháp bị mìn chết trên đường 5 vào đầu năm 53. Người chết, của đi theo người, lại đông con, cả mấy mẹ con đều sống cơ cực, ăn cũng không được no, bác tôi cũng phải chịu khổ theo đến tiền mua trâu vỏ cũng không có. Tôi biếu bác ít tiền nhân lấy được tiền nhuận bút sách, bác cầm tiền bằng cả hai tay, nói nịnh nọt: “Tôi cảm ơn cậu, thỉnh thoảng cậu lại thăm tôi nhá”. Hai chị tôi đều đi theo kháng chiến và đã lấy chồng, đã có con, nghe nói thế, chứ chưa có chị nào đem chồng con về thăm mẹ cả. Năm sau bác tôi mất nhưng tôi đang đi công tác nên cũng không được gặp các chị. Năm 70, tôi có việc phải về huyện Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên. Phố huyện trở lại đông vui vì Mỹ đã ngưng ném bom miền Bắc từ cuối năm 68. Tôi đang đi phát phơ nhóm ngó mấy gian hàng lụp xụp bán dép gọt bằng lớp xe thì có người gọi tên. Tôi quay phắt lại, một bà to mập, mắt má sừng sụ, bèo nhèo, tóc cắt ngắn đã bạc quá nửa đứng ở cửa hiệu chụp ảnh đang nhìn tôi chằm chằm. Một người lạ hoàn toàn nhưng tôi vẫn trả lời: “Vâng, tôi là K. đây”. Bà ta bước vội lại cầm lấy tay tôi kéo luôn vào trong nhà: “Vào đây, vào đây, mày là đáng ăn đòn!” Tôi mặc quân phục, đeo quân hàm thiếu tá, cao lớn, oai vệ mà bà ta dám mày tao chắc phải là người thân thiết lắm, nhưng là ai nhỉ? Bà

ấn tôi ngồi xuống ghế, khuỳnh tay đứng trước mặt, cười cười: “Thằng ngố, không nhận ra chị, hả?” Trời ơi, chị Linh! Chị Linh ơi, sao chị già nhanh thế, xấu nhanh thế! Nhưng tôi chỉ kêu trời ơi rồi nước mắt trào ra chứ không dám nói thêm. Một người đàn ông tóc húi ngắn, bạc trắng, cổ trần, mặc quần cộc lừ lừ từ gian trong bước ra. Chị nói: “Anh đấy!” Tôi đứng lên chào, ông ta khẽ gật đầu nhìn vào quân hàm tôi mang trên cổ áo, nói cộc lốc: “Thiếu tá mà trẻ quá nhỉ?” Chị Linh nói: “Cậu này là em tôi, con bà dì ruột”. Ông ngồi ngay trước mặt kéo cái bát điều như nhóp những bã thuốc, tàn đóm, nói khàn khàn: “Bây giờ chị em mới gặp nhau à?” Hiệu ảnh gì mà chật quá, bẩn quá, ông ấy làm nghề chụp ảnh sao? Chị nói, nghề làm ảnh là nghề kiếm cơm của chị, còn anh là y sĩ của bệnh viện huyện đã nghỉ hưu. Tôi hỏi:

– Còn anh gì...

Anh gì tôi cũng không được biết tên, cũng chưa lần nào tôi hỏi tên, biết anh lúc đang còn là bí mật, cách mạng thành công rồi anh không hay đến nhà vì họ đã gặp nhau hàng ngày ở cơ quan nên càng không muốn hỏi. Anh gì nhỉ? Chị cười rất buồn:

– Cậu muốn hỏi anh Hạnh phải không? Anh ấy là người chồng trước của chị. Anh chị đã có với nhau được một đứa con gái thì anh mất vì bệnh sốt rét ác tính ở Việt Bắc. Năm 51 chị mới làm bạn với anh Tùng đây, lại có thêm hai cháu nữa. Chẳng bao giờ chị quên được những ngày ở phố Đỗ Hữu Vị, đẹp quá, vui quá, K. nhỉ?

Tôi chả nói được gì cứ ngồi ngẩn ra mà nhìn bà chị vừa tìm lại được. Lòng dạ nôn nao vì những đổi thay. Chị nói không được tự nhiên lắm:

– Cũng trưa rồi, cậu ở đây ăn cơm với anh chị nhé!

Tôi chưa kịp từ chối thì ông chồng đã nói luôn:

– Cậu cứ ăn ở trong Ủy ban huyện rồi ra đây chơi với anh chị. Nhà có hai vợ chồng ăn uống qua quýt cho nó xong bữa, mời khách thế nào được.

Trưa ngày hôm sau tôi ra chào anh chị về Hà Nội. Chị Linh dặn, có dịp lên Tuyên Quang thì rẽ vào thăm vợ chồng chị Nga. Ông chồng cũng là người tôi có biết, là cái anh chàng mang kính dễ râu, bí hiểm như một nhân vật trong tiểu thuyết trinh thám ấy. Anh ta là liên lạc viên của nhóm, là dân mới nên thích khoe cái bộ dạng “hoạt động bí mật” của mình. May mà cách mạng thành công sớm! Tôi hỏi địa chỉ chị Nga thì bà vợ quay lại hỏi ông chồng, ông chồng chạy đi lục tìm một lúc rồi quay ra gắt vợ, đã lâu không ai gửi thư cho ai nên cũng quên mất cả địa chỉ.

Tôi buồn bã xách cặp ra bến xe Yên Mỹ không dám ngoái đầu nhìn lại một lần nào. Ồ, mà cũng chẳng nên buồn bực làm gì về sự tầm thường của một đời người, nó vẫn là thế, mãi mãi là thế. Có điều, ai ai cũng có những năm tháng đã sống cho một niềm tin, cho một tình yêu, cho những mộng tưởng có nhiều phần hư ảo. Những giấc mộng đẹp, những cách sống đẹp, những mặt người tuyệt đẹp thời nào cũng có, xuất hiện nối tiếp nhau cho tới vĩnh viễn.

Tháng 8 năm 1992

QUANH QUANH PHỐ NHỎ

Trước đây mấy chục năm, có nhà thơ đã nói một cách hình tượng rằng: Hà Nội là chiếc va ly bị bỏ quên trong thế kỷ 20. Và khi thực tại Hà Nội đã vượt xa câu thơ trên, riêng về phố nhỏ Lê Quý Đôn của tôi, nhiều khi tôi cũng muốn mượn một hình tượng gần gũi như thế, chỉ nhỏ hơn khác hơn một chút. Bởi, ở vào cái thời mà Crít-xtốp Cô-lông có sống lại cũng chẳng tìm đâu ra một mảnh đất (dù chỉ bằng một phần vạn châu Mỹ) bị “bỏ quên” trên trái đất này, thì việc một phố có thuận lợi là rất gần trung tâm – chỉ cách hai phố (khoảng 1km) tới khu vực gần hồ Gươm – mà vẫn không ít người không xác định được vị trí của nó ở đâu, theo tôi, cũng là một niềm hạnh phúc. Xin bạn chớ hiểu lầm tôi có thái độ câu lay sự yên tĩnh như những người già, bởi nói vậy, phố tôi còn trẻ lắm.

Ngày nào mới chuyển về đây, tôi còn được nghe mọi người kể về cái cảnh lau lách mọc hoang, ao tù nước đọng, ếch nhái mở hội thâu đêm... Chưa kể tuổi thơ tôi còn chứng kiến nhiều phen cùng lũ trẻ trong khu tập thể rủ nhau đi mót khoai ngoài ruộng (cách phố chỉ vài chục mét) mạn ngoài phố Vân Đồn mà nơi ấy

bây giờ họ đã đổ cát, san phẳng và xây dựng những dãy nhà con, cũng như từng đuối châu chấu, bắt cào cào dọc triền đê xanh (con đê vắt ngang đầu phố tôi) mà cách đây 7 năm, họ đã đổ bê tông làm một con đường ô tô ngày đêm chạy suốt.

Những ngày nắng ráo, đẹp trời, ở phố tôi thật thích! Gió thổi rào rào như là bong ra ở đâu đó từng mảnh vàng mỏng manh bay bay dọc phố. Một con chim sẻ từ tầng cao nhà máy xay vút về, đôi cánh vẫn títt mù, như cắt không gian ra thành hai màu, một bên xanh màu trời, một bên vàng mặt đất. Rồi thì, ấy là một “sự” rất dễ xảy ra ở những hôm có tiết trời như thế này: một trận mưa rào bất thần ập xuống. Nhanh thôi mà. “Lửa đêm tan chậm, mưa chiều đổ nhanh” chỉ trong tích tắc, trắng mù như chiếc khăn bông trận mưa đã kịp giấu đi tất cả những giọt nước mắt hoen ố liên miên nhỏ xuống từ những hàng cây trong mùa thay lá, và cũng chỉ ít phút sau, mưa lại vén đi, phơi ra những chiếc lá tươi mới như những ánh mắt hấp háy những chùm sung cười vỡ lở trên một nền đường nhỏ hẹp, quang quẻ, đang khô dần.

Phố của tôi cũng không thuộc loại vắng vẻ, ít người. Cứ tầm chiều, thông thả đạp xe qua chơi phố này, bạn sẽ thấy một lượng người không nhỏ hội tụ trên vỉa hè nhìn khá nhiều công việc của những ngành nghề khác nhau. (Nhưng chủ yếu vẫn là các nghề bán hàng, bán quán, phục vụ cả thôi). Đây, kia một ông lão làm nghề chữa xe lâu năm. Mọi người đang chăm chú xem ông biểu diễn “trình độ” cân vành. Hẳn là không mấy người trong họ hay rằng, cùng với những động tác thuần thục như thế này, ông lão đã xuất hiện trong một bộ phim tư liệu “Hà Nội trong mắt ai”. Tôi còn nhớ lời bình của các nhà làm phim: “Các bạn có thấy: ông lão cân vành rất tròn. Nhưng liệu cuộc đời ông có được tròn như chiếc vành này không”. Thực tình, đời người thợ chữa xe già này

dầu có tròn trịa, viên mãn gì (nhưng đây cũng là bước thăng trầm của hầu hết những người dân lao động Việt Nam). Trước đây, ở vào thời Tây, ông làm nghề phu xe. Từ việc kéo xe đưa người ta nhong nhong phố này phố kia, đến việc chữa xe cho người đi bây giờ, cứ ngẫm lại mà xem, phải chăng không là một sự đổi thay đầy ý nghĩa?

Như tôi đã nói ở phần đầu, nhắc đến cái tên phố Lê Quý Đôn thường ít người biết đến. Cũng như những cậu thanh niên mới lớn, thư gửi cho nhau nhiều khi vẫn phải ghi kèm tên ông bố, bà mẹ dưới phong bì, hễ ai có hỏi phố tôi là ở mạn nào, tôi lại nhâm nhảm trong đầu và lựa chọn ra mấy cái tên. Này xem, bạn đã từng đến, từng đi qua đó chưa: chợ Nguyễn Cao phố Lò Đúc, bệnh viện Việt - Xô, vườn hoa Pa-xtơ... Ấy, phố tôi ở mạn này đấy!

Sở dĩ phải nhắc kèm như thế là bởi, ở cái đất Hà Nội này, hiếm ai mà chẳng có lần “tạt” qua đường Lò Đúc, một đường phố với những hàng cây cao thẳng tắp và tấp nập người qua lại, mà xuôi xuống Ô Đống Mác – một trong 5 cửa ô của thủ đô ta, cũng như đã từng đến thăm người nhà đang nằm điều trị ở bệnh viện Việt-Xô hay là tiện thể thể rẽ vào vườn hoa Pa-xtơ cho thư giãn tinh thần, chỉ vì có được cái giấy mời đi dự buổi sinh hoạt chiếu phim ở Nhà văn hóa Thanh niên gần đấy.

Tôi vừa nhắc tới chợ Nguyễn Cao. Đây là một chợ, theo tôi có quy mô tương đối lớn. Với một chiều dài, có lẽ phải dài bằng phố tôi chứ không ít (khoảng gần 300 mét). Nó vốn là một khúc của phố Nguyễn Cao, chạy qua đầu bên này phố Lê Quý Đôn nối thông qua đường Lò Đúc (bởi vậy mà nhiều người vẫn quen gọi là chợ Lê Quý Đôn). Có thể nói, việc những người dân quê (thậm chí ở rất xa) nghe nhau gồng gánh ra đây tụ họp, bán đứng bán

ngồi đã tạo nên một cảnh chợ ồn ào, tấp nập, với những mặt hàng phong phú, đa dạng khác thường. Đầu chợ bán rau và cuối chợ bán hoa. Nhiều khi đi chơi chợ, bước giữa hai hàng bàn ghế, thúng mủng, nhấp nha nhấp nhồm những người với người, bỗng thấy hình bóng dân tộc như đang hiện về, trong những màu áo nâu sồng kia, vô cùng gần gũi. Tôi nghĩ, chợ không chỉ đáp ứng con người về những nhu cầu vật chất, nó còn giúp ta những nhận thức về vũ trụ, về sự “đến rồi đi” của kiếp người. Trước kia thơ Huy Cận có câu: “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”. Chao ôi, cái cảnh chợ vãn thật buồn. Chả thế mà mỗi bận đi đâu về, nhìn chiều xầm xẩm mà cảnh chợ vãn đông người, tôi mừng vô cùng. Quảng vội chiếc xe vào nhà, cầm tiền chạy bộ ra mua mới rau.

Trái ngược với cảnh ồn ã chợ búa như một thi sĩ đã viết “Ngay giữa phố đường xe tấp nập – Rẽ vào thanh thảo một vườn hoa” (thơ Tô Hà), chỉ cần độ vào bước chân kể từ chợ Nguyễn Cao trở ra, bạn đã có thể như thả mình vào một vườn hoa xinh xắn, với những chiếc ghế đá gọn ghẽ, những hàng cây gầy guộc, gió động lào xào! Xin bạn chớ nhầm. Đây không phải là vườn hoa mang tên nhà bác học Pháp Pa-xơ mà tôi có nhắc ở trên, mặc dù khu vườn này cũng chỉ cách đây có một mặt đường mà thôi. Như một cái sân chung, hình tam giác (vì thế dân chúng gọi là vườn hoa Chéo) mà ba cạnh thuộc về ba phố Nguyễn Cao, Nguyễn Huy Tự và Lê Quý Đôn. Sớm sớm khu vườn vẫn thu hút người dân ba phố đến đây tập thể dục, thở hít khí trời. Chiều chiều không ít bạn trẻ đến đây chuyện trò, trao đổi hoặc mang sách ra đọc, trong khi mấy bà hàng bìa vẫn kiên trì “cắm trụ” xung quanh, và phía đường bên kia, các anh thợ cắt tóc đang lặng lẽ hành nghề. Cuộc sống mỗi người một việc thật là thanh thản...

MA VĂN KHÁNG

ANH THỢ CHỮA KHÓA

Truyện ngắn

“Khóa ơ!”

Anh thợ chữa khóa phốc lên cái xe đạp cà khổ, hếch mông đạp. Cái xe không mác, khung bong hết sơn, nốt hàn sần sùi, không chấn bần, không chấn xích, xích rão rượi, mỗi bước chuyển nghiêng vào nhau nghe ghê cả tai; gặp chỗ đường lồi lõm, cái hòm đồ nghề dẹo ở sau xe nảy lộc cộc còn hơn ngựa bầm vó trên đường rừng. Con ngựa sắt của anh, chiếc xe đạp của anh, sở dĩ chuyển động được có nhẽ vì nó còn có hai bánh xe tròn và hai vòng bi. Tròn thì phải lăn, vòng bi thì phải quay, sự chuyển dịch hóa ra là lẽ đương nhiên. Cũng như con người ta thoát đầu sinh ra là một ngẫu sự, nhưng kéo dài kiếp sống tình cờ lại là một hành động có ý thức, chứ không thể là sự phó mặc.

Người sao của vậy, anh thợ chữa khóa ngự trên cái xe cà rịch cà tàng nọ, cũng đồng hạng một chủng loại già nua và phế phẩm như chiếc xe của anh. Ngoài bốn mươi một tí, nhưng trông anh

già hơn tuổi. Anh cao lòng không, đen quắt, mặt gỗ ghề, mắt lơ đão, ria điểm bạc tua tủa như lông nhím. Anh đánh cái quần bộ đội cũ, cụt ống, mông đắp hai miếng vá tổ bố. Cái quần ngắn, lại xắn cao, mỗi lần anh nhâng chân đạp, lại trồi cái đầu gối củ lạc ra, trông như tranh biếm họa.

Cả người anh chỉ được cái tiếng rao. Khóa ơ! Cái tiếng rao trẻ trung, tựa như lọt ra từ một cơ thể tràn trề sinh lực và được nuôi dưỡng trong nâng niu trù mến. Khóa ơ! Giọng tròn, ấm, anh tự giới thiệu nghề nghiệp với mọi người, “Khóa ơ!” – Nghe tiếng anh rao chợt nhận ra anh đang ca tiếp cái giai điệu đã định hình, định thành từ ngày xưa ngày xưa, khi chưa có anh, chưa có tôi. Tiếng rao ấy có từ thời có sự phân chia nghề nghiệp, được thời gian thử thách, chọn lựa, trở thành bất di bất dịch, in vào từ điển ký ức của con người.

Anh thợ chữa khóa nhong nhong chiếc xe đạp tàng, ngoắt ngoéo vào các ngõ ngách phố phường, cất tiếng rao, chắc hẳn là tự biết mình đang hòa nhập vào đội quân đông đảo nghề ngỗng linh tinh như anh. Như anh, có người cưỡi xe. Lại có người đẩy xe. Không ít người gánh, đội, cắp nách đồ nghề đi rong. Thôi thì đủ, đàn ông, đàn bà, già, trẻ. Và giống anh, tất cả đều cất tiếng xưng danh, mời chào khách. Ấy thế, đã đi rong là phải có tiếng rao. Nghe tiếng họ rao mới nhận ra đa số họ là đang tiếp nối nghề truyền thống xa xưa, với đủ các giai điệu, tiết tấu trầm bổng, nhanh chậm thật đặc thù và đã được chế định.

Cô hàng rượu nếp có dáng đi chọn lọc là bao giờ cũng thông dong, tênh tênh cái gánh hàng nhẹ nhõm, thả cái tiếng rao mềm như sợi lạt giang ngấm nước nghe đến là la đà: “Ai rượu nếp ra mua”. Lảnh lót thì phải nói đến mấy cô hàng rau trẻ. Các cô có dáng đi te tái. Và rau cỏ trong tiếng rao của các cô là một đám

lúu rúu những su hào, bắp cải, cà chua, xà-lách, hành tỏi, tối tăm cả mặt mũi khách hàng. Khác hẳn với mấy cô bán rau, mấy bà thu mua các mặt hàng tầm tầm mà tiếng rao lại bay bổng như là hát dân ca. Ấy là mấy bà thu gom tả pí lù, từ vỏ chai, lon bia, bìa các-tông đến giấy vụn. Nhưng các bà chỉ buông một câu đã có từ thuở khai thiên với cái giọng chềnh vênh cùng một ngữ âm cổ lỗ và từ vựng thì đã mất ý nghĩa từ nguyên: “*Ai cháo trai, bao chè, đồng nát đời*”. Thu mua phế liệu gần đây là một nghề mới, mang đặc điểm thời đại ở tốc độ gắt gao, nên lắm ông hùng hổ lắm: “*Survolteur, bàn là cháy, máy bơm hỏng đề!*”. Cái lối tuôn ra một tràng tiếng giạt cục như thế, khiến người ta nhớ đến cách nhấn trọng âm để gây ấn tượng của anh bán tiết lợn: *Tiết canh đi!* hoặc như làn roi quất vụt vào không khí của anh chuyên nghề tầm quất. Trong đêm lạnh nghe hai tiếng *Khúc đề* đã thấy cái miếng bánh khúc nóng hôi hổi bọc trong lớp xôi trắng dẻo và cay mùi hạt tiêu nóng ấm thơm sực. Tiếng *Giây giò* nghe chân phương, thật thà, nục nạc, xưa rày vẫn vậy, đến nỗi có cảm giác cả cái thúng người nọ đặt trên đầu, cái mũ nồi anh ta đội, cái dáng lêu đêu của anh ta, cũng là cha truyền con nối! Tiếng rao nâng lên cao độ, rồi buông thả chơi vơi ở âm tiết sau cùng, có sức truyền cảm thật rộng chính là của ông bán tào phớ. Tung tênh một bên là chiếc thùng gỗ thông vàng ươm, một bên là cái tủ con đựng bát thìa, ông đi vào ngõ nhỏ và tung lên trời độc một nguyên âm ơ kéo dài ra mà thôi. Chỉ vậy thôi. Chỉ vậy thôi, chỉ một tiếng ơ là trẻ con lếch thếch lời mẹ, theo mẹ ra cửa, với cái bát sứ trắng bong trên tay rồi.

Tiếng rao của các nghề rong đường vậy là đã được mã hóa, ước định. Nó trở thành âm nhạc của nghệ thuật quảng cáo và giao tiếp mà anh thợ chữa khóa của chúng ta đã tiếp nhận được.

“Khóa ơ ơ”.

Anh thợ chữa khóa gia nhập đội ngũ những người làm dịch vụ, các thứ nghề vụn vặt, linh tinh trong đời sống – một lớp người đông đảo, ngày càng đông đảo lên, sau một thời gian họ gần như bị tuyệt diệt hoặc phải lén lút hành nghề. Xã hội công hữu hóa triệt để cực đoan, hóa ra quá bất tiện và phiền hà. Cuối cùng sự cưỡng chế đã thua dòng chảy tự nhiên. Mưu sinh, tự lo toan hóa ra là cuộc sống khởi thủy, vĩnh hằng, là dòng sông tuôn chảy dồi dào, phù hợp với cái hăm hở vốn có của con người. Phải sống. Phải lăn lung vào cuộc sống. Phải chịu thương chịu khó. Phải chăm bới đất nhặt cỏ. Phục vụ người, ta lại được phục vụ lại, ấy là cái vòng tròn tự nhiên của đời sống. Không tin ư? Thì một hôm nào đó nằm yên trong nhà, bạn hãy để trí não thành chiếc máy ghi âm thu nhận những tiếng rao đi qua cửa, bạn sẽ thấy đó thật sự là một dòng chảy sinh động, tươi vui, trong đó người giao tiếp với người thật bình đẳng, nồng nàn.

“Khóa ơ ơ...”

Anh thợ chữa khóa, tặng cho đời sống một nốt nhạc nhỏ, góp vào khúc hòa tấu vui vẻ của đời người. Anh thợ chữa khóa làm nên cái mất xích cuối cùng để khép kín một vòng tròn nho nhỏ. Có nhu cầu thì có sản xuất. Có sản xuất thì có tiêu dùng, có thỏa mãn nhu cầu. Có của cải thì phải có sự bảo vệ. Khóa có công năng bảo vệ, nên nhà máy khóa ra đời. Nhưng khóa gì thì cũng có lúc hỏng hóc. Sửa chữa cái hỏng hóc là phải nhờ tay anh thợ chữa. Anh thợ chữa khóa đứng trong cái vòng tròn nho nhỏ như vậy. Những cái vòng tròn ấy chúng giao thoa với nhau.

Anh thợ chữa khóa hiểu cái vị trí của anh nó quan trọng nhưng rất khiêm tốn, nên anh vô tư và cần mẫn lắm. Thường ngày, kể cả chủ nhật, anh xuất phát từ nhà, vòng qua khu Giảng

Võ, sang khu Thành Công, đông lên Thủ Lệ, rồi quay xuống khu Ngọc Khánh của tôi. Lịch trình như thế là rất ổn định. Anh cứ việc đeo chân đạp và cất tiếng rao chào mời, cho đến khi có người yêu cầu.

Anh dừng xe. Người có khóa hồng hóc đưa khóa anh xem. Anh xem, rồi anh giao giá. Người nọ mặc cả. Thường là chóng vánh. Vì không đáng là bao. Hai nghìn đồng, lại làm thêm một chìa nữa, cũng chỉ bằng một bát phở tái. Ngã giá là anh bắt tay vào việc.

Anh dựa xe, tháo dây, bê cái hòm đồ nghề ở sau xe xuống. Đó là một hòm đạn pháo bấm bảy ly, gỗ thuộc loại tứ thiết. Mặt hòm, cạnh hòm sứt sẹ, nham nhở vết dũa, vết đập. Vì mặt hòm kiêm luôn nhiệm vụ cái đe. Mở nắp hòm, anh lôi bộ đồ nghề ra. Thật đơn giản. Một cái búa. Mấy cái kìm to, nhỏ. Dăm loại giũa. Hai chùm phôi chìa khóa đủ loại. Và một ít dây chì, dây nhôm. Quan trọng ở đây là kỹ thuật, tức chất xám. Cầm cái khóa hồng trên tay, bóp nhẹ vài cái, lập tức trong anh xuất hiện một con mắt thấu thị soi tận vào gan ruột chiếc khóa, biết ngay được cơ chế và chỗ hư hỏng của nó. Rồi có ngay phương án sửa chữa. Trong trường hợp nó là khóa bi, bập khóa rồi để mất chìa, thì trước hết phải tháo mở nó ra. Việc này khá đơn giản. Chỉ việc khoét hết thiếc nhôm hãm ở các lỗ nhỏ cạnh sườn khóa là bi tọt ra cả và vôi khóa cũng sẽ bật ra. Xem cách đặt bi sẽ biết ngay hình dáng cái chìa.

Bước tạo chìa thực hiện chủ yếu bằng giũa trên phôi khóa. Theo cách sắp bi mà tạo ra hệ thống răng cửa thích hợp ở chìa. Việc này đòi hỏi sự tinh tế ở con mắt, ở bàn tay. Vì ngoài sự rắc rối về đường nét răng cửa, còn phải tỉa được cái lẩy chính của khóa. Cái giũa xoèn xoẹt liên tục. Nhưng cũng phải ngưng liên

tục để tính toán, già tay là mất, non tay là mất nhay. Phải liên tục vì chính. Mà vì chính ăn thua là ở cảm giác bàn tay, bàn tay anh, bàn tay vàng, bàn tay có mắt, có trí tuệ, hẳn cảm tuyệt vời.

Tôi chúa là hay lơ đãng.

Khóa cửa Việt Tiệp. Khóa tủ Trung Quốc. Khóa xe đạp Mifa... mất chìa như cơm bữa. Có bận tôi để rơi đâu cả chùm. Có hôm phải gọi xích-lô chở cả chiếc xe đạp về nhà, rồi mới mời được thợ đến mở khóa.

Thế là tôi quen anh thợ chữa khóa nọ.

Anh giũa, anh đập. Tôi ngồi cạnh anh, vừa xem anh làm vừa trò chuyện.

- Anh học ở đâu cái nghề này thế?
- Nghề nghiệp gì đâu anh? Khéo tay hay con mắt thôi mà.
- Thì cũng là một nghề đăng ký trong danh mục nghề nghiệp!
- Ngẫm ra thì cái nghề nhỏ mọn này cũng giống như cái nghề khác, tức là trước hết trong mình phải có sẵn một cái gì đó, chẳng hạn, một gói thuốc nổ. Học tức là châm cái que cháy vào cái khối thuốc nổ đã có sẵn đấy thôi. Tôi từ nhỏ đã hay tò mò, tí toáy.

A! Tôi đã mở được cái khóa cửa lòng anh. Hóa ra con người này cũng hé mở cái gì là lạ đây.

- Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, anh sống được không?
- Sống được chứ!

Anh ngẩng lên, mặt lam lũ ngời vẻ tự mãn:

- Không sống được thì leo đèo làm gì? Mỗi ngày trung bình cũng hai ba chục, đủ yển gạo.

- Thế thì thừa tiêu!

- Tiên thì vô cùng. Tôi phải gửi về nuôi vợ và hai con ở nhà quê Phủ Lý.

– Sao không quy về một mối?

– Quy sao được? Vợ tôi còn phải dạy học. Cấp một thôi. Nhưng cũng là có công việc. Ở đâu quen đấy. Còn tôi, bay nhảy mất hết từ lúc đi bộ đội rồi. Hơn nữa về quê lúc này thì thất nghiệp. Chi bằng thông dong tháng ngày ở đây, phục vụ bà con.

Anh trao chìa khóa cho tôi, cười thật hiền lành.

*

* *

Khóa ơ...

Anh thợ chữa khóa ấy tên Thiều, ngụ tại xóm L. trong một phố nhỏ mới hình thành trên bãi rác ven đô. Anh trở nên quen thuộc với người trong khu phố tôi. Anh được mọi người tin cậy. Vì anh rất tận tình với công việc. Anh lấy giá rẻ. Anh không cậy tài, thừa cơ bóp khách. Chìa anh làm y như chính hiệu, đẹp và bền. Gặp ca hỏng hóc búa, anh mảy mò cả buổi. Chưa bao giờ tôi thấy anh bó tay.

Bóng hình anh với con ngựa sắt già lênh khênh buổi trưa, xế chiều dẫu dãi dảo qua khu phố tôi với tiếng rao nhẹ bằng và yêu đời, ngày này qua ngày khác đã trở nên một kết cấu khó tách rời trong bức tranh đời của chúng tôi.

Bỗng một hôm không thấy tiếng anh rao.

Rồi hai hôm. Rồi cả tuần không thấy anh đi qua.

Vụt cái cả tháng trời vắng bóng anh. Người ta nhao nhao hỏi nhau: Một tháng, ba mươi ngày đủ để cả chục người trong vạn người đánh mất chìa khóa cần làm thêm chìa mới. Cái vòng tròn thế là hở một đoạn. Thế mà anh thì biến biệt. Anh về quê với vợ con? Hay anh nằm nhà vì đau ốm?

Đang băn khoăn thì, bỗng như từ ký ức hiện ra, tiếng lộc

khộc của cái hòm đồ nghề sau xe anh nẩy và tiếng “khóa ơ” từ miệng anh bay ra đưa hồn người bỗng lên tận trời xanh.

– Em bị công an họ bắt.

– Sao vậy?

– Họ nghi em mở khóa và ăn trộm nhà ông tổng giám đốc công ty Mếch mung gì đó ở cạnh nhà.

– Sao lại nghi?

– Thì chữ tài liền với chữ tai một vần, anh còn lạ gì? Cũng vì em búồng, em hay lý sự, chết là vì cái mồm phát tiết anh hoa. Khổ thế, cái mồm, chả ai khóa được. Có lần đi qua nhà ông tổng giám đốc họ, em đứng lại, ngửa mồm nói: Dừng tưởng kín cổng cao tường là chắc chắn. Có khóa thì có chìa. *Cao nhân tất hữu cao nhân trị*. En nờ chiều, thực ra, chỉ là một thiếu thôi.

– Nghi tại sao giữ lâu thế?

– Là bởi em ngang, em đùa dai. Hôm đầu bị gọi lên tạm giữ, em trở tài mở còng số tám cho một thằng bé. Thằng này mười sáu tuổi, bố nghiện, mẹ bỏ đi lấy chồng, nó phạm tội ăn cắp xe đạp. Khổ, cái xe đạp tàng chỉ đáng giá yến gạo. Ông trung sĩ công an ngủ. Em mở khóa cho thằng bé, rồi em tự khóa tay em, thế chỗ cho nó. Ông trung sĩ tỉnh giấc ngơ ngác: “Ồ kìa, vừa rồi là thằng bé?”. Em nói: “Ông ngủ kỹ quá. Thằng bé đủ thời gian lớn lên thành anh thanh niên. Anh thanh niên đi bộ đội. Đánh nhau ở Quảng Trị, cả đại đội anh chỉ còn sống sót có mình anh thôi”. Ông ấy tát em một cái. Ông đại úy đồn trưởng mắng ông trung sĩ. Rồi biết em là loại người không nên khinh, nên mời nói chuyện.

– Vui nhỉ!

– Em bảo ông đại úy: Ông có thấy không? Tội ác, xét về mặt

nào đó, nó đẩy lịch sử tiến lên. Có bọn ăn trộm nên nghề làm khóa ra đời và ngày càng tinh vi hơn. Vì có bọn lộng quyền nên đòi hỏi dân chủ mới mãnh liệt, có đúng không?

Anh thợ chữa khóa lại lóc cóc tháng ngày.

Một ngày kia, trên ti-vi, nhà máy khóa M.K. quảng cáo một loại khóa mới và thách ai mở được loại khóa này sẽ thưởng cả triệu đồng và nhận vào làm việc với mức lương thợ tốt cùng ngay.

Tôi mách anh Thiệu thợ chữa khóa tin đó.

Anh cầm cái mũ lá tuột vành mức gió hất vào khuôn mặt gồ ghề, chành miệng cười:

– Em đã mở thì khóa nào cũng thua. Ra tay *mở khóa động* *đào* cũng còn được nữa là...

– Thế thì dự thi đi.

– Em chưa nói hết. Khóa thiên đình. Khóa cổng trời em mở cũng được. Nhưng mà em tội gì bó thân về với họ. Thời chiến, em đi bộ đội, góp xương máu cho Tổ quốc, tròn nghĩa vụ rồi. Rồi quân ngũ em còn làm thợ xây một thời gian. Ít lâu sau biết em là dân có học, họ cho em làm kế toán. Ôi, làm kế toán em mới biết... thì ra bọn sâu mọt nó đục khoét tàn tệ quá. Thế là em bỏ. Dẫu hèn cũng là ngựa nhà quan. Không tố cáo được bọn họ thì em xuất lực đi chữa khóa rong, kiếm đồng tiền sạch sẽ.

Anh nhe răng cười một hơi, rồi tiếp:

– Chuyện rõ như ban ngày thế mà khi giam giữ em họ cứ bẻ hành bẻ tỏi: Tại sao đang làm kế toán lại bỏ về? Đời này, thấy không có ai treo ấn từ quan, nên các ông nghĩ thiên hạ hèn hết rồi à? Em tức quá nói vậy. Họ lại truy xem em thường chữa khóa cho những ai. Em càng diên tiết. Em nói: Mỗi người có một phương thức tồn tại. Ăn trộm là phương thức tồn tại của thằng ăn trộm. Xét đơn thuần về mặt triết học, không phương thức nào hơn

phương thức nào. Những người tôi chữa khóa cho họ, bình đẳng với các ông, trong tư cách khách hàng của tôi. Họ chẳng hiểu. Em nói: “*Quân tử cầu chư kỷ*, người quân tử trông vào mình”. Họ cũng chẳng hiểu. Em nói thêm “Quy luật quan trọng là tự hoàn thiện, làm tròn đầy mình”. Họ càng không hiểu. Ôi, sao ngày nay lắm anh dốt thế!

Khóa ơ...

Anh thợ chữa khóa tâm hồn thanh khiết với đôi tay vàng lái chiếc xe cà khố, len lỏi vào đủ các ngóc ngách phố phường, rong ruổi hành nghề, sống giữa đời nhẹ nhõm như một cuộc dạo chơi vô tư lự.

Xuất hiện lần thứ hai ở khu phố tôi, như rất nhiều nhân vật lịch sử, anh gần như thay đổi hẳn phong thái, điệu đi, cách đứng. Anh mặc *quần pho*, áo sơ-mi màu hồng, cổ cứng. Cái mũ lá rách thay bằng chiếc mũ cối. Mặt mũi anh sáng sủa hơn, trau chuốt hơn, tuy vẫn một vẻ hồn nhiên, như cây cỏ, chưa hề qua rèn giũa. Anh có vẻ phởn. Anh bảo nhiều việc quá, làm không hết. Cả cái con ngựa sắt già nua của anh cũng được trẻ lại. Nó đeo một cái chuông kép của xe Phụng Hoàng Trung Quốc. Cái chuông reng reng đổ hồi, sau khi anh cất tiếng khóa ơ, giống như một vĩ thanh rền rã, vui nhộn. Tiếng rao thì bay vút lên không trung. Còn tiếng chuông thì đi một đường thẳng ngang tầm xe. Tiếng chuông bao giờ cũng đến trước, rồi mới thấy xe anh phanh kèn kệt dừng lại. Anh dừng xe ở xé nhà tôi: nhà chị Thoan.

Chị Thoan là thợ làm đường trên công trường Thủy điện Hòa Bình. Năm khởi đầu xây dựng cái công trình thế kỷ này chị là cô thanh nữ ôm hoa tặng khách đến dự lễ khởi công. Hơn chục năm chị cặm cui trong nghề rải đá, vá đường, đào rãnh, bạt ta-luy.

Công trường mở ra, rồi khép lại. Mở ra nó hút người vào, khép lại nó đẩy người ra. Ba mươi bảy tuổi chị Thoan bị nó đẩy ra với một đứa con ngoài giá thú và mấy đồng bạc hưu non lĩnh một lần. Nhưng cũng như bao kiếp sống nhờ cậy ở chính đôi tay mình, chị về thành phố, lập tức gia nhập đội quân dịch vụ đủ hình đủ sắc của thời kinh tế thị trường. Chị làm bánh trôi, bánh chay, nấu chè đỗ đen, đỗ xôi, hấp bánh bao... một tay xoay xỏa, cố gắng trở thành một mắt xích trong guồng máy xã hội, khép kín cái vòng tròn nhu cầu ẩm thực của con người. Chị chỉ còn dang dở mỗi đường tình ái. Thì may thay, anh thợ chữa khóa tài hoa tới *dang tay mở khóa động đào, vạch mây cho tỏ lối vào thiên thai*.

Thôi thì các nhà đạo đức hãy đại xá cho anh. Vợ con anh ở Phủ Lý hãy thứ lỗi cho anh. Anh cũng như tôi, như mọi đấng bậc từ xưa đến nay đều hay mủi lòng, đều thích sự chiều chuộng vuốt ve gần gũi, đều khoái những khoảng đời ngoài vòng luân lý. Cuộc tình của anh thợ chữa khóa với chị Thoan có đủ các duyên do đó. Nó là vậy. Cho nó là xấu, là tốt thì tùy. Còn đối với chị Thoan, sự sắp xếp như vậy là tròn trịa. Chị đã có bạn tình. Rồi chị sẽ có chồng. Ai chẳng hoàn cảnh chị cũng vậy thôi. Tất nhiên để có chồng phải qua một số thủ tục nữa và phải kín kẽ để che mắt pháp luật. Chị có một ông chú làm ở Ban tổ chức hay Ban tuyên giáo gì đó ở Trung ương. Sảy cha còn chú. Vì vậy chị còn phải xin ý kiến ông. Ngặt cái, ông đi đây đó liên miên vì đang mùa tổng kết. Thành ra anh và chị vẫn giữ quan hệ trong vòng khuôn mẫu đạo lý phổ thông, quá lắm cũng chỉ là già nhân ngãi, non vợ chồng, mặc dầu duyên tình đã bén rồi.

Từ hôm bén bện nhau, trưa nào, sau một tua đi rong, anh thợ chữa khóa cũng tạt vào nhà chị Thoan. Anh ở đó, ăn uống, trò chuyện, tâm sự, âu yếm chị tới khoảng ba giờ, con bé con chị

Thoan đi học về, mới ra khỏi nhà. Anh đèo xe chị ra chợ, để sớm mai chị có hàng bán.

Mấy tháng sau, một buổi sáng chị Thoan vừa mới dọn hàng ra chợ được một lúc, bỗng thấy có tiếng người gọi nhau í ới. Lát sau, nhìn ra thấy hai bà tuổi dòng dòng đang xóc nách chị, dìu chị vào nhà. Chị ngoẹo đầu, so vai, thở khò khè, tóc xỏ rối bung. Chị bị cảm đột ngột, các bà bạn hàng xúm lại đánh gió, xoa dầu giải cảm cho chị. Chị nằm một lúc, rồi tỉnh. Tỉnh rồi bắt đầu nôn oẹ. Nhưng chị vẫn cố lần ra, cố tình mở rộng cửa để đón anh thợ chữa khóa. Lúc này là lúc cần có nhau là một chuyện. Mặt khác có cái gì đó như là nụ hoa, lại như cái mầm oan nghiệt đã nảy sinh, cần thông báo để anh biết, nên mong ngóng da diết lắm.

Nhưng, trưa chiều ấy, chị Thoan mong mỏi con mắt. Ngày hôm sau, chị mong mòn con mắt. Cả tuần ấy, anh thợ chữa khóa biệt tăm. Cả tháng ấy anh chữa khóa vô nhân dạng.

Chuyện một kẻ trong đám đông người vô danh mất tăm đột ngột trong chiến tranh xảy ra nhiều hơn, còn trong thời bình cũng vẫn thường có. Giống như một âm thanh cất lên từ đâu đó, rồi mất hút vào cõi hư vô thăm thẳm. Con người ta nào ai có được chủ động trong việc sinh ra mình. Cuộc sống của nó cũng là tình cờ. Và nó biến khỏi trần gian thì cũng tùy tiện, bất tuân theo một luật lệ nào. Hàng triệu người, cả trăm triệu người đã là như thế, họ biến đi không rõ lý do và chẳng để lại dấu vết gì ở mặt đất cả. Họ sống như một cái bóng và mất đi vô tăm tích như một sợi khói tan.

Về mặt này, thì anh thợ khóa của chúng tôi may mắn hơn họ. Ở đâu nữa thì tôi không rõ, chứ còn ở khu phố này, thì rõ ràng anh thợ khóa không hoàn toàn biệt tăm, vô hình tích. Anh còn có ảnh hình trong tâm trạng khắc khoải của chúng tôi. Anh để lại

một kẻ hở trong một cái vòng tròn nhỏ nhỏ ở đời. Và bụng chị Thoan như có một nguồn lực gia tăng, mỗi ngày một căng tròn.

Đến một ngày kia, bụng chị Thoan đã phình to cực đại. Tôi nhận ra khi ấy nó đã trở thành một khối nặng u uất, quá tải với chị Thoan. Chị Thoan đã ôm cái khối nặng quá tải, u uất ấy lăn lộn, gào khóc ai oán ngay trước cửa nhà mình một chiều thu ảm nọ. Chị gào khóc, rồi ngất xỉu luôn. Đã nhiều lần chị khóc lóc, chị than thân trách phận. Rằng chị ăn ở hiền lành, tử tế thế, sao trời cứ nỡ dày dạn chị. Chị kêu chị bị lừa! Chị vạch mặt cái thằng thợ chữa khóa, cứ tưởng nó là con nhà có học, biết điều hay, lẽ phải, nào ngờ cũng loại Sở Khanh, trắng trợn vô nọ ái ân. Chị chửi cái con đĩ có tông nào đó đã quyến rũ thằng thợ chữa khóa ngây dại, cả tin của chị! Nhưng lần này cũng là lần lộn, khóc gào mà khác lắm. Lần này chị khóc cho chị và cho cả người khác. Ai oán lắm! Xót đau lắm! Khi mọi người nhận ra điều đó đến bỗng chị đang thiếp trên mặt đất thì thấy trên tay chị còn nắm tờ báo.

Đó là tờ báo chuyên đăng tin về các vụ án. Ở trang bốn, tờ báo cho biết anh thợ chữa khóa đã bị giết chết một cách thảm thương. Hai tên cướp khét tiếng gian ác hiện đang ở ngoài vòng pháp luật đã đâm chết anh, chặt đứt đôi tay vàng ngọc của anh, khoét đôi mắt anh, rồi ném cả thi thể anh cùng hòm đồ nghề, chiếc xe đạp của anh xuống sông. Chính đôi tay vàng của anh đã làm cho chúng những chiếc chìa khóa. Anh đâu có biết chúng dùng những chiếc chìa khóa do anh tạo ra để làm việc gian phi. Bọn này biết nhìn xa, chúng phải thủ tiêu anh để anh không thể trở thành một nhân chứng buộc tội chúng.

Hỡi ôi, cuộc sống phi logic, cái sống thì nhỏ nhoi, cái chết thì tùy tiện, vô nghĩa thế này! Hay bấy nay, cái sống nó vốn phù vân vậy, thật thà và tự nhiên như vốn dĩ mà ta cứ bị học thuật ràng buộc mà chẳng nhận ra!

Anh thợ khóa chết. Chị Thoan không làm tang ma cho anh. Lấy danh nghĩa gì? Xưa nay đã có mấy ai chít khăn tang cho người tình? Chị chỉ lập bàn thờ và hàng ngày cúng cơm anh. Nhưng đừng thấy vậy mà nghĩ chị nhạt tình và sơ sài đối với linh hồn anh. Thật sự chị thương nhớ anh vô kể. Tình thương yêu của chị đối với anh chia làm hai ngả. Một ngả là nỗi xót xa về thân phận không may của anh. Một ngả là niềm yêu quý trân trọng giọt máu anh gửi lại nơi chị. Cái thai, tình yêu của anh chị lớn dần, tưởng chừng nó sắp bọc vỡ cái vỏ bọc ngoài. Vậy mà, tính ngày, tính tháng thì nó vẫn ra đời sớm hơn thông lệ. Điều đó có thể là do chị bị động thai. Nhưng cũng có thể là do lòng mong mỏi da diết của chị, do bức bách của cái sống, để lấp đi một khoảng vắng trống do anh Thiếu để lại.

Đúng đêm cái hôm chị Thoan đau đẻ và nở ra một thằng cu thì buổi chiều xảy ra một sự kiện chấn động tâm tư những người hàng xóm của chị. Lúc ấy, khoảng năm giờ chiều, sương mù lã lã dâng, ngõ phố đang vắng ngơ, thì mọi người nghe thấy lẹp kẹp tiếng dép của ba người. Ba bóng người xám xám và cùng một dáng đi lều đệu và hấp tấp. Đi đầu là một người đàn bà ăn mặc nâu sòng chít khăn tang trắng, tuổi ngoài bốn mươi, nhưng tóc xơ rơ vàng hoe, răng rụng, mồm móm. Theo sau bà là hai đứa con trai. Thằng lớn khoảng mười lăm, chân như sếu vườn, tay ống sậy. Thằng em giống anh ở cái mặt vêu vao và giống mẹ ở vóc còi cọc. Cả ba đều khoác bị cối, đội nón, cầm gậy, áo quần bám bụi đường trường. Họ đều từ xa tới. Mặt mày thảy đều in cái đói khổ kinh niên, trông vừa ngây ngô vừa hung tợn. Thấy họ xăm xăm rẽ vào ngõ và nhằm cửa nhà chị Thoan bước tới, mọi

người đã ngờ ngợ, rồi cùng toát mồ hôi lo sợ. Xem ra, câu chuyện lành ít, dữ nhiều đây!

Hắn nhiên, đến trước cái cổng sắt nhà chị Thoan, người đàn bà cùng hai con trai dừng lại, trút bị cỡi khỏi vai, gài lại tóc mai, động đầu gậy xuống đất, rồi cất tiếng xoe xoe rất khinh mạn:

– Nhà có ai không? Mở cổng cho chúng tôi vào nói chuyện *đời*.

Đứa con gái đi vắng. Từ trong nhà, chị Thoan chỉ có một mình ôm cái bụng trời vượt mặt ngó ra, nhể nhại:

– Ai hỏi tôi gì *đời*!

Lập tức, hai đứa con trai bập bốn bàn tay vào cánh cổng, rung lắc liên hồi một cách hết sức dữ tợn. trong khi người đàn bà nửa què nửa tỉnh chống tay lên sườn, cao giọng nanh nọc:

– Chúng tôi muốn nói chuyện với chị. Chúng tôi ở Phủ Lý lên *đời*! Có mở cửa không thì bảo nào!

Thôi, thế là mười phần đã rõ cả mười một rồi. Đòn ghen sẽ kết hợp cùng với đòn thù. Chập lại làm một việc trùng trị tội tranh vợ cướp chồng lần tội gây ra vụ án mạng, lại chênh lệch lực lượng thế này thì cái nhà chị Thoan kia không sút đầu mẻ trán thì cũng què cẳng, gãy tay là cái chắc! Chúng tôi, những người hàng xóm của chị Thoan lập tức tuôn ra khỏi nhà, sẵn sàng cứu giúp kẻ yếu nhược và chuẩn bị những lý lẽ cao cả nhất để dàn hòa.

Tình huống thật cực kỳ căng thẳng.

Nhưng kỳ lạ thay, tự nhiên bao giờ cũng cao hơn luân lý, nó sẽ sẵn lời giải đáp khác hẳn kịch bản do con người dàn dựng nên.

Lúc đó, chị Thoan đã đứng dậy, lộ mặt ra khuôn cửa. Tưởng

chị sẽ sợ rúm ró, rụt vào và hô hoán bà con cứu trợ, thì chị điềm tỉnh quay vào buồng trong tìm chùm chìa khóa, rồi chậm rãi ôm cái bụng ọ ẹ, xuống sân, bấm bạch đi ra cổng. Trông cái dáng đi bê bưng nặng nhọc, cứ nghĩ chị coi cái bụng to sắp đến ngày nằm chỗ như bấu vật, hơn nữa như bảo vật bảo hiểm cho mình, nên chị bất biết sợ là gì. Điều kỳ lạ đã xảy ra lúc đó! Không gian chật hẹp đã xuất hiện những sóng xung động và một mối giao cảm thần tình đã thiết lập một cách hết sức lặng lẽ và bất ngờ. Không mặc cảm e ngại, chẳng sợ sệt lo âu, nhìn rõ hình bóng ba mẹ con người nọ ở ngoài cổng, hai con mắt chị Thoan đã mừng mừng tủi tủi. Có cảm tưởng rằng chị đã nén đợi, đã nấu nung mong chờ, giờ mới là cơ hội giải tỏa một nội tâm chất chứa ứ đầy, nên bước tới cánh cổng, đôi môi chị run liên bật mở, khóc òa: “Ồi, chị cả ơi, anh Thiếu mất rồi! Sao giờ em mới được gặp chị và các con, chị ơi!”. Ai oán quá! Trong giây lát đã có cái gì đó sụp đổ và một cái gì đó ấm cúng, trang trọng cùng thiêng liêng đã sinh ra, mở ra tràn đầy và mong manh. Người đàn bà đứng ngoài cổng sắt, bất giác, áp mặt vào giữa hai gióng sắt, cất tiếng khóc hu hu, tự nhiên đến mức tưởng như chị đến đây chỉ là để bày tỏ điều đó.

Những người hàng xóm của chị Thoan vừa tên tò, vừa ứa nước mắt mũi lòng. Thay cho cảnh lăn xả vào cắn xé nhau, hai người đàn bà xô lại, ôm chầm nhau, giàn giụa nước mắt, cùng rống lên nỗi đau lòng thê thiết. Mất mát to lớn quá, nên có sức thanh lọc tâm hồn và cả hai đều thấy mình quá bé nhỏ và đáng thương như nhau. Trong khi đó, hai đứa con, như hai gã công sai không người chỉ bảo đứng ngây đờ, tay mân mê những ngón tay thừa thãi của chính mình.

*

* *

Đứa trẻ ra đời nửa đêm hôm xảy ra cuộc giao hòa kỳ lạ nọ. Nó cũng trở thành một hiện tượng lạ kỳ. Nó cao hơn cả sự vô tội. Nó là cái gạch nối ruột thịt giữa hai người đàn bà vốn xa lạ. Hai người đàn bà thế là trở thành môn đệ chung một tôn giáo có giáo chủ là ông chồng thợ khóa đã khuất của họ; tình yêu bao giờ cũng tắm hưởng phụng thờ là vậy.

Bản nhạc đã lập được giai điệu khai đề. Ở kề, tôi chưa bao giờ thấy họ cắn rứt, riết lác, hạch lạc nhau, chứ đừng nói là xung sát, hành hạ nhau. “Đi để quần áo đi và tã lót con đấy cho tôi giặt. Dúng nước vào, ba tuổi nữa chân tay run rẩy như bà già thì khổ!”. “Đi Thoan, đi đi bí-tất ngay vào hộ tôi. Gái dễ, chân lông hở hoác, bầy bốt như cua lột đấy, đi ơi”. Người đàn bà ở Phủ Lý lên chốc chốc lại hét lên như vậy. Và “Để đấy cho tôi! Tôi không khiến đi làm gì cả!” là câu nói của miệng của bà. Bà còn chỉ bảo từng ly từng tí cách cho con bú, cách quần tã đứa trẻ cho chị Thoan. Rồi ép, rồi dỗ dành chị mỗi sớm uống trọn một bát nước tiểu của đứa con thứ, vì đó là thứ thuốc bổ cực quý với gái dễ. Còn chị Thoan, chị tiếp nhận sự săn sóc và chấp nhận thứ bậc đi em một cách hết sức tự nhiên, thưa gửi, vâng dạ một cách hết sức khiêm nhường. Sau khi xin phép, chị đặt vành khăn trắng trở tang anh Thiệu lên đầu. Còn hai đứa con trai thì trở thành những thành viên gắn bó của gia đình chị, tự nhiên như lời reo gọi âu yếm của chị: “Anh Lục, anh Ngô, chị Liễu ơi, em Quang ngoan, em Quang lớn, đi chơi, đứa nào bắt nạt em, hai anh đánh bỏ xừ nó đi nhé!”. Thăng cu được đặt tên là Quang, hợp với tên bố thành chữ Thiệu Quang, tức ánh mặt trời. Tên đó do anh Thiệu, thợ chữa khóa, nguyên con trai ông đồ nhỏ, chọn đặt trước khi con anh ra đời.

Thăng Quang, trở thành hòn ngọc của hai người đàn bà. Được

hơn một tháng, bà ở Phủ Lý lên đã bế nó sang chơi hàng xóm. Bà bảo: Nó giống bố nó ở tính thích đi rong. Bà khỏe, chân tay nó dài rộng y sì anh thợ khóa. Bà không che giấu được dấu vết quê kiểng chất phác cổ truyền của mình trong ngữ âm tiếng nói, trên gương mặt dài dẫu khổ ải, trong tấm lòng thơm thảo, ở bản năng bảo tồn cái quan hệ máu mủ ruột rà thiêng liêng.

Rung rinh thằng bé trên tay, bà rung rung:

– Chết thôi, bệnh hơi tôi thế này, mai tôi về quê thì lại khóc hết nước mắt mất.

Tôi ầu ơ với đứa trẻ sơ sinh và quay sang hỏi bà:

– Sao, chị lại về Phủ Lý dạy học à?

– Tôi về hưu non rồi. Giờ chỉ chạy chợ thôi.

Bà đáp. Tôi nói:

– Thế thì chị ở đây mà chạy chợ cũng được chứ sao?

Bà gật đầu:

– Di Thoan cháu cũng bảo vậy. Nhưng, có nhẽ cũng phải dần dần. Sắp ngửa lên đây, nhà cửa còn tanh bành, và việc của bố cháu, tôi đang còn theo đuổi, anh ạ. Thời gian đầu cứ để hai cháu ở đây đã. Tiếng thế ở đây, có sức vẫn còn có việc, vẫn có người thuê mướn. Thế nào, cu Quang có thích anh Ngô, anh Lục ở đây với em không?

Mọi việc diễn ra như đã có sự an bài.

Và tôi đã thật sự kinh hoàng, vì từ trong sâu thẳm tâm tưởng đã vỡ ra một nhận biết đau đáu cùng những xúc cảm trùng phức vừa bồi hồi vừa tiếc nuối băng khuâng, khi một trưa mùa đông bằng lặng đến thốt tim ấy, bỗng nhận ra một tiếng rao “Khóa ơ” như từ xa thẳm vọng về, vắng trong thính giác.

“Khóa ơ”... tiếng rao đã được chế định, đã được thừa nhận từ

trong ký ức dân gian, nốt nhạc trong trẻo, hồn nhiên của anh Thiều thợ chữa khóa quen thuộc góp vào bản hòa tấu vui vẻ và nhọc nhằn của cuộc sống hôm nay. “*Khóa ơ*”... Anh Thiều đã sống lại trong hình ảnh thằng Ngô, con trai anh, mười lăm tuổi lộc ngộc. Nó chưa có xe đạp. Nó xách tay một cái hộp gỗ đồ nghề, quai hòm mắc hai chùm phôi chìa nặng. Nó đội cái mũ lá như cái mũ bố nó, mặc quần áo bạc màu, vá víu của bố và giọng rao mời của nó thì không thể lẫn với bất cứ ai.

Khóa ơ... Khóa ơ... Khóa ơ...

Một cái vòng hở đã được nối tròn, khép kín.

Khóa ơ... khóa ơ...

MÙA RƯƠI PHƯƠNG BẮC

Trời cuối thu, thời tiết lúc giao mùa đương nắng bỗng mưa, nóng đấy mà cũng lạnh ngay đấy. Không gian chập chờn, đôi lúc những hạt mưa tím nhẹ nhàng trút xuống hắt hiu làm người ta cứ ngỡ cái rét đã về. Không phải đâu! Đó là mùa rươi đã đến với người phương Bắc. Mồng 5 tháng Chín, 25 tháng Mười âm lịch là những ngày con nước, con rươi luôn ra khỏi chân lúa cuống rạ choán đầy mặt ruộng ướt mà chỉ xuất hiện về đêm trên những cánh đồng gần biển. Người dân quê Hải Dương, Đông Triều, Thái Bình, Kiến An đốt đèn đốt đuốc, vác “xăm” vác vợt ra ruộng vớt đầy thùng mang về đem bán rao khắp phố phường Hải Phòng rồi Hà Nội. Người Hà Nội đợi rươi như đợi cốm bởi rươi là miếng ngon mùa thu, mỗi năm chỉ có mấy ngày ngắn ngủi có rươi, nên không nhanh chân thì hết. Cả mùa không được miếng rươi vào miệng thì ân hận như người con gái đánh rơi mất tuổi hoa, nặng nề tiếc nhớ. Cho nên người bán cũng như người mua đều vội vàng hối hả vì người sành cứ đòi con rươi phải thật tươi. Rươi ôi, rươi chết vẫn còn ăn được nhưng chẳng ngọt ngào như lúc còn ngọ nguyệt trong thùng. Rươi nhiều màu sắc vừa mờ xanh vừa đỏ

đục, vàng vàng xám xám chen chúc nhau trong một chất dính tự thân tiết ra quánh như hồ để rưới kéo dài sự sống trên cạn.

Tháng 9 tháng 10 trời se lạnh, những buổi chiều ngồi bên mâm cơm bốc khói lại thêm món rươi nóng xào với củ niễng, không có thì củ cải, ăn thật là ngon. Rươi xào phải có vỏ quýt thái nhỏ, ướp nước mắm cốt. Hành tây đảo mỡ cho dậy mùi thơm thì để rươi vào xào gần chín xúc ra rồi lại để thêm mỡ vào chảo, trút thức độn vào xào lẫn với thịt dọi thái chỉ đã được luộc qua, thêm mấy thìa nước xuýt dọi sôi mới đổ rươi vào, đảo đều tay dọi chín kỹ mới bắc ra đập trứng, rắc hành hoa, trộn nhanh trộn đều một lần nữa. Đĩa rươi như vậy vừa thơm mềm không khô xác nhưng vẫn cứ phải rưới thêm chút dầu vừng, rắc lá gấc tươi thái nhỏ, mấy ngọn mùi xanh, ít hạt tiêu bột và ăn trong lúc đĩa rươi còn đang bốc khói cùng cơm nóng trong nồi mới ngon.

Rươi dù làm món gì cũng phải đủ cay nhất là ớt quả sẽ làm cho vị rươi bất ngờ quyến rũ. Mỗi miếng rươi húp theo hớp nước sốt người ăn thấy băng khuâng hương vị lạ lùng: vừa beo béo vừa giòn ngọt không bùi như nhộng nhưng vẫn sần sật như ăn ong khoái, thơm thơm nhẹ nhàng mà không hăng gắt nên rươi mới là món ăn hiếm hoi, cả năm mới có một lần được ăn thỏa thích cho bổ cơn thèm. Ăn ngán rươi xào thì ăn rươi hấp, rươi nấu hay rươi đúc trứng nhưng ngon thơm là món chả rươi. Rươi làm “lông” xong để ráo nước trút vào liễn đập trứng, bỏ thịt băm thìa là vỏ quýt, ướp hạt tiêu nước mắm ngon, trộn thật đều, dọi ngấm gia vị, trong khi đó bắc chảo lên bếp đổ nhiều mỡ nước đun già lửa, hành củ khô thái mỏng phi vàng rồi múc rươi tẩm ướp vào từng muôi nhỏ, thả vào chảo, mỡ xèo xèo mùi rươi, mùi trứng, mùi thìa là vỏ quýt xông lên ngào ngạt thơm lừng khu bếp. Những tấm chả tròn trịa xinh xinh giòn tan vớt ra bày lên

đĩa lớn. Chả đang còn bốc khói rắc tiếp hạt tiêu và hãy lập tức ăn ngay cùng với vài nhánh mùi tươi, hóp thêm một chút rượu làng Vân, một chút thôi để cho hương vị hòa quện vào nhau quên đi cái mùi tanh tanh phảng phất. Nhưng mà thích thú hơn cả lại là mắm rươi ủ kỹ cho thật ngấu cật đi để dành. Hết mùa rươi lấy ra ăn với tôm he xé bông, rau cần cải cúc, trộn lẫn vỏ quýt, lạc rang giã nhỏ, hành hoa, gừng tươi ăn kèm với rau xà lách. Nếu có thêm thịt ba chỉ luộc thái miếng vị ngon càng nhân thêm. Bữa mắm rươi đủ vị lại biết cách ăn cầu kỳ thật đáng giá. Người biết ăn xúc mắm rươi lót xuống đáy bát bên trên phủ lượt ruốc tôm, thoáng trông như một nhánh san hô dưới lòng nước. Lúc ăn gắp đủ thứ rau vào bát lại rải thêm một lượt mắm nữa mới vào miệng. Bát mắm rươi lúc này tung bừng màu sắc: màu mắm vàng ươm, trải trên nền trắng men bát sứ, màu rau xanh mát, màu gừng tươi hoe vàng, màu vỏ quýt sẫm đỏ, ai không quen mùi mắm chỉ trông cũng đã phải thém thuồng chẳng cứ gì dân “ghiền” mắm sống. Thế nhưng đừng ăn quá liều lượng, bụng dạ sẽ chẳng chiều kẻ phàm ăn lấy no. Miếng ngon thật kỳ lạ, thích đấy mà cũng sợ ngay đấy, nó cũng như thời tiết mùa rươi nhưng hàng năm vẫn nhớ không quên câu “*Tháng 9 ăn rươi, tháng 10 ăn nhộng*”. Ai bỏ qua rồi sẽ nuối tiếc. Ôi cái mùa rươi phương Bắc sao mà thương thương nhớ nhớ, nhất là với ai xa xứ chưa kịp trở về đón đợi mùa rươi.

MỘT NGÀY ĐI TRÊN ĐƯỜNG

Truyện ngắn

Chuyến xe bỏ tôi xuống một công trường đang xây dựng dở. Tôi xách hai cái túi to bằng vải bạt bước ra khỏi xe. Hai người đàn ông cho tôi đi nhờ cũng bước xuống. Một ông thật là béo nói tiếng the thé. Một ông thật là gầy, cái nhìn cau có, mặt lúc nào cũng như có gì bao phủ trông thật là ngại. Tôi chào các ông và cảm ơn. Nhưng các ông đang mãi bàn chuyện xem ai được huân chương khi các ông vắng nhà. Một lúc sau, cửa xe đóng lại, ông béo ị trông thấy tôi, giơ tay bắt, tay ông nhom nhóp mồ hôi. Còn ông gầy thì bảo:

– Cô cứ vào kia mà nghỉ. Đừng có sợ. Tôi báo cơm rồi. Có chỗ đấy. Cô ngủ với các cô phục vụ chuyên gia nhé. Tôi qua đây trả xe rồi về ngay. Vào đi, đừng sợ...

Tôi vào đi và cố đừng sợ. Căn phòng tập thể rộng thênh thang, có đến hai mươi cái giường một, toàn đàn bà con gái. Các cô gái miền Trung người rất khỏe, nói rất to, đi lại rất nhanh và mạnh...

tất cả làm thành một đám đông náo nhiệt không kém gì phòng chờ của nhà ga trong một ngày giáp tết. Tôi được dẫn đến một cái giường ở cuối phòng. Tại đây, tôi ngồi nhìn mọi người mà thấy rất lẻ loi vì chẳng quen ai và cũng không ai quan tâm tới mình.

Hai cái túi tôi mang theo nặng trĩu. Toàn của Đức cả. Anh mang các thứ đến gửi vào lúc tôi sắp ra xe về Hà Nội. Sợ tôi nhầm lẫn với của người khác gửi, Đức giở ra cho tôi xem: một cân nước mắm Phú Quốc. Năm cân lạc xưởng, khoảng ba hay bốn cân gì đó mực và cá khô. Tôi nhìn đôi bàn tay thanh mảnh như tay con gái của Đức giở các gói, các bọc to bọc nhỏ để tôi kiểm tra, thấy buồn cười. Thế mà có một dạo còn yêu, trong đêm B.52 ném bom ác liệt Hà Nội, tôi mang đến cho Đức một cặp bánh mì, Đức vừa ăn vừa đỏ mặt vì ngượng. Dạo đó Đức mặc quần ống hẹp, lẹp kẹp đôi dép nhựa trắng như hầu hết thanh niên Hà Nội. Anh thường đọc cho tôi nghe những câu thơ u buồn của các nhà thơ Nga về tình yêu. Và khi chúng tôi đi xem bộ phim nào đó cũng về tình yêu, cả hai đứa lặng người đi vì xúc động. Bất kể cái gì dính dáng đến vật chất đều làm chúng tôi bối rối. Cả hai hầu như không bao giờ có tiền trong túi, như tất cả bạn bè thuở ấy. Đầu óc toàn những chuyện đầu đầu. Những khi gặp nhau đông đủ chúng tôi bàn đến những chuyện xa vời còn cái dạ dày thì kêu réo đòi ăn mà ít khi có gì để ăn. Đôi bàn tay của Đức tôi cho là rất đẹp, bây giờ đang giở mấy xâu mực khô, anh bảo tôi:

– Đây là tiền bà cụ gửi vào để mua. Em bảo cụ nhận đủ thì viết thư rõ ràng cho anh để anh yên tâm...

Lúc ấy tôi chẳng nghĩ tới câu dặn dò của Đức, nhưng bây giờ tôi thấy tức quá thể. Hai cái túi vải bạt to bốc mùi nước mắm, cá,

lập xưởng... Tôi xách trĩu cả tay, thế mà Đức lại còn sợ tôi không mang đến đủ.

Có một chị cùng cơ quan bảo tôi: – Tao có thằng em bạn, mày mà quen được nó thì nhất. Thằng này hiền lắm. Nếu có đứa nào là bạn nó, thích người yêu của nó, nó cũng sẵn sàng nhường ngay”. Tôi cũng muốn xem con người sẵn sàng vì bạn hy sinh tất cả đó là người như thế nào. Sau lần gặp thứ nhất chúng tôi đã mến nhau. Chúng tôi mến nhau thật tự nhiên. Cái gì lúc đó cũng tự nhiên, vui vẻ. Ở giữa Hà Nội, Đức có một căn phòng riêng trong một nhà hai tầng lầu của bố mẹ. Điều đó thật là hiếm hoi. Chúng tôi thường có những giây phút thật thanh thản sau giờ làm việc: đọc sách, nghe nhạc trong căn phòng riêng và thì thầm nói chuyện mà không sợ hàng xóm để ý, đánh giá, vì đây không phải là nhà tập thể. Ông bố của Đức, nghe nói trước Cách mạng là một nhà buôn, giờ đây đã già lắm, to béo, chậm chạp, hay đi qua trước phòng của Đức, trông thấy tôi ngồi đấy, cụ thường gật đầu chào chứ không hề nói gì...

Có lẽ tôi đang trong trạng thái mệt mỏi khi đi mấy trăm cây số đến đây. Tôi nghĩ tới nơi tôi vừa từ biệt và một cảm giác chua xót ập đến làm tôi trào nước mắt. Cảm giác này không có khi đi đường. Chỉ có bây giờ, khi ngồi bơ vơ giữa những người lạ, tôi mới nhìn lại mình và không hiểu sao có thời tôi yêu Đức đến thế. Tôi chợt nghĩ một cách rất vớ vẩn: không có cái gì bùng lên mãnh liệt rồi cũng tắt ngúm không còn một chút ấm hơi như là tình yêu.

Dạo đó bạn bè tôi hầu hết vào bộ đội, đi chiến trường. Cũng có rất nhiều người ở lại Hà Nội và làm việc, như Đức chẳng hạn. Điều đó cũng bình thường. Tôi nhớ dạo đó Đức có nuôi một con rùa nhỏ. Con rùa bò tha thẩn trong phòng, ra hàng hiên, vào

gầm giường và có lúc nó bò lên cả chân tôi làm tôi phát khiếp. Đức cười hiền hậu, cặp kính sáng loáng. Anh còn ít tuổi nhưng vì cận thị nặng, trông anh rất già và tôi bất giác so sánh anh với con rùa.

Thế rồi đột nhiên, tính tình Đức thay đổi hẳn. Tôi không hiểu vì cái gì. Vào mùa hè năm ấy, sau một đợt đi công tác ở B5 khoảng sáu tháng, tôi về Hà Nội và chạy ngay tới nhà Đức. Tôi vừa đi ra cùng với một đơn vị đặc công, toàn những chiến sĩ vui vẻ, hăng hái. Không khí chiến trường còn chế ngự toàn bộ con người tôi. Tôi tới nhà Đức rất mong thấy một cái gì mới mẻ ở anh. Nhưng tôi thấy anh đang ngồi ở hàng hiên có treo nhiều phong lan. Con rùa tha thẩn gần anh. Mặt anh như béo thêm nhưng mang một vẻ gì rất lạ: vừa căng thẳng vừa khinh khỉnh. Khu nhà vắng lặng, tĩnh mịch làm tôi sửng sốt: chả có gì thay đổi cả. Mình ở chiến trường về cứ tưởng ở đâu cũng bốc lửa. Thì ra đây là cái góc bé nhỏ của Hà Nội và tiếng súng ở chiến trường rất xa, ở đây không nghe thấy được. Đức cũng vui mừng gặp lại tôi. Anh lấy chân đẩy con rùa ra xa. Con rùa rụt cổ vào mai nhưng rất nhanh, nó thò cổ ra ngay và đi vào phòng Đức. Cũng như con rùa, Đức dừng đỉnh đi vào nhà và cái giọng của anh làm tôi rất lạ:

– Thế nào? Có gì mới không? Đi thế đã thấy chán chưa?

Anh ngồi xuống một cái ghế đẹo thô sơ từ gốc cây, đẹo như thế cho có vẻ nghệ thuật. Tôi cũng ngồi xuống một cái ghế kiểu như thế nhưng lúc này tôi thấy cái kiểu bàn ghế trong phòng anh rất rởm. Anh pha trà trong cái ấm da lươn nhỏ chỉ bằng hai bao diêm, rót ra những cái cốc nhỏ bằng ngón tay cái. Trông điệu bộ của anh rất sốt ruột. Trước kia anh cũng như thế này nhưng tôi đã quen. Bây giờ tôi mới đi xa về. Và cái nơi tôi vừa sống nửa

năm thật khác xa với căn phòng này, với con người của Đức, với cả con rùa nữa. Dường như thời gian tôi đi vắng, có cái gì đó biến đổi trong cuộc sống của anh. Anh hỏi tôi có gặp bọn bạn bè quen biết không? Rồi anh lẩm bẩm: – Một lũ cuồng tín! Tôi rất ngạc nhiên hỏi sao anh lại nghĩ như thế? Anh cười khinh khỉnh, không trả lời. Tôi bất giác lật một cuốn sách của anh, thấy có một câu của ai đó, được anh ghi vào lề cuốn sách: “Chúng ta biết những sự bất hạnh tồi tệ và trước hết là sự bất hạnh phải sống”.

Những tháng tiếp theo đó với những sự kiện sôi nổi, đáng nhớ của cuộc chiến tranh chống Mỹ, Đức vẫn sống trong căn phòng đó, đi làm ở cơ quan và nói với tôi rất một giọng chán chường. Tôi không thể nào giải thích nổi con người mới của anh, chỉ thấy anh khoác lên người anh cái áo của ai đó, điệu bộ, lời nói cũng của ai đó. Và tình cảm của anh cũng như vậy đến nỗi một thời gian rất dài, tôi cư xử với anh như một người bạn chứ không phải như người yêu.

Hôm tôi lên đường đi công tác chiến trường vào cuối năm *bảy tư*, anh cũng tiễn tôi. Chúng tôi cũng không hề nhắc tới tình yêu. Tôi nhìn cặp kính cận của anh thấy anh có cái gì hơi tội tội. Có lẽ tôi vẫn còn quý anh, quý con người của những năm đầu quen biết. Nhưng tôi còn phải đi chiến trường.

Chúng tôi theo bộ đội, từ trên chiến khu, vào một thành phố miền Trung. Tôi rất muốn có Đức trong niềm vui những ngày đáng nhớ này. Rồi những ngày đầu vui vẻ đã qua. Tôi và bọn bạn bè ở rừng về phải làm nhiều việc ở thành phố, và như hầu hết những người ở rừng về, chưa đứa nào nghĩ đến việc mua sắm. Chỉ nghĩ tới miền Bắc. Tôi nhớ tới thành phố của tôi ở miền Bắc, thật khác xa với trong này. Cái thành phố miền Trung nóng khùng khiếp làm tôi như bị hút hết nước, lúc nào tôi cũng bứt

rút nhớ nhà, nhớ Hà Nội. Thành phố mà toàn nhà mái tôn, không có một bóng cây. Thành phố không có cây xanh làm sao sống nổi? Những người thanh niên mặc quần le, ống rộng tới bốn mươi phân, những thiếu nữ tóc xõa kín hai bên mặt, những cửa hiệu đồ nhựa, những căn phòng sang trọng ro ro tiếng máy lạnh... tất cả như có cái gì rất không ổn. Thành phố gì mà như lơ lửng trên không, chẳng bám víu vào được cái gì vững chắc cả. Và tôi nghĩ có lẽ mãi mãi tôi không nhập gì vào được với khung cảnh này. Một tình cảm rất thực, rất trong sáng làm tôi nôn nóng. Tôi nhớ cuộc sống bình tĩnh, lành mạnh của miền Bắc. Ở đó có Đức của những ngày đầu quen biết...

Một tháng sau giải phóng miền Nam, tôi đã về đến Hà Nội. Vừa bước xuống xe, tôi thấy chung quanh tôi đã khác trước nhiều lắm. Người ta chạy xuôi, chạy ngược, nháo nhác mua bán, có cái gì đấy giống một cơn sốt bắt đầu đến. Tôi tới nhà Đức ngay và tôi thấy trong phòng Đức cũng có sự đổi khác. Ba cái valy to và hai cái túi xách để ở góc phòng. Đồ đạc trong phòng Đức hầu như không còn gì. Anh đã đóng gói hết.

– Anh xin được giấy tờ vào Sài Gòn rồi.

– Anh đi hẳn à?

– Đi hẳn. Anh muốn đi cho biết đó biết đây. Ru rú mãi ở Hà Nội chán lắm.

Tôi nhớ tới những năm chiến tranh chống Mỹ, anh không hề bước chân ra khỏi Hà Nội. Anh gọi những người bạn đi vào chiến trường là một lũ cuồng tín. Nhiều người trong số bạn bè của chúng tôi đã chết. Còn Đức sẽ là người đầu tiên vào sống trong thành phố mà những người bạn của anh đã góp tay vào giải phóng...

Đức giới thiệu tôi với một đôi trai gái đang ngồi trong phòng ăn:

– Các bạn mới quen của anh đấy. Chị Thu cũng vừa ở Sài Gòn ra. Đi biểu diễn. Ra có việc lại vào ngay...

Tôi nhìn Thu. Một cô gái khá đẹp. Cái đẹp của các cô tôi đã gặp ở thành phố miền Trung kia: không biết thật hay giả? Cái gì trên mặt cũng vẽ, cũng bôi. Nhưng dáng điệu thì có vẻ rất chín chắn. Cả bốn chúng tôi ngồi quây quần bên chiếc bàn đẽo từ gốc cây cho có vẻ nghệ thuật. Cái ấm da lươn bé bằng hai bao diêm này không biết Đức có mang đi không mà chưa đóng gói? ... Thu nói rất chậm rãi những điều chị đang quan tâm. Ví như điều này nhé: lâu nay mình sống chả ra người nữa. Vào Sài Gòn mới thấy như thế. Ở nhà bà cô mình, rửa bát cũng dùng một miếng mút to tướng. Ở ngoài này ầy mà, mình mặc cái quần vải hoa cũng phải len lén trong nhà, không dám ra cửa. Còn ở Sài Gòn, các cô em con bà cô mình lúc đi ngủ, toàn mặc một thứ voan trắng toát. Nhà bà cô mình ầy mà, nấu cơm bằng nồi điện của Nhật. Chiếu ni lông cũng của Thái Lan nhé. Mình cứ nghĩ đi nghĩ lại, thật lâu nay mình sống không ra người nữa. Còn ở Sài Gòn, cái gì cũng thuận tiện, cái gì cũng đầy đủ. Ngay cái rổ, cái rá trông cũng thật văn minh, toàn bằng nhựa.

– Chối của họ cũng bằng ni lông cơ đấy...! – Tôi buột miệng nói và nhìn Thu. Chị ta đang say sưa nên không để ý đến giọng nói của tôi. Chị nhìn tôi rạng rỡ:

– Thật đấy nhỉ. Nói xin lỗi các bạn, cái giấy vệ sinh của họ thật đáng để mình nhồi gói...

Đức cười rất hả hê. Anh dẫn mạnh cái cốc xuống bàn như biểu thị một quyết tâm: phải ra đi thôi!

Tôi ngồi một lát nữa rồi ra về. Ra đến đường, tôi khóc. Tôi nghĩ giá như tôi mang ra được cái xe máy, chắc Đức sẽ có thái độ khác đối với tôi. Tôi biết đâu anh lại hám tiện nghi đến vậy? Và

tôi chợt nhớ: không hiểu Đức cho ai con rùa mà không thấy nó quanh quẩn trong phòng nữa...

Ông gầy gò ở đâu về, xuyên qua đám con gái trong phòng tập thể đến báo với tôi là đã liên hệ hộ cho tôi được một chuyến xe về Hà Nội. Xe chuyên gia, phải nói khó mãi. Sáu giờ sáng mai xuất phát. Tôi rất mừng vì có thể chiều mai đã về đến nhà, về với công việc đang chờ, về với mẹ.

Hôm Đức lên tàu, tôi không tiễn anh. Bẵng đi một thời gian rất lâu, có tới gần một năm, tôi nhận được thư Đức. Anh kể với tôi là mới đi công tác ở miền Tây về. Đến đâu, cái gì cũng “bự” cả – vệt cũng “bự”, cá tôm cũng “bự”. Và anh chả có cảm giác gì ngoài cảm giác là dạ dày làm việc mệt quá. Nhưng đôi khi ở Sài Gòn, anh cũng nhớ Hà Nội, và rất nhớ tôi. Nếu có thể, tôi nên đi công tác, vào với anh một thời gian...

Tôi xin cơ quan để đi vào được ngay. Tôi cũng muốn vào với Đức để cho tình trạng được rõ ràng. Chúng tôi không tuyên bố gì với nhau trong tình cảm cả, cứ như những người bạn đã lâu. Đức thì bận rộn trước ánh đèn màu mà anh rất say mê, còn tôi, là con gái, dù sao cũng phải dè dặt. Chuyến đi này rất cần cho tôi...

Tôi điện cho Đức ngày, giờ tôi lên tàu, hy vọng anh sẽ đón tôi vì tôi không quen ai thân thiết trong thành phố. Đức không đón. Tôi ở nhờ phòng khách của chi nhánh một cơ quan trung ương mà tôi có liên hệ công tác trước kia. Thu xếp chỗ ở xong xuôi, tôi đến cơ quan Đức tìm anh. Mọi người bảo với tôi là hai hôm nay anh đi vắng. Tôi ghi địa chỉ cho anh và về nằm khàn trong phòng. Ngay sáng mai, tôi thấy Đức tới tìm. Tôi có cảm giác là anh để tôi tự lo lấy nơi ở. Thấy tôi lo được rồi, anh mới tới. Hai đứa nói chuyện rất rời rạc.

Đức vẫn như vậy, lừng khừng, chậm chạp. Mặt anh có vẻ căng thẳng rất mới lạ. Có lẽ anh phải vật lộn rất nhiều với cuộc sống mới, và vật lộn với những tham vọng lật vật nữa. Anh mời tôi đến chơi. Anh ở một căn phòng rộng trong ngôi nhà lớn của ông bác ruột. Quả là anh đã đạt được những cái anh thích. Anh có một miếng mút to để rửa bát. Có chổi ni lông. Chiếu ni lông loại nhập cảng. Nồi điện nấu cơm. Máy móc đủ cả. Có cả cái lọ đựng tăm bằng nhựa nữa. Và anh mặc pigiama trong nhà. Bộ quần áo màu xám, kẻ sọc. Trông anh rất đáng ghét trong bộ quần áo ấy:

– Anh mà mang con rùa vào đây lại hay hơn!

Anh nhìn tôi cảnh giác, sợ tôi có ý gì chẳng? Thực ra tôi chẳng có ý gì sâu xa. Bộ quần áo pigiama của anh làm anh càng thông thướt, chậm chạp, rất không hợp với tuổi ba mươi của anh. Và con rùa, trong khung cảnh này, vẫn hợp với anh biết bao!

Từ hôm ấy, tôi tránh gặp anh. Nhưng đối với Đức thì tránh gặp hay là gặp nhiều cũng thế thôi. Anh dường như không có phản xạ gì trong tình cảm nữa. Anh cứ ì ra như bức tường. Tất cả những xao xuyến, hồi hộp, tuyệt vọng cố giấu trong tôi bị đập vào bức tường ấy và dội lại... Và tôi nhớ đến lời người ta giới thiệu với tôi về anh: – Đức hiền lắm. Nếu có ai thích người yêu nó, nó nhường ngay...

Bây giờ tôi hiểu. Nhưng tôi vẫn không hiểu vì sao Đức thích một miếng mút rửa bát?

Buổi đi chơi duy nhất của chúng tôi cũng đáng nhớ. Anh mời tôi đi ăn tại một hiệu phở Bắc nổi tiếng. Hiệu đông lắm, bàn ghế bày đầy ra ngoài vỉa hè. Thằng bé trông xe tiến lại phía chiếc Vespa của Đức: – Gửi xe chú?

– Không – Đức cương quyết lôi chiếc Vespa của anh lại một gốc cây – Không gửi chác gì hết. Chém nát cổ người ta...

Thằng bé trông xe lăm lăm nhìn Đức, không nói gì.

Ăn phở xong, Đức đẩy chiếc Vespa xuống đường. Nó không đi được nữa. Cả hai bánh xẹp hết hơi. Tôi cười thầm. Cái xe bị chém nát chứ không phải cái cổ Đức. Chắc anh xót lắm... Đức toát mồ hôi đẩy cái xe lại chỗ sửa. Săm lốp xe bị đâm đến nát ra. Trong khi ông chủ hiệu vá xe loay hoay với cái Vespa, tôi ngồi im lặng nhìn ra đường. Tôi không dám nhìn Đức nữa.

Tiền thay xăm, vá lốp rất lớn, mà Đức chỉ mang đủ tiền ăn phở. Tôi phải dốc túi ra, dốc đến nhẵn cả số tiền dành cho cả tuần ở thành phố xa lạ này... Đó là lần đi chơi duy nhất. Tôi cứ nghĩ có lẽ Đức không tới nữa. Nhưng rồi anh tới, vào đúng hôm tôi sắp lên đường, với những can, những bọc, những gói... bốc mùi sặc sụa, tuy được cất kỹ trong túi ni lông!... Không hiểu anh kiếm đâu được chục viên ho cam thảo, đưa cho tôi để ngậm khi đi đường...

Những ngày ở miền Bắc, trong thời đánh Mỹ, anh là một chàng trai giản dị, đổ mặt lên khi tôi mang tới cho anh ổ bánh mì. Ngày ấy, tất cả những gì dính dáng tới vật chất đều bị chúng tôi coi rẻ... hoặc ngượng ngập, e sợ... Còn bây giờ, anh là người như thế. Có lẽ anh không biến đổi. Anh chỉ đúng với anh thôi... Nhưng tôi vẫn cứ đau đớn khi nghĩ tới điều: tại sao một miếng mứt để rửa bát lại hấp dẫn Đức đến như vậy?

*

* *

Tôi ra đón xe sớm hơn dự định. Một đêm không ngủ làm tôi rất khó chịu, đầu óc nhức nhối. Những hạt mưa nho nhỏ rây đều đều như bụi trước mắt làm tôi không trông rõ cái xe vừa xích tới.

Lên đi nào! Một giọng nói nghe là lạ. Ông chuyên gia đã già, có bộ ria bạc gật đầu với tôi. Người phiên dịch đỡ hộ tôi mấy cái túi. Thấy nặng anh bảo để bỏ ra sau được không? Tôi sung sướng ra mặt... Thế là từ đây về Hà Nội, tôi không phải ôm cái của quý ấy, không phải gây cho người bên cạnh cảm giác khó chịu vì cái mùi hỗn hợp ấy nữa.

Người lái xe áng chừng ba mươi tuổi, ngồi sau tay lái nhìn thẳng trước mặt. Kiểu ngồi ấy của anh làm tôi đang buồn bã cũng phải chú ý: một chàng trai đẹp, khỏe mạnh, chắc là nhiều cô mê lắm đấy... Tôi thất vọng ngay khi anh ta quay phắt lại:

– Này, về nhớ hỏi hộ tớ xem cái Vespa hôm nọ còn không nhá. Láy luôn!

– Rầm thế.

– Cái mà cậu nói lúc nãy ấy, cũng xong luôn nhá!

Anh ta liếc nhìn tôi, thấy không tiện nói ra cái gì mà họ vừa bàn. Tôi cười thầm: anh ta ngồi nhìn thẳng ra phía trước, trông kiêu hãnh lắm, tưởng anh ta nghĩ gì, rút cục là nghĩ tới chuyện buôn bán. Hóa ra mình vẫn còn được cái đại đột của con gái khi nhìn bề ngoài một chàng trai. Chị tôi đã không có ý đùa khi khuyên tôi:

– Mày chớ nên chết mê chết mệt một thằng nào khi nó ôm cây đàn ghi ta đến bập bùng trước mặt mày đấy nhé. Không có bọn nào vô dụng hơn cái bọn đó đâu.

Tôi ngáp, ngồi tít vào trong góc xe định ngủ một giấc. Anh lái xe và anh phiên dịch tiếp tục nói câu chuyện về xe máy vừa phải ngắt quãng vì đón tôi... Lại cái Vespa! Tôi chưa chát nghe họ nói và nhắm mắt lại, nhớ đến cái Vespa của Đức. Không hiểu sao tới đâu cũng nghe bàn về xe máy! Một cơn sốt xe máy thật là khủng khiếp. Cái gì bây giờ cũng như cơn sốt cả. Hai anh chàng vẫn

tiếp tục những câu chuyện trằng giang đại hải về máy móc, họ nói giọng nhiệt tình, sôi nổi, dường như cả tâm hồn họ gửi hết cả vào ống xỏ, vào lớp, vào săm, vào “budi”... Anh chàng phiên dịch hoa tay lên:

– Cậu có tưởng tượng được không? Cái hôm lão chữa xe máy ở đầu phố tổ khai trương cửa hàng, tổ tới đứng xem lão mổ một cái Hon da, đến mê mẩn cả người. Gần ba tiếng đồng hồ nhé. Tổ cứ đứng mà xem thôi. Mãi khi vợ bé con đi tìm, phát vào móng mới tỉnh ra được...

Cả hai cười ha hả. Ông già chuyên gia cũng góp chuyện và anh phiên dịch nói gì đó với ông ta mà ông ta cười ngất. Tôi chú ý nhìn trang phục của hai người Việt Nam. Có lẽ lái xe làm việc với chuyên gia nên họ ăn mặc khá đẹp. Cái áo của anh phiên dịch bây giờ đang là mới. Nó đáng giá bằng một căn phòng. Cái đồng hồ, cái quần bò Mỹ, đôi giày của anh ta. Cái gì cũng tiền nghìn trở lên... Có những con người sung sướng như thế đấy. Lớn lên, đi học, ra làm việc và khoác trên người hàng đồng tiền...

Tôi thiu thiu ngủ được. Trong giấc mơ, tôi không nghĩ tới Đức với nỗi chua xót và kinh ngạc. Tôi không nghe mọi người chung quanh chuyện trò về những cái tôi không hòa nhập được. Trong giấc ngủ chập chờn, tôi cứ bị ám ảnh về những cái bất tiện mà tôi gặp hàng ngày. Khu nhà tôi ở rất đông người, phải ngăn, phải chia ra nhiều khu vực, nhiều phòng tạm. Bam đêm, chuột hoành hành dữ dội. Nó bò cả lên chân, nó lách qua người đang ngủ để tìm lối đi, giấc ngủ cứ bị ngắt quãng luôn. Sáng dậy, đã nghe thấy tiếng cãi nhau. Mang chậu và quần áo xuống nhà làm vệ sinh thì gặp quá đông người. Ai cũng vội, ai cũng cần. Có hôm chỉ rửa mặt qua loa rồi lên thôi, còn phải nhường người khác vì nước trong máy chảy nhỏ như cái dũa. mình xong việc của mình

thì người khác không làm được gì. Rồi bắt tay vào chuẩn bị ăn sáng. Sờ đến cái bếp dầu thì hết dầu, vì tối hôm qua quên không đổ vào. Gạo nhiều sạn quá, đáng lẽ phải nhặt từ tối hôm qua. Cái bắp cải bị chuột xơi gần hết, vất đi thôi chứ ăn uống gì. Đi ra đi vào, chật chội trong cái phòng chung của cả nhà. Mấy thằng con trai lộc ngộc, cỏi trần, mùa hè nhìn đã thấy nóng bức, cứ nghênh ngang trước mắt. Chính chúng nó cũng thấy ngượng vì sao mình lại to lớn thế. Mẹ câu bố vì bảo bố xách cái lồng gà vào hàng hiên mà hôm nào cũng quên. Bố thì bảo người đã không có chỗ còn gà với qué. Chị dâu mắng nhiếc mấy đứa con: – Cút ra ngoài cầu thang mà ngồi, chệnh ềnh ra đây tao lại đá cho một cái bây giờ...

Buổi sáng thế rồi cũng qua. Mọi người tản đi gần hết, tôi cũng chuẩn bị đi làm. Sờ tới cái bút bi mới mua, cái bút bi không chảy mực. Chải đầu, cặp cái cặp tóc thì nó rời ra, không ăn nhập vào nhau, hôm nào cũng phải sửa sửa, nắn nắn cho nó khớp. Cái xe đạp lại xẹp lốp rồi. Nghe nói dạo này nhiều sắm lốp giả tuồn vào cửa hàng, đến tay ai người ấy chịu. Thằng bé bơm xe, bằng một động tác ma lạnh nào đấy, làm hỏng cái van. Thế là phải mua cái van chun của nó với giá cắt cổ...

Hầu như sáng nào cũng có chuyện bức mình vì những cái bất tiện. Nhưng tại sao mình vẫn yêu cuộc sống đó nhỉ, và ngày nào cũng hy vọng cho nó khá hơn, gạo bớt sạn, bớt trấu, cái trần nhà đừng đổ sụp vì bị dột nhiều quá và không phải sống chung với chuột... Còn Đức thì đi tìm những cái thuận tiện hơn, ở cái thành phố mà hầu như anh không góp vào chút công sức nào để có chỗ cho anh đặt chân hôm nay... Tôi đã tới căn phòng anh ở, đã thấy cái gì cũng tiện nghi, nhưng rồi cuộc sống yên ổn của cái thành phố tôi đã quen vẫn có một ma lực nào đấy gọi tôi về... Đức bảo

tôi xin chuyển công tác vào trong này, tốt lắm. Nhưng tôi có cảm giác mình sẽ sống không vui gì khi thiếu những cái bất tiện mà mình đã quen, thiếu cái lạnh mạnh tự nhiên mà ở thành phố Đức đang say mê ấy, thật khó tìm thấy. Phải có một thời gian dài ở cái thành phố ấy mới có được hơi thở nhịp điệu trong sáng của đời sống mà thế hệ chúng tôi vẫn quan niệm và quen biết. Có những cái không thể nào giải thích được thật.

Xe thắng một cái rất mạnh. Tôi mở đôi mắt ướt nhèm ra, nhìn thấy con sông lớn trước mặt. Một con phà đang rời bến sang bên kia. Anh phiên dịch kêu to:

– Phà Ràng rồi!

Mọi người xuống xe. Tôi hấp tấp nhìn quanh. Phà Ràng! Năm 1968, bọn Mỹ ném bom hạn chế, từ vĩ tuyến 20 trở vào, chúng nó cho được quyền ném bom. Khói lửa mù mịt bao phủ bến phà này cả ngày cả đêm. Đơn vị tôi có những đêm hy sinh tới tám người. Đứa nào cũng mù người đi vì tiếng động của máy bay, của bom, của đại bác. Có lẽ kia là cái hầm mà tôi và Cay đã ngồi đêm ấy. Cái đêm mà chúng tôi vừa sang tuổi mười bảy. Cay, cô gái nông thôn có dáng người nhẹ nhõm và khuôn mặt rất xinh, thường làm cho các chú lính đi ra đi vào phải ngoảnh lại nhìn. Cay chưa bao giờ được ăn kem. Cái bàn là quần áo là gì? Thế bôi son lên môi có ngứa không? Suốt ngày Cay làm khổ mọi người vì những câu hỏi. Nhưng Cay gan góc lắm. Bây giờ tôi hay có ý nghĩ nếu bến phà này thiếu những người như Cay, có lẽ ngày chiến thắng sẽ bị chậm đi một chút... Đêm đó, pháo sáng giặc soi rõ từng hạt cát ở bến phà. Chúng tôi đã mệt lử vì gánh đất, vì cuốc, vì san... Đợt bom B.52 mới, chúng tôi vào hầm trú. Tôi ngồi một mình, thấy Cay chạy qua, tôi gọi. Cay cười khanh khách và áp đầu vào vai tôi, báo tin:

- Mai được chén thịt lợn nhé.
- Phét, làm gì có.
- Cuộc với mày đấy. Xe tiếp phẩm về rồi, tao biết...
- Thế thì nhất. Phải đến tháng nay ăn mắm ruốc còn gì...
- Hơn ấy... Sợ quá, nghĩ đến miếng thịt lợn mà tỉnh cả người
mày ạ.

- Tại mình thức đêm nhiều thôi...

- Này, tao ngủ một tí khi nào có còi thì gọi tao nhá... Ối...

Cay kêu lên và vịn người rất kỳ quặc. Tôi ôm lấy nó, gọi. Tôi né người cho ánh pháo sáng rọi vào hầm. Một bên mặt Cay đầm đìa máu. Nó không tỉnh nữa. Khi tôi gọi được mấy đứa ở hầm bên cạnh sang, Cay đã chết. Mảnh bom bắn ở ngoài vào, trúng vào bên sườn nó, trúng trên thái dương... Đó là cái chết ám ảnh tôi nhiều nhất suốt bao nhiêu năm qua... Tôi đi lại mé đường... Có lẽ ở đây, chỗ vẫn có một hòn đá cực to nằm như hình một người đang bơi... Cay đã chết khi mười bảy tuổi với biết bao nhiêu thứ nó chưa được nếm qua, với biết bao nhiêu câu hỏi còn đọng trong đôi mắt ngây thơ của nó...

Anh chàng phiên dịch cũng đứng gần chỗ tôi. Anh ta khoanh tay nhìn sang bên kia sông. Bộ quần áo đất tiền thật hợp với thân thể khỏe mạnh cân đối của anh ta. Bỗng dưng tôi ghét cay ghét đắng cái con người có lẽ sinh ra và lớn lên trong đây đủ, sung sướng ấy... Anh ta nói tiếng Pháp rất giỏi, anh ta được học hành đầy đủ... Còn Cay thì suốt ngày thắc mắc vì chưa được ăn kem! Kem nó thế nào? Nhà tớ ở xa thị xã lắm. Tớ không đi học nên chưa được lên thị xã bao giờ, thế có chán không? Còn tàu điện nó giống cái gì? Chạy bằng điện à? Đôi mắt tròn xoe, long lanh nước của Cay làm nó như bé bỏng hơn, đáng yêu như đứa em út trong nhà.

Anh chàng phiên dịch quay lại khi nghe tiếng guốc của tôi. Một thoáng, tôi hơi sững sốt. Khuôn mặt đẹp, hơi tự mãn và trẻ trung tôi nhìn thấy từ sáng lúc này như già đi. Đôi môi mím chặt và đôi mắt anh có cái gì rất nghiêm khắc.

– Máy giờ rồi anh? – Tôi hỏi cho có chuyện.

– Đúng ngọ – Anh nhìn đồng hồ rồi lẩm bẩm – Phà với phồng. Hồi chiến tranh cũng không đến nổi tệ như thế này.

Chúng tôi chờ. Và để cho đỡ sốt ruột, tôi bắt chuyện:

– Chắc anh hay đi qua đây lắm?

– Ít thôi chị ạ. Chỉ có ngày trước, tôi đóng quân ở đây.

Tôi liếc nhìn anh. Cái quần bò Mỹ cực kỳ đẹp trong đôi chân thẳng và dài, cái đồng hồ đắt tiền như một ngọn điện trên cổ tay anh. Còn anh vẫn nhìn qua bên kia sông.

– Anh là công binh ạ?

– Không. Tôi là lính tên lửa, lính pháo...

Có lẽ thấy cái nhìn của tôi rất lạ, anh hơi mỉm cười. Khuôn mặt của anh là một khuôn mặt khó quên. Có những khuôn mặt gặp một phút thoáng qua nhưng cho đến bao nhiêu năm sau, cứ nhắm mắt lại là ta thấy nó rất rõ. Một lần, tôi và một cô bạn gái đi trên hè phố Hà Nội. Một cái xe con đi qua chậm chậm. Một người đàn ông ngồi sau xe quay lại nhìn chúng tôi. Tim tôi đột nhiên đau nhói vì ý nghĩ người thanh niên kia vừa lướt qua cuộc đời tôi nhưng không bao giờ tôi gặp lại nữa. Nó thẳng thắn, chân thành với cái nhìn như bao bọc lấy ta, ấm áp và che chở như một người anh. Cái nhìn ấy hiểu được hết những gì đang xảy ra trong ý nghĩ của ta... Trong một thoáng, tôi cố hình dung ra khuôn mặt Đức. Mắt. Mũi. Miệng và cái cười! Nhưng tôi chịu. Tôi đã quen anh trong gần mười năm. Nhưng mãi mãi tôi không nhớ được khuôn mặt ấy, mặc dù anh cũng chẳng phải mờ nhạt gì.

- Chị lạ lắm à? - Anh phiên dịch hỏi - Bọn mình có ai là không phải qua cái thời bom đạn, nhất là bọn đàn ông như tôi.

- Thế mà anh cũng kịp học tiếng Pháp giỏi thế?

- Kịp chứ. Cố lên là được...

Anh lại nhìn sang bên kia sông. Con phà đang dềnh dàng quay lại. Nhưng anh không nghĩ tới con phà. Anh nói:

- Lạ thật, chả nhìn thấy cái gì ngày trước nữa. Ai đi qua đây bây giờ cũng không tưởng tượng được ngày đó ở đây ác liệt như thế nào. Tiểu đoàn tôi phiên chế đi phiên chế lại mấy lần, thế mà tôi còn sống. Tính ra tiểu đoàn tôi đã hy sinh gần năm trăm người ở đây... Có những thằng thật hay. Các chị thì không biết được đâu. Có những thằng thật đẹp trai!

Giọng anh như có nước mắt. Anh lắc lắc cái đầu có mái tóc rất đẹp rồi gọi to anh lái xe đang rửa ráy gì dưới nước:

- Chuẩn bị xe đi mày ơi, lên trước cái Lada kia đi.

- Yên trí, tớ lên ngay đây.

- Thằng ấy nó đồ chịu thua ai đâu - Anh phiên dịch cười cười, nói như giới thiệu: - Lính lái ở Trường Sơn hồi đánh Mỹ đấy.

Chúng tôi quay lại xe. Đi qua hòn đá to, tôi định nói với anh đây là chỗ tôi và Cay ngồi lần cuối, dạo chúng tôi mười bảy tuổi đầu. Nhưng nghĩ sao tôi lại không nói nữa...

Ông già chuyên gia đang nó chuyện với những người trên chiếc Lada đậu sau xe chúng tôi. Một người đàn bà không rõ người nước nào, to béo một cách lạ kỳ nhưng cũng rất dũng mãnh, đang khoát rộng tay nói một cái gì đó. Nắng đã gay gắt. Mùi nước hoa ở chỗ họ chế ngự khủng khiếp cả một khoảng rộng trên bến phà. Cái mùi nước hoa làm người ta nôn nao như hút phải một thứ chất độc đậm đặc. Người đàn bà như từ trong cái vũng

chất độc đó, đưa cái nhìn ngạo mạn qua chúng tôi. Bất gặp cái nhìn trả lại của chúng tôi, bà ta đỏ mặt. Tôi bảo anh phiên dịch:

– Bên phương Tây họ nâng niu phụ nữ lắm, không như ở bên mình. Họ bảo phụ nữ là hoa. Nhưng anh thấy không, hoa mà thể kia thì nâng niu sao được...

Anh lái xe đã đi sau bọn tôi từ khi nào. Anh nói to:

– Thế mà nó nâng được hết, chả sao cả, chỗ có lo.

Người đàn bà, áng chừng như một người ở Bắc Âu, đoán biết chúng tôi đang nói về bà ta, bà đi vội về xe. Hai người đàn ông râu rậm, mắt xanh, đi sau cái dáng lạch bạch của bà như hai tên lính hầu. Nắng làm da dẻ của họ đỏ như bị rán chín.

Ông chuyên gia mỉm cười với tôi. Chắc ông thấy lạ vì tôi đã vất đi đâu mất bộ mặt như đưa đám từ sáng đến giờ. Anh phiên dịch lời của ông:

– Ông ta bảo chắc cô nhớ mẹ và nóng lòng về nhà lắm!

Qua bến phà. Rồi những cây cầu nhỏ xíu mà trong những năm ấy, nó là mục tiêu quan trọng của bọn phi công Mỹ. Tất cả giờ đây thanh bình, yên ổn. Thậm chí có những cây cầu giờ đã lấp đi thành đường, những cây cầu bắc qua những cái đầm nổi hai cánh đồng với nhau. Tôi im lặng nhìn ra ngoài và thấy ấm lòng, thấy mình không đơn độc với những kỷ niệm đang làm mình xao xuyến.

Anh lái xe và anh phiên dịch lại nói chuyện máy móc. Bây giờ nói về máy ghi âm và quay đĩa. Họ không nói một lời về chiến tranh và tôi khâm phục nhìn họ. Tôi biết không ai quên những gì đã trải qua đạo ấy. Nhưng họ còn trẻ. Và những gì họ trải qua chỉ có thể làm cho họ mạnh thêm thôi. Cuộc sống còn thật dài ở phía trước. Còn phải lao động, còn phải xây dựng tổ ấm, còn lo nhiều việc trên các ngã đường mà họ tới để làm việc.

Tôi lại cố gắng hình dung khuôn mặt của Đức. Mắt. Mũi. Miệng... Chịu, không thể nào nhớ được. Đức ở xa títt đâu đâu, giữa cái mớ mứt rửa bát, giữa cái Vespa, giữa cái thang máy mà anh rất thích, giữa cái dàn AKAI mà anh mở suốt ngày... ở xa títt tận đâu... Anh làm sao sánh nổi với những con người này?

Trời tối một lúc thì chúng tôi về tới Hà Nội. Tôi chia tay với những người bạn mới. Anh lái xe đưa:

– Gớm, đi một chuyến mà xách được nhiều thứ ra thế?

Tôi cười chả nói gì.

Tôi xách hai cái túi đến nhà Đức ngay. Phải gọi cổng. Phải chờ. Khu nhà im lìm cô độc. Tôi có ý nghĩ thật nhanh khi đứng chờ mở cổng: Cầu cho tai họa nào đến với căn nhà này. Cả hai cuộc chiến tranh, bằng một phép thần kỳ nào mà không một người nào trong nhà này đi ra khỏi Hà Nội? Họ cứ thế rồi lấy vợ, lấy chồng, sinh con đẻ cái và béo tốt phượng phi trong ngôi nhà này? Có một người duy nhất đi xa là Đức...

Giao các thứ cho mấy bà chị của Đức, tôi bắt họ kiểm tra từng thứ, bắt họ ghi chép và dặn dò: nhất thiết phải viết thư vào, nói với Đức là nhận đủ... Còn lại cái cặp da của tôi, một ít vải làm quà, và quần áo đi công tác. Tôi cảm thấy cái cặp cũng thở hắt ra, nhẹ nhõm. Tôi đi qua hành lang dài, tối om om. Cái gì trong nhà này cũng tối tối. Căn phòng của Đức mở cửa. Có một người lưng gù gù đang ngồi ở bàn, tôi không nhận ra ai. Một người nữa đi từ cửa vào. Đó là ông anh cả của Đức, giống hệt ông bố. Anh ta bưng cái bô nặng đi xuống cầu thang. Anh ta đi rất chậm. Ở nhà này ai cũng chậm.

Tôi bất giác đưa mắt nhìn vào phòng của Đức xem con rùa còn ở đó không? Con rùa không còn ở đó. Con rùa đã ra đi.

HÀ NỘI CÓ NHIỀU MƯA BỤI BAY

Một sáng tỉnh dậy, thấy mưa bụi lay phay ngoài khung cửa trong cái rét ngọt ngào vuốt nhẹ vào người, ta bỗng rùng mình nhận ra rằng mùa xuân đã về. Chợt một thoáng băng khuâng, một thoáng buồn. Thế là lại hết một năm. Một năm nhọc nhằn buồn vui lẫn lộn. Một ngày sao dài nặng mà một năm lại trôi qua chóng vánh đến thế. Sau mùa xuân này là tiếp đến cái gì đây? Lại nhọc nhằn trần trở hay đã có điều để say, để tin trong lòng. Có lẽ trạng thái tâm hồn chảy dạt vào vế thứ hai.

Hà Nội, Thủ đô của niềm tin và hi vọng đang đổi thay quá đổi. Chao ôi! Hãy nán chờ một con nắng phục lên mà nhìn ngắm. Cả Hà Nội đang đua nhau chiếm lĩnh chiều cao kiến trúc với đủ màu đủ vẻ khiến cho bầu trời như hẹp hơn hàng cây tưởng chừng thấp xuống và các con đường sao mỗi ngày mỗi gầy guộc dần đi thế này! Đang cù kỹ rêu phong đến đâu cũng phảng phất một thứ mùi nghèo nàn ảm đạm, nay bỗng bừng tỉnh tung phá khoảng không để tự bộc lộ khát vọng bản thể trầm tích của mình.

Lại nhớ cách đây hơn 20 năm, vào cái ngày tháng Chạp năm Bẩy Hai không thể quên ấy, người Hà Nội cũng chiếm lĩnh tâm

cao sân thượng, tầng cao nhịp cầu để bắn tỏa nhân cách và nhân phẩm lên bầu trời đầy giặc giã. Hôm nay, với cái đà trớn ấy, người Hà Nội lại vươn tới tầm cao nhà cửa để cũng bắn tỏa nhân phẩm, nhân cách vào... đời thường. Nhất thời và vĩnh cửu. Cái này làm nên cho cái kia. Hoặc ngào trộn vào nhau đến quán quện để khẳng định phong độ làm người. Làm chủ được bầu trời, làm chủ được giang sơn nhưng không làm chủ được sự sinh tồn cuộc sống thì làm chủ để làm cái gì? Người Hà Nội đã giải được cái phương trình có nhiều ẩn số ma quái đó.

Số phận những con người thật gắn bó với số phận những con đường. Đường mở ra đến đâu, sự sống con người nói nở ra đến đó. như phép thuật, như cái điều không thể tin, không thể nghĩ tới được. Ngày hôm qua, nơi này còn là bãi rác miên man xú khí. Uế oải những đôi vợ chồng nhìn nhau qua bữa qua ngày; hôm nay, một con lộ hai chiều chạy qua bát ngát hứa hẹn một vùng chế xuất phì nhiêu. Kỳ lạ thay, cũng đôi vợ chồng lam lũ ấy, mà sao đã có chiều ra dáng ông chủ, bà chủ quá thể rồi. Một thước vuông bãi rác cho không ai lấy đó, giờ đây đang leo lên đến cái giá ba cây, năm cây... ngổ ngang. Và nó sẽ còn leo nữa, chót vót như giấc mơ, con trẻ, tung hoành như hai vạn dặm đáy biển dọc ngang trong thể văn viễn tưởng.

Hà Nội đang vào cơn trở dạ. Đồng tiền vật chất lâu nay đối với kẻ sĩ và kẻ chợ Bắc Hà thật là bị bỏ quên đến tội nghiệp. Thanh lịch, Tràng An không thể cùng sống chung với sắc màu tài lộc. Tỉnh giấc mộng Nam Kha, người Hà Nội vội hối hả lao vào làm giàu. Hóa ra đồng tiền nổi lên khúc ruột. Hóa ra ở đời nghèo thì hèn. Hóa ra cái nhục mất nước ta không chịu nổi mà sao cái nhục đói nghèo con người lại chấp nhận quá ư ngon lành vậy sao? Đã khát vọng làm giàu thì phải chấp nhận đồng tiền

bao giờ cũng có hai mặt. Ta làm chủ được nó hay sẽ mù mịt làm thân nô lệ cho nó? Tất cả còn đang ở phía trước, không thể mỗi lúc mà phân định rạch ròi ra được.

Mùi no ấm hôm nay đã dần dà len vào từng căn bếp các gia đình thật xao xuyến biết bao khi sau gần hai chục năm hậu chiến, con người Hà Nội chỉ làm một việc là đánh vật với tiếng gào réo trống rỗng của chiếc dạ dày. Song cần dè chừng, cùng với mùi vị ấy, các giá trị truyền thống, các giá trị tinh thần cũng sẽ bị tan loãng đi theo...

Nhớ một thời, ai đó có việc đi xa trở về Hà Nội, vừa bước xuống sân bay quốc tế Nội Bài, bon theo con đường nhỏ hẹp trở về nội đô, lại cứ thấy lòng dạ ngậm ngùi làm sao! Nghèo quá, tầm tảo, lam lũ quá những mái nhà lụp xụp, những khúc quanh đỏ bụi những khuôn mặt lo toan vật vãnh. Thủ đô của một nước vang danh trận mạc trên toàn cầu mà lại buồn tênh như làng xã thế này ư? Thật đáng trách, thật đáng giận một cái gì đó băng quơ, không cụ thể. Để rồi hôm nay, cũng đoạn đường trở về nội thành ấy, con mắt cứ mãi nhìn, mãi ngắm sự thoát xác đổi thay đến nao lòng.

Chất xám của Thủ đô nhiều lắm. Hà Nội như cái núi Hoa Quả sơn, tu luyện xong xuống núi, dạt vào được phía Nam là thỏa sức vẫy vùng, nhưng nằm lại chân núi, đập mặt vào dây nhợ buộc trói mọi nơi, thế là thành cái anh vô tích sự, ôm các loại bằng cấp mà tối ngày chịu đói, thở ngắn than dài đến sốt ruột. Thật phúc đức làm sao, cái khoảng thời gian bao cấp ảm đạm ấy đã qua. Cơ chế thị trường từ Đại hội Đảng 6 thổi tới, Hà Nội bừng tỉnh, vùng mình tháo trói để cho cái sự tài hoa, chất xám đang nằm chất đông đó đây có dịp thi thố.

Một khách từng trải đi đây đi đó nhiều ở Sài Gòn ra, không

thể không chạp lưỡi: “Nếu tính theo đô la, dân Hà Nội thu nhập cao hơn Sài Gòn”. Thời buổi này, người Hà Nội đi công tác vào Sài Gòn trang bị thật nhẹ tênh. Đi tay không, về tay không. Thậm chí, vào một cái, xong việc lại ra ngay, chả cần một lần đi dạo phố xá. Đơn giản thôi: phố xá Hà Nội giờ đây lại có phần nhộn nhịp, lắm hàng nhiều họ hơn trong ấy. Và tuyệt vời làm sao khi phong độ đi nước ngoài lúc này cũng vậy: đi nhẹ về nhẹ, ngẩng cao đầu mà đón gió phượng xa, khỏi cần phải chúm đầu chúm cổ vào việc bán mua, đổi chác. Khi người ta không phải chạy ăn từng bữa, lập tức cái nhân cách, nhân quyền cũng tự nhiên được bảo hành.

Hà Nội có hai cái để tự hào mang tính truyền thống. Đó là cây xanh và nhan sắc con gái. Con gái Hà thành đẹp nhất nước, đẹp nhất Đông Dương, thậm chí đẹp nổi trội trên các vùng Đông Nam Á. Điều đó đã là một sự thật hiển nhiên mà những người đi nhiều đều nhận thấy. Tất nhiên là một phần do khí hậu, một phần do cái nôi văn hóa sông Hồng, nhưng phần khác lại phải chăng do đất kinh kỳ mà những người đẹp được vua chúa tuyển về hết đời này sang đời khác đã tạo ra cái giống, cái gien xinh đẹp được truyền nối tự nhiên? Chỗ nào cũng thấy người đẹp. Cái đẹp làm hoa mắt kẻ vãng lai. Sau một mùa đông ủ trong lần áo ấm, hè về, lần áo ấm được tháo ra, các cô gái thịt da bỗng trắng ngời lên như que kem, mịn màng đến nao lòng.

Song điều kỳ diệu hơn là cái nhan sắc đó lại dường như chuyển động ngược với kinh tế. Kinh tế càng đi xuống đồng tiền càng lạm phát thì nhan sắc càng đi lên, như một sự thách đố có ý nghĩa tâm linh, khó cất nghĩa. Thời nghèo, nét đẹp con gái cũng nghèo theo, cái đẹp buồn buồn, tồi tệ, mọi tâm tình hất hững vào trong, và vì thế mà tâm hồn bỗng trở nên phong phú, lãng

mạn. Phải chăng đã đẹp, cái đẹp đó ẩn giấu một chút buồn buồn lại càng quyến rũ, khiến cho con trai nảy sinh cảm hứng chỏ che bao dung. Thế còn bây giờ, khi cái ăn mặc đã tạm ổn? Nhan sắc con gái xuống cấp chẳng? Không! Vẫn đẹp, thậm chí càng đẹp nhưng là cái đẹp hướng ngoại, cái đẹp chói chang rực rỡ khiến kẻ khác giới ưa nhìn, nảy sinh ham muốn chinh phạt nhiều hơn cảm hứng mộng mơ. Đòi nó thế, được cái này mất cái kia, biết làm sao được!

Còn riêng tôi, không hiểu tại sao tôi lại cứ lẩn thẩn đi tiếc nuối cái ghế mây chằng buộc đằng sau xe con gái và chiếc hăngô cơm lúc lỉu trên ghi đông lâu nay không còn nữa. Đánh rằng nó là dấu tích của một thời bao cấp thật nhưng chính cái ghế mây dèo con đó lại bảo hành cho nhan sắc người mẹ trẻ hơn mọi giấy thông hành. Cái đẹp không ghế, cái đẹp trên xe Dream, vẫn đẹp nhưng biết cô đi về đâu? Vùng tỉnh khiết hay nơi hiện sinh, bụi bặm?

Giống như đi sau một cái dáng đẹp, chỉ mong khi vượt lên nhìn trở lại là một khuôn mặt xấu để yên tĩnh trong lòng mà đi tiếp. Còn đẹp thật thì lại thấy chạnh buồn. Cái đẹp ấy là của ai? Của người khác, đâu phải của mình.

Trong xóm tôi có một cô gái sắp đi lấy Tây. Cô gái không thật đẹp nhưng lại thật duyên và có một căn bản văn hóa vững vàng, hiện đại. Xưa nay, trong cách nhìn của người đời, cái sự đi lấy Tây cứ bị nhìn méo đi ở một khía cạnh khác, khía cạnh thực dụng khỏa lấp tình yêu. Nghèo túng quá, cứ chấp nhận làm một thứ me Tây đi là cả họ được nhờ, cuộc đời là cái quái gì mà chính chuyên giữ lấy.

Nhưng nay thì khác rồi. Cô gái xóm tôi lấy Tây không còn đồng nghĩa với lấy tiền. Một thư ký yêu một giám đốc đại diện

nước ngoài trong làn sóng đầu tư ào ạt, trong tư thế đất nước đang vào vận hội là một sự đương nhiên, vô tư và bình đẳng. Bởi vì rõ ràng buổi sáng mới thấy cô bình thản đi làm, buổi chiều đã thấy người ngoại quốc đó khăn đóng, áo the, vụng về tay bưng mâm quả đến dạm ngõ theo thủ tục bản xứ rồi. Và sáng hôm sau lại thấy cô đạp xe đến nhiệm sở, vẫn bình thản như cái chuyện dạm ngõ kia là chuyện thường tình giữa những công dân người Việt với nhau. Ung dung quá, tự tin quá: cái tư thế con gái Hà Nội hôm nay sao mà dễ thương và dễ chịu làm sao! Phải chăng cái mặc cảm nghèo hèn đã nhường chỗ cho sự tự tôn về phẩm cách khi thành phố bước vào thời kỳ khởi sắc?

Hà Nội, trái tim của cả nước đang chuyển mình êm đềm và dữ dội. Hà Nội không chỉ là Hà Nội, thành phố ngàn năm văn hiến soi mình xuống dòng sông Hồng lịch sử, nó chính là hình ảnh thu nhỏ của cả nước đang vào thời cơ mới. Con trở dạ vẫn còn đang tiếp tục, sự vật vã đau đớn vẫn chưa mấy nguôi ngoai nhưng ngoài kia trời đang lay phay mưa bụi báo mùa xuân. Gần hai mươi cái xuân đã trôi qua trên mảnh đất dày dạn bom trong quá khứ này, sau xuân bao giờ cũng chạnh buồn. Nhưng mùa xuân này lòng dạ bỗng thấy tin, thấy thư thái một cái gì đó chưa thể cảm nhận rõ ràng nhưng chắc chắn cuộc đời sẽ đẹp hơn, đất nước sẽ đi nhanh hơn đến miền hạnh phúc mà hàng triệu con người ưu tú đã ngã xuống trong hai cuộc chiến tranh đẫm máu để khát vọng có nó.

MẶT NẠ

Truyện ngắn

Họa sĩ Thiện Giá chăm chú đọc bài bút ký bộ phận hành chính vừa đánh máy xong, chuẩn bị in vào trang văn nghệ thứ bảy tuần tới. Đọc hai lần rồi mà anh vẫn chưa rút ra được ý đồ sâu sắc của tác giả để minh họa. Bút ký không rõ ràng về chủ đề chẳng? Không. Không phải là chủ đề không rõ ràng, vì đây là bút ký của một nhà văn có tầm cỡ quốc gia, từ trước tới nay qua nhiều lần minh họa bài ông ta gửi tới, Thiện Giá biết ông ta có lối viết khôn khéo, giấu chủ đề và bố cục tưởng như lơ lửng nhưng thực ra đây là khoảng hở nhà văn dành cho độc giả suy nghĩ. Bài bút ký lần này ông gửi từ Cam-pu-chia về ca ngợi một vị tướng suốt đời ở mặt trận, nhiều tài năng, lắm mưu trí, linh hoạt cơ động, sáng tạo trong chỉ huy, luôn luôn làm cho địch hoảng sợ. Gần đây được mời dự một bữa tiệc, vị tướng cảm thấy run sợ khi ngồi trước những đĩa thịt lợn thịt bò ngon lành mà người lính bình thường chỉ gặp trong chiêm bao. Chi tiết này thoáng qua trong bài viết, sẽ ít người chú ý song gây ấn tượng

ngay với Thiện Giá. Tại sao ông ta run sợ khi ngồi trước những đũa thịt nhĩ? Phải chăng ông ta liên tưởng tới những hy sinh của đồng đội những thất thiệt của nhân dân, những nhà cửa bị phá hủy, trâu bò lợn gà bị thiêu cháy? Viết như thế quá giản đơn và thô thiển về xây dựng nội tâm. Có điểm gì đó sâu sắc hơn cơ. Thiện Giá đọc lại lần nữa và anh vỗ đét vào đùi cười ha hả. Đây rồi! Đây rồi! Ông ta bị đau răng! Thiện Giá lắc lắc đầu: không, không phải đau răng. Đau răng sao có câu “hai hàm răng trắng lóa, lạnh lùng”. “Trắng lóa” bao giờ cũng song nghĩa với “tươi vui” chứ không thể đi kèm với “lạnh lùng”. “Trắng lóa, lạnh lùng”. Thôi rồi, răng giả. Mình sẽ minh họa một vị tướng hăng hái phấn khởi trước tin chiến thắng từ trận địa điện về, tay cầm ống nghe điện thoại cười hết cỡ và bất ngờ hàm răng giả tuột khỏi miệng. Bất gặp ý nhà văn rồi. Chắc ông ta sẽ sung sướng, tâm đắc với minh họa đó. Nhưng liệu tổng biên tập có chấp nhận không. Sự thể sẽ như thế nào nếu trên trang báo hàng ngày đưa minh họa một vị tướng rụng hết răng? Các vị tuyên huấn nửa mùa sẽ chụp mũ. “Anh định âm mưu gì? Nói xấu quân đội hay làm nhục cấp tướng? Cần xét lại lý lịch, quá trình công tác, thành phần xuất thân...” Chẳng sợ. Cả đời mình trong sáng như ban ngày. Mình sẽ bảo vệ đến cùng. Đây là minh họa nhằm biểu dương một con người, một thế hệ từ trẻ đến già vẫn lạc quan cống hiến hy sinh cho sự nghiệp cách mạng. Làm tướng cũng có nỗi đau riêng, cũng có người không hoàn chỉnh về nhân cách và thể lực chứ? Minh họa như thế mới bộc lộ hết nội tâm, mới là thực hiện được lời kêu gọi chuyển đổi trong nghệ thuật.

Thiện Giá định nhanh chóng phác họa những nét cơ bản, nhưng nghe ngựa ngựa ở chân chiếc răng xé hàm trên, ngỡ là tý xơ thức ăn dính vào, tiện ngồi bút sắt đang cầm trên tay anh đưa lên khay khấy. Chiếc răng lung lay và rời khỏi hàm rơi xuống

bàn vang lên một tiếng âm như tiếng rơi của quả bom nổ chậm xuyên sâu vào lòng đất, để lại lo lắng âm ỉ cho bao nhiêu người đi qua. Trời! Răng mình đã rụng rồi ư? Thiện Giá cầm chiếc răng lên xem, chiếc răng chỉ một chân còn nguyên vẹn, không sâu, không hà, không có lỗ thủng, nhưng chân răng chẳng bám vào thịt nữa. Anh về phòng ngủ tìm chiếc gương. Đứng trước gương càng giật mình khi nhìn thấy nhiều đường nhăn nheo hai bên má chạy dọc gập chạy ngang tạo thành chữ thập như vô vàn thánh giá trong nghĩa trang Thiên chúa giáo; những sợi tóc trắng to và dài hơn tóc đen, lông mũi chìa ra bạc thếch, khiếp quá. Nhìn mình cứ tưởng nhìn ai. Anh nhếch mép cười khẩy nhớ đến câu chuyện dân gian, một người ở đỉnh núi từ trẻ đến già chưa bao giờ nhìn thấy mặt mình, một hôm xuống núi thấy bóng mình, in trong nước suối, tưởng là gặp người già nào, bèn cất tiếng: cháu chào cụ ạ!

Nỗi buồn man mác lan tràn lấn át làm anh thêm khát tuổi trẻ và nhớ thời tuổi trẻ. Anh đi tới giá lấy cuốn sách dán ảnh. thật ra cũng rất ít ảnh mà là những minh họa hàng tuần được độc giả hoặc cấp trên khen, anh cắt và dán vào đó giữ làm kỷ niệm. Anh đã có hàng nghìn minh họa như thế, mở từng trang, ngắm từng minh họa sẽ biết được đất nước và quân đội ta đã đi qua nhiều chặng đường gian truân, hào hùng như thế nào. Trang đầu tiên là tấm ảnh nửa người, áo cầu vai, mũ nan lớp vải bọc lưới, cài mấy cành lá trang trí nhiều hơn là che mắt địch, tay cầm bút vẽ, khuôn mặt anh phình phính, đôi mắt xa xôi, hoài bão, tin tưởng, chinh phục mọi người. Giá là học sinh trường trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng, một trường của Nghệ Tĩnh nhưng thu nhận cả nhân tài từ Thanh Hóa vào, Bình Trị Thiên ra. Thầy giáo và học sinh rất nhiều tài hoa, nên ngoài những môn học chính còn mở ngoại khóa như âm nhạc, thể thao,

vẽ... Đêm đêm dưới ánh trăng trên con thuyền buông lơi giữa dòng sông Lam tiếng đàn ghi-ta hòa cùng tiếng hát lúc buông hồn lúc da diết, rồi bãi cát trắng xóa, Rú Hội với mùa hoa sim tím ngắt, tất cả như tách khỏi cuộc kháng chiến trường kỳ và cũng như chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Một lần vô tình đã để giọt mực rơi xuống trang giấy, Giá hý hoáy vẽ cho giọt mực thành hình mặt trời. Bạn bè xúm vào xem rồi tán tụng: cậu có hoa tay đấy. Hãy tham gia lớp học vẽ, nắm chắc lấy những điều cơ bản của hội họa. Giá học say mê đạt kết quả khá. Anh vẽ truyền thần, vẽ phong cảnh, rút ngay được đặc điểm những khuôn mặt định thể hiện. Tranh vẽ của Giá ngày càng nâng cao, càng sâu sắc, bắt nguồn từ lối thể hiện chân thực những người bình thường như bộ đội, công nhân, nhân dân lao động. Giá có lối vẽ đặc biệt hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa rung động bản thân, với bút pháp chủ động, trẻ trung. Anh thể hiện quê hương lên trang giấy, những chân trời, cá nước, rừng cây, đồi núi lô nhô, đường làng nhộn nhịp vào mùa gặt, mùa xuân, trẻ con chơi dưới gốc cây phượng, con hổ rình bắt chó, chàng thanh niên vác đại đao chém đứt cổ tên Nhật phát xít... Giá ao ước có phong cách riêng cũng như Tề Bạch Thạch, không vẽ chi tiết, ông đặt trên giấy bản một nét tưởng như chẳng là gì cả. Nhưng rồi mực thấm dần, thấm dần thành hình con tôm con cá hết sức sinh động như đang nhảy đang bơi. Nhà trường và dân làng cũng hy vọng tài năng của Giá sẽ phát triển, sẽ là ngôi sao sáng trên nền hội họa Việt Nam.

Tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ đang thời kỳ vây ép, Giá ký họa sự bạc nhược thất thế của bọn địch; tinh thần chịu đựng gian khổ, hồ hởi của quân đội ta và những nét sinh hoạt trong hào chiến đấu, anh gửi các ký họa đó lên tờ báo mặt trận. Chỉ một tuần sau ký họa của anh được in lên báo, hoặc in riêng

thành tranh cổ động, gửi khắp các đơn vị, kèm theo là quyết định của cấp trên điều anh về tòa soạn. Anh làm tất cả mọi việc cho tờ báo chóng ra, nào là trình bày, minh họa, đọc bản in thử, phát hành và có lúc còn làm cả việc viết bài lẫn biên tập. Tấm ảnh có đôi má phình phính là chụp ngày chiến thắng Điện Biên Phủ đứng trên nóc hầm tướng Đờ Cát-tơ-ri.

Tiếp quản thủ đô xong, anh được điều về một tờ báo hàng ngày. Giá lật sang trang hai lại nhìn thấy ảnh mình không đội mũ, tóc hơi quăn, đen nhánh, đen đến nhúc mắt, như lớp đàn anh trong tòa soạn hồi đó vẫn nói. Còn tấm ảnh bên cạnh là anh Trường, họa sĩ đầu tiên của báo. Trong hầm Điện Biên, Trường đã hướng dẫn cho Giá cách “mì” một trang báo, vị trí các tin, để bên phải bên trái trang hai hay trang ba, đều có ý nghĩa chính trị của nó. Anh Trường là người sống không thể hiện xúc động mãnh liệt, việc mình mình làm, thành công hay thất bại mình phải tự chịu, chứ không lớn tiếng rút kinh nghiệm hoặc kêu gọi sự giúp đỡ của người khác. Là họa sĩ kèm theo nhiều tài hoa khác như viết kịch, truyện ngắn, làm thơ, sáng tác nhạc, song anh thiếu cái miệt mài cho “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” nơi vui anh chen vào nói khó anh bỏ đi. Qua bao nhiêu thất bại, cuối cùng anh chuyển sang nghề làm các mặt hàng bán cho trẻ con. Thấy hàng bị ế, Trường định trao đổi với bố để tìm nguyên nhân, nhưng nghĩ thế không tiện, để hiểu lắm là con dạy bố, anh im lặng hý hoáy làm cái mặt hàng theo ý thích của mình. Trẻ con khoái lắm chen nhau đến mua. Cách mạng tháng Tám thành công, anh bỏ cửa hàng bán các loại mặt nạ lại cho bố, ào ạt trong tuổi trẻ thủ đô anh vẽ bằng thuốc nước, bút sắt, rồi giặc Pháp trở mặt xâm lược anh trở thành chiến sĩ Vệ quốc quân.

Ở Việt Bắc, nhiều buổi chiều hoặc những đêm rằm ngồi thẩn thờ giữa rừng với đám đàn ông, anh mơ ước được thấy cảnh trẻ

con nò đùa ríu rít đi bên bố mẹ, dùng chân trước Hàng Mã đòi mua cái này cái kia. Trở về Hà Nội cuộc sống không còn như Trường tưởng tượng, bố đã già, thất thế với sự nghiệp và ngăn ngấm cuộc đời, ông giải sầu bằng chất men. Cửa hàng treo lủng lẳng vài chục chiếc mặt nạ buồn tênh, bụi thời gian tạo thành vệt tro xám. Trường lấy vợ, một cô gái vóc dáng rất đẹp, làm mẫu tuyệt vời cho các họa sĩ, tính tình hiền hậu song lao động chân tay thì rất kém, tháo vát trong việc làm ra đồng tiền lại càng kém hơn. Sinh con đầu lòng là gái, cần phải có người nối dõi cho ông nội mừng, năm sau cô sinh thêm đứa con trai. Trường sửa sang nhà cửa, làm các mặt hàng kỳ công và hấp dẫn như thỏ, dê, hổ, sư tử, ông địa... chỉ cần bán vào trong đợt trung thu, còn những tháng khác đóng cửa, hoặc treo dăm chiếc gọi là có việc cho vợ làm. Suốt năm, đi đâu, làm gì anh cũng để ý đến bàn luận của trẻ nhỏ tìm hiểu xem chúng đang thích gì, đang ước ao gì. Những sự kiện nào vừa xảy ra trong đời sống hàng ngày của thế giới trẻ em. Anh nắm được sáng tạo ra loại mặt nạ mới, lối chơi mới. Những ngày gần trung thu, giáp tết cửa hàng của anh bao giờ cũng đông khách. Vợ bán không kịp, buổi trưa buổi tối hoặc chủ nhật anh về cởi áo quân phục thay thế vợ đứng bán hàng. Thấy anh kéo hết khách, thu nhiều tiền, các cửa hàng khác ghen ghét tức bực, dè bủ chê bai “quân đội cách mạng mà cũng say mê với đồng tiền”. Chính quyền địa phương gửi thư tới tòa soạn, yêu cầu kiểm tra giáo dục một cán bộ lại đi buôn trong khi Đảng và Nhà nước đang cải tạo thương nghiệp tư doanh, một sĩ quan mang tư tưởng bóc lột...

Bí thư đảng ủy tòa soạn gặp Trường trao đổi. Trường không nhận đó là tư tưởng bóc lột, buôn bán, mà làm công việc của mọi người trong đời thường cần phải làm, phải nuôi vợ, nuôi con. Anh vừa nói thế, bí thư đảng ủy đã cắt ngang: nuôi vợ là tư

tưởng cũ, tư tưởng tư sản, đồng chí đã chà đạp lên quyền bình đẳng nam nữ. Người phụ nữ mới là tự lao động làm ra của cải chân chính bằng hai bàn tay của mình. Đồng chí nên giáo dục vợ, cải tạo vợ, hãy dẹp quán hàng lại viết đơn xin đến một nông trường quốc doanh. Tòa soạn sẵn sàng giúp đỡ. Trường nói: vợ tôi không lao động nặng nhọc bằng chân tay được, và tôi cũng không muốn vợ làm như thế ạ. Giọng bí thư đảng ủy chì chiết: tại sao vợ anh không lao động chân tay được? Tại sao anh xây dựng gia đình với một người ăn bám? Thưa anh, cô ấy không ăn bám, cô ấy làm những việc vừa sức của cô ấy, hơn nữa sinh đẻ và nuôi hai đứa con khỏe mạnh cũng là một nhiệm vụ to lớn. Vả lại, việc gia đình tôi, tôi tự sắp xếp, có vi phạm gì đến pháp luật đâu ạ. Nghe Trường nói thế giọng bí thư đảng ủy gay gắt: không vi phạm pháp luật, nhưng vi phạm tính Đảng, đồng chí phải nhìn thẳng vào tư tưởng mình. Trường trả lời: thưa anh, nếu nói về tư tưởng thì tôi hoàn toàn trong sáng, tôi cần tiền là một nhẽ, nhưng nhẽ khác là tôi rất say mê công việc này, đây cũng là một mặt của nghệ thuật, một cách phục vụ nhân dân.

– Nghệ thuật quái gì mấy cái mặt nạ nhăng nhít kia, chỉ lừa phỉnh trẻ con thôi. Thực chất là đồng chí say mê tiền, xoay tiền. Nấp dưới cái chiêu bài nghệ thuật. Muốn tiến bộ, đồng chí hãy nghe tôi. tôi cũng không nói ý kiến cá nhân mà đây là ý kiến của Đảng, ý kiến tổ chức, nếu không nghe, đồng chí sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát.

Bánh xe lịch sử nghiền nát cuộc đời Trường hay không thì chưa rõ nhưng tổ chức đã xử lý bởi Trường hứa sẽ không mở cửa hàng nữa, song gần đến trung thu năm sau Trường thấy người xốn xang bản thân nhất là khi anh nghĩ ra mấy khuôn mặt mới muốn lấy số đông trẻ em để thăm dò, anh xin nghỉ phép ở nhà cắt xén, bôi phết. Hàng vừa bày lên, chưa kịp khô hồ trẻ con đã

ùa tới giành nhau mua, có đứa bảo ghi tên để ngày mai dừng quên nó, hay là cho nó đặt cọc tiền trước. Trong tòa soạn cũng có người dẫn con đi chơi phố Hàng Mã sắm quà trung thu, chúng bắt bố mua cho kỳ được chiếc mặt nạ kiêu mới ấy, người bố chiều con, hăm hờ tìm tới, nhưng nhác thấy bóng Trường đang thu tiền giao hàng, liềm hăm hăm quay lưng tức bực chửi đồng: đồ mất phẩm chất! Đứa bé tưởng là bố chê chiếc mặt nạ kiêu mới ấy mất phẩm chất liền giằng tay bố lại, khóc òa lên, meo máo nói: tốt nhất, đẹp nhất năm nay đây bố ạ. Đồ ngu! Không được chơi với loại ấy! Người bố quát to, làm mọi người xung quanh ngạc nhiên.

Tòa soạn bắt Trường phải làm kiểm điểm bởi như thế không những chống đối mệnh lệnh mà còn là kẻ đối trá, thoái hóa biến chất, sa ngã, bị địch lôi kéo mua chuộc, vì nghe đâu vợ Trường có người anh họ đi lính ngụy đã chạy vào miền Nam. Dư luận còn cho biết thêm, bố Trường trước kia hình như chủ tiệm nháy, mà tiệm nháy là đồng nghĩa với cô dầu, gái điếm, thuốc phiện... Trường bị kỷ luật cảnh cáo và buộc phải phục viên. Nhiều người quay lưng không muốn gặp mặt lúc chia tay, chép miệng cho rằng đời hán ta vậy là xuống dốc không phanh. Cũng có người ưu ái hơn tự phê bình là mình có lỗi không giúp đỡ đồng chí đồng đội để Trường sa vào con đường cá thể, đề nghị lãnh đạo cần rút kinh nghiệm quản lý con người.

Giá đã thay thế Trường. Suốt ngày anh làm việc ở tòa soạn, làm tám gương giản dị trong suốt liềm khiết và có kỷ luật cho mọi người noi theo. Tờ báo nào đó nhờ trình bày hoặc minh họa giúp một vài kỳ, trước khi làm anh báo cáo tổng biên tập, và tiền thù lao anh đóng góp để xây dựng tòa soạn hoặc chiêu đãi số đánh máy, liên lạc. không bao giờ dùng để tiêu riêng. Mười năm liền “ăn cơm tập thể nằm giường cá nhân”, mãi về sau may mắn là có một cô y tá xinh đẹp thấy Giá vất vả, làm việc liên tục cho

tập thể, quên cả bản thân, cô tự nguyện săn sóc Giá. Cho nên mới có cuộc tòa soạn vận động Giá lấy vợ. Ngày ra gặp chính quyền đăng ký kết hôn, anh bạn “mì” số báo đặc biệt cho kịp đưa xuống nhà in, anh nhờ một người bạn đi thay. Thấy bạn phân vân, Giá thuyết phục: “Nghe gọi tên mình, cậu bước ra cầm tờ giấy rồi về, họ có biết mặt ai đâu, cưới tập thể ấy mà”.

Giá thực sự say mê nghề nghiệp, suốt đêm ngồi trước bài bút ký truyện ngắn hoặc thơ, đọc đi đọc lại rút cho được chủ đề, nghĩa đen và nghĩa bóng, có bài phải minh họa đến chục lần, vẽ rồi lại xé, xé rồi lại vẽ. Anh hồi hộp chờ đợi sáng thứ hai giao ban toàn tòa soạn, nghe tổng biên tập nhận xét ưu khuyết điểm của các số báo trong tuần nào là tuyên truyền đã thành vệt chưa, việc tạo điển hình nhân điển hình ra sao, vấn đề thời sự trong nước và quốc tế, cuối cùng là trình và minh họa. Nghe xong anh về nằm ngửa lên giường đầu gối vào hai lòng bàn tay, các ngón đan lại, thú vị với những lời tổng biên tập khen ngợi, minh họa đã làm nổi chủ đề lên, cũng có hôm anh nằm như thế tự dằn vò vì những minh họa chưa đạt. Hơn 30 năm anh say mê với minh họa, những minh họa được khen anh cắt dán vào sách giữ làm kỷ niệm, hoặc lúc nào gặp bút ký nào đó khó hiểu, anh lại mở những minh họa cũ ra tìm sự gợi ý. Minh họa của anh quả là góp thêm sức mạnh cho quân đội, anh đã dựng minh họa thành cánh quân dũng cảm chiến đấu trên mặt trận tư tưởng. Cũng có nhiều lần tổng cục gợi ý đưa anh đi học cao đẳng mỹ thuật hoặc học trường Đảng cao cấp nhưng tòa soạn chưa tìm được người thay thế. Có ai thay thế nổi Giá khi chỉ loáng vài chục phút anh đã “mì” xong hai trang báo. Còn số mới về hý hoáy mất một ngày mà nhìn vào trang báo vẫn thấy nhiều chỗ trống, bài đặt không đúng chỗ, hơn nữa cái “gu” của anh đã in sâu vào lòng bạn đọc.

Có lần anh định đi công tác xuống đơn vị hai tháng, giao cho người khác trình bày báo, chỉ vài số thôi, thư đã gửi tới tập về hỏi người vẫn trình bày báo cũ đi đâu? Yêu cầu phải giữ anh ta lại tòa soạn, phải coi anh là một chiến sĩ xung kích trên mặt trận báo chí. Trước kia khi mới về Hà Nội, Giá cũng chỉ định công tác một vài năm rồi xin đi học cao đẳng mỹ thuật. Anh mơ ước những sáng tác có tầm cỡ ghi lại dấu ấn nào đó trong xã hội. Anh thêm muốn có phòng vẽ với muôn nghìn tia chớp sáng tạo, màu sắc lung linh đưa mình vượt qua hiện tại bay bổng trong hội họa. Nhưng anh không dám nói ra, không dám đề đạt, sợ như vậy là cá nhân chủ nghĩa. Dần dần anh tập trung vào minh họa, định vẽ cái gì thật thấu đáo, tỉ mỉ cũng trở thành minh họa, như người viết báo chuyển sang viết văn không thể nào viết nổi vì mang nhiều thói quen rút chủ đề, khái quát, ngôn ngữ ồn ào, sau này anh không có thói quen quan sát nghề nghiệp nữa mà chỉ là lưu tâm tới ý định tổng biên tập và thư ký tòa soạn. Tổng biên tập thích đường nét đậm nhạt, thích đơn giản hay cầu kỳ, thư ký tòa soạn yêu cầu có bức vẽ cổ động về mua công trái hay sinh đẻ có kế hoạch trên trang nhất, phải phác mấy nét chủ đề cho anh thế là anh hối hả bôi phết. Anh có sáng tạo cũng chỉ là sáng tạo trong cái khung, trong tầm nhìn của tổng biên tập. Nhưng như vậy cũng chẳng thua kém ai. Thử hỏi có họa sĩ nào tạo được vào thời gian không gian một vệt minh họa, một con đường minh họa có sức mạnh bằng một cánh quân như anh. Đây cũng là sáng tạo là tác phẩm là hạnh phúc của anh. Anh nâng niu, gắn bó, như gắn bó với cuộc đời của mình vậy.

Đúng tám giờ anh bước sang hội trường dự cuộc họp giao ban hàng tuần vào sáng thứ hai theo thường lệ. Những lần khác, đúng giờ này các sĩ quan đã tập trung ngồi đông đủ, quân hàm, quân hiệu sáng chói, sao hôm nay chỉ thấy mười người thuộc lớp

trẻ dưới ba mươi đang rì rầm ở cuối phòng họp, còn số đông tạo thành từng tốp dưới các gốc cây. Có chuyện gì thế nhỉ? Đặt câu hỏi nhưng Giá chẳng biết hỏi ai. Anh không có bạn thân và bạn nghề nghiệp cũng không có.

Anh ra cổng mua vài điều thuốc lá đứng hút và quan sát mặt người hối hả dưới lòng đường. Rít hơi thuốc lá, cơ thể khoan khoái, đẩy lùi những nghĩ ngợ vẩn vơ, anh trở về với mình họa vị tương rưng rưng. Đêm nay mình vẽ xong để tránh ý kiến làm nhiều vấn đề, sáng mai mình sẽ đưa thẳng cho tổng biên tập duyệt. Mình kiên quyết bảo vệ cho kỳ được minh họa này. À, sáng nay tổng biên tập sẽ nhận xét như thế nào về minh họa ở trang văn nghệ thứ bảy vừa rồi nhỉ? Mình sẽ cũng rất khám phá, rất độc đáo đấy chứ.

Giá trở lại hội trường khi mọi người đã ngồi đông đủ nhưng không nói chuyện râm ran hồ hởi như mọi lần. Tổng biên tập lật từng trang đánh máy nghiêng ngả, có lẽ là công văn hay chỉ thị gì mới gửi tới. Nhìn thấy Giá một người hỏi:

– Ô, sao cậu trông hốc hác thế?

Giá chép miệng, lắc lắc đầu:

– Mình vừa bị rưng một chiếc răng.

– Rưng răng?

Nhiều tiếng hỏi lại, giọng giật như hỏi để kiểm tra một tin thất thiệt. Hội trường lặng đi, nghe rất rõ tiếng tổng biên tập lật từng trang giấy, sau đó vang lên tiếng rìn rít, kiếng ken kết, tiếng hà hơi hình như người nào cũng đang tự kiểm tra hai hàm răng mình. Tuổi năm mươi, sáu mươi hầu hết là đại tá, hầu hết là sâu răng rưng rưng hoặc đeo răng giả nên rất sợ nói đến chuyện răng. Họ xuýt xoa vì răng, đau khổ vì răng, tệ hại vì răng, đụng đến răng là giật mình.

Tổng biên tập không nhận xét gì đến các số báo tuần qua, không nhắc gì tới chuyện làm báo, điều mà ông thích nhất từ xưa đến nay. Ông nói về tình hình đất nước, những khó khăn, những tổn thất sau hơn mười năm hòa bình nhiều hơn, nặng nề hơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Quân đội cũng là một gánh nặng của chế độ bao cấp và những năm qua, ngay tòa soạn không có gì chuyển đổi trên mặt kinh tế, anh em sống bằng đồng lương, không có kế hoạch hai, kế hoạch ba, không có nghề phụ, tất cả chỉ dốc sức vào làm báo, cố vũ cho thắng lợi của quân đội của đất nước. Cần phải tinh giản bộ máy, ở cơ quan hành chính sự vụ, giảm đến mức tối thiểu. Quân đội ta đang rất công kênh, mà sức chiến đấu không phát triển, cho nên chấp hành chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng, báo ta thực hiện nghị quyết “bốn bảy” tức là đối với những đồng chí đã đến tuổi sáu mươi hoặc không ở trong cơ chế dù chưa đến tuổi cũng sẽ nghỉ hưu. Tổng biên tập tránh bắt gặp những ánh mắt của những người ngồi phía dưới, giọng buồn buồn: Như tôi đã nói, hầu hết anh em mình không có nghề phụ, bây giờ nghỉ hưu, cuộc sống sẽ vô cùng khó khăn vì mỗi người chỉ được hưởng bảy mươi lăm phần trăm lương chính, cắt khoản trợ cấp quân đội, khoản thâm niên, hai khoản đó cộng lại bằng nửa lương. Tổng cục thông báo các cơ sở có tên sau đây biết để chuẩn bị làm các thủ tục cũng như bàn giao công việc.

Thiện Giá giật nảy người khi nghe đọc đến tên mình. Tim anh đập dồn dập, đầu óc choáng váng: Mình bị liệt vào danh sách nghỉ hưu ư? Trời ơi! Lần nào đó, biết anh muốn xin chuyển sang tạp chí Văn nghệ quân đội, tổng biên tập đã gọi lên nói: đồng chí hãy xác định nhiệm vụ là sống ở báo và chết ở báo. Anh cũng đinh ninh cuộc đời mình ổn định như thế “sống ở báo và chết ở báo”. Ấy mà giờ đây khi quân đội cần nhẹ gọn, cần phải

đạt ý định của một số người lãnh đạo nào đó, họ bảo mình nghỉ hưu, khi chưa đến tuổi nghỉ hưu. Ở cơ quan theo tuổi hành chính mình còn làm việc mười năm nữa, đó là chưa kể về mặt hoạt động nghệ thuật tuổi năm mươi mới là tuổi làm việc mạnh mẽ nhất. Mình rời khỏi quân đội với hai bàn tay trắng, không giá vẽ, không trang giấy, tất cả đồ dùng từ xưa tới nay là của tập thể, con người mình cũng của tập thể, bây giờ mình tách khỏi tập thể mang về đời sống riêng tư bằng gần nửa lương và vài lời an ủi thông cảm của tổng biên tập ư? Sao đời lại chó má thế nhỉ? Mình sẽ làm gì bây giờ, ít nhất cũng phải có số tiền bù vào chỗ lương hàng tháng bị hụt. Xin hợp đồng với tòa soạn ư? Không. Từ xưa đến nay mình làm việc ở tòa soạn là vì sự nghiệp của dân tộc của quân đội, vì vinh quang chính trị vì sự tín nhiệm của đồng chí, đồng đội chứ không phải vì tiền. Bây giờ họ không cần mình nữa, mình cũng chẳng cần bám lấy cái tòa soạn này làm gì. Mình sẽ hợp đồng với vài tòa soạn khác sẽ sáng tác, sẽ vẽ tranh. Không, không hoạt động hội họa nữa, rẻ rúng lắm, vả lại mình đã hiến cả đời cho minh họa, bây giờ người ta cần gì minh họa, người ta cần nói khác, nói mới, nói thẳng, lại càng khó hơn. Hãy vứt bỏ phần nghệ thuật trong con người mình, hãy làm lại cuộc đời một cách đơn giản hơn, nhẹ nhàng hơn, như ba mươi năm trước, anh Trường đã làm công việc chỉ dẫn vào ngày tết ngày lễ, trung thu, mình sẽ gò lưng bên vĩa hè viết câu đối, vẽ truyền thần, in lưới tranh dân gian và làm mặt nạ. Làm mặt nạ! Hay quá. Đơn giản mà lắm tiền.

Tổng biên tập còn phổ biến thêm một số công việc cụ thể để gọi là chiếu cố anh em sắp nghỉ hưu. Giá không nghe, anh đứng dậy chẳng xin phép, đi thẳng về nhà riêng. Nằm lên giường ngửa mặt nhìn trần nhà, nhìn khoảng sáng vô hình nơi anh vẫn ngẫm nghĩ, bồi hồi xúc động vì những nhận xét minh họa trong tuần

của tổng biên tập, bây giờ anh vẫn nhìn vào đó nhưng là để tìm những kiểu mặt nạ, những trò chơi trẻ con sẽ ưa thích: hổ, thỏ, sư tử, chồn, cáo, chó sói... không có mặt nạ nào anh ưa thích cả, mặt nạ nào cũng chỉ loáng loáng qua không hẳn rõ đường nét, trên khoảng sáng vô hình ấy lại cứ hiện lên khuôn mặt tổng biên tập, khuôn mặt bí thư đảng ủy, khuôn mặt các nhà lãnh đạo v.v... Tại sao họ lại đối xử với mình như thế nhỉ? Tại sao họ đối xử với anh em làm nghệ thuật như thế nhỉ? Tại chủ trương đường lối hay tại cách nghĩ cách làm một vài người có chức có quyền nhưng năng lực và tầm nhìn hạn chế. Thôi, “lo bò trắng răng, lo voi chết không có hòm”. Tại mình cả, tại mình không chuẩn bị cho mình, không tạo được tính độc lập. Trên khoảng sáng ấy lại hiện lên khuôn mặt của anh, khuôn mặt của một người tóc bạc, mặt nhiều nếp nhăn và miệng cười để hở một chiếc răng vừa rụng, và khuôn mặt của anh chuyển sang khuôn mặt của vị tướng nào đó có đôi hàm răng giả nhà văn miêu tả kín đáo và anh định minh họa. Anh lẩm nhẩm, khuôn mặt vị tướng, khuôn mặt kéo dài ra một tý đẩy phồng về phía trước một tý là thành một mặt nạ, mình sẽ làm mặt nạ kiểu ấy. Liệu trẻ con có thích không. Không thích đâu, vì đây là những khuôn mặt nhan nhản bao thế kỷ nay đồn lại ở các vị quan đứng gác trước đền chùa, được biểu diễn trên sân khấu tuồng, chèo, cải lương.

Thấy con trai đi học về anh hỏi:

– Con có biết cửa hàng bác Trường ở ngoài phố Hàng Mã không?

– Trẻ con cả Hà Nội này, không ai không biết cửa hàng bác ấy bố ạ. Máy hôm nay cửa hàng bác ấy lại càng đông, sắp đến trung thu rồi mà.

– Con cầm ra mua cho bố một mặt nạ ông địa.

Mười lăm phút sau, thằng bé đã chạy về, miệng hát vang, lấp ông địa lên mặt, hù dọa mấy cháu ở tuổi nhà trẻ. Giá xem trước xem sau bộ mặt ông địa, thấy quá giản đơn, anh chỉ làm dăm ba phút là xong. Quả là trẻ con dễ tính và người lớn lợi dụng sự dễ tính đó. Thế này mà gọi là nghệ thuật ư?

– Bố định làm mặt nạ hả bố?

– Ừ!

– Bố định làm cho ai, cho bác tổng biên tập phải không?

– Bố làm để bán. Con đưa ra chợ bán nhé!

– Hay đấy bố ạ. Bố là họa sĩ nhất định bố sẽ làm được những mặt đẹp, con sẽ đi bán, sẽ thu nhiều tiền như bác Trường về cho mẹ. Bố ơi, sáng nay mẹ vừa đi vay tiền cho con đóng gạo, đóng dầu, mẹ bảo không được nói lại với bố, để bố phục vụ cho cách mạng.

Anh lặng người đi một lúc rồi hỏi:

– Mẹ vẫn thường xuyên đi vay tiền thế à?

– Cũng phải vay luôn đấy bố ạ. Chỉ có dịp nào mua được thuốc tây, mẹ đi chích thêm ngoài giờ... Con phải đi theo đứng giữ xe đạp đấy bố ạ.

Nghe con kể chuyện, anh ngỡ như nước mắt mình sắp tràn ra. Mình như một thầy tu khổ hạnh, chỉ biết chịu đói khát để cầu lên thiên đường, không quan tâm gì đến vất vả của vợ con. Sự đau buồn ấy lại càng thôi thúc anh làm mặt nạ, anh lấy báo, quấy hồ, cắt xén, bôi phết, bên cạnh là đứa con trai riu rít nói chuyện không đầu không cuối, nhưng rất chân thực và mới mẻ.

Chín giờ đêm hai bố con mới làm xong chục chiếc mặt nạ loại ông địa. Sáng hôm sau con trai anh vác ra chợ Hàng Mã. Giá ở nhà xa vắng đi ra đi vào chẳng làm được việc gì cả, đọc một tí báo

đến chục lần rồi vẫn quên. Bốn giờ chiều thấy con trai về, trên tay không cầm gì cả, anh vội vàng hỏi:

– Bán hết rồi hả con?

– Không bán được bố ạ. À, chỉ bán được hai cái thôi. Người ta cầm lên xem, lật nghiêng lật ngửa, chê ngược chê xuôi nào là nét vẽ không ngộ, không sáng, không có chiều sâu, suýt nữa con phát cáu lên, nói: “Ông biết đếch gì mà chê, bố tôi là họa sĩ nổi tiếng của quân đội”. May quá, chê thì chê, ông ta vẫn mua, bởi vì hàng khác không còn ông địa nào cả.

– Số còn lại con gửi ở đâu?

– Con gửi bác Trường.

– Bác ấy biết con à?

– Không biết. Nhưng con giới thiệu. Nghe tên bố, bác ấy à lên, và bảo con nói với bố, bác ấy mời bố ra chơi, rồi bác ấy cầm mặt nạ ông địa của nhà ta lên vẽ thêm vài nét, thế là trông ông địa ngộ hẳn lên bố ạ.

– Con cứ yên tâm, ngày đầu bán được hai chiếc là giỏi rồi, bố sẽ nghiên cứu làm thêm nhiều mặt nạ khác. Cơm canh nguội hết, chắc con đói lắm, bắc lên bếp cho nóng rồi hãy ăn.

Giá lẽ thừng đi dưới những hàng cây, gió mùa thu nhẹ thổi, cố gắng lật những chiếc lá sấu nhỏ nhoi, Khoảng mười phút sau anh đã tới Hàng Mã. Chỉ cách vài đường phố mà sự sống ở đây náo nhiệt tươi tắn hẳn lên, tiếng trống, tiếng sừng nhựa, tia lửa, tia nước vút lóe lên trời, trẻ con người lớn chen chúc vui vẻ. Thế giới không còn là bảy sắc cầu vồng nữa, mà muôn nghìn màu sắc hòa cùng ánh sáng âm thanh, tài nghệ lắm mới chớp được, pha màu ghi lại trên mặt giấy cảnh sinh hoạt này. Anh kéo mũ sụp xuống che nửa vầng trán, đi tới cửa hàng anh Trường, nấp sau bóng tối nhập nhòa quan sát. Trường đứng đó rồi rít

trước đám trẻ con: Bác đưa cháu chiếc mặt nạ này! Chiếc mặt nạ kia! À, Phăng-tô-mát. Con trâu có hoa! Hạ một chiếc mặt nạ xuống bàn, Trường lại lấy chiếc gậy treo chiếc mặt nạ khác lên. Có cháu mua một chiếc rồi lại đăm đăm nhìn lên mặt nạ Tôn Ngộ Không đang nhếch mép cười như phát ra tiếng khếch khếch, đòi mua, người bố giằng tay kéo đi với lời quát: dành tiền mua kẹo cao su nữa chứ! Trường hỗ trợ: ở đây không bán hai mặt nạ cho một người đâu cháu ơi. Về đi, sang năm mua mặt nạ khác. Trường đùa với cháu này nói vui với cháu kia, không phải anh bán hàng mà anh đang hoạt động một mặt nào đó tâm đắc của nghề nghiệp. Có ba cháu đến hỏi giá chiếc mặt nạ loại mới, chẳng đại diện cho tầng lớp nào, không giống người mà cũng không giống đười ươi, rất hài hước.

– Một trăm đồng đấy cháu ạ.

Nghe Trường nói thế, một cháu hỏi:

– Đúng giá bao nhiêu ạ?

– Giá thấp nhất rồi đấy. Tính đầu vào đầu ra bán một trăm đồng là bác chỉ lãi năm đồng đến mười đồng thôi.

Ba cháu thì thầm với nhau:

– Rẻ hơn cửa hàng bên kia nhiều.

– Cái chính là đẹp hơn.

– Cái chính là chúng ta không đủ một trăm.

– Thôi về xin thêm tiền bố mẹ, ngày mai ra mua.

Ba cháu lùì ra ngoài.

– Này, sao các cháu không mua. Mặt hàng mới đấy, bác phải mất hai năm suy nghĩ.

– Vâng, chúng cháu cũng biết là mặt hàng mới, nhưng chúng cháu chưa đủ tiền.

- Được bao nhiêu.
- Sáu chục thôi bác ạ!
- Sau chục bác cũng bán.
- Nhưng mà sợ bác thiệt, vì lúc này bác nói mỗi chiếc này bác chỉ lãi từ năm đến mười đồng thôi. Hay là bác cho chúng cháu nợ bốn chục, sáng mai chúng cháu trả.

- Trường hợp này không thể tính thiệt hơn lỗ lãi. Đêm nay các cháu có trò chơi vui là phần thưởng quý giá đối với bác rồi. Chẳng bắt các cháu nợ đâu. Thôi đưa bác năm chục, còn một chục để các cháu mua táo.

Khi trẻ con đã thưa thưa, Trường nhìn ra ngoài hỏi:

- Này anh bạn, cửa hàng tôi không có mặt nạ nào đáng giá để anh bạn mua cho con à?

Giá chưa kịp trả lời, Trường đã reo lên:

- Ai như chú Giá? Ồ, chú Giá. Vào đây. Vào đây đã lâu lắm rồi anh em mình không gặp nhau. Chú rút vào túi cái khoản tiền này đã. Thằng con nhà chú thế mà nhớn tướng, chắc lại phóc đi đâu chơi rồi, khôn lắm, nó gửi mình bán giúp mặt nạ. Bán hết rồi. Anh vẫn theo dõi chú mày, khá đấy, mình họa nào cũng độc đáo, cũng rút được chủ đề. Bây giờ có lẽ không ghi tên tác giả, bạn đọc cũng nhận ra mình họa của chú mày. Gây được ấn tượng, tạo được vệt sáng thế là giỏi.

- Em nghỉ việc và chuẩn bị về hưu rồi anh ạ.

- Sao? Đã về hưu rồi à? Ừ, cũng ba mươi năm trong nghề đấy nhỉ? Nhưng cậu đang phát triển, đang đi lên cơ mà?

- Họ không nghĩ đến phát triển, nghĩ đến đi lên mà chỉ nghĩ đến chấp hành nghị quyết. Em định tìm nghề làm thêm, chứ nhìn vào lương hưu sống sao nổi.

– Ấy, đừng đổ lỗi cho ai cả, mình phải chịu trách nhiệm về mình là chính chứ. Chú mày hãy nhận hợp đồng với tờ báo nào đó.

– Em chỉ quen mình họa. Bây giờ các báo họ cũng không chú ý đến mình họa nữa. Họ cần những câu những bài lột hẳn vấn đề ra, còn tham gia các công trình hội họa khác, đòi hỏi mẫn, màu sắc, tính độc đáo em không còn đủ năng lực và tinh thần khám phá, em đi theo lối mòn xa quá, xa đến hết cả đòi người. Em định làm mặt nạ.

– Được đấy. Nhưng mặt nạ cũng không phải dễ làm đâu. Nói cách khác làm ra mặt nạ thì dễ, nhưng làm cho người ưa thích quả là vô cùng khó.

– Đúng thế. Em đã làm một số đúng mẫu của anh mà bán không chạy.

– Mặt nạ của chú mày làm không thể nào giống mặt nạ của anh mà. Bởi vì chú mày không truyền được cái “thần” vào từng mặt nạ, mặt nạ chú mày làm không có hồn. Anh đã đi suốt cuộc đời với mấy cái mặt nạ. Chú mày tưởng làm qua loa cho trẻ con chơi mấy ngày là xong thôi đấy à? Không đâu. Trước hết phải hiểu thế nào là mặt nạ. Trong cuộc đời chúng ta, quen biết gặp gỡ hàng vạn người cũng như bắt gặp hàng trăm con vật, nhưng chúng ta chỉ sống lâu dài với dăm ba khuôn mặt thôi. Những khuôn mặt khác thoáng gặp, đầy cảm tình đầy vui thích loáng cái đã vụt qua để lại trong sự nuối tiếc. Muốn giữ khuôn mặt thoáng gặp đó và để phổ biến cho nhiều người đồng cảm, đời trước chúng ta, tiền bối chúng ta đã nghĩ ra cách làm mặt nạ, chơi mặt nạ. Không phải riêng ta mà các nước trên thế giới đều chơi mặt nạ, có nước còn đưa mặt nạ lên sân khấu diễn kịch. Mặt nạ bao giờ cũng mang nét hài hước hoặc bi hài, mặt nạ năm

nào phải gắn liền với lịch sử năm đó. Anh hiểu thế, anh nghĩ thế và anh làm thế nên mặt nạ anh làm năm nào bán cũng đầy khách tới mua.

Ví như mặt nạ con trâu có hoa trên trán kia, chú mày có nhớ sự tích từ đâu không nào?

Giá lác đầu.

– Từ minh họa của chú mày ra đấy, kể về bọn Mỹ đổ quân xuống Quảng Trị, đốt cháy nhà cửa giết người, bắt trâu bò. Một con trâu đã dùng sừng húc vào bụng thằng Mỹ và tỳ thằng Mỹ vào tảng đá. Bọn Mỹ bắn chết con trâu vẫn không lấy được xác thằng Mỹ ra, vì toàn thân con trâu tỳ chặt thằng Mỹ vào tảng đá. cuối cùng chúng phải dùng dao chặt ngang đầu con trâu. Anh đọc câu chuyện ấy trên báo Quân đội và càng xúc động hơn khi xem minh họa của chú mày, một minh họa ấy thành mặt nạ trung thu là con trâu có hoa. Trẻ con thích lắm. Con vật mà cũng biết phải trái, biết phân biệt thù bạn, có lòng yêu thương và căm ghét. Mấy chục năm nay anh chuyên nghiên cứu mặt nạ. Hầu như cả Hà Nội này, nhà nào cũng có một hai chiếc mặt nạ do anh làm.

– Nhưng em thấy có số mặt nạ treo trên kia chẳng cháu nào hỏi đến cả.

– Đấy là mặt nạ buồn. Khi làm mặt nạ tâm trạng cũng phải phấn khởi, sức khỏe phải dồi dào, không nhức răng đau bụng, có thể mặt nạ mới hề, mới kịch. Mấy cái kia anh làm trong khi đang có chuyện phân tán. Tuy vậy cũng không ế đâu, vì vẫn có những ông bà bố mẹ ngu xuẩn chẳng hiểu gì con cái, thấy rẻ là mua, áp đặt bắt buộc con chơi mặc cho mặt nó phụng phịu. Gần đây anh tìm ra một số mặt nạ mới, nhưng đã đến cái tuổi nghĩ nhiều làm ít. Hai cháu, một đứa đi nghiên cứu sinh nước ngoài,

một làm cán bộ hải quan bận bịu suốt ngày, thành ra không có người cùng làm, mà nghỉ thì anh thấy buồn quá, không phải buồn vì thiếu tiền, bây giờ anh chẳng cần nhiều tiền làm gì, càng già càng không cần tiền, chỉ cần niềm vui và sức khỏe. Cần vị trí đứng, dù là đứng ở vỉa hè hoặc ngoài chợ. Không phải anh buồn mà các cháu là khách hàng cũng buồn. Năm kia anh nghỉ một mùa thu để vào thăm một người bà con ở thành phố Hồ Chí Minh, vậy mà các cháu ở Hà Nội xôn xao hẳn lên, đến thăm hỏi, tưởng là anh đi bệnh viện hoặc chết rồi. Năm sau chúng ủa đến vây quanh cửa hàng, anh vui vẻ như gặp lại người thân.

– Nghe anh kể, em thấy anh yêu nghề nghiệp quá, anh sung sướng quá!

– Đúng thế chú mày ạ. Đời anh tạo được một vệt yêu thương trong các cháu là anh mừng lắm rồi. Hay là thế này, chú mày đến đây làm với anh. Chú mày nghỉ hưu nhưng sức còn khỏe, anh tin rằng chỉ ít lâu là chú mày giỏi hơn anh. Đến đây làm, vốn anh bỏ ra, lãi chia đôi, sòng phẳng. Hợp tác tới lúc nào chú mày đủ vốn liếng mở được cửa hàng riêng, sẽ tách ra, lúc đó anh cũng nghỉ. Anh rất tin chú mày sẽ tạo ra được những mặt nạ hài hước nhiều người ưa thích, như trước đây anh đã tin khi bàn giao việc trình bày báo cho chú mày và chú mày đã tạo được vệt mình họa sắc sảo. Nghề nghiệp chúng mình có tâm hồn của người lính chú mày ạ, nghĩa là khi người vác lá cờ xông lên đồn địch, ngã xuống, họ sung sướng khi thấy chú mày thay thế anh, tạo vệt sáng giữa Hàng Mã.

Các cửa hàng khác trong phố đã đóng cửa từ lâu hai người vẫn còn ngồi đàm đạo về những chiếc mặt nạ, về cuộc đời. Giá hăm hở, say mê thu nhận mọi kiến thức, say mê hơn cái thời được Trường truyền đạt cho cách trình bày tờ báo, bởi vì hồi ấy

say mê lý tưởng chung chung và phía trước đối với người người hai mươi tuổi là còn dài và vô tận là đủ sức làm lại tất cả, lật đổ tất cả, còn bây giờ tuổi đã năm mươi, phía trước rất ngắn, đã rất ngắn mà lại trống trải, mất phương hướng, mất niềm tin thì thời gian phía trước càng ngắn hơn. Nhưng có người trao cho phương hướng, cho mình niềm tin “phù suy chứ không phù thịnh” thì quả là một sự cứu vớt nhân bản hoàn toàn. Chia tay nhau, Trường nhắc đi nhắc lại:

– Mai ra nhé! Cứ ra đây ngồi chơi. Ngồi ngắm lũ trẻ, phát hiện niềm vui trên khuôn mặt chúng, khi chúng nhìn thấy chiếc mặt nạ ưa thích. Không khí ấy sẽ làm cho chú mày nở phổi, mất hết lo âu mệt mỏi và hằng hái yêu đời như tuổi hai mươi. Tình yêu đối với tuổi hai mươi, hay bảy mươi cũng đều mới mẻ, xúc động và mãnh liệt.

Không hiểu do thức quá khuya hay tìm được hướng đi mới trong cuộc đời, đã làm Giá không ngủ được, thêm phần thao thức khác chen lẫn kéo về, đặt câu hỏi về tình bạn, đồng chí, đồng đội đồng nghiệp lắm lúc phồng lên như bọt bong bóng xà phòng, trẻ con thường thổi tung theo gió rực rỡ màu sắc rồi tan vỡ, vì một va vấp rất nhẹ. Đời sẽ hết sức vô nghĩa hết sức bi thảm nếu Giá không tìm lại được Trường, không bước ra mặt phố Hàng Mã, không thay đổi cách nghĩ, vẫn giữ cách nghĩ cũ là nơi đó có một họa sĩ, một cán bộ cách mạng, một Đảng viên thoái hóa, biến chất, đang bị lịch sử nghiền nát, mình phải tránh xa, như tránh bệnh hủi... cho đến lúc vừa chớp mắt là mộng mị kéo đến, anh thấy quanh mình toàn đầu trâu mặt ngựa, hổ, sư tử, voi, khỉ, thỏ, lợn... hàng chục loài thú vây quanh anh, anh hoảng quá định chạy trốn nhưng chúng giữ lại, quanh thành vòng tròn nhảy múa quanh anh, những điệu nhảy mới hiện đại, lúc chan chát, lúc bi bút, lúc êm dịu... Buổi nhảy tạm dừng, chúng quay

sang sắn sọc anh, chúng làm tóc anh đen lại, chúng làm chiếc răng rụng mọc lên, chúng gỡ giúp những lo lắng, băn khoăn, sầu não. Tiếng nói đầu đây: anh ơi, anh hãy nối tiếp công việc của bác Trường. Bác ấy sắp nghỉ rồi, chúng em không còn hấp dẫn với các cháu nhỏ nữa. Phải có người kế tiếp, hiểu chúng em, tôn trọng đặc điểm của chúng em. Lợn ra lợn, sư tử ra sư tử... Tất cả những sinh động ấy chợt im phăng phắc như hóa đá. Cái gì thế nhỉ? Cái gì đã làm lũ mặt nạ đang vui vẻ, hoảng sợ, im phăng phắc? Ô, kia rồi, từ xa một mặt người đang đi tới. Ai nhỉ trông quen quá. Mặt người trang nghiêm lạnh lùng và ra vẻ chân tình bắt tay Giá rồi hỏi: cậu không nhận ra mình à? Không. Tôi không nhớ anh. Lâu rồi tôi chỉ chú ý đến mặt thú để làm mặt nạ phục vụ trẻ con, phục vụ con người và kiếm sống. Hình như anh ở toàn soạn và đã cùng minh họa với tôi trên các trang báo phải không? Mặt người kia lắc lắc. À, anh ở tuyên huấn, hay thi đua? Không phải!

Vậy thì ai? Khuôn mặt này trông khác lắm nhưng quen lắm. Đầu óc Giá phiêu diêu, tâm hồn Giá chấp choạng tìm kiếm, một khuôn mặt độ mười cân thôi mà có sức nặng vạn cân và cũng nhẹ độ vài chục gram, nhẹ đến mức gần như vô hình. Tiếng nói của mặt người kia đưa Giá ra khỏi phiêu diêu, trở về thực tại, và Giá nhận ra mặt người đó là ai, đang công tác ở đâu, có quyền thế gì. “Chúng tôi đã nhận được đề nghị của tổng biên tập cho đồng chí về hưu, nhưng chúng tôi không đồng ý. Đồng chí là người tài năng, đặc biệt là tài minh họa. Chúng tôi ra nghị quyết...”

Cắt ngang lời người kia đang nói, Giá thét lên:

– Thôi, đủ rồi. Tôi không minh họa nữa. Vứt cha cái nghị quyết của các anh đi. Muốn ra lúc nào thì ra, muốn phế lúc nào thì phế.

Đứa con trai nghe bố ú ớ nói mê liền đập đập vào vai. Anh vùng dậy, trống ngực đánh thình thình, người toát mồ hôi, lo sợ, hoảng hốt. Mình đã nói gì thế nhỉ? Đã mất ai thế? Trời ơi, sao mình dám đụng đến nghị quyết. Anh đưa mắt ngơ ngác, nhìn quanh, thở phào, sung sướng, tất cả chỉ là giấc mơ, không có mặt người nào cả. Mừng quá, trước mắt chỉ có đứa con thân yêu, đã kịp kéo anh ra khỏi ác mộng. Ngoài kia nắng buổi sớm của trung tuần tháng tám âm lịch trải xuống lòng đường với vô số trẻ em cầm đồ chơi trên tay. Anh ao ước một ngày nào đó, công trình của anh kết hợp với anh Trường sẽ thành vệt trung thu trên đường phố cũng như trong mọi gia đình. Anh vui quá cười hết cỡ, và lúc ấy đứa con chợt reo lên:

– Ô, bố rụng mất một chiếc răng, rụng từ bao giờ thế, trông ngộ quá!

– Ngộ lắm hử con? – Trong câu hỏi ấy, anh bắt gặp một ý nghĩ mới. Đối với trẻ con, tất cả đều ngộ nghĩnh và vui vẻ. Mình có trách nhiệm không được gieo nỗi buồn cho thế hệ kế tiếp, mặc dầu đời mình đã rất buồn.

22-2-1988

LÊ PHƯƠNG LIÊN

MƯA XUÂN HỒ GƯƠM

Truyện ngắn

Đó là một buổi sáng, mưa như bụi rắc trên con đường ven bờ hồ Hoàn Kiếm. Có một người đàn ông tóc đã bạc trắng đi lững thững một mình. Đó là một người nhàn rỗi, một người nhớ tàu nhớ xe? Hay là một người không có việc gì làm trên đời. Ông ta đi nhẹ nhàng như lướt trên đường.

Có lẽ hình hài ông ta quá gầy đến mức gió thổi bay được. Vẻ mặt rất vô tư thơ thối, miệng ông khẽ huýt sáo theo một giai điệu giông giống bài hát có câu: “Hà Nội ơi tươi xanh màu áo học trò...”.

Có hai mẹ con đi chơi lướt qua bên ông. Cô bé chừng bảy, tám tuổi đi đôi giày nhỏ. Chắc mãi nhìn lên ngọn Tháp Bút nên bước đi của cô bé làm bắn những giọt nước mưa vào áo khoác của người đàn ông nọ. Hai mẹ con dừng chân lại. Cô bé đỏ mặt:

– Cháu xin lỗi bác.

Người đàn ông khẽ vẫy tay:

– Ô, không sao, ba mươi năm nay tôi mới được hưởng chút mưa xuân này.

Lúc ấy ông đưa bàn tay gầy xanh ra hứng lấy những giọt nước mưa. Người phụ nữ cũng cảm nhận những giọt nước mưa đang chạm nhẹ lên đôi má khô héo của mình. Có lẽ những giọt nước mưa ấy không chỉ chạm tới làn da chị mà còn chạm tới cả tâm hồn chị.

Người mẹ khẽ cúi đầu. Đó là một người đàn bà đứng tuổi, nhiều tuổi hơn cái mức người ta nghĩ: chị lại có đứa con gái bé thế kia? Nhưng đó là hai mẹ con thật. Nhìn cô bé người ta có thể hình dung ra người mẹ lúc chị ở tuổi ấu thơ. Có thể cô bé ngày xưa hiền hơn, buồn hơn. Còn cô bé bây giờ lanh lợi xinh tươi, táo bạo. Nó đang dặt tay mẹ nó đi: “Mẹ ơi, con thấy Tháp Bút rồi, mẹ chỉ cho con Đài Nghiên. Đài Nghiên ở đâu hả mẹ?”

– Đài Nghiên ấy à, ở... ở... chỗ...

Người mẹ lúng túng. Chị không biết ở đâu cả... Thực ra chị cũng chẳng có ý định gì với cuộc đi chơi hôm nay. Chỉ vì suốt ngày thứ bảy vừa qua, chị đánh vật với cái máy vi tính. Mười ngón tay khô cứng lằn mò trên bàn phím, mắt căng ra theo dõi một trang web trên internet. Sự căng thẳng tột độ khiến chị muốn thư giãn. Con bé con đòi đi chơi, thế là đi chơi...

Chị nói với con:

– Có lẽ Đài Nghiên ở trong đền Ngọc Sơn con ạ. Hai mẹ con mình vào đền đi.

Người mẹ có vẻ ngẫm nghĩ: “Chỉ nghe nói rằng, mỗi khi ánh mặt trời từ đằng đông chiếu rọi thì bóng của ngọn Tháp Bút bao giờ cũng chấm đúng vào giữa Đài Nghiên”.

Bóng hai mẹ con thấp thoáng đi trên cầu Thê Húc. Người đàn ông vật vờ đi theo họ. Có lẽ vì ông thấy hai mẹ con có cái gì

lạ chăng? Thật ra họ rất bình thường. Trời rét, họ mặc những cái áo jacket may theo lối châu Âu và được bày bán ở những hiệu có kẻ chữ “Đại hạ giá”. Có thể cho rằng người mẹ là một người có con mắt thẩm mỹ “lỗi mốt”. Hoặc có một đoạn dài ở tuổi thanh xuân chị đã sống quá nghèo nàn. Giờ đây khát vọng thẩm mỹ của chị đang hồi sinh. Giống như một cành cây khô trụi trụi đang hé ra một mầm xanh bé nhỏ. Chị ngắm nghía mầm xanh ấy và tự hỏi: Thẩm mỹ của mình rồi sẽ hồi sinh theo hướng nào đây? Về mặt người mẹ dăm chiêu như gió mùa đông trên đôi má chị. Còn cô bé đang đi bên mẹ và mặc tấm áo rẻ tiền ấy có một vẻ mặt đáng yêu ngời sáng lên như một mầm xanh, như một nụ hoa, như một tiên đồng.

Hai mẹ con đi vào đền Ngọc Sơn, họ thấp hương và lễ ở chính điện. Người mẹ dạy con lễ. Đôi bàn tay bé nhỏ với những ngón tay xinh xắn chấp lại thật nét na. Họ vào lễ Đức thánh Trần uy nghi lẫm liệt phảng phất trong bóng khói hương bay. Ở ngoài cổng đền có một vế đối của cụ Phương Đình Nguyễn Văn Siêu đại ý là: “Nơi đây là nơi cõi trần và cõi tiên gặp nhau”. Người mẹ nghĩ thế là nghĩ nôm na và để giải thích lại cho con nghe cái ý của chữ các cụ để lại. Chữ các cụ ngày xưa thì sâu xa lắm. Nhưng tuổi thơ thì hiểu theo lối tuổi thơ cũng không sao.

Người mẹ đưa con ra đứng ở lối sau đền nơi có nhiều bóng cây râm mát cho tan bớt khói hương ngút ngàn. Tâm hồn hai mẹ con chắc vẫn bồng bênh. Người mẹ nói khẽ với con: “Hồi bé bằng con mẹ đã đến đây với bà ngoại. Cũng vào một buổi sáng mùa xuân như thế này. Mẹ đã trông thấy vua Lý Thái tổ đấy, con à”

– Vua Lý Thái Tổ như thế nào hả mẹ?

– Mẹ không nhớ rõ vì hồi ấy còn bé quá. Mẹ chỉ nhớ bồng nhiên những cái lá đa và rễ đa lay động, gió thổi ào ào, lá khô

bay mù mịt, nhà vua cầm kiếm sáng lờ mờ như một tia chớp vụt bay từ phía sông Hồng tới... Tuổi thơ của mẹ có chiến tranh, có rất nhiều buổi trưa trời không mưa mà sấm chớp nổ ầm ầm, có cả những đêm bầu trời đỏ rực lên như mây đã bị đốt cháy...

– Còn bây giờ thì hòa bình, mẹ nhỉ. Buổi trưa thì bầu trời trong xanh và đêm thì bầu trời đầy sao và trăng lặng lẽ.

Hai mẹ con im lặng, đứng nép bên nhau, nhìn xuống làn nước xanh phẳng lặng, như nghìn năm nay làn nước xanh đó vẫn phẳng lặng.

Sực nhớ ra điều gì, cô bé hỏi:

– Nhưng Đài Nghiên ở đâu mẹ không biết à?

– Ừ nhỉ,... – Người mẹ lúng túng ngó xung quanh. Chị bước những bước chân thẩn thờ...

Từ lúc này người đàn ông vẫn đi theo hai mẹ con, bây giờ ông ta bước lại gần và nói:

– Đi theo tôi, tôi chỉ cho chỗ Đài Nghiên.

Hai mẹ con ngạc nhiên nhìn ông ta. Trông vẻ mặt ông ta rạng rỡ hơn lúc ban đầu mới gặp. Dáng đi của ông ta có vẻ vững vàng chắc chắn lắm khiến hai mẹ con muốn đi theo. Ánh mắt và nụ cười của ông ta khiến người ta có thể nhận ra một cậu thiếu niên năm xưa. Chắc là nghịch ngợm, chắc là hóm hỉnh hay đùa. Một người cởi mở và dễ làm quen.

Họ cùng đi ra cổng đền, cùng đứng đọc những câu đối đã được phiên âm. Rồi, họ đi lên cầu Thê Húc. Gió nhẹ và mưa xuân thuần khiết bay.

Cô bé học trò lớp hai ríu rít nói chuyện với người đàn ông nọ.

– Bác ạ, hôm nay được đi lễ chùa cháu thích lắm. Còn bác, bác có mê tín không?

Người đàn ông mỉm cười, nhìn cô bé bằng một cặp mắt yêu thương đến khó tả.

– Hôm nay bác đi lễ chùa là để được nhìn được ngắm, được hưởng mưa xuân. Cháu có biết Nguyễn Du là ai không?

Đột ngột hỏi như vậy, người đàn ông nheo mắt lại có vẻ cảm chắc cô bé kia sẽ thua cuộc.

– Cháu biết ạ, đó là người viết hai câu thơ “*Dưới cầu nước chảy trong veo. Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*”.

– Sao cháu biết?

– Dạ, ở trong sách tiếng Việt lớp 1 có mà.

– Tuyệt!

Người đàn ông cười hà hà và nói:

– Bây giờ bác đọc cho cháu nghe câu này nhé: “Lúc bác đầu được thấy Thăng Long’ cũng của cụ Nguyễn Du đấy.

– Nghĩa là thế nào hở bác?

– Nghĩa là kia kìa! Đài Nghiên đấy!

Cô bé ngửng lên. Bầu trời trong xanh ẩn hiện những đám mây bay như khói phủ. Đài Nghiên đâu? Tán lá của những bóng cây cổ thụ xào xạc trong không trung. Đài nghiên đâu? Lối cổng vào cầu Thê Húc, hai cánh cửa sơn đỏ đang mở rộng đón đợi cả ngàn trận gió thổi qua. Đài Nghiên đâu? Kia trên đỉnh cổng có con cóc đội một phiến đá từng trải dãi dầu mưa gió rêu phong. Đài Nghiên đó ư? Cô bé thẳng thốt nắm lấy tay mẹ. Nó thì thầm nói với mẹ: “Con sẽ viết đẹp mẹ ạ”

Giây phút ấy người mẹ rung động thâm sâu, y như ngày chị đã nhận những cái đập thâm của nó trong bụng mẹ.

Ngay lúc đó, hai mẹ con quay lại để cảm ơn người đàn ông nọ. Thì lạ thay họ không thấy ông ta đâu cả. Ông ta như đã biến mất

trong những người vãn cảnh đang đi ra đi vào đền Ngọc Sơn.

Người mẹ như ngẩn ngơ nhớ đến mấy chữ “Ba mươi năm qua... Ba mươi năm qua tôi mới được hưởng chút mưa xuân này...” là sao? Chị định thần nhớ lại dáng người đàn ông đó... và chị lại nhớ ra bóng dáng một thanh niên. Một người mặc áo mầu xanh lá cây, đội mũ xanh lá cây. Một người đi trên con đê sông Hồng, xanh mướt màu cỏ trong mưa xuân. Người ấy vẫy cái mũ mầu xanh lá cây và hẹn một ngày xuân sẽ trở về...” Chúng mình sẽ đi chơi và chụp ảnh bên Tháp Bút”...

Cô bé lắc tay mẹ: “Mẹ ơi, mẹ nghĩ gì đấy. Có phải mẹ nghĩ đến cái bác lúc nãy không?”

– Đúng con ạ... Mẹ thấy bác ấy giống một người bạn học cũ của mẹ. Một người viết rất đẹp... Nhưng, là một... liệt sĩ... Chẳng lẽ nơi này ta có thể gặp người tiên?

Lúc ấy gió thổi mạnh hơn và những lá liễu bên hồ tung bay trong gió. Người mẹ ngượng ngùng nắm lấy vạt áo tung bay của mình... Nét mặt chị ửng đỏ như vừa gặp một cơn gió hạnh phúc.

Người mẹ lại nghĩ đến màn hình internet, mọi khoảng cách địa lý dường như đã bị xóa mờ... một thế giới ảo... những cuộc gặp gỡ ảo... Còn cô bé con, nó lại nghĩ đến trang vở trắng tinh, nó sẽ viết vào đấy những chữ thật như tâm hồn nó...

Mưa xuân rơi, mờ dần hình bóng hai mẹ con...

Tháng 4/2000

ÂM THANH HÀ NỘI

Từ thuở ấu thơ, tôi tắm mình trong những âm thanh dịu ngọt, ru tôi vào đời: tiếng mẹ âu ơ, tiếng vông đưa kéo kệt trưa hè... Lớn lên, đó là tiếng đàn bầu thánh thót như rót vào lòng một nỗi niềm sâu lắng, là tiếng sóng Hồ Tây lao xao vỗ nhẹ mạn thuyền trong chiều vàng nắng, có tiếng nàng dịu dàng như gió thoảng bên tai. Song, ấn tượng sâu đậm nhất trong suốt tuổi thơ tôi đến tận bây giờ là tiếng tàu điện leng keng, tiếng chổi tre chị lao công quét rác, tiếng ông lão lãnh lót “phá sa” trong đêm khuya thanh vắng.

Ngày ấy, nhà tôi ở phố Tôn Đức. Một phố nhỏ yên tĩnh đến lạ lùng. Tiếng ve gọi hè da diết. Hàng cây xanh sum suê tỏa bóng mát xuống mặt đường và những ngôi nhà rêu phong. Đêm khuya, chỉ có tiếng gió và ánh điện vàng hiu hắt. Cuối thu trời se lạnh. Nằm cuộn tròn trong chăn ấm. Có tiếng ông lão bán lạc rang quen thuộc văng vẳng cất lên từ đầu phố. Một thứ âm thanh vang, trong kéo theo những âm cuối cùng của nó lan tỏa như réo rắt, như mời gọi, như thấm vào lòng người: “phá sa”. Nhưng nghe kỹ hình như chẳng trong đó ẩn chứa sự khắc khoải, chịu

đựng, kiên nhẫn và mệt nhọc của một ông già. Nó cứ thấm vào lòng tôi như vị lạc rang tuyệt vời của ông: mặn, ngọt, thơm bùi, béo quện vào đầu lưỡi mà thấm vào ruột gan. Ông chỉ đeo toòng teng một cái thùng gỗ. Lạc được gói trong những tờ giấy cuộn thành hình cái phễu. Mới cầm gói lạc trong tay mà đã nghe mùi vị quyến rũ lạ lùng bởi mùi ngậy ngậy của lạc, mùi thơm của húng lìu. Gói lạc ấm nóng giòn tan. Nhâm nhi hạt lạc, văng vẳng tiếng rao của ông lão xa dần xa dần. Tiếng rao “phá sa” còn níu giữ những âm thanh chưa dứt hẳn trên cái cần đàn là phố tôi thì tiếng chổi tre quét rác của chị lao công đã rào rạt nổi dần lên dưới đường. Phố Tôn Đức nhiều cây. Thu về, đông tới lá vàng bay lá tả. Những trận gió đầu đông như trút lá xuống đường. Gió cứ như vô tình đùa với lá để chiếc chổi tre của chị cứ phải thốt lên “rào... rạt”. Chiếc chổi dài, mềm mại trong tay chị cần mẫn nhịp nhàng khoan nhặt. Lúc khoan: “rào”, lúc nhặt: “rạt”... Khi chị nhanh nhanh tay chổi rạt rào rạt tưởng như những con sóng vỗ về bờ cát.

Đêm nào cũng vậy, lá còn rơi, chị còn quét và tôi còn gặp chị. Con đường phố tôi sạch bong cho chân ai mát rượi đi về. Còn tôi, chìm dần vào giấc mơ cô Tấm và ông Bụt. Sáng sớm hôm sau lại tỉnh giấc trong tiếng chuông tàu điện leng keng ngoài hồ Hoàn Kiếm. Cái tiếng chuông leng keng theo suốt tuổi thơ tôi. Nó không háo hức như tiếng ve gọi hè, không giục giã như tiếng còi ô tô, không lao xao như tiếng sóng hồ thu... Nó mộc mạc, giản dị đến nao lòng. Lũ học trò chúng tôi thường hay chờ tàu ở cái tháp nhỏ bên hồ Hoàn Kiếm để đi học, đi vớt thủy trần, đi lên Hồ Tây câu cá. Trên đường vào Hà Đông, tàu còn chui qua một cái nhà cầu. Ở đây, người soát vé đi kiểm tra một loạt. Cái vé tàu điện cũng nhỏ bé xinh xinh. Lần đầu tiên tôi vào đại học, với một gia tài

nhỏ bé trong cái ba-lô cũng lên tàu điện đi Hà Đông để vào La Khê, nơi Đại học Tổng hợp sơ tán lúc bấy giờ. Chuyến tàu sớm, từ Bồ Hồ đi chợ Mơ. Tiếng bánh sắt rít trên đường ray xoành xoạch đưa mẹ tôi đi chợ, và đưa tôi đến trường. Những con tàu đi ra các cửa ô Đồng Xuân, Quán Thánh, Bưởi, Cầu Giấy, Vọng... cần mẫn miết vào thời gian những âm thanh chói gắt mà gần gũi với người Hà Nội. Những con tàu không bao giờ có cánh cửa hai bên sườn. Sàn gỗ, thành sắt. Ba bốn toa nối với nhau. Mỗi toa treo lơ lửng một bóng đèn dây tóc đỏ hoe. Cái cần điện vắt vẻo trên đầu toa như cái râu một chú ngựa già đang đưa một sợi dây chèo để anh lái phu điều chỉnh cần vệt. Toa cuối thường dùng cho mấy bà đi chợ: thúng mủng, rau dưa, tôm cua... Cánh học trò chúng tôi thường được miễn vé hoặc hay xin đi nhờ. Qua cổng trường như trường Trưng Vương, trường Chu Văn An là nhảy xuống. Lên xuống khi tàu đang chạy không phải là dễ và nhiều anh trong lũ chúng tôi đã phát triển thành một nghệ thuật nhảy tàu.

Xuân đến gõ cửa mọi nhà, tiếng cỏ non nảy mầm tí tách, tiếng chồi xanh rì rào giục lá mới lên cành. Ôi những âm thanh rạo rực lòng người... Sóng, với tôi, tiếng ông lão “phá sà”, tiếng chổi tre chị lao công quét rác, tiếng tàu điện leng keng mỗi sớm mai về... đã gieo vào lòng tôi những dấu ấn không phai mờ. Đó là những âm thanh Hà Nội không thể nào quên.

NHỮNG BƯỚC HOA HÀ NỘI

Hà Nội có nhiều công viên, những công viên ấy lại nối với nhau bằng những đường cây. Nếu đứng ở một độ cao vừa phải hoặc ngồi máy bay hạ dần độ cao để tầm mắt ôm trùm toàn cảnh, thì cả Hà Nội quả là một công viên lớn. Trên thảm cây xanh đó, tuần tự theo mùa, các màu hoa thay thế nhau, giống như chiếc đèn kéo quân, voi giấy ngựa giấy chạy quanh tít mù, những mùa hoa Hà Nội cũng xoay quanh cái trục vô hình của thời gian mà khoe hương khoe sắc.

Ai là người có hạnh phúc được nhìn bông hoa gạo đầu tiên nở bên hồ Hoàn Kiếm? Hoa gạo nở trên những cành cao. Người già nhân tản thì không đủ sức mắt mà phát hiện, người trẻ thì bận rộn suốt ngày mưu sinh trên hè phố, mấy khi ngược mắt lên cao? May chăng có nhà thơ nào đó tình cờ phát hiện được. Phút giây ấy qua đi rất nhanh, bởi đã một bông nở thì bông nọ gọi bông kia, bông nọ ganh với bông kia chỉ vài giờ, vài ngày là cây gạo đã như một cây đuốc lớn cháy rừng rực giữa trời.

Tôi thường uống cà phê Hối đường Bà Triệu, thích ngồi sâu dưới bóng cây trứng gà. Chủ nhân không mấy khi hái, cứ để những quả chín vàng rộm lủng lẳng lơ trên đầu khách. Có một hôm tôi bị một ai đó vỗ vai khá mạnh. Một ông bạn nào lâu ngày mới

gặp chẳng? Ô! Đâu phải! Một trái trứng gà rơi trúng vai mình. Thế rồi về cũng tếu táo viết được mấy câu vui vui:

Trái trứng gà rớt trúng vai tôi

Thiên nhiên so với mình như bạn

Giữa phố phường nhiều tiếng

ồn bụi bặm.

Tôi là người trúng số chiều nay!

Tháng ba ẩm dần lên thì cây gạo cửa đền Ngọc Sơn cũng nở lửa dần. Nhưng khi lửa ở cây gạo sắp lụi thì nó lại “bén” sang những cây vông cạnh cầu Thê Húc. Rồi thì cả bãi vông lại bùng lên đỏ gay đỏ gắt suốt cả tháng tư. Loài vông này lá nó còn dùng gói nem nên còn gọi là cây vông nem. Lá non của nó luộc ăn chữa được bệnh mất ngủ.

Đến tháng năm thì những cây phượng lại đón lấy lửa ấy, chạy tiếp cuộc chạy tiếp sức của các loài hoa trong thành phố. Hoa phượng nở ở tầm cao vừa phải. Đứng ở gác hai có thể quan sát chuyển động của hoa trên một cành nào đó sà vào cửa sổ. Nhưng phải thật kiên trì! Làm sao mà nhìn thấy hoa phượng nở như hoa quỳnh được! Những loạt nụ phượng nở dần. Mỗi chiếc nụ loang ra như một giọt mực đỏ, nhỏ vào không trung. Những giọt mực đỏ loang ra, loang ra. Hoa phượng là loài hoa “tập thể”. Không thể tách riêng ra từng bông mà ngắm như ngắm hoa hồng! Phải từng vạt, từng vạt, thiên nhiên như họa sĩ tài năng đập từng mảng da cam vào nền mây trắng. Hoa phượng chỉ thành hoa “cá nhân” khi nó gắn với tên một người ta thương yêu. Hồi còn tạm trú ở thành phố hoa phượng đỏ, người viết bài này đã từng ghi vào sổ tay mấy câu cảm tác: “Phượng rạo rực đầu cành nở đỏ – Tháng năm bừng một trời thương nhớ. Nghe cách xa em vẫn liên bên. Ta quen đâu mà hoa nhắc lên”.

Thiên nhiên như muốn điều chỉnh màu sắc cho trung hòa với thời tiết! Tiết cuối xuân lạnh lạnh thì phải có màu đỏ ấm nóng

của hoa gạo, hoa vông. Vào hè nóng bức thì hoa phượng lại hồng hồng pha chút da cam. Đến anh bằng lăng nước thì đã hồng pha tím cho mắt nhìn được dịu đi một chút. Có cả một phố bằng lăng nước là phố Thọ Nhuộm. Bằng lăng có lá non màu đồng đỏ vào lúc mưa xuân. Khi những cây khác trở lộc, khoe cái sắc xanh tơ non của mình thì bằng lăng lại vờ đưa ra cái màu của sự héo úa. Vì sao lại phải ngụy trang cái sức đâm chồi của mình như thế? Chỉ có trời mới hiểu! Bằng lăng như một người không có tuổi thơ, cứ trầm tư nghĩ ngợi từ lúc mới lọt lòng chăng? Chỉ biết màu tím hoa bằng lăng đã vào thơ của nhiều thi sĩ, có phải vì đó là màu tưởng nhớ, thủy chung?

Trời Hà Nội càng vào hè càng kích thích những sắc hoa nhiệt đới. Bên cạnh hoa sắc của phượng, của bằng lăng lại xuất hiện hoa muồng. Hoa muồng ngả hân sang sắc vàng chanh. Nhưng nói chung đó là những thứ màu sắc cứ muốn phô hết ra ngoài. Chỉ đến một tuổi nào đấy, người Hà Nội mới thích được những màu sắc dịu nhẹ, khiêm tốn, âm thầm mà chứa đựng một nội lực phi thường. Hoa sấu nở lúc nào, kết quả lúc nào, chả ai biết, nếu không có một chiều lộng gió, hoa rơi lảm tã trên đầu người con gái đi dọc đường Trần Hưng Đạo, một sự điểm trang hồn nhiên như đời sinh ra vậy! Hoa sữa cũng mang màu áo cẩm thạch nhạt trang nhã, tâm vóc cũng lẩn tẩn li ti như hoa sấu, chẳng gọi chú ý cho ai! Thế mà độ chua của sấu có thể làm một gương mặt đẹp nhăn lại xuyết xoa. Ban đêm, tôi vừa mở cửa sổ, mùi hoa sữa xộc vào mạnh như một luồng phóng xạ, làm mình choáng váng. Bên cạnh hương thơm ta còn có sắc thắm! Cứ nhạt nhòa như vậy mà đầy cá tính!

Biết bao nhiêu màu hoa! Biết bao nhiêu tính cách dưới vòm trời Hà Nội này, nếu ta biết ngắm, biết lắng nghe! Cái tâm thường nhất cũng chẳng thể coi thường!

Hè 1991

BƯỞI - HƯƠNG MÙA THU

Khi tôi còn mặc quần hở dít, chỉ thích chơi đá bóng bằng những quả bưởi rụng nướng mềm, tôi còn nhớ mãi trái bưởi nhuộm xanh, quả bưởi hồng đào gọt vỏ ngoài xếp cùi, như bông hoa sen lớn kề bên chiếc bánh trưng thu trắng ngần; kia những con cá, chim bằng bột bé tẹo, con lợn đất nung đỏ... Chúng tôi sấn vào mấy con chó bông làm bằng bưởi:

– Ai làm khéo thế?

– Ừ nhĩ chỉ có mắt là hạt nhãn đen mày ạ! Tai vĩnh, đuôi chó như đang vẫy mừng chủ, lông nó là tôm bưởi!

Tôi thích nhất vẫn là chiếc đèn ông sao nhỏ, có râu hạt bưởi thay nến, sao nó sáng lạ thường! Bởi tôi đã bóc hong khô hạt từ đầu mùa!

Có biết đâu cái đêm Trung thu tại đình làng Thọ vùng Bưởi năm 45 ấy nhiều gia đình đi tản cư theo cách mạng! Gia đình tôi đến ở một vùng kháng chiến, đi lối nào cũng gặp nương chè, đồi cọ; nhà nào cũng có vật sấn sau nhà vài bụi chuối, cây na, mấy gia đình ở nơi đất thấp hơn, mười cây bưởi lâu niên, nẩy bưởi

mọc như những cái sừng bò mới nhú, đôi cây bưởi khẳm khiêu mới bói quả đầu mùa.

Tôi hòa nhập nhanh với bạn ở trần bằng quả bóng bằng bưởi, tranh nhau ném vào lỗ xoay tròn nhẵn thín bằng xoay gót chân trên đất mềm, có khi vừa đi trâu vừa chơi trò ú tim (tiếng địa phương đi trâu: chăn trâu).

Một bữa nọ mãi mê đuổi nhau tranh quả bưởi, một cái vấp mạnh đập vào vật cứng lõi xương mé sau ngón cái loáng máu tôi khuỵu xuống, mấy bạn chăn trâu xúm lại, cái Mỹ vội đi cời bồ hóng ở bếp tấp vào chân, mắt đỏ hoe hoe Mỹ quệt ngang tỏ sợ sệt, thương thương! Sau bữa đau chân ấy tôi đành ngồi chơi bán hàng bằng quả sim, hoa mua tím; vốn hiếu động chưa khỏi hẳn chân tôi đã trèo tốt lên cây bẻ cánh bưởi nhiều hoa, nụ để góp với các bạn gái bán hàng.

Bị mẹ mắng hôm sau Mỹ đổi: “Tớ đếch chơi nữa!”. Ấy vậy cũng chỉ được một bữa thế rồi cái trôn bát vỡ lại được kê trên những mảnh chĩnh làm chảo, rán mỡ bằng cánh bưởi ngà vàng...

Hết tuổi ngồi chơi bán hàng chúng tôi lại hòa nhau đi mót lúa, khi vụ gặt đã xong; tát cá bắt cua thật là khoái tha hồ vùng vẫy ném nhau, tôi là dân “vai thờ” cùi và mu bàn tay đỏ lựng đầy vết xước bởi bắt cua tuy được ít xong bao giờ các bạn cũng chia đều có khi còn cho phần nhỉnh hơn.

Tôi lớn lên cùng anh trai Mỹ và các bạn theo tiếng mõ trâu lóc cóc trên đồi, lớn theo những buổi đi hái củi trèo cây. Bố tôi đã theo quân tiên phong Vệ quốc đoàn, mẹ tôi đi vá thuê quần áo, màn cũ... tôi không ngày nào là xa các bạn, có ngày đi theo các bạn đi hái quả gấc, hạt dẻ tôi hay đi tìm hoa lan tiêu cho Mỹ. Có một bữa đi bắn vẹt, trèo hái quả dọc cùng các bạn tôi hám leo gần đến ngọn, có tiếng hét của Mỹ:

– Đàng ấy đừng trèo cao tổ sợ lắm!

Tôi nhìn xuống thu mình lại không dám với ra xa nữa.

Tôi không biết Mỹ thích cài hoa bưởi lên đầu từ khi nào, chỉ nhớ sau bữa đi trèo dọc ấy khi nào Mỹ sang rủ đi chơi cũng có bạn đi cùng. Còn tôi hay sang khi cần xin lửa và nhằm lúc mẹ Mỹ có nhà lúi nhủi củ sắn. Một bữa thấy bà đang sàng gạo, chiếc cối để không, tôi tình nghịch ì ạch xay thử, thấy vậy bà đi đổ thêm ít thóc và gọi Mỹ bảo tập làm đi khắc quen, bà chỉ dẫn cách đứng quay chiều tai cối, cầm tay giàng, giữ hai tay chúng tôi bà nói:

– Đặng đây! Thế này, thế này!

Chưa quen, cối lại nặng, chúng tôi không đồng sức nên khi nghe tiếng cối kêu gâu gâu đều, lúc chững lại ậm ạch: nhìn thấy chúng tôi uể oải bà mắng yêu:

– Bầm mày! Được cái háo hức, giờ đi lừa trâu về!

Chúng tôi tất tưởi chạy về triển đồi xa có tiếng mõ trâu lóc cóc đang vọng lại.

Một bữa chiều muộn chưa thấy đàn trâu về, nồi nước bồ kết hoa bưởi bắc ra ngoài đã nguội, mẹ Mỹ sốt ruột ra vào ngóng đợi bốn chồn, bà nhờ chòm xóm tìm giúp vì anh của Mỹ đã đi bộ đội, bà bảo tôi nhanh chân đến rìa rừng chỗ dốc Chầu nơi ấy cỏ tốt bởi xa thỉnh thoảng chúng tôi mới chăn trâu ở đó.

Cứ nghe tiếng mõ trâu vang vọng chạy tìm, âm vang vọng dội lại lúc gần lúc xa làm tôi bị lạc. Cũng may đến được chỗ ánh lửa của tốp đi săn beo nhờ chỉ dẫn và xin thêm bó nữa để làm đuốc soi đường về, gần đến đầu làng còn đoạn xa nữa thì cháy hết nửa tôi ráng sức chạy vừa sợ cộp vừa lo, tay vẫn cầm cán dao chuôi sừng trâu đeo bên hông vừa giữ thế sẵn sàng vừa để bao dao bớt đập lọc xọc vào hông, đến gần bờ rào nhà Mỹ miệng

muốn thở hồng hộc nhưng lại cố nín để bớt hồi hộp khi nhìn qua những khe trống giữa các thân bưởi tôi mới bớt run trong bụng.

Một bóng người đứng ngả phía sau, hai tay đang hong mái tóc ngang vai hây hây gió, dưới ánh trăng mờ mờ huyền ảo. Hương bưởi thoảng qua từ cây cao hay từ mái tóc kia, làm tim tôi thích thích giật lên tận mang tai... Tôi “biết”, tôi về nhà ngủ song ý nghĩ vẫn vơ dẩn vặt làm tôi có ngủ được đâu, rồi lại tự trách mình biết đâu Mỹ đang thức lo cho người tìm trâu gặp cạp nguy hiểm chưa về thì sao?...

Ít lâu sau đêm mất ngủ đó tại đình Cọ làng Tri, đám tiền chân trai làng đi bộ đội, tổ mờ dưới ánh đèn bằng đĩa đốt dầu trẩu treo cột đình, thiếu nhi múa sòn sòn đô hát vang bài “Bao chiến sĩ anh hùng!”. Ghế băng đằng trước bằng vầu là các “bambộ đội” ngồi, tôi cùng tốp lên đường ngồi ở băng ghế bên cạnh, có tiếng sục sục nhỏ phía sau, một lời nhỏ cố ý để mình tôi biết:

– Con Mỹ khóc mà ạ!

Tôi quay lại lòng băng khuâng lặng đi trong giây lát nhìn đầu cúi thấp, mái tóc rung rung nhấp nhòa bông hoa trắng thoảng thơm hương bưởi.

Sau khi chào dân làng đến tiễn đưa, hai chiến sĩ cũ cùng chúng tôi đi hàng một rời đình Cọ thân yêu, tôi cứ bồn thần tức mình quên cả lời chào và tại sao không nói với Mỹ một câu đến khi cách bước mới nhớ ra giá như lúc đó mình nói:

– Mỹ đừng khóc, mai kia tớ lại về kia mà!

Ý nghĩ đó làm tôi cứ áy náy mãi, có lúc trên đường hành quân lại tự an ủi: “Đời bộ đội nay đây mai đó nơi hòn tên mũi đạn biết thế nào mà hẹn...!”. Bởi cuộc hành quân thời đó bí mật lắm! Khẩu hiệu trong dân truyền miệng: “... Không biết, không nói... Khác đi khác đến!”. Có những đêm hành quân nơi nghỉ chưa kịp

nhận ra là vùng huyện bản xã nào thì đêm sau tiếp, hành quân cấp tốc; đôi cũng phải nhanh bước, sốt cũng ráng chống gậy mà theo kịp đơn vị về nơi tập kết.

Một lần vượt dốc Cun Hòa Bình đi Tuần Giáo giáp Lào trong chiến dịch Điện Biên, nghe mong manh có đoàn dân công Đoàn Hùng tiếp gạo gần đây, tôi vờ kêu đau ngón chân cái đã có tật để được đi tốp sau có y tá Chung kèm. Được phép tôi lẩn nhanh về hướng dân công nọ. Thấp thoáng trong đoàn có người bước vội sột soạt lá ngụy trang phát ra từ đôi sọt, như linh tính báo trước, tiếng nói trong hơi thở hỗn hển:

– Anh Tạo... ơ... ơ!

– My, My à!

Khi nhận ra “đúng rồi”, My đưa tôi gói thuốc Lào buộc bằng chiếc khăn tay nhỏ, ngược nhìn tôi có vẻ lạ lạ, tôi chỉ kịp trao miếng gốc cây mục trên mũ có nhiều nấm lân tinh sáng để hành quân khỏi bị lạc. My cầm lấy nấm sáng cặp mái tóc, chỗ thương cài hoa bưởi.

Y tá Chung sợ tôi đảo ngũ cũng kịp chạy đến, khi đã nhận ra “cơ sự” anh bật lên một tiếng:

– À!

Nhanh trí anh gỡ chiếc khăn dù trên cổ dúi tay tôi, như lệnh điện truyền tôi trao lại cho My chiếc khăn còn ấm tình anh – đồng đội.

Sau lúc tay tôi được chạm vào những ngón tay đưa thuốc Lào của My tôi hết hẳn những cơn buồn ngủ, tỉnh người khỏe ra, đeo thêm một khẩu súng trường tương trợ đồng đội. Cùng đơn vị tiếp tục hành quân ngày đêm, những miếng lân tinh cài trên mũ lung linh như những ánh sao mờ tỏ nhấp nhô hòa lẫn bầu trời. Nhìn một nấm lân tinh to trắng xanh trên đầu một người hành

quân đang trước ẩn hiện tôi cứ ao ước bông lân tinh ấy ở trên đầu là của My, là bông buổi ngay cuối đêm nay rạng sáng mai tôi được gặp lại. Suốt chặng đường dài kế tiếp hình ảnh bông hoa buổi cài đầu, màu áo nâu sồn bạc trên vai tôi đem theo suốt trong lòng, khi nằm mơ có cả hương buổi thơm thơm!

Bây giờ đầu tôi ánh màu trắng hoa buổi của My để lại hòa vào hoa ban nở rộ sau chiến thắng Điện Biên, My buổi sâu nặng mãi trong tim tôi.

Phục viên trở về quê cũ vùng Buổi, cái địa danh chưa tìm được sự tích ai đặt tên, tôi chỉ nghe trong vùng có ông đồ nghèo xác như cùi buổi vẫn sống thanh bạch hay làm thơ, chép sử, chính ông kể lại cho các thế hệ sau rằng:

“Giấy dó đã từng ướp hoa buổi tiến vua, làng chỉ để các cô gái trình nguyên tuổi 18 đôi mươi chọn những bông buổi chớm nở đầu mùa để trao hương tẩm ướp giấy!”. Ôi! Quý vậy thật sao?!

Giấy tiến vua cho quan ngự triều đình, ghi sử vẻ vang của dân tộc để lại tiếng thơm muôn đời, biết đâu chả có trang giấy ướp hương buổi kia!

Một chiến sĩ cách mạng lão thành cho biết có một mệnh lệnh từ chiến khu nằm gọn trong trái buổi, qua một đường khác được bà gánh buổi từ chợ Hương Canh vượt sông Hồng đến làng yên Thái gần chợ Buổi vào nội thành. Mật lệnh đó hùng hục cách mạng mùa thu bùng ngày tháng 8.

Đi dọc ngang trên đất nước tôi nhớ mãi miền đất phong hóa tại Thạch Thành, Thanh Hóa, vạt buổi rừng vẫn chất chiu gạn lọc từ nơi đất sắp hoàn toàn yên nghỉ. Cố nở hoa đơm trái cho thợ sơn tràng trong rừng sâu, để người chăm làm trên nường, xa nhà khi suốt cạn...

Bưởi Đoan Hùng ngọt thơm nổi tiếng, có thể dễ dàng bày tết đón xuân không biết có phải vì quá nặng nghĩa với bưởi, cái hương tình đó đã khắc sâu trong tâm trí, làm tôi cứ suy đoán một mình:

– Biết đâu vua Hùng trong chuyến thăm cận dân đã đến làng Trí Dám Phủ Đoan chiêu chỉ cấy hái ươm chè trồng bưởi, nay để lại lộc chia cho muôn đời con cháu khắp miền Bắc – Nam.

Bưởi – cây đem hương thơm, trái ngọt để cho đời.

NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN PHỞ

Tôi đã đi nhiều phố phường, làm một cuộc thống kê xem Hà Nội có bao nhiêu hàng phở. Nhưng sau một số ngày đi vừa tốn tiền ăn thử xem hàng nào ngon nhất, vừa cảm thấy việc làm của mình là vô ích vì khái niệm “hàng phở” bây giờ rất hiện đại, rất linh hoạt. Có hàng phở có nhà quán hẳn hoi, nhưng có rất nhiều hàng phở chỉ là một cái chõng, một cái bếp dầu và mấy cái ghế đẩu. Có hàng phở chỉ xuất hiện từ 5 giờ sáng đến 8,9 giờ là cất dọn. Lại có hàng lúc gà lên chuồng mới bày biện ra và bán đến đêm khuya. Có hàng trưng cả đồng gà luộc, treo cả tảng thịt bò hàng chục ký. Lại có hàng chỉ khiêm tốn một con gà béo, một bát thịt bò thái sẵn, chẳng biết để trốn thuế hay vì vốn liếng còn quá ít.

Đây là chưa kể ngoài bốn quận nội thành, Hà Nội còn bốn huyện ngoại thành, rồi cả tỉnh Sơn Tây và huyện Mê Linh mới trả về cho các tỉnh bạn với bao nhiêu làng xóm, bao nhiêu “chợ cóc” mà ở chỗ nào cũng có phở.

Tôi tạm đưa ra một con số tượng trưng: Hà Nội phải có cỡ 8000 hàng phở. Và tôi dám chắc rằng ông giám đốc Sở Thương mại Hà Nội, ông chủ nhiệm Công ty ăn uống và ông thủ trưởng

Chi cục thuế Hà Nội không thể tranh luận với tôi về sai số của con số nói trên.

Và như thế để nói rằng dân Hà Nội rất thích ăn phở. Trò đời cứ có một hàng phở xuất hiện, có đông khách ăn là xuất hiện luôn sự cạnh tranh. Các nhà bên vôi vàng thu xếp nhà cửa, ở chật lại một tí lấy chỗ kinh doanh. Thế là tự nhiên mọc lên cả một khu vực bán phở, cả một dãy phố bán phở.

Có thể kể ra một số trung tâm các hàng phở của Hà Nội như khu Cửa Bắc, chợ Châu Long, phố Hàng Bột, khu chợ Hàng Da, chợ Hàng Bè, khu đường Nguyễn Thái Học gần sân vận động Hàng Đẫy, phố Hàm Long, phố Lý Quốc Sư, phố Nguyễn Du, phố Trần Nhật Duật, ngã tư Cầu Giấy và gần đây là phố Nguyễn Biểu.

Nhiều hàng phở quá, hàng nào cũng bốc lên mùi phở thơm lừng nên khó phân biệt được hàng nào ngon. Thôi thì đành theo dấu chân người đi trước, cứ thấy hàng nào đông khách, nhiều xe máy, xe đạp thì chen vào. Chắc là hữu xạ tự nhiên hương, có ngon thì người ta mới đến, để ai dại mất tiền mà đi ăn phở nhạt thếch.

Nhưng nghĩ đến quy luật cạnh tranh, có lần tôi lại vào một hàng phở vắng vẻ ở bên cạnh; nghĩ rằng có lẽ do chưa quen khách chứ chất lượng chưa chắc đã kém gì, và có khi để câu khách, số lượng thịt thà biết đâu lại chẳng đầy đặn hơn. Thì ra người đời tinh thật. Làm ăn phải có “sở” phải “mát tay”. Ở một khu vực nọ có hàng chục hàng phở san sát nhưng khách chỉ đến ăn phở Tự, chỉ khi phở Tự hết hàng thì các quầy khác mới bán được.

Cụ Nguyễn Tuân ơi! Bây giờ sướng thật. Đi đâu cũng thấy hàng phở, tha hồ chọn hàng ngon mà thưởng thức. Muốn nạc có nạc, muốn tái có tái, muốn nước béo có nước béo, muốn thêm trứng gà trần lấy bổ có trứng gà. Nhà hàng chiều khách hết ý!

Muốn loại 2000 có 2000, muốn loại 1000 có 1000, muốn mua bát nước “suýt” về chan cơm cũng nhất trí ngay.

Còn đâu cái thời bao cấp ăn phở Nguyên Sinh phải xếp hàng. Câu châm ngôn đời mới “phở mậu dịch kịch ti vi”, “phở không người lái” đang bị quên lãng dần.

Ngày nay người ta lấy chất lượng và sự tiện lợi làm mục tiêu kinh doanh và phục vụ. Ấu cũng là một mặt của đời thường. Vào hàng phở ăn bát phở 2000 lại phải gửi xe máy mất 400, nếu không thì nuốt vội có khi bỏng lưỡi vì ngoài kia có kẻ đang rình mò cái đèn, cái “cốp”, thế thì khó chơi quá!

Vì thế đội quân hàng phở phải chiếm lĩnh mặt đường. Vừa tiện lợi vừa ít thuế; cả khách và chủ đều vui vẻ. Nhưng ông thủ trưởng của tôi là người hay đi ăn phở lại nghĩ khác. Ông ấy bảo không cần mặt phố, cứ ngon là ở ngõ ngách nào người ta cũng mò đến. Ông ấy có lý của ông ấy.

Tôi nhớ ngày xưa lúc còn nhỏ tuổi, trước khi đi học, tôi thường được bố mẹ mua cho hai chiếc bánh mì thanh vừa thơm vừa nóng ròn. Sao bây giờ không thấy loại bánh mì đó nhỉ? Những ngày chủ nhật, cả nhà tôi đi ăn phở. Hà Nội trước năm 1945 chỉ có ba hàng phở nổi tiếng: “Phở tàu bay” ở ngay cổng đại sứ quán Pháp bây giờ. Khách ăn đông đứng đầy vỉa hè, ăn xong để bát ngay trên bờ hè rồi phóng xe đạp đi, lúc đó làm gì có lăm xe máy như bây giờ.

Phở ngõ Hàng Khay. Vâng. Ở giữa phố Hàng Khay có một cái ngõ nhỏ lúc đó có một hàng phở. Chỉ một thùng nước dùng và một cái bàn nhỏ; khách ngồi ăn phải úp mặt vào tường vì ngõ hẹp quá nhưng lúc nào cũng đông vì phở rất ngon.

Phở Kim ở Lữ Gia. Muốn đến phở Kim phải qua một ngõ nhỏ, một bãi than... chẳng cần mặt phố gì, chẳng cần tiện nghi gì mà

lúc nào cũng đông khách. Sau này nghe đầu phở Kim chuyển vào Sài Gòn và rồi cũng có cả phở Kim ở tận bên Mỹ. Không biết có phải là con cháu phở Kim ở Lữ Gia năm xưa không.

Phở có nhiều loại. Phở gà, bác Nguyễn Tuấn ơi, bây giờ toàn gà công nghiệp thôi, thật rõ nạc nhưng nhạt lăm. Phở bò tái thì nhiều nhưng vì chạy theo tốc độ phục vụ người ta thái thịt không được mỏng và chẳng ai còn thì giờ đặt thịt lên thớt, dùng con dao to bản đập đánh bẹt một cái và miết mạnh cho miếng thịt mỏng và mềm ra nữa. Mà nhiều khi ăn cũng ghê; bò thịt lậu có khi do ăn trộm chuyển vào nội thành từ đêm khuya, có hồi bệnh nhiệt thán hoành hành, thôi thì xin kiếu.

Chắc nhiều bạn đồng ý với quan điểm của tôi, phở ngon cốt ở cái nước. Có những hàng phở chỉ luộc một con gà cũng gọi là hàng “phở” còn thì dựa vào mì chính, vào đường và gói vị phở mua tại khoa Hóa trường đại học Bách Khoa. Ấy thế mà người ta cũng bán hết hàng, cũng nuôi nổi chồng và các con. (Vì thế tôi đang nung nấu một ý nghĩ, đến khi về hưu tôi cũng sẽ mở hàng phở).

Bây giờ lại bàn đến chuyện ăn phở. Như trên đã nói, phở ngon nhất là ở cái nước, hương vị của phở cũng bốc lên từ nước. Vậy trước khi ăn phở phải húp vài thìa nước xem có ra làm sao rồi thì mới thêm gia vị vào theo ý thích. Người ta mỗi người mỗi ý, việc đòi người khác không nên chọc vào, nhưng tôi cứ thấy khó chịu làm sao ấy khi ngồi cạnh một ông khách không quen biết, cứ bưng bát phở đến là hai tay hai lọ nước mắm và dấm dốc tổng tộ, rồi tương ớt xúc vài thìa cho đã. Bát phở đổi màu, đổi vị ra một thứ “tả pì lù” chứ còn gì là phở nữa? Còn làm thế nào để có nước phở thơm ngon, ngọt vị xương bò mà không hôi, cũng phải chỉ là nước canh từ xương lợn, xương gà, thì đó phải là bí quyết mà bài này chưa đi sâu được.

THÌ THẨM PHỐ CỔ

Giữa một chiều thu Hà Nội, nơi gió cứ nhẩn nha bên cây bàng góc phố, tôi chợt thấy lòng mình như băng khuâng, như bứt rứt trước những tiếng thầm thì phố cổ. Thật lạ lùng! Đâu chỉ Hà Nội mới có phố cổ. Trăm nét, ngàn dáng, những khu phố cổ trên thế giới này. Và Phố Hiến, Hội An và Huế và Tam Bạc (Hải Phòng)... Ở những nơi đấy, chắc chắn, ta sẽ gặp lại những phố cổ rêu phong, gặp lại những dấu tích lấp lánh của một thời văn hóa chưa xa. Vậy mà trong lòng tôi – và có lẽ trong tâm tình người Hà Nội, cũng như trong tâm hồn du khách trong và ngoài nước – phố cổ Hà Nội vẫn cứ như một dấu tích tiềm ẩn, một kỷ niệm một giấc mơ, hay một tiếng thầm thì nơi ký ức. Lâu lắm rồi, tôi trở về bên phố cổ, lòng rộn lên những âm hưởng của thời Hà Nội băm sáu phố phường với những bàn cờ chi chít dọc ngang chỉ riêng Hà Nội có. Và tình cờ, mà như hẹn gặp, một giai điệu đẹp đến u uất bỗng vang lên và đeo đẳng mãi trong tôi: “Em ơi, Hà Nội phố... Ta còn em...”. Tôi biết cái âm giai ấy không dành riêng cho phố cổ, nhưng với tôi và với những người con Hà Nội, đó chính là âm vang từ lòng phố cổ, nó là lời nhắn nhủ, nhắc nhở,

gửi gắm; nó là tiếng thầm thì nơi phố cổ, là tiếng kêu cứu hay lời hiệu triệu của một phố cổ ở tương lai.

Hòa trong dòng người giữa một hoàng hôn thu muộn, tôi vẫn vơ vạp dạo quanh bàn cờ thành phố. Những ấn tượng vốn được lưu giữ trong tôi có bị sứt mẻ phần nào, nhưng may mắn thay, vẫn còn kia những phố cổ dịu dàng núp bóng cây xanh. Chẳng hiểu những ngôi nhà ống dài đặc kia, cái mái ngói rêu phong nơi đâu, chỗ xô nghiêng kia ẩn tàng những gì mà có sức cuốn hút lòng người đến vậy. Biết bao nhiêu thế hệ, biết bao nhiêu con người đã gắn mình, đã sống chết, vui buồn, thăng trầm với phố cổ. Nhiều khi, tôi cứ tự hỏi mình những câu đại loại như vậy. Và nhiều khi tôi cứ đi tìm câu trả lời trên những gương mặt đủ màu, đủ sắc độ tình cảm đang riu rít quanh ngôi nhà dài phố cổ. Có lẽ nào, cái vết hằn văn hóa kiến trúc truyền thống lại động trong lòng người, sâu nặng tới mức ấy sao. Hay còn vì một lẽ gì khác, mà tôi chưa thể lý giải.

Hầu như cho đến bây giờ, và có lẽ còn lâu, lâu nữa, cuộc đời tôi, cuộc đời bạn bè cùng lứa tôi đã gắn hòa với phố cổ. Cái mảnh ngói chao nghiêng kia cũng chứa đựng nhiều kỷ niệm. Cái mảnh tường bong vôi còn hằn vết trò chơi đáo tuổi thơ bằng những đồng chinh căng hay vài xu có lỗ, và cây bàng góc phố vẫn như còn níu giữ một mảng kỷ niệm thơ ấu sáng trong. Bao nhiêu thu rồi. Bao nhiêu mùa lá xanh lá đỏ, nó vẫn trụ vững đó như một nhân chứng dãi dầu của cuộc đời bên phố cổ. Vẫn còn như in trong lòng tôi cái phấp phồng như mê của trò chơi ú tim đêm hạ, mà tán bàng xanh um đã chở che tôi. Vẫn hồi hộp như ngày nào những trò chơi ấu thơ sôi động quanh phố cổ, tưởng đến bây giờ, vẫn trái tim non trẻ ấy còn đập vội trong tôi. Ôi rá vậy. Kỷ niệm muôn đời vẫn tươi xanh như tán bàng phố cổ, những kỷ niệm vui buồn chẳng tuổi thơ nào không có.

Bất chợt, tôi như hòa tan vào niềm giao cảm thánh thần và đã thấy mình đang đứng trước một cái đền ẩn mình nơi phố cổ. Cái đông vui, náo nhiệt của phố phường dường như tan biến mất. Và tôi như đang lạc vào cõi tĩnh lặng của một thời huyền ảo. Cũng hẹp và dài kiểu những ngôi nhà phố cổ, những không gian nguyên sơ của đền vẫn khoáng đạt, vẫn rộng rãi bởi tư thế vươn lên của kiến trúc vượt cao thanh thoát. Trong chiều sâu tâm tưởng, chìm trong cội nguồn lịch sử, tôi chiêm ngưỡng những sắc phong vị thần có công với nước, những kiệu, tướng, tượng, nón, chuông, hoành phi, câu đối... với những kiểu dáng phong phú và có sức cuốn hút không giống nhau. Và, một cái gì như niềm xúc cảm, niềm tin tưởng dâng trào trong tôi. Vậy đấy. Chúng ta đâu có cắt đứt với truyền thống. Chúng ta vẫn có ý thức, có tâm hồn, có hành động giữ gìn vốn liếng và mạch nguồn văn hóa cổ truyền quý giá của dân tộc. Bởi, ngay trong lòng các đô thị lớn như thủ đô, vẫn có những đền, những đình, những chùa đầy ắp báu vật, như cái đền thờ Quốc tổ Hùng Vương nơi phố cổ, mà tôi đang chiêm ngưỡng đây. Và, như một điều khẳng định, tôi bỗng tin vào sức sống vô tận của phố cổ với những ngôi nhà dài dặc, già nua đã đi vào tranh ảnh, thơ ca, truyền thuyết. Không, phố cổ không thể mất. Cái giá trị lịch sử – văn hóa mà nó đại diện sẽ là sợi dây an toàn cho phố cổ. Bây giờ, phố cổ không chỉ còn là ước mơ về chiều, như ý nghĩa một tấm ảnh được giải của L.C – anh bạn vong niên của tôi. Phố cổ là hôm qua, hôm nay và tương lai của Hà Nội đích thực. Không ai lại ấu trĩ và ngu muội tới mức xóa đi một nét hằn văn hóa, một niềm quyến rũ du khách trong – ngoài, như phố cổ chốn Hà thành...

Tôi bước đi giữa phố, giữa nhà, lòng rộn lên những xúc cảm trái chiều, đầy mặc cảm, đầy băn khoăn về tương lai của khu phố bàn cờ Hà Nội. Phố cổ thâm nghiêm cũng đang bị cuốn theo

cơ sở đất đai, cơ sở mặt tiền. Đó đây, giữa phố cổ kính những ngôi nhà, đã chồi lên những nhà tầng, khách sạn hiện đại. Khang trang thật, đẹp thật, nhưng mới lạc lõng làm sao. Chợt thấy một đề án quy hoạch bảo vệ phố cổ, một sắc lệnh bảo vệ không gian, kiến trúc và môi trường phố cổ thật là cần thiết. Có lẽ nào một báu vật của tương lai – như phố cổ – lại cứ phải oằn mình trước bao nhiêu thách thức không lường: Sự hủy hoại của thiên nhiên cộng với sự phá hoại (vô tình hay hữu ý) của con người. Đừng để một lúc nào đó, tất cả chúng ta lại phải nuối tiếc vì không còn phố cổ. Âm hưởng của bài hát lại ngân lên trong tôi... “Ta còn em hàng phố cũ rêu phong và từng mái ngói xô nghiêng...”. Như nhắc nhở. Như xoáy vào lòng tôi. Phố cổ của mỗi người. Phố cổ của Hà Nội và của cả nước. Và bỗng dưng, tôi tin, thật tin vào sự tồn tại vĩnh hằng của phố cổ tôn nghiêm, như từng tin vào sức sống mãnh liệt của nền văn hóa truyền thống đầy bản sắc của dân tộc mình.

TỪ VƯỜN BÁC ĐẾN VƯỜN NHÂN DÂN

“Từ vườn Bác đến vườn nhân dân”, đó là cái hướng đi, đó là con đường mà Viện bảo tàng Hồ Chí Minh và Bộ nông nghiệp đã vạch ra cho cây, trái ở đây. Những cây, trái trong vườn Bác đang và sẽ tỏa hương, gieo giống về khắp nơi trên đất nước, gây nên, tạo nên những vườn quả gia đình, những vườn quả hợp tác xã, cơ quan, trường học để cho mỗi người, nhất là các cụ già, em bé, người bệnh có thêm hoa quả trong suất ăn hàng ngày, để cho thu nhập của mỗi nhà tăng thêm, để cho đất nước có thêm những sản phẩm ngọt thơm. Nói thế này kể cũng không ngoa, nhiều khi chỉ mới nhìn một vườn quả chín đỏ, đã thấy khỏe khoắn con người rồi! “Vườn quả Bác Hồ” là cơ sở để đẩy mạnh kinh tế vườn. Cái mảnh vườn ở gia đình nông thôn và ở thành thị, từ xa xưa, ông bà ta đã khai thác nó, sống nhờ nó rất nhiều, nó đã góp phần lớn nuôi sống hết đời này sang đời khác. Ấy thế mà có lúc chúng ta coi thường nó, bỏ quên nó. Nhưng Bác Hồ thì chẳng có bao giờ coi nhẹ mảnh vườn. Ngày từ lúc trở về Pác Bó, năm 1941, Bác đã trồng rau cải xoong trên những vạt đất ở ven suối Lê-Nin!

Tôi đã có dịp thăm một số vườn nhà ở không xa vườn Bác. Ở

Ngọc Hà, chắc không mấy ai không biết vườn táo bà Bình. Bà Bình là một cán bộ đã về hưu; ông chồng hiện còn công tác nhưng đi vắng luôn. Vườn nhà bà không rộng, chuyên trồng táo lấy quả và chủ yếu là táo giống.

Táo quả có độ mười cây, phần lớn là táo Ngọc Hồ còn lại là táo Gia Lộc và H.12. Táo Ngọc Hồ là một loài táo quý do ghép mắt giữa táo Thiện Phiến và táo Thái Lan quả dài. Vào tháng hai, những gốc táo ở đây tán không to lắm mà buông những nhánh dài như những sợi dây trằng hạt trĩu trĩu những quả vàng hình trái tim thơm phức. Táo Ngọc Hồ quả to, bình quân 45-50 quả một kg, có khi 3 quả đã được một lạng. Thịt chắc, hạt nhỏ, ăn giòn, ngọt đậm. Táo này không chỉ ăn tươi mà còn chế biến được. Bà Bình đã cho tôi xem một lọ táo sấy ngâm rượu. Vỏ quả mầu đen nhánh, nếp răn nhỏ, cùi dày, ngọt thơm, không rắn như vỏ trám khô mà cũng không nhũn. Bà cho biết cứ 5-6 kg táo tươi được 1 kg táo chế. Vụ vừa qua, bà làm được hơn 20 kg táo chế.

Bà Bình suốt ngày chăm nom vườn táo. Hàng năm, bà phải mua đất phù sa ở ngoài bãi và thuê chổ về để bồi bổ cho vườn. Bà đào hố ủ phân kỹ để có đủ phân bón cho cây. Khi mùa táo chín thơm lừng thu hút bầy dơi kéo đến, ban đêm lại phải luôn luôn canh gác, đuổi dơi.

Năm 1979, bà Bình được vinh dự đưa một cây táo Ngọc Hồ vào trồng trong vườn Bác nhân dịp tu bổ vườn. Cây này mọc khá tốt và sai quả.

Ngoài táo quả, bà Bình còn trồng nhiều táo giống. Mấy năm gần đây, bà đã cung cấp cho một số trại cây ăn quả quốc doanh và tập thể hàng nghìn cây táo giống. Sau mỗi mùa táo bà chọn những hạt già, tốt, đem gieo. Độ một năm sau, cây mọc to bằng cái đũa, bà đem ghép mắt. Khi mầm nảy tốt, bà cắt thành từng

chùm 20-25 centimet, đắp bầu cho vào túi po-ly-ê-ti-len. Hôm tôi đến thăm vườn, một trại cây ở Vĩnh Phú mang xe về mua một lúc 300 cây táo giống. Tính trung bình, mỗi năm, vườn của bà có thể cung cấp được 500 cây táo giống - mỗi cây giống có thể bán từ 20 đến 30 đồng.

Một vườn táo có thể đem lại thu nhập đáng kể cho một gia đình. Mỗi gốc táo chỉ lấy 1 tạ quả đã cho 400 đồng một năm. Một mảnh vườn có 10 gốc táo và 500 cây táo giống chỉ đòi hỏi khoảng 2 lao động chính là có thể thâm canh được rồi.

Kỹ sư Nguyễn Khắc Trung ở Bộ nông nghiệp cho biết: nếu một vườn gia đình có được một bộ táo gồm cả ba loại táo sớm, trung bình và muộn thì có thể có táo bán rải suốt một mùa dài từ tháng 9 cho đến hết tháng 3. Dòng táo chín sớm như táo Tứ Lộc, có nơi gọi là táo Tố nữ. Một năm có quả hai vụ. Vụ trái vào tháng 9, quả ít, vụ chính vào tháng 12, quả chín vàng óng, dài thuôn, hơi chua. Dòng táo trung bình chín vào tháng giêng, hái đúng vào dịp Tết gồm táo Thiện Phiến, táo nông nghiệp H.12. Dòng táo muộn như táo Biên Hòa, Ngọc Hồ, Thái Lan, quả thuôn dài, cân nặng, ăn ngon.

- Trồng táo cũng như bất cứ cây ăn quả nào, phải thâm canh!
- Kỹ sư Trung nhắc đi nhắc lại với tôi điều đó. Với táo, theo anh, một trong những biện pháp thâm canh quan trọng là đón cành vào mùa xuân. Anh bất chợt mỉm cười:

- Đố nhà thơ biết hai câu thơ này của ai nhé?

Nhất niên thành táo

Vạn niên bất lão.

Thật ra, hai câu chữ Hán đó của các cụ ngày xưa có khi còn có ích hơn nhiều so với những câu thơ phù phiếm. Nó có nghĩa là: một năm thành táo, ngàn năm không già! Cũng lại rất thơ nữa.

Tức là: cây táo cho quả rất sớm, chỉ một năm đã bói, mà táo lại có thể sống rất lâu, nếu hàng năm ta biết cách đốn thì táo lại nảy ra những chồi tơ, không già cỗi.

Hàng năm, cứ mùa xuân, sau khi hái quả thì người ta đốn táo. Đốn đúng kỹ thuật thì táo lâu già, không biết đốn thì cây kém quả, chóng cỗi. Kỹ thuật đốn táo phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giống táo, tuổi cây, chất đất... Để đốn táo, người làm vườn dùng cưa và dao sắc. Cưa cành xong, lấy dao gọt nhẵn, quét một lớp vôi, sau đó phủ ni-lông buộc lại cho sâu bọ khỏi đục phá. Đốn các cành cấp một ngang nhau thành một mặt phẳng như mặt bàn và gọt bỏ các cành phụ. Chỉ độ một tháng sau, những chồi mới mọc lên, người ta chỉ để bốn, năm mầm to nhất mầm cao được vài gang tay thì ngắt ngọn để tạo tán. Ngày xuân nhìn những gốc táo đốn mới nảy mầm, thấy đẹp quá cái sức trẻ của cỏ cây. Những chồi non tơ mập mạp, ú căng nhựa sống, xanh một màu xanh nõn chuối, những lá non mới nở phủ đầy một lớp lông bạc như tuyết nhưng. Từ những mầm này, những cành nhánh sẽ vươn lên, tỏa ra và chỉ độ giữa năm đã thành một tán lá xanh rờn.

Đến mùa thu, khoảng tháng 9, phần lớn táo sẽ ra hoa (không kể táo sớm) những chiếc hoa táo như những chiếc cúc bầm lì tí. Và từ cuối năm, qua Tết, đến tháng giêng tháng hai là mùa táo chín. Đứng dưới gốc những cây táo to lúc ấy nhìn lên tán lá đầy quả chín như một vòm trời chi chít những sao.

*

* *

Nếu vườn nhà bà Bình chỉ chuyên trồng táo thì vườn nhà bác Đường ở bên trong phố Đội Cấn lại phong phú về nhiều loại cây quả khác nhau. Vườn này là một mảnh đất không vuông vắn, độ

ba sào, của các cụ ngày xưa để lại. Vào khỏi cổng đã thấy ngôi nhà thờ năm gian cũ kĩ lợp ngói mũi hài, có chấn song con tiện và cánh cửa bức bàn. Vào đây, thoáng nhìn, chỉ thấy cây cối mọc linh tinh, chẳng ra hàng lối gì, đường đi lại nhoe nhoét những bùn xúc từ đáy chiếc ao cạn đắp lên, thực tình tôi chẳng thấy hào hứng chút nào. Nhưng kỹ sư Trung đã vội rí tai: “Ông có chú ý mới thấy được giá trị của cái vườn này!”. Phải đến lần thứ hai thăm vườn và chuyện trò với chủ nhân, tôi mới thấy điều anh Trung nói là có lý.

Hôm sau, tôi đến thấy nhà đóng cửa, một đám trẻ con đến gần chực cháu vừa trai vừa gái nhao nhao cất tiếng chào, đứa thì “chào chú”, đứa thì “chào bác”, đứa thì “chào ông”, khiến tôi chẳng còn hiểu mình trẻ hay già, và mình đang ở thứ bậc nào nữa. Tôi đi sâu vào, gọi mãi mới thấy có tiếng thưa ở phía cuối vườn. Một ông già bước ra, chiếc áo màu xanh công nhân xắn cao, hai tay còn lấm đất, mái tóc bạc cắt ngắn kiểu bàn chải, hai con mắt vẫn tinh nhanh. Tôi nhận ra là một người quen cũ. Bác vốn là một cán bộ kỹ thuật canh nông lâu năm và trong kháng chiến chống Pháp, tôi đã gặp bác ở Ba Vì, ở Thủ Pháp. Hồi ấy, bác là cán bộ của Sở khẩn hoang di dân, trông coi những đồn điền của thực dân Pháp để lại. Tôi nhìn cây dâu trước cửa nhà bác đang ra đầy quả chín đỏ, chín đen và nhắc đến cây dâu cổ thụ ở Thủ Pháp. *Một ngày một ngả bóng dâu tà tà...*, câu thơ của Nguyễn Du có lẽ nói đến những cây dâu kiểu ấy. Mắt bác Đường ánh lên những tia vồn vã khi nghe nhắc lại những kỷ niệm cũ. Tôi nói đùa: “Còn cụ bây giờ thì... một ngày một ngả bóng râu tà tà...”

Bác Đường cười:

- Cũng yếu rồi, 71 rồi còn gì.

Nói thế thôi chứ trông bác, ai cũng bảo mới chỉ ngoài 60. Có

lẽ cuộc sống giữa cây cối, giữa nắng gió làm cho bác lâu già cõi.

Trước cửa nhà thờ là một cây nhãn chẳng có gì đặc biệt, nhưng hỏi ra mới biết là cây nhãn ghép Hưng Yên. Bác đã ghép mắt nhãn lồng Hưng Yên lên gốc nhãn nước, đến mùa quả to, vỏ mỏng, hạt nhỏ, múi dày, ăn giòn và ngọt. Cho hay, ở đời, nếu cái gì cũng chỉ đứng nhìn qua bên ngoài, thì không sao hiểu được cái thực chất sâu xa của nó.

Ngoài kia, có một cây xoài đang ra hoa, hoa rụng trắng mặt đất. Bác Đường cho biết đó là xoài Nam Bộ, cũng ghép. Ở một góc khuất, có một vạt trồng khế, đó là khế Tàu, cũng ghép.

Thì ra, ở vườn này mặc dầu cây cối trồng không thành hàng lối gì, trông không đẹp mắt, nhưng đều được khai thác theo kỹ thuật thâm canh.

Quanh bờ ao là một chục gốc doi Nam Bộ mà đồng bào trong Nam vẫn gọi là mận đào. Mùa này, doi đang ra hoa, những bông hoa đậm những nhị dài tua tủa trông như những cái búp để thoa phấn của các bà, các cô. Giữa đám lá dày, tối thẫm, nhìn kỹ mới thấy đã có những chùm quả tím hồng. Đây là loại doi quý, năm ra ba đợt hoa, quả chín từ tháng 4 đến tháng 7, ăn vào thơm, giòn và ngọt như đường phèn. Loài doi này có ưu điểm là thường thường kết quả mới đến mùa bão. Bác Đường còn chiết nhiều cành doi để bán làm cây giống.

Vạt khế Tàu có hơn 10 cây, mỗi cây không cao lắm. Trên cành đã có những cụm hoa ra sớm, hoa khế đỏ lấm tấm như nắm xôi gạo cẩm, nhưng lại vẫn còn những quả khế vàng hươm, múi căng mọng, treo lủng lẳng trên cành. Vừa trông thấy quả khế, tôi đã thấy tứa nước bọt ở chân răng và nhớ đến mấy câu thơ cũ của Yến Lan:

Khế chua chị nấu lá mừng tôi

Ước được cùng em sống trọn đời...

Thế nhưng, khi bác Đường cho một quả, tôi cắn vào thấy ứ nước ra, mùi khế ngọt như cam, không khô xác và nhạt tèo như khế cơm.

Vườn này cũng còn hơn chục cây táo Biên Hòa, mấy cây hồng xiêm, trứng gà, bưởi pomélo. Bác Đường trồng cây lấy quả, lấy cây giống nhưng luôn luôn thí nghiệm để cải tiến kỹ thuật. Như với cây doi Nam Bộ, bác đang theo dõi sức chịu rét của nó trong mùa đông miền Bắc, với cây táo Biên Hòa, bác đang tìm hiểu sức chống sâu bệnh của nó...

Thấy tôi muốn biết thu nhập của bác Đường về mảnh vườn này, kỹ sư Trung nói: "Ông cứ tính 10 gốc doi. 10 gốc khế và 10 gốc táo, chỉ lấy mỗi gốc 200 đồng một năm cũng ước tính được số thu hoạch, ấy là chưa kể những cây giống và các cây quả khác. Và tất nhiên, ao cá rô phi nữa!" Anh trở ba ngôi nhà gạch nhỏ nhỏ xây rải trong vườn: "Cũng nhờ tiền bán quả mà xây dần đấy, chứ không thì lấy chỗ đâu chứa một huyện người!"

Tôi được biết bác Đường có 10 người con: 7 trai và 3 gái và 14 đứa cháu kể cả nội, ngoại. Hiện nay có sáu người con cùng ở với bác trên mảnh đất này. Mấy ngôi nhà con con kia là của mấy người con tuy đã ở riêng nhưng vẫn góp sức với cả nhà cùng chăm nom vườn quả.

Một gia đình đông đúc cháu con và một vườn cây xum xuê trĩu quả, có thể nói đó là một cuộc sống hạnh phúc được chăng?

*

* *

Trong vườn quả của Bác, như đã nói trên kia, có một cây hồng xiêm Xuân Đình. Cây này chiết từ vườn quả của hợp tác xã

Xuân Đĩnh, một làng ở ngoại thành Hà Nội, ven hồ Tây. Hợp tác xã Xuân Đĩnh có 4 vườn cây ăn quả. Tôi đã đến thăm khu vườn chính, rộng nhất, có diện tích 28 mẫu ta trồng 1800 cây hồng xiêm và 1000 cây vải thiều.

Mùa xuân, cả một vùng bát ngát vải thiều đang ra hoa rất sai, hoa vải màu trắng ngà, mỗi cây như một đĩa xôi đồ đơn đầy... Có những cây vừa nở hoa, có những cây hoa đã hơi sẫm màu, lúc này, ở mỗi chiếc hoa nhỏ li ti có đọng một giọt nước như giọt sương trong suốt, nếu ta khẽ lấy đầu lưỡi nếm thử thì thấy một vị ngọt mát; ấy là lúc hoa đang tiết mật. Thật đáng tiếc, mùa này, ở đây không có những đàn ong mật, mật vải thiều rất quý, chỉ thua mật vải chua và mật nhãn. Một nguồn hoa có nhiều phấn và mật thế này mà bỏ qua không nuôi ong thì thật là lãng phí.

Qua vùng vải thiều đến vùng hồng xiêm, có thể gọi là rừng hồng xiêm. Hàng ngàn cây, lúc lửu những quả nâu trông như những hòn đá tròn.

Xuân Đĩnh là đất hồng xiêm. Cây hồng xiêm (*Achrassapota*) nước ta trước chỉ có ở Nam Bộ, mới du nhập ra đây chừng năm sáu chục năm. Theo cụ Quì, đội trưởng đội vườn cây thì ở xã này, ngày trước có một cụ đi làm vườn cho nhà một viên quan của Nam triều, thời thuộc Pháp. Nhà này có cây hồng xiêm rất to, cụ làm vườn chiết được một cành đem về làm giống. Hiện nay con cháu cụ làm vườn nói trên vẫn giữ được một gốc hồng già rất to. Khoảng vài chục năm gần đây, hồng xiêm lan ra khắp xã và tỏa đi nhiều làng khác, nhiều tỉnh khác nữa. Có thể nói Xuân Đĩnh là cái nôi của cây hồng xiêm trên miền Bắc. Hồng xiêm Xuân Đĩnh quả to vừa phải, nhưng rất ngọt và thơm. Vượt khỏi địa phận xã này, quả hồng xiêm có thể to nhưng nhạt và có khi

sượng như củ khoai lang, người sành ăn biết ngay là không phải hồng Xuân Đình.

Xã Xuân Đình có vườn hồng

Bác Hồ chỉ bảo vun trồng năm xưa...

Đó là mấy câu trích trong bài thơ của cụ Kỳ dán ở tường trạm đông dục, ngay lối cổng vào vườn. Năm 1968, nghe theo lời kêu gọi trồng cây của Bác Hồ, xã khai thác vùng đất gò hoang và tha ma cũ, thành lập vườn cây tập thể và giao cho các cụ phụ lão trông nom. Hiện nay, đội vườn cây có 215 cụ. Các cụ phần đông trên 60 tuổi, thường là những người đã hết tuổi lao động hoặc sức yếu. Hàng ngày, các cụ ra vườn, bắt sâu, nhổ cỏ, chăm bón cây, vun xới những vạt đậu, vừng và cây dược liệu trồng xen giữa các cây ăn quả. Một số cụ có kỹ thuật thì làm việc chiết cây giống hoặc chế biến thuốc Nam. Như vậy là các cụ có việc làm quanh năm, trừ những ngày mưa rét dữ, công việc lại thích hợp với sức của tuổi già. Ngày nào không ra vườn được thì các cụ cảm thấy buồn nhớ. Thu hoạch của các cụ làm vườn cũng khá vì thu hoạch của vườn cây hàng năm rất lớn. Tôi xem bảng tài chính công khai của cụ Quì, đội trưởng, thấy ghi: "*Ngày... tháng 3, thu 17 cây hồng giống: 593 đồng*". Cụ Quì còn cho biết: năm 1981, tổng thu của vườn, mới chỉ tính đến tháng 11, đã được 140.570 đồng, kể cả thu hoạch quả, cây giống và thuốc Nam. Nếu tính riêng giá trị ngày công lao động ở vườn cây thì là 5 đồng 2 hào một công. Tất nhiên, số thu về vườn cây phải nộp vào các khoản thu chung cho cả hợp tác xã để tính ra giá trị ngày công lao động chung cho cả hợp tác xã là 3 đồng 3 hào. Nhưng ở vườn cây, các cụ có điều kiện lao động liên tục nên có thu hoạch trên 100 đồng, chẳng kém gì một lao động chính trong nông nghiệp.

Có thể nói hồng xiêm là một nguồn lợi lớn của Xuân Đình cho

cả tập thể và gia đình. Khắp Xuân Đĩnh, không nhà nào, không mảnh vườn nào không trồng hồng xiêm, nhà ít nhất cũng có hai cây. Đi vào bất cứ ngõ nào, xóm nào, cũng thấy mình đứng giữa rừng hồng xiêm. Tôi đã vào chơi nhà cụ Trần Hải, nguyên ủy viên thường vụ Tỉnh ủy Hà Sơn Bình, nay đã về hưu và ở trong ban Mặt trận xã. Nhà cụ ở trên một miếng đất vuông vắn rộng ước 3 sào. Phía trước nhà là mấy cây dừa cao trĩu quả, một hàng cau tươi tốt, còn quanh nhà trồng hồng xiêm, có đến hơn chục cây. Theo cụ Hải thì một cây trung bình cả năm cho hơn 1 tạ quả, cây lớn có thể tới 3 tạ. Mỗi tạ quả hiện nay giá 700 đồng. Hàng ngày buổi sáng, từ các xóm, hàng chục xe đạp và người gánh chở hồng ra các chợ Hà Nội. Nhiều nhà còn chiết cành bán giống, mỗi cây giống cũng phải từ 30 đến 40 đồng.

Vườn cây của hợp tác xã Xuân Đĩnh còn có một điều đáng chú ý nữa là cây thuốc Nam. Mới bước qua cổng đi vào đã thấy hai bên đường là những hàng khổ sâm lá nhỏ với những chùm quả li ti như quả cơm nguội. Suốt dọc mọi con đường là hương nhu, giống hương nhu trắng để cất tinh dầu. Rồi từng vạt xạ can, mã đề, xuyên tâm liên, huyền sâm, bạc hà, cỏ xước, sài đất...

Tôi vào thăm phòng dược của hợp tác xã ở ngay vườn cây, được cụ Kỳ, phụ trách chế biến thuốc cho xem những lọ dầu hương nhu bạc hà trong suốt và những gói thuốc cảm, thuốc đi rửa, xuyên tâm liên, húng chanh v.v... đựng trong túi pôliêtilen sạch sẽ. Cụ Kỳ cho biết phòng dược đã sao chế được 35 thứ thuốc thông dụng để cung cấp cho bệnh xá xã. Bệnh xá có 2 y sĩ, 7 y tá và 10 giường đã sử dụng tới 80 phần trăm thuốc Nam và được bà con rất tín nhiệm.

Đồng chí Phúc, bí thư Đảng ủy xã, cho tôi biết vườn quả Xuân Đĩnh đang phấn đấu để đạt được danh hiệu "Vườn quả Bác Hồ".

Theo kỹ sư Nguyễn Văn Lan, Bộ nông nghiệp, thì các vườn cây, muốn được công nhận là “vườn quả Bác Hồ” phải đạt được 4 tiêu chuẩn sau:

1) Trồng những cây ăn quả quý, năng suất cao, cây đặc sản địa phương, chú ý những cây có chất bột, đường...

2) Đầu tư thâm canh cao, thực hiện tiến bộ kỹ thuật, cung cấp được nhiều quả cho nhân dân, cụ già, em nhỏ, cung cấp giống tốt cho gia đình, xã viên.

3) Vườn phải giúp ích vào việc hướng dẫn kỹ thuật cho nhân dân, được nhân dân tín nhiệm, ủng hộ.

4) Phân phối công bằng, công khai.

Tiêu chuẩn 4 này làm ta nhớ lại một câu nói của Bác Hồ: “Không sợ thiếu, chỉ sợ phân phối không công bằng!” Thật là chí lý.

Từ vườn Bác đến vườn nhân dân! Hiện nay, những hạt giống tinh thần và hạt giống cây, trái từ vườn Bác Hồ đang tỏa đi nhiều vùng, nhiều tỉnh. Hiện nay, đã có 152 vườn được công nhận là “vườn quả Bác Hồ”, các vườn này đã cung cấp trên 1000 tấn quả và 400 cây giống, trong đó có những vườn nổi tiếng như Lam Điền (Hà Sơn Bình) Tân Quang (Hải Hưng)...

Hương từ vườn Bác đang tỏa lan trên khắp đất nước.

Hà Nội, 4-1982.

MÙA HỒNG, MÙA CỐM

Cũ này, khi bắt đầu gió heo may, mùa hoa sữa ngọt ngào ngoài đường phố, nắng thu vàng ửng, cái màu xanh của những trái na đã ít xuất hiện trên các quầy hoa quả ở chợ và trong các thúng của những người hàng bán rong, những trái na mở hàng trăm con mắt he hé nhìn khách qua đường. Đã hết mùa na và sáng sớm đã nghe tiếng rao lạnh lớt của cô hàng cốm. Thời bây giờ, những cô hàng cốm từ ngoại thành vào không còn giống như trên các trang sách của Thạch Lam khi xưa viết về Hà Nội 36 phố phường, những cô hàng cốm mà nhà văn tả mặc áo vải đồng lame hai vạt buộc vào nhau bỏ ra ngoài chiếc thắt lưng lụa màu hoa lý, đôi khi sa tanh đen, quần thâm và đôi chân trần bước thoăn thoắt. Trên vai, chiếc đòn gánh hai đầu cong lên và đôi thúng được đan bằng thứ nan chuốt, bên trong là cốm, cốm mỏng manh màu xanh trong như ngọc lại gói trong tàu lá sen thơm phức, buộc bằng những sợi rơm nếp. Cô hàng cốm bây giờ không mặc áo tứ thân, mà áo ngắn, không đội khăn vấn mà tóc buộc lên hoặc uốn quăn, đi dép lê. Chiếc đòn gánh cũng tạp, đôi thúng cũng vậy. Cốm cũng xanh nhưng không được xanh trong như

ngọc mà xanh đục, lá sen hiếm nên người bán gói bằng lá khoai nước. Tất nhiên là cốm tạp, hạt cốm cứng hơn, dày hơn... Dù sao thì vẫn là những hạt cốm từ lúa non giã ra, những hạt ngọc thực...

Nghे tiếng rao của các cô hàng cốm, người dừng dưng đến đâu cũng biết là mùa thu đã đến rồi. Mùa thu, mùa thu của bao nỗi nhớ nhung. Cùng với cốm là những trái hồng đỏ, mọng như cặp môi các cô ca sĩ. Những cụ cao tuổi bồi hồi nhớ lại những ngày cách mạng sôi sục của mùa thu cách mạng năm xưa, khi các cụ còn là những chàng thiếu niên xếp bút nghiên lên đường tranh đấu. Bây giờ nếu còn sống thì hầu hết đã nghỉ hưu. Cụ ông và cụ bà ngược đôi mắt kèm nhèm nhìn lên bầu trời cao vút, xanh thẳm, hồi tưởng lại những năm tháng đầy hạnh phúc và gian lao qua hai cuộc kháng chiến ác liệt. Đêm nằm trần trọc và làn gió heo may xạc xào trên vòm cây cao bên nhà. Buổi sáng, cụ bà xách làn đi chợ về và khoe với cụ ông:

– Đã thấy có hồng bán rồi ông ạ...

Cụ ông bảo:

– Hèn nào sáng nay thấy họ bán cốm...

Cụ bà giở làn ra nói:

– Tôi mua chục hồng về thắp hương rồi ông xơi thử xem có ngọt không?

Cụ ông cũng nói:

– Tôi cũng gọi mua hai lạng cốm, cốm xanh mướt và mềm, sò vào mát cả tay. Tôi vừa bày lên ban thờ các cụ nhưng chưa vội thắp hương. còn chờ bà đem hồng về...

– Sao ông biết là tôi mua hồng?

– Tôi biết chứ, năm nào cứ hễ tôi mua cốm là bà mua hồng, đúng không?

Cụ bà mỉm mỉm:

– Ông chỉ khéo tán... Nào tôi có biết đâu là ông mua cốm?

– Bà không biết nhưng bà linh cảm thấy. Tôi cũng vậy... Có thể chúng ta mới sống chung hòa thuận với nhau mấy chục năm nay...

– Vâng... tôi hiểu rồi.

Bà cụ đứng lên hạ gói cốm xuống rồi xếp những trái hồng vào cái đĩa đan bằng tre. Cốm được bọc trong tàu sen tỏa mùi thơm mát dịu. Hồng đỏ, cốm xanh và cái đĩa nan tre óng vàng. Tất cả đều hòa hợp với nhau về màu sắc và biểu thị sự giản dị, sâu thẳm, mộc mạc của tình người đối với nhau, đối với quê hương đất nước.

Hai vợ chồng cứ ngắm nghía mãi cái màu xanh của cốm, màu đỏ của hồng và mùi lá sen thoang thoảng lan tỏa khắp gian phòng nhỏ. Họ yên lặng trong cái tĩnh lặng của không gian. Nắng thu đã lan vào khung cửa, nắng dịu dàng không chói gắt như nắng hạ...

Ông cụ đứng lên thắp hương trên ban thờ, chấp tay khấn vái. Xong quay lại, chợt nói:

– Thế là đã đến mùa hồng, mùa cốm... Ngày xưa cứ thấy cốm, thấy hồng là tôi thấy trên phố người ta tấp nập đi dạo hỏi rồi xin cưới. Mùa này ở Hà Nội là mùa cưới mà... Bây giờ thì có lẽ trai gái chúng nó chẳng nghĩ ngợi gì khi thấy hồng, thấy cốm. Tết Trung thu đã qua, tết Nguyên đán lại ập tới ngay cho mà xem...

Bà cụ mỉm cười an ủi cụ ông:

– Ông ơi, thì chúng ta khi lấy nhau có chọn vào mùa cưới này đâu. Năm đó, đám cưới ở ngoài kháng chiến, chỉ có nước chè tươi và thuốc lá, thế mà vui ông nhỉ?

Ông già gật đầu. Năm ấy ông vừa theo đơn vị rút ra khỏi Hà Nội. Ông là anh Vệ quốc quân, còn bà là chị cứu thương. Đơn vị đứng lên tổ chức đám cưới cho hai người và đến đêm, họ lại chia tay nhau, mỗi người đi mỗi ngã... Vậy mà đã gần năm chục năm rồi, chóng thật. Thời gian nào có chờ đợi ai.

KHẮC DẤU MẠN THUYỀN

Truyện ngắn

Đời tôi, đi đây đi đó đã nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp được thấy Hà Nội. Chỉ một lần thuở bé, rồi một lần hồi chiến tranh, và mấy năm sau này thêm đôi lần nữa. Thành thử, ở Hà Nội, ngoài hồ Hoàn Kiếm với cầu Long Biên, tôi chỉ đại khái biết một ngôi nhà là nhà ga Hàng Cỏ và một con đường là đường xe điện. Nhưng, mặc dù như vậy, mỗi khi nhắm mắt lại nhìn sâu vào những nẻo đường của ký ức bao giờ tôi cũng thấy hiện lên, tuy rất đổi mơ hồ, bóng dáng của Hà Nội phố xa. Cái thành phố sâu thẳm, xa lạ, chẳng chút thân thuộc ấy từ lâu lắm rồi đã lắng lặng ăn vào đời tôi như là một trong những miền đất thân yêu nhất, dấu rằng đây là một tình thân yêu tưởng như không đâu, một duyên nợ hậu như vô cớ. Không hẳn là một nỗi niềm mà chỉ là băng quơ một cảm giác, không thành một câu chuyện mà chỉ như là một nốt sầu còn vương lại của thời trai trẻ chiến tranh, một thời tuổi trẻ đã hoàn toàn mai một những dư âm vọng suốt đời. Như tiếng mưa rơi, như tiếng gõ lửa. Như tiếng lá rụng. Mà không bao giờ quên.

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã hai chục năm tròn. Hà Nội thuở đó với Hà Nội bây giờ có lẽ đã như là một trời một vực.

Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, tôi lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp ở bộ tư lệnh đang đóng ngay rìa thủ đô. Khi chúng tôi ra tới nơi, thành phố đang ngất trời bom đạn. Đây thực sự là một cuộc đụng đầu sống mái, một trận huyết chiến vì lẽ mất còn. Giữa hướng cảnh chung nước sôi lửa bỏng như thế, chẳng dám màng gì một chuyến về quê, tôi chỉ xin được rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm. Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình để có thể nhận được ngay thư hồi âm mang ngược vào đơn vị cho lính ta sướng. Lựa ngày Noel, cấp trên thuận cho tranh thủ. Hạn đến trước 0 giờ phải trở về trình diện. Tôi vào thành phố dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường vòm cây một màu thâm ứớt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gấp bước.

Mặc dù không biết phố nào với phố nào, lại ôm trong mình những chín lá thư, nhưng thoát đầu tôi nghĩ không việc gì phải lo. Chỉ cần hỏi tới một địa chỉ, rồi từ đấy lần lượt nhờ người ở địa chỉ trước đưa mình đến địa chỉ sau. Không dè, rốt cuộc, cả chín phong thư tôi đều phải lừa vào phòng qua khe cửa. Ngày hôm ấy, dường như cả Hà Nội đã khóa trái cửa, bỏ nhà đấy mà đi. Xong được lá thư chót, trời đã tối tăm. Phố dài vắng ngắt ngậm mình trong mưa, tù mù những vùng đèn đường. Tôi hỏi được về Vọng. Một anh dân phòng diện ủng, vận áo tơi bạt, tận tình dẫn tôi đi một đoạn khá xa đường. Đến ngã ba nọ, trước khi chia tay, anh chỉ xuống cặp ray đường tàu điện chạy sát vỉa hè và bảo tôi cứ bám theo đó mà đi là đến.

Sụp mũ cổ xuống, dựng cổ áo lên, tôi lẩn sâu vào trong màn mưa phùn mờ mông dưới trời đêm lạnh buốt. Hai vệt ray loáng

ướt chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên rừng rậm nhà cửa tối đen. Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cúi bước, thui thủi tê dại. Thăm thẳm nối nhau những chặng đường khuya không ánh sáng đèn, không một bóng bộ hành, không bóng một hàng quán. Hơi thở lạnh ngắt của đêm mưa ngấm vào tận cái dạ dày tôi trống rỗng. Các khớp xương cóng nhức cứng đờ như đang rời cả ra và rơi rụng. Cơ sốt âm ỉ từ chiến trường dần lên dọc sống lưng, tôi sờn gai ốc, và không ngớt rung mình. Đầu óc chậm chạp chung chiêng, đầu gối những muốn khuyu xuống. Đi chưa được mấy đường, tôi đã bắt đầu đếm bước. Màn đêm ướt át như đông lại. Không nhìn thấy gì trước mắt, suýt nữa thì tôi đã xô người tới và mặt vào một cái đầu tàu điện đen ngòm đậu chết cứng giữa lòng đường.

Chuyệnh choạng, tôi rẽ lên vỉa hè, rồi lảo đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà. Răng va lập cập trong miệng, tôi dựa lưng vào cánh cửa đóng chặt, rồi từ từ trượt người xuống, ngồi phệt lên cái bậc tam cấp ướt dẫm hơi mưa và lạnh như một cây nước đá. Rét mướt buốt tim, tôi rên hừ hừ và rồi cũng không rên nổi nữa. Cũng không sao ghì lại được cơn run, cứ run bắn lên, run mãi, run cầm cập. Thân nhiệt của mình lúc này có lẽ chỉ còn bằng với người đang ngắc ngoải, cái đầu đã tê cóng của tôi lơ đãng nghĩ, không khéo mà khốn đến nơi rồi, không khéo mà là một cơn ác tính. Những người bị sốt rét ác tính nằm chết trên vũng giữa rừng sâu, còn mình thì chết ngồi, chắc thế, và sẽ hóa thành tảng đá co ro trước cửa nhà người ta.

Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bắn bật. Dưới vẫn mưa gió. Gió phả mưa vào tận thêm. Đã ướt lại ướt thêm một lượt nữa, tôi thở hắt, mặt mày xây xẩm. Biết là cần phải dốc toàn lực bình sinh mà đứng dậy và bước đi, song hết rồi, nghị lực đã tê

bại. Sinh lực xuống nhanh như mực nước trong một cái bình bị đập vỡ đáy, sự sống trong tôi xoay tròn một vòng và từ từ, lặng lẽ lật nghiêng. Đúng khi đó sau lưng tôi cửa kẹt mở. Tôi nghe thấy nhưng mà không ý thức được tiếng động ấy. Cơn choáng ngất gần như là một nổi yếu mềm, một sự buông lơi, như thể một tiếng thở phào, nhẹ nhàng du tôi ra khỏi tôi...

Thời gian ngưng lại, không biết là trong bao nhiêu lâu. Tôi từ từ mở mắt. Tâm trí đậu xuống ở đâu đó bên rìa một vầng ánh sáng rất mờ. Vẫn còn bông bênh, vẫn còn u u minh minh, song tôi biết là lúc này mình đã ở trong một căn buồng chứ không phải đang ở giữa chừng cơn mê sảng. Tường phòng hình như là quét vôi màu ve nhưng mà có lẽ do lâu ngày nên màu vôi đã bợt. Trần nhà u tối. Không khí ẩm sục mùi dầu long não. Tôi khẽ dựng cựa. Dưới lưng, nan giường ót ết. Người tôi ủ trong chăn, đầu kê trên gối. Yên tĩnh, khô ráo và áp áp đến khó tin. Tôi trở mình. Từ trên chiếc bàn con kê ở góc buồng, ngọn lửa đèn dầu nhỏ liu diu im lìm tỏa ra một quang sáng tù đọng màu vàng đục. Tích tắc đều đều trong đêm vắng, tiếng đồng hồ để bàn một mình rả rích với thời gian. Chợt nhớ đến giờ giấc, tôi giật mình, rên lên.

– Ôi, anh... – Một bàn tay nào đó êm ái áp vào má tôi, một giọng nói se se, nhỏ nhẹ, thì thầm – Ôi, anh tỉnh rồi. Ôi, em lo quá...

Tim như thể đứng dừng lại, lại như thể đập loạn xạ, tôi ngây người. Chuyện gì thế này nhỉ, cô gái nào thế này?

– Tôi... – Mãi mới mở miệng nói, tôi nói, nhưng ấp úng, lưỡi rú vấp, chẳng nói gì được – Tôi ở đâu đây... đây là đâu?

– Đây là nhà em mà anh. – Bàn tay cô gái nhẹ nhàng đưa lướt trên trán tôi – Anh là khách của em mà.

Tôi cố định thân, cố lấy sức, thở dốc, và nặng nhọc xoay người sang phía chủ nhà. Cô ngồi ở mép giường, nhưng gương mặt lại lùi khỏi vùng chiếu sáng của ngọn đèn. Tôi chỉ thấy được hai bờ vai với một phần mái tóc của cô buông xõa.

– Anh vẫn còn hơi sốt đấy, nhưng vậy là đỡ nhiều rồi. May quá đi mất. Chứ như lúc thoát đầu thì sợ quá. Ôi lúc ấy anh làm em hết cả hồn.

– Nguy rồi... – Thều thào tôi nói – Quá phép mất rồi... Tôi, tôi phải đi đây...

– Ô kìa anh, anh đã đi thế nào được. Ra ngoài rét bị lại còn nguy hơn. Với lại quần áo của anh phải hong bếp lúc nữa chứ chưa mặc được đâu, còn ẩm lắm.

– Cái gì? – Tôi hoảng hồn, sức tỉnh, đưa tay sờ nhanh lên đùi lên ngực. Người tôi tái dại đi, những muốn cc rúm lại. Dưới tấm chăn bông, thằng tôi đã hầu như trần trụi!

– Bây giờ để em xuống bếp đưa cháo lên anh ăn nhé – Thản nhiên, cô gái nói, sẽ sàng đứng dậy, rời khỏi giường – Bộ quần áo em để cạnh gối, anh mặc tạm. Cũng là đồ bộ đội đấy.

Nói đoạn, không cầm theo cây đèn, cô quay lưng đi ra phía cửa, bước mờ trong bóng tối. Tôi tung chăn, ngồi nhòm dậy. Từ trong chăn hơi dầu gió nóng hực phả ra cay mắt. Tôi xỏ vớ, xỏ vàng vào quần áo. Bộ Tô châu hăng mùi băng phiến, còn mới và khá vừa với tôi. Đàng hoàng trong quân phục, tôi như lấy lại được sinh khí, dầu rằng toàn thân vẫn đau nhừ, đầu óc váng vất, và trong tai, phần còn lại của cơn sốt vẫn đang kêu o o.

Nhưng mặc dù nhọc mệt đến thế, tôi vẫn kịp ngửi thấy lập tức mùi cháo nóng khi cô chủ nhà còn chưa vào hẳn trong buồng. Cô bước đi rất nhẹ, đôi guốc chạm rất khẽ trên sàn gỗ. Cô để mâm xuống bàn và vịn cao bác đèn lên.

– Tạnh mưa rồi anh ạ. – Cô nói, và không hiểu sao lại thở dài.

Trong nhập nhạng tranh tối tranh sáng của căn phòng, tôi lặng nhìn. Người con gái xa lạ tuyệt vời ấy như thể một ảo giác hiện thoáng lên trước mặt tôi, một ảo giác tuyệt trần, xinh đẹp và hiền dịu. Xinh đẹp và hiền dịu, gương mặt, cặp mắt, đôi môi, thực thế, mặc dù thật ra tôi đã không thể kịp nhìn rõ cô. Bởi vì, giờ của thành phố này đã điếm. Chỉ trong nửa phần của một tích tắc, trời đất không kịp trở tay, không kịp cả đến rừng mình.

Một cái gì đó kinh khủng, một cái gì đó choáng hồn, như một nhát chém sả, đột ngột xé toạc sự tĩnh lặng ra làm đôi. Chiếc phản lực trinh sát, chỉ một chiếc thôi, bất thần cắt ngọt một đường bay sấm sét, khoan thủng thỉnh không, là sát sàn sạt mái ngói những ngôi nhà, tuốt dọc sống lưng thành phố. Trong phòng, cả đến ánh đèn dầu cũng như chết lặng đi, nín thở...

– Hình như qua rồi. – Cô gái lên tiếng, gần như thì thầm và run run, phác một nụ cười nhợt nhạt – Hình như nó chỉ dọa.

– Ủ, – Tôi nói – Nó chỉ là một thằng thám báo bay vụng đánh lén mà thôi. Đùng...

Tôi định trấn tĩnh cô, định bảo rằng không việc gì phải sợ thì tiếng còi báo động rú lên, cướp lời tôi. Mặc dù qua mấy đêm rồi đã nghe quen, và mặc dù đã đón trước, tiếng còi vẫn làm tôi lạnh cả tim. Dường như chưa đêm nào lời cảnh báo của chết chóc lại vang lên dễ sợ đến nhường ấy. Và B52, B52, B52... B52 đang tiến vào, loa phóng thanh khẩn thiết cấp báo, giục giã. B52. Cách Hà Nội chín mươi cây số. Tám mươi cây số.

– Bọn Mỹ! – Tôi nói – Chúng nó đang vào. Thằng Mỹ vừa nãy là thằng bay mở đường.

– Vâng. B52 đấy. Lại một đêm nữa.

– Phải ra hầm thôi! – Tôi không nén nổi hồi hộp – Chúng nó vào sát rồi. Mau lên!

– Nhưng, anh thấy trong người thế nào? – Cô gái thở dài, đầy vẻ lo âu trẻ thơ – Ngoài trời rét lắm.

Cảm giác lâm nguy đột ngột trở nên nhức buốt. Miệng tôi như khô đi, họng thắt lại, trống ngực nện thình thình. Xưa nay linh tính không khi nào đánh lừa tôi.

– Anh phải ăn đi một tí đã. Cho nóng...

– Không! – Tôi nói, giọng khàn hẳn – Nóng nguội gì. Bom xuống bây giờ đây. Rải thảm vào đây đây!

– Sao anh biết? – Cô gái thốt lên kinh ngạc.

– Ngửi thấy chứ còn sao! Mau lên! Ra hầm! – Tôi sẵn giọng, như quát.

Thối tắt ngọn đèn, cô gái nắm lấy cổ tay tôi kéo nhanh ra khỏi buồng. Sự căng thẳng nơi tôi đã truyền sang cô nỗi hãi hùng. Cô thở hổn hển. Tiếng guốc gõ mau mau, gấp gáp. Chúng tôi xuống cầu thang, sau đó còn phải qua một hành lang rất hẹp, ẩm ướt và sâu hun hút, rồi mới ra đến ngoài đường. Trời đã tạnh mưa và màn đêm thì như có phần nào quang ra trong bầu không khí trong suốt rờn rợn. Giữa lòng đường, trước cửa nhà, cái đầu xe điện vẫn lù lù đấy như một chiếc tàu mắc cạn.

Cái hố cá nhân bằng xi măng đúc, miệng mở ra đen ngòm ở mép vỉa hè.

– Chúng mình ra hầm công cộng đi anh, – Cô gái nói trong hơi thở gấp – Những cái hố tròn này em chẳng bao giờ dám xuống. Dưới đó đầy nước. Rợn chân lắm.

– Lại còn thế! – Tôi gắt.

– Ngay kia thôi mà, anh. Với lại ở đó đông người, đỡ sợ.

Chúng tôi bước lao đi, ngược chiều gió thốc. Cả thành phố đã ẩn mình. Trên mặt đất chết lặng, chỉ còn chờ vợ có hai chúng tôi, sống đôi nhau trong nỗi kinh hoàng. Thời khắc từng giây từng giây một như bị nuốt đi mà chẳng đường trốn chạy thì hầu như không cùng. Một ngã ba. Rồi nữa một ngã tư. Cái hầm công cộng của cô gái đầu mãi không thấy. Mà vì vướng đôi guốc nên cô nàng chạy không được. Với lại, trời ơi có chạy cũng không kịp nữa rồi. Vùng ngoại vi đã khai hỏa. Các trận địa pháo 100 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Chớp giạt sáng lòe. Và tên lửa, từng cặp, từng cặp rẽ trần mây, âm âm lao lên, vạch những luồng đỏ rực. Nhưng, giữa sấm sét của quân ta đang cấp tập giành đòn, bằng kinh nghiệm máu xương và sự sống chết rủi may của một thằng lính chiến trường, tôi đã nghe thấy từ trên đỉnh trời đêm thăm thẳm cái mà tai tôi còn chưa thể nào nghe thấy, cái mà linh tính đã báo trước. Và tôi biết, với hai chúng tôi, thế là hết. Bom rồi. Bom sẽ phang chính diện đoạn đường này.

Đúng lúc này, số phận lại tàn nhẫn đặt chúng tôi lọt vào giữa một quảng phố rất dài mà hai bên đường không hề có nhà cửa chỉ có hai chặng bờ tường cao chạy liền một mạch. Và dưới ánh chớp của những đường đạn cao xạ tôi không thoáng thấy chút hầm hố nào ở cả hai bên vỉa hè. Một tọa độ tuyệt vời của cái chết. Có cố rảo thêm lên vài bước chân nữa cũng thế thôi.

– Nó cất bom rồi! – Tôi nói, và nắm nhanh lấy khuỷu tay cô gái, kéo cô đứng dừng lại.

– Kia anh. Chỉ đoạn nữa thôi!

– Không kịp đâu, – Tôi thông thả nói, bình tĩnh đến ghê người
– Bom đang thả xuống đây đây. Nằm xuống mau lên đi. Và đừng có hoảng.

Cô gái ngoan ngoãn nằm áp xuống cạnh tôi, dưới chân bức

tường gạch. Hẳn là cô rất hoang mang, nửa tin nửa ngờ trước lời khẳng định chết người ấy của tôi. Song, chỉ mười giây nữa không hơn, tôi biết thảm bom sẽ chạm đất. B 52, những con khủng long giờ sâu đất thảm ấy, tôi còn lạ gì. Trong kia, chúng bay ban ngày ở độ cao vừa phải, đội hình khi sáu chiếc khi ba chiếc, lưng lửng càn quanh trời, cày vào thình không những luồng dài khói đặc, ô ô dội bom như mưa trời. Những giọt mưa bom có thể xô đổ một rặng núi, có thể chôn sống một dòng sông, vằm nát một đại ngàn. Còn bây giờ không phải là mưa mà là cả một trời bom đang giáng xuống. Và không phải núi, không phải rừng mà là nhà cửa, phố xá. Bầu trời bao la tột độ hung tàn. Thành phố thì nhỏ như lòng bàn tay. Sức hủy diệt thì tối đa, và mạng người mong manh biết mấy. Tôi nghĩ, người gióng lên, căng nhúc, chờ đợi.

Nhưng, tôi hầu như không nghe thấy tiếng nổ. Mặc dù đã đón trước, vẫn cứ bị bất ngờ. Thình lình, tối tăm mặt mũi. Mặt đất rung mình, rướn lên. Không gian méo lệch đi. Rồi cái gì đó nóng bỏng, rực lửa, nhọn hoắt, và tung tóe, đập vào mặt. Hơi bom nóng đặc xộc đầy phổi.

Cô gái lấn sát vào tôi. Tìm sự che chở. Cô nép sát tấm thân lạnh cóng vào người tôi, thở sát vào khuôn mặt tê dại nhưng đầm mồ hôi của tôi, tóc cô tung xòa ra.

Lại một dây bom nữa, lần này như ngay ở bên kia bờ tường. Đất đá, xi măng, gạch ngói, nhà cửa cùng một lúc nổ tung. Trời đất rống kêu, rền vang như gang vỡ. Sóng xung kích ào qua ập lại. Chết này! Chết này. Chết- ết- ết...! Tôi nghiêng răng ôm ghì lấy cô gái, đợi cái chớp mắt cuối cùng tan xương nát thịt. Bom à à rơi, hú vang, man rợ, nổi nổi vào nhau rồ rồ. Cứ mỗi luồng tiếng nổ và hơi bom quạt tới, thân thể chúng tôi càng xoắn vào nhau. Nhừ tử vì sức ép, cả hai đồ dẫn, ngất ngư.

Thình lình, cái chết nhả móng vuốt. Bầu trời như sập cửa đánh sầm một cái. Rồi hẫng đi, lạng phắc. Tiếng nổ của quả bom cuối cùng dập tắt mọi tiếng nổ.

Chúng tôi vẫn nằm, ôm riết lấy nhau. Dường như cả hai đã hoàn toàn tê liệt, không thể nào ý thức được, không thể nào cảm nhận nổi cái sự sống sót ngoài dự kiến này. Lặng đi như thế khá lâu, cô gái mới dựng cựa thân mình, đuổi người ra khỏi tôi.

Chậm chạp, tôi đỡ cô đứng dậy. Một bên vai áo rách toang, tóc xơ rối, ánh mắt sợ hãi, cô luống cuống quờ quờ chân tìm đôi guốc, không biết để làm gì cái đôi guốc cao gót ấy. Khói đặc trôi là là. Mùi thuốc bom khét cháy. Trời mây bầm đỏ.

Trong tai đã đổ tiếng ù, tôi nghe thấy ở đâu đó phía trước rất gần, dậy lên tiếng kêu cứu. Rồi cả đoạn phố âm âm huyền ảo. Từ phía sau, rầm rập một đám đông đổ tới cuộc xềng, xà beng, với cáng thương, hối hả tràn qua. “Đứng ì ra thế à! – Ai đó giận giữ quát lên với tôi, gay gắt, đau đớn, khàn đặc – Hầm sập, người thì chết, ngay trước mắt kia kìa, giờ ơi – ơi...!”

– Ôi giờ ơi, hình như chỗ hầm công cộng, anh ơi! Ở đó bao nhiêu là người... – Cô gái kêu lên thẳng thốt.

– Anh phải lại đó góp một tay. Em về trước đi. Anh về sau! – Tôi nói.

Và vùng ra khỏi tay cô, tôi hộc tốc chạy băng theo đám đông. Vừa chạy vừa ngoái lại, xua xua tay, gân cổ hét: “Về đi! Chờ ở nhà!”. Khi chạy đến bãi bom, trước khi cùng mọi người lao khuất vào trong vùng phố xá vừa bị hủy diệt, ngổn ngang, tanh bành, ngập khói, tôi còn kịp ngoảnh nhìn lại một lần nữa, và nhờ thế mà còn được nhìn thoáng thấy qua màn đêm sẫm màu lửa cái hình bóng thân yêu và hư ảo ấy một lần cuối cùng...

Lẽ ra thì đây không thể là lần cuối cùng, bởi vì lẽ ra thì tôi đã

trở về được căn phòng hồi đêm ấy và gặp lại được người con gái ấy của tôi. Khi đó đã báo yên từ lâu và trời đã sáng hẳn. Cứ theo đường tàu điện, con đường mòn độc đạo hồi đêm, tôi rảo bước quay trở lại ngôi nhà.

Thoạt tiên, tôi chẳng để tâm, chỉ lặng lặng bước tránh lên vỉa hè. Buổi sớm mai giá lạnh, phố xá thưa người, cái đầu xe điện già lão và sặc mùi gỉ sắt ấy không buồn thức chuông, thả sức lao uỳnh uỳnh, hàng bánh sắt nện rầm rập, rít lên, tóe lửa. Động cơ điện rú ề ề chói tai. Nhưng nó vừa vụt qua thì lập tức tôi sững người, như thể bị một roi vút thẳng vào tim, sự tỉnh song chết lặng đi.

Phố dài hun hút, thẳng tắp, không có lối rẽ. Dọc hai bên đường nhà liền nhà, san sát và hoàn toàn đơn điệu, nhà nào cũng y nhà nào. Một mặt tiền ẩm đậm cau có dưới một mái hiên lợp bằng những tấm tôn rỉ. Một cửa ra vào và một bậc tam cấp bước thẳng xuống vỉa hè. Trước mỗi nhà đều có một cái hố tròn bằng xi măng đúc sẵn. Tàu điện đã chạy rồi, vật chuẩn độc nhất đã di động, nên giờ đây điều duy nhất tôi còn có thể xác định được là ngôi nhà ấy ở phía trên vỉa hè bên nào. Song bên nào mà chẳng thế. Mấp mô, trôi sụt, lênh láng những vũng nước đọng trước những bậc thềm. Những mái hiên dột nát. Những mảng bờ tường. Những cây bàng. Những cây cột điện...

Không còn thời gian nữa, nhưng hồi lâu, như thể nhắm nháp nỗi tuyệt vọng, tôi vẫn cứ bước thấp bước cao dạo đi dạo lại nhìn vào cửa những ngôi nhà, nhìn vào mặt những người từ trong đó đi ra. Cho đến khi lại một chuyến tàu điện leng keng chạy tới tôi mới đành chịu khuất phục. Mặt mày vẫn nhem nhuốc tro than, tay chân xây xát, quần áo tả tơi và vẫn còn loang lổ vết máu của những người bị nạn trong đêm, tôi nặng nhọc lê bước, đầu cúi gằm, men theo cặp ray xe điện, đi về phía cửa ô.

Trở về sau chiến tranh, khi họa hoằn có dịp vào qua Hà Nội thì tôi vẫn chỉ một lối mòn xe điện ấy để đi. Cứ như thế thôi, chẳng phải để tìm thấy một cái gì, cũng chẳng phải là để đi đến đâu. Lần gần đây nhất xuống ga Hàng Cỏ, tôi mất dấu con đường mòn, Hà Nội đã xóa bỏ tàu điện. Phố xá huy hoàng. Nhà cửa đẹp đẽ. Đời sống sung sướng... Có lẽ đến một ngày nào đó, người ta khó lòng hình dung nổi đã có thời tồn tại chính trên xứ sở tươi đẹp này những cảnh tượng đại loại như cảnh tượng tôi từng thấy hai chục năm về trước, khi tôi còn rất trẻ.

QUẢY NÓNG HÀ NỘI

Khi những cơn gió lạnh kéo về, tiết trời bắt đầu chuyển sang mùa đông, mấy đứa sinh viên chúng tôi thường rủ nhau đi ăn quẩy. Đây có lẽ là thứ quà mùa đông mà phần lớn người dân Hà Nội thích thú, nhất là sinh viên. “Ra cổng trường nào!...” Mới chỉ nhắc đến thế thôi, đã mừng tượng ngay tới một nơi ấm cúng hơi người với đĩa quẩy nóng đang nghi ngút khói... Chà! Đã thấy nước bọt xấp xấp kề răng, đầu lưỡi râm ran, hấp dẫn mùi béo ngậy của bột mỳ, dầu rán, vị chua giòn của dưa góp... Còn gì thú vị bằng một đêm trời lạnh lẽo, co ro trong đồng quần áo dày cộp và chỉ chực chui vào chăn ấm thì lại được xuýt xoa bên đĩa quẩy nóng giòn, hàn huyên cùng bè bạn với những câu chuyện vui tưởng chừng kéo dài bất tận.

Với cánh sinh viên, quẩy là món ăn được ưa thích, trước hết bởi sự mới lạ của nó. Sinh viên tỉnh lẻ về Hà Nội học, năm đầu ai cũng ngỡ ngàng trước thứ quà đêm có hình “que củi” của người Hà Nội. Bắt đầu là sự tò mò, sau dần quẩy hấp dẫn những cô tú cậu cử này bằng sự giản dị, mộc mạc, mà đầy nét hào hoa, tinh túy của đất Tràng An. Ngay cổng trường đại học của chúng tôi có

một hàng quẩy nóng, hàng quẩy này bán vào mùa đông và mỗi tối cũng chỉ bán chừng 3 tiếng là dọn hàng. Tầm 8 - 9 giờ đêm là lúc đông khách nhất, các bàn đều kín đặc người, sinh viên trong trường kéo ra, người đi học từ các trung tâm ngoại ngữ ghé vào...

Tiếng gọi quẩy râm ran, những đôi mắt chờ đợi, bên lò lửa xèo xèo dầu rán, chị chủ quán tay thoăn thắt thả quẩy vào chảo mỡ, đôi gò má đỏ hồng như trái bồ quân. Người ta rán quẩy trong những chiếc chảo to, dầu rán luôn đổ lưng chảo. Mỗi chiếc quẩy chỉ cần thả vào vài ba phút, khi thấy bột nở đều, thân quẩy có màu vàng rộm là vớt ra. Nếu sẵn khách đợi được bùng di ngay; không thì gác lên những thanh nan sắt đặt ngang chảo để giữ cho quẩy luôn nóng giòn, ráo mỡ. Nhìn đĩa quẩy thơm phức, những chiếc quẩy óng ánh màu vàng, một mùi thơm ngậy tỏa ra đầy quyến rũ... đôi bàn tay bắt đầu sốt ruột, nào còn khách khí gì nữa nhỉ? Hãy khoan, xin bạn cứ từ từ, quẩy không phải là thứ quà để mọi người ngấu nghiến cho xong. Bạn phải thành thạo một vài phụ gia khác của quẩy, lúc đó mới cảm nhận được hết cái ngon của thứ quà này. Nước chấm có vai trò quan trọng tới chất lượng đĩa quẩy. Trên các bàn ăn, nhà hàng đã đặt sẵn chai tương ớt, lọ nước chấm và cả giấm ớt cho những khách thích ớt tươi, còn đây nữa... dưa góp, thiếu nó coi như không thành món quẩy! Nào, bạn hãy múc nước chấm vào bát, thêm ít dưa góp, tùy vào bạn là người có ăn cay được không mà lấy ít hoặc nhiều tương ớt. Cái tài của mỗi nhà hàng là pha được nước chấm ngon và làm dưa góp khéo. Cũng từ mắm, giấm, đường, nhưng mỗi hàng pha mỗi khác mà khách cũng đến vân vân hay đông. Bạn cứ thử ăn ở Phan Bội Châu, Cầu Gỗ hay Hai Bà Trưng... mỗi nơi nước chấm có một thú riêng, vừa thấy thấp thoáng vị ngọt, đậm đầu lưỡi vị mặn, vị chua mà lại không nhạt quá. Dưa góp được làm từ su hào hoặc đu đủ xanh, mỗi thứ thái miếng nhỏ cỡ đốt

ngón tay, mỏng vừa phải. Dưa góp làm bằng su hào ăn giòn và dai, bằng đu đủ vừa thơm vừa giòn. Thứ này tham gia với bát nước chấm, có tương ớt đi cùng sẽ tạo ra phong vị rất riêng và quyết rũ. Quẩy vẫn còn đang nóng, nước chấm đã pha xong, xin mời bạn... Cắn một miếng quẩy, nhúng từ từ vào bát nước chấm ngon lành kia, kèm theo vài miếng dưa góp, bạn sẽ thấy được mùi vị của cả 4 phương hợp lại. Chua, cay, mặn, ngọt... béo, thơm của dầu rán, bột mỳ. Không biết ai đã nghĩ ra món ăn thú vị này, thứ quà thật dân dã, chẳng đòi hỏi những nguyên liệu đắt đỏ, cao sang, chỉ từ su hào, bột mỳ, mắm muối... người nội trợ bỏ ra không đáng bao tiền, cộng với tài bếp núc đã có được thứ quà ngon, hấp dẫn. Tôi còn nhớ cái đêm cả phòng rủ nhau đi ăn quẩy, 8 đứa con gái lộc cộc đạp xe từ Cầu Giấy vào tận Cầu Gồ, nơi được coi là một trong ba thánh địa (phố Hai Bà Trưng, phố Phan Bội Châu) của món quẩy nóng. Cả tháng học bổng chưa đủ mỗi đứa 2 đĩa 3.000 đ, vậy mà vẫn rất vui và hào hứng. Đứa nào cũng khoe vì mình đã tìm ra mùi vị khác lạ của món quẩy ở đây, cái Thu ao ước: giá mà quẩy rẻ hơn, có lẽ cả phòng còn phát hiện thêm khối điều hay. Mà thôi! Có thêm thêm mới nhớ lâu, chứ no đủ cả thì... Đêm ấy, đạp xe về trường, cả bọn đề ra quyết định, tháng học bổng sau sẽ đến phố Hai Bà Trưng để tiếp tục thưởng thức, Hiền “văn sĩ” của phòng phải tham gia đầy đủ để lấy tư liệu viết bài về quẩy nóng, nhuận bút sẽ bù vào số tiền cả hội đã trích ra “thực tế”.

Mùa đông đến rồi lại đi, những hàng quẩy vẫn ở yên chỗ cũ, chỉ có lũ sinh viên chúng tôi là thay đổi. Những ngày tháng say sưa ở giảng đường, thư viện; những kỳ thi căng thẳng, mệt mỏi... Thoắt cái đã đến năm cuối cùng, những “địa chỉ vàng” ở Hà Nội chúng tôi đã nếm xong mà bài báo mong đợi vẫn chưa

xuất hiện! Hiền “văn sĩ” không còn mơ màng bên đĩa quẩy nóng ngày nào. Ngày chia tay nhau lên đường đi thực tập tốt nghiệp, chúng tôi lại cùng nhau đi ăn quẩy. Trái với lệ thường, tất cả hôm ấy đều im ắng và ít nói, chị chủ quán đôi má bồ quân nhìn lũ sinh viên quen thuộc bằng đôi mắt lạ lùng. Quẩy ơi! Hà Nội ơi!... Ta sắp sửa chia tay, những kỷ niệm thân quen xao xuyến ùa về, 4 năm đại học sao mà ngắn ngủi. Bao giờ lại đông đủ nhau để cùng đi ăn quẩy? Có lẽ... Có lẽ, chưa ai khẳng định được điều ấy. Kỷ niệm về Hà Nội sẽ mãi theo trong hành trang vào đời của mỗi chúng tôi, trong đó có thứ quà quẩy nóng.

CHỖ BÁNH KHÚC CỦA DÌ TÔI

Hàng năm, tôi được theo thầy mẹ về quê ngoại. Đạo đó, dì tôi chưa lấy chồng. Bà tôi sai dì đi hái rau khúc về làm bánh. Ở Hà Nội về, tôi rất thích ra đồng. Tôi xin với bà ngoại:

- Bà ơi cho cháu đi hái rau khúc với dì.
- Ừ thì cháu đi, nhưng không được để bẩn quần áo đấy.

Đạo ấy, quê tôi một màu áo nâu. Nhiều người ăn mặc tằn tiện, lấy vải dầy, nhuộm kỹ làm đẹp.

Có nhiều người quần áo còn vá chằng, vá đụp. Tôi mặc áo len, quần tây có khác gì một hoàng tử tí hon trong truyện cổ tích... Đến bà tôi cũng còn thấy tôi sang trọng nữa là...

Dì tôi cười tủm tỉm, cầm tay tôi rủ đi. Dì cắp theo một chiếc rổ lớn... Giáp tết, trời sương không phải đi xa, dì cháu tôi đến bên mép đầm chiêm. Tôi chẳng biết hình dáng rau khúc thế nào. Vẫn tưởng là hái cũng chẳng lâu la gì như hái rau cần, rau muống...

Nhưng không phải thế. Đến khi dì tôi hái những ngọn rau đầu tiên vào rổ, tôi mới biết đó là thứ rau rất nhỏ, cả cây rau chỉ

bằng một mầm cỏ non vừa nhú... Lá rau như mạ bạc, trông như được phủ bằng một lượt tuyết cực mỏng... Những hạt sương còn đọng trên lá làm cho cây rau khúc thật tươi, thật đẹp. Thấy những hạt sương long lanh giống như bóng đèn pha lê nhỏ mà những thân rau chính là những cây đèn, tôi buột miệng thốt lên:

– Dì ơi, rau khúc thấp đèn suốt đêm đến sáng!

Dì tôi khen:

– Cháu nói hay quá!

Dì tôi lom khom, tay hái thoăn thoắt. Tôi cũng hái. Thấy những cây rau khúc có hoa nhỏ li ti màu vàng, tôi thích quá hái đầy tay. Dì tôi dặn:

– Cháu hái những cây rau bánh tẻ như dì đây này, đừng hái những cây rau già ấy.

Tôi nhìn trong tay dì, một nắm rau khúc, hàng trăm cây, cây nào cũng như cây nào, không hề có hoa, cây nào cũng ngấn bạc. Nắm rau khúc phát sáng trong lòng bàn tay hồng hào xinh đẹp của dì, khiến tôi nhớ mãi...

Hai dì cháu tôi hái đầy một rổ. Dì tôi hái là chính, tôi hái được bao nhiêu! Vậy mà khi hai dì cháu tôi bước vào trong sân, thì bà ngoại, cậu, mợ ai cũng khen tôi chịu khó. Mùi tôi phồng lên. Còn dì tôi âu yếm, cười tủm tỉm.

Tôi ngủ một giấc, bị gọi dậy! Đã thấy giữa nhà ngạt ngào mùi bánh khúc... Mọi người ngồi quanh giường. Dì tôi mang chõ bánh lên, vung vừa mở ra, hơi nóng còn bốc lên nghi ngút. Hương thơm của áo bánh bằng gạo nếp hoa vàng đã ngạt ngào hấp dẫn biết bao, lại có cái mùi nhẹ hăng hắc của rau khúc đã được thành bánh, khiến tôi thêm đến chảy nước dãi...

Mỗi chiếc bánh được đặt vào một miếng lá chuối được hơ qua lửa thật mềm. Dì tôi đơm ra đĩa mời những người trên còn những

các loại cháu như tôi và mấy đứa con cậu, mợ thì đều ăn bánh kẹp trong lá chuối cả... Mỗi chiếc bánh khúc trông đẹp như mỗi bông hoa... Bánh màu rêu xanh lấp lóa trong chiếc áo xôi nếp trắng thơm. Cắn một miếng bánh thì như cả hương đồng, cỏ nội của quê hương gói vào trong đó! Nhân bánh khúc càng ngon. Đó là một cục đậu xanh giã nhỏ đãi vỏ vàng chói, xen vào một thỏi mỡ xinh xắn, pha hạt tiêu, khiến cho miếng bánh có đủ mùi của hoa đồng, của những vật phẩm thượng hạng của đồng quê đó là nếp hoa vàng, đậu xanh... Chao ơi, vị ngon của chiếc bánh khúc lần đầu tiên trong đời làm sao quên được!

Cho đến bây giờ, cứ nghe tiếng rao bánh khúc trong đêm khuya, lòng tôi cứ bồn chồn rạo rức. Những ngày đầu về quê, ăn bánh khúc chính phẩm lại hiện rõ lên từ búp tay hái lá của dì, những cây rau thấp đèn pha lê như tranh nhau mời dì cháu tôi hái về làm bánh.

Dì tôi sau này lấy chồng nghèo, thường giáp tết vẫn hái rau khúc làm bánh, ra chợ bán! Khi tôi về, ra chợ, dì tôi vẫn mời vài chiếc bánh. Tôi thương dì đến quận lòng khi thấy dì ngồi bên chõ bánh khúc, tóc đã bạc trắng như bông...

Tết về, tết lại sắp về rồi. Dì tôi không còn nữa. Tôi về quê, đồng ruộng mấy mùa nối nhau, rau khúc không còn chỗ mà mọc. Nhưng tôi vẫn chậm chậm khi đi qua cánh bãi ven đồng, lặng ngắm những cây rau khúc nhỏ, mọc chen với cỏ trong những rãnh mạ chiêm... Những cây rau khúc vẫn đang thấp đèn pha lê suốt từ đêm đến sáng, chờ người đến hái.

NGUYỄN VINH PHÚC

CON ĐƯỜNG, DÒNG SÔNG VÀ LỊCH SỬ

Những đường bộ và những dòng sông chính.

Thành phố Hà Nội hiện nay, với diện tích 927,39 km², gồm 7 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành, đã là nơi gặp gỡ của khá nhiều đầu mối giao thông thủy bộ.

Về đường bộ, hội tụ ở đây nhiều quốc lộ cũng như nhiều con đường liên tỉnh chính.

Quốc lộ 1A, con đường huyết mạch xuyên dọc theo chiều dài của đất nước, từ cửa quan Hữu Nghị đến thị trấn Gò Dầu Hạ. Phần quốc lộ 1A chạy trên đất Hà Nội là 26km, từ xã Yên Thường (huyện Gia Lâm) đến xã Liên Ninh (huyện Thanh Trì), đã nối Thủ đô với tỉnh Lạng Sơn cũng như với các tỉnh miền Trung và miền Nam của Tổ quốc.

Quốc lộ 3 đưa Hà Nội tới các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn và Cao Bằng, qua các vùng giàu có về nguyên liệu và các trung tâm công nghiệp luyện kim đen (Thái Nguyên), luyện kim màu (Tĩnh túc). Quốc lộ này tách ra từ đường 1A ở xã Yên Viên (huyện Gia

Lâm) rồi theo hướng Bắc chạy suốt 47km tới xã Trung Giã (huyện Sóc Sơn) là hết địa phận Hà Nội.

Quốc lộ 2 nối Thủ đô với các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang. Hà Tuyên chạy qua các vùng cây công nghiệp (chè, sơn...) và trung tâm công nghiệp hóa chất Việt Trì. Con đường này tách từ quốc lộ 3 ở xã Phú Lỗ (huyện Sóc Sơn) và cứ hướng Tây mà chạy 10 km tới hết xã Thanh Nhân (huyện Sóc Sơn) là sang địa hạt tỉnh Vĩnh Phúc.

Quốc lộ 5 từ Hà Nội xuống cảng Hải Phòng, tách khỏi quốc lộ 1A ở xã Gia Thụy thuộc huyện Gia Lâm chạy 12km trên đất huyện này, tới xã Dương Xá là hết địa phận Hà Nội. Cũng từ Dương Xá có con đường từ quốc lộ 5 chạy vòng về phía sông Đuống để tới các huyện phía Nam tỉnh Hà Bắc là Thuận Thành và Gia Lương, con đường đó mang số 182.

Quốc lộ 6 gần Thủ đô với các tỉnh phía Tây: Hà Tây, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, băng ngang qua các vùng kinh tế mới... Quốc lộ đó khởi đầu từ nội thành, nếu tính từ cửa ô Chợ Dừa đến Chúc Sơn thì cung đường đi các huyện phía nam tỉnh Hà Tây. ở km 14 (tức nơi gọi là Ba La) có đường 22 chạy về Vân Đình, Đục Khê vào chùa Hương Tích hoặc có thể đi xuống Kim Bảng (Hà Nam). Còn ở Chúc Sơn có đường 21B tách ra chạy xuôi về ngã ba Thá (nơi sông Tích đổ nước vào sông Đáy), nếu rẽ sang phía Tây thì tới Miếu Môn gặp đường 21A, còn đi xuôi thì cũng sẽ tới Vân Đình.

Ngoài các quốc lộ trên, đường 32 cũng là một tuyến đường chính từ Hà Nội lên Hưng Hóa, ngưỡng cửa của vùng trung du bên hữu ngạn sông Hồng. Nếu tính từ Cầu Giấy đến ngã tư Nhỏn thì đường 32 chạy trên đất Hà Nội 6km.

Về đường thủy, ở trên địa bàn Hà Nội đã tụ lại rồi tỏa ra nhiều dòng sông lớn nhỏ.

Trước hết phải kể tới sông Hồng, con sông đỏ nặng phù sa này đi vào Hà Nội ở xã Thượng Cát (huyện Từ Liêm) tới hết xã Vạn Phúc (huyện Thanh Trì) cũng là hết địa phận Hà Nội, tổng cộng 30km.

Sông Nhuệ bắt nguồn từ cửa Hàm Rồng thuộc làng Hạ Mỗ huyện Đan Phượng (tỉnh Hà Tây) cũng chảy về hướng Nam, tới hết xã Đại Áng (huyện Thanh Trì) là sang đất Hà Tây độ dài 27km.

Sông Tô Lịch từ vườn ươm bên bờ nam Hồ Tây chạy song hành với hai con đường Thụy Khuê và Hoàng Hoa Thám (đi kèm ở hai bên) tới chợ Bưởi thì quẹo vuông góc xuống hướng nam, cũng từ đó Tô Lịch đã ra dáng một con sông, chảy qua Cầu Giấy, Cống Mọc, Kim Lũ; tới đây một nhánh đi ngang nhập vào sông Nhuệ ở làng Quang Liệt, một nhánh chảy xuôi qua Ích Vịnh, Ngọc Hồi, Đồng Phú, Thọ Am, Nhị Khê (quê Nguyễn Trãi) rồi lại cũng nhập vào sông Nhuệ ở Hà Liễu⁽¹⁾.

Đó là những phụ lưu và chi lưu sông Hồng bên hữu ngạn. Còn bên tả ngạn thì ngay chỗ giáp giới Vĩnh Phúc và Hà Nội có sông Cà Lồ. Sông này vốn bắt nguồn từ sông Hồng, chỗ xã Trung Hà (huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc). Nhưng năm 1920, chính quyền thực dân xây một đập chắn ở chỗ cửa sông, phù sa được thể bồi lấp dần; cho nên ngày nay nguồn sông Cà Lồ ở xã Vạn Yên (huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc) cách bờ sông Hồng tới 3km.

Từ Vạn Yên sông ngoằn ngoèo theo hướng tây nam – đông bắc vòng quanh thị xã Phúc Yên rồi theo một đường vòng cung

(1) Sông Tô Lịch nguyên có hai nguồn. Một là từ Hồ Tây chảy ra ở nơi nay là Hồ Khẩu. Một là từ sông Hồng, nơi này là phố Nguyễn Siêu vốn là giáp Giang Nguyên (nguồn sông) thuộc thôn Cổ Lương. Năm 1889, thực dân Pháp cho lấp đoạn đầu sông Tô, lập ra các phố Nguyễn Siêu, Hàng Lược, Phan Đình Phùng, đồng thời lấp cả nguồn Hồ Khẩu.

chảy qua hai huyện Mê Linh và Sóc Sơn để đổ vào sông Cầu ở thôn Lương Phúc, xã Việt Long (Sóc Sơn), dài cả thảy 86km.

Một chi lưu khác của sông Hồng ở bên tả ngạn là sông Đuống. Bắt đầu từ Xuân Canh, dòng Đuống uốn lượn theo hướng chung là Tây – Đông, cắt quốc lộ 1A ở Thanh Am (Cầu Đuống) qua Phù Đổng, quê hương của anh hùng thần thoại Thánh Gióng tới hết đất xã Lệ Chi (huyện Gia Lâm) là sang địa phận huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, sông nước ấy dài trên 20km.

Thực ra nói cho đầy đủ thì sông Hồng, về tả ngạn còn một chi lưu nữa, đó là sông Thiếp. Sông này tách từ sông Hồng ra ở nơi nay là xã Đại Mạch (huyện Đông Anh). Nhưng cũng từ lâu rồi cửa sông đã bị lấp. Khúc đầu sông cạn dần đi. Đám Vân Trì trở thành nơi phát nguyên của sông Thiếp. Sông vòng về theo hướng Tây – Đông, qua Cổ Loa, Dục Tú, đến làng Thạc Quả thì hết đất huyện Đông Anh, sang đất huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Từ đây sông có tên là Ngũ Huyện Khê và đổ vào sông Cầu ở làng Quả Lâm phía Bắc thị xã Bắc Ninh.

Con đường – dòng sông và lịch sử

Những con đường và những dòng sông trên đã tạo điều kiện cho sản vật và hàng hoá ở khắp mọi vùng rừng, biển, Bắc, Nam đổ về Hà Nội và ngược lại sản vật và hàng hóa của Hà Nội cũng theo những nẻo đường thủy bộ ấy mà tỏa đi bốn phương.

Mặt khác, do quy tụ lại ở Thủ đô ngàn năm văn hiến nên những con đường và những dòng sông trên vừa đảm bảo thuận lợi cho sự lãnh đạo của chính quyền Trung ương thấu tới các địa phương; đồng thời làm cho có hiệu lực hơn công việc giữ gìn an ninh, quốc phòng. Sông chính cũng do vai trò đó mà khi giặc xâm lăng nước ta thì chúng cũng nhằm theo các nẻo đường trên

mà tiến về Hà Nội. Ngược lại, để giải phóng Hà Nội quân dân ta cũng nhằm theo các nẻo đường này mà tiến đánh quân thù. Cho nên ngoài những giá trị tự thân về kinh tế, chính trị và quốc phòng như vậy, những tuyến đường thủy bộ còn có những giá trị, những ý nghĩa do lịch sử mang lại, cũng như chính chúng mang lại cho lịch sử. Những trang dưới đây sẽ phác họa lại “chất lịch sử” đó của những nẻo đường Hà Nội rất quen thuộc đối với chúng ta.

Lấy nội thành làm trung tâm thì các ngã đường tỏa ra theo những hướng sau: Quốc lộ 1A đi về hướng Đông – Bắc qua cầu Long Biên, dài 1680 mét xây dựng từ những năm 1898 – 1902. Đi hết địa phận thị trấn này đến chỗ đường bộ và đường xe lửa giao nhau thì cũng là chỗ khởi đầu của quốc lộ 5 chạy xuống Hải Phòng.

Đến km 9 + 400 gặp Cầu Đuống. Qua khỏi cầu cũng là nơi khởi đầu quốc lộ 3. Km 10 + 900 thị trấn Yên Viên. có ga xe lửa. Yên Viên còn là quê hương nhà yêu nước Nguyễn Khắc Cần (1873 – 1913) – người đã tham dự vụ ném bom vào Khách sạn Hà Nội (Hanoi hotel) ở phố Tràng Tiền ngày 26-4-1913, giết hai tên sĩ quan Pháp thực dân.

Km 13 là xã Yên Thường, quê hương Phạm Thái (1777 – 1813) – tác giả tập truyện thơ nổi tiếng **Sơ kính tân trang** nhưng cũng lại là một kẻ chống đối phong trào Tây Sơn khá cuồng nhiệt! Hết địa phận xã Yên Thường cũng là hết địa phận Hà Nội.

Trở lại hướng Nam, km 5 là gia Giáp Bát. Km 7 bên tay phải là làng Định Công, quê hương của Bùi Xương Trạch (1451 – 1529) con nhà nghèo mà có chí, chăm học, đỗ tiến sĩ đời Lê Thánh Tông, là tác giả bài “Quảng Văn Đình ký” – một bài bút ký viết về đình Quảng Văn ở cửa Đại Hưng, nơi niêm yết các chính lệnh

của triều đình, nay là chỗ vườn hoa Cửa Nam. Km 9 là Cầu Tiên, một địa điểm đã đi vào thơ ca. Trong bài *Ai tư vân* khóc vua Quang Trung, công chúa Ngọc Hân có viết:

Cầu Tiên khói tỏa đình non

Xe rồng thăm thăm, bóng loan rầu rầu

Nguyên do, sau khi vua Quang Trung qua đời ở Phú Xuân (Huế), nhà Thanh có cử một sứ bộ sang điều tang. Triều đình Tây Sơn lúc bấy giờ không muốn bọn bành trướng nham hiểm này vào quá sâu trong đất ta mới làm một ngôi lăng giả ở Cầu Tiên để đón sứ bộ Mãn Thanh.

Km 19 + 900 là Văn Điển, nhà ga, có di chỉ khảo cổ thuộc giai đoạn Phùng Nguyên⁽¹⁾.

Km 13 là cầu Ngọc Hồi qua sông Tô, hết địa hạt Hà Nội. Cũng từ bên bờ Nam cầu trải ra khu di tích chiến trường Ngọc Hồi mà mùa xuân năm 1789, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh một trận vô cùng ác liệt, tiêu diệt toàn bộ đồn ải quân Thanh.

Quốc lộ 3 từ quốc lộ 1A tách ra ở bên kia cầu Đuống chạy chéo theo hướng Đông Nam - Tây Bắc.

Km 12 là làng Lộc Hà, quê hương nhà văn hiện thực xuất sắc Ngô Tất Tố (1892 – 1954).

Km 14, bên phía Nam là làng Tiên Hội, có di chỉ khảo cổ thuộc giai đoạn Đồng Đậu, bên phía Bắc là làng Mạch Tràng có nhiều ngôi mộ cổ xây bằng gạch, mà chủ nhân là bọn quan quân nhà Hán sinh sống khoảng đầu thế kỷ thứ II. Điều này chứng tỏ

(1) Thời đại Kim khí ở lưu vực sông Hồng được tạm thời chia ra 4 giai đoạn (hoặc văn hóa) kế tiếp nhau.

- Giai đoạn Phùng Nguyên cách đây khoảng 4 nghìn năm.
- Giai đoạn Đồng Đậu cách đây khoảng trên 3 nghìn năm.
- Giai đoạn Gò Mun cách đây khoảng 3 nghìn năm.
- Giai đoạn Đông Sơn cách đây khoảng 2 nghìn rưỡi năm.

Mạch Tràng là một điểm cư dân có lịch sử lâu đời, ít ra là non hai chục thế kỷ.

Còn phía Bắc Mạch Tràng thì chính là khu vực Cổ Loa, hai lần là kinh đô nước ta, lần đầu với nhà nước Âu Lạc (229 – 179 tr.C.n) và lần sau với nhà nước Ngô Vương Quyền (939 – 944).

Km 22 là huyện lỵ Đông Anh. Từ đây đường chạy thẳng theo hướng Nam – Bắc, đến Km 27 qua sông Cà Lồ, tiến tới Phủ Lỗ. Phủ Lỗ từng là một cửa quan ải quan trọng, thời Tiền Lê (thế kỷ X) có tên là cửa Bình Lỗ. Theo một số nhà sử học năm 981. Lê Đại Hành đã đánh thắng quân Tống xâm lược tại cửa quan này.

Km 32 + 800 là thị trấn huyện lỵ Sóc Sơn. Vì đây là lỵ sở phủ Đa Phúc cũ nên thị trấn này còn quen gọi là Phủ Đa. Phía Đông Phủ Đa là làng Xuân Dục với hai thôn Đông và Đoài và hai quả núi chầu nhau, có tên là “núi Đôi”. Làng ấy và núi ấy cũng đã đi vào văn học. Nhà thơ Vũ Cao có bài *Núi Đôi*, một bài thơ thật hay, viết trong thời kháng chiến chống Pháp:

Lối ta đi giữa hai sườn núi

Đôi ngọn nên làng gọi núi Đôi.

Em vẫn đùa anh: sao khéo thế

Núi chồng, núi vợ đứng song đôi...

Cũng từ Phủ Đa trở lên, về phía Tây là cụm các làng Phủ Mã, Vệ Linh vây quần dưới chân núi Sóc. nơi còn lưu giữ nhiều ký ức về các dấu tích huyền kỳ của anh hùng thần thoại Thánh Gióng. Sau khi dẹp xong giặc Ân, chàng tới đây, thúc ngựa lên đỉnh núi Sóc, cởi áo giáp khoác vào một cây trầm rồi cả người lẫn ngựa bay lên trời xanh.

Km 40 là Trung Giã, hết địa phận Hà Nội.

Quốc lộ 2 tách ra từ quốc lộ 3 ở Phủ Lỗ (tính từ nội thành Hà

Nội đến đây là Km 27 + 800). Từ Phủ Lỗ đi sang hướng Tây khoảng 2km thì bên phải là Sân bay quốc tế Nội Bài và bên trái là làng Phù Xá – quê hương một cặp vợ chồng thi sĩ: Phù Thúc Hoàn và Nguyễn Hạ Huệ, sống hồi cuối thế kỷ XV. Ông Hoàn còn để lại cho chúng ta hai bài thơ đẹp viết về mùa xuân. Bà Huệ thì có bốn bài vịnh bốn mùa cũng rất đặc sắc.

Đến Km 38 cũng là điểm cuối của địa phận Hà Nội. Nơi đó là làng Thanh Nhân tương truyền Thánh Gióng từng dừng lại ở đây trước khi lên núi Sóc. Do đó tại làng này cũng có đền Thánh Gióng, có tượng Gióng khá lớn.

Quốc lộ 5 tách từ quốc lộ 1A ở Cầu Chui (xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm) chạy về hướng Đông. Cũng từ đây trải ra ở bên phải khu vực Đông của sân bay Gia Lâm, dài trên 2km. Đến Km 11 là trị trấn Trâu Quỳ, cách mặt đường vài trăm mét về mạn Bắc còn những vết tích của hành cung Cổ Bi của chúa Trịnh xây dựng từ năm 1727: nền cung điện, voi đá, nghê đá v.v...

Km 15 là ga xe lửa Phú Thụy. Đây là đất làng Dương Xá – quê hương của bà Ý Lan, một cô gái chân tầm, năm 1063 trở thành cung phi của vua Lý Thánh Tông và chín năm sau, năm 1072, trở thành Thái hậu vì con là Càn Đức lên ngôi vua. Ý Lan đã cầm quyền thay con có tới chục năm trời. Hai phen đại tướng Lý Thường Kiệt đánh Tống (năm 1072 và 1077) tất có ý kiến chỉ đạo của bà. Theo truyền thuyết ở làng này thì Ý Lan lại chính là cô Tấm trong câu chuyện cổ tích “Tấm Cám” rất quen thuộc của chúng ta. Ngôi chùa bà Tấm thờ Ý Lan Thái hậu nay còn sót lại một nền cao và một bệ đá khắc hình chim phượng tuyệt đẹp, niềm hãnh diện của nghệ thuật điêu khắc đời Lý. Đến đây, cũng là hết địa phận Hà Nội.

Quốc lộ 6 chạy về hướng Tây Nam có thể coi đầu mút của nó

là cửa ô Chợ Dừa. Mối khởi của ô vài trăm mét, bên trái, nơi số nhà 73 phố Nam Đồng chính là đình của làng này, tương truyền được dựng bên cạnh lăng mộ anh hùng Lý Thường Kiệt.

Km 3 ngay cạnh đường (bên phải) có gò Đống Đa, nơi chôn vùi xác giặc Thanh trong chiến dịch giải phóng Thăng Long mùa xuân năm 1789, còn bên trái là chùa Đông Quang do hai làng Nam Đồng và Thịnh Quang chung nhau xây nên sau chiến thắng Đống Đa để làm nơi “siêu sinh tịnh độ” cho đám “ma khách” lạc loài.

Km 5 là Ngã Tư Sở do ngày trước là đất thuộc Thịnh Quang Sở nên thành tên gọi. Sở là một loại đồn điền do triều đình nhà Lê lập ra để làm nơi tập trung những dân phiêu tán, hoặc tù binh Chăm. Từ đây trở đi quốc lộ 6 chạy trên đất các làng kẻ Mọc, cũng là chạy qua khu công nghiệp Thượng Đình với trên ba chục nhà máy, xí nghiệp Trung ương và địa phương. Nhà máy đầu tiên được xây dựng ở đây là Nhà máy cơ khí Hà Nội (một thời gian quen gọi là Nhà máy Trung quy mô) khởi công xây dựng ngày 15-12-1955. Nay nhà máy này đổi tên là Công ty cơ khí Hà Nội.

Km 7,5 là Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

Km 9, bên trái là đất làng Triều Khúc, một làng có tới trên 30 nghề thủ công khác nhau. Tương truyền Triều Khúc còn là nơi Phùng Hưng đóng quân trong lần bao vây thành Đại La năm 791. Lại cũng ở đây có di chỉ khảo cổ thuộc giai đoạn Phùng Nguyên.

Đến Km 9,5 là hết địa phận Hà Nội, sang địa phận thị xã Hà Đông (tỉnh Hà Tây).

Km 10 vượt cầu Đơ trên sông Nhuệ đi vào thị xã Hà Đông. Thị xã này có từ năm 1904 để làm tỉnh lỵ tỉnh Hà Đông mới lập

ra trong năm đó. Bên phải thị xã về phía Bắc là làng Vạn Phúc có nghề tơ lụa cổ truyền. Ngày trước thế, vạn Vạn Phúc được bán trên khắp đất nước và cả xuất ra nước ngoài.

Vạn Phúc lại còn là một cơ sở cách mạng ngoan cường: những năm 1939 – 1945 nơi đó là khu an toàn của Xứ ủy Bắc Kỳ và của Trung ương Đảng – Đồng chí Trường Chinh đã từng có thời gian làm việc ở đây. Cũng chính nơi đây đã được vinh dự đón Hồ Chủ tịch về ở và làm việc từ ngày mùng 3 đến ngày 20-12-1946. Tại đây Bác Hồ đã thảo ra một văn kiện quan trọng: “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”.

Km 14 ở chỗ tiếp giáp ba làng La (La Khê, Văn La, La Nội) gọi là Ba La, tách ra đường 22 chạy xuôi về Thanh Oai, Văn Đình, Phú Lý.

Km 18 qua cầu Mai Lĩnh trên sông Đáy.

Km 21 + 300 là Chúc Sơn. Thế kỷ XV nơi đây gọi là Chúc Động, từng là một chiến trường phối hợp với chiến trường Tốt Động tiêu diệt 6 vạn quân Minh xâm lược. Cũng từ Chúc Sơn có đường tách ra, chạy xuôi về Quảng Bi, Ba Thá, Tế Tiêu. Đó là đường 21B.

Từ Chúc Sơn đi tạt lên phía Bắc quốc lộ 6 chỉ vài ba ki-lô-mét có thể tới chùa Trầm (thuộc xã Phụng Châu, huyện Hoài Đức) và chùa Trầm Gian (xã Tiên Phương, cùng huyện Hoài Đức) là những danh lam nổi tiếng.

Đường 32 (có thời kỳ gọi là Đường 11A) có tính chất liên tỉnh, nối Hà Nội với vùng đất bên hữu ngạn sông Hồng của tỉnh Phú Thọ. Có thể tính điểm khởi đầu là Cầu Giấy bắc ngang sông Tô Lịch. Gọi tên như vậy vì bên kia sông Tô là làng An Hòa từ xưa có nghề làm giấy và thường bày bán giấy trên bờ sông. Cầu Giấy nay xây bằng xi măng nhưng thuở xưa là cầu gỗ và hồi thế

kỷ XVII đó là một cầu đẹp, có mái che. Tấm bia khắc năm 1659 do ông nghệ Bùi Đình Trinh người làng Hương Canh soạn có tả cầu này như sau: "... cầu dài 15 gian như chim nhận bay qua trời thu, như cầu vòng ôm dòng Ngân Giang... Mùa hè có những ông già ngồi uống rượu ở hai bên sạp cầu...".

Qua làng An Hòa tới một cụm 4 làng Dịch Vọng Tiến, Dịch Vọng Trung, Dịch Vọng Hậu và Dịch Vọng Sở, tên nôm là làng Vòng, quê hương của loại cốm nổi tiếng. Cốm Vòng và hồng trứng một thời là quà sêu Tết. Hồng, cốm tốt đôi.

Km 6, phủ ly phủ Hoài Đức cũ.

Km 10, Cầu Diễn bắc qua sông Nhuệ.

Km 11,5 là Ngã Tư Nhổn, hết địa phận Hà Nội.

Km 20 thị trấn Phùng, huyện lỵ huyện Đan Phượng.

Ngày 1 và 2 tháng 9 – 1882 tại đây quân ta đã chặn đánh quân Pháp xâm lược, gây một tiếng vang lớn thời bấy giờ.

Quá trị trấn Phùng 1 km là sông Đáy. Năm 1903 thực dân Pháp xây dựng một cây cầu ba nhịp 142m. Cầu này trong kháng chiến chống Pháp, quân dân ta đã phá hủy vào năm 1947. Ngày nay đường vượt sông ở đập Đáy, phía dưới cầu cũ 2km. Đập này xây từ năm 1934 đến năm 1937 nhưng cho tới năm 1945, ba lần cần phân lũ thì cả ba lần đều có sự cố và bị hư hỏng. Năm 1975, ta đã cải tạo lại và đưa vào sử dụng, qua mấy vụ lũ lớn đều rất hiệu quả.

Km 41 là thị xã Sơn Tây, nguyên là đất xã Thuận Nghệ, trở thành tỉnh lỵ tỉnh Sơn Tây từ năm 1820.

Cuối cùng, đường 182 tuy đi trên đất Hà Nội không dài, chỉ khoảng 7km nhưng cũng qua những vùng lịch sử đáng lưu ý. Tách từ quốc lộ 5 ở ga Phú Thụy, đường 182 chạy ngược về phía sông Đuống, qua làng Dương Xá (đã nêu ở trên) rồi làng Phú Thị

(tên nôm là làng Sủi) – quê hương danh sĩ Cao Bá Quát (1809 – 1854), làng Kim Sơn (tên nôm là làng Then) – quê hương danh sĩ Nguyễn Mậu Tài (1615 – 1688), làng Giao Tất (tên nôm là làng Keo) – quê hương tiến sĩ Ngô Tào, tác giả bài văn bia khắc năm 1586 nói về việc sửa chữa nhịp cầu đá trước cửa nhà chùa Báo Nghiêm (cũng có tên là chùa Keo), chỗ ngày nay là kho lương thực chợ Keo. Bia đó nay vẫn còn ở sát ngay vệ đường. Hết địa phận làng Giao Tất, đường 182 đi thêm 1km trên đất làng Kim Hồ là bước sang huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc⁽¹⁾.

Không thua gì những đường bộ, các dòng sông của Hà Nội cũng chảy qua những xóm làng, những bờ bến, những dải đất, những cánh đồng mà “chất lịch sử” vẫn vang vọng trong sóng nước nghìn đời. Dưới đây sẽ điểm ra vài nét chính là lịch sử đã đem lại cho sông Hồng, con sông chủ lực của Hà Nội. (Với các sông khác, vì những địa điểm có liên quan đến lịch sử phần lớn trùng với giao điểm các đường bộ nên không nhắc lại nữa).

Sông Hồng vào Hà Nội từ xã Thượng Cát (huyện Từ Liêm) đồng thời làm ranh giới tự nhiên cho Hà Nội và Vĩnh Phúc. bên hữu ngạn là đất Hà Nội, bên tả ngạn là đất Vĩnh Phúc.

Nguyên Thượng Cát có hai làng: Thượng và Hạ. Nay Hạ Cát đổi là Đại Cát. Vào thế kỷ thứ VI đây là bãi Quân Thần, nơi vua Triệu Quan Phục đã kẻ một đường cắt ngang chia phần đất phía trên (phía Tây) cho Lý Phạt Tử. Do chữ Hán cắt có nghĩa là kẻ nên đất phía trên đường kẻ được gọi là Thượng Cát, và làng phía dưới gọi là Hạ Cát.

Dưới hai làng Thượng Cát. Hạ Cát là Liên Mạc. Từ đây đổ xuôi bên hữu ngạn đến Chèm – Vẽ và bên tả ngạn thì từ Đại Độ qua Vòng La, Yên Hà, Hải Bối, Ngọc Giang (đều thuộc huyện

(1) Đường 182 còn một đầu nối với đê sông Đuống ở dốc Lồi.

Đông Anh), trong thời kỳ 1936 – 1945 là cơ sở của Trung ương Đảng.

Ngoài ra ở Chèm (tên chữ là Thụy Phương) còn có ngôi đền Lý Ông Trọng, một danh nhân đời Thục. Làng Vẽ thì có tên chữ là Đông Ngạc, vốn là quê của Phan Phù Tiên, nhà soạn sử tiền bối sống khoảng nửa đầu thế kỷ XV. Từ làng Vẽ, bên hữu ngạn, sông chảy qua làng Kiếu, làng Bạch tới Xù, Gạ. Xù, Gạ tên chữ là Phú Xá, Phú Gia. Đây là mảnh đất đầu tiên của Hà Nội được vinh dự được đón Bác Hồ vào ngày 23-8-1945 từ Việt Bắc về. Bác ở đây một ngày đêm rồi sau đó mới vào nội thành.

Sông Hồng qua nội thành, bên hữu ngạn chỗ phía trên cầu Long Biên là bến Đông Bộ Đầu thời Trần, bên tả ngạn phía dưới cầu Long Biên chỗ Phú Viện ngày nay là doanh Bồ Đề thời Lê Lợi đánh quân Minh. Cũng bên tả ngạn cách Bồ Đề 7km về xuôi có làng Bát Tràng, cái nôi của nghề sứ gốm nước ta. Thế kỷ XV Nguyễn Trãi đã ghi nghề gốm Bát Tràng vào sách **Dư địa chí**, coi như niềm tự hào của nghề thủ công cổ truyền của người đất Thượng Kinh. Dưới Bát Tràng 4km, cũng trên bờ trái sông Hồng là làng Chử Xá, quê hương Chử Đồng Tử – nhân vật chính trong truyền thuyết Chử Đồng Tử lấy công chúa Tiên Dung con vua Hùng thứ 18. Đến đây cũng là hết địa phận Hà Nội.

Quay sang hữu ngạn, dưới bến Đông Bộ Đầu, dưới cả cửa sông Tô, ở chỗ ngày nay là Cột Đồng Hồ, thì vào thế kỷ XV, XVI có một bến đò ngang là Đông Tân. Khi xâm lược nước ta, tướng giặc Minh là Trương Phụ đã cho bắc một cầu phao ở chỗ này để nối đôi bờ sông Cái⁽¹⁾.

(1) Sách “Hà Nội địa dư” của Dương Bá Cung ghi: “Đời Minh, Trương Phụ bắc cầu phao ở đình Kiên Nghĩa là nơi các triều trước tiếp sứ Tàu gọi là Đông Tân Kiếu, tên nôm là Cầu Cháy”. Làng Kiên Nghĩa nay là khu vực các phố Mã Mây – Hàng Chính. Như vậy đầu Nam cầu Chương Dương ngày nay chính là bến Đông Tân thời xưa.

Dưới bến Đông Tân, chỗ nay là Viện Bảo tàng lịch sử thì vào thời Quang Trung đại phá quân Thanh là bến Tây Long. Sông Hồng ở đoạn đó đã làm mồ chôn hàng vạn quân xâm lược.

Sông nước Hà Nội đã góp phần không nhỏ làm nên bề dày lịch sử của dải đất ngàn năm văn vật đáng yêu của chúng ta.

Đường sắt và đường hàng không

So với đường bộ và đường sông thì đường sắt và đường hàng không là những “đàn em” quá trẻ. Nhưng công dụng của các “đàn em” này thì có nhiều điểm lại vượt các vị “đàn anh”. Tàu chạy trên đường sắt có thể chở nặng, chở nhiều hơn xe cộ trên đường bộ, lại nhanh hơn vận tải đường thủy. Một năm bốn mùa, xe lửa có thể chạy bình thường.

Thời Pháp thuộc, thực dân dùng đường sắt làm phương tiện bóc lột và đàn áp dân ta.

Ngay từ khi đặt xong bộ máy cai trị ở Bắc Bộ, ngoài việc triệt để sử dụng sông Hồng, thực dân bắt đầu xây dựng đường sắt song song với việc xây dựng hệ thống các quốc lộ. Nếu ở Nam Bộ đường sắt đầu tiên là đoạn Sài Gòn – Mỹ Tho dài 70km làm từ năm 1881 đến 1885 thì ở Bắc Bộ đường sắt đầu tiên là đoạn Phủ Lạng Thương – Lạng Sơn dài 100km làm từ năm 1890 đến 1894. Các đường này chỉ rộng có 0,60m. Tới những năm cuối thế kỷ XIX thực dân Pháp đầu tư hơn về ngành giao thông này. Nghị định ngày 25-12-1898 của Phủ Toàn quyền Đông Dương cho thống sứ Bắc Kỳ mở công trái 200triệu phở-răng để phát triển đường sắt. Năm 1899 nhà ga chính thức được khởi công và hoàn thành vào năm 1902. Khu vực nhà ga Hàng Cỏ chiếm một diện tích rộng 216.000m². Đây là một vùng nhiều ruộng trũng và hồ ao nằm cạnh đường cái quan, thuộc đất đai các làng Tứ Mỹ, Cung Tiên của huyện Thọ Xương. Có thời kỳ ở chỗ này dân ven thành

cắt cỏ đem tới đây bán cho lính trong thành và các đồn quân tới mua về cho ngựa. Vì vậy có tên là phố Hàng Cỏ và theo đó ga mới xây cũng được gọi là ga Hàng Cỏ, chứ tên trên giấy tờ là ga Trung tâm. Trong khu vực nhà ga, diện tích xây dựng nhà cửa là 10.500m², còn lại là sân đợi tàu và các đường sắt. Đầu tiên chỉ mới có tòa nhà lớn ở giữa, được chia thành 5 khu. Khu giữa là đại sảnh, sân rộng, nóc cao có lối ra sân trước và vào các phòng giấy làm việc. Đại sảnh là chỗ đợi tàu tốc hành xuyên Đông Dương và là cửa hành khách có vé các hạng đắt tiền. Hai bên đại sảnh là các khu bán vé, cân hàng, phòng đợi cho các khách đi tàu chợ (Trong kháng chiến chống Mỹ, trưa ngày 21-12-1972 máy bay địch đã đánh nhà ga này, bom phá sập hoàn toàn gian đại sảnh. Sau khi đất nước thống nhất (1975) nhà ga được xây dựng lại và hoàn thành vào cuối năm 1976. Ngày 4-12-1976 vào hồi 10h55, tại đây đã tổ chức lễ khánh thành đường xe lửa Bắc – Nam sau đúng 30 năm bị gián đoạn).

Đến năm 1902 bắt đầu làm đoạn đường Hà Nội – Phủ Lạng Thương (nay là thị xã Bắc Giang). Sau đó làm tiếp Lạng Sơn đến Đồng Đăng. Năm 1908 thông xe Hà Nội – Đồng Đăng.

Năm 1905 hoàn thành đường Hà Nội – Vinh.

Năm 1910, sau gần 10 năm thi công, đường sắt Hải Phòng – Hà Nội – Vân Nam (dài 394km) được đưa vào sử dụng.

Năm 1936, đường Hà Nội – Sài Gòn hoàn thành sau nhiều giai đoạn thi công từng đoạn một.

Như vậy là cho tới năm nay, từ Hà Nội tỏa ra bốn nẻo đường sắt:

Hà Nội – Đồng Đăng: 163km (thêm đoạn Đồng Đăng – Na Sầm: 16km).

Hà Nội – Hải Phòng: 102km

Hà Nội – Lào Cai: 296km

Hà Nội – Sài Gòn: 1728km (thêm đoạn Sài Gòn – Mỹ Tho: 70km).

Đối với thực dân Pháp, tất cả các đường sắt trên là những công cụ để vơ vét, vắt kiệt tài nguyên của ta, đồng thời để đàn áp về chính trị. Nhất là ở vào những thập niên đầu của thời Pháp thuộc thì mục đích trấn áp các hoạt động kháng chiến của nhân dân ta có vẻ được coi nặng hơn. Do nhận thức mục đích đen tối đó mà nhân dân ta đã cản trở việc xây dựng các tuyến đường này. Tài liệu của chính quyền pháp còn lưu lại những trang cay đắng về thời gian chúng làm con đường sắt Phủ Lạng Thương – Lạng Sơn ấy. Con đường đã được đấu thầu vào cuối năm 1889. Một số tư bản Pháp làm nghề thầu khoán đã đứng ra nhận thầu. Sang năm 1890 bắt đầu công việc thi công. Ban đầu chúng e dè người Việt chỉ thuê nhân công Trung Quốc. Sau vì họ đòi công cao và đòi bảo hiểm nên bọn chủ thầu chuyển sang dùng nhân công Việt Nam. Lúc đó nghĩa quân thuộc phong trào Hoàng Hoa Thám đang hoạt động ở dọc thung lũng sông Thương. Thấy rằng con đường sắt này sẽ tiếp tay không ít cho các cuộc hành quân tiêu diệt của thực dân nên nghĩa quân đã tấn công vào những công trường. Ngày 1-7-1892 tên cai thầu Vơ-danh bị bắt đem lên núi Cai Kinh. Một tháng sau, đội quân của viên quan tư Bon-nô áp tải một đoàn xe chở vật liệu sắt thép bị chặn đánh. Bon-nô mất mạng. Rồi kế đó các cai thầu người Pháp như: Bu-ê, Phơ-rít, Sét-nay... cũng bị nghĩa quân bắt đem đi. Chưa kể một số tên “xếp” ga và “chủ” bưu điện cũng chung số phận với lũ cai thầu nói trên. Vì vậy 100km đường ray, rộng 0,60m, mà phải tròn năm năm mới xong. (Sau này năm 1954 khi ta làm lại con đường Hà Nội – Đồng Đăng dài gấp rưỡi đoạn Phủ Lạng Thương –

Lạng Sơn chỉ mất có bốn tháng, từ tháng 10-1954 đến tháng 2-1955):

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) ba, trong số bốn tuyến đường sắt trên (trừ đường Hà Nội – Hải Phòng) bị ta phá hủy để cản bước tiến của địch.

Từ khi hòa bình lập lại (10-1954) tới nay công việc phục hồi các đường sắt cũ và xây dựng các đường sắt mới được hoàn thành trong những thời gian kỷ lục. Và niềm tự hào lớn của ngành đường sắt là đã hoàn thành đường sắt Thống Nhất Bắc – Nam trong một thời gian ngắn:

Ngày 3-12-1976 Tổng cục Đường sắt và Bộ Giao thông vận tải tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức lễ khánh thành đường sắt Thống Nhất Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh dài 1730km. Công nhân, bộ đội và các tầng lớp nhân dân đã làm mới 626 km đường, trong đó có 475 cầu, 520 cống, 150 nhà ga, đồng thời khôi phục các đoạn cũ từ Huế – Đà Nẵng 130km và Phù Mỹ – Sài Gòn 630km.

Thực ra ngày 4-12-1976 vào lúc 10h55, một đoàn tàu chở hàng đã xuất phát từ ga Hà Nội chạy vào Thành phố Hồ Chí Minh để kiểm tra chất lượng con đường. Tại thời điểm đó, một đoàn tàu rời Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội cũng với nhiệm vụ như trên.

Tính từ khi khởi công ở các đoạn phải làm mới cho tới ngày 4-12-1976 nối xong đoạn ray cuối cùng giữa Chu Lê (Hà Tĩnh) và Minh Cầm (Quảng Bình) là 14 tháng.

Đến nay, từ Hà Nội đã tỏa ra sáu tuyến đường sắt chính:

Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh: 1730km

Hà Nội – Đồng Đăng: 163km

Hà Nội – Hải Phòng: 102km

Hà Nội – Lào Cai: 296km

Hà Nội – Yên Viên – Uông Bí: 140km

Những tuyến đường này cùng với các tuyến đường bộ, đường sông vừa đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của Thủ đô, vừa tạo thuận tiện cho sự di lại của nhân dân Hà Nội về bốn phương của đất nước, lại vừa góp phần củng cố an ninh, quốc phòng, phục vụ cuộc chiến đấu và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Cũng cần nói chút ít đến con đường xe lửa liên vận quốc tế. Con đường này bắt đầu có từ khi phục hồi đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng. Đường này thời Pháp thuộc đã có nhưng ta bóc dỡ trong kháng chiến (1946 - 1954). Sau khi về Thủ đô (tháng 10-1954) Chính phủ đã có kế hoạch phục hồi đường sắt từ Hà Nội lên tới biên giới Việt – Trung. Ngày 22-10-1954 làm lễ khởi công. Sau bốn tháng lao động khẩn trương, ngành đường sắt làm lễ khánh thành vào ngày 28-2-1955.

(Thực ra ngày 30-1-1955 chuyến xe lửa đầu tiên chạy thử từ Hà Nội lên Bắc Giang. Ngày 8-2-1955, chạy thử đến Đồng Đăng).

Còn về những con đường “đi mây về gió” thì thật là mới mẻ. Ưu thế của nó là rất ít phụ thuộc vào điều kiện địa hình và rút ngắn được rất nhiều khoảng cách so với các phương tiện giao thông khác. Địa thế nước ta lại kéo dài từ Bắc vào Nam, hai phần ba diện tích là núi và cao nguyên nên đường hàng không cũng có vai trò quan trọng.

Tuy nhiên, tự do bay lượn trên trời cao, máy bay vẫn phải phụ thuộc vào mặt đất và cần phải bay theo những đường nhất định, vì trong suốt hành trình, nó cần được các trạm đặt ở mặt đất thông báo về thời tiết, cần có sân bay để lên xuống, cần được tiếp tế nhiên liệu trong những chuyến bay xa, cho nên mặt đất Hà Nội cũng còn là một đầu mối hàng không.

Nhưng ở thời Pháp thuộc, ngành này chậm phát triển, chỉ có một vài đường bay với các sân bay nhỏ bé. Riêng ở Hà Nội, sân bay dân dụng Gia Lâm và sân bay quân sự Bạch Mai, cả hai đều chật hẹp, chỉ thích hợp với các máy bay cánh quạt loại nhỏ. Thời tạm chiếm (1947 – 1954) thực dân dùng hai sân bay trên làm căn cứ xuất phát của những phi vụ đi ném bom bắn phá vùng tự do cùng là yểm trợ các cuộc hành quân của chúng. Do đó hai sân bay trên được cải tạo, mở rộng.

Không dễ kẻ thù tự do hoành hành. Thành ủy Hà Nội chỉ thị cho các lực lượng vũ trang phải tìm cách đánh địch ngay hang ổ, phải phá hoại hai sân bay trên. Và thế là sau một thời gian nghiên cứu, tập dượt, đêm 18-1-1950, một đơn vị biệt động đã đột nhập sân bay Bạch Mai, thiêu hủy 25 máy bay, đốt 60 vạn lít xăng, phá 32 tấn vũ khí đạn dược của địch.

Ba năm sau, đêm mùng 4-3-1954 một đơn vị biệt động khác đột nhập sân bay Gia Lâm phá 18 máy bay, đốt cháy hàng triệu lít xăng.

Từ năm 1955 ta bắt đầu tổ chức đường hàng không để phục vụ công cuộc xây dựng đất nước. Đường hàng không đầu tiên nối Hà Nội với các nước xã hội chủ nghĩa khánh thành ngày 24-4-1956. Từ bấy đến nay, ngoài việc cải tạo các sân bay cũ, ta đã xây dựng sân bay quân sự Đa Phúc rồi nâng lên thành sân bay quốc tế Nội Bài.

Làm sao quên được trong suốt thời kỳ chống Mỹ vừa qua, từ các sân bay Hà Nội những con én bạc Mích 17, Mích 19... đã cất cánh bay lên bảo vệ vùng trời Thủ đô và cả nước, đã hạ biết bao là Thần Sấm, Con Ma, Pháo đài bay... của giặc Hoa Kỳ.

Giờ đây, từ Hà Nội đã có các đường bay trong nước nối Thủ đô với các địa phương: Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh, Hà

Nội – Huế. Hà Nội – Đà Nẵng. Hà Nội – Nà Sản – Điện Biên Phủ. Hà Nội – Đà Lạt... Còn liên hệ với nước ngoài thì đã có các tuyến đường Hà Nội đi Nga, Đức. Pháp. Trung Quốc, Thái Lan, Xingapore. Malaixia v.v...

Cũng sẽ là thiếu sót nếu không nói đôi điều về sân bay Nội Bài ngày nay.

Tên đầy đủ của sân bay này là Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài. Cách trung tâm Hà Nội 22 km về phía Tây – Tây Bắc theo đường chim bay (đường Thăng Long – Nội Bài dài 30km). Với những điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, địa hình, khí tượng thủy văn, đây là một sân bay, một cảng hàng không giữ một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của cả nước, của lưu vực sông Hồng và đặc biệt là của Thủ đô Hà Nội.

Gọi là Nội Bài vì phần lớn đất sân bay là nằm trên địa phận làng Nội Bài, huyện Sóc Sơn. Sau khi miền Nam giải phóng, đất nước hoàn toàn thống nhất, sân bay dân dụng Nội Bài được thành lập theo quyết định ngày 28-2-1977 của Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam, với nhiệm vụ tổ chức tiếp nhận máy bay đi và đến của quốc tế và nội địa, tổ chức kinh doanh phục vụ hành khách; vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và quan hệ quốc tế. Cơ chế hoạt động kinh doanh dân dụng được hình thành nhưng ban đầu không ít khó khăn: cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn, hậu quả của chiến tranh chưa khắc phục hết, đất nước mới bắt đầu khôi phục kinh tế, đội ngũ cán bộ còn thiếu nhiều kinh nghiệm... Nhưng qua hai chục năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, sân bay Nội Bài đã trở thành một cảng hàng không quốc tế chững chạc.

Sân bay Nội Bài với tổng diện tích đồ là 122.000m² đáp ứng được các vị trí đỗ của nhiều loại máy bay, kể cả máy bay có trọng

tải lớn. Hiện tại, hệ thống sân đỗ tiếp tục được mở rộng về phía Tây với 10 vị trí đỗ theo các cầu hành khách và 11 vị trí đỗ phía ngoài, đồng bộ với nhà ga khi đưa vào khai thác.

Khu nhà ga hành khách gồm 4 nhà ga được xây dựng biệt lập từ Tây sang Đông gồm: nhà khách A, ga quốc tế G4, ga nội địa G3, ga quốc tế G2 với tổng diện tích 11.000m².

Hệ thống quản lý điều hành bay đã được trang bị hoàn chỉnh và khá hiện đại, gồm hệ thống phụ trợ không vận, có chức năng hướng dẫn đường máy bay, thông tin, liên lạc, kiểm soát đường dài, hướng dẫn hạ cánh... Đài chỉ huy đã được xây dựng mới. Hệ thống đèn tín hiệu gồm đèn đường cất hạ cánh, đèn tiếp cận, đèn đường lăn, đèn tiếp cận chính xác, đèn chiếu sáng đã được hoàn thiện.

Trong khu vực Cảng hàng không có đầy đủ các nhà hàng ăn uống, bách hóa, hàng miễn thuế, khách sạn phục vụ cho hành khách, các công trình, nhà, xưởng sửa chữa, bảo dưỡng máy bay, xưởng chế biến suất ăn trên máy bay phục vụ hành khách, vận chuyển hành khách mặt đất...

Trong quyết định ngày 24-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống sân bay toàn quốc, đã xây dựng Nội Bài là một sân bay quan trọng của Việt Nam cùng với Tân Sơn Nhất ở miền Nam, Đà Nẵng ở miền Trung. Trong những năm tới Cảng hàng không quốc tế Nội Bài với phương án mở rộng về phía Nam, với hệ thống khu bay mới, sẽ phấn đấu:

- Đến năm 2005 đạt 6 triệu hành khách, 6 vạn tấn hàng hóa.
- Đến năm 2010 đạt 9 triệu hành khách, 10 vạn tấn hàng hóa.

HỒ GƯƠM TRONG LÒNG TÔI

Hồi nhỏ, tôi được nghe bà tôi kể về sự tích Hồ Gươm. Bà tôi còn bảo: “Bây giờ thần Rùa vẫn nằm trong đền Ngọc Sơn. Con gắng học cho thật giỏi rồi bà sẽ cho ra Hồ Gươm thăm rùa...”.

Nghe lời bà, tôi học giỏi lắm, nhưng khi đó nhà tôi rất nghèo, bà lại đau yếu luôn lên tôi dành chôn chặt ước mơ được một lần đến thủ đô thăm rùa.

Mãi đến năm 1985, lúc đó tôi đang học lớp 8 cải cách. Do ảnh hưởng tính hiệp sĩ của chàng Đôn-ki-hô-tê nên tôi đã quyết định phiêu lưu một chuyến. Sau khi đã chuẩn bị được một số tiền kha khá, tôi viết một bức thư để lại: “Bà và bố mẹ kính mến! Cho phép con đi chơi vài hôm, đừng tìm con... Con sẽ về, mong bà và bố mẹ tha thứ cho con!”.

Sáng sớm tinh mơ, tôi nhảy ô tô lên Hà Nội. Đường phố thủ đô nườm nượp xe cộ, rất người là người. Tôi lơ ngơ như chú gà cồ, vừa đi vừa đếm, đọc hết các cửa hàng, cửa hiệu hai bên đường, mấy lần suýt va phải xe cộ. Ấy thế mà chẳng hiểu sao tôi cũng đến được Hồ Gươm. Tôi sung sướng đi quanh hồ để đến 3 - 4 lần, rồi lên cả cầu Thê Húc chụp ảnh vào đền Ngọc Sơn xem rùa... Hồ

Gương đẹp và kỳ diệu hơn tôi tưởng tượng rất nhiều. Khó có thể nói lúc đó tôi hạnh phúc như thế nào. Tôi mãi mê ngắm cảnh ngắm người, bỏ ngõ, vụng về như lạc vào động tiên. Đúng lúc đói bụng, tôi định đi làm tô phở thì hơi ôi toàn bộ số tiền tôi dành dụm bấy lâu nay đã bay khỏi túi tôi lúc nào không biết. Tôi lo lắng, hốt hoảng chạy một mạch ra bến xe Kim Liên, trình bày với chú phụ xe... Và thế là 9 giờ tối hôm đó tôi đã về đến nhà. Bố tôi giận lắm, nhưng ông cũng chẳng nói gì, mẹ tôi khóc: “Lần sau đừng thế nghe con!”. Còn bà tôi thì thở dài khẽ vuốt tóc tôi: “Con đi thăm Hồ Gươm phải không. Sao không cho bà đi với?...” Đêm hôm ấy, tôi ngủ với bà. Suốt đêm tôi ôm bà khóc, vì sao tôi cũng không biết nữa.

Một ngày “giang hồ” để lại trong tôi bao kỷ niệm vui buồn. Cho đến bây giờ và có lẽ mãi mãi tôi không bao giờ quên ngày hôm ấy. Tôi vẫn nhớ ngày sau đó bọn trẻ trong làng biết tin tôi đi thăm rùa, chúng kéo đến đầy nhà hỏi chuyện. Tôi hãnh diện lắm, cứ thao thao bất tuyệt như một chính khách: “Ao Gươm rộng bằng hai cánh đồng làng ta và làng Hạ, ở giữa có tháp Rùa trông như một ngôi đền nhỏ cổ kính. Cầu Thê Húc bắc vào đền Ngọc Sơn được tô đỏ như môi cô dâu, uốn cong như trắng lưỡi liềm. Trong đền thần Rùa nằm gọn trong tủ kính, to như hai cái nia, nặng bằng 2 con bò cái...”. Bọn trẻ há mồm tròn mắt như nuốt từng lời của tôi. Có đứa còn hỏi: “Anh Phúc ơi thế “ao” Gươm người ta có thả nhiều bèo tây không?”. Cả bọn lăn ra cười chảy cả nước mắt nước mũi. Được thế tôi tha hồ bốc phét: “Sau khi đi thăm “ao” Gươm, anh lại lên thăm “ao” Tây (hồ Tây). “Ao” Tây còn rộng gấp 10 lần “ao” Gươm. Sau đó anh lại đáp xích lô vào Lăng Bác. Chung quanh Lăng toàn công an là công an. Bác nằm ngay ngắn trong tủ kính, người hồng hào đẹp lắm. Ai trông thấy Bác cũng khóc. Anh gọi: “Bác Hồ ơi”. Bác mỉm cười bảo rằng:

“Gắng học lên cháu ạ!”... Bà tôi cười ngặt nghẽo, mắng yêu: “Cha bố mày, chỉ được cái nhăng cuội là không ai bằng...”.

Ngày lên Hà Nội học, tôi mang theo bao kỷ niệm của một cậu học trò nông thôn hay mơ mộng. Song có lẽ kỷ niệm về chuyến đi thăm Hồ Gươm là sâu sắc nhất.

... Giờ thì tôi không phải trốn bà và bố mẹ để đi chơi Hồ Gươm nữa. Chiều thứ bảy nào tôi cũng đạp xe đến bên hồ, để được thả hồn mình bay theo làn gió thoảng, để được say với làn sóng lăn tăn... Chiều Hồ Gươm đẹp lắm – nhất là vào mùa thu – những tia nắng cuối ngày yếu ớt trải xuống mặt hồ trông như màu hồng ngọc, chiếu vào cầu Thê Húc phản xạ xuống mặt hồ mới tuyệt vời làm sao! Bóng của đền Ngọc Sơn, của Tháp Rùa... nghiêng soi xuống làn nước xanh trong khê dong đưa dong đưa như những vũ nữ bên điệu van-sơ huyền diệu. Chung quanh hồ chốc chốc lại có mấy người cao tuổi đọc báo, trò chuyện hay say cảnh Hồ Gươm! Còn đám học trò thì tụm lại với nhau bên mấy gói ô mai sấu, gói hướng dương hay đọc những vần thơ đồng điệu với tâm hồn mình. Dưới mặt nước hồ nên thơ của chiều thứ bảy, những đôi nam nữ say sưa du thuyền tâm sự. Trông xa xa cứ như một đàn thiên nga trắng giáng thủy. Quanh hồ thỉnh thoảng lại có mấy du khách nước ngoài ngất ngây chụp ảnh...

Hồ Gươm về đêm càng huyền ảo – nhất là những đêm có trăng. Trăng phóng khoáng trải muôn ngàn tia bạc xuống mặt hồ – xa xa trông như một đàn cá khổng lồ, đang tung tăng bơi nhảy. Ánh trăng tỏa lên mặt cầu, lên ngọn cây quanh hồ và soi đường cho những nam thanh nữ tú sánh vai nhau dạo bước. Tiếng đài xập xình phát ra từ nhà nổi Thủy Tạ như xua tan đi cái lạnh tê tê mỗi độ thu về. Hồ Gươm càng về đêm càng đẹp một cách lạ lùng.

Lững thững quanh hồ hơi nước nồng ấm, ta có cảm tưởng như lạc vào nơi bỗng lai tiên cảnh như thể được thoát khỏi cuộc sống thường nhật với bao nỗi lo toan bề bộn. Ta dám đánh đổi tất cả để tâm hồn lúc nào cũng được thanh tao như vậy. Hồ Gươm ở giữa Hà Nội, nơi đã từng gắn với bao sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc từ ngàn xưa để lại. Hồ Gươm là niềm tự hào không riêng của người Hà Nội mà của cả đồng bào ta. Nói đến Việt Nam thì phải nói đến Hà Nội và nói đến Hà Nội, hẳn chẳng ai quên không nhắc đến Hồ Gươm. Ngày nay cùng với sự đi lên của đất nước, Hồ Gươm đã được Nhà nước chú ý đến nhiều. Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc đã được sửa sang tu bổ, song không bao giờ Hồ Gươm mất đi nét cổ kính – tâm linh trong lòng người Hà Nội. Xung quanh hồ đã mọc lên nhiều công trình lớn như bách hóa Tràng Tiền, khách sạn Phú Gia, Bưu điện thành phố, nhà hàng Thủy Tạ, hiệu kem Bốn Mùa... Tất cả, tất cả như muôn ngàn màu sắc rực rỡ tô điểm cho Hồ Gươm sạch, đẹp, nên thơ.

Người Việt Nam ta, ai chưa một lần đến Hà Nội, chưa một lần dạo bước quanh hồ Gươm để được say cảnh đẹp của người Tràng An thanh lịch, chưa một lần bước chân trên cầu Thê Húc... thì thật tiếc lắm thay!

Tôi không phải là người Hà Nội, nhưng hình ảnh Hồ Gươm của thủ đô đã in đậm trong tôi từ thời niên thiếu, có lẽ vì thế mà – cũng như người dân Hà Nội – Hồ Gươm luôn ở trong lòng tôi.

HÀ NỘI VÀ NHỮNG MẶT GUỜNG SOI BÓNG

Sau những cơn mưa hạ biến Hà Nội thành “Hà Lội”, vào những ngày đầu thu này, Hà Nội lại ngổn ngang những công trường xây dựng hệ thống thoát nước. Đêm đêm trông những người thợ thi công vất vả lật tung những lòng đường để luồn vào đó những ống cống bằng bê tông lớn, người ta có cảm giác như họ đang tìm kiếm một cái gì đó của xa xưa ẩn giấu trong lòng đất Hà Nội. Nếu là những nhà khảo cổ học chắc họ sẽ nhận ra dưới lòng đất ấy vô vàn dấu tích của thành quách, đền đài, cung điện, nhà cửa, chùa chiền. Và chứa chất trong hình bóng xưa ấy chính là những nơi từng là tấm gương soi bóng một Thăng Long – Hà Nội ngàn năm. Đó là lòng của những con sông cổ, lòng hào quanh thành Hà Nội và những lòng hồ nước menh mông. Điều đó giúp ta hình dung được một Hà Nội xưa, cũng chừng hơn một thế kỷ về trước thôi, từng là một đô thị trên mặt nước.

Không chỉ là dấu tích của sông Hồng.

Bạn hãy nhìn vào tấm bản đồ mang ghi chú niên đại “đầu thế

kỷ 19', đang được trưng bày tại Pháp (cuộc trưng bày này sắp tới sẽ được chuyển về Hà Nội) là đủ hình dung: bên cạnh một con sông Cái hùng vĩ kẹp sát phía Đông Hà Nội là một con sông Tô Lịch mềm mại nổi nước Hồ Tây thông với lòng các con hào vòng bao quanh thành cổ rồi theo dòng đổ ra sông Hồng ở đoạn giữa Ô Quan Chưởng và Hàng Bạc, xưa là bến tàu của Hàng Bạch Thái Bưởi, nay là cầu Chương Dương, kế đó là Chợ Gạo. GS. Trần Quốc Vượng ưa dùng hình tam giác với ba cạnh là Sông Hồng, sông Thiên Phù và sông Kim Ngưu bao quanh, lại được cắt ngang bởi sông Tô Lịch để khuôn định diện mạo đặc thù của Hà Nội.

Không chỉ có sông, mặt nước Hà Nội còn gồm vô vàn những mặt hồ lớn nhỏ và những nhà địa chất cho rằng đó cũng là dấu vết lưu lại những con sông đã chuyển dòng. Dấu tích lớn nhất chính là Hồ Tây (gồm cả Hồ Trúc Bạch), trải qua biết bao sự lấn chiếm nay vẫn còn được ngót 430ha mặt hồ (số liệu năm 1997). Con mắt của nhà địa chất cho thấy đó là dấu tích của con sông Hồng khi đổi dòng để lại và được định hình khi ông cha ta đã đắp một con đê cách biệt. Nhưng dưới con mắt của các nhà văn hóa, nhất là các nghệ sĩ thì Hồ Tây là cả một kho những giai thoại, truyền thuyết xa xưa luôn gợi những cảm hứng lãng mạn cho hôm nay. Hồ Tây từng có tên Lăng Bạc thời đầu Công nguyên, nơi “nữ nhi chống với anh hùng” như mô tả về khởi nghĩa Hai Bà Trưng chống Mã Viện; nơi Cao Biền chịu đây là “đất phượng hoàng ẩm thủy”; nơi nuôi dưỡng truyền thuyết Trâu Vàng. Trước cái tên quen thuộc cho đến nay – Hồ Tây, để định vị với kinh thành thời Lê thì hồ còn có tên gọi là Dâm Đàm...

Dấu ấn của lòng sông Hồng không chỉ có Hồ Tây mà ở hầu khắp trong kinh thành. Chỉ tính từ Hồ Tây dịch xuống phía Nam bên tả ngạn sông Hồng, không tính đến những vũng, thũng bên ngoài đê lúc đầy lúc cạn theo con nước, ta thấy trên bản đồ

Hà Nội cuối thế kỷ 19 còn biết bao nhiêu hồ lớn nhỏ. Điều đó cho thấy ngay giữa lòng 36 phố phường, mà nay ta tạm gọi là phố cổ, thì trừ những trục được chính nơi tụ cư thành phố xá hay chợ thì phần lớn vẫn là hồ và những nơi chưa có phố. Phố xá hình bàn cờ ngang dọc trên bản đồ hiện tại chỉ có từ những năm đầu thế kỷ 20 khi nhu cầu đô thị hóa và quy hoạch của thực dân Pháp được triển khai. Trừ những trục đường nối các cửa ô còn có nhà cửa, còn lại các con đường đều đi ngang qua những mặt hồ. Ngay phía sau mặt phố Hàng Đào là cả một cái hồ lớn (bản đồ của Pháp cũng chú là “lac de Hang Dao”); gần đó, về mạn phía sau Hàng Ngang có cái hồ có tên rất gợi cảm là Sao Sa mà có người ngỡ rằng dưới đáy hồ có thể là di vật của một thiên thạch. Còn Hồ Hoàn Kiếm nổi tiếng với truyền thuyết Lê Lợi trả gươm cho Rùa thần, khi xưa còn kéo dài xuống tới mãi phố Hàng Bài mà con đường Hàng Khay – Tràng Tiền ngày nay chia đôi thành 2 hồ Tả – Hữu Vọng. Kể từ Hồ Tây đến Hồ Gươm, người ta có thể kể tên đến 9 cái hồ nay đã không còn dấu tích cùng với lòng sông Tô Lịch đến nay chỉ còn lưu lại một vài địa danh gợi nhớ như Cống Chéo (Hàng Lược), Hàng Buồm hay cây đa, mái đình Thanh Hà từng soi bóng bên Cầu Đông...

Bức thông điệp từ sâu thẳm.

Trong cuộc hội thảo tổ chức ở Pháp ngày 13-9-2001 với chủ đề “Hà Nội, vòng quay của những biến dạng” (Hà Nội, le cycle des métamorphoses), có một học giả Pháp đã dành bài tham luận để khảo về mặt nước hồ ở Hà Nội. Christian Pédelahore de Loddis từng bảo vệ một luận án về kiến trúc Hà Nội trong sự so sánh xưa và nay, cho rằng: trừ Hồ Tây, trong vòng 100 năm qua, 90% diện tích mặt hồ của Hà Nội đã bị lấn chiếm làm nhà và làm đường. 10% mặt hồ còn lại trong khu vực nội thành may

mấn được bảo tồn, ngăn chặn sự lấn chiếm một thời “vô tội vạ” trong cơn khát đất đai và tiền bạc, khi những nhà quản lý và số đông dân cư nhận ra những hậu quả nhãn tiền: ô nhiễm môi trường và úng lụt. Theo thống kê thì ngoài Hồ Tây (410ha) và Trúc Bạch (16,3ha) còn các hồ: Bảy Mẫu (19,4ha), Đống Đa (14ha), Hoàn Kiếm (11ha), Thanh Nhàn (7,7ha), Quảng Bá (6,8ha), Giảng Võ (6ha), Thành Công (5,6ha), Thủ Lệ (5,5ha), Xã Đàn (4,3ha), Nghĩa Đô (4,1ha), Thiên Quang (3,8ha), Ngọc Khánh (3,6ha), Ba Mẫu (3,4ha), Linh Quang (3,4ha), Kim Liên (1,9ha), Ba Gian (1,6ha), Văn Chương (1,5ha), Bách Thảo (1,4ha), Ngọc Hà (91,3ha), Hai Bà (0,8ha), Giám (0,6ha) và Hữu Hiệp (0,2ha), trong đó một nửa đã và đang xây kè.

Bảo vệ những gì còn lại của mặt hồ Hà Nội đang là một mối quan tâm của các nhà lãnh đạo và cư dân Hà Nội, cũng là một cuộc đấu tranh không đơn giản. Những gì diễn ra quanh Hồ Tây rộng lớn cũng như quanh Hồ Giám rất nhỏ là những bài học. Cuộc đấu tranh bảo vệ mặt nước hồ ở Hà Nội phải bằng cả trí tuệ và tình yêu.

Anh bạn kiến trúc sư người Pháp nêu trên đã đưa ra một nhận xét tinh tế về vị thế của các hồ nước đang trở lại trong tâm tưởng của người Hà Nội hiện đại: “Những mặt hồ xưa từng được ca ngợi và tôn sùng, được coi là nơi ngự trị các thần linh, của cái đẹp với những huyền thoại dựng nước, thì ngày hôm qua còn bị san lấp, làm ô nhiễm, sục bùn và bị quên lãng, vậy mà vẫn luôn tồn tại hiện diện và ngày nay đang được “phát hiện lại”, xứng đáng thu hút sự quan tâm của chúng ta”. Ca ngợi chức năng của hồ, tác giả còn khái quát: “Hồ là nơi tiếp xúc với thiên nhiên, là nơi bảo lưu ký ức, là không gian sản xuất, là không gian xã hội, là không gian hoạt động trí tuệ và vui chơi, là yếu tố kéo dài của

đô thị, là cấu trúc đô thị theo chiều ngang, là nơi đánh dấu nền văn minh"... Tác giả đã kết luận bài tham luận của mình bằng những lời thống thiết: "Hồ của Hà Nội vẫn không ngừng cất lên tiếng nói cho những ai chịu lắng nghe, bức thông điệp từ sâu thẳm: chúng tôi là cấu trúc vật chất của thành phố này, chúng tôi là cơ thể âm bản của thành phố, chúng tôi là cánh cửa để đi tới những biểu tượng, chúng tôi là tấm gương phản chiếu tinh thần của Hà Nội mà mọi người đều cảm nhận, mà mãi mãi người ta vẫn còn phải tìm hiểu để định hình và mô tả nó".

Hẳn những người thợ đang làm việc nặng nhọc để lật tung những lòng đường, luồn vào đó những ống cống thoát nước cho Hà Nội, sẽ nghe thấy tiếng âm vang của những mặt nước xưa nơi soi bóng dáng hình của một kinh đô văn hiến ngàn năm phát triển... Hà Nội sẽ không còn là hình bóng của thành phố ngàn năm trước nếu không còn những mặt nước hồ để soi bóng.

SAU CHUYẾN ĐI XA

Truyện ngắn

Trời chưa sáng. ánh điện vẫn láng trên đường Nam bộ giống lớp men vàng mỏng. Chúng tôi từ tuyến lửa đạp xe về Hà Nội, cứ ngẩng mặt ngấm không biết chán những chuỗi đèn điện rực chói, xuyên ngang, chạy dọc khắp thành phố. Nhớ biết bao những đêm tắt đèn xe đạp đi mò, những lúc bật vội đèn pin vượt qua hố bom! Mấy chị em bảo nhau: chỉ nguyên những ngọn điện kia cũng đủ nói rằng Hà Nội vẫn yên ắn, chẳng khác gần nửa năm trước đây, ngày chúng tôi rời Thủ đô, vào Khu Bốn công tác.

Hà Nội đây. Cái phố Hàng Bông của tôi đã hiện ra, vừa quen, vừa lạ. Một lọ hoa trắng lấp ló sau bức rèm cửa. Một cặp vợ chồng dậy sớm, đứng sát bên nhau trên ban-công ngó xuống đường. Sau hàng chắn song sắt, một cô gái nghiêng đầu quán mái tóc, uốn thành những búp nhỏ bằng chiếc lược có cán nhọn. Từ một gian phòng nào đó, bản dạ khúc của Sô-panh vang lên... Các cửa kính đều dán giấy theo hình quả trám hoặc trở các kiểu hoa. Nào ai phân biệt đó là một hình thức trang trí, hay chính để phòng bom đạn?

Hà Nội vẫn bình tĩnh. Nhưng, mỗi bước tôi đi trên hè phố, một cái gì bưng bưng khí thế như bao trùm lên tất cả. Những chiếc ô-tô vận tải phủ kín lá xanh nối tiếp nhau lướt nhanh giữa lòng đường. Dọc vỉa hè, nhiều tốp nam nữ thanh niên tập “hành quân mang nặng” bước nhanh như chạy. Lưng mỗi người đều khoác ba-lô mầu cỏ úa, vai phải quàng bi-đông nước, vai trái đeo bao gạo. Lựu đạn gỗ sơn đen buộc ngang hông. Những người con trai con gái ấy cất lên tiếng hát trầm hùng:

... Không cho chúng nó thoát

Không cho chúng nó thoát

Chúng bay vào sẽ không có đường ra...

Dọc đường về nhà, tôi đã qua không biết bao nhiêu dãy hầm. Ngày tôi đi, hầm mới chỉ xây gạch. Bây giờ đều được đắp đất đầy. Có chỗ khoai lang trùm kín đất, mướp, bí đã nở hoa vàng. Có chỗ, rất đông anh chị em cán bộ cơ quan, nhà máy và bà con khu phố gánh đất, xúc đất, đắp hầm cho thêm dày, thêm chắc. Tình cờ, tôi gặp chị Thanh – người cùng phố tôi – tại một dãy hầm đang đắp dở. Gánh đất nhún nhảy trên đôi vai nhỏ. Chị tươi cười hỏi tôi đủ thứ chuyện chiến đấu. Rồi chị kể rằng cơ quan chị đã đắp cả một lô hầm chạy suốt từ bờ sông về phố Quán Sứ. Bây giờ lại tiếp tục đắp nữa. Khi tôi hỏi thăm gia đình chị, chị vui vẻ khoe:

– Tôi mới được bầu làm đội trưởng đội tự vệ cơ quan, cô ạ.

Tôi nhớ, hồi năm ngoái, cơ quan chị thành lập đội tự vệ. Trong danh sách không có chị, vì chị đã có bốn con nhỏ. Tuy vậy, chị vẫn nộp đơn, vẫn tha thiết đề nghị với chi bộ, công đoàn, chuyên môn, xét cho chị gia nhập. “Hồi kháng chiến, tôi là nữ du kích Hoàng Ngân của Hưng-yên. Bây giờ giặc đến nhà, cho tôi xin được đứng trong đội ngũ vũ trang chiến đấu”. Ấy thế mà cũng

phải sau năm lần bảy lượt công đoàn xét... Giờ nghe tin, thật mừng cho chị.

Về đến khối, bạn bè trong khối 85 của tôi sao vắng hẵn đi. Đếm đầu ngón tay cũng ước chừng hơn chục người đã khoác ba-lô lên đường. Chú Thành, con trai bác Mễ ở hợp tác xã chữa xe đạp cạnh nhà tôi, đã vào hải quân. Bển, em ruột Thành mới tốt nghiệp lớp mười, được nhập ngũ và hiện đang đi chiến đấu ở một miền xa. Thật ngạc nhiên quá. Nghe mãi tôi vẫn chưa hình dung nổi Thành, Bển khi mặc quân phục thì “người lớn” ra sao? Trước dạo tôi đi, hai anh em còn nuôi chung nhau bể cá, ngoài giờ học là xách vợt đến mãi hồ Thuyền Quang, hồ Quảng Bá vớt bọ gậy, thủy trần về nuôi cá. Suốt ngày chủ nhật, các chú chỉ luẩn quẩn với những con “Vạn long”, “Hắc quân”, “Khổng tước”, “Thần tiên”... Một hôm, bác Mễ tức mình, ném con “Ngựa vằn” ra đường. Thế là Bển la khóc ầm ĩ. Hai anh em cùng bỏ cơm suốt cả ngày.

Bây giờ, bể cá vẫn còn nguyên. Bác Mễ gái kéo tôi sang uống nước và chỉ vào góc nhà. Trên chiếc thống cao màu xanh, bể cá được ghép bằng những tấm kính trắng dày, hình chữ nhật, đầy nước trong suốt thả vài ba ngọn rong xanh. Những con cá nhỏ đang bơi lội tung tăng, tranh nhau đón thủy trần lấm tấm như những hạt bụi bay trong nước. Mặt nước rung rinh, ánh lên những màu vàng, da cam, đen thẫm, xanh lơ, bạc trắng... Bác Mễ vừa ném từng hạt cơm nhỏ vào bể cá, vừa trò chuyện với tôi:

– Ấy, đi xa thế mà dọc đường em Bển vẫn cứ viết thư về hỏi có con cá nào bị chết không đấy. Bác phải sang xin nhà cháu mấy dây vạn niên thanh cho nó đẻ mới được. Bác trai dạo này đam say cá như con ngày trước.

Giữa bàn, một cụm liên đài xòe cánh đầy bụi phấn trắng trên nửa quả bom bi sơn vàng, có chân chống cao. Góc giá sách, hai chiếc đèn làm bằng lọ gốm can-xi, trong nhét đầy bông tẩm dầu

hỏa, vẫn dấy nấp y nguyên được đặt cạnh hai chiếc hộp giấy bìa vàng, hình khối tam giác có lỗ nhỏ ở một bên thành. Thấy tôi nhìn chăm chú vào đó, bác Mễ mỉm mỉm cười:

– Cửa em Thành cả đấy. Quả bom bi em mới gửi ông chú đem về cho thằng Đình. Còn đèn thì trước khi đi, em bỏ suốt nửa ngày làm cho bác. Chẳng là khối ta, nhà nào cũng đều chuẩn bị đèn phòng không cả. Nó có hộp giấy, vừa che gió, vừa để giảm bớt ánh sáng khi có máy bay địch. Cháu ở trong ấy ra, chắc quen quá với loại đèn này rồi phải không?

Ngoài sân, bác Mễ còn nuôi hộ Bích Liên đôi chim bồ câu trắng. Bích Liên là cô gái học sinh lớp chín ở đối diện với gian gác của tôi. Bích Liên có giọng hát cao vút. Cô thích trồng hoa và nuôi chim bồ câu. Sáng nào Liên cũng dậy sớm, vun tưới cho những cây hoa trồng trong chậu xếp đầy ban-công. Giờ thì Liên đã vào đội Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước. Cô đang nối liền những đoạn đường bị bom giặc Mỹ phá hoại ở một vùng thuộc tỉnh Nghệ An.

Giàn nho phủ kín mái gác của Liên giờ vẫn đương trĩu từng chùm quả mọng. Cây quất đang ra hoa trắng. Bụi lá sả cao vồng lên, tỏa mùi thơm mát rượi. Bà Liên vẫn ngày ngày tưới cây cho Liên. Duy chỉ có đôi chim là Liên nhờ bác Mễ nuôi hộ, vì sợ bà không leo lên gác thượng cho chim ăn được.

Cùng với Thành, Bến, Liên, Vần – sinh viên y khoa – cũng đã đi thực tập công tác ở tuyến lửa. Tính vào văn công Tổng cục chính trị đang phục vụ ở các vùng chiến đấu... Thế là những bạn hàng xóm của tôi đều đi cả. Chỉ còn Vân Chính, cô bạn học cùng lớp với tôi từ bé, ở lại cái căn gác liền với sân bếp nhà tôi đó.

Vân Chính là cô giáo dạy cấp hai của khu Hoàn Kiếm. Trường sơ tán, hiện giờ Chính dạy ở ngoại thành, nhưng chủ nhật vẫn về nhà. Trông thấy tôi, Chính reo ầm lên như hồi nhỏ vậy:

– Này, “Cậu” biết tin gì chưa? Chưa à? Tin mừng, tin rất mừng. Này nhé: Vụ mùa thâm canh chống Mỹ cứu nước ngoại thành Hà Nội vượt kế hoạch về năng suất đầu: hai mươi sáu tạ bảy tư một héc-ta bình quân đấy. Bảy mươi hợp tác xã của ngoại thành đạt trên 5 tấn một héc-ta một năm. Cừ không? Hà Nội đánh Mỹ thế đấy.

Ồi, thật đúng là tin mừng. Thế mà tôi cứ tưởng Chính báo cho tôi một tin mừng khác cơ, tin mừng về đám cưới của Chính vừa tổ chức – đúng là Chính mới lấy chồng. Trong tủ còn xếp đầy quà mừng cưới: hai chiếc ba-lô kiểu bộ đội, ba bốn cái bi đông nước có bọc túi lụa sẫm màu. Những mảnh vải dù xanh. Những đoạn dây dù trắng. Một miếng xô ngụy trang vẽ sơn dầu thành những chấm vàng trên nền xanh... Rồi những chiếc lược duy-ra khắc hình phản lực Mỹ. Những chiếc nhẫn đánh bằng xác máy bay, có ghi rõ nhãn hiệu: F105D, F8U, AD6... Nhiều bạn còn chuẩn bị cho cô dâu, chú rể cả những đoạn dây màn thật dài, phòng lúc đi lưu động.

Thực ra, không chỉ riêng Vân Chính có dây màn dài hàng bốn năm sải tay. Hầu hết các nhà trong phố tôi cũng đều thế cả. Nhưng có lẽ điều tôi thích nhất, là những mảnh vải nhựa được cắt, nối từ các loại áo mưa đã rách nát. Miếng nào cũng được viền vuông vắn, được khâu, dán lành lặn. Nhà nào cũng lượm vãi ba miếng cắt sẵn. Khi chiến đấu, một mảnh vải nhựa đó vừa có thể che mưa, lót rổ thay chậu tắm rửa, vừa làm thùng chứa nước, chuyển nước. Có thể múc nước tưới nòng pháo, rẩy quanh ụ súng khỏi bụi nĩa chứ!

Bác Tâm Ước, một cán bộ khu phố, giảng giải với tôi như vậy, khi bác đến nhà tôi thu giẻ lau súng lúc ban trưa.

Vẫn tấm áo dài the nâu – bác có thói quen không bao giờ mặc áo ngắn ra đường – vẫn chuỗi hạt xanh đeo cổ và chiếc vòng ngọc

thạch vân trắng bên tay trái, bác xách làn đến từng nhà. Bác thu những miếng vải cũ, những chiếc quần áo rách, những mụn vá không dùng đến... Để cứ vài tuần, lại một lần bác thay mặt khối, gửi tới trận địa pháo kết nghĩa “hiệp đồng chiến đấu” với phố tôi. Nhà nào đông các hộ thì bác chỉ cần báo cáo trước, rồi các hộ cử người tập trung gửi mang lại nhà bác. Công việc đó đã trở nên rất thường xuyên ở phố tôi vào mỗi ngày chủ nhật. Vì vậy, để đỡ mất thì giờ lục lọi, mọi nhà đều có riêng chiếc thùng nhỏ, mủng con, hoặc một ô ngăn kéo sẵn sàng tập hợp mụn vải của gia đình.

Vui nhất là chuyện chị Hồng, con dâu bác, mẹ năm đứa trẻ, đang theo một lớp học bơi của câu lạc bộ Lao động. Công đoàn cơ quan cho đồng rưỡi. Mỗi người chỉ cần đóng đồng rưỡi nữa là được học hết khóa, bảo đảm biết bơi. Cháu nhỏ ở chỗ sơ tán, các mẹ đỡ bận việc vặt, nên rất nhiều chị em phố tôi học bơi, mỗi ngày một tiếng đồng hồ. Ấy thế mà hễ nhắc đến chị Hồng đi bơi, ai cũng cười rũ. Chẳng là chị to béo, lại thấp, nên bước đi cứ ì ạch, chậm như rùa. Những buổi tập thể dục sáng, đến mục chạy quanh vườn hoa Cửa Nam, bao giờ chị cũng lạch bạch sau cùng, nên thường bị bọn trẻ gọi trêu là “vịt bầu”. Thấy chị đi học bơi, hai chú em càng trêu già. Mấy buổi đầu, chị đỏ mặt, ngượng quánh cả lên, cứ hụp bừa, đến nổi nước vào đầy tai, phải nghỉ bơi một hôm. Lâu dần quen. Mấy chú trêu mãi rồi cũng chán. Giờ thì chị bơi đã gần thạo. Chị đang chuẩn bị nghỉ phép để đi thăm con. Chỗ đấy nhiều suối, có thể ôn luyện thêm, chị nói như vậy!

Tôi về nhà. Mở chiếc lồng bàn úp kín trên cái mâm nhôm, tôi thấy một chiếc bánh mì pa-tê kèm mẩu giấy ghi mấy dòng: “Anh chị ăn xong lại đi làm thêm ca đêm. Độ hai giờ sáng về. Em nhớ để cửa...”

Anh chị tôi làm việc ở nhà máy, đang rất bận. Chị tôi bảo,

nhà máy dệt của chị tổ chức làm thêm “giờ cấm thù đế quốc Mỹ” với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến”. Đạo này, rất nhiều ngày nhà máy chị vượt kế hoạch. Tôi cũng thấy vui lây cùng chị.

Tôi vừa ăn bánh xong thì chị Quang, chị họ tôi, xô cửa bước vào. Chị chìa ra trước mặt tôi một cái giấy nhỏ in rô-nê-ô:

– Này cô, đi với chị nhá! Tối nay, ở câu lạc bộ Đoàn-kết, Minh Cảnh, nữ chiến sĩ văn công vừa đi Côn Cỏ về nói chuyện đó. Đi mà nghe. Cô ở trong ấy, nhưng đã biết Côn Cỏ là thế nào đâu.

Chị tôi làm nghề bán hàng rau ở chợ Cửa Nam đã hơn hai chục năm nay. Từ ngày Thủ đô giải phóng, chưa khi nào tôi thấy chị sốt sắng nghe nói chuyện thời sự như thế. Tôi cảm thấy một cái gì đó, rất bình dị, nhưng khác lạ, đang tràn ngập trong tâm hồn người chị đã luống tuổi của tôi. Chính vì lẽ đó, nên mặc dù hơi mệt, tôi vẫn vui vẻ đi cùng với chị.

Khí chúng tôi đến nơi, hội trường đã đầy đặc người. Buổi nói chuyện bắt đầu, người nghe im lặng, trật tự. Tôi ngồi ở chiếc ghế dãy trên. Chị Quang ngồi dãy dưới với mấy bà bạn cùng tổ hợp tác. Nghe Minh Cảnh nói đến đoạn thư của phụ nữ Thủ đô gửi ra chiến sĩ Côn Cỏ được anh em chuyên tay nhau triu mến, hội trường bỗng nhiên nhộn nhạo hẳn lên. Minh Cảnh kể rằng có một bức thư của một chị làm nghề vắt nước cam ở Hà Nội gửi ra Côn Cỏ, bức thư làm toàn đảo xúc động vì tình cảm chân thành của người viết. Nhưng chị không đề tên và địa chỉ. Chị chỉ nói rằng tên chị đã được đăng trên một tờ báo. Các chiến sĩ Côn Cỏ rất muốn biết chị ấy là ai, nên đã nhờ Minh Cảnh lục báo: tìm ba ngày liền, vẫn không thấy...

Trong hội trường, người nọ nhìn người kia. Hình như ai cũng muốn soi vào mắt nhau để tìm chủ nhân của bức thư. Biết đâu, chính chị ấy cũng đang ngồi ở đây...

Lặng một lát, tôi nghe tiếng chị Quang:

– Nhất định thư và quà của chị em tổ ta đến nơi rồi.

Một giọng trầm rủ rỉ:

– Tôi lo của cá nhân thì chưa đến được đâu. Chị chẳng bảo ưu tiên thư, quà tập thể được gửi trước là gì?

– Ủ ừ, nhưng mấy chục khăn tay thì chắc là đến rồi. Nhẹ cả mà.

Mãi đến gần mười giờ, buổi nói chuyện mới kết thúc...

Ở vườn hoa Chí-linh, buổi hòa nhạc chưa dứt. Dưới các loa phóng thanh, người ghéech xe đạp, người dựa lưng gốc cây, người đứng túm vào nhau, cùng im lặng lắng nghe.

Trên bầu trời sao đầy chi chít. Lúc lúc, máy bay của ta lại xuất hiện, dưới dạng những chấm đèn xanh, đỏ vun vút lao xuyên vào tầng mây cao.

Tôi thông thả đạp xe về. Đường phố nhỏ thân yêu hiện ra sao lúc nào cũng có những nét mới lạ thường.

Giữa bảng tin đặt dưới gốc sữa, một thanh niên đang nắn nót viết con số máy bay giặc Mỹ bị hạ trên miền Bắc bằng phấn màu vàng. Cạnh anh, cô em gái nhỏ đang cầm loa đọc bản tin của khối nhà.

– Mời bà con nghe mục “Khối ta sẵn sàng chiến đấu”, tin mới hôm nay...

Tôi đứng lặng trước cửa và tôi lại chợt nhìn thấy một tờ giấy to bằng hai cái quạt nan dán ngay tường bên phải nhà tôi. Trên giấy nổi bật dòng chữ in đậm: “Mỗi người dân là một chiến sĩ; mỗi xã, mỗi khu phố, xí nghiệp, trường học là một pháo đài chống Mỹ cứu nước!”

Tôi đọc đi đọc lại những chữ đó, và nghĩ rằng: tôi đang sống những ngày chiến đấu giữa Hà Nội...

NGUYỄN QUANG SÁNG

TÍM BẰNG LẮNG

Truyện ngắn

Điện thoại reo vừa lúc tôi đang lơ mơ, đã hơn mười một giờ đêm. Điện thoại vào giờ này thường là chuyện không lành, tôi vội choàng dậy, bắt máy:

– A lô.

Bên kia đầu dây, giọng một người đàn bà:

– Xin lỗi, phải nhà anh...

– Dạ đúng, tôi.

– Thế à! Nhận ra em không?

Làm sao nhận ra giọng người đàn bà Hà Nội lạ hoắc này, tôi đành nói dối:

– Điện thoại tôi bị rè.

– Điện thoại anh bị rè hay giọng tôi rè? Tím bằng lăng!

Bây giờ người reo lên là tôi:

– A! Chị Kim Thanh!

Kim Thanh, cô sinh viên trường đại học Tổng hợp Hà Nội, người yêu của thằng bạn tôi, họa sĩ Huỳnh Sĩ Trung. Nhà Kim Thanh ở Hà Nội, trước sân có cây bằng lăng. Bằng lăng nở hoa cùng mùa với hoa phượng. Phượng đỏ, bằng lăng thì tím. Cánh bằng lăng mỏng như cánh chuồn, mượt như lụa và tím như màu tím mông tơ. Hồi trước, Hà Nội ít bằng lăng. Trong chiến tranh, Hà Nội trồng bằng lăng nhiều hơn. Hình như người Hà Nội muốn gửi theo người đi một màu tím nhớ nhung? Thư viết cho Trung, Kim Thanh không ký tên mình mà ký là Tím Bằng Lăng!.

– Kim Thanh gọi từ đâu vậy?

– Sài Gòn.

– Kim Thanh vào đã lâu chưa, bao giờ trở ra?

– Vào được một tuần, tìm anh mãi. Chiều nay, sau khi lên thăm anh Trung về, tình cờ gặp một người biết anh, cũng thật may, anh ấy có cái “Cạt-vi” của anh.

– Đã lên anh Trung rồi à?

– Vâng, em đã lên, em đi từng ngôi mộ, mãi đến tối mới nhận ra tấm bia của anh. Tấm bia ghi rõ “Huỳnh Sĩ Trung họa sĩ, sanh năm 1940. Hy sinh tháng giêng năm 1968”. Đúng là anh ấy. Anh nằm đây một mình, tội quá và chắc ít người đến viếng thăm, cỏ mọc um tùm. Em ngồi em nhớ từng cọng cỏ cho anh, tội quá...

Năm 1975, sau ngày giải phóng, có dịp trở ra Hà Nội, định đi thăm Kim Thanh nhưng nghe cô đã có chồng có con, tôi giận (giận giùm thằng bạn). Cho nên, dù ngày nào tôi cũng chạy xe ngang qua cửa nhà cô mà không ghé. Bây giờ nghe giọng của Kim Thanh, tôi thấy ân hận, tôi muốn chạy ngay đến Kim Thanh.

– Bao giờ Kim Thanh trở ra Hà Nội, Kim Thanh đang ở đâu, tôi đến thăm.

– Em tiếc quá. Theo cái địa chỉ trong Cạt-vi của anh, anh ở quận 3, còn em đang ở nhờ nhà bà con ở quận 8 anh ạ. Sáng mai, năm giờ em phải dậy ra sân bay rồi. Anh có hay ra Hà Nội không?

– Thỉnh thoảng.

– Nếu có ra thì đến em, nhà vẫn chỗ cũ. Mất cái gì thì mất nhưng cây bằng lăng trước sân vẫn còn anh ạ! Mỗi lần nhớ đến anh Trung là em nhớ đến anh, hai người như hình với bóng, thế mà anh cứ biến biệt đâu đâu ấy!

Tôi với Trung như là hình với bóng thật. Thời chống Pháp, hai đứa là “xây lô cốt” trong cơ quan. Tôi thích đàn, còn Trung thì thích vẽ. Thấy gì cũng vẽ, thấy ai cũng vẽ. Một hôm nó bắt tôi ngồi cho nó vẽ. Nó nhìn tôi, hai con mắt nó tròn như đèn ô tô. Nhìn bức vẽ, tôi kêu:

– Mày vẽ tao và sao giống ông già tao quá vậy mậy?

Nó ngã người ra, há miệng cười.

– Để tao vẽ lại.

– Không, đừng xé, mầy cho tao.

– Không giống mà cho làm gì?

– Để tao gởi cho ông già tao, tao nói là tao nhớ ông, tao vẽ thuộc lòng cho ông khoái... Ha. Ha...

Không biết ông già tôi có khoái không, nhưng hai đứa đã khoái trước rồi.

Tập kết ra Bắc, hai đứa được vào trường miền Nam. Thấy có năng khiếu vẽ, nó được vào trường Mỹ thuật. Chiều cố người miền Nam tập kết, nó được sang Liên Xô, học vẽ sơn dầu, mãi đến đầu năm 1965, mới trở về. Gặp lại nhau, câu đầu tiên nó nói:

– Bây giờ tao vẽ mày thì giống mày chứ không giống ông già mày đâu nhá. Mày muốn tao vẽ lại mày năm mười bốn không?

– Làm đi!

Nó lấy giấy bút ra, quẹt quẹt mấy nét. Đúng là tôi, tôi năm mươi bốn.

– Mày gởi bức này về cho ông già, nói là ở ngoài này mày trẻ mãi không già...

Nhìn lại cái tuổi 14 của mình, tôi lại khoái.

Sau đó những ngày Hà Nội, nó thường đưa tôi đến nhà Kim Thanh.

– Mày thấy được không? – Nó hỏi.

– Ai giới thiệu cho mày?

– Không ai. Tại số.

– Biết là số, mà số làm sao?

– Đi đám cưới một thằng bạn, tình cờ ngồi cùng bàn. Thấy đẹp, tao móc sổ ra, phác vài nét. Một cô ngồi gần nhìn thấy, giật quyển sổ đưa ra trước mặt cô ta. Cô ta đỏ mặt. Bắt đầu làm quen.

– Lâu chưa?

– Mới

– Chừng nào làm đám cưới. Năm nay – hay chờ đến Thống Nhút.

– Chờ cô ta ra trường, mình phải có sự nghiệp.

– Sự nghiệp? Mày đã đỗ đạt rồi.

– Không. Sự nghiệp là tác phẩm chứ không phải bằng cấp.

– Đã bắt đầu chưa?

– Mình đi học mới về, cấp trên phân công đâu làm đó, chưa dám đòi hỏi. Mình muốn ngồi nhà sáng tác nhưng nhà trường lại phân công mình làm giáo vụ, không bận lắm, nhưng thời giờ cứ lẽ mề. Chỉ mới có ý đồ.

Năm 1965 cũng là năm của phong trào những người con miền Nam tập kết trở về quê chiến đấu. Tôi được gọi, Trung cũng được gọi. Ngày ngày mang ba lô gạch tập leo đồi, leo núi.

– Cũng hay! Tác phẩm đầu tay của mình sẽ là đề tài chiến đấu của quê hương và nó mơ mộng.

Tôi có một người bạn lớn tuổi cấp tá, cũng là dân miền Nam tập kết. sống một mình, có một phòng trong khu tập thể, thật khang trang. Anh bảo:

– Tiếc là tao bị thấp khớp, tao không về được với tụi mày. Chiến tranh này không phải như hồi đánh Pháp, ác liệt lắm. Tụi mày đi, chẳng biết ai còn ai mất. Tụi mày trẻ quá. Lính của tao ngày xưa, có thằng chết mới mười bảy, mười tám, chưa biết cái gì là đời. Nghĩ mà thương. Tụi mày bây giờ cũng vậy. Nếu mày có bạn gái thì đưa đến đây. Nhà tao không ai xét. Nói không phải trù, nhưng phải có can đảm nhìn vào sự thật. Ở ngoài này, nếu nghe tin mày bị hy sinh, tao sẽ đỡ ân hận.

– Tôi chưa có bạn gái, nhưng thằng bạn của tôi thì có.

– Nó là người thế nào.

– Dạ, tốt lắm.

– Bạn của nó tử tế không?

– Dạ, sinh viên, con nhà tử tế, nó định cưới đảng hoàng

– Vậy thì được

Trước ngày lên đường, chúng tôi được về Hà Nội, chia tay với người thân.

Tôi đưa Trung và Kim Thanh đến nhà ông bạn lớn tuổi.

– Hai cháu ở nhà chơi, cứ tự nhiên như nhà mình. Tụi này ra ngoài có việc. – Nó vậy rồi anh choàng vai tôi, đưa tôi ra cửa. Tôi đoán hai người chắc là gương.

- Bước xuống cầu thang, anh bạn lớn tuổi của tôi bảo:
- Mình đi cho tụi nó xáp chiến. Hai đứa đẹp đôi quá.
 - Mình đi đâu?
 - Đi lai rai. khuya hẩn về.

*

* *

Trở lại trường trước giờ xuất phát, tôi hỏi Trung:

- Được gì không?
- Không!
- Sao vậy.
- Không nữa.
- Vậy mày làm gì?
- Tao vẽ.
- Lại vẽ.
- Ừm.
- “Nu”
- Bộ mẫu sao mà “nu”?

Tôi thở dài.

- Tao vẽ xong thì chú cũng vừa về, sao mày không trở lại.
- Tao sợ tụi mày ngược.
- Tao định khoe với mày bức vẽ.
- Một tác phẩm?
- Cũng được. Cái nền, tao chơi màu tím của hoa bằng lăng.

Nàng thích lắm.

Chúng tôi lên đường, hai người không có dịp gặp lại. Tôi nhớ ngày chúng tôi lên đường là ngày 1-1-1966, sau Tết âm lịch.

Tôi vừa nói qua điện thoại với Kim Thanh vừa nhớ.

– Từ ngày tụi tôi đi đến nay đã hai mươi sáu năm rồi.

– Vâng – Hồi hai anh đi tôi còn là nữ sinh, bây giờ tôi đã thành bà ngoại rồi anh ạ. Gặp nhau ngoài đường chưa chắc anh đã nhận ra. Hai mươi năm nay tôi có điều thắc mắc, tôi nghĩ, ngoài anh ra chẳng còn ai.

– Gì vậy chị Kim Thanh?

– Sau khi nhận tin báo tử, tôi nhận được cái ba lô của anh Trung. Trong ba lô còn một số quần áo, vài món lặt vặt không đáng giá, cái đáng kể là cả một xấp thư của tôi. Phải nói thật là tôi không ngờ, thư của tôi anh mang theo cho đến phút hy sinh. Nhưng có điều không hiểu, thư của tôi, cái nào cũng bị xé hết cả lề, còn trong thư thì bị cắt từng mảnh cỡ hai ngón tay, anh ạ. Lạ quá! Hay là bị mối nó cắn. mà mối sao lại cắn khéo thế? Những lá thư thủng lỗ chỗ đó dán lại trên giấy trắng y như tranh bồi, thật cẩn thận, là sao vậy anh? Sao... anh lại cười?

– Tôi nhớ lại rồi.

Và tôi kể lại vắn tắt với Kim Thanh qua điện thoại.

Hai đứa tôi đứa nào cũng ghiền thuốc, mỗi đứa đều có 2 cây thuốc Thăng Long cùng với đủ thứ cần dùng khác trong ba lô và đeo bên hông, nào: đường, muối, bột ngọt, nước mắm khô, sữa bột... Tất cả đều phải dè xẻn.

Vượt đường Trường Sơn hơn tháng, lên đồi xuống núi, qua rừng băng suối, các thức ăn trong ba lô và bên hông mỗi ngày mỗi vơi đi – Nhưng ba lô càng ngày càng nặng theo mỗi bước đường dài. Hơn một tháng, được nửa đường thì hết thuốc hút. Áo

quần để đổi gà thì bây giờ lại phải đổi thêm thuốc hút. Đổi được thuốc rồi nhưng không có giấy. Những quyển giấy trắng vừa đẹp vừa dày dành để ghi nhật ký theo ý nghĩa ban đầu - đã lần lượt để lại trên đường. Giảm được gì trong ba lô đều giảm cho nhẹ người. Cái nút áo lúc bấy giờ cũng thấy nặng. Giấy không ăn được, nên cũng phải vứt. Đâu có ngờ đến lúc cần có giấy để quấn thuốc. Lúc ngặt nghèo ấy, Trung là người cứu tinh.

– Tao còn giấy.

Tôi mừng:

– Tập nhập ký?

– Vứt tự đời nào?

– Giấy vẽ?

– Nó cũng chung một số phận.

– Giấy gì?

– Thư của Kim Thanh.

– Mấy mang theo?

– Tao mang theo cho đến ngày gặp nhau làm đám cưới.

– Mấy định đốt?

– Sao lại đốt?

– Khoe để làm gì? Đọc cho tao nghe à?

– Cũng không. Nhưng tao có cách.

Đến giờ nghỉ, ngả lưng vào gốc cây, nó moi trong ba lô một xấp thư. Xấp thư tình viết bằng mực tím, màu tím của hoa bằng lăng trước nhà Kim Thanh.

– Tao chỉ cần giữ nội dung. Ta xé cái lề ta hút, được chưa?

Tôi vỗ bốp vào vai nó:

– Cho tao một miếng.

Cứ như vậy mà cái lễ của thư nào cũng bị xé. Cái lễ thư rồi cũng hết, mà đường thì hãy còn dài.

- Hay là mày nuốt tất cả lời của nàng vào phổi vào tim?
- Tao thì được nhưng còn mày?
- Mày cứ quán mày hút, còn tao thì tao ké vài hơi thôi.
- Còn nhớ chưa hết, ăn đồng chia đủ nhưng phải tiết kiệm.

Thế là mỗi lần ngồi ngả lưng vào gốc cây hoặc ngồi bên bờ suối nghỉ chân, Trung lại móc xấp thư ra, duyệt lại từng câu từng chữ, sau đó, nó rút cái lưỡi lam, thận trọng xén từng mảnh nhỏ, và sau đó nữa thì hai đứa có một điều thuốc phi phà. Không có tờ nào bằng tờ nào, lớn nhỏ khác nhau, có điều nhỏ hơn con sâu.

- Thư của Kim Thanh bị cắt xén là như vậy.
- À, ra thế! Tội chưa, sao mà khổ thế hở anh? Vợ con anh thế nào, hạnh phúc không?
- Tương đối. Còn chị?
- Chiều hôm qua, sau khi nhỏ cỏ cho mộ anh ấy xong, em ngồi em đọc những đoạn thư còn lại, em muốn gửi đến anh những lời âu yếm mặn mà. Đọc xong, em muốn đốt để gửi đến anh tấm lòng của em đến với anh, nhưng em lại nghĩ, nếu mình đốt đi, anh có thể hiểu là mình xóa. Bây giờ hai người hai nơi, nếu hiểu lầm thì không thể nào giải tỏa được, phải không anh. - Nghĩ vậy, em lại xếp vào em cất. Em đốt ba nén hương em lạy anh. Đó là buổi chiều hạnh phúc của đời em. - Keng...

Bên kia điện thoại đã cúp máy rồi. Trong tai tôi chỉ còn âm vang của tiếng chuông.

16-10-92

HOA SỚM VƯỜN XUÂN

Nếu HOA có nghĩa là mùa xuân thì bao giờ xuân cũng về đây sớm nhất trước tất cả mọi nơi. Và nếu màu trắng là trinh bạch của thiếu nữ thì ở đây luôn có làn hương con gái cứ phảng phất, cứ lan tỏa, cứ bay vờn làm khách đa tình choáng váng. Nếu dinh đào Nhật Tân lộ lộ đậm thắm nồng nàn của mối tình thiếu phụ có thể bùng lên cùng màu hồng sắc đỏ để nắm bắt thời gian, ôm trọn niềm say thì vườn mai này là cái nhìn đắm đuối nhưng e lệ, kín đáo mà khiêm nhường của trái tim run rẩy chớm nở tình đầu, như gót chân chim trên cành mềm.

Sau cữ mưa rười cuối vụ, sắp bước sang mùa Giáng Sinh, những cây bàng trong nội thành còn tiếc nắng hanh, giương màu xanh ra cùng sương lạnh, chưa muốn thành những tờ thư đỏ cuộn tròn trên lối sỏi... nhà thơ phiêu lãng nào tạm quên bước phiếm du để về ấm cúng cùng người vợ lành hiền bên bếp lửa chiều đông... đó là những ngày giữa đông, cái rét ngọt thấm vào trời đất, lan ra cùng trời đất khiến mình cứ ngỡ ngẩn vào ra như nhớ một bàn tay người yêu từ xa vắng lắm.

Phải đến vườn mai Đông Mỹ cho người ngoại niệm lắng đọng nó cứ lay động đáy hồn.

Chỉ cách nội thành một thôi đường mà đã gặp rừng. Phương Liệt, Thanh Liệt, Bằng Liệt, Thịnh Liệt... Đông Phù Liệt. Liệt là gì mà có cả một vùng mang bao nhiêu nó? Rồi lại Bạch Mai, Hồng Mai, Hoàng Mai, Mai Động... Mai là gì để nhắc nhở bấy nay?

Ngã ba Ngọc Hồi hai trăm năm lẻ trước, vó ngựa chân voi của Quang Trung đã rầm rập qua đây vào Thăng Long diệt thù đón Tết. Hoa mai của vùng mai ngày ấy thế nào?

Cách đây trăm năm, ở làng Đông Phù Liệt có gia đình có hai anh em cùng đỗ đạt. Nhưng không như bạn bè ra làm quan có người làm đến Khâm Sai đại thần, hai ông về làng mở trường dạy học và làm thuốc cứu người giúp đời. Một lần có vị cao tăng đến xin chữa bệnh. Cụ lang Đông Cương Nguyễn Ngọc Tiến với tài năng trí tuệ và tấm lòng lương y như từ mẫu đã chữa cho hòa thượng khỏi. Hòa thượng trả ơn không bằng vàng bạc thóc gạo, mà đúng theo phong thái tu hành, đem đến tạ ơn bằng một cây hoa mai có những bông hoa song đôi trắng muốt, thoảng thơm xa. Vị lương y vốn ưa thanh tịnh, được cây mai quý thật hợp với sở nguyện, đem trồng ngay cạnh bể nước trước hiên nhà để thêm bầu bạn với loài hoa đầy cốt cách khiến Nguyễn Du phải viết: *"Mai cốt cách tuyết tinh thần"...*

Mảnh đất ba sào dần thành chật chội. Để trả ơn chữa chạy cho nhiều dân lành, làng Đông Phù Liệt cấm thêm cho cụ lang cái gò hoang gần cạnh. Đất này vốn dữ. Thuở ấy, con sông chảy liên bên, đê Nhị Hà sừng sững, lau sậy ngút ngàn, bãi đầm hoang dã, tre pheo đìu hiu... các tay chơi thường tụ tập nhau trên cái gò này trước khi đi *"bật hồng"* ở các xứ xung quanh. Nhưng ngay những tay thảo khấu lục lâm, cũng phải nể vì ông lang nhân đức, ngậm ngùi nhường cái sảnh lộ thiên, tìm nơi khác xa hơn mà tụ họp bày mưu tính kế.

Một gốc mai rồi chục gốc mai, rồi trăm gốc nữa. Từ cái cây đầu tiên của nhà chùa tặng, cây mai được nhân ra con đàn cháu đống. Cứ trọng đông hoa mai nở trắng như tuyết, đất, mặt vườn cũng là tấm thảm trắng ngần. Bông hoa mai năm cánh, loài song mai nhẹ tênh mà đậu thành quả ngọt.

Khi cả hai cụ, cụ lang Đông Cương và cụ Cử em qua đời, người con trai cụ nối chí cha, trông nom di sản ấy, nơi có ngôi mộ các cụ trải gió mưa năm tháng, tấm bia nay vẫn còn phảng phất nét chữ ảo mờ như linh hồn những người vì đời mà hành sự.

Cụ Nguyễn Ngọc Quỳnh tức Mai Lâm, tên thân mật nôm na dân làng đặt cho là cụ Mài, con cụ lang Đông Cương, nay đã trên tám mươi tuổi, vẫn chăm sóc khu vườn tồn tại trên thế kỷ nay. Đông Phù Liệt nay gọi là xã Đông Mỹ thuộc huyện Thanh Trì. Cụ còn có nhiều công phu phát triển giống song mai ra hàng vạn gốc cho nhiều địa phương như vườn quốc gia Cúc Phương trên ba nghìn gốc, Lạng Sơn trên hai trăm gốc, Hoàng Liên Sơn hàng nghìn gốc và đặc biệt trong vườn cây hoa quả Bắc Hồ có 42 gốc song mai quý ấy do chính tay cụ ươm, chiết và đem trồng, cụ trực tiếp chăm sóc, cây lớn cao, ra hoa, đậu quả cụ mới chuyển cho cô con gái cụ là chị Nguyễn Thị Thảo, kỹ sư lâm nghiệp chăm nom tiếp, nay chị Thảo là đội trưởng trồng cây trong vườn Bắc Hồ.

Nhà nhiếp ảnh lão thành Võ An Ninh đã nhiều năm qua lại chốn này, chụp hàng trăm bức ảnh hoa mai, lưu giữ cái mỏng manh chóng tàn ấy lại cho đời sau. Năm 1970, cụ Võ viết trong sổ lưu niệm một cách khiêm tốn.

“Phải mất ba mùa mai nở, đi lại nhiều lần, kể cả những lần máy bay giặc Mỹ bỏ bom trên đầu, tôi mới chỉ chụp được trong ba năm vài tấm ảnh về mai, mà xem ra chưa được hài lòng. Tôi

cứ tự giận mình là vẫn chưa thể hiện được cái đẹp của mai, cái đẹp của cây, cái đẹp của hoa, cái đẹp của lá, cái đẹp của quả và nhất là cái đẹp của gốc của cành...

Yêu mai không được tục, yêu mai phải mang một tấm lòng đẹp, một tâm hồn đẹp, một tâm hồn thơ..."

Họa sĩ Phan Kế An rất thân với cụ Mài, bởi thân sinh họa sĩ là cụ Phan Kế Toại là bạn cụ lang Đông Cương, nên ông đến vườn mai một cách thường xuyên. Các họa sĩ Nguyễn Tiến Chung, Lương Xuân Nhị... cũng vẽ khá nhiều tác phẩm về mai trong vườn này, trong rừng này, kể cả chân dung cụ Mài, người chủ nhân của rừng mai Đông Phù Liệt, người có nhiều ưu ái cho mai.

Có những gốc mai cổ đã đi vào hư vô nhưng nhờ bàn tay họa sĩ, nó vẫn sống trong viện bảo tàng Mỹ thuật. Các họa sĩ Phan Kế An, Nguyễn Tiến Chung, Lương Xuân Nhị còn để lại nhiều trang như vậy.

Trong những năm chống Mỹ, học giả lão thành Đào Duy Anh đã nhiều tháng sống trong vườn mai – hay rừng mai – này, cả lúc cây mai dường như khô héo, cả khi cây mai hoan hỉ phô bày ngàn hoa trắng. Dưới gốc cây thanh trà độc nhất của vườn mai, chỗ ngày xưa cụ Phan Kế Toại từng nằm nghỉ để thưởng mai, thì nay, cụ Đào, trong căn nhà tranh tạm, đã hoàn thành tác phẩm giá trị “Từ điển truyện Kiều”. Cây thanh trà một trăm ba mươi lăm năm hẵn cũng vui mừng khi cụ Đào đặt dấu chấm hết trên trang bản thảo cuối cùng của tập sách công phu bao ngày tháng. Cây Kim giao mang từ Cúc Phương về, có lẽ là cây độc nhất sống trên đất đồng bằng, cạnh đó, cũng phải rung những tấm lá dây dây mà hưởng ứng cùng cây bè bạn.

Cụ Đào đã đề bốn câu thơ vào tập sách đầu tiên được tặng để biếu tri âm tri kỷ là cụ Mài, chủ nhân vườn mai:

*Ông hỏi đời sau ai khóc mình
Mà nay bốn bề lại cường danh
Cho hay hết thấy đều mây nổi
Còn với nghìn thu một chút tình.*

Cụ Đào đã thành thiên thu, nhưng tác phẩm và câu thơ còn lại. Đúng là *chút tình* còn lại mãi. Bốn câu thơ chưa hề được in ở đâu, chưa ai biết ngoài cụ Mài, bốn câu thơ tặng bạn mà nói chí của cụ, phải chăng chút tình ấy cũng là để tạ lại với vườn mai, nơi chôn chóc cho cụ bao tháng ngày đầy hương thơm, sắc đẹp và bóng nắng như dệt như thêu.

Làng Đông Mỹ cách ngã ba Ngọc Hồi vài cây số, nói theo ngày xưa là chỉ một thôi đường ngắn. Con đê sông Hồng vẫn sừng sững sau lưng. Đầu làng dài liệt sĩ uy nghiêm ngói đỏ đá đen nổi trên hồ long lanh nước, ngay sát cạnh đó là vườn mai hơn trăm tuổi. Chẳng cần phải ghi đường trước, nếu “*vi hoa nên phải đánh đường tìm hoa*” thì cứ đi khất đến, đến chợ đầu thôn, hỏi cụ Mài chủ nhân vườn mai, thì cả dân làng ai cũng biết, cũng sẵn sàng chỉ đường, dẫn lối đến tận cổng vườn. Ngôi từ đường đã tiêu điều nhiều, rặng duối trước rào càng cổ thụ, thấp thoáng đâu đó một cốt cách của gốc lão mai ẩn hiện, như vậy là khách đã đến xứ sở của hoa trắng băng trinh.

Tiến sĩ lâm học Thái Văn Trưng đã có lần thăm vườn mai, sau khi về, ông nghiên cứu tra khảo các tài liệu khác về cây mai, và ông trở lại vườn mai, ghi trong sổ lưu niệm:

“... Cây mơ hoang dại ở Chùa Hương hay cây mơ đã trồng trong vườn không phải là cùng một loài. Thân cành lá hoa quả đều khác hẳn về hình thái và giải phẫu. Tra cứu trong sách *Thụ mộc học* của cụ Trần Vinh, thì trong mười hai “thứ” của loài mai Trung Quốc cũng không có “thứ” nào giống với loài mai Đông

Mỹ. Về một số đặc điểm nào đó loài mai này gần giống với cây Hạnh mà hạt có thể ăn được, nên gọi là hạnh nhân... Quả mai thường kết đôi nên gọi là song mai..." (30-4-1970)

Thì ra không phải là thứ mai vàng Trường Sơn, cũng không là mơ chùa Hương, không là chi mai, càng không phải cành hoa trắng trong chợ hoa Hàng Lược chỉ là hoa mạn (cành Lý) mà người bán gọi bừa là cành mai và người mua cũng cứ nhầm nên gọi theo là mai một cách ù xịa.

Phải chăng vùng đất phía nam kinh thành Thăng Long một thuở hợp với loài song mai quý hiếm này? Chỉ tiếc cứ dăm chục năm cây lại bị cỗi, thoái hóa, phải ương, chiết ghép, trồng lại cho nó thanh xuân hóa, cho nó trẻ hóa, cho nó hồi xuân (giá con người cứ dăm chục năm lại được hóa phép làm trẻ lại như vậy thì thích nhỉ), nếu không nó sẽ thoái hóa hết, cành gãy đi, teo lại, không ra hoa, không đậu quả. Đã có một số cây mai cổ thụ chia tay với chủ nhân vườn mai, kể cả cây mai đầu tiên do nhà sư mang tặng cụ Đồng Cương.

Chợt nghĩ lẫn thẩn, hồn những cây mai ấy đêm đêm có phảng phất trở về như hồn hoa trong truyện *Truyện Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ thêm hơi ấm con người, muốn được hồi sinh, tái sinh vào cuộc sống dù tình duyên oan nghiệp cũng cam, hoặc như những linh hồn khao khát đam mê trong những câu chuyện *Liêu Trai* của nhà văn họ Bồ, từ hoa, từ hồ ly thành những con người bằng tuyết thủy chung...

Từng rất nhiều tao nhân mặc khách, thi sĩ văn gia đến với vườn mai bất kể mùa nào. Nhưng hạnh phúc nhất có lẽ là dịp trọng đông, khi hoa mai phô sắc tỏa hương, hoặc cuối xuân những quả mai song đôi to gần bằng quả trứng gà, ngọt nhẹ dê mê trên đầu lưỡi.

Cây mai có cốt cách là bởi mỗi năm nó đổi ngọn thay cành một lần. Nó không chỉ tích lũy tất cả vào thân để lớn to lên mãi như các loài cây tham lam khác, mà nó thường dùng cảm tự hủy những cành thừa, đốt hồng, thay bằng cành mới đốt lành. Nó gây guộc vì mang nhiều vết thương như vậy trong gió trong sương, tuy vậy nó cứ vươn ra, quằn quại mà ung dung, già nua mà thanh tân, mộc mạc là kiêu sa... Khiến nhiều tâm hồn đồng cảm phải ngây ngất, say nó như say tình, mê nó như mê người yêu giấu giếm, năm nào chưa đến với mai thì bứt rứt không yên như nhớ gương mặt, con mắt, bàn tay người đẹp chưa một lần thỏa mãn, rồi thắc thỏm băng khuông không hiểu người đẹp năm nay ra sao...

Chủ nhân Nguyễn Ngọc Quỳnh một người làm vườn mà lại rất nghệ sĩ. Chăm cây bón gốc, dọn cỏ chiết cành, nhưng rất thích có bạn đến chơi. Không nghiện trà, không nghiện rượu, cũng chẳng thuốc lá thuốc Lào vậy mà rất thơ, nhiều bạn. Như một nông dân, cái quần lá tọa nhưng tư thế lại vừa nhanh nhẹ vừa đỉnh đạc đường hoàng, phải chăng nói như cụ An Ninh đã trích ở trên, sự thanh cao, cái không tục của mai đã ảnh hưởng vào tâm hồn và nhân cách cùng tác phong chủ nhân, hay một phần nữa, chất nhà nho ưa thanh bạch, thanh thoát của tiền nhân còn lưu vào trong cụ, khiến khách một lần gặp cụ khó mà không trở lại lần nữa.

Có một chuyện vui về cụ Mài. Có mai rồi thì thích tuyết, nên người xưa có câu: *đạp tuyết tâm mai*. Ở ta, chỉ có vùng núi Sapa là đôi khi có tuyết. Có năm cụ Mài đã lặn lội lên đó chơi, cũng là lên giúp tỉnh bạn một ít cây song mai này. Có người mời cụ lên Sapa chơi, nhìn cảnh tuyết rơi. Chuyến ấy cùng đi có cả cụ Võ An Ninh. Hôm ấy cụ Võ đau chân không đi được, cụ Mài lên núi

một mình. Không ngờ cuộc đặng sơn ấy kéo dài tròn một tháng. Có gì đâu. Chờ tuyết rơi. Ngày nọ chờ rồi đến ngày kia lại chờ. không ngờ tuyết nó không chịu rơi cho. Thật là nghệ sĩ, cũng bỏ công chờ đợi tháng ròng cho thỏa ước ao, trong hồn cụ có mai, nay thêm tuyết, thế mới là hoàn chỉnh.

Thật tiếc, vườn mai Đông Mỹ của cụ Mài đang có nguy cơ thoái hóa hàng loạt. Đã thấy có những gốc táo, gốc chay thay vào chỗ gốc mai xưa. Loài hoa vương giả đang bị thời gian, khí hậu đối xử phũ phàng, nó đang mong sự có mặt của các nhà khoa học, thực vật học, sinh học cứu vớt để Thăng Long Hà Nội bảo tồn được một loài hoa quý hiếm.

Dạy học, làm thuốc, trồng cây, chăm hoa... những công việc tưởng là bình thường mà thật cao quý biết bao, đáng trân trọng nhường nào.

Khi những cành đào Nhật Tân nồng nàn khoe sắc thì những bông song mai trắng muốt đã lặng lẽ rời cành, êm ngủ, sắp làm quả ngọt cho đời. Con người có giống như vậy chăng, biết hy sinh, biết tự bỏ đi những cái thừa ra khỏi cuộc đời mình mà giữ lấy cốt cách, biết dành cho cháu con những gì tốt đẹp của mùa xuân.

ĐẬU PHỤ MƠ

Kính dâng hương hồn mẹ

Đậu phụ Mai Động, người Hà Nội xưa và nay vẫn thường gọi là đậu Mơ, nổi tiếng khắp 36 phố phường. Nghề làm đậu phụ thật vất vả, lấy đêm làm ngày cho kịp có đậu nóng gánh đi đem bán sớm mai. Bán hết hàng tranh thủ ngủ đứng ngủ ngồi vài ba tiếng là hết ngày. Đặt mình nằm, giấc ngủ vừa kéo đến là đã phải dậy, ngâm đậu gánh nước và bắt tay vào việc cho đến sáng.

Nghề đậu phụ có vài chục công việc khác nhau. Việc nặng như xay đậu, gánh nước... Việc nhẹ như gói đậu, pha đậu. Có việc tỉ mỉ như gói đậu thành bìa v.v...

Đỗ tương hạt thường do các cô gái bên làng Hoàng Mai đem sang bán. Đó là những hạt đỗ tương vỏ vàng óng. Công việc ban đầu là phải nhặt bỏ những hạt lép, hạt thối. Sau đó đem xay cho hạt đỗ vỡ ra thành hai mảnh rồi sàng sảy loại ra vỏ đỗ và mầm đỗ cho lợn ăn. Mảnh đậu đem ngâm cho trương lên mềm ra, rồi đưa vào cối xay cho nhỏ. Vừa xay vừa đổ nước. Được xay kỹ, những mảnh đỗ trở thành một thứ nước trắng đục như sữa. Sữa

đậu lại đổ vào túi vải dày lọc đi, chỉ còn lại trong túi vải bã đậu. Vỏ đậu và bã đậu đem nuôi lợn, lợn rất chóng béo. Năm đói Ất Dậu những nhà nghèo phải ăn vỏ đỗ và bã đậu thay cơm tranh cả phần ăn của lợn để thoi thóp sống. Lọc xong là được sữa đậu. Sữa đậu đổ vào chảo gang đun sôi. Ngày xưa người ta thường đun bằng rơm, bằng củi. Khi có than người ta đun bằng than trộn lẫn bùn ao. Bùn ở ao càng sâu thì lửa than càng được. Khi chảo sữa đậu sôi lên sùng sục, người ta đổ ra từng cái nồi to bằng sành. Sữa đậu màu trắng đục tỏa mùi thơm béo. Nước chua là thứ nước gạn ra sau khi sữa đậu đã kết tủa. Để thành nước chua người ta để thứ nước gạn ra trong một ngày. Ngày nay người ta biết rằng để có nước chua là quá trình lên men vi sinh và có tác dụng kết tủa sữa đậu đã đun sôi. Người làng tôi gọi là đậu óc, vì nó giống như óc lợn, óc trâu bò. Đậu óc được đem gói trong một tấm vải thư hình chữ nhật dài 30cm, rộng 20cm, sau đó đưa vào một chiếc khuôn hình chữ nhật có chiều cao bằng 50cm, rộng 10cm. Mỗi khuôn gói từ 16 đến 20 bìa đậu.

Thời ấy, con gái làng tôi “đắt chồng” hoặc “ế chồng” ngoài phần sắc đẹp còn phải kể đến tài pha đậu và gói đậu. Pha đậu và gói đậu là công việc của phụ nữ và quả là một nghệ thuật mà không có trường lớp nào dạy, chỉ là “mẹ truyền con nối”. Nước chua pha vào sữa đậu rất từ từ, từng giọt, từng giọt một. Tay trái vừa pha nước chua, tay phải vừa nhẹ nhàng khuấy đều. Đến khi nước đậu kết thành những mảng nho nhỏ, trắng đẹp như những bông hoa chanh thì dừng lại. Năm đến mười phút sau tùy theo thời tiết nóng lạnh, những hoa chanh ấy lắng xuống và kết thành óc đậu. Nếu pha nhiều nước chua quá nước đậu kết tủa nhanh thì bìa đậu sẽ rắn và chua. Xin lưu ý là sữa đậu không dùng nước chua để kết tủa thì chính là sữa đậu nành mà người Hà Nội hiện nay đang dùng khá phổ biến. Ngày còn thơ, mẹ tôi

nuôi tôi không chỉ bằng sữa mẹ. Mẹ đi chợ vắng, tôi khóc đòi bú là già tôi cho tôi ăn sữa đậu nành pha với đường phen. Gối đậu cũng là một nghệ thuật, gối lỏng tay bìa đậu sẽ mềm oặt dễ vỡ. Gối chặt tay bìa đậu sẽ khô cứng và chóng bị chua.

Người Hà Nội có nhiều cách ăn đậu phụ Mơ. Đầu tiên là canh óc đậu. Óc đậu chưa được kết tủa đổ vào với cà chua đã xào chín là có được món canh đậu phụ rất dễ trôi cơm. Món ăn này chỉ có trong mâm cơm của những gia đình quanh làng Mai Động. Cũng có người cầu kỳ đập xe từ Ô Cầu Dền về Mai Động để mua óc đậu nấu canh. Tuy nhiên phong phú nhất là cách ăn đậu bìa, đặc biệt là đậu nướng. Thuở ấy, mùa đông về, tôi thường gánh đậu bìa đem bán bên chợ làng quê nội. Tôi chọn một chỗ đông người dưới gốc cây gạo. Đặt gánh hàng xuống, tôi để chậu than trước mặt, nhóm lửa cho than cháy đều và đặt tấm sắt đan mắt cáo lên trên lửa than. Tôi lấy muối xát đều lên mặt bìa đậu, rồi đặt lên chậu than vừa quạt vừa giở bìa đậu cho vàng đều. Mùi đậu nướng thơm béo hấp dẫn người ăn. Người ta xúm quanh tôi để chờ bìa đậu nướng vàng rộm. Vừa ăn vừa xuýt xoa vì những cơn gió lạnh lùa vào trong quán chợ. Thuở ấy người ta ăn đậu nướng như ăn mọi thứ quả khác, chứ không ai ăn đậu nướng như ăn thức ăn khác trong bữa cơm. Vừa ăn, vừa thổi phù phù miệng tấm tắc khen: “Thằng bé khéo tay nướng đậu”. Ăn xong, họ mua thêm vài bìa đậu nướng đem về làm quà cho lũ trẻ. Học trò làng tôi cũng hay ăn quà bằng đậu nướng. Chúng vút những đồng xu “cạch” lỗ vuông rồi cầm bìa đậu nướng vừa đi đến trường vừa nhai nhồm nhoàm. Có đứa cậy mình lớn hơn tôi lại thấy tôi hiền lành, nên ăn xong chúng quýt tiền. Ngày ấy những gánh đậu nướng như gánh đậu của tôi thường len lỏi khắp 36 phố phường. Người ta ngồi nướng đậu bán ở một góc ngã ba, hoặc gánh rong miệng rao “Ai ăn đậu nướng đi nào!”.

Các con cháu của thân “lưu linh” thì khoái nhắm rượu bằng đậu phụ sống. Dầm ba bìa đậu, cẩn thận thì nhúng qua nước sôi cho đỡ bụi bặm của phố phường. Một bát mắm tôm chanh khuấy sủi bọt. Một nắm rau kinh giới. Không thể một thứ rau thơm nào khác thay cho kinh giới. Thế mới đúng vị. Đó là những món “đưa cay” đánh giá, có thể “ngả” vài ba lít rượu “phông ten” thời ấy.

Có mặt trong bữa cơm nhà giàu cũng như những gia đình “thường thường bậc trung” là đậu rán mỡ. Bìa đậu được xắt vát thành hình thang đem rán lên trong chảo mỡ sôi. Nhanh tay lật đều cho miếng đậu vàng và giòn. Vàng như rơm vụn lúa quê ta. Ấy là lúc gấp ra và nhúng thật nhanh vào bát nước chấm. Bát nước chấm là nước mắm pha thêm nước sôi cho đỡ mặn và nhất thiết phải có hành thái nhỏ. Tôi nói phải nhúng vào bát nước chấm thật nhanh rồi bày ngay ra đĩa, đừng ngâm vào nước chấm miếng đậu rán sôi mỡ hút nhiều nước chấm, sẽ quá mặn khó ăn. Đĩa đậu rán mỡ nóng hổi thơm mùi hành, thơm mùi béo ngậy là trở thành món ăn chóng hết nhất trong mâm cơm thường ngày. Những cô gái đảm của Hà Nội thường rán đậu rất khéo tay và rất giỏi chế biến từ bìa đậu phụ thành những món ăn khác, như đậu phụ nhồi thịt băm...

Quê ngoại Mai Động tôi thờ tướng Tam Trinh một danh tướng của Hai Bà Trưng. Ngày hội năm nay kỷ niệm ngày hóa của tướng Tam Trinh tôi về dự hội đứng tựa cột đình xem các cụ tế mà rơi nước mắt. Trong cờ xí rợp trời đủ sắc màu, trong tiếng trống thúc đồ vật trai làng vào xối, tôi cảm động xiết bao khi gặp lại các mẹ, các chị xúng xính trong tấm áo dài, đội hương hoa lễ vật vào đình, thăm thì khấn Thành hoàng quê nhà phù hộ độ trì cho gia đình mạnh chân khỏe tay, cho làng xóm yên vui, cho

những lò đậu phụ luôn đỏ nghề truyền thống, ăn nên làm ra mở mang phát đạt.

Nghề làm đậu phụ ở quê ngoại tôi ngày nay đã được sống lại rồi. Đêm đêm nhà nhà sáng ánh đèn điện, lại rì rào tiếng cối xay đậu và mùi hương thơm, béo bùi từ chảo đậu sữa đang sôi lại lan tỏa, ôm ấp lấy xóm làng.

Thì đấy thôi, ngày nay ở một vài chợ ven nội phía nam thành phố đã có vài ba chị, vài ba em nhỏ như tôi ngày xưa ấy đang nhóm bếp than nướng đậu bán. Mùi đậu nướng thơm ngon lan tỏa khắp một vùng. Đó đây ở một vài phố phường Hà Nội ngày nay lại có tiếng rao:

“Ai ăn đậu nướng đi nào!”

TUỔI MƯỜI BA

Truyện ngắn

Khi người ta chỉ cho tôi đồng chí trưởng ban bảo vệ khối dân phố này thì tôi hơi ngạc nhiên.

Đây là một bà cụ mà tóc đã hai phần bạc trắng. Cái lứa tuổi, nói chung, người ta thường gặp ở đường phố Hà Nội trong những ngày rằm ba tết bảy, tay xách cái làn đựng nhang hoa đi lễ chùa. Ở đây bà trưởng ban bảo vệ của tôi đang đứng trước cuộc họp dân phố.

Theo chương trình buổi họp đã giới thiệu trước, bà đang bắt đầu đi vào phần tình hình nhiệm vụ mới. Trước hết bà giới thiệu những chiến thắng mới của quân dân hai miền: nào miền bắc bắn rơi 2607 máy bay, trong đó Hà Nội bắn rơi 211 chiếc và dẫn đầu bằng vàng lập công, trong mười chín ngày qua bắn rơi hăm năm chiếc và bắt sống được nhiều giặc lái sừng sỏ... nào chiến thắng Đắc-tô cũng trong vòng mười chín ngày đánh bốn mươi trận lớn nhỏ tiêu diệt gần 3500 tên địch, bắn và phá hủy 32 máy bay các loại. Đúng như báo Nhân dân đã nói “chiến thắng Đắc-tô

là hoa chiến công tươi thắm của Tây-nguyên hùng vĩ góp vào mùa hoa chiến thắng đang nở rộ khắp miền Nam ta đầu xuân này...”.

Hết phần tình hình thời sự, đến mục phòng không sơ tán, bà phổ biến về những hầm hào chống bom bi nên làm như thế nào. Vừa nói, bà vừa chỉ tay vào những hình vẽ trong chiếc hầm trên bảng vẽ treo ở tường... Tôi đang thầm khen bà linh hoạt thì chợt thấy bà vừa nói, vừa nhìn tôi có vẻ sững sốt. Tôi không nhìn thẳng vào bà nữa nhưng cảm thấy hai con mắt bà không rời tôi, tôi đâm lúng túng trước cái nhìn ấy. Vì tôi đã nhận ra không phải tôi gặp bà lần đầu. Tôi cũng sinh ra ngỡ ngơ... Hôm ấy, ngày thao diễn của các đội dân phòng các khối phố thuộc khu Hai Bà. Từ các ngã đường Trần Nhân Tông, Bà Triệu, Lê Đại Hành dồn về khu triển lãm Văn Hồ, từng đội quân mũ sắt, mũ rơm, già trẻ, gái trai đủ lứa tuổi rầm rập bước.

Đi đầu một đội là lá cờ hồng thập tự với những cô gái đeo túi thuốc cứu thương và mang cáng tải thương. Tiếp đến đội cứu sập với những đội viên khoác áo ngực trang xanh, mang theo cào, cuốc, xẻng, xà beng v.v... Đi sau cùng là đội cứu hỏa với các xe bơm nhỏ, bơm to và gầu vẩy. Trong đám mũ rơm, mũ sắt nhấp nhô tôi chú ý một mái tóc hoa râm nổi bật dưới vòng khăn nhung đen nhánh vấn mềm mại quanh đầu. Đó là một bà cụ nhưng cái lưng rất thẳng như lưng con gái. Dáng dấp bà cứng cáp trong cái áo cánh vải nâu bện sát cài khuy giữa từ dưới lên trên. Bà quần sà cạp chân đi dép cao su đen, bước nhịp nhàng theo nhịp bước thao diễn cùng với đám trẻ.

Có tiếng gọi: máy bay địch đến, hồi còi báo động giả rít lên. “Vành khăn nhung” cúi rạp xuống bãi cỏ với dáng dấp nhanh nhẹn như thanh niên. Khi đội cứu thương, cứu sập đã bò hết

khoảng cách leo thang vượt qua những chướng ngại vật vào nơi tưởng tượng vừa bị oanh tạc, lửa đang bốc cháy các ngôi nhà... Vòi nước chữa cháy từ tháp đã khần trương lên cao. Lúc này là lúc quan trọng của từng đội thao diễn để dành điểm cao... Trong khi ban giám khảo chăm chăm nhìn theo vòi nước thì bà “khẩn nhưng” bung nước vùn vụt đổ tiếp vào thùng. Người ta thường phân công việc bơm nước cho những thanh niên trẻ, khoẻ nhưng dường như bà rất tin tưởng ở sức mình.

Đổ nước xong, bà hồi hã bắt tay tiếp sức với thanh niên. Trông cánh tay bà lên xuống dập theo những cánh tay trai tráng bơm nước, tôi tưởng như nhiệt tình của bà đang dồn theo sức mạnh của vòi nước. Ngọn nước mỗi lúc một vọt lên, cao dần dần bay bổng qua ngọn dương trong đám dương um tùm xanh đang đổ xuống từng trận mưa rào từ vòi nước. Và cũng từ đấy nổi lên những tràng pháo tay lẫn trống tiếng reo đác thảng, đội mình đã có thể góp phần giải quyết nhanh những hậu quả có thể xảy ra do bom đạn địch. Ngày ấy trông nét mặt bà, tôi đã nhận ra giống một người quen cũ, nhưng dáng dấp mạnh mẽ bạo dạn của bà lại gạt ngay hình ảnh người quen cũ ấy đi.

Thì ra bà đội viên đội dân phòng ấy chính là bà Hảo, trưởng ban bảo vệ mà tôi được giới thiệu đến gặp bây giờ đây. Bà mới được ủy ban hành chính thành phố tặng bằng khen là đã có thành tích xuất sắc trong việc giải quyết những hậu quả sau khi địch ném bom các phố Huế, Triệu Việt Vương, Mai Hắc Đế...

– Cô Uyên! Cô về công tác ở khu này đấy à? Chú ấy vẫn dạy học đấy chứ? Con cháu học đến đâu rồi? Đã ở riêng chưa?

Tôi sững sốt trước những câu hỏi dồn dập, bất ngờ, nhìn lên cái bảng vẽ hầm hào chống bom bi, để nhớ ra lai lịch người vừa hỏi mình... Những cái hầm vẽ đã lùi vào mặt sau nhường cho cái

bảng kê khai nhân khẩu chính thức để cấp phát bì mua hàng năm 1968. Thì ra tôi mãi nghĩ chương trình cuộc họp đã chuyển sang phần khác. Bà phó ban đại biểu khối dân phố đang phổ biến cách kê khai nhân khẩu chính thức theo từng phần trong bảng mẫu. Năm nào cũng vậy, về cuối năm, trước khi chuẩn bị phân phối hàng Tết, các khối dân phố phải chuẩn bị việc kê khai này để nhận cấp phát về khối cho nhân dân tem phiếu thực phẩm và bì mua hàng năm mới.

Người vừa hỏi tôi chính là đồng chí bảo vệ già. Nhưng sao bà Hảo lại biết rõ ràng về gia đình tôi, cả đến cái tên riêng của tôi? Từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Có lẽ đúng là người ấy chẳng? Tôi càng sững sốt khi bà nắm tay kéo tôi đứng né ra phía ngoài và thì thầm:

– Khổ chưa! Chẳng lẽ tôi lại già đi đến nỗi cô không nhận ra tôi nữa! Ngày trước cô ở cái gác ngay thẳng buông tôi lên mà lại...

Tôi reo lên:

– Bà trẻ!

Bà Hảo có vẻ sung sướng:

– Cô nhớ ra rồi, thế chứ! Tiếng là trên gác dưới nhà nhưng chị em mình chỉ cách nhau có cái sàn gỗ hở tuếch hở toác, chuyện gì mà chả to nhỏ được với nhau! Tôi vẫn nhờ cô viết thư ra kháng chiến cho cháu. Người ta đưa tin về là nó chết, mà tôi nghĩ nó khổ nhân, khổ duyên, khổ tình, khổ cảnh quá mới đi xin một quẻ thẻ... mà thôi. Khoan nhắc chuyện đường dài, hãy trách cô cái đã. Cô thật tệ! Đi là đi một mạch! Chẳng đoái hoài chi một lần trở lại nhà cũ!

Càng nghe nói, tôi càng như người ngủ mê. Nhưng trước mắt tôi vẫn là cả một sự thật không chút mơ hồ: bà trẻ đấy! Người vợ

lẽ lão Đại Thành, chủ cho tôi thuê nhà mười ba năm trở về trước đấy. Nghĩ mà buồn cười về những câu chuyện chung quanh cái quẻ thẻ bà vừa nhắc lại. Đã mười mấy năm qua, nhưng tôi vẫn nhớ rõ. Nguyên ở vùng địch tạm chiếm, những buổi chiều năm sắp hết của chúng tôi thường là những buổi chiều buồn nhớ anh em cha mẹ ngoài kháng chiến. Nhưng năm giáp ngọc có khác mọi năm: sau khi địch thua to, ta thắng lớn trong các chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc, thì năm ấy địch lại thua ở tây nam Ninh Bình, ta thắng ở Tây Nguyên và giải phóng Lai Châu. Những tin tức chiến thắng dồn dập vọng về làm cho lòng người náo nức... Mặc dầu đường phố hàng ngày luôn xảy ra những vụ quýt tiền tống tiền bắt lính của ngụy quyền, người ta vẫn xôn xao bàn tán về những tin chiến thắng, cờ đỏ sao vàng vẫn tung bay ở Tháp Rùa tưởng như ngày thủ đô được giải phóng cũng đến nơi. Họ đặt những câu ca, câu vè truyền miệng nhau, chép vào sổ tay, vào giấy truyền tay nhau...

Trong khi ấy, chúng tôi được nhận tận tay một tập ảnh các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, trong đó có ảnh Bác và ảnh chim bồ câu ngậm giả lụa viết chữ Hòa Bình. – Ôi! Nói sao cho hết được niềm vui tràn ngập trong món quà xuân đầy ý nghĩa đó? Tôi nghĩ ngay đến người ở gần gũi tôi nhất là bà trẻ, bà có con đi bộ đội ngoài kháng chiến. Nhưng khổ chưa! Bà trẻ của tôi đang rũ ra như con gà rù, bà mới nhận tin anh con trai đã hy sinh.

– Thôi, đời tôi thế là hết, cô ạ!

Tôi hiểu tất cả nỗi xót xa, tuyệt vọng của bà chứa chất trong câu nói vắn tắt ấy. Cuộc đời làm lẽ của bà đã quá nhiều đau khổ. Người bà phải làm lẽ lại chẳng ai khác là anh rể và chị ruột.

Là con gái một công chức về hưu nghèo ở một tỉnh nhỏ sớm

mồ côi mẹ, có chị là con vợ trước của bố cũng đã mất, lấy chồng buôn bán giàu có ở Hà Nội. Người em làm nghề máy cổ yếm nuôi bố và nuôi mình. Người chị đẻ, nhặn em ra Hà Nội trông nom đỡ dằn. Cô gái ngờ nghếch đã bị anh rẻ lợi dụng, nhân lúc vợ đẻ phải nằm riêng, đã lấn vào hiếp em gái vợ rồi lại lấy thế lực đồng tiền cưỡng bách cô, trong cảnh nhỡ nhàng đành phải bằng lòng làm lẽ.

Người chị đồng tình với chồng vì có hai cái lợi, một là lấy vợ cho chồng không phải tốn một đồng xu, lại có người đỡ cho cái gánh nặng ham mê sắc dục của chồng rượu chè nghiện ngập. Hai là nuôi được một người ở có thể tin cậy hơn người ngoài, lại không phải trả tiền công. Tuy vậy, mẹ vợ cả không phải không ghen ngầm. Lòng ghen ấy thể hiện ngay trong cách đối xử hàng ngày với em gái.

Nhà bán hàng kim khí, nhưng bán chác có người làm công. Mẹ vợ cả béo ị chỉ nằm tiêm thuốc phiện cho chồng và tiếp loại khách tai to mặt lớn đến mua hàng. Cần sai phái gì, mẹ không trực tiếp bảo người ăn, người ở. Mẹ bấm chuông điện gọi bà trẻ lên để sai truyền. Mẹ xưng hô tao với em gái nhưng bà trẻ đối với mẹ một điều thưa, hai điều bẩm và phải gọi mẹ bằng bà.

Cả ngày mẹ không xuống đến dưới nhà, thảng hoặc có xuống một hai lần khi chỉ là để đi đại tiện. Tội nghiệp bà trẻ, cứ vừa nhác thấy bóng vợ cả núc ních trong cái áo kim tuyến màu tam giang, lê đôi guốc kinh lập cập từ phía xa, dù đang bận làm gì, bát cơm đang ăn bà cũng phải đặt vội ngay xuống, đi lấy đĩa trâm đốt lên rồi mở khóa buồng xí đặt vào đấy trước khi mẹ vợ cả bước vào. Xong công việc đốt trâm thơm để sẵn trong buồng tắm. Nếu là mùa rét bà trẻ phải chăm chú lo một chậu nước nóng bốc hơi, không thể lấy sẵn để đấy được, và như vậy, bà phải

châu chực mất bao nhiêu thì giờ vào cái công việc chết tiệt ấy.

Nhưng bà vẫn cứ phải làm một cách cam phận, không chút hé răng phàn nàn, dù là phàn nàn trong những bức thư bà nhờ người viết gửi cho con. Nguồn an ủi duy nhất của bà là anh con trai này. Bà không có năm có bảy gì. Cuộc nhân duyên bắt buộc đưa lại cho bà một đứa con. Vì là con trai, anh được lão Đại Thành chiều quí không kém gì lũ con vợ cả. Nhưng điều ấy không ảnh hưởng gì đến cách đối xử của nhà đối với mẹ anh. Anh rất thương mẹ. Lớn lên trong cách mạng tháng Tám, sớm được giác ngộ, anh biết quyết định cho mình một con đường: muốn cho mẹ thoát được dây ải vật chất lẫn tinh thần, anh không thể yên phận chôn chân ở gia đình được, anh phải thoát ly!

Cũng từ đấy, bà trẻ có cái sung sướng mỗi lần có người làng ở ngoài vào biết tin tức con, hoặc nhận được thư con. Tuy vậy không phải lần nào anh gửi thư bà cũng nhận được, vì cái gì đi qua cửa hàng ấy mà lọt được tai mắt mẹ vợ cả. Phong trào chung làm cho mẹ dù tai ác cho mấy cũng gồm kháng chiến mà không dám thẳng tay cắt hẳn thơ từ, nhưng mười lần anh viết thư về, chỉ đến tay bà trẻ một cái, còn chín cái mẹ chắm đi. Nhưng dù chỉ một cái còn lại ít ỏi ấy cũng đủ đem đến một chút ánh sáng rọi vào đời sống tối tăm của bà, thế mà bây giờ anh không còn nữa.

Niềm vui tôi định mang đến san sẻ có lẽ lại làm bà thêm tủi. Nhưng ai nói với bà cái tin ấy? Hẳn là mẹ vợ cả! Tôi bỗng thấy căm ghét mẹ vô hạn. Chắc thâm tâm mẹ chỉ mong cho con vợ lẽ chết đi để các con mẹ khỏi bị chia sẻ gia tài. Kháng chiến thành công thì cũng không còn ai có thể có ưu thế trong gia đình lẫn các con mẹ được. Tôi ngầm phản ứng mẹ bằng cách hết sức làm cho bà trẻ không cho tin ấy làm thực.

Như đoán ra những điều tôi đang suy nghĩ, bà Hảo tủm tỉm cười:

– Tôi không mê tín như ngày trước đâu, nhưng mỗi khi có dịp nhắc lại những chuyện cũ, nhớ đến cái quẻ thẻ xin ở đền Ngọc Sơn nhờ cô xem hộ năm ấy, tôi vẫn không hiểu được tại sao nó nói dựa mà lại hóa ra đúng thế? Cái câu: “Cần khôn tám một qua rồi, hoa tàn tiết muộn trong thời thanh minh” thì chưa rõ lắm. Nhưng hai câu dưới: “Đầu dê đuôi ngựa rành rành, quân ta tám vạn vào thành tiếp thu” thì chẳng rõ ràng là cuối năm Ngọ sang đầu năm Mùi ta tiếp quản Hà Nội rồi Hải Phòng là gì? Kìa sao cô lại cười?

– Tôi cười vì câu ấy không phải là ở trong quẻ thẻ bà nhờ tôi xem.

– Thế là thế nào?

– Tôi đã lấy bốn câu mà lúc ấy nhiều người lấy làm thích thú truyền miệng nhau đọc. Vì thấy bà đau khổ quá nhân tiện bà nhờ xem thẻ, thế là tôi nhìn vào thẻ nói: “như thế có nghĩa là thời tám mươi năm nô lệ sắp qua rồi, anh bộ đội của bà vẫn còn sống và sẽ về vào tiết thanh minh năm Mùi”. Tuy tôi nói tào lao nhưng thật ra thì tâm lý chung người trong thành đạo ấy, ai chả mong bộ đội về. Họ mong nên họ mới đặt ca, đặt vè gởi gắm lòng mình vào đấy. Khi tôi nói với bà như thế, tôi cũng tin tưởng anh ấy về hơn là tin anh ấy hy sinh, mặc dầu có thể anh ấy đã hy sinh.

Tôi cũng tin nên tôi mới sống được mà chờ nó. Quả nhiên nó về thật! Thế mới biết lòng tin cũng là sức mạnh.

– Bà nói đúng đấy! Người ta mà mất lòng tin thì không thể nào sống được. Tin ở chính nghĩa của chế độ, tin ở lẽ sống của con người. Lòng tin làm cho người ta thoát được tất cả những cái vụn vặt, va chạm đến bản thân.

– Cô nói câu gì tôi nghe cũng hợp với tôi, hình như chính tôi

đã làm theo như thế. Tôi chẳng thấy oán giận chi những chuyện đối xử của người vợ cả, chẳng qua là cái chế độ cũ nó dung túng cho con người được sống như thế. Chứ bây giờ bà ta còn đâu vị trí cũ, mà mình là kẻ thắng phải không cô? Tôi vẫn thương hại tình cảnh bà ta, có bao nhiêu tiền nong, chồng vợ vết sạch đem đi rồi chết mất xác cả người cả của từ cái năm mới hòa bình ở Sài Gòn. Bây giờ ở đây có một thân một mình, ốm đau tôi vẫn giúp đỡ đấy! Con cái cũng được học hành công tác tử tế, nhưng chúng nó đều ở xa. Thế là quanh quẩn đâu lại vào đấy, rút cục vẫn chẳng khỏi tay mình. Các cụ bảo thế là cái nợ tiền kiếp mà!

Vừa rồi bà Hảo vừa cười. Niềm tự hào pha lẫn lòng khoan dung đối với kẻ trước kia đã ngược đãi mình, làm cho vẻ mặt vừa hiền hòa, vừa nghiêm nghị của bà bừng sáng. Càng nhìn bà, càng nghe bà nói tôi càng xúc động. Cái gì đã thay đổi bà từ thể chất đến tinh thần một cách khác hẳn đi như vậy?

Chẳng cần bắt bà kể lễ, không thấy rõ từ sau khi được giải phóng, Hà Nội có biết bao nhiêu bà trẻ khác hẳn không giống hoàn cảnh bà, nhưng mức độ đau khổ của họ trước kia không khác... Bây giờ, cũng như bà, họ đều có một vị trí mới trong xã hội mới. Tuy vậy, vẫn không dừng được, tôi buột miệng kêu lên:

– Bà trẻ ơi! Bà thật là trẻ!

Bà bảo vệ già của tôi lại cười:

– Chứ lại chẳng trẻ! Tôi được Đảng hồi sinh, tôi mới mười ba tuổi!

*

* *

Cuộc họp nhân dân đã đến phần kết thúc, nhưng việc làm đêm nay của cán bộ cơ sở bây giờ mới bắt đầu. Tôi theo bà Hảo cùng với một nhóm chị em đi tuần tra các đường phố thuộc khối.

Bằng đũa khoanh cánh tay, bà Hảo cầm đèn pin, chân bước đi mắt vẫn theo dõi hai bên hè phố, lề đường, dưới các gốc cây ven bờ, những lối rẽ khuất nẻo thiếu ánh sáng. Bà bảo tôi:

– Càng cuối năm, càng lắm việc! Có thể này mới theo dõi và kịp thời ngăn chặn được những hành động gian phi hoặc phạm đến thuần phong mỹ tục. Trước kia thì nam giới phối hợp với đoàn viên thanh niên của khối làm là chính. Bây giờ, người thì đi bộ đội người thì theo cơ quan, trường học, phân tán về các địa phương.

Số người làm việc cho khối ít nhưng khối lượng công tác khối phải làm lại nhiều lên, cán bộ cơ sở còn lại vẫn phải đảm bảo. Vì thế dù rằng người nào cũng bận công tác hoặc sản xuất ở cơ quan, xí nghiệp, ngay tôi với một số chị em khác cũng bận sản xuất mì sợi phục vụ cho khối, nhưng việc tuần tra phụ nữ cũng phải luân phiên đi như nam giới.

Mai đây rồi cô biết, tổ nào tổ ấy phải hướng dẫn dân làm bản kê khai, rồi thì nào thu sổ, nào phát phiếu bận là cứ túi bụi lên đấy!

Hồ đêm đen sẫm. Đáy hồ phản chiếu ánh đèn đường phố thành cái cột óng vàng, long lanh, rung động, múa lên dưới nước. Hôm nay lạnh trời, người đứng tụ tập ven hồ không có mấy. Thỉnh thoảng một đôi nam nữ thanh niên sóng vai nhau thong thả bước, chuyện rì rầm rồi mất hút dưới hàng cây. Đêm tưởng như yên tĩnh hơn ngày, nhưng trong yên tĩnh càng nổi bật những tiếng động đặc biệt: tiếng thuyết minh điện ảnh với tiếng nhạc đệm phim ở bãi chiếu bóng Thiên Quang, tiếng bình bịch của mô-tô công an đi như bay qua đường, tiếng rú ga của các loại xe hơi hết giờ làm việc trở về bến, và nữa... xa tít trên cao tiếng ầm ì trực thăng của ta đảo đi đảo lại... ánh đèn đỏ xanh nhấp nháy

lượn quanh bầu trời Thủ đô. Trên đường thưa thớt bóng người. Bỗng có tiếng lao xao từ xa rồi một loạt xe đạp, mũ rơm cài sau xe phóng tới, tiếng cười nói của những cô gái trẻ vụt qua như gió.

– Ca chiều nhà máy dệt 8-3 về đến đây là mười giờ rưỡi đêm rồi đây! Con bé nhà tôi đi ô-tô theo tuyến đường vòng, xe còn phải đưa công nhân về bến khác rồi cuối cùng mới về bến Kim Liên nhà, cũng chỉ mười lăm, hai mươi phút nữa về tới thôi.

– Bà nói ai thế?

– Con dâu tôi, vợ thằng Hảo, bộ đội ấy mà!

– À! Thế bây giờ anh ấy ở đâu bà nhỉ?

– Nó vẫn ở bộ đội, nhưng nó đi vào trong kia rồi.

Bà Hảo thân mật đập vào vai tôi:

– Ông Đảng, ơn cụ Hồ, tôi đã thoát nạn mù chữ hơn mười năm nay, giờ tôi chả phải nhờ cô viết hộ thư gửi cho nó nữa!

Tôi đùa:

– Thế bà có nhờ tôi đoán thẻ nữa không?

Bà Hảo trầm ngâm một chút rồi nghiêm nghị nói:

– Có một “quẻ thẻ” không phải đoán mà ai cũng thấy rõ, ai cũng phải học thuộc ghi sâu vào lòng...

Bà đứng lại dưới ánh đèn, mở cho tôi xem quyển sổ tay bọc nilông đỏ. Trong cuốn sổ, dòng chữ của bà nắn nót chép tay lời dạy của Hồ Chủ Tịch:

“Không có gì quý hơn độc lập tự do...”

12-1967

MƯA RIÊU HÀ NỘI

“Ủa, bộ anh khủng hay sao mà cứ đi hoài dưới trời mưa thế kia?”. Tôi nhại cái giọng Sài Gòn “dễ ghét” của anh khi thấy chàng cứ đầu trần mà nhẩn nha bên hè phố. “Em thấy không? Tuyệt quá! Mưa xuân Hà Nội tuyệt quá – cái thứ mưa phùn riêu riêu nhẹ nhẹ mà phải quá mười năm khát nhớ, giờ anh mới được gặp lại! Giữa cái nắng nóng ồ ồ của Sài Gòn cứ mỗi độ xuân về là anh lại thêm đến nôn nao cái thứ mưa thần diệu này. Nó làm lòng mình dịu lại, lâng lâng, rạo rực...”. Rồi anh như chìm lặng đi trước một màu mênh mông xám trắng của cảnh sắc Hồ Gươm. Ánh nhìn của anh trở nên xa vắng hư vô, có lúc đến thành kính tôn nghiêm như đang hoài niệm về một điều gì thiêng liêng cao vời lắm. Mà không, có lẽ anh đang cầu nguyện. Trước mặt anh là Tháp Bút, tự bao đời đứng sừng sững, uy nghi. “Hà Nội trong anh buồn vui một nửa – Tháp Bút đã sơn, người định tát hồ – Anh định bao giờ...” Câu thơ buồn lửng lơ bỏ ngỏ để thi nhân suốt một đời kiếm tìm. Mà cái đẹp thì luôn ở phía trước, đành phải đi thôi, phải tìm thôi.

Mưa. Trời vẫn cứ mưa, lai rai, dầm dề đến sốt ruột. Và cứ thế chúng tôi đi dưới mưa, lòng khe khẽ hát:

“Đi giữa mưa xuân tôi ngỡ

Làm tan những sợi tơ trời

Một chút thoáng gì vội vã

Nhẹ rơi trong ngực bồi hồi”

(Thơ Mai Văn Phấn)

Dưới làn mưa bụi mát dịu, không gian như cô đọng, thời gian như ngừng trôi, tất cả dưới lăng kính của màu mưa đều trở nên biến ảo, trẻ nài... Mưa khoác lên thành phố một hình dáng khác, đường nét khác: mềm mại, quyến rũ và sung mãn. “Tháng Giêng là tháng ăn chơi” quả đúng như vậy. Dư âm của ba ngày Tết sum họp vui vầy vẫn còn lan tỏa đâu đây. Với cái tháng tiếp nối đẹp nhất trong năm, ai cũng muốn dành thưởng cho mình thời gian để vui thú: thú hội hè, thú nhàn đàm, thú thưởng ngoạn... Mưa riêu Hà Nội nếu không tinh tâm thì khó có thể cảm nhận hết cái vẻ đẹp nên thơ thi vị của nó. Trong màu xám của phố cổ, màu nâu đen của những mái ngói rêu phong, bức tường gạch lở, mưa xuân đã tráng lên nó một lớp men trầm lạnh, xám màu phong trần mang đậm nét suy tư. Lúc ấy con người cảnh vật như hòa vào, như tan ra, như quện lại dưới làn mưa bụi giăng giăng, giữa đất trời mang mang nhòa nét. Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì mà hơn bao giờ ta thấm thía cái chân giá trị của cuộc đời, cái hạnh phúc mong manh của kiếp người, trước vòng luân chuyển của thời gian. Dưới những mái nhà cổ kính, dưới những thân cây trầm mặc lừng lững kia đã ẩn giấu gì, đã chứng nhân gì trước những thăng trầm của lịch sử với bao triều đại? Vẫn còn đây Thăng Long, Hồng Hà, Hồ Tây, vẫn còn đây Tháp Rùa ngàn năm uy nghiêm soi bóng, vẫn vang vọng chuông chùa

mỗi buổi chiều về... Và mưa xuân. Cũng là những hạt mưa bụi mềm, mát dịu ấy, sao hôm nay như có gì lạ khác? Phải chăng luồng gió mới của cơ chế thị trường đã thổi vào đất nước một sinh lực mới: nền kinh tế tăng trưởng, dân giàu hơn, đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lành mạnh hơn. Hạt mưa xuân dưới mắt con người vì thế cũng trở nên ấm áp sinh động hơn!? Mưa buông nhẹ mơn man mái tóc bờ vai; mưa xoa dịu nỗi đau thâm kím; mưa thanh lọc những âm thanh trầm bổng của cuộc đời.

Kìa! Mưa đã ướt đầm mái tóc anh và cả tôi nữa. Những hạt mưa lấm tấm trên khuôn mặt, long lanh như ánh mắt anh đang rạng ngời. Anh cầm tay tôi siết chặt, cái siết tay của sự đồng điệu và hạnh phúc. Thành phố đã lên đèn. Mưa như nặng hạt hơn. Phố xá đẹp lên bởi sự lấp lóa của ánh điện và màu mưa. Chúng tôi dừng chân vào một quán nhỏ trong ngõ vắng. Ngắm thời khắc đang dần trôi theo từng giọt cà phê đen tí tách. Tôi nhìn sâu vào mắt anh. Ngân ngấn nơi hàng mi hạt mưa (hay giọt lệ) ấm nóng...

Đêm ấy, khai bút, anh đề thơ:

“Hương thơm dọc con đường thuở trước

Tiến anh đi, Hà Nội xuân về

Mưa mỏng quá tựa hồ hoa phấn rắc

Gió trong lòng đâu thể lấy vai che”...

(Thơ Trương Nam Hương)

TÔI ĐI TIẾP QUẢN THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Giờ đây tròn 70 tuổi, thời gian với tôi là một khái niệm mờ mờ, rất nhiều khi lẫn lộn các sự kiện, còn tệ hơn Maiakôpxki “những năm tháng nối nhau khiến tôi giống một con sò kỳ quặc đuôi dài”. Tôi có thể quên cả những kỷ niệm vui sướng lẫn khổ đau, nhưng những ngày chúng tôi đi tiếp quản thủ đô mãi mãi là những ngày chói sáng trong ký ức, những ngày trời xanh cũng xanh khác hôm nay, gió cũng thổi khác hôm nay, sao mọc cũng khác hôm nay. Vâng đúng là sao cũng mọc khác hôm nay. Suốt những ngày quân từ Việt Bắc về tiếp quản Hà Nội mùa thu năm 1954 ấy, cứ chiều tà là tôi luôn nhìn thấy hai ngôi sao to tỏa sáng chênh chếch phía chân trời, giống hai ngọn đèn pha ô tô vừa nhô lên trên một đoạn đường cua lượn. Bây giờ tìm mãi chẳng thấy hai ngôi sao đó nữa. Hay đó chỉ là những ngôi sao ảo ảnh một thời tuổi trẻ mộng mơ khát vọng.

Đi tiếp quản thủ đô. Điều ấy không chỉ có ý nghĩa lớn lao đối với công cuộc kháng chiến, giành lại độc lập tự do của đất nước mà còn mở ra cho chúng tôi, lớp thanh niên mới trưởng thành, bao điều kỳ diệu của cuộc sống. Chín năm gian khổ đã qua, mơ

ước đã biến thành sự thật. Tương lai rực rỡ trước mắt chúng tôi. Chúng tôi đi trên đường cái. Chúng tôi đi giữa ban ngày. Đi và gặp bao đoàn khác cũng đi như chúng tôi. Chưa bao giờ chúng tôi thấy đông người đi như thế. Cùng đi về một hướng như thế. Từ rừng núi về đồng bằng, về thành phố. Nhà thơ Tố Hữu đã có lý khi viết: *Đường ta rộng thênh thang tám thước*. “Tám thước” chứ không phải “ta bước” như Trần Đăng Khoa chữa đâu. Hãy ở rừng 9 năm. Hãy đi đường mòn 9 năm, mò mẫm trong đêm 9 năm, hãy cảm thông với Xuân Diệu khi ông ra khỏi tán cây rừng: *Sáng nay ra cửa ư tì quốc / Một chiếc xe nhanh đạp giữa đường* thì sẽ hiểu được khái niệm 8 thước chiều rộng mặt đường gây xúc động đến thế nào. Nhất là lại đi giữa ban ngày nữa.

Không chỉ giữa ban ngày, trên đường cái, chúng tôi còn đi vào vùng mới giải phóng. Những vùng lính Tây mới rút. Cứ có cảm giác tiếng giầy đinh của chúng vẫn còn vang lên đâu đây, vết giầy đinh của chúng còn in lõm trên đường làng. Những đồn bốt còn nguyên vẹn hàng rào tua tủa trên cao điểm hay bất chợt gặp bên đường khiến chúng tôi nghĩ mới chỉ hôm qua thôi những khẩu đại liên vẫn còn trong lỗ châu mai và đang chĩa vào sườn những người qua lại. Những khu vành đai trắng mênh mông dây thép gai, mênh mông cỏ lác nhìn thấy chân trời. Những *làng nghiêm tường gạch lên cao vút*, những *làng mát ao trong vệt trắng ngời* đã thoát khỏi đêm dài. Cuộc sống mới bắt đầu. Những khuôn mặt các mẹ các cha sống trong dịch hậu chờ mong có ngày hôm nay. Các bạn thanh niên cùng lứa tuổi nhìn chúng tôi như nhìn những anh hùng. Các em thiếu nhi sán đến sờ bằng được vào bộ quần áo mầu cỏ của chúng tôi. Và dù ngủ ở nhà dân hay ngủ ở sàn đình, dù ban ngày cuốc bộ rã cẳng, đêm nào chúng tôi cũng thức khuya, đêm nào cũng là đêm hội. Chúng tôi ca hát và ca hát với dân làng, với các thanh thiếu niên. Để sáng hôm sau

lại đi. Đeo nặng, đi hàng trăm kilômét nhưng lúc nào cũng cứ tươi hơn hớn. Không chỉ chúng tôi, tất cả mọi người gặp trên suốt cuộc hành trình đều cùng chung nét mặt. Tôi cảm giác rằng người ta sắp đặt thế giới này cho bọn chúng tôi. Như câu hát của trẻ em hiện nay: *Trái đất này là của chúng mình...*

Nằm chờ ở một làng thuộc Hà Đông, chúng tôi được học tập, trang bị những kiến thức cần thiết trước khi vào Hà Nội, từ Hiệp nghị Genève, đến kỷ luật tiếp quản. Chúng tôi được tập trung ở một sân đình rộng. Rất đông người thuộc nhiều đơn vị. Thật không ngờ: anh Xuân Thu, anh con bác ruột tôi, phóng viên báo Cứu Quốc cũng có mặt. Tôi hiểu: tất cả các cơ quan đầu não của ta đã ở đây, áp sát thủ đô, sẵn sàng vào Hà Nội. Tôi nhớ mãi khuôn mặt khắc khổ của bác sĩ Trần Duy Hưng, phó chủ tịch ủy ban Quân chính thành phố Hà Nội với chất giọng trầm chậm rãi thiêng liêng của ông:

- Các đồng chí hãy nhớ lời dạy của Bác Hồ: “Người cán bộ kháng chiến nghìn vàng không mua được”.

Ở vị trí tập kết chúng tôi được đọc báo *Tia Sáng* từ nội thành chuyển ra. Tờ báo có đăng trên trang nhất quy cách may cờ đỏ sao vàng và một tin động trời: bọn địch đã phá hủy chùa Một Cột. (Kiến trúc độc đáo có một không hai, một trong những biểu trưng của thủ đô may sao chưa bị hư hại nặng và vẫn còn sửa chữa, tôn tạo được). Chúng tôi mong từng ngày cho tới mồng 10 tháng 10, chúng tôi sẽ vào Hà Nội. Thật may mắn cho tôi và một số anh em khác: một số nhỏ trong đoàn thanh niên xung phong công tác tiếp quản thủ đô được vào trước. Để làm nhiệm vụ tiếp quản công thự. Tôi cũng nằm trong số đó. Thật náo nức làm sao trong bữa cơm chia tay, đồng chí đoàn trưởng Vương Bích Vương nói với chúng tôi:

- Trưa nay ăn cơm ở đây. Chiều nay các đồng chí ăn ở Hà Nội rồi.

Hà Nội quả thật đã gần lắm. Chúng tôi, những thanh niên hai mươi tuổi, kiểm tra lại từ cái dây buộc bát sắt trên ba lô, kéo lại xanh tuya rồi lên ô tô. Tới một chỗ, có ô tô của Pháp đón. Chúng tôi giữ được nét mặt tỉnh bơ khi các nhà báo chụp ảnh ở nơi đón tiếp. Xe tải nhà binh, có mui, có ghế ngồi bắt vào thùng xe. Phía cuối mỗi xe là hai lính thuộc địa da nâu cầm súng để ngang đầu gối. Tôi ngồi cạnh anh Vũ Thọ, đoàn phó. Anh vào để trực tiếp lãnh đạo nhóm chúng tôi. Tôi chưa một lần tới Hà Nội mà chỉ nghe nói đến Hà Nội khi còn bé, khi còn đi học. Những chợ Đồng Xuân, cầu Long Biên, những Nam Đồng, ô Chợ Dừa. Những tên gọi qua thơ Văn Cao, nhạc Nguyễn Đình Thi, bút ký Trần Đăng. Những tên gọi ấy là lương tâm, là khát vọng của chúng tôi, của những người đi kháng chiến. Tất cả im lặng, nghe Hà Nội đang đến gần. Dường như cũng lay niềm xúc động của chúng tôi, những người lính Âu Phi im lặng. Chỉ có tiếng đường nhựa kêu giòn dưới bánh xe lăn. Qua thị xã Hà Đông còn rợp cờ đỏ sao vàng của những ngày đầu trở về với cách mạng, chúng tôi lặng im. Những chiếc xe Vespa phóng nhanh trông như những con vẹt lướt đi, rất lạ mắt làm chúng tôi ngạc nhiên nhưng cũng không ai thốt một lời.

Thế rồi bỗng anh Vũ Thọ lẩm bẩm một mình rất khẽ:

- Ngã Tư Sở.

Và một lúc sau:

- Khâm Thiên

Rồi:

- Ga Hàng Cỏ

Tiếng thì thầm của anh làm tôi xúc động hơn cả tiếng gào: “Hà Nội ơi! Ta đã trở về!” Hơn cả những giọt nước mắt chảy trên má người chiến sĩ. Tôi biết xe đang qua những nơi ấy. Tôi xúc động niềm xúc động của đồng chí chỉ huy khi xe đang đi vào giữa lòng Hà Nội.

Xe chở chúng tôi tới nhà thương Đồn Thủy (nay là bệnh viện Hữu Nghị), vị trí tập kết của chúng tôi, có lính Pháp gác ngoài cổng, còn dãy nhà chúng tôi ở phía trong, bộ đội mũ lưới, huy hiệu Điện Biên Phủ trên ngực áo cầm súng gác. Đúng là chiều hôm ấy chúng tôi ăn cơm ở Hà Nội. Gạo máy trắng bong. Canh bí xanh nấu tôm khô. Và thịt. Nhà ăn rất đông. Nhiều người, nhiều đoàn. Chợt có tiếng phụ nữ gọi tên tôi: “Chị Nghiêm Chương Châu. Cô giáo dạy toán của tôi. Thật bất ngờ và sung sướng. Không thể nghĩ rằng từ rừng núi Thái Nguyên, thầy trò chúng tôi lại gặp nhau ở nhà thương Đồn Thủy giữa lòng thành phố Hà Nội và quân Pháp vẫn chiếm đóng này. (Chị Châu vào tiếp quản ngành giáo dục, nhận nhiệm vụ hiệu trưởng trường Trưng Vương, sau đó chị làm giám đốc Sở Giáo dục Hà Nội rồi thứ trưởng Bộ Giáo dục).

Nhà thương Đồn Thủy khi đó vẫn còn nhiều nhân viên thầy thuốc. Lần đầu tiên đi lang thang, khám phá khu vực đóng quân, bước sang dãy nhà họ ở, bất chợt nhìn thấy những ông Tây cao lớn, bụng phệ, những bà đầm già mắt xanh mỏ đỏ, chúng tôi hơi giật mình. Nhưng rồi bình tĩnh lại ngay. Dù chúng tôi mặt bám ra sữa và chỉ là một số rất nhỏ trong thành phố tràn ngập quân viễn chinh Pháp, dù chúng tôi bị bất ngờ nhưng ngay lập tức lấy lại tự tin vì thành phố này sẽ là của chúng ta, vì sau lưng chúng ta là Điện Biên Phủ.

Lòng tự tin ấy đã nâng đỡ tôi khi tôi bị bắt giam một ngày ở

bốt Hàng Trống. Sáng mồng 9 tháng 10, như thường lệ, chúng tôi lên một chiếc xe Citroen đen cùng với một sĩ quan Pháp đi cùng, nhưng bên Pháp có lẽ đã rã đám vì sáng hôm sau, mồng 10 tháng 10 đã phải rút hết khỏi Hà Nội, nên họ chỉ cử một sĩ quan đi với ba người phía chúng tôi.

Tới ngôi nhà 14-16 Rue de la Chaux (phố Hàng Vôi) xe dừng lại, thả tôi xuống và đi tiếp. Tôi xem lại giấy ghi số nhà tôi phải tiếp quản và ấn chuông. Thay vì một người Pháp đi ra là một cô gái ló đầu sau cửa xếp. Tôi giật mình lùi lại. Lần đầu tiên tôi mặt giáp mặt một người như vậy. Đành rằng *nàng đứng trong cửa sắt, chàng đứng ngoài cửa sắt*, nhưng vẫn hoảng. Đầu uốn quăn như cái rế. Môi son đỏ chót. Lại má phấn nữa. Thấy tôi với bộ quân phục, cô gái còn giật mình hơn cả tôi. Chỉ thiếu kêu rú lên như giẫm phải rắn.

Tôi định trình bày, nhưng cô gái không nói một lời, biến mất. Một lúc sau một người đàn ông đứng tuổi, béo tốt, pygiama là phẳng bước ra, vẫn đứng sau cửa sắt, buông một câu ngắn gọn:

- Các ông nhầm rồi. Đây là nhà tư.

Và đi vào.

Tôi đứng trơ ngoài phố một mình với bộ quân phục màu cỏ úa. Phía bên kia phố là những ngôi nhà bốn tầng, cửa sổ san sát tầng trên tầng dưới. Lính Pháp, lính ngụy kín các cửa sổ nhìn xuống tôi. Tình thế thật gay go, nguy hiểm. Nhưng rồi tôi cũng yên tâm: các em nhỏ là những người đầu tiên xúm quanh tôi. Rồi người lớn vây lại vòng ngoài. Họ đến để chiêm ngưỡng, biểu lộ lòng quý mến cảm phục những người kháng chiến, những người chiến thắng. Một người nói với tôi:

- Mời anh vào nhà tôi. Đứng thế này nguy hiểm lắm.

Tôi theo ông ta vào nhà ngay cạnh đấy dù kỷ luật tiếp quản

là cấm không được vào nhà dân. Tình thế này là bất khả kháng: một căn nhà cấp bốn, không có trần, nhìn lên mái thấy cả những rui mè và kỳ diệu nhất là trên ấy treo thông xuống lung linh một con cá dân bằng giấy bóng kính xanh đỏ chiều dài gần bằng cả gian nhà, đồ chơi Tết Trung Thu vừa qua chưa bao lâu, thứ đồ chơi trong mơ tôi cũng không hình dung ra được.

Chưa kịp uống chén nước chủ nhà mời thì một chiếc xe Citroen trắng xịch đến. Nhìn màu xe trắng, tôi thêm yên tâm. Xe sơn trắng là xe của Ban Liên hợp Đình chiến. Một người Pháp to lớn bước xuống, đi vào nhà (hắn ông mặc pygiama đã gọi điện tới). Tôi đưa giấy tờ cho ông ta. Giấy của Ban Liên hợp đình chiến Bắc Bộ. Côlônen Galibe ký. Trung tá Đoàn Thế Hùng ký. Viên sĩ quan Pháp mời tôi lên ô tô. Bước lên xe khi không có một sĩ quan ta nào là một điều rất nguy hiểm. Chúng có thể đưa tôi đi thủ tiêu mà không ai biết. Nhất là chỉ còn không đầy 20 tiếng đồng hồ nữa chúng đã rút hết khỏi đây rồi.

Cảm giác lo sợ càng tăng khi xe rẽ vào phố Hàng Trống (chỗ đồn công an đầu Hồ Hoàn Kiếm, giáp đường Trường Thi bây giờ). Hai dãy lính Tây đứng hai bên lối đi với súng lấp ló lên tuốt trần, xe tôi đi giữa làm tôi choáng váng. Tôi xuống xe, đi sâu vào phía trong. Đến một phòng làm việc rộng, thở phào: giữa vô số sĩ quan Pháp là các đồng chí bộ đội với quân hàm sáng trưng trên vai áo. Có lẽ không bao giờ tôi trông thấy những chiếc cầu vai rực rỡ như thế nữa, đẹp như thế nữa. Tôi hiểu rằng tính mạng mình đã được bảo đảm.

Tôi được đưa lên gác, ở tạm trong một căn buồng có cửa đi ra ban công trông ra đường Trường Thi. Suốt một ngày, chỉ biết nhìn sang bên kia đường san sát những biển hàng có vẽ những đôi giấy rất to, những mái đầu của các cửa hiệu uốn tóc, những

hiệu chụp ảnh, rồi cô gái trên gác hai một nhà đang đu đưa trên ghế xích đu đọc báo *Tia Sáng*, số báo *Tia Sáng* cuối cùng. Buồn quá, tôi bước ra hẻm ban công, một việc làm hơi chần chừ, nhìn thấy Nhà hát Lớn mà không biết đấy là Nhà hát Lớn, nhìn thấy một đầu hồ Hoàn Kiếm mà không nhìn thấy tháp Rùa nên cứ ngỡ ngỡ không biết có phải hồ Hoàn Kiếm đấy không.

Mãi tối mịt tôi mới được về Đồn Thủy trên một chiếc xe chở bánh mì do hai lính Pháp gác. Anh Vũ Thọ ôm lấy tôi và đưa tôi xuống nhà ăn: “Đây. Cơm vẫn phần cậu đây”. Nhìn nét mặt anh, tôi hiểu anh đã lo lắng cho tôi như thế nào.

Đêm ấy gần như cả đơn vị chúng tôi không ngủ. Chúng tôi đang sống trong một đêm lịch sử. 12 giờ đêm, anh Vũ Thọ xem đồng hồ:

- Giờ này bọn Pháp đang rút khỏi cầu Long Biên.

Tôi như nghe thấy tiếng xe ô tô rú ga trên cầu sắt, nghe thấy những bước chân giầy xăng đá nặng nề của chúng. Sáng hôm sau, chúng tôi đi ra khỏi nhà thương. Gác vòng ngoài cũng đã là một đồng chí bộ đội sao vàng gắn trên mũ lưới. Chúng tôi reo to:

- Chào đồng chí!

Tối chỗ vẫn đứng chờ bọn Pháp tới làm việc trên đường phố. Xúc động rưng rưng: ở đấy đã treo tự lúc nào tấm ảnh Hồ Chủ tịch gây gò với chòm râu thưa.

Và rồi đại quân ta tiến vào trong ánh nắng chan hòa như đã thấy trên màn ảnh.

*

* *

Mấy ngày sau chúng tôi phải chuyển khỏi nhà thương Đồn Thủy. Chuyển về phố nào tôi không nhớ. Hàng ngày chúng tôi

tỏa về các nhà máy, các khu phố. Phạm vi hoạt động của tôi là góp phần làm công tác thanh vận ở nhà máy điện, nhà máy đèn, nhà máy nước và cùng đồng đội làm công tác thanh niên ở các khu vực Hàng Bún, Cửa Bắc, Ngũ Xã. Triển lãm ảnh ở ngoài bãi Phúc Tân, Phúc Xá... Chúng tôi hàng ngũ tề chỉnh đêm khuya còn đứng hát vang những bài ca kháng chiến trên đường đôi cạnh Hồ Hoàn Kiếm. Mưa ướt tóc ướt vai, đường nhựa bóng loáng mưa thu vẫn say sưa hát, bởi vì hạnh phúc là được đứng trong hàng hát đồng ca. Chúng tôi thực hiện nghiêm chỉnh kỷ luật tiếp quản: không vào hàng quán ăn uống, thêm kem quá thì cử người đi ra phố Huế mua cả túi kem Cẩm Bình về cả đơn vị cùng ăn. Tôi chẳng thể quên được vẻ mặt sáng bừng lên của cô gái Cửa Bắc cùng gia đình cô khi cô mời được chúng tôi vào nhà, khi những bộ quần áo xám của chúng tôi xuất hiện trong nhà cô, bởi vì chúng tôi là những người cán bộ kháng chiến nghìn vàng không mua được...

Những ngày tiếp quản thủ đô, những ngày hội của tuổi trẻ, cửa niềm tin kéo dài cho đến tháng 12 năm 1954. Hết đợt tiếp quản, đơn vị thanh niên xung phong chúng tôi phần lớn đi học kỹ thuật ở trong nước và ở nước ngoài. Chỉ có ba người theo đuổi văn chương chữ nghĩa, về báo Tiền Phong làm phóng viên: Lê Thị Túy, Vũ Lê Mai và tôi. Bắt đầu một thời kỳ mới: dựng xây sự nghiệp.

HÀ NỘI, CON THUYỀN, PHÙ SA

Đôi khi tôi tự hỏi cái ngày Lý Công Uẩn đến vùng bờ bãi phù sa ven sông Hồng, thấy những ráng mây vàng như một con rồng bay vút lên, chính ngày đầu tiên ấy ông đã ngắm con rồng Thăng Long trên mình ngựa hay trên thuyền?

Hình ảnh một con thuyền có lẽ hợp hơn với người đầu tiên đến chọn đất xây dựng nên Thăng Long. Không loại trừ sự tô vẽ của người đời rằng ông ngồi hùng dũng trên một thớt voi hoặc một con ngựa chiến. Nhưng dải đất phù sa nâu đỏ ven dòng sông cũng đỏ dòi người đến khám phá ra nó phải cuời trên một con thuyền dề trên đầu sóng. Những hồ nước khắp trên đất Thăng Long cũng muốn rằng người đầu tiên đến đây phải có một con thuyền. Phải là thuyền cơ. Mãi đến thời Hồ Quý Ly, như nhà văn Nguyễn Xuân Khánh miêu tả, cả vùng Thăng Long vẫn còn mênh mông hồ nước. Phương tiện phổ biến và an toàn vẫn là thuyền. Những con thuyền chập chờn luồn lách trong sương, qua lau sậy, mang chở trên đó bao nhiêu nỗi niềm, cả những mưu đồ bá vương.

Phải là thuyền. Sông dài bãi rộng. Trên bến dưới thuyền.

Chài lưới. Canh tác lúa nước. Buôn bán vùng kẻ chợ. Người ấy cảnh ấy kéo dài ra đến một nghìn năm, đến bây giờ. Người bây giờ ngồi mà hình dung cứ tự đoan chắc với mình rằng Lý Công Uẩn ngày đầu đến đây bằng thuyền.

Chắc là thế. Bằng thuyền.

*

* *

Có lần tôi ngồi nghe chuyện nhà văn Tô Hoài, cũng là một nhà Hà Nội học trực nghiệm đáng tin cậy. Nhân chuyện người Hà Nội gốc, ông nói rằng hiếm có lắm, Hà Nội gốc họ chẳng chỉ có mấy anh chàng đánh cá ven sông Tô Lịch.

Ừ nhỉ, ngay như nhà văn Tô Hoài đấy thôi. Ông vẫn được coi là một nhà văn hiếm hoi người Hà Nội còn lại với chúng ta từ đầu thế kỷ trước, nhưng mà trước năm 1945 vùng Nghĩa Đô quê ngoại ông hằng đi về vẫn còn thuộc tỉnh Hà Đông. Hà Nội khi ấy chỉ là một mảnh bé xiu của nội thành Hà Nội bây giờ.

Hà Nội gốc bây giờ tạm chấp nhận tiêu chuẩn có ba đời sinh ra ở Hà Nội. Ông nội tôi sinh ra ở đây, cha tôi sinh ra ở nơi đây, và tôi nữa sinh ra ở nơi đây. Thế thì tôi là người Hà Nội, cho dù những năm chiến tranh ly tán, cha mẹ tôi có phải bỏ Hà Nội dạt diu nhau đi kháng chiến chống Pháp, cho dù những năm chống Mỹ có phải bồng bế tôi đi sơ tán về miền quê. Cho dù gốc gác tôi ở Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên, hay từ những tỉnh đồng bằng Bắc bộ không xa. Hay từ những nơi thật xa Nam bộ.

Nghe thế thì hiểu rằng Hà Nội gốc ba đời ở móng chân vẫn còn giắt bùn sông Hồng. Đầu thế kỷ XX vùng phố cổ bây giờ nước sông Hồng vẫn còn mấp mé liếm vào bến đò, rồi theo thời gian mới dần dần rút dần ra xa. Người Hà Nội gốc khi ấy vẫn phải làm nghề chài lưới. Bà buôn vẫn phải lặn xả xuống bến lội bùn

lấy hàng lên. Ông đồ ông ký sao cũng có lúc phải lội nước lên thuyền hoặc lội qua bãi sông ngập nước mà về nhà. Hà Nội gốc mà móng chân vẫn giắt bùn là như vậy. Lá ngọc cành vàng, danh gia vọng tộc thật là một huyền tưởng mong manh.

Thế thì người Hà Nội là những ai? Cũng như mọi thủ đô trên thế giới này thôi. Chưa đến London cứ tưởng người London nói tiếng Anh theo “kiểu thủ đô” rất chuẩn. Chưa đến Paris cứ tưởng người Paris chỉ toàn người sinh trưởng ở thủ đô hoa lệ. Những đô thị ở nước Mỹ thì khỏi nói, New York, Chicago, San Francisco, Los Angeles... Tất cả đều là những tụ điểm tập hợp dân tứ chiếng hay người tứ xứ cũng vậy. Khó mà tìm ra ở họ một mẫu số chung.

Hà Nội có lẽ cũng vậy thôi. Gốc gác ba đời ít ỏi đã nói ở trên. Đa số người Hà Nội bây giờ là “ngoại kiều”. Những Thanh kiều, Nghệ kiều từ miền Trung ra. Từ Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Thái Bình lên. Từ phương Nam tập kết đến. Tinh hoa gốc rễ hun đúc ở đây. Tinh hoa từ mọi miền mang tới, giao kết hợp chủng mà tạo nên người Hà Nội. Lâu dần cứ cái gì thanh lịch, hào hoa, cao nhã, tinh tế... thì mặc nhiên đều được coi là của người Hà Nội. Chẳng cần phải rạch ròi phân định “của tôi trả tôi” làm gì.

Người Hà Nội là người sống trên dải đất ven sông Hồng. Người Hà Nội cũng là người Việt tới tận từng phân vuông vậy.

*

* * *

Những nơi đô thị như Paris, London, New York là nơi quần cư của người tứ xứ. Tiếng Anh tiếng Pháp đại trà ở những nơi đó khó mà coi là khuôn vàng thước ngọc. Hà Nội thì sao? Xu hướng đô thị hóa và quản lý đô thị khá lỏng lẻo mấy chục năm qua cũng

đang làm tiếng Hà Nội có phần nào hỗn độn. Như giao thông. Như nếp sống bày bữa làng xã đang biến Hà Nội thành một cái làng có đường phố, sự quá tải về số lượng người không điều tiết sớm, một ngày nào đó người ra vào thành phố hàng ngày cũng bị hạn chế như phải đăng ký xe máy hôm nay vậy.

Còn nhớ đầu những năm 1980 người ta nhận thấy hiện tượng này: những người lú lo “Hà *Lội* thanh *nịch* và *lên* thơ” thuộc hai loại: hoặc là dân ngoại thành, hoặc là dân chợ Giời. Các chàng các nàng chíp chíp kiu kiu trong vòng bán kính mười kilômét tính từ Bồ Hồ, ban ngày cấy lúa trồng rau trồng hoa, tối đến huỳnh huých đạp xe đến vũ trường, cứ dép lê mũ cối mà dăngxinh. Vừa dăngxinh vừa bô bô một thứ tiếng Hà Nội đổ nhau xem đó là *nờ cao* hay *nờ nùn*.

Nhưng tại sao lại là dân chợ Giời nữa? Đám thanh niên chúng tôi hồi ấy tự giải thích thế này: đa số dân chợ Giời cũng từ các miền quê mới đổ tới. Ngay cả dân gốc gác vài đời định cư ở chợ Giời cũng quen dần lời ăn tiếng nói kiểu này. Một người khách mang hàng vào chợ là một con mồi. Cả một toán người ủa tới quây con mồi vào giữa, mồm năm miệng mười, mua tranh bán cướp. Những kẻ trả giá dìm giá ấy chỉ là “chân gỗ”. Có nhiệm vụ uy hiếp cho con mồi hoang mang nhụt chí. Rốt cục chỉ có một kẻ chủ mưu đứng ra mua giá hời. Đám “chân gỗ” hầu như đều có tình phạm lỗi phát âm lơ lơ, gây cảm tưởng quê kệch chất phác. Bao nhiêu người đã đứng khóc giữa chợ Giời vì cái thứ tiếng “hà lội” quê mùa ngớ ngẩn ấy.

Nhưng bây giờ, liệu có thể coi là Hà Nội đang tràn ngập cái thứ tiếng mà cách đây vài ba chục năm còn là tiếng ngoại thành. tiếng chợ Giời?

Nói như thế không có nghĩa là ca sĩ ngày nay không còn luyện

thanh phát âm nhả chữ theo giọng Hà Nội. Tiếng Hà Nội vẫn còn đó. Hồn Việt tiếng Việt vẫn phải nương vào giọng phát âm Hà Nội để biểu đạt âm thanh ở mức đẹp nhất. Một thứ tiếng trong trẻo, nhẹ nhõm, nhẹ đến mức phạm luật phát âm, người nghe khó phân biệt xờ với sờ, chờ với trờ - “xất xon chung hiếu”, “chương chình xản xuất”. Nhưng cái nhẹ nhõm khiếm khuyết vẫn được yêu, như người ta yêu cái dịu dàng có phần yếu đuối của thiếu nữ. Các diễn viên thanh nhạc mọi miền khi hát lên vẫn hát bằng tiếng Hà Nội. Hai tiếng “Hà Nội” phát ra đẹp nhất có lẽ là từ giọng soprano Lê Dung khi chị hát *Hương về Hà Nội* của Hoàng Dương. Sinh thời Lê Dung nói với đồng nghiệp: “Tôi không phải là người Hà Nội, chúng ta đây cũng hiếm có ai gốc Hà Nội, nhưng hai tiếng Hà Nội khi hát lên thì nhất thiết phải sang phải đẹp”.

Đâu phải ai cũng nghĩ được và làm được như vậy. Ca sĩ đang trong nếu không nỗ lực một cách có ý thức thì phát âm vẫn ngò ngọng, chơ chót, như Tây nói tiếng ta, như “Tây Annam nói tiếng Annam”. Khán giả không sành thì lấy làm thích thú cái giọng phát âm ngồ ngộ “như Tây”. Đến lượt một số ca sĩ sinh trưởng Hà Nội có sẵn giọng nói trời cho, ảo vọng ăn khách xui họ cũng nắn tiếng méo giọng theo kiểu ca sĩ Nam hát giọng Bắc. Nghe họ hát mà có cảm giác bị pha tiếng. Sự báng bổ xúc phạm nhất còn không bằng pha tiếng kia mà.

Còn nữa, có một vị chức sắc lên tivi nói: “Hôm nay tôi hoan nghênh các *i-em* làm xanh sạch *đi-ep chi-o* thành phố”. Tiếng địa phương mang vào Hà Nội thì tiếng nào cũng nặng, nhưng nghe một nhà quản lý ở Thủ đô “yêu quê hương qua từng âm tiết nhỏ” như thế, lại ưu tư: giá mà điều chỉnh từ cái nhỏ nhỏ như phát âm cho dân dễ nghe hơn? Một chính khách đúng nghĩa còn

là một diễn viên, một nhà hùng biện. Nhập gia tùy tục thì đâu có sợ tự làm mất gốc.

Tiếng Hà Nội không ngừng phát triển, như mọi sinh ngữ khác. Tiếng Hà Nội 1954, tiếng Hà Nội 1975. Hai thứ tiếng ấy vào đến phương Nam có bảo tồn đến mấy cũng không trụ vững được trước sức xâm nhập của môi trường và sự phát triển của ngôn ngữ. Lạ. Người Nam bộ tập kết ra Bắc hai mươi mốt năm ít thấy pha tiếng, nhưng người Bắc vào Nam dăm bảy năm tiếng đã cứng cứng khê khê như giọng Thanh. Lạ nữa. Tiếng Hà Nội 54 vào Nam rồi du cư sang Tây sang Mỹ, xa cách thế càng quyết tâm bảo lưu bảo tồn bảo thủ. Đi khỏi Hà Nội 1954, rời khỏi Sài Gòn 1975, ngôn ngữ sống trong lòng đôi ba người như một tiêu bản sống chia rẽ chiến tuyến. Một người phiên dịch trong cộng đồng mở miệng nói: Ngôi nhà này hiện đại nhỉ. Bị chấn chỉnh ngay: Đây là nói giọng *Cộng*, phải nói là: Tòa Bindinh tân kỳ nhỉ. Nói sông núi đẹp tươi thì bị chỉnh thành ngôn ngữ của nửa thế kỷ trước: Non sông cảm tú... Cố níu giữ tính chiến tuyến và giai cấp của ngôn ngữ. Còn giọng, nhiều ông bà già Việt Kiều đến bây giờ vẫn còn nói giọng 1954. Nghe lạ. Buồn cười. Quê quê thế nào. Tên cụ là Dư, chắc thế, cứ nhất quyết đòi viết đúng trong văn bản là Rư, phát âm cũng rung bần bật cả lưỡi lên, R-R-R-Ư, ngày xưa nhà cụ ở phố Thợ Ruộm, chứ không phải Thợ Nhuộm. Nhà văn Tô Hoài mỉm cười: Tiếng Hà Nội ngày xưa đấy. Vậy ư? Nhưng tiếng Hà Nội bây giờ khác rồi: tròn, sáng, trong, vang, sang, nhẹ. Lại vẫn nhà văn Tô Hoài: Nhưng hơi điệu.

*

* *

Điệu. Có lẽ vì véo von ngữ điệu. Lại nhẹ nữa. Ô hay nhỉ, tiếng nói càng phát triển lại càng nhẹ nhõm đi, nhưng thời đại

thì ngày càng vạm vỡ, xô bồ. Cái ăn Hà Nội trong văn Vũ Bằng, Thạch Lam thanh cảnh tinh tế là vậy, nhưng bây giờ... Đến cả các nàng nói giọng nhẹ nhàng yếu điệu cũng đã có văn hóa ẩm thực khác.

Món ăn Hà Nội thời nay có lẽ cũng là sản phẩm của một thứ “hợp chủng thị”. Đã dậy mùi sặc sỡ như Trung. Đã nhiều gừng nhiều ớt như Nam. Đã nhiều sả như Thái, ngọt như Tàu, gây gây như Ý... Chuyện ở trên, các ca sĩ Hà Nội cố uốn giọng phát âm như ca sĩ Nam hát giọng Bắc. Chuyện ở đây, ẩm thực mọi miền được tiếp thu dễ dàng. Cả hai chuyện đều cho thấy người Hà Nội thật cởi mở, thật dễ tiếp thu những gì ở bên ngoài mình.

Miến ngon Hà Nội vẫn còn đó. Nhưng đời sống đô thị chuyển vận tốc độ chóng mặt, thức ăn khó mà chỉ dành cho thiểu số người ngâm nga nhấm nháp bên lề dòng chảy. Ăn uống cũng nhanh lên, mạnh lên, hùng hục, quần quật. Nhiều sáng kiến ẩm thực cho phù hợp thế sự. Bát phở thời bao cấp không phải ai cũng có tiền mà ăn mỗi tháng một lần, đến độ trí thức không còn nhớ định nghĩa “phở là gì?”. Vào quán phở chỉ ăn thuần phở thôi cũng đã là một sự kiện. Đôi ba kẻ phe phẩy, giàu có nhờ buôn bán, gọi thêm vào bát phở quả trứng gà chần, thứ nhất để tăng lượng prôtit bổ béo, thứ hai để chứng minh đẳng cấp có tiền. Bát phở đẳng cấp cứ thế mấy chục năm, giờ thành món quen vị quen miệng. Phở trứng. Người sành ăn thì không sao quen được cái thứ phở giàu xổi tanh tanh ấy. Phở không chịu dừng lại, mấy bà bán phở còn sáng kiến thả những viên thịt vào bát phở gà phở bò thành phở tổng hợp, phở mọc. Phở còn đi xa hơn, sang cộng đồng người Việt ở Âu Mỹ. Món ăn Âu ăn Thái vào Việt Nam phải điều chỉnh thế nào cho vừa miệng dân ta thì phở Việt Nam ở Paris ở Cali cũng phải cải biên như thế. Khối lượng cũng phải tăng lên

ngồn ngộn trong những cái bát to như cái chậu. Phở ăn nóng cho đến thìa nước dùng cuối cùng là điều không thể thực hiện được trong cái bát phở xe lửa phở tàu bay ấy.

Các chàng các nàng yếu điệu bây giờ ăn rau sống là ăn cả cây húng cây kinh giới um tùm sum suê. Xà lách rau diếp món chính thì ít. Rau thơm ăn hương ăn hoa thì thành món chính rậm rạp. Trong ẩm thực giá trị cũng bị đảo ngược, bị “đánh tráo khái niệm” như cách lập ngôn trong phê bình văn học thời thượng. Ẩm thực thịt vịt thịt ngan cuội lên cả đám giỗ đám cưới. Ban đầu nó được các cô Ôsin giúp việc “thế nào cũng được” hồn nhiên mua bán nấu nướng bày lên. Dần dần nó được các ông bà chủ nhà “để yên xem sao” quen mắt quen miệng. Lâu lâu sau nó được người Hà Nội “nhẹ dạ dễ dãi” chính thức cho gia nhập văn hóa ẩm thực thủ đô.

Nói thế biết thế, nhưng miếng ngon Hà Nội vẫn còn. Trong những người sành, thanh tao. Hiếm lắm. Nhưng hồn cốt văn hóa bao giờ cũng được bảo tồn nhờ một số ít. Dường như vậy.

*

* *

Gia phong trong những nhà số ít ấy giờ đây ngấm lại thực ra lại mang tính toàn cầu. Trọng trung hiếu lễ nghĩa. Biết lắng nghe người đối thoại, biết đàm phán và biết thuyết phục. Không thuyết phục được thì khôn khéo biết để cho đối tượng ra đi trong danh dự. Ăn thanh tao, mặc thanh lịch, bước đi dáng đứng thanh nhã. Chữ thanh thường làm đầu. Bao giờ xử sự cũng tự nhiên, tự nhiên như người Hà Nội. Thoải mái. Tự tin. Không thích kẻ thù mình. Ăn uống không xô bồ hấp tấp nhưng cũng không cảnh vệ kiểu cách. Bát cơm bát phở phải ăn bằng hết, không được bỏ thừa một chút làm phép. Chúng tôi ngày ấy được giáo dục bằng

chữ thanh, vào đời làm ăn là ổn ngay. Ra nước ngoài bờ ngõ chưa biết rõ tập quán địa phương, chỉ việc xử sự như cha ông dạy bảo là hòa nhập tự tin được ngay. Không bị sốc văn hóa. Không bị mặc cảm mình vùng về quê mùa.

Chữ thanh đôi khi hiểu thái quá mà thành ra sáo ra sĩ. Sĩ diện. Thời bao cấp có nhà buôn gian bán lận, cơm gà cá gỏi nhưng rổ rác phải phủ rau lên trên để che xương cá xương gà, sợ hàng xóm dị nghị. Mốt kín đáo. Thời trước nữa thì trái lại, có giai thoại người Hà Nội nghèo, trước khi mang sọt rác ra đổ nơi công cộng lại phải phủ lên trên đôi ba cái vỏ trứng. Ra điều ta không nghèo. Mốt sĩ.

Người bốn phương tụ về, chỉ mượn cái bãi đất sông Hồng mà làm nên Hà Nội. Người ở đâu về đây lâu rồi cũng dần dần ra người dễ chan hòa, khoáng đạt. Trong cả nếp nghĩ. Trong cả nếp sống. Dễ. Thẳng hoặc dễ đến mức không kiên quyết bảo vệ điều mình tin. Nhiều khi dễ, gặp cái gì hơi khó là lảng là chuồn. Thật êm. Dễ thì xoi khó thì lặn một hơi. Nam chuồn Hà lùi Thái thì bay. Hà ở đây là chỉ người Hà Nội.

Nhưng dễ bên này dao động sang phía bên kia quả lắc thành ra khó. Người khó thì thật là quyết liệt. Thời tiết khí hậu không ôn hòa bình ổn như phương Nam. Nóng đến điên người mà rét có thể chết người. Cư dân chịu tác động khí hậu ấy địa lý ấy nên cũng không sôi nổi ồn ào dễ dãi như người phương Nam. Cái kiểu tuần tiết của người anh hùng miền Trung trong thành Hà Nội là đúng kiểu Hà Nội. Ôm bom ba càng quyết tử cho tổ quốc quyết sinh dường như cũng là cách chết thật là Hà Nội. Chết vì tình cũng phải là kiểu lá ngọc cành vàng, là kiểu chết tương tự Tố Tâm tiểu thuyết. Trong văn chương cái quyết liệt Hà Nội dễ thấy trong khí phách Nguyễn Trãi. Trong chùa xót tận cùng

Nguyễn Du. Trong cay chua về ngoài khao khát bên trong Hồ Xuân Hương. Những người nhắc tên dường như chứng minh cho một giả thiết dân gian: người Hà Nội thành danh đều phải là kết tinh văn hóa mọi miền; người tứ xứ, người khu Tư khu Năm muốn thành danh đều phải xa quê mà đến với Hà Nội. Như thời nay người muốn làm ăn đều phải quy về đầu mối Sài Gòn. Hà Nội nữa.

*

* *

Tôi có lần ra giữa sông Hồng dự một đám tang đặc biệt. Của một nhà thơ. Đặc biệt. Vì mong muốn cuối cùng của người quá cố là sau khi hỏa táng, di hài ông được thả xuống sông Hồng. Hình như mong muốn ấy chỉ có ở một con người thật lãng mạn. Tôi chắc là ông cũng đã biết nhiều về Phật giáo, Hindu giáo và văn minh Ấn Độ. Người Ấn từ thượng cổ gắn với những dòng sông lớn. Họ gọi đó là sông thiêng. Sinh ra được rửa tội trong dòng sông thiêng là may mắn lớn. Cả đời người một lần tắm nước sông thiêng là được giải thoát. Chết đi thì tro than nhất thiết phải về với sông. Về với sông tức là về với sông cha đất mẹ.

Chắc là ông nhà thơ đất Việt kia cũng an nghỉ với giấc mơ lần cuối cùng phiêu du trên dòng sông cái màu đỏ. Tôi tuổi tứ tuần vương vấn mãi từ chuyến tiễn đưa trên sông Hồng hôm ấy. Không có ai được dự đám tang mình. Nhưng dường như tôi đang tiễn đưa chính mình trong hành trình cuối cùng của mình. Giống như thế. Con cháu tôi sẽ mang cái bình gốm ấy trên tay ra bờ sông Hồng. Nhúm tro ấy sẽ tan hòa trong dòng nước. Cũng có thể là một con thuyền giấy sẽ chở nhúm tro tàn ấy trôi một quãng sông Hồng. Chiếc thuyền giấy sẽ rơi vào một xoáy nước,

bị chìm đắm, kết cục tất nhiên cho bất cứ một con thuyền nào hôm nay vẫn còn thông dong trên sông. Chính ở chỗ chiếc thuyền giấy buông mình đầu hàng số phận, tôi sẽ li ti lắng xuống cho một lớp phù sa sẽ tôn lên thành bờ bãi mới. Cũng có thể vào bụng cá, cá thì cũng lại về với sông cha đất mẹ.

Người mê tín bảo đừng có hỏa táng. Nóng lắm. Gọi hồn không được. Hồn nào về được cũng đều kêu nóng lắm. Chẳng hóa ra niềm tin tâm linh của người Ấn là sai, họ chẳng có một linh hồn nào còn lại từ đồng tro tàn hỏa táng hay sao? Chẳng hóa ra những người được mai táng gọi hồn lên không có ai kêu dưới ba thước đất nằm rất lạnh? Bị cả triệu triệu sâu bọ côn trùng quấy quả? Giấc ngủ ngàn thu có cả cá trê bẹp đầu sùng sục xông vào?

Người Hà Nội bây giờ có mê tín hơn xưa? Tiền cho vàng mã khói hương ngày một ngày rằm đã thành một ngăn dành riêng trong vỏ não? Người Hà Nội ấy khó quen với việc rải tro xương xuống sông Hồng. Thì cũng phải dành lại một phần mộ, một chỗ nho nhỏ cho con cháu tưởng nhớ. Như thế không có một nắm đất con con thì đời sau sẽ không còn ký ức. Thì chẳng lẽ lại đem tro đi rải xuống sông, chết là xóa sạch mọi dấu vết? Như thế còn nhìn thấy một tấm bia thì người chết vẫn còn.

Không, người có danh lẫn người vô danh khi đến thế giới này đều chỉ là đứa hài nhi vô danh. Vậy khi ra đi cũng nên vô danh như hài nhi của một vòng đầu thai mới. Cái gì còn lại đều là cái khó nhìn thấy. Chẳng phải cứ tượng đài bia đá là còn.

Tôi lại vẫn nghĩ rằng hành trình cuối cùng của Lý Công Uẩn cũng là trên một con thuyền. Sau đó là dòng sông Hồng. Sau đó là phù sa.

NGUYỄN THỊ ANH THƯ

ĐỜI NHƯ Ý

Truyện ngắn

Xuyên qua những lớp người bận rộn qua lại trước mặt, bà Cụ Hương cố ngóng nhìn ra phía ngoài sân, nơi những chiếc tắc-xi, xe buýt vẫn đang tới tấp đáp lại thả khách. Bầu trời trong xanh quang đãng ngoài kia đang thu nốt những giọt nắng cuối cùng. Không gian chốc chốc lại âm ỉ tiếng động cơ máy bay lên xuống. Trời đầu xuân sập tối thật nhanh. Trong phút chốc cả nhà ga đã sáng trưng ánh điện. Như Ngọc vẫn chưa quay lại. Những phút cuối cùng chờ con gái đi làm thủ tục kiểm soát hàng của Hải quan, bà Cụ được giao phó cho Yến trông nom. Thân hình cao lớn, đầy đà, đồ dẫn của bà chảy xiù xuống mặt chiếc ghế bọc da nơi phòng chờ của sân bay Nội Bài. Nửa bên trái khuôn mặt bà trơ ra như nửa chiếc mặt nạ vô hồn, nhưng nửa bên kia vẫn toát lên đầy đủ những cảm xúc buồn bã. Mí mắt trái hơi sụp, trong khi mắt phải của bà vẫn mở to đau đáu như cố ghi lại những hình ảnh xung quanh.

– Me ơi! Me đi rồi, con sẽ nhớ me lắm... – Cuối cùng Yến cũng mở được miệng, thì thầm. Cầm bàn tay mềm oặt, thiếu sức sống của bà Cụ Hương, cô vỗ về, an ủi – Con thương me vô cùng. Con sẽ nhớ me mãi mãi...

Mí mắt Yến cay dân, nhòa đi và khi giọt nước mắt đầu tiên bắt đầu ứa ra, cô cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm hẳn. Yến muốn bà Cụ Hương biết rằng: xứ sở quê hương tuy đã đem lại cho bà quá nhiều khổ ải, nhưng không phải không có những kỉ niệm ngọt ngào, không phải không có những tình cảm thương yêu thành thực, không phải ai đến với bà cũng vì những cây, những chỉ vàng của bà cả. Những câu, những lời trước kia cô không thể nào thốt ra được. Chúng chồng chất, nghẹn đắng trong ngực cô, không thể khạc nhổ, cũng không thể nuốt trôi. Nói ra miệng những cảm xúc chân thực ư? Thực là chướng tai. Thực là xa xỉ. Cô không quen. Và lại nó có thể bị chính bà khoác cho cái từ “vụ lợi” bởi cô cũng đã từng nhiều lần dính vào đồng tiền của bà. Không kiểu này thì kiểu khác. Cả nhà Yến không ai là không nhận quà, ăn uống cùng bà. Chẳng ai lại không cảm thấy: không lúc này thì lúc khác, mình đã từng là con nợ của bà. Kiểu gì thì cũng là tiền cả. Tiền thì đương nhiên có thể quy thành vàng. Mà bà Cụ Hương lại là một nhà buôn vàng bạc, đá quý cự phách ngay cả trong thời kỳ cấm đoán nghiêm ngặt nhất của Nhà nước. Bà Cụ buôn vàng kiêm cho vay nợ lãi với giá cửa cổ. Nghĩa là chưa đến nỗi cắt cổ để ai nấy khi vay xong, trả lãi rồi vẫn còn biết ơn bà. Cũng ít ai dám sai, để còn có chỗ lui tới khi lần sau gặp khó. “Nhờ dân mình trọng đạo lý một miếng khi đói hơn một gói khi no, nên cũng chẳng mấy ai dám quýt tình cảm. Bác ạ! Chính cái lãi suất tình cảm góp ít thành nhiều, tích tiểu thành đại ấy đã đủ nuôi sống hai mẹ con em không đến nỗi nào. Còn

rủng rinh dư dật nữa là khác...”. Đó là cái mẹo kinh doanh mà có lần bà Cự đã thổ lộ với bà bạn thân là mẹ Hai của Yến. Khiến cho cô không khỏi đôi lúc băn khoăn, không hiểu những tình cảm bà Cự đang ban phát cho gia đình cô và cụ thể là cho cô thì lúc nào nó là tình và lúc nào nó có thể sẽ biến thành tiền. Cho nên mặc cho bà vẫn cứ mẹ, mẹ, con con” với Yến, Yến vẫn cứ một điều “cháu” hai điều “bác” với bà. Cô sợ phải bán mua những tình cảm của mình, dầu biết rằng mình đang cư xử một cách thô thiển, dầu biết rằng có thể mình đang vô ơn nữa, nếu như, đó là tình cảm thật của bà. Chẳng phải vì vô thanh cao, trong sáng gì. Yến quá biết rõ mình – cô cũng tham lam, ích kỷ, vụ lợi như ai. Chỉ e rằng được ở quá gần người đàn bà vàng ấy, sự ham hố đáng hổ thẹn trong cô lại dấy lên khó lòng dập bỏ vì những cơn có không đâu.

Khoảng hai năm: 1975, 1976 mẹ con bà Cự Hướng phải trốn nhờ ở nhà cha mẹ Yến để tránh sự săn tìm ráo riết của cậu con trai và hai cô con gái riêng của chồng. Lúc đó, Yến đã phải rất vất vả mới gạt đi được một ý nghĩ cứ thỉnh thoảng lại vô cớ lọt vào trong đầu. Một ý nghĩ hết sức ngớ ngẩn mà có sức hấp dẫn thật ma quái - ấy là ý nghĩ: cô sẽ chia chác, sử dụng đồng của cái ngập ngựa của bà Cự Hướng thế nào nếu nó thuộc về cô. Cái đồng của cái mà địa chỉ gần hơn số độc đắc rất nhiều. Và chắc chắn là giá trị của nó cũng gấp nhiều lần cái giải độc đắc mà Yến chẳng bao giờ chịu thật sự bỏ tiền túi ra, để mua cái hy vọng hão huyền là làm chủ nó. Nghĩ ngợi chia chác, mua bán thầm trong đầu để giải trí thế thôi, chứ cô đâu có đủ can đảm để biến nó thành sự thực.

Đôi lúc, Yến đâm sợ ý nghĩ thiếu trong sáng trong đầu mình. Cô sợ tia mắt sắc như dao cau với bản lĩnh mỗ xẻ đối thủ cao cường của người đàn bà tài sắc song toàn đã từng lão luyện trên

doanh trường những món hàng xa xỉ, luôn đắt giá trong mọi thời đại ấy sẽ xuyên thấu những thèm khát mơ hồ của cô. Có thể, Yến cũng đã từng là một con bài trong tay bà chăng? Hàng ngày bà vẫn “mẹ mẹ, con con” mặc cho Yến cứ chất chường cục mịch “bác, cháu”. Khiến cho Yến dù rất ngại vẫn phải gắng lịch sự dè dặt bà đi khắp Hà Nội để bà làm ăn, buôn bán cho vay, lấy lãi...

Từ địa vị của một kẻ đi săn tiền đầy ngẫu hứng, Yến bỗng thấy mình biến dần thành một con cừ non trong tay bà Cự. Một con cừ biết hổ thẹn, đang nhìn tấm thân hở hang dần của mình trong tay người thợ xén lông cừu tài ba, một cách bất lực. Đó chính là lý do khiến Yến cố lạnh nhạt, tránh vồ vập những lời ngọt ngào, thân thiện của bà. Nhưng cũng phải thú thật rằng chống lại sự cảm dỗ của bà đâu phải dễ. Bà Cự Hường được trời phú cho một âm giọng rất đặc biệt: lúc du dương, lúc trầm bổng, lúc thánh thót oanh vàng, lúc cao sang quyền quý, thực là nhiều âm vực. Nó dễ mê hoặc lòng người. Nó dễ khiến người ta bị cuốn vào mê lộ của âm thanh, tức là cái vỏ của từ ngữ mà quên đi cái cốt lõi là ý nghĩa của từ. Say sưa uống những dòng âm thanh trầm bổng từ miệng bà, tự thấy giọng mình thô lậu, ta không còn cái vị thế bình đẳng cất tiếng cùng bà. Để rồi chỉ còn biết gặt theo bà, lắc theo bà và cun cút làm theo những lời sai khiến của bà. Ngửa tay nhận những giọt tiền công trong cảm lạnh, để khi tỉnh ra ta mới thấy: “Thực không đáng!”

Yến đồ rằng bà Cự Hường rất hiểu ma lực của giọng nói mình. Cho nên, sau một thời gian dài dè dặt bà Cự đi làm ăn khắp các cửa hàng buôn bán chứng kiến các lần giao dịch của bà, Yến bỗng nhận ra: mọi người xung quanh các mối quan hệ của bà đều như đã biến thành âm binh và bà Cự là một thầy phù thủy diệu nghệ biết sử dụng tiền bạc như một ma thuật để khêu dậy sự ham hố

trong lòng người, cho bà sai vật. Và Yến, Yến cũng là con tốt hỉn trong mớ quân sĩ của bà. Điều này làm Yến đau xót. Càng cố gắng không xưng tụng “mẹ, con” với bà Cự, Yến càng cảm thấy lương tâm mình đỡ nhem nhuốc hơn, đỡ xấu xa hơn. Vả lại Yến đã có quá nhiều mẹ để xưng làm con – những bà. Yến không muốn lạm dụng hơn cái từ cao quý ấy, nhất là khi nó lại mang mục đích vụ lợi.

Nhưng giờ đây bà Cự Hương đã có hộ chiếu xuất cảnh. Bà đã phần nào bước sang cái thế giới bên kia, hiểu theo nghĩa nào của nó cũng được. Vì bà đã mất mấy phần trí nhớ sau lần ngã thập tử nhất sinh. Bây giờ, bà như một búp bê máy khổng lồ, méo mồm, lệch mắt, hoạt động vẫn tốt theo nhịp sinh học thức – ngủ, đông hóa – dị hóa. Thỉnh thoảng trí nhớ cũ mới hiện về bất ngờ lóe sáng như những tia chớp trong đêm giông mù mịt. Vì bà đã là người của Tây Béc-lin, là mẹ vợ của một ông người Đức, gốc quý tộc có cái tên đệm Phôn một cách quý phái. Bà đã thuộc về cái thế giới thượng lưu tư bản xa hoa, giàu có, rực rỡ như những làn chớp ý thức trong cái cõi u u mê mê của bà, mà Yến cùng những người quen biết xa gần, cùng những phần đời cay cực xưa kia của bà sẽ là những phần cần được xóa nhòa trong u tối. Vì cái nơi sắp tới ấy của bà Cự – Cái nơi gần như là nơi bên kia của thế giới, bà Cự sẽ cách xa được những “thợ đào mỏ” tài tử hoặc chuyên nghiệp nơi cố hương, bảy giờ đồng hồ trên dải phân chia thời gian của quả đất. Nghĩa là khi chúng ta đã tắt bật đến công sở, nôn nóng ở các ngã tư, ngã năm vì đèn đỏ, đèn xanh, vì tắc đường, thì tại nơi ở mới của bà vẫn im lìm trong đêm tối, gió lạnh, tuyết rơi (mới 1 giờ đêm). Vì hơn nữa, những đồng Deutschmak với cái tiếng Đức chết tiệt khó phát âm hơn đồng Việt Nam của cái tiếng cha sinh mẹ đẻ của bà sẽ do đứa con gái

đẹp dễ duy nhất đã nhuộm cái mùi tiết kiệm nổi tiếng của dân tộc Đức quản lý thực chặt chẽ. Cho nên những câu Yến đang nói ra với bà Cụ Hương bây giờ đây chẳng còn gì là hám mùi vàng nữa. Yến đã có thể xưng mình là “con” và gọi chệch bà là “me” một cách thanh thản.

Có vẻ như bà cụ sắp òa khóc. Bàn tay còn linh động của bà nắn nắn bàn tay Yến không muốn rời. “Vĩnh biệt! Vĩnh biệt”. Ý nghĩ đó sôi réo trong từng tế bào của cơ thể Yến. Mà chắc hẳn là như vậy. Bởi với cái tuổi 74, mắc bệnh tháo đường rồi lại áp huyết cao, ngã liệt dây thần kinh số 7, lẽ nào bà Cụ còn cơ hội để trở về thăm Tổ quốc lần nữa. Và khi bà nằm xuống, Yến cũng chẳng có khả năng bay sang tận Đức để có thể rửa những giọt nước mắt tiếc thương lên mộ bà, mộ một người đàn bà tài ba sắc sảo, đã từng có một sắc đẹp đáng sợ. Một sắc đẹp đủ để ông bố bà - ông đồ Phúc chìm cuộc đời con gái mình trong nỗi đau khổ ở mức ông có thể nhìn thấy và có thể sờ mó, định đoạt, xoay chuyển được ít nhiều, còn hơn là phó mặc cho sự may rủi của cuộc đời mà ông chẳng thể lường hết được cái kết cục thống khổ của cô con gái yêu rồi sẽ dừng lại ở tầng thứ mấy của địa ngục.

★

★ ★

Ông đồ Phúc vốn có ít chữ Nho, hành nghề gõ đầu trẻ ở cái mức “Nhân chi sơ tính bản thiện”, và ở cái thời nên “vứt bút lông đi, sấm bút chì”. Đầu trò trong lớp ngày càng rơi rớt. Học phí của trò tháng có tháng không. Mọi chi tiêu trong gia đình phó mặc lên đôi vai mảnh dẻ đảm đang của bà đồ với gánh hàng xén tần tảo quanh năm. Rồi bà đồ bất ngờ đổ xuống mãi mãi sau một lần gặp mưa phải cảm. Ông đồ ốm o khật khừ từ thời trai trẻ nay bỗng một nách ba con - gái lớn mười lăm, hai trai, một chín, một

bảy, bói rồi như gà mắc tóc, càng thêm suy kiệt cả về sức khỏe lẫn tinh thần. Gia đình trượt dài vào cảnh túng bấn, nợ nần, ngập ngụa mất hai năm. Rồi chi tiêu trong nhà lại được cô gái lớn với gánh hàng xén tiếp bước mẹ vun vén dần. Như Ý đang tuổi mười bảy, đẹp rực rỡ như nụ hoa đang hé cánh. Dáng vóc cao lớn, thon thả, nuột nà, trắng muốt như ngó sen. Mái tóc đen nhánh vấn trần thả đuôi gà duyên dáng. Làn ngời rờ giữa làm khuôn mặt thanh tú của cô hàng xén có dáng hình một búp sen hồng. Như Ý luôn có nụ cười e ấp trên viên môi cắn chỉ và cái nhìn tinh nghịch của cặp mắt to đen lánh, mí lót tinh anh dưới đôi lông mày vòng cung được tỉa mỏng manh như một làn khói. Hai gò má cao có ánh hồng như hắt ra ngoài. Cái ánh hồng và đôi gò má thường làm ông đồ Phúc thở dài sau khi ngắm nhìn con gái. Ông thở dài rồi suy tính. Suy tính rồi lại thở dài. Thở dài cho tới một ngày ông gọi Như Ý tới ngồi vào bàn uống trà cùng ông.

– Con ơi! Khi con vừa được mẹ sinh ra, còn nằm trong tay bà đỡ, cất tiếng “oa, oa”, cha mẹ đã hạnh phúc tột cùng vì diện mạo thiên thần của con. Càng lớn, con càng thông minh, khéo léo, ý chí, năng lực khác thường. Con quả là viên ngọc Như Ý mà Đất, Trời, Thần, Phật đã rộng lượng đặt vào tay thầy mẹ. Đúng như cái tên gọi mà thầy mẹ đã tâm huyết đặt cho con. Nhưng hồi đó thầy còn trẻ lắm. Thầy đâu có hay rằng: ở nơi nào có sự đầy đặn quá thì cũng chính ở nơi ấy sẽ bắt đầu xuất hiện sự vơi hụt. Cũng giống như những giọt nước cổ cuối cùng sẽ tràn ly. Cũng giống như khi ta lên đến hết đỉnh điểm của ngọn núi rồi thì dưới chân chỉ còn là vực sâu thoi. Đời người cũng như bông hoa: trong nở đã chứa tàn, trong sinh đã chứa tử, có xấu mới có đẹp. Có cái gì có được dù vô tình hay hữu ý mà không phải trả giá đâu! Ấy là quy luật muôn đời. Chẳng có gì là vẹn toàn Như Ý. Ngẫm lại

thấy mình nông nổi. Chỉ e con “*Tinh anh phát tiết ra ngoài. Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa*”^(*). Thầy những mong được dang tay che chắn cho con cho đến hết đời. Tiếc thay, lực bất tòng tâm. Thầy thật vô dụng. Thầy đã chẳng mang lại được cuộc sống sung túc tương xứng với công, dung, ngôn, hạnh của con lại còn chất cả một gánh gia đình cực nhọc bên đôi vai mảnh dẻ, non nớt... Thầy có tội với con... Hộc! Hộc! – Ông đồ ngừng lời, cố nuốt những tiếng ho vào ngực, mắt rơm rớm.

– Thầy! Con xin thầy! Thầy nói vậy, con sẽ mang tội bất hiếu. Dù có nghèo khổ thế nào, con cũng sung sướng được làm con trong vòng tay của thầy mẹ. Ôn sinh thành biết bao giờ mới đền bồi được. Lại thêm nhan sắc mặn mà thầy mẹ ban cho, thế là con đã được hơn người nhiều lắm. Lẽ đâu con dám oán hờn... – Như Ý nghẹn ngào nâng tay cha.

– Con! Hãy để thầy nói hết – Ông đồ xoa đầu con – Khi phải bước cái bước này, thầy thật chẳng nở. Nhưng thầy tính nát nước, nát cái rồi đây là cách tốt hơn cả. Con hãy nghe, rồi suy tính cho kỹ, hẵng trả lời thầy. Việc này thậm hệ trọng, nó can hệ đến cả cuộc đời con sau này. Thầy không muốn con làm theo lời thầy vì nể trọng mà không có chính kiến riêng. Thầy những mong sau này cuộc đời con dù khổ ải đến đâu, con cũng tin rằng thầy đã làm hết mình, đến mức cuối cùng để có thể xoay chuyển được số phận của con sang một hướng đã tốt đẹp hơn nhiều...

Như Ý nhấp từng ngụm nước trà đặc chát ngọt, lắng nghe ông đồ giải bày.

–... Tuổi Thân, mệnh lại có Đào hoa. Không Kiếp, Thiên Không... chính tinh có Sát, Phá, Liêm, Tham hãm địa, Vũ Phủ đắc địa... vậy là số kiếp hồng nhan bạc mệnh. Giàu có trong loạn

(*) Thơ Nguyễn Du.

lạc. Giàu có vô biên nhưng e rồi cuối cùng cũng trắng tay, cô quạnh – Ông đồ giảng giải – Đó là số kiếp của ca kỹ, thanh lâu, của gái giang hồ mạt kiếp. Lúc nào cũng có những hạng lưu manh thông minh, sắc sảo nhằm nhè lừa đảo và hãm hại. Được chồng hồng con. Được con hồng chồng. Đàn ông nhiều người mơ tưởng nhưng không dám lấy. Ta sợ cho sắc đẹp của con. May mà mệnh con còn có chữ Hình kéo lại. Nghĩa là bản chất con vẫn là người chính chuyên chứ không phải là kẻ hám dục. Ấy là thầy mong vậy, chứ cái sao ấy còn nghĩa khác nữa là tù tội, ra tòa, dính líu đến pháp luật...

Cô con gái lắng nghe mà cõi lòng tan nát. “Con bé này hồng nhan bạc mệnh”, đã quá nhiều lần những lời thì thào sau lưng đó lọt vào tai cô, ám ảnh cô. Giờ đây nó không còn gây cho cô nỗi kinh hoàng run rẩy cho số phận bọt bèo của mình nữa, nó đã biến thành một nỗi đau âm ỉ xót thương cho chính bản thân mình.

– Nhưng con cũng đừng quá tuyệt vọng – Thầy cô vẫn tiếp, giọng ngàn ngạt, những giọt nước mắt khô khốc không dừng được cứ lăn xuống đôi gò má gầy hóp – Phá quân cung Phu thì lương duyên phá tán, khó hợp dễ tan. Con lại có Đào Hoa, Cái, Tả, Hữu khó mà làm vợ cả được. Chi bằng thầy tính thế này: Con hãy lấy một người đàn ông góa vợ nhưng hãy còn trẻ. Như vậy con tiếng làm lẽ nhưng thực là cả. Cung Phu có lương duyên phá tán thì chồng con đã gánh chịu rồi. Về lý là con đã hồng đường chồng, ắt là con sẽ được đằng con. Mà người đàn bà được con cái ấy là cái được hơn mọi cái được con ạ...

Như Ý vui mặt vào đôi bàn tay hao gầy, thờ thần của cha, mặc cho nước mắt tuôn trào. Và thật lạ lùng, trong cơn xúc động, đau đớn tột cùng cô bỗng thấy trào dâng một niềm hạnh phúc khó tả. Đó là niềm hạnh phúc được sống trong tình phụ tử:

- ... Cha con mình phải lo sớm việc này. Thầy tự lượng sức mình chẳng còn sống được bao lâu. Con có được người chồng tử tế, đàn ông thì hai em con cũng có nơi nương tựa. Thầy mẹ cũng an lòng nơi chín suối...

*

* *

Nửa năm sau, Như Ý lên xe hoa cùng anh Cự Hưởng chủ một cửa hàng buôn bán vàng bạc nhỏ ở phố Hàng Bạc, Hà Nội. Anh Cự năm ấy hai chín tuổi, đã có hai cô con gái, một lên năm, một lên ba vừa đoạn tang vợ. Họ hàng làng xóm đồn âm lên: Ông đồ Phúc tham của ép gả con gái non tơ như hoa, như ngọc cho anh già nua dòng. Bận bề đồng lúa chế giễu Như Ý hám ông chủ hiệu vàng, sẵn lòng đi bưng bê đồ chầu, làm vú em cho hai đứa con nhỏ của ông ta.

Đạp lên dư luận, dẫm lên tị hiềm, Như Ý không một giọt nước mắt, vẫn có nụ cười e ấp sau vành nón, làm thất vọng tất cả những người muốn xem bi kịch, muốn thấy bão tố trong lòng những kẻ tài sắc hơn mình.

Hôm cưới, Như Ý trang hoàng thực lộng lẫy: mề dầy đeo cổ, xuyên vàng hai tay, ngang lưng một chiếc xà tích. Tất cả lóng lánh vàng của anh Cự Hưởng. Đẹp như Nam Phương hoàng hậu, mắt sáng ngời, cô ngồi lên chiếc Ô pích sáng loáng dẫn đầu đoàn đón dâu quay về Hà Nội. Vĩnh biệt những tháng ngày gian khổ! Vĩnh biệt những ngày ăn cháo sắn cầm hơi! Vĩnh biệt nhé cô hàng xén nhu mì nơi phố huyện! Cô sẽ chẳng bao giờ phải bước tiếp chân bà đồ với gánh hàng trên vai để rồi lại giống bà gánh vác gia đình cho một anh đồ gàn vô dụng nào đó nữa đâu. Hơn nữa, anh Cự Hưởng lại cao to và rất đẹp trai, phong thái đĩnh đạc, cử chỉ bất thiệp lịch lãm rõ ra một ông chủ hào hoa. Vừa gặp

mặt, Như Ý đã choáng người khi bất gặp một ánh mắt đầy uy quyền vừa đường hoàng vừa triu mến của anh.

Ba tháng sau, ông đồ đổ bệnh rồi mất. Anh Cự theo lời hứa với người đã khuất, đón cả hai em vợ lên Hà Nội ăn học. Ông bà đồ chắc đang ngậm cười được như ý.

Anh Cự Hướng trông người đẹp vậy nhưng thực ra bản chất lại khô khan, khó thể hiện tình cảm. Hai bé gái Loan, Phượng thực sự đói khát sự vuốt ve, âu yếm của cha mẹ nay bỗng có một người mẹ trẻ đẹp như một cô Tấm dịu dàng chiều chuộng, chăm sóc, thực vui sướng khôn tả. Suốt ngày chúng quần quýt, mê mẩn vì Như Ý. Cô cũng rất vui vì hai đứa bé thật ngoan và xinh xắn. Như Ý thường thắp hương trên bàn thờ chị Cả, nguyện yêu thương lo lắng cho hai bé hết mình và cầu mong chị Cả phù trợ giúp đỡ cho cô có một mụn con trai cho thỏa lòng ao ước của anh Cự, vì anh Cự vốn là con trưởng.

Ngày qua tháng lại, thấm thoát đã hai, ba năm nhưng Như Ý vẫn chưa có tin vui. Để khuây khỏa, cô thu xếp công việc gia đình, cất đặt kẻ ăn người ở đâu vào đấy rồi ra buôn bán làm ăn cùng anh Cự. Cửa hiệu vàng bạc từ khi có Như Ý ra bán hàng, ngày càng phát đạt. Cô cứ đeo thứ gì lên người là y như rằng hôm đó cửa hàng phải lấy thêm loại hàng đó. Quần trắng, áo dài, kiểu tân thời, khăn vành dây hơi nghiêng một chút về bên phải trông Như Ý thật duyên dáng, đài các cùng các bộ đồ trang sức lộng lẫy ăn theo một cách tinh tế những gam màu của trang phục. Áo khăn thay đổi thì trang sức cũng thay đổi. Áo của cô Cự thì nhiều màu mà đồ phụ sức cũng lắm dáng đa kiểu. Nào hồng ngọc, lam ngọc, bích ngọc. Nào mã não, kinh cương, ngọc trai... Các bà, các chị hoàn toàn bị mê hoặc bởi sắc đẹp huy hoàng của cô Cự Hướng. Thế mới biết “lạ đẹp cũng nhờ người”. Dăm bữa,

nửa tháng sau, các bà các chị khách hàng lại đổ xô đi mua những nhẫn, những xuyên, những vòng hột, hoa tai mới. Vì bây giờ chị Cự lại đeo hoa tai mặt sa phía to hoa bèo, quần ở cổ vòng hột ba lớp có gắn một mặt đá cũng sa phía to như ngón tay cái thực rực rỡ trên nền áo lụa Hà Đông. Những vòng, những nhẫn cũ đã hết thời lại được chị Cự ưu ái mua lại với giá mua vàng vào “Vì chúng em phải phá đi đánh lại kiểu mới khác hầu các bà, các chị. – Cô Cự Hướng vừa dịu dàng vừa ngọt ngào phân giải – Chơi đồ trang sức là một thú chơi rất sang trọng nhưng cũng rất rẻ tiền. Chẳng mất đi đâu là mấy. Các bà, các chị cứ nghĩ xem: may một cái áo là cắt tung một miếng vải. Nếu chán không mặc là mất cả tiền công lẫn tiền vải. Còn đánh một cái nhẫn nếu chán, đánh kiểu khác, chỉ mất tiền công. Vàng vẫn còn đó có mất đi đâu...”. Như Ý vẫn nói với ba bà khách ruột là ba bà mẹ Yến như vậy.

Lúc đó các mẹ Yến cũng tâm đắc với ý nghĩ ấy lắm. Chỉ đến sau này, chạy loạn gặp khó, đến ngọn rau luộc cũng phải gấp nhẹ tay thì các bà mới ngồi than thở cùng nhau.

– Cũng mất chứ. Thật ra là mất nhiều – Bà Loan, mẹ Hai của Yến vốn sắc sảo nhất, đã từng hành nghề buôn bán vải vóc nói – Mỗi lần tính tiền công giá trị bằng 1 phần 8 chỉ thì sau tám lần đánh lại, ta đã mất luôn cái một chỉ đó rồi. Sau cùng, cái nhẫn mà ta đang đeo, tính ra đã đắt gấp hai lần cái nhẫn thường.

– Ấy là chưa kể còn bị trừ đầu khấu đuôi một cách thần nhiên mà mình chẳng cãi vào đâu được – Bà Sâm, mẹ đẻ Yến vốn thật thà chất phác con nhà nông ấm ức – Đây, cái dây ba chỉ mặt chữ Phúc, em đi đổi thành dây dích dắc, mặt lồng tên hai vợ chồng ấy, mới đeo ở cổ hai tháng hao là mấy mà cũng bị trừ mất hai lai. Mấy tuần sau bị đứt phải đem sửa. Cửa hàng sửa chữa khi cần

để nhận sửa, lại báo hụt mất ba lai nữa. Thật chẳng biết đằng nào mà lần. Chẳng nhẽ cổ mình nó ăn vàng nhanh thế.

– Cũng tại các cô cứ chạy theo một chữ như tôi đây thì cứ mua trơn, chẳng cổ kim gì hết, đỡ tốn tiền công. Tiền cứ để đó mà mua thêm nhẫn đeo đầy tay. Ai dám coi thường hai chỉ hơn một chỉ đánh kiểu cách – Bà cả Lân thủng thủng nhai trầu – Nói vậy chứ nhà Cụ Hướng là còn nói tay nhất đấy. Bao giờ cô chú ấy cũng mua đắt, bán rẻ hơn một chút cho khách. Nhưng vẫn phải có lãi.

Bà Hai tiếp lời:

– Vâng. Có hôm cô Cụ còn nói với em rằng: “Em vẫn phải lấy lãi một chút kể cả là người nhà. Vì cái nghiệp buôn bán vàng nó thế. Cho ra cho, buôn bán ra buôn bán. Nếu không sẽ mất nghiệp”.

– Ủ! Ai mình lại nõ đòi người ta mất nghiệp làm ăn vì một tí tí cái lợi của mình – Bà Lân quẹt thêm một chút vôi vào miếng trầu mới tằm ở tay – Còn bảo người ta cho mình thì... chẳng dám!

Cả ba bà cùng bật cười. Thế là thống nhất. Các mẹ của Yến lại vui vẻ mua bán với cô Cụ khi có điều kiện. Danh tiếng của hàng của anh Cụ ngày một đồn xa. Anh Cụ yên tâm phó thác công việc cai quản của hàng vàng cho vợ và bắt đầu lao vào một nghề kinh doanh mới phát đạt: hùn vốn mua ô - tô khách chuyên chở đường dài.

*

* *

Một ngày mưa gió đầu thu 1944 bỗng nhiên một chiếc ô - tô hiệu Pa-bê-đa mới tinh, sáng choang liệng sát vào vỉa hè. Cô Cụ mở cửa xe, đội mưa bằng chiếc ô xinh xắn cán gà chạy vào nhà.

– Hôm nay nhà hết gạo. Em đến xin các bác bữa cơm đây – Cô Cụ vừa gập ô vừa tươi cười:

– Rõng đến nhà tôm. Một bữa chứ mấy bữa cũng lấy làm mừng – Bà Hai Loan nhanh nhẹn kéo ghế mời cô Cự ngồi – Hôm nay cô lại rồi rồi thế?

– Làm quanh năm suốt tháng cũng phải có ngày nghỉ chứ. Vả lại mưa gió thế này ai đi mua bán gì hả các bác? Chi bằng nhân dịp đi thăm các bác. Từ thuở lấy nhà em đến giờ em cũng chưa đến nhà các bác bao giờ. Nào có trò gì chơi dạy em với.

Hôm đó cô Cự ở chơi cả ngày với các mẹ Yến một cách nhàn tản rồi hơi vô cùng. Như thế cô cũng chỉ là một bà vợ nội trợ ăn lương chồng như các bà vợ các ông viên chức bậc trung thời đó: sai bảo người nhà, đi chợ, nấu nướng, dọn dẹp, ngắm con và chơi chẵn. Hôm đó, nhà Yến có hẳn bốn bà để chơi tổ tôm. Vui nổi trời.

Khi ra về cô Cự hể hả lắm: “Quả là tiếng lành đồn xa. Hẳn ba bà mà không một tiếng bác tiếng chì, một mực kính chị nhường em. Có lẽ rồi em cũng phải học tập”...

– Học tập gì! Chẳng bỗng dưng cô ấy lại đi thăm các bà ngang xương như vậy đâu – Ông bác sĩ Hoài, bố của Yến vốn là bạn thân con chấy cắn đôi với ông Cự Hướng cười lớn: – Hôm ấy đang bán hàng, dưới nhà bỗng cô Ý nhớ ra việc gì cần gấp Cự Hướng liền nhờ con trông hàng rồi chạy lên gác. Nào ngờ bắt gặp Cự Hướng đang ái ân cùng con sen. Cô ấy bỏ chạy ra đường đi loảng quảng mãi rồi mới thuê xe đến nhà mình đấy.

– Tội nghiệp cô Cự! – Mẹ cả Yến chép miệng.

– Đàn bà thế mới giỏi! – Bà Loan tấm tắc – Có kém gì Hoạn Thư đâu. Tính không hé răng một lời. Cứ tươi như không. Lại còn học chơi đánh chẵn nữa chứ. Hôm ấy mà tính tiền, khéo chị em mình được hẳn mấy đồng ăn quà. Ồ mà cô ấy lấy bác Cự có đến tám năm rồi ấy nhỉ.

– Quái! Mà sao cô Cự vẫn chưa có thai nhỉ? – Mẹ đẻ Yến thắc mắc.

– Thì thế nên cha Cự mới khát nước thẳng cu mà làm ẩu với cô sen. Khi cô Cự phát hiện ra thì cô sen đã có thai hai tháng rồi. Còn làm gì được nữa. Giờ thì cha Cự thành ra hai vợ rồi.

Bà Loan đến thăm cô Cự, những mong an ủi người cùng cảnh ngộ. Vừa cầm chén nước cô Cự đã òa khóc nức nở.

– Chuyện nhà em với cô sen em đã biết từ lâu rồi. Những nghĩ mình bạc phận phúc mỏng nên cứ lơ đi cho ông ấy kiếm tí may ra được con trai. Nào ngờ bác ơi. Giờ nó có thai, em cũng có thai rồi. Ít nữa nó đẻ con trai, em đẻ con gái thì mẹ con em đến ra đường mất thôi...

– Thôi nào. Cô thế là phúc đức hơn tôi với bà cả nhà tôi nhiều lắm rồi đấy. Chúng tôi có mơ tí con gái cũng chẳng được nữa là mơ con trai. Con gì thì con, trước hết nó cứ là con mình, con chồng mình cô ạ. Cô không vui lên, đang mang thai mà cứ rầu rầu thế con nó xấu đi đấy.

Cô Cự chẳng còn biết nói năng sao. Đã nghe bà Loan vợ ông Hoài đây nổi tiếng là yêu chồng. Say đắm, si mê đến mức bà sẵn lòng cởi giày rửa chân cho chồng mỗi khi ông đi làm về. Và bà vô cùng sung sướng khi được bưng nước vào tận giường mời ông nằm nghiêng đầu ra ngoài cho bà gội. Bà chỉ cảm thấy hạnh phúc khi nét mặt chồng thanh thản.

Mấy tháng sau. Tin vui dồn dập. Ông Cự có hẳn hai thằng cu cách nhau có hơn một tháng. Đúng là lúc ăn không hết lúc lần không ra. Ông Cự sướng như phát cuồng. Cổ bàn âm ỉ, say sưa tối ngày cho xứng với hai thằng đích tôn đẹp như tranh. Tiếng

đồn sự lạ cả tháng chưa dứt. Ông bà Hoài cũng vui lây chả kém hồi bà ba đẻ được cu Thuởng đầu lòng.

Hơn tháng sau, một bữa đi chơi thăm ông Cụ rất khuya mới về, ông Hoài để nguyên cả áo mũ trên đầu, ngồi phịch xuống ghế.

– Này, mấy mẹ nó ơi! Đến thăm động viện cô chú Cụ một tí đi. Thằng nhỏ con cô Cụ chết rồi.

– Sao nó chết? Nó to đẹp thế cơ mà? – Mẹ Yến thắc mắc trong khi mẹ Cả, mẹ Hai lặng đi không thốt nổi lên lời.

– Hình như có người làm hại nó – Bố Yến hạ giọng thì thào như thể sợ có người nghe thấy.

– Tôi nói để các bà biết thôi đấy. Không được hở ra với cô Cụ đâu, kéo cô ấy đau lòng đến hết đời không nhắm mắt nổi... Trưa nay tôi gấp được một con bọ nẹt chuối xanh lè từ trong cổ họng của thằng bé ra. Con bọ nẹt đã chết nát bấy, nhưng vẫn nhận ra được. Ông Cụ gầm lên, yêu cầu tôi giấu không cho cô Cụ biết rồi bỏ đi tìm cô sen – Nhưng cô ta nhân lúc mọi người cuống quýt vì thằng cu của cô Cụ sốt cao, gào thét suốt đêm đã bế con bỏ trốn từ sáng sớm nay rồi.

– Bế cả thằng nhỏ đi theo à? – Mẹ Hai sững sốt – Bỗng dưng lại chạy trốn như vậy. Hẳn là có nguyên nhân rồi.

– Con bọ nẹt từ ngoài vườn làm sao bò vào tận miệng thằng bé? Chẳng cô ta bỏ vào đó thì còn ai bỏ vào? Đồ dã man. Đồ giết người – Mẹ Yến cuống lên – Sao không đi báo cu-lít để người ta tóm cổ nó lại cho vào tù...

– Cô đúng là đàn bà nông nổi. Đằng nào thì thằng nhỏ cũng đã chết rồi. Có cho cô sen vào tù nó cũng chẳng sống lại, mà còn tiếng xấu lan xa. Rồi còn thằng con kia nữa đằng nào nó chẳng là con mình, khời ra để nó chịu tiếng con kẻ giết người, mình

chịu tiếng có vợ giết người, liệu có sống nổi mà làm ăn buôn bán nữa không? Rồi bị điều tra, bị ra tòa... trăm thứ phiền phức khác nữa... Thôi, thôi cha Cụ nó sáng suốt lắm. – Ông Hoài thở dài – Nhà mình đã thôi thì lấp lại thôi. Khởi ra làm gì xấu mặt.

– Thế cô Cụ, cô ấy cũng chịu im à? – Bà mẹ Cả Yến thắc mắc.

– Chẳng im cũng chẳng được. – Ông Hoài dừng đình tiếp – Khởi ra tan cửa nát nhà, không buôn bán được nữa thì lấy đâu tiền cho hai cậu em của cô ấy đang học ở bên Pháp đóng học phí. Cấn chặt răng lại mà chịu thôi, kéo hai em lại vất vưởng nơi đất khách quê người...

Vừa được hai đứa con trai như trúng liền hai giải độc đắc thì trong vòng một ngày đứa chết đứa bị bắt mất. Ông Cụ Hường như kẻ vừa bò tới cổng thiên đường đã bị đá thẳng xuống địa ngục. Như kẻ bạch đình đang ngủ mơ được làm tĩ phú bị đá vào người choàng tỉnh. Tỉnh mà điên mà dại. Động vào cái gì ông cũng đập, cũng đá, cũng đập phá tan hoang. Nhà ông như một bãi chiến trường ngổn ngang bàn ghế, cốc chén, vỡ nát, đổ gãy. Ông Cụ lên cơn cuồng rồ: lúc đập phá hung hăng, lúc xệp bẹp nằm dí không ăn, không uống. Mới ba ngày trôi qua mà ông đã gầy rũ héo hắt như ngọn tre bị tấp lửa, duy chỉ có đôi mắt vẫn rực lên man dại, hận thù. Ông hận hai con mụ đàn bà vợ ông. Những kẻ đã được ông gò lưng cung phụng rước lên từ nghèo hèn, nuôi nấng chu cấp cho cả gia đình mà còn chưa thỏa. Các mụ còn ganh ghét, tranh chấp lẫn nhau gây tai, gây họa cho đời ông. Những con mụ vừa là ân nhân vừa là quỷ dữ... Ông chẳng hy vọng trông mong gì ở các mụ cả. Ông chỉ còn tin vào con ông thôi: ông bỗng tỉnh ra. Phải rồi! Ông phải đi cướp con ông về...

Ông bà Cụ để hai con gái ở nhà, nhờ bà Hai sang trông nhà giúp rồi lần về quê cô sen. Đang mùa bão lụt. Ông bà Cụ đi được

hơn một ngày thì nghe tin võ lụt vùng ấy đã mấy ngày. Báo chí đưa om lên là đê vỡ. Nước ngập mênh mang chín tổng. Nhà cửa trôi dạt. Người chết đuối đã nhiều, người chết đói còn nhiều hơn. Hàng đàn người từ dưới Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên kéo nhau đi xin khắp các ngã đường Hà Nội. Gia đình ông Hoài nhấp nhóm như ngồi trên đồng lửa. Ông bác sĩ bỏ thói quen sớm sớm quần soóc kaki, giày ba ta trắng chạy thể dục hai vòng Hồ. Ông sợ phải nhìn những xác người chết đói nằm rải rác đầy đường lẫn với những chiếc lá bàng, lá sấu bị mưa bão rút xuống đường. Ông sợ phải chứng kiến cảnh những cái chân, cái tay khẳng khiu như cành bàng khô chưa chịu chết cứ thò ra giật giật những manh chiếu rách te tua ai đó động lòng đập lên người. Ông sợ phải nghe những tiếng rên rỉ van xin vẳng ra từ những chiếc xe lộc cộc đi nhặt xác chết ma quái như trong cơn ác mộng lang thang hết hang cùng, ngõ hẻm ở Hà Nội. Và càng ớn hơn khi ngày nào cũng phải chạy đi chạy về qua mặt thẳng lính Nhật lùn có tia mắt lạnh lẽo bắn ra từ đôi mí híp tịt cứ quẩn lấy đôi giày ba ta của ông. Mấy hôm nay ông cáo ốm, trong người có gì thật ngổn ngang, chộn rộn. Nghe nói Việt Minh đã chiếm mấy tỉnh trên mạn ngược. Vậy mà ông bà Cụ dám đi kiếm con lúc này. Thực liêu linh.

*

* *

Nước! Nước tứ bề tám phía! Dưới mặt đất đã ngập ngụa nước mà trên trời vẫn mênh mông nước. Nước sầm sập, xối xả trút xuống. Ông Cụ và chú bé con người lái dò đang trần lưng, cắn răng hì hục tát nước trong mưa. Vậy mà nước vẫn liên tục dâng mấp mé lưng thuyền. Cô Cụ quàng manh áo tơi của ông lái dò, ngồi bệt xuống cái dầm gỗ bắc ngang miệng thuyền. Khuôn mặt

xanh xao sau lần đẻ, kèm trận ốm con chết, giờ tái ngắt vì lạnh, vì sợ. Đôi môi thắm mọng xưa kia nay mím chặt thành hai đường chỉ bọt bọt, tím tái. Gió vẫn ù ù gào thét. Những hạt mưa quất bông rất vào mặt người. Những trái núi mây mọng nước đen sì sà xuống thấp, tưởng chừng như sắp sập xuống cánh đồng nhấn chìm nghìn con thuyền tẻo teo của họ. Ông lái thuyền vừa ra sức chèo lái chống những ngọn sóng đồng cao ngất vừa tự rửa thắm cái máu tham lam của mình. Đã biết rằng mưa to, gió lớn đi qua hai cánh đồng ngập nước đe dọa sâu hút, chẳng còn phân biệt nổi đâu là mặt ruộng đâu là mặt đầm hồ, đâu là mặt nương máng thực là nguy hiểm. Vậy mà ông lái hám quá cái 50 đồng bạc của hai vợ chồng người Hà Nội điên khùng kia. Giờ thì không biết hai cha con ông có giữ nổi được hai cái mạng còm của mình mà mang được cái đồng 50 ấy về cho mẹ đi không, hay lại trôi mất xác...

Từng đám mây cứ mỗi lúc một to lừng lững thêm, sóng động như những con quái vật khổng lồ, chạy loạn trời. Chúng cuộn lên, xô đẩy, phóng lên nhau những ngọn roi lửa sắc lém xanh lè, đỏ rực, rạch nát bầu trời đặc sệt nước. Liên hồi rống lên những tiếng sấm kinh thiên động địa. Mỗi lần âm thanh vang dội đập xuống mặt nước, sóng đồng lại bùng lên chát ngắt ru đẩy con thuyền bé tí thêm chao đảo, ngả nghiêng. Nước lại ào ạt đổ vào lòng thuyền. Ông Cự và thằng nhỏ lại phải nhanh tay chống đỡ hơn. Bầu trời trên đầu cô Cự, mặt nước dưới đáy thuyền cô ngồi, thì nhau phô phang những sắc màu kinh dị. Huy hoàng và u tối đan xen.

Nhưng rồi, cũng cùng giây phút ấy, trong một khoảnh khắc cực kỳ ngắn ngủi, cô Cự chợt nhìn thấy lấp ló giữa ba đám mây khổng lồ nặng nề sắp va vào nhau, bỗng hiện ra một khoảng trời

có một màu xanh lam trong vắt đến lạ lùng. Một màu xanh thăm thẳm, hứa hẹn chứa đựng cả một cõi không cùng, tĩnh lặng, bao la đến vô biên, vô tận ở đằng sau. Một sự yên tĩnh đến tuyệt đối. Cái tuyệt đối của sự bình yên bất khả xâm phạm. Khoảng trời kì diệu hun hút bé tí ấy bỗng mở ra cho Như Ý thấy có sự tồn tại của một sức mạnh uy nghi và vô lượng nào đó. Khiến cho những sắc màu, những đám mây, những chớp giạt, sấm nổ mù mịt dưới nền trời kia bỗng chỉ còn là một thứ sức mạnh lèo lẹt, phô trương và giả dối. Một thứ hàng rào để chúng ta không thể ngó được vào ngôi đền thực sự bí ẩn, thiêng liêng ở đằng sau - nơi ngự trị của một sức mạnh tuyệt đối. Cô bỗng cảm thấy có Thượng đế, có Chúa trời, có Thần Phật, có một thế lực nào đó đang ngự trị và ban phát sức mạnh khủng khiếp của mình. Có vẻ như cái sức mạnh đó đang đòi hỏi ở cô một điều gì? Một hứa hẹn gì? Để đổi lấy những mạng sống trên thuyền.

Như Ý vụt đứng dậy, dang chân lấy thế đứng vững chãi trong lòng thuyền. Lòng tràn ngập niềm tin, bất chấp mưa gió ào ạt xối xả xuống thân thể, bất chấp sấm nổ ừng oàng trên đầu, bất chấp những luồng chớp đỏ lừ réo ngang nền trời cắt xuống mặt nước, chạy loằng ngoằng trên những ngọn sóng, cô chấp tay khấn to trước sự kinh ngạc của ông Cự và cha con người lái đò.

– ... Con cầu xin Đức Ngài quang minh chính đại mở lượng từ bi che chở cho vợ chồng con được sống sót trở về bình yên. Con thể tìm được cháu Đạt sẽ không dám hận thù, dộc lòng tạo dục, tận tụy nuôi dạy cháu nên người. Xin coi đó là công quả tu nhân tích đức của đời con được dâng lên các Đấng Cao Cả... Con cầu xin Đức Ngài... – Như Ý cứ khấn đi khấn lại, khấn tái khấn hồi. Cô như chìm đi trong cõi u mê của sự cầu xin, van vãn. Cô không còn cảm thấy được thực tại nữa. Thời gian trong cô lúc này trở

nên cô động bất tiên bất hậu... Mưa vẫn xối xả dầm ướt những lời cầu khẩn của cô. Gió vẫn gào thét cuốn đi những lời nguyện ước của cô. Và chớp giạt, sấm nổ ghi dấu những lời thề bồi của cô.

Sau này cô Cự cứ đắc ý mãi vì hành động buột phát của mình lúc đó. Cô tin mình thật sáng suốt, thật thông minh đã chớp được thời cơ van xin được thấu tai các Ngài nhân dịp “Cổng trời bỏ ngõ”. Chỉ tiếc lúc đó, quá sợ hãi nên không dám xin thêm “được buồn may bán đất” e rằng nó không hợp ý Trời.

Rồi thì trời cũng quang dần. Mưa đã tạnh. Những đám mây đã mang màu ghi sáng, lùi tít lên cao. Gió nhẹ mơn man trên những đợt sóng xoài ra mềm mại khắp mặt đồng. Lúc này nước trong đồng với mặt sông như nhau cả. Nhìn sang đê, đê mỏng manh như chiếc đũa cả nổi lều bều trong chậu nước vo gạo. Cây cối dọc theo con đường về làng chỉ còn nổi lên lơ lửng những đoạn ngọn. Cổng làng giờ trơ lên phần nóc, khom khom như cái miệng cống cái lớn. Vừa may cái thuyền lá chui lọt như qua lỗ tò vò. Chẳng còn biết được đâu là đường đi, đâu là vườn tược. Nhà cửa như trôi nổi bập bênh trước mỗi cơn gió. Trên nóc mái rạ, người chui ra chui vào loanh quanh như kiến gặp nước. Hối thăm mãi rồi cũng đến được nhà cô sen. Phía bên nóc nhà đã dỡ một mảnh gianh ra để làm cửa chui ra chui vào. Hai ông bà già ngồi tu hu trên mặt cái thùng gỗ cũ rách vẫn dựng thóc ở quê, nổi bập bênh sát mái nhà. Ba hòn đồ rau đặt trong chiếc chậu sành tro bếp nguyệt ngất. Thằng bé cuốn tã sũng nước ngủ lăn lóc trên mặt gỗ ướt mềm. Nó đang hâm hấp sốt. Không có cô sen ở đó. Để cô ta nói cô ta bỏ con lại nhờ nuôi hộ rồi cùng một anh trai làng trốn vào Nam ngay trước đêm đê vỡ. Ông Cự đưa cho hai ông bà già 50 đồng bạc rồi bắt điểm chỉ vào một tờ giấy bán đứt cháu. “Không bao giờ được tìm gặp, thăm nom gì nữa!”. Hai ông bà già

cảm tạ rồi rít quá ân nhân. Đã mấy ngày nay họ chỉ còn khoai luộc mớm cho nó. Mà hôm nay khoai cũng hết rồi.

Thằng bé sau đợt hoạn nạn, ốm dậy ngoan hẳn, cứ ăn no. ngủ kỹ cảm khóc một tiếng. Ông Cụ mặt mày cũng sáng dần lại, nhưng chẳng bao giờ còn cười sảng khoái, đĩnh đạc như xưa.

Thằng Đạt cứ lớn, cứ ngoan như vậy trong vòng tay bà Cụ suốt đến năm mười ba tuổi. Bà Cụ cũng chẳng chữa đẽ gì. yên phận dựng nghiệp. gả chồng cho hai cô con gái lớn của chồng. Tưởng rằng đời cũng đến vậy là hết. Cũng đành cam phận hồng nhan. Nào ngờ đến năm thứ mười bốn, bỗng nhiên bà Cụ lại mang thai. Cái Như Ngọc sinh đúng vào dịp cải tạo tư bản tư nhân, sau Yến hai ngày. Năm chiếc xe khách của ông Cụ được Nhà nước cho vào Công ty hợp doanh. Tiếc của, chán đời ông Cụ sinh ốm đau bê bết. Mọi công việc làm ăn trong gia đình lại phó mặc một tay bà Cụ Hương. Bà hạ cái bằng hiệu trước cửa nhà giải tán quầy hàng. “ Bao nhiêu năm nay bán búa quá, giờ mới có thời gian chữa đẽ, nuôi dạy con”. Có vẻ như bà càng mừng. Tuy đã năm mươi tuổi nhưng trông bà vẫn “mòn con mắt”. Mặt bà rõ rõ sự thanh thoi, ung dung thư thái. Cả năm quanh ra. lại quanh vào bà chăm chút báu vật của mình thật say sưa. Như Ngọc mới tám, chín tháng tuổi bụ bẫm, trắng ngần. mắt to tròn đen láy, ăn mặc diêm dúa như một bà hoàng nhỏ. Cả mẹ, cả con đẹp ngồi ngồi trong ánh mắt của mọi người. Những nhìn mà mát mắt. Bà Cụ trở nên thích bế con đi thăm thú những gia đình thân quen, kết giao bè bạn “Tôi phải đi để khoe cái phúc, cái đức, cái lộc Trời vô giá của tôi”. Bà đi suốt ngày. Bà đi cả tháng, đều đặn như một viên công chức mẫn cán. Sớm đi tối về. “Đi nhiều thành quen. Ở nhà bó chân bó cẳng. Không đi không chịu được...” Chỉ có ông Cụ, gia đình Yến và một vài gia đình rất thân biết những

chuyên đi chơi ấy của bà ra tiền ra của cả. Vàng trong tay bà có cánh, có mắt như con chim bồ câu. Nó bay đi, nó lại tự bay về sinh sôi và nảy nở. Áo tã của Như Ngọc có cởi hết ra mới biết nó giá trị biết ngần nào: cả một cửa hàng mini di động đồ trang sức được đính chặt vào lớp lót ở bên trong.

Thằng Đạt hồi này đã lớn, đáng đáp thư sinh nhưng không thích học. Bà Cự kiếm cho nó cái nghề đồng hồ rồi thừa cho nó cái bằng cái tú kính và một lô một lốc những chiếc đồng hồ hỏng, hóc, cũ, mới cho nó làm chủ. Nhưng hình như nó không thỏa. Nó hay bỏ bê công việc làm ăn, lang thang lêu lổng với bọn trẻ trong phố. Rồi đánh nhau. Rồi trộm cướp. Thằng Đạt đi tù năm hai mươi tuổi. Ông Cự phiền não mà chết. Sau năm năm, ra tù, Đạt biến hẳn thành một kẻ khác: bặm trợn, gân guốc. Đạt về ăn ở với một ả phe vé tàu ở ga Hàng Cỏ. Dưới sự khích động của ả nhân ngãi, Đạt ngày ngày nốc rượu be bét, lấy bộ mặt Chí Phèo vào rồi đi lòng sục bà Cự Hường đòi chia của. Hai cô chị vốn yên ảm, ngọt sớt thừa dạ trong sự đặt để của bà Cự bấy lâu nay, bỗng bị những lời thề thốt của cô em dâu hồ làm cho mờ mắt, tối tăm với tiền của cùng trở mặt theo em trai đứng lên kiện đi ghẻ đòi chia thêm tài sản. Tòa án quận Hoàn Kiếm chỉ xử các vụ kiện trong gia đình bà Cự cũng đã nhọc.

Bà Cự liên tiếp thuê nhà, liên tiếp chuyển nhà. Giữa những đợt tìm nhà, hai mẹ con bà thường đến trốn ở nhà Yến. Khi dăm bữa, lúc nửa tháng. Có khi tới hai, ba tháng ròng. Mỗi lần đến, đi của bà Cự thật đột ngột. Lần cuối cùng, khi Như Ngọc vào đại học năm thứ nhất bà Cự mua một căn hộ tít trên tầng ba của một tòa biệt thự lấm ngóc ngách cuối đường Bùi Thị Xuân. “Khi nào tới nhà mẹ, con cứ nhìn lên chỗ cửa sổ. Nếu trên dây phơi có cái khăn mặt vàng ấy là mẹ có nhà”. Bà Cự nói cho Yến biết ám

hiệu để khỏi phải vác xe leo lên ba tầng gác tối om mà lại công cốc.

Căn phòng 16m² của hai mẹ con bà vào những năm 76, 77, trông đã tựa như một chiếc két tiền. Phía ngoài là lớp cửa sắt uốn hoa. Giữa là một tấm cửa Panô gỗ lim. Và trong cùng là cả một tấm sắt nguyên bản nặng trĩu, được khoét một lỗ tròn nhỏ như đồng 5 xu để quan sát động tĩnh bên ngoài. “Bất cứ lúc nào mẹ cũng khóa tịt ba lớp cửa ra vào. Nên khi đến nhà thì con cứ đi qua nhà mẹ vào nhà cuối cùng ở sát bên, chào ông bà chủ rồi bảo rằng cháu là con ông bác sĩ Hoài ở phố Bôbillôt⁽¹⁾ cũ. Ông bà chủ sẽ cho con đi nhờ qua cửa sau, ra sân thượng để vào nhà mẹ. Chẳng là hai nhà có chung cái sân thượng ở trên tầng ba này mà. Mẹ ưng căn hộ này cũng vì lý do đó. Tuyệt đối an ninh. Trước mấy cái ổ khóa lạnh ngắt, chị em thằng Đạt có châu chực 24 giờ trên 24 giờ ngoài cửa, cũng chẳng biết đâu mẹ con mẹ đang vô tư ăn uống, nghỉ ngơi thoải mái trong nhà. Trên này có khu vệ sinh, nước sôi đủ cả. Lương thực, thực phẩm đã có hai đứa con ông bà hàng xóm mua hộ. Chị em nhà nó có dai sức thì cứ trực ở cửa cả tháng mà chờ hai mẹ con mẹ về mở cửa vào nhà. Mẹ chấp cả lò nhà chúng nó. Ấy là nói phòng xa vậy thôi. Chú tổ an ninh khối phố này tất cả dân chúng trong số nhà này đều được mẹ đối đãi trọng vọng tử tế, chẳng ai để chúng yên mà tác oai tác quái với mẹ”. Yến thắc mắc “Thế nhờ chúng lên lút lên bất ngờ thì sao?”. “Chẳng bất ngờ được! – Bà Cự cười ung dung – Mẹ đã hợp đồng với bà hàng nước dưới cổng, hễ thấy ai khả nghi, giống như mẹ tả hình dạng thì giật chuông báo cho mẹ biết. Mẹ sẽ lặng yên như không có nhà. Yên tâm lắm!”.

Còn trên cả yên tâm ấy chứ. Đạo này bà Cự nhờ anh Dương,

(1) Phố Lê Thánh Tôn - Hà Nội ngày nay.

anh thứ hai của Yến đến làm vệ sĩ đưa đón Như Ngọc đi học. Anh Dương vốn là đại úy đại đội trưởng đặc công nay đã phục viên, về học tiếp hai năm cuối Đại học Ngoại ngữ cùng trường với Như Ngọc. Sáng hôm đó đến trường, chiều vệ sĩ về cửa. Bà hy vọng cái Ngọc, lửa gần rơm sẽ bén duyên được với anh Dương. Anh Dương học giỏi, đẹp trai, vốn là một tay ghi ta nổi tiếng của ban nhạc Ngôi sao xanh lừng danh trong nhóm các trường đại học ở Hà Nội, lại đã từng là “Bộ đội đặc biệt tình nguyện”. Bà Cụ phẩn khởi ra mặt “Có anh Dương qua lại, đổ bố con nhà nào dám lai vãng gần gũi quần mẹ con nhà bà...”. Đi đến đâu có người quen biết của gia đình nhà Yến là bà thả mồi. “Hể anh Dương với các bác Hoài đồng ý, tôi xin ký cả mười đầu ngón tay mười đầu ngón chân. Tôi sẽ mua cho hai cháu một căn hộ với đầy đủ tiện nghi. Tôi sẽ cho các cháu hai, ba chục cây vàng nữa để làm vốn. Rồi khi tôi chết đi thì toàn bộ của cải của tôi sẽ là của hai cháu chứ còn của ai nữa. Đây là chưa kể hai cậu nó ở bên Pháp, người luật sư, người bác sĩ, đều thành đạt cả, tha hồ mà nhờ vả... Cứ gọi là ung dung cả đời mà hưởng...”. Bà Cụ rút mặt vào tai các mẹ Yến “Mỗi sáng tiễn chúng đến trường em cứ thấy sướng run cả người. Trông chúng mới đẹp đôi làm sao. Con Ngọc dong dỏng cao, tóc thả mượt lưng. Cháu Dương nhà bác cao lớn dáng dấp thể thao, tuyến mặc đồ bộ đội nom thực rắn rỏi hàng hoàng, mặt mũi lại thư sinh, sáng sủa, đeo kính trắng, tóc lại còn nâu nâu cứ quần lên bông bông nữa chứ. Y hệt tài tử điện ảnh Pháp. Cả khu nhà em hể nhìn thấy cháu Dương là mọi người đều trầm trồ: “Không biết con nhà ai mà đẹp thế. Đẹp như người mẫu”. Ấy thế mà lại ngoan nữa. Ngoan lắm. Một dạ, hai vâng, nghe lời cha mẹ răm rắp...”

Chẳng biết những lời của bà Cụ có đến tai anh Dương không mà bỗng dưng anh chàng đại úy đặc công cựu chiến binh thay

đổi thái độ. Anh có mọi cơ thoái thác để không phải đến đưa đón Như Ngọc đi học nữa. Khi mẹ Yến tỉ tê hỏi han thì anh sầm mặt buồn thông một câu “Con không bán mình” rồi bỏ đi.

Năm cuối bậc đại học trôi qua nhanh chóng. Anh Dương ra trường nhận quyết định vào công tác tại công ty Du lịch trong thành phố Hồ Chí Minh. Chưa đầy năm anh đã lấy vợ. Chị dâu Yến không xinh xắn nhưng lại có nụ cười rạng rỡ như tỏa sáng, đẹp đến nỗi Yến ngơ ngẩn nhìn. Mẹ Hai thì thầm với mẹ Cả: “Cả căn phòng như bừng sáng lên mỗi khi nó cười. Cảnh tượng như mặt trời mọc vậy...” Hẳn nào anh Dương mê chị lẫn lóc. Bây giờ Yến mới hiểu tại sao người ta ví những tuyệt thế giai nhân với mặt trời.

Bà Cự đến nhà Yến, mang theo nào màn tuyn, nào khăn trải giường, nào gối cưới: “Toàn những thứ em chuẩn bị sẵn cho hai cháu... – Bà khóc, hai mí mắt sưng húp... – Nay... em tặng cháu Dương. Nhờ các bác chuyển giùm tới cháu hộ em...”. Bố mẹ Yến cả nể nhận đồ mừng. Nhưng màn tuyn, gối cưới, khăn trải để lại cho Yến nằm. Các mẹ Yến sợ đám cưới bị xúi. Rồi không biết cái xúi nó có lây sang Yến không mà suýt 30 tuổi Yến mới lấy chồng. Ba bà mẹ của Yến được mẽ hủ vía vì lo cô con gái rệu “bị chua”.

Anh Dương lấy vợ, cái Ngọc liêu xiêu ốm mất một năm. Sau khi ra trường, nó xin luôn vào một đoàn công nhân xuất khẩu sang Đức làm một chân đội trưởng kiêm phiên dịch. Trước ngày Như Ngọc lên đường, bà Cự bày ra cho mẹ Hai Yến xem những thứ bà sắp cho con gái yêu mang ra nước ngoài: một chiếc đồng hồ cổ được chế tác cực kỳ tinh xảo, vỏ và dây hoàn toàn bằng vàng tây. Một chiếc kiềng vàng hai cây. Một chuỗi hạt vàng ba lớp đeo cổ. Một đôi xuyên. Một cặp lặc. Một nhẫn khảm kim cương. Một nhẫn Marie. “Chiếc hoa tai này em đánh ba vòng

tròn lồng vào nhau. Cái vòng cuối cùng ở giữa mới đánh ngôi sao là có ý cả đấy ạ. Sang đó cháu nó tách ra thế là tiếng rằng mang có một đôi hoa tai mà thực tế lại là ba đôi kia đấy. Còn đây là vật kỷ niệm của bố cháu – Bà Cự vừa nói vừa trang trọng mở nắp một chiếc hộp bọc nhung màu huyết dụ. Bên trên lớp lụa đỏ mịn màng là ảnh của ông Cự Hướng được gắn trong mặt chiếc mè đay vàng ròng lấp lánh, đường nét chạm khắc thật mềm mại, tinh vi – Cái này thì nặng ba cây có dư”.

Hai bà ngấm nghĩa chán chê, bình phẩm về các đức tính lẫn thói hư tật xấu của ông Cự một hồi rồi chuyển sang những món hàng mua làm tặng phẩm: một chiếc độc bình cổ đời Minh cao cỡ hai gang tay, dáng dùi gà thanh thoát, men da đá rạn màu cẩm thạch nhạt. Một chiếc bình phong bằng ngà được tía tốt cầu kỳ trang trí bàn làm việc. Một đàn voi chín con xinh xinh đang đứng đỉnh nối đuôi nhau bước qua một chiếc cầu xinh xắn. Tất cả đều bằng ngà. Rồi lại ba chú khỉ óng mượt mặt mũi ngộ nghĩnh láu lỉnh cũng bằng ngà treo leo trên một cây dừa cao cỡ chiếc chai một lít, đang nghiêng nghiêng duyên dáng thả những chiếc lá uốn cong, mỏng manh, tha thuốt mớ màng trong làn gió tưởng tượng. Rồi buông dừa trĩu nặng, quả nâu óng, trong veo tựa những giọt mật. Đẹp như trong truyện cổ tích... Tất cả đều bằng sừng. Tịch không hề thấy một bó mảnh, một bọc bị cỏi vốn là đồ giắt lưng của những cư dân Việt Nam đi ra nước ngoài thời kỳ những năm 78 – 79.

Mẹ Hai YẾN lo lắng:

– Nhiều đồ quý giá thế này, người ta cũng cho mang ra khỏi nước ư?

– Có đáng gì đâu. Một bộ đồ trang sức cá nhân thôi mà – Bà Cự cười khanh khách – Đồ mỹ nghệ cũng vậy. Quà tặng mà. Mỗi

thứ có một cái thôi. Buôn bán gì đâu. Rất đúng khuôn khổ cho phép của Hải quan. Chẳng có gì là khuất tất. Vả lại em đã có thằng cháu họ bên hải quan, nó đã dẫn đường đi nước bước cả rồi. Cứ thực hiện đúng bài bản của nó là ăn tiền:

Song bài bản của cậu cháu vẫn chưa phải là át chủ bài của bà Cụ Hương. Chỉ sau này khi cái Ngọc đã bình an tuyệt đối bên Đức, bà Cụ mới thổ lộ với mẹ Hai cái mảnh siêu đẳng của mình: trong tất các lỗ xộp của những hộp các tông bọc ngoài các món hàng mỹ phẩm cao cấp của Như Ngọc, được thuôn vào, ních chặt một món hàng còn cao cấp hơn – những đồng 100 đô la được cuốn chặt, vê tròn chỉ nhỉnh hơn 1/3 chiếc đĩa. Phía gần ngoài lỗ nút keo, rồi miệng lỗ bị bóp bẹp một cách vô cùng tự nhiên. Thảo nào lúc đó bà cao giọng khi mẹ Hai Yến lo lắng cho những món hàng quý:

– Mang được từng này thứ ra khỏi nước chắc cũng phải đút lót người ta nhiều lắm nhỉ?

– Ôi giờ! Tưởng ăn được của em mà dễ đấy à? Với em cái gì rồi cũng phải sinh nở thành tiền. Cái gì rồi cũng phải biết đẻ ra tiền. Mà đồng tiền trong nhà là đồng tiền chứa ra cửa là đồng tiền đẻ. Em sẽ truy lĩnh lại hết, kể cả từ cái thùng giấy cát tông vớ vẩn trở đi.

Mẹ Hai Yến bỗng rùng mình rồi chặc lưỡi:

– Nhanh thật. Thấm thoát đã hai mấy năm trời. Ngày nào cái Như Ngọc còn đỏ hỏn, thằng Dương còn đánh vắn i tờ, giờ chị đã đi Tây, anh đi Tàu...

Bà Cụ xịu mặt. Cứ mỗi lần nhắc đến anh đại úy cụ chiến binh là mặt bà Cụ lại buồn tê tái.

Khi ra về mẹ Hai cười đắc ý bảo Yến: “Mẹ phải nhắc khéo để bà ấy biết: bà ấy giàu thật đấy nhưng chẳng thể nào mua nổi

anh Dương nhà mình. Đừng có tự đắc quá với đồng tiền của mình. Anh Dương chẳng cần hào nào của bà ấy cũng thành được ông này, ông nọ, đã là phó giám đốc công ty còn được người ta mời mọc rước đón ở nước ngoài hẳn hoi chứ đâu phải đi Tây theo kiểu xuống tàu há mồm đồn phu đồn điền ngày xưa như con bà ấy...”. Yến chẳng nói gì, cô đang bận xua đi trong óc mình hình ảnh cái Như Ngọc to lớn kênh cang đang nằm thượt ra cho bà Cự quần tã.

“Cửa hàng vàng bạc trang sức kiêm đồ mỹ nghệ mini” của bà Cự lên máy bay sang Đức vào một đêm đẹp trời lồng lảnh trắng sao.

Từ sau đấy bà Cự ít qua lại nhà Yến hơn. Có lẽ vì gã Đạt ốm bệnh đã chết sớm và hai bà chị của gã đều đã theo chồng vào Nam làm ăn. Cuộc sống của bà Cự nghe chừng đã yên ổn hơn xưa. Được hơn một năm thì bà Cự đến: “Xin báo để bác mừng cho cháu Ngọc và cho em. Hai mươi tư âm này ở bên Đức, cháu sẽ xây dựng gia đình với cháu Hưng cùng nhà máy ở bên đó. Bên này hai gia đình đều báo hỉ thôi cho đỡ vất vả, vì bên chồng cháu cũng neo đơn một mẹ, một con như mình. Cuối xong, hai cháu Ngọc, Hưng sẽ đi nghỉ tuần trăng mật bên Pháp đến với các cậu cháu, thế cũng vui rồi”. Bà Cự rút từ trong chiếc phong bì ngoại ra một tấm ảnh cho gia đình Yến xem mặt chú rể tương lai. Trong ảnh, cái Ngọc mặc một bộ áo liền quần màu đen bó dính sát người, chất vải gì bóng nhoáng, ánh lên những đường cong hấp dẫn của con gái. Ngọc nửa nằm nửa ngồi lọt thỏm trong lòng một gã đô con vạm vỡ. Bà Cự xem chừng có vẻ áy náy về những cơ bắp cuộn cuộn của gã con rể: “Thấy cháu Ngọc nói cháu Hưng bên ngoài trông cũng giống cháu Dương nhà ta lắm. Chắc cháu nó không được ăn ảnh. Vả lại nghe nói cháu nó cũng là trí thức.

Cháu Hưng đã tốt nghiệp đại học Thể dục thể thao môn bóng đá, nhưng ra trường mãi vẫn thất nghiệp mới đành bỏ nghề đi lao động xuất khẩu đấy ạ...". Rồi bà lại tỏ lòng ái ngại cho Yến. Con gái hai sáu, hai bảy rồi chống quyết định lên miền núi dạy học, ngồi nhà ăn bám, vô công rồi nghề chẳng biết kiếm tiền lại còn xuống mã thê thảm, gầy tong teo, xách một tay không nặng. Biết bao giờ mới lấy nổi chồng? Yến chỉ cười không nói. Cô cảm thấy thật chẳng có gì lấy làm hạnh phúc trong vòng tay của gã đô vật có tứ chi phát triển đó. Nom gã giống như một anh chàng chân dất lũ hải cẩu đen nhầy trong rạp xiếc. Giống anh chàng đại úy cựu chiến binh đẹp trai tài hoa, trí thức đến từ cái cử chỉ giờ ngón trở đẩy cặp kính cận 1 đống trên sống mũi cao ư? Không đâu! Gã có vẻ giống một cỗ áo quan gỗ lim cho một trái tim đã tan nát vì tình. Tội nghiệp Như Ngọc.

Sau đó một năm thì chẳng biết bà Cụ Hương biến đi đâu. Gia đình hàng xóm thân cận chung chiếc sân thượng nói rằng bà về quê ít bữa cho khuây khỏa cô đơn. Phải hơn một năm nữa mới thấy bà xuất hiện ở nhà Yến. Bà bệ vệ to béo và trắng mỡ ra. Mặt bà đỏ rực, cái ánh đỏ của bệnh cao huyết áp. Bà tặng cho Yến cái áo lông Đức loại mốt nhất lúc bấy giờ, làm cả nhà Yến sống sờ vì sự hào phóng.

– Hai cháu nhà em, chúng lại li dị rồi các bác ạ – Bà Cụ không giấu nổi vẻ mệt mỏi, chán trường – Em nấu hết cả ruột. Mấy năm vừa rồi em ở bên Đức đấy chứ. Em đi vội nên chẳng chào các bác được – Bà Cụ ngừng lời thở hổn hển, vuốt ngực rồi lắc đầu – Cái số con em nó chẳng ra gì. Lấy nhau được một năm thì thằng Hưng bị u não phải mổ. Mổ xong lại bị liệt. Em phải sang để chăm sóc cho chồng nó. Thuê người bên đó thì có của núi cũng không lại. Mà bệnh của thằng Hưng thì biết bao giờ

mới khỏi. Thôi thì cứ một mẹ già bằng ba con ở. Em sang phục vụ cháo lão, bưng bô đồ bã đến sáu tháng trời nó mới ngồi dậy được. Lại phải đỡ cho nó tập đi, em mệt mỗi biết bao nhiêu. Ấy thế mà vừa tập tễnh đi lại được nó đã lên cơn dở người, thuê tắc-xi rình rập đánh ghen vợ khắp nơi... Ai lại đánh ghen với con trai của bố mẹ nuôi cái Ngọc. Ông ấy là giám đốc nhà máy. Anh Phôn Rích con trai độc nhất của ông bà ấy là kỹ sư trưởng của nhà máy. Họ là cứ phải làm việc với nhau như hình với bóng thì công nhân Việt Nam mới hiểu được bản thiết kế chứ. Ông bà giám đốc được cái Ngọc là con nuôi cứ quý như vàng. Họ mời em đến nhàn chơi luôn. Vậy mà có hôm thằng Hưng nổi máu côn đồ vào tận phòng họp của nhà máy lôi cái Ngọc ra ngoài cửa đánh đập trước mặt mọi người. Cháu Ngọc nó cũng nhuần tính chẳng có kêu rên than khóc gì cả. Nhìn mặt mũi con sây sát tím bầm em xót hết cả ruột. Thế rồi bệnh viện họ kết luận thằng Hưng bị di chứng u não nên tâm thần. Nhà máy họ cho nó nghỉ việc về nước. Em phải khuyên giải mãi cháu Ngọc mới chịu li dị đấy. Ôm lấy thằng chồng đó thì có con cũng bất thành nhân dạng. Giờ thì thằng Hưng về nhà cha mẹ nó ở Từ Liêm được sáu tháng rồi – Bà Cự thở phào nhẹ nhõm – Cháu Ngọc nó cũng tình nghĩa đóng cho thằng đó một kiện hàng. Chứ các bác tính thằng này sang bên đó được một năm đã ốm đau mồ xẻ liệt giường liệt chiếu rồi còn làm ăn gì nữa. Chưa kể tiền đám cưới cháu Ngọc nó bao tất. Thế mà bây giờ nó lại chưa thỏa, cứ đi tìm em, đòi giết em để lấy ba thùng hàng cháu Ngọc nó đóng cho em...”.

Vậy là bà Cự lại rơi vào cái vòng luẩn quẩn của cuộc đời bà. Trước trốn con chồng, nay trốn con rể. Bà trốn về quê ở nhờ nhà một anh cháu họ làm chủ tịch xã. Anh cháu sẽ bảo vệ bà. Trước khi ra về bà nhìn quanh dè chừng rồi thì thào vào tai mẹ Hai:

“Em báo tin riêng với bác thôi, để bác mừng cho mẹ con em. Cháu Ngọc tháng trước đã kết hôn với anh Phôn Rich rồi. Em về cũng là để làm thủ tục sang hẳn với cháu cho mẹ con có nhau. Đồi em trồng cây cũng đến ngày hái quả rồi...”

Ba tháng sau gia đình Yến nghe tin bà Cự bị liệt nửa người. Cái Ngọc phải vội bay về nước ra tay bao bọc cho mẹ.

*

* *

– Hành khách bay chuyến Hà Nội – Béclin chú ý. Máy bay 1247 sẽ cất cánh vào lúc 20 giờ 0 phút. Yêu cầu quý khách làm thủ tục xong, đi vào cửa số 2, số 4... – Tiếng cô phát thanh viên thật ấm và sang trọng.

– Please, Passenger...

Ngọc mỉm cười chào Yến lần cuối rồi rất nhẹ nhàng nhưng kiên quyết, những ngón tay trắng muốt với những chiếc móng óng ánh màu vỏ đồ kẹp chặt lấy hai khuỷu tay bà mẹ xoay ngược lại, dìu đến cửa soát vé. Yến nhìn hút theo bóng dáng quý phái, lộng lẫy của người thiếu phụ Việt kiều cùng bà mẹ vụng về, loạng quạng như trong cơn mộng du đang bước về phía thiên đường của họ. Cầu sao cho bà Cự được như ý. Mong sao cho ông đồ được mát mẻ dưới Tuyền đài.

8/1998

VĂN HÓA THĂNG LONG HÀ NỘI VĂN HÓA CỦA KHÔNG GIAN BA CHIỀU

Thử liệt kê tên tuổi những danh nhân Việt Nam, và làm cái việc tìm hiểu lý lịch các vị, ta sẽ nhận ra một điều lý thú, mặc dù các vị quê quán khác nhau, sinh trưởng khác nhau, sự nghiệp khác nhau, nhưng tất cả đều giống nhau một điểm là, để có được sự thành đạt trở thành danh nhân đất nước, tuyệt đại đa số đều đã có thời gian sinh sống ở đất Thăng Long, hoặc ở đấy và lớn lên ở đấy, hoặc đã có thời gian đến đấy rồi đi nơi khác, nghĩa là được nuôi dưỡng bằng nền văn hóa Thăng Long, hoặc bồi bổ và tiếp thụ bởi nền văn hóa Thăng Long, làm cho họ lớn lên trong sự nghiệp và nhân cách để được người đời trọng thị.

Vậy văn hóa Thăng Long là cái gì? Nó như thế nào? Nó có đáng tự hào không?

Rất đáng được tự hào, nhưng không phải lối tự hào kệch cỡm, thiếu văn hóa, kiểu như:

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.*

Nền văn hóa Thăng Long tao nhã và lịch sự, đâu có sản sinh ra cái lối vỗ ngực nặng trĩu như thế. Đã có nhiều bài viết phản đối, và tôi cũng có bài tham luận bài bác câu ca dao trên không biết từ bao giờ lưu truyền trong vùng đất Thăng Long, làm nhiều người ngộ nhận.

Tìm một định nghĩa xác đáng về văn hóa để mọi người thừa nhận, thật không phải dễ dàng. Từ điển tiếng Việt ghi: *Nghĩa 1: Toàn thể những thành tựu của loài người trong sản xuất, xã hội và tinh thần. Nghĩa 2: Sự hiểu biết về sự vật hay về cách xử thế tích lũy bằng việc học tập có hệ thống hoặc thấm nhuần đạo đức và các phép tắc lịch sự...*

Thật là chưa đủ thỏa mãn chúng ta với sự cảm nhận về khái niệm văn hóa.

Chúng ta sống trong không gian ba chiều. Thuộc tính của không gian này là hai mặt đối lập. Thiện và ác. Tốt và xấu. Trung và gian. Vui và buồn. Yêu và ghét. Cao thượng và ti tiện. Dũng cảm và hèn nhát. Thẳng thắn và lươn lẹo. Trung thành và phản bội. Vân vân và vân vân... Những cặp phạm trù này luôn đi bên nhau như bóng với hình. Nói theo các nhà Kinh Dịch học chúng ví như âm và dương. Triệt tiêu cái này thì cũng mất luôn cái kia. Chúng là mâu thuẫn thống nhất trong một thái cực đồ của các nhà Lý học. Trong môi trường ấy con người ứng xử theo các thang giá trị mà họ tự chọn, phụ thuộc vào trình độ hiểu biết của mình, và nhờ thế nó đã tạo nên văn hóa của cá nhân, hoặc văn hóa của một vùng đất, hoặc văn hóa của một dân tộc.

Không gian ba chiều chúng ta sống biểu diễn theo hình học là chiều dọc (tức trục tung), chiều ngang (tức trục hoành), và chiều sâu (tức trục xuyên tâm, nó làm nổi hình khối lên). Thiếu một trong ba chiều đó không còn là cái thế giới này. Thật vậy,

nếu chỉ có chiều dọc và chiều ngang thì thế giới thành bẹt, trực tung và trực hoành chỉ khắc họa được hình học phẳng. Trục xuyên tâm tức chiều sâu mới làm vạn vật nổi hình khối ngồn ngộn trước mắt chúng ta, chuyển thế giới từ hình học phẳng sang hình học không gian.

Con người sống trong không gian ba chiều cũng có ba mối quan hệ lớn. Đó là:

- Quan hệ với tự nhiên (*phần hữu hình*)
- Quan hệ với xã hội (*phần hữu hình*)
- Quan hệ với tâm linh (*phần vô hình*)

Thiếu một trong ba quan hệ trên, đời sống con người thành khập khiễng, thành khuyết tật. Đã có một thời, chúng ta coi nhẹ mặt tâm linh, chỉ lấy cái nhận biết được là có, là đáng trọng, còn cái chưa nhận biết được là không có, là vô vấn. Chúng ta đã trả giá. Con người thành tàn ác, đã gây nhiều lỗi lầm trong quan hệ xã hội và cả trong quan hệ với tự nhiên (bóc lột tự nhiên quá tải).

Xin mở ngoặc nói một chút về con số ba của triết học phương Đông. Số ba theo Lý học là con *số dương trưởng*, số một là *nhất dương sinh*. Vì thế phương Đông có *tam tài* (thiên, địa, nhân) *tam cương* (quân, sư, phụ), *tam đa* (phúc, lộc, thọ), *tam đạt đức* (nhân, trí, dũng), *tam bất hủ* (lập đức, lập ngôn, lập công), *tam bành* (ba vị thần ở trong ta là Bành Sư, Bành Kiển, Bành Chất, hay xui ta là điều bậy, đến ngày Canh Thân thì lên trời tâu tội, để làm người mau chết, khỏi phải canh giữ. Ta thường nói: *nổi tam bành*; trong tôn giáo thì có *tam bảo* (phật, pháp, tăng), *tam thế* (quá khứ, hiện tại, vị lai), *tam giới* (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), *tam quan* (tả môn, hữu môn, chính môn); còn trong giao tiếp thì không được quá tam ba bận, uống ba tuần trà, nhấp ba chén rượu, trọng nhau thì tam cố thảo luận (ba lần mời); trong

quân sự thì theo *tam tam chế* (nhỏ nhất là tổ ba người, ba tiểu đội thành trung đội, ba trung đội thành đại đội, ba đại đội thành tiểu đoàn...); ngôn ngữ dân gian thường nói: *vững như kiềng ba chân...* vân vân...

Văn hóa là con người. Con người làm nên văn hóa. Nói về văn hóa Thăng Long tức là nói về cách ứng xử của người Thăng Long đối với tự nhiên, đối với xã hội, và đối với tâm linh (theo con số ba của phương Đông). Và họ đã thiết lập được một hệ thống giá trị và biểu trưng thể hiện cách sống và trình độ sống của mình. Bàn về văn hóa Thăng Long – Hà Nội phải viết thành cuốn sách, nhiều cuốn sách nữa, mới mong chuyển tải được vẻ sắc văn hóa lung linh của vùng đất rồng bay. Tuy nhiên, ở một bài viết ngắn ngủi này, tôi chỉ xin trình bày và gợi ý sơ lược như sau:

1- Văn hóa Thăng Long theo chiều không gian thứ nhất, tức trục tung, là chiều văn hóa đối với tự nhiên.

Vùng đất Thăng Long là nơi linh địa. Trong *chiếu rời đô*, Lý Thái tổ đã nhận ra điều đó:

*“Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi
Đã đúng ngôi nam, bắc, đông, tây; lại tiện hướng nhìn sông
dựa núi*

Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng

Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt

Muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi

Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa

Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước

Cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời...”

(Trích *Thiên đô chiếu*)

Vùng đất nhiều hồ, ao, đầm nước bên sông Cái (tức sông Mẹ) đỏ nặng phù sa đã trở thành vùng đất để đổ vào những thập niên đầu thế kỷ thứ 11. Hồi ấy rừng còn sát vào kinh thành. Quanh Hồ Tây rừng bạt ngàn, nhiều hang động, cho cây cáo trú ngụ. Còn lưu truyền chuyện hồ ly chín đuôi, và có cả một làng chuyên nghề đón củi hiện còn tên cổ Trích Sài. Ấy thế rồi chẳng bao lâu vùng đất trên đã trở thành một vùng “*ngựa xe như nước, áo quần như nêm*”, mở mang các cửa sông “*trên bến dưới thuyền*” sầm uất đến mức các cố đạo người Âu châu sang ta vào thế kỷ thứ 16, 17, đã nhận xét thành phố có thể ví với Venise phương Tây vì họ gọi ta là Venise phương Đông.

Công việc đắp đê đòi nhà Trần nổi tiếng trong lịch sử. Đặt những chức quan coi đê. Cùng những hình phạt vi phạm đê. Nhờ thế mà nông nghiệp phát triển, tạo nên nền văn minh lúa nước sớm nhất Đông Nam Á. Các ngành nghề tinh xảo nảy nở, như trạm khắc đồ đồng đồ bạc, nghệ thuật ẩm thực, nghệ thuật trang sức thêu may... Công việc kiến trúc lâu đài đình tạ cũng phát triển, đã có những hiệp thợ tên tuổi và những công trình sư nổi tiếng như Vũ Hựu, Nguyễn An, đã tham gia xây dựng cả cố đô Trung Quốc.

Điều nổi bật trong cách ứng xử với thiên nhiên của người Thăng Long là hài hòa cùng môi trường. Không y vào tài trí con người để đè nén thiên nhiên, bóc lột thiên nhiên, hoặc tàn phá nó. Điều này còn ghi lại dấu ấn trong thói quen tâm lý là người Thăng Long rất thích cây cảnh. Nhà nhà dù chật chội bé hẹp cũng có cây hoa, chậu cảnh, hoặc hòn giả sơn thu nhỏ trời đất vào trong bể nước.

Điều đó có được là nhờ ảnh hưởng của triết lý đạo Lão với cách sống hòa cùng thiên nhiên, thuận theo tự nhiên, không can

thiếp vào tự nhiên. Thứ triết lý đó du nhập vào ta đã được ông cha ta thiếp thụ, Việt Nam hóa, trở thành một quan điểm triết học “*Tam giáo đồng nguyên*” (Nho, Phật, Lão) chi phối mọi hành vi ứng xử trong nhiều thế kỷ.

2- Văn hóa Thăng Long theo chiều không gian thứ hai, tức trục hoành, là chiều văn hóa ứng xử giữa người với người.

Trục văn hóa này lấy đạo Nho làm nền tảng. *Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín* chi phối toàn bộ cách ứng xử giữa con người. Đạo quân tử được coi trọng. Giàu sang không tà dâm, nghèo khó không dối lòng, uy vũ không khuất phục. Lo cái lo trước thiên hạ, vui cái vui sau thiên hạ. Vì thế mà đã sản sinh ra những người tiêu trung như Tô Hiến Thành, khảng khái như Trần Bình Trọng, ưu thời mẫn thế như Chu Văn An... vân vân... Con người vùng đất Thăng Long chuộng danh hơn chuộng lợi. Ta hãy đọc “*Người và cảnh Hà Nội*” của cụ Hoàng Đạo Thúy. Bà tú đi bán cháo hoa nuôi chồng nuôi con, vẫn được người hàng phố kính trọng. Ông cụ chuyên đi tìm trẻ con lạc mang về cho bố mẹ được gọi là ông Phúc Đức, chết đi được lập miếu thờ. Tình bè bạn thì như Lưu Bình – Dương Lễ. Tình chồng vợ thì như Phạm Tải – Ngọc Hoa. Tình cha con, tình thầy trò, tình anh em... tất tất đều đã tạo được những chuẩn mực làm gương sáng cho mọi người noi theo.

Trong giao tiếp thì cách ăn nói thưa gửi nền nã. Ăn mặc thì thanh lịch và giản dị. Ngay bây một mâm cơm dù là rau muống tương cà nom vẫn ngon mắt. Bát đĩa sạch bong, sắp bằng ngay ngắn. Ăn không được nhai thành tiếng chộp chộp. Trẻ con cầm thìa ngán quá là bị mắng, cầm dài quá cũng bị mắng. Gắp thức ăn phải để vào bát, chứ không được đưa ngay vào miệng... vân vân và vân vân...

Từ những cái nhỏ nhặt như vậy trong gia đình, đến ra ngoài xã hội không được nói to cười to ở chỗ đông người, không được khạc nhổ bữa bãi, không cời trần trùng trục ngoài đường... tất cả tỉ tỉ những cái nhỏ nhặt đó đã tạo nên vẻ sắc của người Thăng Long – Hà Nội. Mà nó có sức hấp dẫn không nhỏ, sức đồng hóa không nhỏ. Hãy quan sát một cô sinh viên từ tỉnh lẻ lên Hà Nội học, chỉ một thời gian không lâu thì, từ cách ăn mặc, ăn nói, đi đứng đã chuyển hóa rất nhiều, cô bé dần trở thành người Hà Nội một cách tự nguyện không cưỡng lại, và lấy đó làm niềm sung sướng. Có phải nhiều người chúng ta ngồi đây cũng từ các vùng đất khác đến Hà Nội. Và bây giờ chúng ta sung sướng được là người Hà Nội, ứng xử theo văn hóa Hà Nội. Có đúng thế không? Điều này nên nói, vì giả thiết rằng chúng ta đến ở Paris hay Luân Đôn, chúng ta có sung sướng được biến thành người Paris hay Luân Đôn không? Dám chắc rằng không.

3- Văn hóa Thăng Long theo chiều không gian thứ ba, tức trục xuyên tâm, là chiều văn hóa tâm linh.

Chiều văn hóa này đã được đạo Phật soi rọi, con người chết đi không phải là hết, linh hồn họ vẫn tồn tại cùng con cháu. Ngày giỗ, ngày tết, con cháu nhớ đến ông bà tổ tiên, thắp nén hương, làm mâm cỗ, mời tổ tiên cùng về hưởng với con với cháu. Người ta nói: *Sống về mô về mả... Linh tại ngã, bất linh tại ngã* (*)... Đạo thờ cúng tổ tiên phát triển.

Người Thăng Long rất coi trọng cái chết. Sinh ký tử quy,

(*) *Linh tại ngã, bất linh tại ngã*: Có linh thiêng là ở mình, không linh thiêng cũng là ở mình. Ví như đạo thờ cúng tổ tiên, thắp nén hương bày mâm cơm mời các cụ về, nếu ta tâm thành tưởng nhớ, thì các cụ có về thật cùng hưởng với con với cháu; nếu ta chỉ làm chiếu lệ, chắc đâu có chuyện hồn về, thì các cụ không thể về được.

sống là gửi tạm, chết mới về nhà mình. Cho nên những người già chuẩn bị cho cái chết một cách bình thản: cỗ hậu sự, quần áo mặc khi lâm chung, dặn con dặn cháu làm ma như thế nào... vân vân... Điều này khác hẳn với phương Tây. Người già phương Tây rất ngại nói đến cái chết. Họ hình dung thân chết là một bộ xương trắng tay cầm lưỡi hái. Ở ta thì không, tùy thuộc theo điều tốt điều xấu mình làm ở cõi đời này, khi chết đi được đức Phật đến đón, hoặc quỷ sứ đến bắt. Khi thấy luồng ánh sáng màu vàng vô cùng chói lọi tức là sứ giả của đức Phật A-Di-Đà đến đón về Tây phương cực lạc. Hãy vui vẻ ra đi cùng sứ giả ánh sáng ấy, để được về ngôi nhà vĩnh hằng của mình, nơi ấy sung sướng, hạnh phúc hơn cõi thế này rất nhiều. Vì thế mà người ta thường niệm: “Nam mô A-Di-Đà Phật”, nghĩa là nguyện được về với Phật Di-Đà. (*Nam mô*, tiếng Phạn, là dựa vào, trông cậy vào).

Nhờ triết lý đó mà người Thăng Long sống rất nhân ái, phát triển tình thương yêu đồng loại. “*Lá lành đùm lá rách*”, “*Thương người như thể thương thân*”.. Ở cái tuổi chúng tôi, khi còn nhỏ, làm một điều gì không phải, thí dụ như vào vườn nhà hàng xóm lấy trộm quả khế, quả ổi, là bị ông bà mắng: “Làm thế phải tội chết!”. Trẻ cãi lại: “Có ai biết đâu ạ”. Bà nội thủ thỉ: “Sao lại không ai biết hả cháu. Có trời biết, có đất biết, có quỷ thần hai vai biết chứ!” Cứ thủ thỉ thế mà rồi trẻ thành sợ, không dám làm điều xấu nữa.

Kinh Phật dạy: hãy làm mọi điều tốt, sẽ nhận được quả tốt. Ở Hà Nội trước đây, tôi còn nhớ, hồi nhỏ, vào mùa hè, các nhà hàng phố đều để trước cửa nhà một nồi nước chè tươi có chiếc gáo dừa cán dài, hoặc nồi nước vôi với chiếc bát dền ném không vỡ. Người đi qua đường khát thì uống. Không phải trả tiền. Người

người đua nhau làm việc nhân đức. Tiếc rằng, bây giờ không thấy nữa.

Chùa chiền ở đất Thăng Long – Hà Nội mật độ nhiều nhất trong cả nước. Một triết gia nào đó đã nói một câu rất đáng suy nghĩ: *“Có thêm một nhà thờ có nghĩa là bớt đi một nhà tù”*.

Quả vậy, nếu con người không còn tin gì cả, không còn sợ gì cả, thì nó trở thành độc ác. Lúc ấy nó chỉ là con-thú-người trong sinh hoạt giới tự nhiên cùng trăm nghìn những loài thú khác. Chính chiều sâu tâm linh làm con người trở thành Người khác hẳn với con thú. Nó chính là cái trục xuyên tâm đã làm nổi hình khối lên, chuyển thế giới từ hình học dẹt sang hình học không gian ba chiều, một sự biến chuyển về chất vậy.

Tháng 11 – 1997

NHỮNG CON CÁ CỜ

Truyện ngắn

Hàng năm, cứ vào dịp hè là khu nhà tập thể này lại âm ỉ lên được một dạo. Ấy là nhờ có lũ trẻ con. Lũ trẻ con từ khắp các miền quê khác nhau theo bố mẹ ra Hà Nội nghỉ hè, đến ở trong khu nhà gồm toàn những hộ độc thân này. Một bọn lau nhau với những bộ quần áo cộc cộn, ngả màu cháo lòng suốt lượt, trông đứa nào cũng có vẻ rứt rề, ngơ ngác. Thằng hoặc có một vài đứa ngổ ngáo thì cũng chỉ là cái ngổ ngáo nhà quê – vừa chân ướt chân ráo đến buổi sáng, buổi trưa đã có thể tót lên vắt vẻo trên ngọn cây bàng trong sân, nhưng hễ có việc cần qua đường phố lại nhón nhác mắt trước mắt sau, chỉ chực va vào dòng xe cộ ngược xuôi không ngớt.

Mùa hè năm nay, Chát cũng đưa vợ con ra nghỉ trong khu tập thể. Cả khu nhà có hai cái “buồng hạnh phúc” thì hai cặp vợ chồng khác đã đến ở trước, nên người bạn cùng phòng với Chát phải tạm “sơ tán” sang phòng bên, để Chát có thể kê ghép hai cái giường cá nhân lại với nhau. Vợ con anh ra đây nghỉ có vài tháng

hè, không ăn đời ở kiếp gì nên cái sự chật chội cũng không đáng ngại.

Vợ Chất là một người đàn bà hiền lành, ít nói và có vẻ hơi chậm chạp. Chị quanh năm sống ở một vùng quê rất hẻo lánh, rất xa Hà Nội – cái vùng mà theo Chất là rất ít ánh sáng văn hóa rọi tới! Ở một nơi như vậy, kẻ khôn ngoan cũng còn là ngu ngơ so với chốn thị thành, huống chi người bản tính thật thà chất phác. Có lẽ chính vì thế mà hè năm nào, Chất cũng cố gắng thu xếp cho vợ con ra nghỉ ở chỗ mình ít ngày.

Thằng Quang - con Chất, mới tám tuổi, làm quen với bọn trẻ rất nhanh. Nó chơi với cả bọn khá vui vẻ và... biết điều. Một phần do nó cũng là trẻ con nông thôn như những đứa kia, phần nữa, do cung cách ăn ở sinh hoạt của bố nó cũng giống hệt như những người lớn khác trong khu này - họ là bạn đồng nghiệp của nhau đã hàng chục năm, hàng vài chục năm, nhiều người tóc đã ngả màu mà vẫn còng cọc một cái xe đạp cũ, một cái giường cá nhân, một cái bếp dầu..., và căn bản là không khi nào to tiếng! Trong sân khu tập thể, suốt ngày người lớn đi làm vắng và suốt cả những buổi tối mất điện không được xem ti-vi, lũ trẻ la hét, chạy huỳnh huyếch, leo cả lên hiên nhà và bám lưng lẳng ở đấy như những cọn dơi. Thằng Quang không biết trèo nhưng rất giỏi câu cá. Ở giữa sân khu nhà - vốn là một tòa biệt thự cổ hai tầng được cải tạo và mở rộng, vẫn còn một cái bể xi-măng hình bầu dục khá lớn, giữa bể là hòn non bộ và trong bể lúc nào cũng lừng lững một lớp nước lưu cữu, đen sẫm như mực. Những chú cá cò sống trong đó, có vẻ sặc sỡ, nhưng lại ngù ngờ và ngốc nghếch hơn nhiều so với đồng loại sống ở nơi thông thoáng. Chỉ cần một sợi chỉ, một mẩu dây phanh xe đạp uốn thành lưới câu, vài hạt cơm nguội, Quang đã có thể một loáng bắt sống được năm, sáu

chú. Rửa sạch một cái lọ thủy tinh, đổ đầy nước vào, thả các chú cá vào đó là chúng có thể sống và bơi lặn quăng.

Chất thấy con chơi ngoan, cũng bớt dần đi sự coi sóc, nhắc nhở hay quát nạt. Anh cảm thấy yên tâm, và cái ý định đưa vợ con đi chơi đây đó mỗi nơi một tý cho mở mang tầm mắt cứ nhạt dần. Ngại, rất ngại. Ban ngày bận bù đầu lên ở cơ quan. Buổi chiều về, mâm cơm dọn sẵn, vợ con sạch sẽ phởn phơ thế kia là tốt lắm! Áo quần, xe pháo dắt díu nhau ra đường làm gì nữa cho thêm bụi và thêm mệt? Cái nếp sống không riêng gì của Chất, cái nếp sống của cả khu tập thể này xưa nay vẫn là như vậy, luôn luôn coi sự yên ổn, chừng mực làm trọng.

Nhưng thằng Quang và bọn trẻ thì không. Tất cả mọi trò chơi, dù hấp dẫn đến đâu, chúng cũng rất mau chán. Chúng dần dà phát hiện ra khu nhà này quá chật hẹp, chật hẹp tới mức thuộc lòng từng chỗ đặt vòi nước, từng cống rãnh, từng gốc cây và mọi xó xỉnh khác. Ngay đằng sau khu nhà là Hồ Tây, một mặt nước rộng mênh mang và ngằn ngặt xanh. Nhưng lũ trẻ chưa tìm được cách chui qua cánh cổng gỗ để có thể nhảy tùm xuống đó mà vùng vẫy.

Đợt nghỉ hè sắp hết. Trưa nay bọn trẻ ngồi vạ vật với nhau dưới gốc bàng. Máy quẩy truyện tranh nhàu nát vứt lẫn lóc bên cạnh. Lăn lóc những xác máy bay, tàu chiến giấy. Một thằng bé trong bọn có tiếng là ngoan, con ông phó tiến sĩ kính trắng lưng gù ở bên cạnh phòng bố Quang, đã bỏ về từ nãy, đang giở sách ra ôn tập hè. Nó có cái dáng ngồi cần mẫn, nghiêm chỉnh hết như bố. Thằng Quang đột nhiên quay mặt đi nơi khác. Nó sực nghĩ đến lúc phải theo mẹ về quê, phải tiếp tục đến trường. Chưa bao giờ nó thấy sợ và ngán sách vở đến như vậy.

Ngoài kia phố xá vẫn ồn ào. Leng keng tiếng chuông tàu điện

và âm âm ô-tô chạy. Những quả bóng bay đủ màu sắc... Những que kem ngọt lịm và mát lạnh... Công viên, mặt hồ xanh, chiếc xuồng máy lao vun vút tung bọt trắng... Vườn bách thú, nào sư tử, hổ báo, cá sấu, đại bàng và khỉ, đủ mọi loại khỉ... Thành phố rộng lớn còn biết bao nhiêu điều mới lạ, kỳ thú nữa mà nó chưa biết.

*

* *

Buổi tối lại mất điện. Điện hồi này tập trung dành cho việc chống hạn, đôi khi không thông báo trước mà vẫn cứ cắt. Mất điện thì cái hội tổ tôm của Chất không hoạt động được. Vắng đi tiếng đập bàn, tiếng xuyt xoa và thỉnh thoảng là một chuỗi cười vỡ ra, làm giật mình những người đi ngủ sớm... Nhưng mất điện thì lại chưa thể đi ngủ ngay. Trời oi ngọt thế này, nghĩ đến việc phải chui vào màn đã vã mồ hôi, còn mong gì ngủ?

Ngọn đèn dầu được thắp lên, đỏ quạch và ngun ngút muội. Năm sáu người đàn ông, không ai hẹn ai, tụ tập lại trong một căn phòng, vừa nằm vừa ngồi lổ nhố. Ấm chè đã tàn, phích nước sôi nhắc lên đã nhẹ bỗng, mấy cái chén uống nước lỏng chỏng bốn góc bàn. Những câu chuyện cũng ông chẳng bà chuộc bởi đề tài quá quen. Lương bỗng, cất nhắc, vật giá leo thang, trẻ con hư hỏng vì người lớn...

– Các ông có biết không? Lão Q. bị kỷ luật, không phải chỉ vì mấy cái tội ấy đâu nhá!

Trong im lặng bỗng một người nào đó reo lên như vậy. Câu chuyện đổi hướng, những cái bóng người bất động bắt đầu cựa quậy. Không ai ngồi đây còn lạ ông Q. - vị thủ trưởng cũ của họ. Ngoài thói quan cách, độc đoán, trù úm người này người nọ, kéo bè kéo cánh gây mất đoàn kết, ông còn mắc cả cái tội tầm thường

mà những người tầm thường lại rất ít khi mắc, vì nhiều lẽ... Một cô nhân viên phục vụ so với ông còn quá trẻ. Một buổi trưa, trong giờ nghỉ, ngay trên chiếc bàn làm việc trong căn phòng dành riêng cho ông... Cửa đáng tội, cái chuyện trăng hoa ấy là người ta đồn thế, chứ nào có ai bắt tận tay day tận mặt. Nhưng mà người ta tin. Cũng giống như trước đây, khi ông còn đương chức, người ta vẫn tin nhất cử nhất động của ông.

Cái người ban nãy đột nhiên reo lên trong căn phòng yên lặng là reo lên chuyện ấy. Lại tranh cãi rất hăng. Ngọn đèn dầu được khêu to thêm, càng ngun ngút muối. Bóng những cái đầu ngả nghiêng, những cánh tay khua khoắc trên tường nhà. Chát cũng tham gia mạnh mẽ. Đạo đức hay là vô đạo đức? Đủ mọi thứ tiêu chuẩn được đưa ra. Đủ mọi thứ lý sự xoay như chong chóng. Chát dường như đã đi quá xa, chính mình cũng không còn tin lắm vào những điều mình đang nói.

Ôi ôi! Thành thực hay là giả dối? Cái cô nhân viên phục vụ kia, giờ đã ngoài ba mươi rồi, nhưng trông vẫn còn duyên dáng lắm. Mới đầu giờ làm việc ngày hôm qua, khi mang phích nước sôi đến phòng Chát, cô ta còn mỉm cười với anh. Bỏ cái nón mới mua trên đầu xuống, cô ta nài nỉ anh kẻ họ tên cô ta lên đó. Chữ Chát chả có tiếng là đều tăm tắp mà. Nhưng không hiểu sao, Chát chỉ kẻ được mấy chữ xô lệch và nghiêng ngửa. Hơi thở của cô ta ngay bên cạnh, và cái thứ mùi rất đàn bà từ tóc, từ áo quần, da thịt của cô ta cứ tỏa ra như giăng bẫy anh. Cô ta vùng vằng cầm lấy nón, nhưng lại nhăn mũi lại một cách rất đáng yêu. Một hy vọng mơ hồ chợt le lói... Một ý nghĩ gần giống như sự phản bội không sao cưỡng lại... ấy là sự so sánh ngầm ngầm... Những lần ăn nằm với vợ gần đây... Dường như ở vợ Chát đã cạnh hương hoa, đã cạnh sức cám dỗ mê muội vốn có ở một người đàn

bà khỏe mạnh. Sau những lần như vậy, Chất ngạc nhiên thấy mình tỉnh táo một cách kỳ lạ. Thậm chí còn có thể chui ra khỏi màn để rít một hơi thuốc Lào... Vậy thì buổi sáng hôm qua, được người đàn bà đẹp và rừng rục ấy cười với mình, Chất đã thêm khát - mặc dù biết cả đời cũng không dám đi xa hơn cái sự thêm khát vụng trộm ấy - thì có gì lạ? Chất là một con người. Vị thủ trưởng kia cũng là một con người. Và ông ta...

Chất thở dài, ngao ngán nhìn xung quanh. Câu chuyện đã cũ mèm, đã xảy ra từ những mười năm trước mà bây giờ vẫn còn gây ra những cuộc tranh luận đầy rẫy những lý lẽ cao siêu? Nó có vẻ giống như cổ bài tổ tôm vẫn làm náo động các buổi tối, cổ bài đã dùng quá lâu, những quân bài mòn vẹt cả bốn góc, đen sạm lại, bọt trắng đi rồi lại đem sạm lại, mỗi lần cầm lên tay lại thấy bốc lên một thứ mùi hôi hám và mục ải...

Ngọn đèn trong phòng vẫn đỏ quạch. Đêm nay chắc sẽ mất điện cho tới sáng. Cái nóng mỗi lúc một tăng. Không khí như ngưng đọng trong căn phòng. Ai vừa hút một điếu thuốc Lào, búng khói đặc như sữa, lơ lửng, lơ lửng mãi chưa chịu tan. Cảnh tượng giống như trong một toa tàu. Một toa tàu đã ngừng lại từ lâu lắm. Mà sao khu tập thể tối nay im ắng một cách lạ lùng như vậy?

– Các anh ơi, bọn trẻ con!...

Vợ Chất bất thần xuất hiện ở cửa, và tiếng kêu hốt hoảng của chị làm căn phòng lặng đi trong một giây. Một giây đủ cho họ nhận ra: lũ trẻ con đã biến mất! Bất ngờ và kinh hoàng. Ngọn lửa đèn chao nghiêng. Mấy người nằm bật dậy. Cái điếu cày bị chân ai đá phải, lăn lách cách. Quát tháo, la gọi, chân người chạy. Khóa xe đạp mở...

Khu tập thể, vì lũ trẻ con, lại một phen nháo nhác.

Lũ trẻ đi thành hàng dọc, trên vỉa hè.

Đi đầu là những đứa bé nhất - mỗi đứa níu chặt tay một đứa lớn hơn. Đích thân “thủ lĩnh” của cả bọn, một thằng bé chừng mười hai tuổi, rấn rỏi trong cái dáng cao ngồng và mái tóc đỏ cạch trên đầu, đi sau cùng. Thằng này có thể một mình từ nhà quê lên đây với bố, qua một chặng đường dài bằng tàu hỏa, rồi xe điện, cuốc bộ trên những đường phố ngoắt ngoéo và xa lạ của Hà Nội mà không hề sợ lạc.

Chúng đi, lặng lẽ và hồi hộp, như một đoàn thám hiểm.

Không nói cho bố mẹ biết, bởi vì nói ra thì chắc chắn sẽ bị ngăn cản. Người lớn hay sợ hãi đủ mọi thứ chuyện.

Phố đông người quá. Toàn những người lạ. Họ đi lại nhón nhác, vội vã. Xe cộ phóng vun vút. Hình như ở một nơi nào đó có một điều gì rất quan trọng, rất to tát đang chờ đợi họ. Không ai để ý tới bọn trẻ. Có một vài chú công an ngoái nhìn theo chúng, nhưng lại quay đi ngay vì nhận ra những bộ quần áo và những dáng điệu hiền lành.

Trong cái tập thể trẻ con này cũng có một kẻ “đào ngũ”. Đấy chính là thằng con ông phó tiến sĩ. Đi được một cây số, thằng này đã tụt lại sau. Nửa cây số nữa, nó dừng hẳn lại và tuyên bố: bỏ cuộc. Hình như nó cho rằng cứ tiếp tục a dua với lũ trẻ này thêm đoạn đường nào thì cái đức ngoan ngoãn của nó - đã được người lớn thừa nhận - sẽ bị rơi rụng đi một ít.

– Quay lại! Không tao bán!

Hoàn toàn không đùa, “thủ lĩnh” chìa ngón tay trở làm súng vào bụng thằng con ông phó tiến sĩ và ra lệnh.

– Mày không có quyền. Chúng mày không muốn học, thích đi lêu lổng thì cứ việc...

– Này, ông cụ non, đừng có láo! Không học mà chúng ông lại biết cá cờ là cá cờ. Chứ không nhầm là cá vàng như mày. Nhưng thôi, sợ thì chuẩn đi. Nhưng nếu mày mách với mọi người là chúng ông trốn đi thì... - “Thủ lĩnh” không ngần ngại biến khẩu súng thành cái kim, xoắn ngay vào tai thằng kia một cái nghiêng cả người – nhớ đấy, cú!

Sự việc vừa diễn ra không làm cho bọn trẻ mất hứng thú, trừ thằng Quang. Nó tiếp tục đi ở gần giữa hàng, im lặng, vừa ghét thằng quay về, vừa sợ thằng cầm đầu. Giá không có chuyện đó thì vẫn thích hơn.

Bọn trẻ đã đi được khá xa, qua nhiều nơi mới chỉ nghe nói đến trong sách vở. Chúng cứ đi mà không cần phải có sự chỉ dẫn nào hết. Lăng Bác Hồ, chùa Một Cột, chợ Đồng Xuân, hồ Hoàn Kiếm... Và bây giờ, tất cả bỗng dừng sững lại trước một tòa nhà cao lớn và rực rỡ như một tòa lâu đài. những tòa lâu đài trong chuyện cổ tích có lẽ cũng chỉ đẹp đến thế.

– Cung thiếu nhi!

“Thủ lĩnh” hét lên bằng một cái giọng nghe rất lạ - nửa như thần phục, nửa như coi thường. Và nó thọc hai tay vào túi quần rộng thùng thình, ngênh mặt nhìn tòa nhà vừa ngạo ngược vừa ngốc nghếch.

Thằng Quang ngồi thụp xuống hè, vì hồi hộp hơn là vì mỏi. Cái thiên đường trẻ con có thật ấy đang ở ngay trước mặt nó, chỉ cách một hàng rào bằng sắt.

Những cầu trượt, cầu bập bênh, đu quay - cả một vòng quay khổng lồ chạy bằng điện, chở những đứa trẻ con trên ô-tô, máy bay, tàu vũ trụ và những con thú hiền như đất. Những chiếc ghế

đá xinh xinh, êm ái và mát lạnh. Một vườn hoa chỉ chít những bông hoa tươi tắn dưới ánh điện xanh như nước mưa. Những câu chuyện thú vị và bí ẩn chắc chắn đang diễn ra trong căn phòng có những cánh cửa sổ mở rộng trên tầng hai. Căn phòng sáng xanh. Một cô bé mặc áo váy xanh đang nâng cây đàn lên ngang mặt, má tì lên hộp đàn, tay kia đưa nhẹ. Thăng Quang không biết tên gọi của cây đàn, nhưng tiếng đàn thì nó nghe như nuốt lấy. Khi cô bé bỏ đàn xuống để sửa lại cái nơ trắng cài trên tóc, một thứ tình cảm mơ hồ chợt làm se thắt trái tim thăng bé. Nó đoán cô bé chỉ bằng tuổi nó. Nó không ghen tị. Nhưng nó thêm muốn...

– Muộn rồi, về thôi! Xem thế chưa chán à?

Cùng với câu hỏi vang lên, một bên tai thăng Quang bị xoắn lại đau điếng. Khuôn mặt thăng “thủ lĩnh” chập chờn, nhăn nhó. Đòn trừng phạt của nó lần này không trúng đích. Thăng Quang vùng dẫu ra, lùi ngay lại, đôi mắt nó dại đi. Nó hét to, lạc cả giọng:

– Cút đi! Tao không thêm đi với mày nữa! Không thêm!

*

* *

Còn lại một mình nó, trên đường phố. Lòng tự ái, nổi giận dữ đã nguôi giảm. Bây giờ thì nó sợ. Phố xá về đêm càng có vẻ lạ lẫm. Nó không nhận ra một tín hiệu quen thuộc nào trên đường nhưng vẫn cứ đi, cho đến lúc biết chắc rằng mình đã lạc.

Thăng bé cảm thấy chán nản vì những đường phố rất giống nhau. Nhưng ở mỗi xó tối trước mặt nó đều có thể xảy ra những chuyện bất ngờ khiến nó hốt hoảng. Và thể nào rồi bố nó cũng tìm thấy nó...

Rằm trung thu năm ngoái, bố nó về nhà nghỉ phép. Nó vùi bố làm cho một cái đèn ông sao. Nhưng không biết vì sao bố nó

không chịu làm. Gần đến tối rước đèn, thằng bé uất ức bỏ trốn sang nhà bà ngoại cách xa đến mười cây số. Sang ngày sau bố nó tìm đến. Cầm chắc được ăn mấy cái bạt tai. Nhưng không. Ông con rể ngượng với mẹ vợ - cả năm về phép được mười ngày mà nằm bẹp ở chỗ vợ hàng tuần chưa thêm vác mặt đến. Bố nó chỉ lấy mấy ngón tay nâng cằm nó lên, nhìn vào mặt, cười: “Mày có trốn lên giời!”.

Bản năng xúi giục thằng bé trong đêm phải tìm tới chỗ đông người. Nó mừng rỡ dừng lại trước cửa ga tàu hỏa rồi vội tìm một chỗ điện sáng ngồi nghỉ. Những người đang chờ tàu nhìn nó dò xét, nghi ngại. Mấy bàn tay bất giác giữ chặt hơn quai ba-lô, miệng túi xách. Thằng bé vừa hãi sợ, vừa bực tức, liền tìm một chỗ ít người hơn và tối hơn.

Bây giờ thì thấm mệt. Nó ngồi tựa đầu vào một chiếc cột đá, nhắm mắt lại.

Vắng đến từ xa một tiếng đàn, ban đầu còn bị át đi bởi tiếng còi tàu, tiếng người gọi nhau í ới, tiếng một chiếc xe tải âm âm chạy. Nhưng tiếng đàn rõ dần, rõ dần. Một tòa lâu đài lộng lẫy. Không phải những chiếc bóng điện sáng bình thường, mà là cơ man những chiếc đèn ông sao. Những ngôi sao hồng hồng, xanh biếc phới phới bay... Cô bé mặc chiếc áo váy màu xanh đứng đợi cậu bé ở chân cầu thang. Cô mỉm cười, chìa bàn tay trắng trắng xinh xinh của mình ra cho cậu. Tay kia cô bé vẫn cầm đàn - cây đàn có âm thanh kỳ lạ mà cậu chưa biết tên. Cậu bé nắm chặt miệng chiếc túi giấy bóng, bên trong sóng sánh nước và những con cá cò. Bàn tay xinh nhỏ và cái bóng áo xanh huyền ảo luôn luôn ở phía trước mặt. Những bậc thang bằng đá loang loáng sáng. Rất nhiều trẻ con. Ở đây toàn là trẻ con. Lên cao, lên cao nữa. Chân cậu bé ríu lại, và tim đập, tim đập, tim đập...

Một giọt nước mắt ứa ra, lăn chậm trên má thằng bé. Người cảnh sát khu vực tần ngần hồi lâu, rồi quả quyết đưa bàn tay rắn chắc của mình ra nắm lấy vai nó, lắc nhẹ.

*

* *

Chất thất kinh, đã điên tiết văng tục cả với vợ, đã hoang mang vì đủ các thứ mẹ mìn ám ảnh, và bây giờ, khi đã tìm thấy con thì cổ anh lại ứ lên một nỗi cău giận không để đâu cho hết. Anh gần như quẳng thằng bé lên chỗ ngồi sau xe đạp, rồi mặc kệ vợ vừa khóc vừa đi bộ từ đồn công an về nhà, nhảy lên xe phóng như điên.

Thằng Quang không đủ thì giờ để bình tĩnh lại và sợ hãi. Quả thật thằng bé đã không sợ hãi, kể cả khi bị ngọn roi đầu tiên quất vào đít đau quắn lên. Đôi mắt mở to, nó nhìn khuôn mặt hốc hác và đầm mồ hôi của bố. Vẻ mặt ấy như muốn nói: nó đã hư đến mức không thể tha thứ được. Nó không biết như vậy có đúng không? Nhưng chắc là bố nó, những người lớn và cả những đứa trẻ đã từng là đồng bọn với nó đang nhao nhao ở ngoài cánh cửa kia không hề biết giấc mơ ban nãy của nó.

Chất lại vung roi lên, trong tiếng ồn ào can ngăn của mấy người đứng ngoài. Và lần này thằng Quang bỗng giật thót người. Không phải vì bị ăn đòn, mà vì một vật gì đó vừa vỡ choang trên nền nhà. Mấy giọt nước lạnh vào chân nó. Trời ơi, cái lọ thủy tinh, cái lọ thủy tinh nuôi cá cừ...

Chất đã hất đổ cái lọ thủy tinh từ trên bàn xuống đất.

Theo phản xạ tự nhiên, thằng Quang sụp ngay xuống. Bấy giờ mới thấy nó khóc. Nước mắt thằng bé trào ra, trào ra, rơi xuống và hòa tan ngay vào vũng nước đang loang rộng trên nền nhà. Những con cá cừ quẫy quẫy. Một bàn tay thằng bé xò ra.

Những ngón tay run rẩy, thận trọng nhặt lên từng con cá vô tội.

Chất bàng hoàng nhìn cảnh tượng đang diễn ra trước mắt. Những ý nghĩ thoáng nhanh trong đầu. Ngọn roi của anh. Nỗi lo lắng của anh. Những điều bận tâm của anh, của mấy ông người lớn trong khu tập thể. Tất cả những thứ đó bỗng trở nên vớ vẩn, vô nghĩa đến thảm hại trước sinh mệnh của mấy con cá nhỏ.

Thằng bé đứng dậy, không nhìn bố, khe khẽ mở then cửa. Nó rón rén đi ra ngoài, về phía bể nước có hòn non bộ. Nhưng bất ngờ nó dừng lại và đổi hướng, hấp tấp chạy ù ra sau nhà. Chất sục tĩnh, lao vút theo, rơi mất cả roi. Không hiểu bằng cách nào, thằng bé đã lọt ra ngoài cánh cổng gỗ. Một chút nữa thôi, một chút nữa là những chú cá này có thể chết vì mắc cạn. Thằng bé từ từ thả nhẹ bàn tay đựng cá xuống. Nước Hồ Tây mát lạnh. Những con cá vùng bơi đi.

Thằng bé hớn hử một cách rất trẻ con, quay nhìn mọi người đang lơ nhố bên trong cánh cổng gỗ.

Cho đến nay, những con cá cờ ấy vẫn còn sống. Chúng may mắn không phải luẩn quẩn trong bể nước dưới chân hòn núi giả. Lòng hồ mệnh mông...

1985

CÂY ĐA PHỐ TÔI

Ở giữa phố Hàng Gai của tôi có một cây đa cổ thụ, không rõ nó đã có ở đó từ bao giờ (có lẽ phải lâu lắm rồi, thậm chí từ thế kỷ trước cũng nên), chỉ biết rằng tuổi thơ của tôi có nhiều kỷ niệm gắn bó với nó, như thể nó là một người bạn thân thiết lưu giữ mãi mãi những vui buồn một thời trẻ con của lũ chúng tôi.

Cây đa cổ thụ thân rất to, nhưng lại khuất chìm phần lớn vào phía trong một ngôi đình mà trước đây được gọi là đình Cổ Vũ. Từ nhiều năm nay, ngay dưới cái bóng rợp hào phóng của cây đa, ngôi đình đã trở thành một lớp mẫu giáo ngày ngày đón bao nhiêu bé trai bé gái xinh xắn đến học. Tán cây đa rất rộng, những ngày hè oi ả nắng chang chang đi đến đây, người ta thường dùng chân chốc lát để nghỉ ngơi dưới bóng râm trải khắp một đoạn phố của nó. Lại nhớ cái thời còn tàu điện chạy qua phố tôi, những ngày lễ lớn, tàu dừng ngay bên gốc đa mặc dù chưa đi đến bến, để bao nhiêu người từ tỉnh lẻ lần đầu tiên lên thủ đô đổ xuống, hưởng chút thanh bình hiếm hoi mang nét thôn quê của cây đa cổ thụ giữa chốn phố xá náo nhiệt, để rồi họ tiếp tục đi bộ ra xem hồ Gươm chẳng đèn kết hoa thế nào. Thật đáng quý làm sao sự bao dung của thiên nhiên đối với con người!

Suốt những năm cô bé con lớn lên cùng sự già cỗi dần đi của cây đa, tôi và lũ bạn đã có bao nhiêu trò chơi diễn ra bên gốc đa. Dịp giáp tết, chúng tôi xin bố mẹ những mảnh lá dong bé xiu, một nhúm gạo, nhúm đỗ xanh gói cái bánh chưng chỉ bằng bao diêm bỏ vào cái ống bơ sữa bò rồi cũng đổ nước vào nồi lửa luộc bánh. Lửa cháy leo lét từ những cái lá đa, giấy vụn và cả que kem mà mỗi đứa phải nhặt đủ 10 cái theo phân công. Khi bánh chín, ăn thì chẳng được nhưng chúng tôi vẫn rất hả hê vì đã làm đúng quy trình về gói – luộc bánh như người lớn, rồi chúng tôi tập trung tất cả nhiên liệu có được từ mọi nguồn để đốt lên một đồng lửa to ngay bên gốc đa. Lại vùi vào đó ngô, khoai để khi tưởng là nướng chín rồi lấy ra ăn thì hóa ra nó đã cháy thành than. Thế là hết tranh nhau lại thành cãi nhau, mà chẳng chịu giải tán. Một đứa kể chuyện ma. Trời tối đèn đường mờ, gió bắc hun hút, cây đa trở nên đen sì và xào xạc bí ẩn, lửa lại bập bùng khiến có đứa nhát gan kêu ầm lên.

Đến mùa hè, cứ sáng ra đi học qua gốc đa chúng tôi lại cúi tìm nhặt cho bằng hết những búp đa rụng từ trên cây xuống. Lấy móng tay tách thật nhẹ lớp màng mỏng ra rồi phồng mồm thổi xem đứa nào có cái búp đa to nhất và làm không bị rách. Trưa về, lại nhặt, và ngược nhìn lên cây cố tìm giữa màu xanh của cành lá có búp nào đỏ chói mập và dài nhất để “xí phần”, có khi là đứng chờ một cơn gió lớn để nó rụng xuống. Hẹn hò rủ nhau đi học cũng lấy cây đa làm chuẩn. Vì cây đa ở gần đúng giữa phố nên chúng tôi chia ra hôm nay bọn bên này cây đa đi rủ bạn xuôi về Hàng Trống, hôm sau bọn bên kia cây đa làm ngược lại hướng về Lương Văn Can để đến trường ở phố Nhà Thờ. Nếu qua phố Hàng Trống đến trường thì hai bên hè cũng có nhiều cây to, kể cả cây có quả ăn được, vậy mà chúng tôi khẳng khái chỉ yêu cây đa phố mình nhất.

Những ngày tháng năm phải ôn thi học kỳ, bọn con trai có chỗ học lý tưởng là trèo lên ngói vát vẻo trên một cành đa nào đó, vừa mát vừa được hưởng gió trời vừa yên tĩnh (vì phố tôi xưa đâu có ồn ã nhiều xe cộ như bây giờ) trèo lên tận những cành cao cũng rất dễ vì có nhiều mái nhà nâng đỡ. Những lúc ấy, bọn con gái chúng tôi từ ban công các nhà xung quanh cây đa lại nhìn bọn con trai mà thèm thuồng được tự do leo trèo như thế. Chúng tôi í ới gọi nhau, hẹn nhau mỗi đứa học kỹ vài câu để khi cần còn có chỗ “cầu cứu”. Nhiều khi, chẳng thấy học đâu, bọn con trai tụ tập lại một chỗ trên cây, hò hát âm ỉ. Người cầm chịch những buổi văn nghệ “cây nhà lá vườn” ấy thường là cậu Tùng – con trai diễn viên điện ảnh Cao Khương. Ấy thế mà chúng nó toàn hát những bài “xịn” hồi đó, những bài nổi tiếng của “Boney M” học lỏm từ cái máy quay băng cối cổ lỗ. Nếu không hò hát thì lại đuổi nhau. Trên cây mà chúng nó chạy thoăn thoắt, và đứa nào nấp thì khó tìm ra vì cây rậm rịt lá. Chúng tôi rất phục sự nhanh nhẹn và ăn ý trong một trò chơi của Tuấn và Hiến, lúc bấy giờ được gọi là Đầy-a-nốp và Bôm-bốp, giống như hai nhân vật trong phim “Trên từng cây số” của điện ảnh Bun-ga-ri được chiếu trên ti-vi đạo ấy... Những trò ma lanh nghịch ngợm của bọn trẻ con chúng tôi đã nhiều phen làm các bậc phụ huynh phải đau đầu.

Rồi chúng tôi cũng qua cái tuổi trẻ con. Lên cấp ba, bài vở nhiều hơn, tôi thường phải thức khuya để học. Những đêm như vậy, để thư giãn, thỉnh thoảng tôi bước ra sân, ngược nhìn lên bầu trời đầy sao, thấy hình như có cây đa chú Cuội trên cung trăng thật, và ngỡ như đó là cây đa phố mình bay lên. Nhưng không, trên nền sân sáng ánh trăng, vẫn có lốm đốm những vệt đen hình chiếc lá từ cây đa gần nhà soi bóng xuống. Mùi hương hỗn hợp của trời đêm giúp tôi lấy lại sự thăng bằng cần thiết để tiếp tục chiến đấu với những hình vẽ nhằng nhịt cho đến khi

nghe tiếng chuông tàu điện buổi sớm leng keng khua cho gà gáy, chó sủa mới lăn ra ngủ thiếp đi.

Giờ đây, là một cô giáo, tôi lại dạy lớp học trò lớn lên trên con phố có cây đa cổ thụ ấy. Bên gốc đa sù sì có những cái râu dài đến mức tôi chỉ với tay là đu được lên, bọn trẻ con bây giờ không chơi những trò chơi như thời chúng tôi. Chúng có trò chơi điện tử, đầu viêô và máy hát Karaoke... cả phố tôi nữa, giờ cũng không còn như trước. Phố Hàng Gai thời Hà Nội cổ chuyên bán dây gai, thùng, chảo, sau chuyển sang bán sách, là nơi lui tới của nhiều anh đồ, thầy khóa, nay là phố của các hàng lụa tơ tằm, hàng dệt kim và đồ mỹ nghệ. Vì thế, nhiều khách ngoại quốc qua lại nơi đây, và đôi khi tôi bắt gặp vẻ mặt thích thú của họ khi ngắm nhìn cây đa cổ thụ rồi giơ máy ảnh lên chụp. Bóng mát của cây đa vẫn hào phóng với tất cả mọi người, từ chị bán hàng rong đến em nhỏ đánh giày, từ ông tây tóc vàng mắt xanh đến cô gái quê chỉ duy nhất một lần đặt chân tới thủ đô... Người dân Hàng Gai vẫn coi cây đa bên mái đình cổ là nét đặc trưng thân thương của phố mình.

Và tôi nữa, đã rời khỏi Hàng Gai đi làm dâu nơi khác, vẫn chẳng thể nào quên tuổi thơ của mình trôi đi êm ả bên mái phố cùng gốc đa cổ thụ vững chãi, như một điểm tựa quá khứ. Thành phố đang thay đổi từng ngày, dự án cải tạo phố cổ cũng đang được thực thi, tôi chỉ ước ao sao cây đa của vành đai khu phố cổ này vẫn còn nguyên đó như một chứng nhân lịch sử của Hà Nội mến yêu.

CÒ ĐẬU CÀNH MỀM

Truyện ngắn

Chỉ còn ít ngày nữa là hết tiết Đông. Dọc đường chốc chốc lại bắt gặp mấy chiếc xe đạp buộc cành đào. Cụ Lê tính đạp thêm một chuyến xích lô nữa rồi về nhà nghỉ. Trên xe là một cô gái có đôi môi màu son Hàn Quốc, tóc chải keo màu nâu. Cô nói chuyện điện thoại di động. Xong. Cô hơi quay cổ, nói:

- Năm nay có vẻ rét nhiều cụ nhỉ?

Cụ Lê thông thả:

- Vâng, nóng cũng nhiều nữa.

Cô gái định nói gì đó nhưng nhận thấy trong giọng nói của cụ Lê không có vẻ bắt chuyện, lại thôi. Sương đã rơi ướt đầm mặt đường, trời càng về chiều càng như thêm lạnh. Đó đây đã lác đác ánh đèn.

Cô gái lại gọi:

- Cụ không biết cháu. Cháu ở xa đến. Đã hai ngày cháu loanh quanh ở khu này, tìm cụ. Hôm nay, chờ mãi mới đón được để đi xe của cụ đây ạ.

Cô gái nhìn cụ Lê qua chiếc gương cô đang giờ ra giả vờ soi, nói tiếp:

- Cháu nghe người ta nói về cụ đã lâu. Có phải cụ biết đến 3 ngoại ngữ, thông thạo dịch...kinh ...Gì ấy nhỉ à kinh dịch... thần... thái ách... Ôi, cụ...Cháu chẳng nhớ được đầy đủ những gì người ta nói về cụ. Nhưng... cụ ơi... Cháu có một người... ông ấy muốn... ông ấy đang gặp hạn nặng.

Cái hăng giọng của cụ Lê làm cô gái ấp úng rồi ngừng hẳn. Cô không dám nhìn cụ qua gương nữa. Cái đỏ mặt của cụ Lê thoảng qua một giây. Cụ đạp từng vòng nhanh hơn mọi khi .Một loáng xe đã đến đường Trần Khát Chân. Ngôi nhà mới xây cầu kỳ cao 4 tầng quét vôi màu vàng. Trên tầng 4 cửa sổ như có đôi mắt nhìn xuống. Cô gái ngược lên bằng quơ một điệu bộ gì đấy rồi bước khỏi xe, rút tờ màu tím Hạ Long đưa cho cụ Lê rồi chào cụ rảo bước. Cụ Lê gọi lại

- Từ trên đó xuống đây, tắc xi cũng chỉ ba chục, tôi gửi lại cô. Tôi còn khỏe lắm, còn kiếm sống được bằng đôi chân này.

- Không, không, tắc xi khác, xích lô khác... cụ... khác... Cháu... chẳng phải là người không biết... cháu...

Cô gái nói như sắp khóc. Cụ Lê tần ngần một lát rồi cầm tiền, nhảy lên chiếc xích lô đạp quay trở lại lối cũ.

*

* *

Cụ Lê lại dong chiếc xe quen thuộc trên con phố quen thuộc như mọi ngày. Con phố có hai hàng cây sao, loại cây có từ bao giờ không rõ chỉ biết khi cụ Lê còn là cậu bé mặc quần cộc đá bóng bằng quả bưởi, cây đã có cành cao, tán rộng. Đến một gốc cây to nhất cụ dừng lại. Lấy hòn gạch đỏ chèn dưới bánh xe, cụ lật cái

đệm xe, lôi trong đó ra tờ “An ninh thế giới” bên trong có cuốn sách dày, cụ ngồi lên đệm lật ra đọc... Một lát, có người thanh niên tiến đến:

- Chào cụ.

- Vâng chào anh. - Cụ Lê khéo léo gấp tờ báo lại kín cuốn sách bên trong.

Cậu thanh niên cười cái cười “Biết hết cả rồi. Cụ đừng giấu cháu”. Cụ Lê mặt thản nhiên hỏi “Anh cần gì, đi Giáp Bát hay Hàng Cỏ ?”

- Cụ... cũng đọc báo Công an ?

- Vâng cái gì cũng đọc...

Cụ bước xuống rồi lật cái đệm xe lên cất tờ báo và cuốn sách.

- Thôi cụ đừng giấu cháu. Cháu đã nghe người ta đồn nhiều về cụ. Cháu đến để phỏng vấn cụ, xin cụ một bài trên báo đây... Sống gần trọn thế kỷ cụ thấy cuộc sống thế nào ạ?

- Thôi xin anh... tôi đập xích lô có gì mà phỏng vấn. Anh có cần đi thì tôi chở, không thì thôi... Phải, kém dăm năm nữa là tròn trăm năm đấy... Nhưng khách đây rồi, tôi còn phải kiếm chút cho cái bụng đã...

- Cụ... xin cụ giúp cháu... không có bài cháu sẽ... cháu... cháu xin trả tiền chuyển xích lô này.

- Cũng không chỉ là tiền... khách quen không đi không tiện. Người ta cũng có việc của người ta. Thôi, cảm ơn cậu, cậu tìm người khác vậy nhé.

Cô gái môi tím đã đến được một lúc nghe câu chuyện của hai người đang định quay đi nhưng nghe cụ gọi cô quay lại. Ngập ngừng nhìn anh chàng phóng viên, cô muốn nói để cụ yên lòng nhưng thấy cụ dứt khoát không tiếp anh kia nên cô bước lên xe.

Xe chạy được một quãng cô gái mới :

- Cháu không ngờ hôm nay lại được gặp cụ nữa.

- Cô người tỉnh khác à?

- Vâng... nghề của cháu... người ta đi đâu thì theo đó... Cháu cũng đã học xong đại học. A.. mà thôi, chắc chuyện ấy cụ cũng chẳng muốn nghe làm gì...

Cô gái im lặng, rồi tiếp tục, nhưng sang chuyện khác:

- Cụ ơi... Người ta bảo sáng sớm hôm nay cò về nhiều lắm hả cụ? Cháu tiếc quá, không được xem.

- Hôm kia nó đã về, cả một bầy từ lúc tỉnh sương nhưng chỉ lượn vài vòng chứ không đậu. Hôm nay thì đậu.

- Thế là điếm gì hả cụ?

Cụ Lê lúc đầu không định trả lời, nhưng cụ thấy im lặng là khiếm nhã

- Còn quá sớm để nói là cái gì... Cứ nhìn cái cách lượn của con đầu đàn thì chỉ thấy là chúng còn hoang mang lắm .

- Cụ ơi... Người ta bảo cụ xem mây trên trời xem cây dưới đất biết được cuộc đời, giải được hạn người. Sao cụ lại... làm nghề xích lô ạ ?

Cụ Lê không trả lời ngay, rút cái khăn vắt ở gióng ngang cụ lau mồ hôi trên cổ trên gáy. Cụ dẫn qua ngã tư cho kịp đèn xanh đến đầu dốc, cụ thả cho xe chạy xuống rồi chậm rãi :

- Cũng như cô ấy. Sao... không tìm nghề khác...?

- Cháu... cũng muốn chuyển lâu rồi mà chưa đủ tiền chạy. Làm nặng nhọc thì cháu không làm được, cứ cố làm thì cũng không năng xuất người ta đuổi sớm, mà làm đúng nghề cháu học thì phải có vốn. Thôi... cụ đã biết thì cháu cũng chẳng giấu... cháu cặp với lão già này là để có chút góp vào cái vốn ấy... Nhưng

lão cũng ghê lắm cụ ạ. Cháu đang tìm cách thoát được lão ấy đây. Hôm qua lão nhìn thấy cụ từ trên cửa sổ. Lão bảo lão cũng đã thấy cụ trên tivi. Lão ấy đang gặp hạn. Bị đấu ghê lắm...

- Thế thì nhảm, đấy không phải tôi. Bạn tôi thôi. Tôi thì...

- Chà... Bạn cụ í ạ. Chẳng lẽ có nhiều cụ già trăm tuổi đi đập xích lô ?

- Thì cũng như cô thôi chẳng lẽ nhiều cô gái có học mà...

Cụ Lê ngừng bật. Cụ ngẫm trách mình lỗ lòi. Cụ không nhìn thấy trên mắt cô gái những giọt nước lăn xuống.

- Thế ông ấy muốn gì ở cô ? - Cụ Lê như muốn chữa cái lỗ lòi của mình.

Cô gái nén lại tiếng thổn thức, giọng như vẻ bình thản nói:

- Ông ấy muốn được chính cụ xem cho ông ấy, vận hạn thế nào cụ dâng sao giải hạn giúp cho... Nhưng ông ấy chỉ cho biết ngày tháng năm sinh chứ không muốn gặp mặt... Ông ấy bảo... ông ấy muốn... ông ấy đưa tiền nhiều nếu cụ...

Cụ Lê lại kéo cái khăn trên giống xe lau mồ hôi ở cổ và ở gáy. Cụ im lặng. Cô gái nói tiếp :

- Ông ấy là một người... mà thôi chắc cụ cũng chẳng cần biết làm gì. Cháu xin cụ, cụ giúp cho cháu. Đây là 2 lá số tử vi. Một cái của ông ấy một cái là giả. Cụ xem cho cả hai rồi... giải quyết cho cả hai, đằng nào thì một trong hai cũng là lão ấy... Đưa một thì lão sợ lộ.

Cô gái lấy ra từ cái túi đeo bên hông hai chiếc phong bì, giở ra cho cụ Lê nhìn thấy. Một cái có 2 lá số, một cái có 3 tờ 100 USD. Không quay người cô với tay ra phía sau đưa cho cụ Lê .

- Cụ cầm giúp cháu. Ông ấy bảo sẽ đưa nữa nếu cụ làm cho ông ấy thắng được lần này. Và sẽ còn đưa thêm cho cụ... suốt

đòi. Cháu chẳng tin lão ta, nhưng cháu cần lão. Cụ giúp cháu. Cụ làm thế nào cho lão ấy đưa tiền cho cháu mà không đòi cháu phải phục vụ lão... Cháu xin cụ. Cháu lạy cụ. Cháu cần tiền lắm...

Trời đã tối hẳn. Cô gái không nhìn thấy khoé mắt cụ Lê cũng long lanh giọt nước.

Cô bước từ trên xe xuống, đứng cúi cúi trước mặt cụ, chờ đợi. Cụ cầm từ tay cô hai chiếc phong bì. Nghĩ ngợi một lúc cụ lật chiếc đệm xe lên lấy ra cuốn sách, kẹp trả lại hai chiếc phong bì vào đấy :

- Cô cầm về đưa cho ông ta. Bảo ông ấy đọc hết cuốn này thì sẽ tự biết phải làm gì. Rồi làm đi. Sẽ thấy thanh thản thôi dù có gặp mệnh hệ gì chẳng nữa.

Cô gái ngập ngừng, chân di di xuống đất. Dưới ánh đèn đường trong sương mờ buổi tối cụ Lê tưởng như đứng trước mặt mình là cô Thanh Mai ngày xưa. Thời trai trẻ của cụ vụt trở lại trong chốc lát. Những chùm mơ vàng rực, hương mơ ngan ngát trong sương đêm... Tiếng trống trường Albert Sarraut báo giờ tan học, cậu Lê đạp xe như bay về chờ cô Thanh Mai đi qua ở gốc cây sao... Cô gái đưa tay ra đón hai chiếc phong bì.

Đưa rồi, cụ thò tay vào túi áo ngực lôi ra một chiếc phong bì khác:

- Ta cho con cái này... Cố mà làm lại đi con gái ạ. Con còn có thời gian để thay đổi số phận của mình .

Nói rồi cụ đẩy chiếc xe về phía trước rồi nhảy lên yên đạp ngược trở lại con đường cũ. Cô gái định chạy theo trả lại cụ nhưng không kịp.

Cô không trở lại ngôi nhà 4 tầng quét vôi màu vàng mà đi về

phía chợ Mơ. Đến chân cột đèn cao áp cô gỡ chiếc phong bì của cụ Lê đưa, bên trong có 10 tờ 100 mẫu xanh như màu của 3 tờ trong chiếc phong bì cô đang có. Cô gục đầu vào chân cột đèn khóc. Có tiếng người hỏi: “Có mua hay bán gì không”. Cô sực tỉnh, nhìn người đàn ông mặc áo cổ cồn như nhìn con vật dại... rồi lắc đầu. Cô gọi xe ôm về bến Kim Mã.

Hai ngày, trước khi đón chuyến xe về An Trạch, cô đã đi gội đầu tẩy sạch màu nâu trên tóc, mua lại những bộ quần áo quen thuộc của quê nhà .

Xe chạy qua phố Lò Đúc lúc trời còn mờ mờ, qua cửa kính cô đưa mắt tìm ông già, bỗng thấy đàn cò thấp thoáng trên vòm những cây sao. Không biết là điếm gì, có phải con đầu đàn đã tìm được chỗ đậu ? “Cụ ơi, giá cụ bảo cho cháu biết rồi đời cháu sẽ thế nào... Xin gởi cho cụ sống trên đời này mấy lần tuổi nữa, xin cho cháu một lần nữa được gặp cụ trong cõi đời.”

Mai là ba mươi. Chợ đầu ô nhấp nhô trong màu sương sớm. Trông có ai giống cụ Lê râu tóc bạc phơ như tiên ông đang phát lộc cho mỗi gánh hàng.

HÀ NỘI TA ĐÁNH MỸ GIỎI

Có cái vẻ như là Hoa Kỳ vừa đánh Hà Nội, vừa thử tài sức và trí lực của Hà Nội. Trong cuộc độ súng độ lửa với giặc Hoa Kỳ, quân và dân thủ đô càng đánh càng phát huy truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc mình. Chắc tay súng, đúng tầm đạn, chiều 5 tháng 5 vừa qua, tất cả cỡ súng Hà Nội có nòng và tên lửa không nòng đã quần cho Mỹ một trận tới bời. Không lực Hoa Kỳ ăn đòn Hà Nội càng phải nhớ đời về trận đánh chiều 5 tháng 5. Trung đoàn Thủ đô trong kháng chiến có truyền thống đánh nhanh giải quyết nhanh trận địa như thế nào, thì chiều đó Hà Nội cũng giải quyết rất gọn các phi đội không lực Hoa Kỳ đang lao chí tử vào trời Hà Nội. Phóng vào tới đâu, đội hình Hoa Kỳ đều bị lửa đạn Hà Nội chẻ ra xé ra, đường bay rối loạn, rồi cút chạy, nếu chưa tan hết từng mảnh vụn. Chợ Ngọc Hà không phải là vỡ chợ, mà chính là xác thù đã vỡ tan trên một buổi chợ chiều: mớ rau, xóc cua đồng, mẹt tôm riu đều nhấp nhánh mảnh vụn đuy-ra F.105. Cô gái trại hàng hoa vút đó cái ô-dòà sắp tưới vườn chiều, cầm vội tay súng, và theo dõi trận mưa đuy-ra đang

phá vườn hợp tác hoa. Đây đó có những bông thược dược huyết dụ bị thương đang bầm sặc, và luống hồng quế vẫn như cười gắt với nắng chiều: “Sớm mai đây, người Hà Nội mua báo tường thuật chiến thắng, kèm với hoa hồng mừng công”. Trận đòn Hà Nội đánh Mỹ ác quá. Vườn hoa, bãi chợ, bãi tha ma, ruộng rau, sân thóc, bờ ao cá, từ lễ đường, từ gác thượng, vút vút lên toàn là đường đạn Hà Nội của cả ngoại nội thành. Mũ rơm, mũ sắt lơ nhố khắp năm cửa ô đang sấm rền tiếng nói phọt lửa của mọi ụ súng bốn phương tám hướng, và mọi bộ phóng đang trấn giữ mọi tầng cao. Súng nổ như đốt pháo Tết ngày xưa, đã châm ngòi là cứ thế mà nổ tiếp sức hết phố Hàng Đào thì sang Hàng Bồ, Hàng Buồm rồi tiếp đến Hàng Ngang và mãi mãi. Trong pháo rền, có những quả đùng lên giọng một cách thật là cao cả. Trên trời có đám mây vàng. Trên giữa trời thượng tầng thủ đô bùng nổ một đám khói năm sặc. Rồi là khắp các mặt hầm hố hào, người ta đều nhảy cẫng mà reo “Trúng rồi!” Biết là thằng Mỹ đã bị trúng tên lửa, một người có vẻ thành thạo: “Khôn hồn nó phải bấm dù vọt ra ngay thì may ra còn sống”.

Chiều tên lửa đó là 26 tháng ba ta, cây Hà Nội đang thay lá đợt cuối cùng để chuyển mùa xuân trên đất Thăng Long. Tuyến lửa Hà Nội chiều 5 - 5 như gây thêm gió bão và kéo thêm lá cây xuống mặt đường phố thủ đô chưa nổi còi báo yên. Trong ba mươi ngàn tám trăm chín mươi sáu gốc cây tươi phố Hà Nội, cây sà cừ Phi châu và cây sấu rụng lá nhiều nhất, giúp thêm chất đốt cho bữa cơm chiều của Hà Nội hôm nay ăn muộn hơn mọi chiều không có tàu bay Mỹ. Lá sấu, lá sà cừ vẫn rụng quanh một cuộc họp của ủy ban Điều tra tội ác Mỹ bị ngắt quãng vì báo động. Giặc Mỹ đã tan chạy, lại họp tiếp. Các nhà thông tin và ngôn luận quốc tế liên xúm quanh một tang chứng mới nhất vừa nhặt được một cách rất kịp thời trên một bãi chợ nội thành. Ấy

là một mảnh tàu bay mang phù hiệu Hoa Kỳ vừa bắn tan ít phút cách đây giữa trời Hà Nội. Mảnh Hoa Kỳ đó chưa nguội hết mùi tên lửa, còn khét nồng mùi chiến trận Hà Nội vừa tạm kết trong ngày. Tất cả những đàn chim bắt sâu bay tán loạn nay đã trở về tổ yên. Tin chiến thắng cho biết là ban nãy Hà Nội ta hạ được 7 chiếc Mỹ. Sáu già, sáu non các đường phố Hà Nội vẫn trút lá. Trong lá reo, nghe như có tiếng lao xao thủy triều của Hải Phòng thân cận, và của Sài Gòn, Huế kết nghĩa cũng đang nổi gió mùa khô.

Trong một quán bia bom cạnh Hồ Kiếm, chú bé bán lạc rang vừa bốc lạc, vừa biểu tôi hàng nắm mảnh đạn vừa nhặt được ban nãy ở quanh các hầm ngay bên hồ kia. Mấy anh bạn phiên dịch cũng móc túi cho xem những mảnh đạn nhặt được ban chiều giữa sân khách sạn Thống Nhất. Vài ông già phục vụ nước sôi các khu phố có vẻ bận tâm về trận đánh buổi chiều: “Nó ném trúng vào Nhà máy phích nước. Thế phích nước cũng là mục tiêu quân sự của thằng Giôn-xơn hả ông?”. Quán bia đông mãi, người Hà Nội hôm nay có vẻ khát nước tợn. Một anh bạn nhật trình khoe riêng với tôi: “Mai có cuộc họp báo thật sớm. Chắc thế nào cũng được xem mặt cái bọn *quý khách* lái máy bay hồng. Nghe đầu tóm hết và đang lừa nó về”.

Buổi chiều song ngũ 5 - 5 (1967) đánh giặc Hòa Kỳ đáng ghi nhớ ấy, chiến lợi phẩm sống của Hà Nội là một quan hai Mỹ và hai quan năm cũng Mỹ. Thằng hai Đêm Ri-sa Sa-vơ-li đầu nhĩ? Nó ngủ. Vâng, kệ nó, thôi. Thằng năm Đêm Lin-bóc Hìn cũng ngủ. Vâng, thôi. Tôi gặp thằng Gioóc-đơn An-be Lạc Xon đang lim dim ngồi trên ghế đẩu trong phòng lấy cung. Bên cạnh ghế đẩu là một đôi nạng gỗ trắng tinh. Phải, sớm hôm 6-5-67 vừa qua, được đưa ra trình diện tại cuộc họp báo trong nước và cả nước ngoài, tên trung tá ăn cướp Lạc Xon này phải có hai người xốc nách nó, đưa nó lê cái chân băng bó và cái quần ka-ki Mỹ

xoạc ống tiến vào phòng họp. Nhưng sao mặt nó không giống với ảnh nó đăng mới đây trên tất cả các báo miền Bắc nhỉ! Ảnh nó mặt cúi gằm nhẵn thín, mắt gườm gườm. Bây giờ thì râu ria xồm xoàm. Mắt, mũi, mép, láu cá. Tóc nâu nâu râu ngô, trông hao hao Victor Francen kếp hát bóng chuyên đóng Tây già đẹp mã, có lúc lại tờ tờ tên sĩ quan Bạch vệ phim “Người thứ 41”.

Cứ theo đúng như tin của hãng Anh thông tấn Roi-tơ thuật lại lời người phát ngôn Mỹ cho biết “3 chiếc F.105 Thần sấm của Mỹ đã bị bắn rơi. Tất cả ba phi công này *đã bị mất tích*”, thì như thế là, giữa phút này, giữa cái buồng nhỏ này, tôi đang ngồi đối diện với một “*người mất tích*”. Trung tá Lạc Xon, chỉ huy phi đội F.105D tấn công Hà Nội chiều 5-5 này được Mỹ liệt gọn vào loại mất tích. Cứ cái cách nói Hoa Kỳ đó trong hơn hai năm phá hoại miền Bắc, vậy thì đã có độ bao nhiêu sĩ quan phi công Hoa Kỳ mất tích mà vẫn được sống lù lù tại đất Bắc? Tôi chỉ biết rằng những thứ giặc bay gọi là mất tích đó, hiện vẫn lố nhố trên đất Bắc. Và cái đoàn tù dây Hoa Kỳ đó vẫn ăn uống đều đều, ngủ ngáy đều đều, và thỉnh thoảng tôi vẫn có dịp gặp những người “mất tích” Hoa Kỳ nói chuyện chiến tranh và hòa bình. Và đêm gần đây nhất, tôi nói chuyện tay đôi với Lạc Xon *người mất tích* nhất trong bản khai tử của không lực Hoa Kỳ.

Trung tá Lạc Xon đã nhìn thẳng phía tôi mà nói: “Tôi không đánh Hà Nội”, á à, câu chuyện đầu của người quan năm chỉ huy cuộc đánh phá Hà Nội kia là một câu chối cãi! Được nhà người cứ chối, không một người Việt Nam nào, không một người Hà Nội nào ngạc nhiên chút nào về bất cứ câu chối quanh, câu nói bừa nào của hiếu chiến Hoa Kỳ.

– Người quan năm kia, hãy nghe đây, nguyên văn bản tin ngày 6-5-1967 của Jacques Moalic viết cho hãng thông tấn nước ngoài AFP: “7 máy bay Mỹ bị rơi trong 30 phút báo động. Tôi

thấy một máy bay *Thần sấm* nổ tung ngay ở trung tâm thành phố trước khi phi công có thể nhảy dù ra. Các sĩ quan Ba Lan trong ủy ban Quốc tế nói họ thấy 3 máy bay Mỹ rơi sau khi bốc cháy". Anh có ý kiến gì về bản thông tin Pháp này?

– Tôi không đánh Hà Nội.

– Thế thì ai? Ai? (Tôi định bảo: thế thì là chó à, nhưng tôi đã ghìm lại). Ừ thế thì đó là máy bay của ai?

Thằng “mất tích” Lạc Xon đã không trả lời, lại còn xác xược mà “xin phép” hỏi vặn lại:

– Thưa giáo sư (từ lúc bắt đầu cuộc nói chuyện, cái chiến lợi phẩm Lạc Xon vẫn gọi tôi với danh vị giáo sư đại học, vì người ta đã giới thiệu tôi là giáo sư văn khoa để tiện bàn chuyện văn), tôi muốn được biết tại sao giáo sư cứ hay hỏi về vấn đề đánh vào Hà Nội?

– Tại vì ta là một người Hà Nội, tại vì ta làm việc hàng ngày ở Hà Nội. Tại vì nhà người đã bay vào Hà Nội, bắn phá và cắt ngang vào những việc ta đang làm hôm đó... Á à, anh lại còn muốn được biết, lúc anh bỏ bom thì tôi ngồi ở đâu à? Tôi ngồi ở giữa Hà Nội đây để tận mắt và sốt dẻo ghi lại những tội ác của bọn tội phạm chiến tranh Hoa Kỳ.

– Thưa giáo sư, tôi không đánh Hà Nội. Tôi được lệnh ném bom xuống phía Tây Hà Nội, vào một khu vực gồm ba nhà máy và một cái kho.

– Đúng, ba nhà máy và cái kho đó là tài sản của Hà Nội đấy, và xây dựng đúng trên đất Hà Nội đấy. Anh mù dốt về địa lý Việt Nam, về địa lý thủ đô Hà Nội, mù dốt thật sự hay là mù dốt giả vờ, cái đó là việc của anh. Nhưng cái rõ nhất ở Giôn Sơn là rất hèn nhát, thường gây tội ác với nhân dân Hà Nội, và luôn luôn chối cãi. Cái mục tiêu anh bắn phá đó là trong chu vi Hà

Nội, nhưng bản tin Hoa Kỳ các người lại ám ở gọi là “trại lính Hà Đông”.

– Thưa, tôi chưa bắn phá gì. Đây là bom đạn của những chiếc khác trong phi đội tôi. Tôi mang 6 quả bom mỗi quả 375 ký. Tôi chưa ném gì thì các ông đã bắn trúng tôi... Tôi biết chứ. Đúng là tên lửa. Tàu bay tôi bị hất tung lên, tên lửa của các ông sát sườn tôi. Lúc ấy tôi bay cao 5.500 thước... Trước lúc đó, chiếc số 4 yểm hộ phía đuôi tôi bị thương đã vọt dù ra. Mây dày đặc, nhưng tôi vẫn bay vòng lại để theo dõi cái dù số 4 đồng đội. Dù của tôi xuống nhanh, và vừa mới chạm đất, thì đã có bốn người các ông chìa súng vây lấy tôi.

– Cho biết cảm tưởng của anh về cuộc họp báo sớm hôm sau cái ngày anh bị bắt?

– Rất có ích cho tôi, vì qua cuộc họp báo này, nhờ vào sự công bố và đăng ảnh về cuộc họp báo này mà gia đình tôi sẽ được biết tin về tôi...

Đến đây, tôi thấy buồn cười cho cái lối phản ứng chiếu lệ của những người phát ngôn Hoa Thịnh Đốn hay rầm rĩ thế này thế nọ, mỗi khi ta đưa bọn phi công Mỹ tội phạm chiến tranh ra mất các nhà báo tại Hà Nội. Họ bảo như thế là không lịch sự, là xử sự chưa hợp pháp đối với chiến binh Hoa Kỳ. Những thằng ăn cướp, những thằng xâm lược giết người lại đi định ra pháp luật, lại hay bàn về hợp pháp cùng là bất hợp pháp! Nó lại còn bô lô bù loa một cách rẻ tiền đối với sinh mạng bọn phi công đánh thuê mà chính nó đã từng gọi là mất tích trong các bảng khai tử của nó. Và chính người mất tích Lạc Xon thì lại lấy làm bằng lòng vì đã được đưa ra trình diện tại cuộc họp báo Hà Nội: “Nhờ cuộc họp báo này, gia đình tôi sẽ được biết tin tôi”.

– Anh hãy kể ít nét về gia đình và thân thế.

– Tôi có vợ. Chưa có con. Vợ tôi hiện nay ở với mẹ. Tôi quê ở thành phố Uy Nỗ Na, bang Đại Hồ. Học ở trường cao đẳng, sau học thêm hai năm trường sư phạm. Vùng quê tôi và toàn bang đều giỏi bóng tròn, bóng bầu dục, nhưng riêng tôi thì tôi thích đánh bóng côn cầu. Tôi thích âm nhạc, thích lái ô-tô, thích câu cá... Tôi cùng một tuổi với trung tá Kiu bị bắt cùng một ngày với tôi đó, tức là tôi 40 tuổi.

– Tuổi bay của anh được bao nhiêu rồi? Anh vào không quân Hoa Kỳ từ bao giờ? Bay những đâu?

– Tôi đã bay ở Trung Âu, ở Anh, ở Pháp, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, ở Nam Phi châu, ở Nhật Bản cách đây mười năm. Và bay khắp cả Liên bang Hoa Kỳ rồi.

– Anh bay ở Việt Nam và bay qua Hà Nội bao nhiêu lần?

– Tại Bắc Việt Nam, tôi đã hai mươi lần bay qua các tỉnh phía trong. Phía trên này, bay qua sáu lần. Và đã ba lần thấy con sông *Đỏ bên cạnh* Hà Nội (xin chú ý là quan năm Lạc Xon hết sức chối và tránh đụng đến vấn đề không phận Hà Nội, trong câu chuyện bay né hay lái sang *bên cạnh* Hà Nội. Gọi đến sông *Đỏ*, ý hấn ta muốn nói sông Hồng).

– Anh biết những gì về Hà Nội?

– Hà Nội là một thành phố không to, mà tôi không nhận được lệnh san bằng. Ngoài điều đó, tôi xin lỗi giáo sư là tôi không biết gì về thành phố yêu quý của giáo sư.

– Trở lại cuộc đời bay của anh đi.

– Tôi bay gần được hai chục năm. Vào không lực Hoa Kỳ năm 1948. Nếu tôi không bị tên lửa của các ông, thì đến tháng 8-1967 này, tôi sẽ được về hưu...

– Trong tình hình Hoa Kỳ khủng hoảng người lái máy bay và trong tình hình Hoa Kỳ cù nhẩy nói hòa bình để kéo dài chiến

tranh xâm lược, và nếu anh không bị chúng tôi kéo xuống đất Hà Nội thì anh có vẫn tin là anh sẽ được về hưu đúng thời hạn tháng 8-1967?

– Nếu không bị bắt, tôi không rõ sẽ còn bay bao nhiêu nữa, nhưng cứ đến tháng 8-1967 này là tôi về hưu. Tính cả những phút bay cuối cùng của tôi ở gần Hà Nội vừa đó thì tổng cộng tôi đã bay được 5250 giờ bay. Tối thiểu một phi công Hoa Kỳ chỉ phải bay có 3.000 giờ thôi.

– Sau chiến tranh, nếu được trở lại bang Đại Hồ quê anh, khi anh được về hưu khỏi không lực Hoa Kỳ, thì anh sẽ làm gì? Sẽ chuyển sang lái máy bay dân dụng?

– Không, một ngàn lần không, tôi nhất định không bay tí nào nữa. Với những số tiền tôi dành dụm được trong hai mươi năm bay, tôi sẽ hùn vốn đóng tàu thủy. Mở xưởng đóng tàu thủy du lịch. Tàu thủy du lịch chạy trên sông Mít Xít Xi Pi - chảy qua quê tôi. Quê tôi nhiều gỗ tốt. Quê tôi Uy Nô Na cũng ở cạnh bờ sông lớn, cũng ở hữu ngạn sông, như Hà Nội của giáo sư...

Bống nổi lên tiếng còi báo động đêm, đèn trong phòng, đèn trong trại tắt phụt. Tôi xin phép đồng chí cảnh vệ cứ cho tôi ngồi làm việc tiếp với tù Mỹ, trừ phi tình hình căng nữa thì mới ra hầm ngoài. Cái đèn bấm của tôi pin đã yếu, le lói trên trang sổ tay. Hừ, trung tá Lạc Xon chỉ huy trận ném bom Hà Nội, nay bị cầm tù thì lại bàn về ngày mai đây hòa bình kiến thiết... đời riêng mình như thế nào.

– Trung tá Lạc Xon, nếu bữa nọ anh không bị tên lửa, mà tôi lại là người nhận đúng những bom phá và bom bi của anh, thì chắc chắn là không thể nào có cái buổi tối này tôi ngồi nghe anh bàn tính chuyện hòa bình mai sau... Tôi lại hỏi thêm anh câu này; nếu cái buổi chiều Hà Nội 5-5 đó, anh không bị bổ nhào xuống đất Hà Nội để buổi tối nay anh lại vẫn tiếp tục bay vào

trời Hà Nội đang báo động kia, thì anh có dám trả lời rằng anh hằng vẫn sẵn có trong đầu anh cái mộng đóng tàu thủy hòa bình du lịch đó không?

– Tôi muốn giáo sư đừng hỏi tôi như thế nữa.

Trong bóng tối báo động, thằng tù Mỹ và tôi ngồi thâm mà nói thâm.

Bỗng còi yên nổi lên. Ánh sáng nhắc lại tôi hỏi hấn về một số chi tiết bỏ sót ban nãy:

– Anh ở căn cứ Kò Rạt Thái Lan bao lâu?

– Được năm tháng. Từ Nê Va Đa chuyển tới.

– Cái đêm cuối cùng của anh ở Kò Rạt như thế nào?

– Khác với đồng đội tôi, tôi đi ngủ sớm. Nhưng giấc ngủ căng thẳng, đứt quãng. Thời tiết đêm đó không tốt. Nhưng trời không tối rồi trở lại cứ tối. Và trời tối thì lại phải bay sang Việt Nam.

– Trái bom đầu tiên của anh ném xuống Bắc Việt Nam đã rơi vào khu vực nào?

– Trái bom đầu tiên của tôi ném xuống đèo Mụ Dạ. Để cắt đường. Ngày 29 tháng mười một 1966.

– Trước giờ bay từ Kò Rạt vào đánh Hà Nội, anh được biết nhiệm vụ phá hoại của anh trước mấy tiếng đồng hồ?

– Biết trước khoảng một tiếng.

Phi đội Thần Sấm do tên trung tá Lạc Xon chỉ huy bị hạ 7 chiếc buổi chiều, và phi đội trinh sát võ trang Hoa Kỳ bị hạ một chiếc buổi tối cùng ngày 5-5, đã nâng số lượng phản lực Hoa Kỳ, rụng tại mặt trận Hà Nội lên thành con số 76. Trong một ngày ấy, Hà Nội hạ 8 chiếc, tóm 3 thằng, đánh đã nhanh, mà bắt cũng gọn. Thật là nhanh, nhiều, tốt, đắt! Giặc Mỹ trả giá đắt về chuyến đi ăn cướp vừa rồi. Mặt trận của thượng tầng Hà Nội buổi đó thiệt là dữ và cũng thiệt là đẹp mắt. Tên lửa nổi đám mây vàng

làm nổ tan hàng chùm giặc, giặc lả tả xuống như một cơn mưa đá. Trận đánh chỉ diễn ra trong có 9 phút. Buổi tối tên lửa lại nổ, đổ lũ lũ như con mắt thần đang lùng bắt địch. Những làn chớp chụp ảnh đêm một triệu nến sáng của phi đội trinh sát Hoa Kỳ chớp chớp được mấy cái, rồi tắt ngấm. Các cỡ súng ta, ban đêm càng rõ nét các đường đạn Hà Nội bắn chéo cánh sẻ. Chưa đêm nào, Hà Nội bắn dữ như vậy. Sao lửa sao máu từ mặt đất vọt lên giữa một trời sao sa ngàn vạn mảnh. Nó lại còn như một cuộc đốt cây bông toàn thành để ăn mừng chiến thắng. Để đón mừng trước tám huân chương cao nhất mà tối hôm sau nữa Hà Nội mới chính thức tổ chức lễ mừng công.

Tối đi giữa Hà Nội hôm nay đã chói thắm tám huân chương Độc lập hạng nhất. Giữa Hà Nội, thành phố của cây sấu (Hà Nội điển hình về cây sấu, cũng như Sài Gòn là thành phố của cây me), những gốc sấu vẫn tiếp tục rụng lá cũ, ra lộc mới, vừa nở hoa trên trời, vừa vãi hoa đầy đất. Nhưng ở những cột đèn đường gần các góc sấu cổ thụ của Thăng Long đất cũ, đã thấy thượng lên những tấm biển ăn mừng: “Hà Nội phấn khởi đón mừng huân chương Độc lập hạng nhất thi đua lập thành tích mới”. Bên các gờ hồ cá nhân mở nắp, trên các lễ phố, trước cổng các cơ quan, trên mặt đường nhựa, từ khắp năm cửa ô tung bừng chiến thắng. Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa, hoa sấu kéo dài con đường hoa nhiều quăng cộm hẳn lên như cót gạo nào của khu phố bung vãi ra. Như là vừa có đoàn dân công phụ nữ nào mới gánh gạo khao quân qua đây, vừa hối hả trải qua, gạo mừng công bị đánh sóng ra hàng yến hàng tạ trên khắp mặt phố đang vào hè. Tiếng ve sấu đầu mùa cửa đều vào không gian Hà Nội, căng thời gian ra mà cửa miết vào.

Hà Nội, ngày Phật đản 16-5-1967

GIẤY BƯỞI

Vùng Bưởi từ xưa có hai nghề lừng danh là dệt *lĩnh* và làm *giấy*. Nghề dệt là nghề cổ truyền của nhiều làng ven Hồ Tây. Ven sông ven hồ thường xanh um những bãi dâu. Đã trồng dâu chăn tằm là có dệt lụa. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi ghi: “Phường Thụy Chương và phường Nghi Tàm dệt vải nhỏ và lụa”. Lướt, là, nhiều, lĩnh, gấm, vóc... cũng từ bàn tay người thợ dệt vải, dệt lụa mà ra.

Ở đây hãy xin nói về nghề giấy, *Dư địa chí* ghi: “Phường Yên Thái làm giấy”. Một nước có văn hóa lâu đời như nước ta tất nhiên cần dùng giấy viết từ rất sớm. Trên đất kinh kỳ, nhu cầu về giấy hẳn là cao nhất nước. Nghề làm giấy hình thành và phát triển sớm ở đây cũng là lẽ tất nhiên. Không thì lấy gì mà viết chiếu sắc của vua, công văn của các nha môn, lấy gì mà chép và in kinh Phật, sách Nho, sách thuốc, sách giáo khoa, sách văn nghệ, biết bao nhiêu mà kể! Có người nói - chẳng biết có phóng đại quá hay không - rằng chỉ một bài “*Phú tụng Tây Hồ*” của Nguyễn Huy Lượng (viết vào cuối thời Tây Sơn) đã “nuốt” gần hết một lứa giấy của kinh thành. Chả là vì bài phú của ông hay quá, người Kẻ Chợ tranh nhau chép. Nhiều người chép, tốn nhiều

giấy, đến mức gây ra nạn khan giấy trong một khoảng thời gian. Xét từ một việc như thế đủ thấy người Kẻ Chợ cần dùng giấy và cần thúc đẩy nghề giấy đến như thế nào.

Cũng bên “đường thành nhà Lý”, cũng bên sông Tô, và cách Bưởi không xa, có làng Giấy. Làng Giấy có cái cầu gọi là Cầu Giấy. Tên làng với tên sản phẩm là một, nghĩ cũng hay! Làng Giấy là làng Yên Hòa cùng trong huyện Từ Liêm với Nghĩa Đô. Yên Hòa có tên cũ là Thượng Yên Quyết, nên cũng còn có một tên nôm nữa là Kẻ Cót. Câu ca dao cũ:

Con gái Kẻ Cót thì đi buôn xế.

Vừa tả thực vừa có ý giễu cợt. “Xế” là những mảnh dầu mặt của tấm vỏ dó, dùng để làm một loại giấy xấu gọi là “giấy xế”. Làng này đâu phải chỉ làm “giấy xế”! Chắc cái anh hay đùa tếu nào đó xoáy vào cái chữ “xế” để trêu tức cô gái. Chắc anh ta cũng biết rằng làng Giấy là bậc kỳ cựu thế nhưng cũng làm nghề giấy Yên Hòa, và chính Yên Hòa truyền nghề này sang cho Bưởi. Nhiều cụ ở Bưởi lại quả quyết rằng giấy Bưởi ra đời từ triều Đinh, và khi Lý Công Uẩn viết *Chiếu dời đô*, lẽ tất nhiên ông phải viết trên một thứ giấy vừa đẹp vừa bền gọi là “giấy sắc”. “Giấy sắc” sản xuất trên đất Bưởi chứ không ở đâu khác. Tiếng rằng giấy sắc sản xuất trên đất Bưởi nhưng nếu muốn chính xác hơn, phải nói là ở xã Nghĩa Đô, muốn chính xác hơn nữa, phải nói là ở thôn Nghè; trong thôn Nghè, về nghề này, trước hết phải kể đến họ Lại:

Họ Lại làm giấy sắc vua.

Câu ca xưa đã giới thiệu như vậy.

Chúng ta đã biết Nghĩa Đô cũng như Yên Thái, Đông Xá, Hồ Khẩu... đều là Bưởi, nhưng theo sự phân vùng hành chính thì có vấn đề khác nhau về khu vực. Hiện nay Nghĩa Đô vẫn thuộc

huyện Từ Liêm. Còn Yên Thái, Đông Xã, Hồ Khẩu... thì thuộc quận Ba Đình. Thời trước Nghĩa Đô thuộc tổng Vòng (Dịch Vọng) huyện Từ Liêm... Trước nữa, đã có thời Nghĩa Đô (và cả huyện Từ Liêm) thuộc trấn Sơn Tây. Những chiều nắng, đứng ở thôn Đoài - Nghĩa Đô, thấy núi Ba Vì như sát ngay bên cạnh thì càng hiểu vì sao xưa kia Nghĩa Đô đã thuộc xứ Đoài. Thôn Nghè gồm địa phận xóm Ba, xóm Bốn của xã Nghĩa Đô ngày nay. Dáng vẻ làng cũ còn rất đậm. Một khúc sông Tô từ lối chợ đi vào. Rồi cổng làng có chòi gác ở trên và cây đa già bên cạnh. Rồi những ngõ sâu hun hút và những vách tường xanh rêu...

Tôi vào nhà bác Ba Dĩ, một ông già đã làm giấy sắc khi còn trẻ tuổi, trên tường nhà còn treo tờ mẫu vẽ mào rồng, tuy cách bày biện ở phòng khách đã “hiện đại hóa” với bộ xa-lông kiểu rất mới. Chúng tôi ra bờ ao nói chuyện cho mát. Dưới bóng cây, một ông cụ đang ngồi chân co chân ruỗi, mình cúi lom khom trên một tấm bia đá nho nhỏ. Ông cụ đang đục lại dòng chữ trên mộ chí cụ Tổ họ Lại có lẽ cũng là Tổ nghề giấy sắc. Dòng chữ cũ đã bị năm tháng mài mòn hết, nên mới phải đục lại.

- Ông có biết vì sao thôn tôi gọi là “thôn Nghè” không? Một cụ hỏi tôi.

Tôi đang vắn vơ nghĩ đến một ông Nghè, ông Trạng nào đó thì ông cụ đã cười đoán cái vắn vơ của tôi và giải thích:

- Nghè là... nghề giấy. Nghè giấy là nện giấy. Những tờ giấy dó khổ rộng đã thành khí (ý nói là thành phẩm) rồi, đã nhuộm rồi, đem xếp lại thành từng tập độ vài chục tờ một, rồi giải lên trên một phiến đá to, phẳng, dùng chiếc chày đứng thật dài mà nện, nện cho thật kỹ. Có nện kỹ thì tờ giấy mới mịn mặt, danh mặt và càng bền. Ấy thôn tôi sở trường về cái món nện này nên mới có tên gọi như vậy.

Giọng tự hào về nghề Tô, bác Ba Dì thêm:

- Giấy sắc là loại cao cấp nhất trong các loại giấy. Nó được làm bằng dó thuần chất, không pha lê, hoặc dang, nữa nên không bị mốc. Đấy ông cứ xem những tờ sắc vua từ đời vua nào, vua nào đến giờ, nếu được bảo quản tốt, thì vẫn y nguyên như mới. Giấy không nát, màu không phai, hình vẽ không mờ. Cái màu vàng ấy sẫm mà không xỉn, vẫn có ánh tươi, ưa nhìn, chính là màu hoa hòe pha chút phẩm hoa hiên, phẩm đại hồng. Chỉ một việc rang hòe cũng không dễ. Rang thế nào cho vừa, không non quá, không già quá cũng là một kinh nghiệm cha truyền con nối, và đã thành thói quen của bàn tay.

Xong khâu nhuộm rồi mới đến khâu vẽ. Chất liệu là kim nhũ hòa với keo da trâu, chẳng bao giờ phai được. Bút vẽ là ngọn bút nhỏ, mềm mại. Cũng có bản khắc gỗ in hình như in tranh dân gian, nhưng người thợ vẫn phải vận dụng hoa tay của mình mà vờn vẽ thêm cho sinh động. Họa tiết gồm có long, ly, qui, phượng, mây, dây hoa, quạt vả, cuốn thư... đã được quy định chặt chẽ tùy theo phẩm trật của người được phong sắc. Chỉ có sắc phong cho các vị thần và những người có chức tước cao mới được viết vào giấy vàng. Còn sắc thường thì viết vào giấy trắng gọi là *lệnh*.

Về nghề giấy ngày trước, trong làng trong họ chúng tôi còn cụ Viện là người biết nhiều, nhớ nhiều. Mời ông sang chơi, cũng gần đây thôi.

Nhà cụ Viện là một ngôi nhà cổ. Cảnh và người đều tĩnh lặng. Vật lưu niệm của nghề nhà từ thời ông cha chỉ còn mấy phiến đá “nghề” hình chữ nhật, to và phẳng, để ngoài vườn. Trong nhà còn một bức chữ ca ngợi sự nghiệp của tổ tiên. Đáng tiếc nhất là cái tủ sách, cái tủ đứng xếp đầy những cuốn sách quý, quý về văn hay chữ tốt đã đánh, lại quý về cái loại giấy in đặc

biệt: giấy dó lụa. Ôi! Giá mà thực dân Pháp không gây chiến... Cái lúc khói lửa ấy thì đến nhà cửa, sinh mạng cũng còn khó giữ, huống hồ một tủ sách. Kể ra bây giờ cũng có thể tìm thấy ở các thư viện lớn hay ở tủ sách riêng của một số nhà văn lớp trước những cuốn sách in trên giấy dó lụa mà ở góc trang cuối có mấy chữ cỡ nhỏ: “Papier Lái Viện” (giấy Lái Viện) hay: “Papier impérial” (giấy vua). Chữ đề như thế là vì Lái Viện là người đã có sáng kiến đưa các loại giấy thuần dó này vào việc in sách, những cuốn sách đẹp. Người thợ làm giấy này đã xây dựng tình bạn với nhà văn trên cái nền thanh bạch nhưng dai bền của tờ giấy dó. Người thợ cảm ơn nhà văn đã nghĩ ra văn hay để in trên giấy đẹp của mình. Nhà văn cảm ơn người thợ đã tạo ra giấy đẹp để vận chuyển, lưu giữ văn hay của mình. Tờ giấy dó vàng ngà như lụa trông thật quý giá. Nó gọi ráng trời mờ gà một chiều hè. Nó cũng gọi thêm một đêm trăng êm ả. Nó bền chắc nhưng cũng xốp nhẹ. Nâng nó trên tay, tưởng như nâng một mảng mây. Thơ - cái thứ văn chương chất lọc ấy - in trên giấy dó lụa càng hợp. Giấy Lái Viện sản xuất đã khá nhiều, đã in được khá nhiều quyển văn, quyển thơ. Tác giả nào có tác phẩm in bằng giấy Lái Viện cũng tặng Lái Viện một bản để làm lưu niệm, có lời đề tặng và chữ ký của tác giả, có khi kèm thêm một chấm son. Giấy Lái Viện mà gọi là “Giấy vua” là vì giấy dó lụa chính là một biến dạng của giấy sắc vua. Cũng bằng dó thuần chất, cũng qua các khâu chế tạo kỹ càng không kém.

Nhà Lái Viện đã từng cha truyền con nối làm giấy sắc. Thời Nguyễn, nhà vua muốn có giấy sắc thì súc tổng đốc Hà Nội. Tổng đốc Hà Nội cho một toán lính đến Nghĩa Đô, chia nhau vào đóng ở các nhà làm giấy để đôn đốc, canh phòng. Làm giấy sắc là việc long trọng nên nhà cửa lúc nào cũng phải giữ sạch sẽ, bàn thờ Tổ phải ngày đêm nghi ngút khói hương. Chuyển hàng làm

xong, người nhà gánh đi - có lính áp tải - ra đến dinh Tổng đốc, nhập kho, lĩnh tiền, phần nhiều là những quan tiền kẽm nặng lặt lè. Bằng những đồng tiền kẽm ấy, cụ kỵ, ông bà của Lại Viện đã gây dựng dần cơ ngơi nhà mình. Ông cụ Viện nhớ nhiều chuyện thuộc về nghề nhà. Như cái chuyện quan hệ giao dịch giữa Bưởi và Ngọc Hà về nguyên liệu làm giấy. Chả là cây dó là đặc sản của đất trung du Phú Thọ. Phường buôn dó ở Vũ Ên (Phú Thọ) xuống Kẻ Chợ, thuê nhà ở sau đình Ngọc Hà để “trợ” dó, tức là xếp dó thành kho để bán. Chợ Ngọc Hà sầm uất vì các hàng dó. Có những hàng dó nổi tiếng như hàng dó ông Quyền. Thợ giấy các nơi - như Bưởi - đều đến mua dó ở Ngọc Hà. Từ những năm ba mươi, ở Yên Thái bắt đầu có người buôn dó, “buôn tận gốc, bán tận ngọn”, thì chợ dó Ngọc Hà cũng lu mờ dần. Chợ dó Ngọc Hà lu mờ nhưng người ta không quên là cái chợ này đã có thời đóng vai trung gian giữa Phú Thọ, nguồn dó, và Bưởi, nơi cần dó để làm giấy. Có những cuộc tình duyên đã nảy sinh giữa con trai Phú Thọ và con gái Bưởi - hay ngược lại - từ cái chợ mối lái ấy. Khi tiếng súng kháng chiến chống Pháp bùng nổ, người dân Bưởi tản cư hướng ngay lên Phú Thọ. Lên đấy tha hồ sẵn nguyên liệu để làm nghề, vừa để sinh sống vừa để phục vụ kháng chiến. Gia đình Lại Viện chuyển cả bầu đoàn thể tử lên Phú Thọ. Vợ chồng làm công nhân nhà máy giấy Lửa Việt, sản xuất giấy “Bình dân” không thấm nước. “Bình dân” là nói tắt bốn chữ “Bình dân học vụ”, phong trào diệt “nạn mù chữ” bùng bùng khắp thôn quê, thành thị, biết bao nhiêu giấy mực cho đủ dùng? Ngoài giấy Bình dân, còn giấy đánh máy, giấy in rô-nê-ô... Người vùng Bưởi đi đến đâu mở mang nghề tổ đến đấy. Lên Phú Thọ, sẵn dó thì dùng dó, vào Thanh Hóa, sẵn nứa thì dùng nứa. Vào tay nhà nghề thì một thứ nguyên liệu có thể chế ra nhiều mặt hàng. Ngày trước ở chợ Bưởi cũng như ở phố Hàng Giấy, người ta bày

bán: giấy độ điệp nhà chùa (một kiểu giấy sắc dùng cho tôn giáo) giấy phát quạt (dùng đến mấy đời cũng không rách) giấy bản (dùng vào việc sách vở, văn bài) giấy phên (dùng để gói) giấy moi, giấy xê (dùng vào mấy việc vặt)...

Cũng cần nhắc đến một loại giấy tuy không bày bán nhiều ở hàng ở chợ nhưng cũng là một “đặc sản” của nghề giấy Bưởi. Đó là giấy quì. Giấy quì dùng để làm “giấy lĩnh”, thứ giấy không thể thiếu được trong nghề làm vàng quì, bạc quì. Vàng quì bạc quì lại là những chất liệu không thể thiếu được trong nghệ thuật tranh sơn mài. Trong một bài ký về nghệ thuật sơn mài, tôi có giới thiệu một chút về cái công việc có liên quan tới các loại giấy ấy: “Người thợ làm vàng bạc quì gõ chan chát hết ngày ấy sang ngày khác, không mỏi, không nản, như điểm nhịp cho thời gian vô tận. Gõ cho những miếng vàng bạc vuông ấy tỏa ra đầy mảnh giấy lĩnh. Như thế là đã có những lá vàng lá bạc mỏng hơn cả giấy cuốn thuốc lá. Cứ 500 lá vàng hay lá bạc như thế gọi là một quì. Làm vàng làm bạc quì phải dùng giấy lĩnh là để cho kim loại khỏi bị bết dính. Kim loại không bị bết dính thì mới dần mỏng ra được. Làm giấy lĩnh lại là một kỳ công. Phải có giấy dó mỏng mịn như tơ-lụa và mực đen thật tốt. Loại mực này làm bằng muội củi thông...”. Xem thế thì đủ biết các ngành nghề đều gắn với nhau, cần đến nhau như các bộ phận trong một khối cơ thể. Giấy quì ở Bưởi không phải là nhà nào cũng làm mà chỉ có mấy nhà thuộc dòng họ Nguyễn Thế ở thôn Đông. Thôn này tuy gọi là Đông Xã nhưng thực ra chỉ là một thôn thuộc xã Yên Thái xưa. Một xã ba thôn. Xã mà cũng là phường chuyên nghề giấy. Ông giáo Bính trong họ Nguyễn Thế là bà con thân thuộc của họ Lại bên Nghĩa Đô như bác Ba Dĩ, cụ Lại Viện ông giáo Bính rất tự hào về nghề giấy, đặc biệt là nghề giấy quì của nhà mình. Giấy quì làm bằng tinh chất của bì cây dó. Thân cây dó - kể cả bì

và ruột - được tận dụng để làm giấy. Nhưng bì nó dai, ruột nó bở. Làm giấy loại bình thường, người ta dùng cả ruột dó, làm giấy quì, người ta chỉ dùng bì nó mà thôi. Cho nên giấy quì bền đến mức cái búa người thợ quì gõ thế nào thì gõ, giấy cũng không nát, không rách. Hồi kháng chiến chống Pháp, gia đình ông giáo Bính tản cư lên Phú Thọ, ông mang theo quyển gia phả nhà ông. Gia phả viết trên giấy quì. Chẳng biết sơ ý thế nào, người nhà đánh rơi cuốn sách mỏng dó xuống đáy hầm trú ẩn. Sách nằm ở đáy hầm năm năm trời, khi tìm thấy, giấy không mủn, chữ không nhòe. Ông giáo trân trọng đưa tôi xem cuốn sách “gia bảo” ấy. Tôi thấy nó vẫn chưa suy suyển. Ôi! Đáng khâm phục biết bao, đáng học tập biết bao, đáng kế thừa biết bao cái tính kỹ lưỡng đã thành quán tính, thành bản năng của ông bà ta trong công ăn việc làm. Chưa nói cái gì to tát, hãy nói cái mảnh giấy quì trên kia nằm ở đáy hầm đất ẩm năm năm không mủn, hãy nói cái nuộc lạt nhà tre buộc thế nào mà bão to đến mấy cũng không làm tuột ra được, hãy nói cái tấm the may áo, dệt thế nào mà mặc cho người đã khuất chôn xuống đất ba năm cải lên, xương có thể nát, áo vẫn còn. Là con cháu các cụ mà ở đâu đó người ta may cái áo vừa mới mặc đã đứt hết chỉ hay xây cái nhà chưa kịp làm lễ khánh thành, cũng không bị bão gió gì, bỗng dưng đổ sập, thì không biết nên nghĩ ngợi ra sao?

Lại gỡ lại chuyện làm giấy. Ông giáo Bính cho biết là ngày xưa người thợ giấy giã dó bằng cái cối đá to và cái chày rất nặng. Có một người ôm chày, nâng lên và vút xuống (nhờ một cái “cần vút”). Một người bốc những nắm bột dó bỏ vào cối. Công việc nặng nhọc quá! Về sau cối giã dó được cải tiến giống như cối giã gạo. Khi Nguyễn Huy Lượng viết: “*Chày Yên Thái nên trong sương...*” thì không biết cối giã dó đã được cải tiến chưa?

Trước khi vào cối giã, cây dó đã trải qua những chặng đầu

của công cuộc hóa thân thành giấy. Người thợ đã bắt đầu vất vả với nó. Nào nấu, nào ngâm, nào nhặt chọn (tức là chia loại). Lúc này người ta gọi vỏ dó là “bìa”. Người ta nói: ngâm *bìa*, làm *bìa*. Ca dao giới thiệu:

*Ai ơi đừng lại mà trông
Kìa vạc nấu dó, kìa sông đãi bìa
Kìa giấy Yên Thái như kia*

Giếng sâu chín trượng, nước thì trong xanh.

Nghề làm giấy rất cần nước để đãi bìa. Có nước sông Tô, nước Hồ Tây, nước giếng làng. Việc vét giếng hàng năm vào mùa xuân, để giữ nước cho sạch, đã thành tục lệ. “Đãi bìa” tức là đãi bột dó sau khi đã giã kỹ. Đãi để gạt bỏ những tạp chất, giữ lấy chất bột mịn và sạch để cho vào “tàu xeo”. *Tàu xeo* là cái bể nước nhỏ để cho bột dó vào mà làm giấy. Bột cho vào rồi, phải đánh cho tơi bằng cái gậy tre. Như thế gọi là *kéo tàu*. Bột đã tơi, cho vào một cái khuôn, rồi lắc chao đưa đẩy cho thành hình tờ giấy trên nền khuôn. Như thế gọi là *xeo giấy*. Cái nền khuôn ấy gọi là “liềm”. *Liềm* đây là một tấm lưới đan bằng thanh tre vót thật nhỏ như một thứ rây để rây bột. Xeo giấy trên cái “liềm” ấy cũng tựa tựa như tráng bánh đa, bánh cuốn. Từ lúc tờ giấy bắt đầu hiện hình cho đến lúc nó trở nên thành phẩm, còn vô số việc. Nào *ép*, nào *bóc*, nào *cán*, nào *bôi*. Nghề giấy đòi hỏi nhiều công lao, làm nảy sinh nhiều từ ngữ, khơi nguồn cho nhiều câu ca tiếng hát. Tôi thiết nghĩ nếu nhà ngôn ngữ học sưu tầm, tập hợp thuật ngữ ngành nghề một cách thật đầy đủ nhà văn học dân gian sưu tầm, tập hợp ngôn ngữ, ca dao, sự tích ngành nghề một cách thật đầy đủ thì chỉ riêng về các ngành nghề cổ truyền thôi, chúng ta cũng sẽ có những công trình đồ sộ. Câu ca tiếng hát ngành nghề không phải là diễn ca suông nhạt về ngành nghề mà là câu

chữ vắn điệu bồi hồi những tâm tư, khắc khoải những số phận của người làm ngành nghề - như nghề giấy chẳng hạn - trong thời quá khứ. Sự vất vả kêu lên thành tiếng:

*Giã nay rồi lại giã mai
Đôi chân tê mỏi, dó ơi, vì mày
Xeo đêm rồi lại xeo ngày
Đôi tay nhức buốt vì mày, giấy ơi!*

Ở một tình huống khác, nhịp chày giã dó lại hóa thành nhịp đập của một nỗi lòng:

*Nhịp chày giã dó nhặt thưa
Đèn le lói sáng, lòng ngơ ngẩn buồn...*

Trong đội ngũ thợ giấy, phần khá đông là đàn bà, con gái. Do đó mới lắm chuyện một duyên, hai nợ, ba tình. Chuyện tình duyên thường gắn với chuyện nghề nghiệp.

*Đêm qua bóc uốn một mình
Nghe hơi sương xuống, nhớ tình nhân xưa.*

“Bóc uốn” là thuật ngữ của nghề giấy. Những tờ giấy mới xeo xong được xếp thành từng chồng để đem ép cho hết nước. Mỗi chồng gọi là một “uốn”. Sau khi ép hết nước phải bóc từng tờ đem sấy cho khô. Cô gái bóc từng tờ, từng tờ, như lật từng mảnh tâm tình thương nhớ trong hơi sương đêm thì nghĩ cũng đáng ái ngại thật! Lại thêm nữa:

*Tay can, lòng những nhủ lòng
Ở đây ấm áp, lạnh lòng thương ai...*

“Can” đây cũng là thuật ngữ nghề nhà. Giấy bóc ra từng tờ còn ướt, phải phết lên tường lò cho thật khô nỏ, thế gọi là “can”. Cô thợ ở gần bếp lò thì ấm lắm. Được sưởi ấm cũng thương ai, nghe sương lạnh cũng thương ai. Đến là lời thôi!

Ngày nay, đi qua Buối, ta vẫn còn thấy những nét quen thuộc của một vùng quê làm giấy cổ truyền: những cái lò nho nhỏ nấu dó, đêm ngày tỏa khói bên dòng sông Tô sẫm màu, những chiếc tàu xeo đầy nước nối đuôi nhau trong một lán xưởng ồn ào tiếng nói cười của các cô, các chị. Đây là những công cụ sản xuất của hợp tác xã làm giấy. Hiện nay ở Hà Nội có bốn hợp tác xã làm giấy, đều ở những làng có nghề Tổ đã hàng nghìn năm. Bốn hợp tác xã ấy là Cộng Lực, Đông Hòa, Đông Thành, Dân Chủ, đều thuộc về một tổ chức gọi là Liên xã (Liên hiệp hợp tác xã ngành giấy của Hà Nội). Cộng Lực ở Yên Thái, cái làng mà tiếng chày giã dó đã có âm vang trong văn học. Đông Hòa ở làng Đông, nơi nổi tiếng về giấy quì, Đông Thành ở Hồ Khẩu, quê của Lý Văn Phức và Ba Giai. Dân Chủ ở Yên Hòa, làng giấy có Cầu Giấy mà lịch sử đã ghi, chiến công tiêu trừ Hăng-ri Ri-vi-e, quan năm giặc.

Tôi gặp phó chủ nhiệm Liên xã ở nơi làm việc, trông sang bến tàu điện. Ông tên là Đào Đình Huy, quê ở Yên Thái, vốn là con nhà nghề lại từng trải việc đời nên câu chuyện cũng đem lại cho tôi những điều bổ ích. Ông Huy nói về việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của các cụ ngày xưa. Riêng cái việc tìm ra cách dùng chất nhựa *gỗ mò* cũng đã có thể coi là một phát minh nhỏ. Nhựa *gỗ mò* trộn với bột dó làm tờ giấy thêm dai và tờ nọ ngăn cách với tờ kia, không dính bết vào nhau. Cái cối giã dó, các cụ cũng đã cải tiến như ông Giáo Bính đã giới thiệu, tuy nó vẫn còn có thể làm cho “đôi chân tê mỏi” nếu làm quá mức, ít giải lao. Nay đến thăm các làng làm giấy, chúng ta không nghe thấy cái âm thanh đặc biệt là tiếng chày giã dó nữa. *Nhịp chày Yên Thái*,

mặt gương Tây Hồ câu ấy chỉ còn đúng có một nửa. “*Mặt gương Tây Hồ*” thì còn, nhưng “*Nhịp chày Yên Thái*” thì đã lui vào quá khứ. Nghề giấy cũng như nhiều nghề thủ công khác đã được cơ giới hóa ít nhiều. Cái máy nghiền giúp cho người thợ giấy khỏi tốn sức trong khâu nặng nhọc nhất: giã dó, nghiền lễ. Trước kia, người ta nghiền lễ bằng chân. Dụng cụ là một cái thùng bằng xi măng, bên trong có gắn những mảnh sành lớn nhỏ. Người ta cho lễ trộn nước vào đấy rồi lấy chân đập, đập mãi cho nhỏ nhuyễn như bột sữa. Người thợ mòn chân vì đập lễ. Đập lễ hôm trước, hôm sau ngủ dậy bước không nổi vì bàn chân đau rát. Nếu người thợ là cô gái xinh đẹp thì chắc hẳn chỉ đập vài lần như vậy là chẳng còn đôi “*gót bồ câu*”. Máy nghiền nghiền được tất: dang, nứa, dó, lễ... Đến cái khâu xeo, cũng có những thứ giấy xeo bằng máy: giấy các-tông, giấy rô-nê-ô, giấy viết...

Ông Huy cho biết là trong thời thuộc Pháp, năm 1942, ở Bưởi đã có “*Hợp tác xã làm giấy*”. Thế mới lạ chứ! Thực ra, cái gọi là “*hợp tác xã*” ấy là một tổ chức kinh doanh độc quyền của tư bản Pháp do một người tên là Coóc làm chủ. Nguyên liệu và sản phẩm đều thuộc quyền sở hữu của chủ Coóc. Những người thợ giấy lâm vào cái cảnh “*dó chịu, giấy non*” (mua chịu dó với cái giá rất đắt, bán giấy cho chủ với cái giá rất rẻ). Bị tư bản Pháp đẩy vào bước đường cùng, người thợ giấy chỉ có một lối thoát là đến với cách mạng. Nhà văn Tô Hoài viết trong *Tự truyện* (cuốn sách này, ông Huy cũng đã đọc): “*Cách mạng lan nhanh trong cảnh đói khổ ngày càng tang thương. Mấy tháng trước toàn những người đói ở đâu đến, bây giờ vùng tôi bỏ làng, đi chết bơ vơ nơi khác... Nếu không mau khởi nghĩa thì chết hết. Tin bí mật: ủy ban giải phóng tổng Bưởi đã có rồi. Người ta mừng lạ lùng*”. Đó là không khí vùng Bưởi vào những ngày sắp Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945.

Hợp tác xã làm giấy của chúng ta bây giờ tuy chưa phải là cái gì cũng đã tốt đẹp như ý muốn, nhưng với giá sinh hoạt hiện nay, thu nhập bình quân của một xã viên khoảng hai trăm đồng thì mức sống cũng tạm ổn. Nghề giấy có nhiều việc vặt cũng như nghề dệt. Trong một gia đình xã viên, trẻ em đi học về cũng có thể làm những việc vặt ấy để tăng thu nhập. Trẻ em ở những nơi làm giấy thường không bỏ phí giấy. Một tờ giấy điều, một mảnh giấy vụn cũ đều có thể làm nặng cân thêm cái đồng lẻ sẽ được tái sinh thành giấy mới.

Trong các hợp tác xã ngành giấy ở Hà Nội hiện nay - theo sự nhận xét của ông Huy - thì cái “anh” Đông Thành ở Hồ Khẩu là khá hơn cả. Có người cho rằng Hồ Khẩu ở ngay mép Hồ Tây, sẵn nước đãi bìa. Đâu phải thế! Làng nào làm giấy chẳng có giếng trong làng, thiếu gì nước. Giấy Hồ Khẩu đẹp là vì thợ giấy có tay nghề cao, nắm vững qui trình kỹ thuật. Trong việc thực hiện hợp đồng với các cơ quan Nhà nước, Đông Thành đảm bảo tốt số lượng, chất lượng sản phẩm và đúng thời hạn... Vì thế giữ bền được tín nhiệm với khách hàng. Các “anh” khác trong Liên xã đều giao ước thi đua với Đông Thành.

Các hợp tác xã ngành giấy đang cố gắng làm ăn thế nào cho mỗi ngày một khá, cho xứng đáng với cái danh tiếng lâu đời của giấy Bưởi, cho nhịp nhàng với hoạt động của các cơ sở làm giấy khác - thủ công và cơ giới trong nước, để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu về giấy của tất cả chúng ta.

Tháng 6-1982

NGÕ HÀNG HÀNH

Tôi sống ở ngõ Hàng Hành từ thuở ấu thơ. Ngõ phố nhỏ nằm khiêm tốn bên cạnh Hồ Gươm. Vào những dịp bắn pháo hoa bọn trẻ thường leo lên sân thượng để xem và nhặt dù pháo sáng rơi. Trước đây người Tràng An có câu: *“Trai Yên Thái gái Hàng Hành”*. Như vậy là một ngõ phố nhỏ một đầu thông với ngõ Bảo Khánh, một đầu nối với phố Lương Văn Can đã đi vào sử sách. Thuở bé, tôi còn nhớ đầu ngõ một bác chữa giày da ngồi làm việc hì hụi suốt ngày. Những buổi trưa hè êm ả tiếng leng keng của tàu điện vọng về. Thoảng hoặc lại nghe giọng rao vặt của một ông người Tàu bán lơ xanh, lơ đỏ mà chúng tôi vẫn gọi là ông Lơ-tốt.

Theo lời người ở phố này kể lại, dân ngõ Hàng Hành phần lớn là gốc ở làng Nhị Khê lên đây lập nghiệp. Lúc đầu, họ sống chủ yếu bằng nghề buôn thúng bán mẹt. Trước đây là một xóm ở như bàn cờ. Sau giải phóng thủ đô được quy hoạch thành một ngõ nhỏ.

Cách đây đã lâu ngõ có biển cấm xe đi lại, dành đường cho trẻ em vui chơi. Những cây bàng lá đỏ xòe tán lá che mát cho các em chơi rải ranh, chơi đánh chuyền trên hè phố. những cây lim cao to mỗi lúc trời mưa bắn quả lim tung tóe ra đường. Trải qua bao mùa gió bão cây đã bị chặt vợi đi.

Ở ngõ có nhiều chuyện lạ lùng. Chẳng hiểu vì sao có một dãy phố sinh ra toàn những người cao lớn. Còn một bên thì toàn những người có họ với Pích-mê. Hồi còn mồ ma bác Ấm (nói có vong linh bác tha tội) thuở sinh thời bác thường đẩy một chiếc hòm đồ lễ ra đầu ngõ để bán kính đeo mắt. Tuy vóc dáng thấp đậm nhưng trông bác bệ vệ và đáng nể. Nghe nói bác đông con lắm. Lúc đầu, chỉ có nhà bác làm nghề này. Vậy mà bây giờ, dân ngõ Hàng Hành kéo ra ngồi thành dãy trên phố Lương Văn Can. Có thể coi phố Lương Văn Can như là phố bán kính, cũng như phố Hàng Dầu coi là phố bán giày dép vậy.

Vì cùng chung gốc gác nên người trong ngõ sống rất ấm cúng. Đầu và cuối ngõ là đình thờ do dân ở đây lập ra. Ở cạnh đình có một cái giếng. Khi có nước máy rồi cái giếng rêu phong cổ kính ấy vẫn còn.

Chếch một chút là quán cà phê Nhân nổi tiếng. Sáng nào quán cũng đông nghịt, xe máy các loại đậu san sát như một chợ xe. Có gì lạ đâu, cà phê ở đây ngon mà dân nghiện cà phê cũng thường là các dân chơi hay dân làm ăn có máu mặt. Ở phố Hàng Gai có quán cà phê Giảng với món cà phê trứng nổi tiếng nhưng cũng không đông khách bằng ở đây vì quán ở mặt phố.

Dân ngõ Hàng Hành đã qua nhiều nghề để kiếm sống. Trước thì buôn thúng bán mẹt. Có thời kỳ có nhà làm nghề khắc dấu. Một thời bung ra thành một chợ buôn bán thuốc lá. Rồi có dạo trở thành nơi bán hàng ăn. Phở của một anh đáng “đồng cô”, có thời nực tiêng ở vùng này. Cứ tối tối xe máy đỗ nườm nượp, giá “cửa đất” mà vẫn phải chờ xếp hàng. Bây giờ thì nhà nhà bán hàng, người người bán hàng, la liệt, chào mời...

Gần đây, có lẽ mới được khếp vào “khuôn” nên thấy đỡ lấn chiếm lòng đường hơn. Giữa phố lại thấy xuất hiện vài hàng rửa xe máy, có lúc do phụ nữ đảm nhiệm.

Dù đi đâu xa, lúc về đến ngõ nhỏ tôi vẫn thường gặp lại những khuôn mặt thân quen mà thời gian đã để thêm vài dấu ấn trên mặt. Nào anh T chữa xe đạp. Anh cố mãi, cố mãi mà chỉ sinh toàn con gái. Bù lại cô con gái lớn, cô con gái nhỏ đều có thể theo bố hành nghề. Nay không thấy anh nữa, có lẽ anh đã sang làm nghề khác và đàn con anh chắc cũng đã lớn khôn. Còn ông thợ giày, ông đã mất từ lâu rồi. Trước đây, ở ngõ có một bà dở điên dở tỉnh, cứ sáng ra là bà nói lảm nhảm chả đâu vào đâu. Bây giờ sức yếu bà thường làm con búp bê bằng giẻ vụn nhiều màu, ngồi bán ở bên hồ Gươm. Bà đã già lắm rồi, mái tóc phất phơ theo gió hồ, bên cạnh là cái làn đựng búp bê bằng vải muôn màu.

Trước đây, đầu ngõ có 2 ngôi nhà cao 5 tầng được xếp vào loại cao gần nhất nhì khu vực. Hai ngôi nhà do 2 vị tư sản xây trước giải phóng thủ đô. Còn xung quanh là những ngôi nhà nhỏ. Có những ngõ hẹp kéo sâu hun hút, ngoằn ngoèo như một khúc ruột. Giữa lòng bàn cờ là một cây thị sấp, quả thị vàng ươm, lá bằng đồng xu dẹt, thơm nức cả một vùng xóm nhỏ. Chẳng hiểu cây thị có còn không, từ lâu tôi không vào khu đó. Người ở ngõ nói rằng đất ở Hàng Hành dữ lắm, chả thế mà hai ông chủ tư sản bỏ của nả ra xây dựng nhà rồi cũng không được ở. Nói vậy chứ người tứ chiếng đến đây lập nghiệp cũng nhiều và cũng phát lên nhanh chóng. Những căn nhà ở dưới đất bán giá đắt vì đây là đất làm ăn được. Không những dân lao động buôn mà cán bộ về hưu cũng mở quán bia, bán xổ số, bán nước chè la liệt khắp hè phố. Hàng Hành là một ngõ nhỏ bên hồ Gươm vậy mà nó đã chứng kiến bao đổi thay của cuộc sống. Thay vào một phố nhỏ yên bình, chiều về vắng vắng tiếng ông người Tàu rao bán Lơ-tốt, là một phố chợ náo nhiệt ồn ã, tấp nập sớm hôm.

ẨM THỰC HÀ THÀNH: SỢ CŨNG PHẢI ĂN!

Ăn bần ăn thiêu

Chuyện phở từ một cuộc thi phở tôi kể trong một bài báo kết bằng chi tiết người đàn ông ngoại quốc nọ ăn phở bò xong còn mắng được kẻ bất đồng ngôn ngữ khiếm nhã bằng thành ngữ bò: “Trông thì như bò đội nón mà còn nói người ta” – có người quen gặp bảo “bịa, làm gì có chuyện hay thế”. Vậy kể thêm chuyện này: tại phố Mai Hắc Đế, một bà Pháp nhiệt tình với tô sủi cải xong quay nhận xét: “Hơi bị ngon đấy”, rồi nhìn quanh quất một tí, tỉnh rụi tiếp: “Và bần”.

Đọc lại cuốn *Trở lại thiên đường* của Elia Kazan từng dịch ở Sài Gòn trước 1975 – mới tái bản thì biết rằng, thập kỉ 1970 khái niệm “sạch” đã được dùng đại trà: “Suốt đời bạn, hãy dùng loại thuốc lá sạch Zephyr”. Người Hà Nội thanh lịch có tiếng, khó tính có tiếng có vẻ đã quen chịu đựng – “khuất mắt trông coi” là câu ưa thích của các chị làm ở công sở hay rủ nhau đi ăn trưa.

Phố Hàng Điếu, mạn gần chợ Hàng Da có quán lươn đông khách. Các va-ri-ăng lươn: miếng nước miếng xào, nộm, chả lươn...

Tôi thỉnh thoảng vẫn đi qua, cho đến một ngày lạc ra phía sau những cái bàn. Trên lối hẹp la liệt chậu nhựa rách mép rách thành, chậu hết cả lên, đựng nguyên liệu đã chế biến. Nhà vệ sinh ngay đó tỏa mùi nồng nặc, và người có nhu cầu qua lại không cách nào khác là giầy dép cao chân bước qua những chậu này. Thấy hết thảy ăn bèn hỏi lòng rằng họ làm ăn phát tài, cũng xoi những thứ ấy vào bụng y thực khách mà sao không chịu khó tươm tất một tí lấy hứng, còn cả một đời bán chác trước mặt cơ mà.

Nổi tiếng “chợ nhà giàu” ở Hà Nội có chợ Hàng Bè, chợ Hôm – các hàng thức ăn chín: gà luộc, thịt quay... tử tế lắm thì kê được miếng kính nhỏ trước mặt, còn chẳng che dấy gì. Tôi mua thịt bê tươi ở hàng quen hẳn hỏi mà mỗi lần dặn chị bán hàng nhớ rửa thịt rồi lau bằng giấy mềm xong hẵng thái. Vẫn bị nhìn như người hành tinh khác. Ra đường chị em ưa trang bị ninja sợ hồng làn da châu Á nhưng lại bất cần tổng đủ thứ linh tinh vào miệng. Đợt kiểm tra mới nhất 2002 Viện Dinh dưỡng công bố 37% tay nhưng của người bán thức ăn tại 5 quận nội thành bị nhiễm khuẩn E.Coli trầm trọng!

Mít, dưa hấu, đu đủ linh tinh đó bổ sẵn bày sát miệng cống của đường phố bụi bặm, không ai nỗ lực phủ lên mảnh polyester, sạch sẽ mà miếng ăn trông cũng mọng hơn. Người bán nom nhể nhại, hài hòa với cảnh quan, chờ có người rà xe lại mới vội xua xua mấy chú ruồi đang đậu.

Ăn bản sống lâu, sống chết có số, chỉ cần khuất mắt, thậm chí không thêm khuất mắt, ngang nhiên ván bài lật ngửa. Hàng bánh đa cua cuối phố Trần Hưng Đạo chỉ là đại biểu, hai xô nước “thau” cả chồng hàng trăm chiếc bát, nước trắng cũng óng ánh như gạch cua! Anh chị nọ vừa ăn vừa nhìn, anh cau mày còn chị

bảo không sao đâu, có khăn ẩm lau qua sạch hết. Muốn được như ý có mà “đi sang châu Âu”.

Một người đàn ông châu Âu, bạn của Việt kiều nghệ sĩ Thủy Ea Sola nói, ông biết rõ đồ ăn thức uống Hà Nội không đạt tiêu chuẩn, kể cả những hàng sang nhất, nhưng là người quan trọng của tổ chức “Thầy thuốc không biên giới”, ông có độ chấp nhận cao. Mục đích lớn làm quên đi khó chịu nhỏ, nhỏ như việc ăn bẩn ăn thối, ăn độc ăn hại vào người đe dọa tính mạng vì độ miễn dịch không thể như tôi, bạn và nói chung tuyệt đại bộ phận dân ta. Thống kê 10 tháng đầu năm 2002 cũng của Viện Dinh dưỡng: cả nước có trên 4000 ca ngộ độc, không dưới 10 loại rau củ luôn bảo quản bằng hóa chất, đó là bọ cam quýt Móng Cái, hồng ngâm, súp lơ, cà chua, rau cải, rau ngót, rau muống, dưa chuột. Cứ trông nồn nà mà ham nhé.

Trong một truyện ngắn “dã man” tên là *Làn nước diu dàng*, nhà văn Lê Minh Khuê tung những chi tiết rùng rợn, người ta “làm sạch” và chế biến lòng lợn ra sao. “*Cái thùng đựng tiết lợn nhà chị Cả không bao giờ rửa. Tiết làm tiết canh để riêng. Tiết nhồi lòng để trong thùng to. Có hôm giở đến thùng đựng tiết, thằng Thịnh hoảng hồn thấy con chuột nhắt đang cố bơi trong nước tiết mà không ra được. Chị Cả vớt con chuột khỏi thùng tiết, thả cho nó chạy. Chị không bao giờ giết chuột giết kiến. Rõ lòng vừa luộc xong có “cống kênh” đã trào lên thành rổ. Có hôm chị Cả phải phang vào lưng con chuột to dùng để giành lại miếng gan luộc...*” Nhiều chi tiết độc và dấy mùi hơn, không tiện thuật trong bài ăn uống. “Dã man vừa vừa” là câu tôi bị ông cậu ruột mắng cho. “Nó biết mình thích ăn lòng lợn mà còn đưa truyện đọc” (Cũng biết sợ, cũng bị câu chữ tác động cơ đấy).

Mất tiền vẫn bị “lừ”

Đi đến một vùng đất mới, ẩm thực không gì khác chính là văn hóa, và đi chợ là một động thái du lịch – thú vui không cạn bao giờ. Đi công tác xa không chỉ tự khám phá tâm hồn ăn uống mà còn ghẹo người bán, cho vui và thêm ngon miệng. Vào Nam thắc mắc: “Chúng tôi xứ lạnh phải ăn béo, trong này có gì tương lắm mỡ thế, và bây giờ ăn phở ngọt thế này lát nữa uống cà phê sẽ mặn phải không”. Đến miền Trung ngăn “bàn tay dầm ớt” kéo “giết da”... Đổi lại, không ít lần nghe dân ngoại tỉnh phàn nàn: về Thủ đô thật hãi sợ, sao mà lắm người đánh đá thế!

Đánh đá đến như hàng “phở quát”, “chân gà – cháo chửi” Lý Quốc Sư là cùng chứ gì? Tuy vậy đã có lần “nàng chủ” bị dẫn bàn, cứng họng trước một “anh Chí xoi cháo” – diễn viên Xuân Bắc (“Núi ở đáy sông”). Chưa kịp xỏ được anh thì đã bị cướp cái, rất ngoa và duyên làm khách được phen khoái chí!

Dãy quán ốc, cá, gà đường Thụy Khuê ven hồ Tây gần trường Chu Văn An nhiều tên hay đáo để: Bến My Lăng, Vọng Ba Lâu, An Khanh, Tầm Dương (tức tìm anh chủ quán tên Dương)... cảnh trí đẹp lại trung tâm nhưng cũng vì điều đó mà người ăn tha hồ trả giá. Ăn xong hàng nọ lại cách, lại thể đổi sang hàng khác. Đồ ăn chưa ngon là một nhẽ, rất nhiều hàng ở đây nướng hi vọng vào khách sẩy chân. Khách nói muốn ốc mít, nhà hàng thể sống thể chết mít thật chứ không phải “nhồi lon” (tức ốc nhồi non, nhỏ). Sa chân vào thì biết không như thế, và nhiều thứ nữa. Khách lăm bằm vài câu rồi đành thôi.

Tại sao người Hà Nội lại khó khăn như vậy trong việc chiều đãi khách? Lừa được là lừa; không lấy sự phục vụ, hành nghề làm vui mà cứ mang khuôn mặt bất đắc chí “sinh bất phù hợp thời” (đây chỉ làm tạm việc này còn hồi sau sẽ biết tay nhau); và

“lừ” người lạ nộp tiền vào túi mình như thế bị họ làm phiền, đến nỗi “chán lắm rồi!” Trung Quốc, một xã hội được tổ chức rất tốt thế mà có đi mới biết vào nhà hàng lớn vẫn thường được ăn bát súp, tiếp viên đặt “kịch” đĩa thức ăn và “sưng vù như ong đốt” khi bị yêu cầu thay nọ đổi kia, thêm dấm thêm ớt. Mỗi lần như thế lại có tiếng chép miệng: “Sao giống Việt Nam quá”, cụ thể là giống Hà Nội quá.

Tất nhiên đâu phải muôn nẻo “băm sáu” đều vậy nhưng thật nguy là ấn tượng có lúc đã trở nên nặng nề. Không hiếm chợ Hà Nội mang danh “chợ Bóp”, ngõ ẩm thực Cẩm Chỉ có nghĩa cấm ngắt. Bạn tôi ở Cali về, kêu mất điểm với người yêu là dân Sài Gòn lần đầu thăm đất Thánh. Số là họ ăn cơm và gọi đĩa nhỏ trứng gà non ở gần quán bún ốc bà Sáu phố Mai Hắc Đế – đánh giá 30.000 đồng, bị hô gấp 5, có lẽ vì nom khách hoành tráng lại không nói tiếng Bắc. Chuyện bé tí, ở đâu cũng gặp nhưng vẫn chán chứ.

Dù gì vẫn không ngăn được thú đi ăn hàng, và kinh nghiệm đây thỏa hiệp của tôi là khi không thể cải tạo thế giới, hãy chấp nhận nó. Không kì vọng nhiều dù địa chỉ nổi nhất. Phố Hàng Mành có nhà hàng thuộc loại điểm du lịch, chúng tôi đưa bạn ở xa tới ăn. Đến tiết mục nước uống, bạn tôi kêu nước dừa tươi nạo nhỏ cùi. “Nguyên tắc của bọn em là không nạo cùi mà để nguyên” – anh bồi trẻ thông báo. Bạn tôi chuyên làm thuê cho công ty nước ngoài, không “thoáng” được như chúng tôi, bèn gọi viên quản lý người nước ngoài. Trong khi anh này rối rít xin lỗi thì anh kia bĩu môi xong quay sang nốt tôi: “Còn chị uống gì?” “Đã thế thì đây cũng nạo” – tôi cười phá, trêu hơn là đòi. Thấy vẻ xuề xòa của chúng tôi bạn chê: “Các người bao năm bị đô hộ giờ chỉ có cơm ăn áo mặc là đã thỏa mãn lắm, bị đối xử thế nào cũng chịu,

mất tiền mà đại”. Xua bạn thôi thôi kéo người ta nghe thấy lại “nêm” nước bọt vào canh ngao; và lát sau thanh toán thần nhiên nhận xét: “Canh bọt ngon thế” làm cậu kia cứ ngớ ra còn mình thì được trận vui.

Khoái khẩu rồi thì hay ngó nghiêng. Đi ăn phở ở phố cũ có lúc gặp chuyện nhà chủ: “Sao bác không bán luôn nước chè và kẹo cao su, để khách khỏi sang hàng bên cạnh – Trong Nam người ta còn miễn phí trà đá cho khách cơ”, “Chúng tôi làm được có gì khó đâu, nhưng cũng phải để hàng xóm sống với chứ”. Ấm thực và những “hệ lụy” của nó – đúng như thế – chính là văn hóa, và văn hóa – nói như nhà sử học Dương Trung Quốc, “là biết xấu hổ”.

HÀ NỘI Ở “ĐẾ THỞ” HƠN... ĂN?

Bức tranh đôn trú...

“Ấm thực Hà thành – sợ cũng phải ăn” và thật không thiếu chuyện để kể nhưng đành tiết chế – phản hồi sau đó: “Chưa ăn thua, sự thật kinh dị hơn” “Đến khách sạn 3, 4 sao cũng dirty (bẩn) đấy, nhưng chẳng lẽ nhìn”, “Ăn thì thấm vào đâu so với ở”... Dirty hay không chưa nói, nhân mùa cưới nhớ lại: năm ngoái người nhà tôi “làm đám” ở D. (KS 5 sao) ngoài hợp đồng đã ký, phải thêm mỗi mâm một cơ số tiền nhất định, mới bảo đảm đầy đặn và nóng. Còn sự ở – không chỉ của người Hà Nội – xét cho cùng tách sao khỏi chuyện ăn – “ăn sao ở vậy” mà.

Đầu năm tôi đi mua nhà trong cơn sốt ở Hà Nội. Mỗi ngày 2.400 đồng một tờ Mua & Bán để lần bằng được một căn ưng ý. Đọc và đọc quảng cáo, và đi xem được một chặp thì có vẻ muốn loạn chiêu. Rồi nhận ra một điều: muốn hình dung tiêu chí, mức sống, lối sống của một bộ phận lớn dân chúng bây giờ, hóa ra chỉ cần soi vào một tờ báo như Mua & Bán: “*Nhà... mét, gần trường, chợ, chờ sổ đỏ, chính chủ, ô tô đỗ cửa, điện nước Phân Lan, sơn bả ốp lát, phụ khép kín, có NL (nóng lạnh), an ninh tốt, dân trí cao... Liên hệ...*” Thủ đô ta – nhà biệt thự và cao cấp nhiều, cũng được dạm bán và cho thuê trên báo, chỉ có điều nó chưa tiêu biểu, chưa thể đại diện cho Hà Nội. Làm cho không nguôi nhưng nhớ “dù có đi bốn phương trời” đó là hồ, cây, phụ nữ và... phố Hà Nội – Những tòa nhà lộng lẫy thiết kế, sang trọng nội ngoại thất và hài hòa cảnh quan – ven hồ Tây, hồ Gươm, Thiền Quang, Trúc Bạch, Ba Mẫu... (nhất là khu mới ven Trúc Bạch – các phố Trần Vũ, Trần Tế Xương...) có thể nói khiến thành phố này trở nên đáng yêu và lạ lùng hơn bất cứ đâu trên đất nước; người sở hữu chúng có lẽ cũng phải chịu “sức ép” (được người qua kẻ lại vừa thán phục vừa quặn lên ghen tỵ). Thôi thì niềm tự hào chung! Những nhà vườn dân dã ven nội; hiện đại thấp tầng ở đường mới. Xinh xắn có gu trong phố nhỏ. Và còn những chốn khác, đang chờ được thay da đổi thịt ngày ngày...

Lâu lâu nữa cái cum từ “phụ khép kín” hẳn lạc hậu lắm, nhưng chục năm về trước, đẳng cấp đấy. Cả xóm một hai chục hộ trông chờ vào một hai cái “tòa” nho nhỏ có bậc tam cấp đó, để rồi mỗi buổi sáng một hàng dài đứng đợi – “*người thứ nhất bình tĩnh đọc báo...*” (Cư trú – Truyện ngắn của Trần Trung Chính). Thoát được cảnh ấy, thở phào “Tĩnh lại em ơi qua rồi cơn ác mộng”. Thế mà, ngay lòng phố cũ (hoặc “phố cổ” – tùy cách gọi) bây giờ – dân Hàng Thiếc, Hàng Quạt, Hàng Nón có hộ vẫn sáng

sáng bê một bịch đi tiêu hủy trước mắt mọi người một cách hết sức thủ công. Đến “hai ngăn” còn không có nữa kia! Thông tin này tôi nghe từ người nhà họa sĩ Bùi Xuân Phái – có thâm niên ở phố cũ, Thuốc Bắc. “Hồi ông Phái còn sống, cũng chật chội khổ sở lắm. Sau này bán được tranh mới khác”.

Nhân mãn và bí bách nơi ăn chốn ở sinh ra gì? Chuyện thật đau lòng, bắt buộc dĩ phải nhớ lại:

Một ngày, có người đàn bà già nua ủ rũ đến Tòa soạn, kêu kiện chính các con của mình. Tôi nhận ra bà chủ hàng miến lươn lâu đời ở Tuệ Tĩnh. Nhà hẹp, có tí mặt phố lại có nghề bán miến gia truyền, các ái nữ đánh chửi nhau suốt đời quyền lợi và hành hạ làm bà mẹ không biết có nên sống tiếp. Một thời gian, tôi lại đến ăn miến. Có một cuộc cách mạng chia chác đã diễn ra: cứ hết trận bán hàng buổi sáng thì bà chủ trẻ – con gái bà kiện tụng nọ lại lạnh tanh thu dọn rổ miến, lươn, nồi nước dùng, quấy, giá, dấm ớt để chị (em) lạnh tanh tiếp quản; tối lại đến phiên thứ ba. Không ai nói với ai một lời, “đâm lè” cả khách không ăn “cạ” mình. Hàng xóm kể thỉnh thoảng vẫn có xô xát. Còn người chủ gia đình hình như đã biến hẳn khỏi cuộc đời của họ – mấy người đàn bà trẻ đó.

Phố Phan Bội Châu có hai vợ chồng dịch giả tiếng Trung Quốc hiền lành, con cái thành đạt có nhà riêng nên chỉ hai ông bà ở với nhau. Ngày nọ giữa thanh thiên bạch nhật bà đi ra đường bị hai thằng côn đồ đánh què chân. Công an vào cuộc và chân dung người hàng xóm hiện ra: do muốn mua mà bà không bán căn hộ gác 2, thị trấn tâm làm vậy để bà không thể leo gác, đến phải “bán xối”. Tuổi già bị làm động kinh tới nỗi con cái phải lập tức sợ tán cha mẹ; thủ phạm đã tù (chỉ vài tháng) cũng không về ở, đồng thời bán gấp nhà (cho người lạ, không cho kẻ kia). Tôi

dự phiên tòa ở Ủy ban phường. Trước bà con hàng phố, kẻ chủ mưu – mặt mũi không đến nỗi, còn trẻ, rắn cang hơn thằng đánh thuê nhiều. Căn nguyên vụ việc có lẽ không chỉ chuyện thèm khát một căn nhà rộng ở trung tâm.

Thường các khu tập thể – nơi cư ngụ của giới cán bộ công nhân viên chức lại “sản” ra nhiều nhất người đẹp. Điềm ra thế mà đúng. Khi đăng quang, Diệu Hoa ở Thành Công, Thu Thủy – Thanh Xuân. Số đông nghệ sĩ, nhà văn, nhà khoa học cũng vinh danh từ các khu tập thể trước khi đổi đời, nâng cấp nơi ở. Thật nhiều lý do để khu tập thể – phía nam gọi “chung cư” trở nên thân tì ương đến thế nào.

Sau bao năm, các khu nhà ấy ra sao? Mỗi hộ một lồng, thường gọi “chuồng cọp”. Có chủ còn coi cả nóc tầng trên cùng – tầng 5, một mình một chòi chẳng giống ai. Tầng 1 khu nào cũng phình ra. Vệ sinh chung không giữ, điện đóm hỏng hóc không buồn sửa. Tất cả đều sứt sẹ long lở – tường, tay vịn và nhất là nền – chứng tích của thời gian và thời bỏ củi ở cầu thang.

Khu Nguyễn Công Trứ là một trong những nhà tập thể lâu đời nhất Hà Nội. Nhà E, chưa lấy gì làm chuẩn song hãy hình dung bây giờ thiên đường thì trước kia địa ngục. Trong một phỏng vấn bức xúc trên TH Hà Nội, có đoạn phỏng vấn “ở thế này mà chị vẫn béo tốt trắng trẻo?”, “Tôi như cái cây, càng bón phân càng tươi tốt”. Sau bao năm đau khổ kéo dài, nhà E được ưu tiên nâng cấp cải tạo đầu tiên, coi thêm chỗ ở và lấp đi cống rãnh. Riêng khu vệ sinh chung “lịch sử” – “ác mộng hơn cả ác mộng” biến thành căn hộ để bán, đổi diện các căn hộ cũ, nhưng tiếng dữ đồn xa nên mấy năm rồi chả ma nào ỏ ê tới, xuống cấp tệ hại mặc dù Công Trứ - quận Hai Bà khá trung tâm. Người được phỏng vấn chính là vợ tôi, xinh đẹp mắt màu hung, cao 1m69 nặng 75kg.

Đến chơi, chúng tôi thỉnh thoảng bàng hoàng ôn lại quá khứ. Cả gia đình mợ đều cán bộ, tiêu biểu cho một loại cư dân Hà Nội suốt đời gắn bó với nhà tập thể.

Khó cũng một phần do ta

Đọc quảng cáo nhà cách hồ Ba Mẫu chỉ ít mét, thuộc khu vực phố Lê Duẩn, đến thì thấy nó gần đường tàu đến nỗi khi “xình xịch”, cảm tưởng có thể từ trong nhà bước 3 bước là lao ngay lên một toa. Đất ở không quá chật vắn lẫn đường chung, coi thường tính mạng. Mới đùa chủ nhà, bác nên rao “tàu hỏa đỗ cửa” thay vì ô tô! “Có thể mới được bảy tám chục mét nhà trung tâm cho cô chọn chứ!”

Ngõ phố trung tâm bây giờ mà ô tô vào nổi, được coi “lung linh”. Nhà mặt phố bố làm to” đối trọng “ngõ sâu nhà xấu hay mất điện” (tiêu chuẩn kén vợ kén chồng của thanh niên Hà Nội). Khởi thủy, rất nhiều con ngõ có bề ngang rất không đến nổi, nhất là phố lớn Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng... nhưng rồi một tiến trình thi đua miệt mài lấn chiếm chia chác đã thu hẹp hẳn lại, ngày càng hẹp, khiến chẳng còn mấy bóng dáng nhà phố Tây. Từ chỗ đi lại thoải mái khuynh khoáng nay xe đạp tránh nhau cũng khó. Hồi xưa khổ đã đành, nói thêm được chút nào hay chút ấy, bây giờ lòng nhà đã rộng hơn rồi mà vẫn quen nhỏ nhích, quên một điều là cùng diện tích, một căn nhà trong ngõ thoáng rộng có thể đất gấp rưỡi nhà “ngõ nhỏ phố nhỏ”.

Người yêu của em họ tôi, một thanh niên sáng láng biệt hiệu “quắm” đặc biệt dị ứng với dân ba sáu phố phường chen chúc “không biết Tự Do hai tiếng ngọt ngào là gì”. Tôi đến nhà cậu, một căn nhà không chung cộng ngõ với ai thật, ở Cầu Trắng Giáp Bát, trước nhà có nhánh sông Lừ. Mùi đặc sánh không

gian, còn muối không ngừng vẽ bản đồ trước mặt, khắp xung quanh, nên của lúc nào cũng phải đóng thít. Tôi thấy cậu thần nhiên thả bằng hết đồng lá bánh xuống lòng mương, góp phần tạo ra chính cái tổ hợp muối và mùi kia. Cậu kể, ở ngõ An Trạch – Đống Đa chị dâu cậu ngày nào cũng lia thức ăn thừa xuống con mương trước mặt. Mỗi người tự tạo một con sông Tô Lịch nhỏ ngay cổng ngõ nhà mình, còn kêu ai. Chuyện của dân Kim Ngưu, đoạn gần bệnh viện Thanh Nhàn (“bệnh viện bản nhất Hà Nội” như một bệnh nhân vừa ra viện than): Một tên ăn cắp bị dồn đuổi ghê quá đã nhảy đại xuống sông. Trong khi dân tình trên bờ hồi hộp chờ tóm thì y đã ngoẻo mất do uống vào bụng thứ nước sông đặc lừ.

Mười năm trước đây cũng bức bách đổi nhà, tôi tìm được khu tập thể mới xây dành cho cấp trưởng phòng trở lên ở phố Lê Phụng Hiểu lý tưởng. Nhà đất Hà Nội hồi ấy còn xông xênh dễ chọn, nhược điểm chỗ này là khu phụ hẹp xấu lại gần cửa chính, nhất là cái đường ống chứa nước thải chình ình khó coi. Chừng ấy thời gian đã trôi qua, bài ca xây dựng có vẻ vẫn giữ được dáng nét cũ: khu Linh Đàm mới “tình tình tình” suốt ngày lên báo đài như niềm tự hào mới của nhà tập thể Hà Nội – căn hộ 7, 8 chục mét vuông vẫn để *phụ khép kín* bé tìn hìn chiếu tướng phòng khách; đường ống chơ hơ, mỗi lần tầng trên xả nước là tầng dưới óc ách. Cũng *NL*, *son bả ốp lát*, *an ninh*, *dân trí*... nhưng người lớn hơi khó ăn cơm, trẻ học bài khó tập trung. Ta làm khổ ta và làm khổ nhau một cách không đáng.

... Ngày mai?

7 tòa nhà độ cao trung bình 8 tầng với 1000 căn, 2 tòa tháp 21 tầng, ước chừng chứa được 45.000 người được khởi công tại

Nam Thăng Long – khu đô thị mới hiện đại nhất Thủ đô, vốn đầu tư nước ngoài. Khu Mai Dịch cũng khởi động, Pháp Vân, Tứ Hiệp nữa. Quận mới Long Biên hình thành ở đoạn đê tả ngạn sông Hồng. Đây chỉ là vài trong nhiều dự án lớn đang thành hiện thực. Sẽ có không chỉ Nam mà Bắc Thăng Long, Đông Anh, Gia Lâm, Hòa Lạc, Cổ Nhuế... 30 tỷ USD chi dùng vào việc giãn dân ra bắc sông Hồng và tây Hồ Tây. Ranh giới của dự án này “cộng” khoảng 750.000 dân nội thành lan đến 21 xã và thị trấn: Vong La, Đại Mạch, Cổ Loa, Kim Nỗ, Vân Nội, Tiên Dương, Uy Nỗ, Xuân La, Xuân Đình, Nghĩa Đô... Do quy mô và tính chất phức tạp, nhiều nhà đầu tư lớn, các công ty tư vấn quốc tế vào cuộc: SOM, Bechtel (Mỹ), Nikken Sekkei (Nhật Bản), Daewoo (Hàn Quốc), Oma (Hà Lan)...

Với các khu cũ, không để trợ gan cùng tuế nguyệt, không xén ba via mà thu thêm tiền của dân ốp vào mỗi nhà 15-20m² từ tầng 1 đến tầng 5. Nhà quá đắt, di sản mục nát 4-5 chục tuổi sẽ bị phá hết đi xây mới.

Thường vẫn thấy cả Hà Nội như một phiên chợ lớn, cả Hà Nội là một vườn chơi lớn, lộn xộn. Giờ tiến tới giải tỏa chợ cóc ở trung tâm, tập trung thành những chợ đầu mối mới, nhất là chợ ở các ngả từ ngoại ô vào. Nạo vét các con sông tai tiếng: Lừ, Sét, Tô Lịch. Mở đường bao quanh hồ, lấy hồ Trúc Bạch và Ngọc Khánh làm mẫu – có chỗ “thở” và vui chơi giải trí. Vân vân. Đây việc để chờ đợi và để làm nhưng như đã nói - nhanh hay chậm, sướng hay khổ cũng do ta. Có chỗ mới cao và đẹp mà ở rồi, qua rồi cái thời quạt than tổ ong ở chiếu nghỉ, đun sấm lộp như hun chuột thì cũng đừng đổ nước cho lên rêu, phơi phóng đồ nội y ra hướng chính. Nghe nói điều mà nhiều người nước ngoài thú vị nhất khi đến Việt Nam, đến Hà Nội, là cuộc sống cứ bày ra không

giấu giếm của người dân. Đi trên hè phố có thể nhìn vào tận giường một gia đình. Bờ Hồ 5 giờ sáng (tên một phóng sự sinh động của Nguyễn Quang Lập) rất đáng sống khi đi dạo và tập Thái cực quyền (một lý do để bám lấy tiêu chuẩn bán kính 1-2km quanh hồ), nhưng hãy liên tưởng chuyện ở Trung Quốc mà may-ô quần đùi đi ra đường, phạt. Ta có ngày cũng phải thế! Đứng cây nhà gần hồ đẹp, công viên đẹp mà hồn nhiên. Ăn vận xấu xí hờ hênh tập thể dục làm mất mỹ quan nơi công cộng, phải bị coi là phốt văn hóa. Mỹ và châu Âu phạt người không biết quản lý khúc đường trước nhà mình, để nó gập ghềnh hoặc không chịu cào tuyết làm ngã người qua lại – Ta thì cứ thản nhiên bầy nhau sa hầm sẩy hố trước hết bằng những chiến dịch đào đường. Cũng phải đến lúc chứ chả nhẽ lại không – hết cảnh nhà xây lên “chỉ để bán cho con buôn” (Lý Sinh Sự – báo Lao động). Chắc chẳng đến nỗi nào phú quý giật lùi, ai có xe máy mừng đăng xe máy, có nhà mừng đăng nhà, không thì “biết đến kiếp nào mới mua nổi” bởi *nhà cho người thu nhập thấp* cũng 3-4 trăm triệu đồng. Lạc quan lên mà sống và chấp nhận, chờ đợi “để xem có gì” nói như nhà văn Lê Minh Khuê; mơ mộng: sẽ tươi tắn dần lên bức tranh nhà cửa còn tranh tối tranh sáng của Thủ đô ta. Như người viết bài này, lòng luôn ao ước chẳng hạn một ngôi nhà soi bóng mặt hồ và vốn chỉ biết xóm liễu qua báo chí và đồn đại, mới rồi cần chuộc giấy tờ mất cắp phải lặn lội đến xóm lao động Minh Khai – toàn “ô Tê-nac-đi-ê”, về thấy thỏa mãn yêu thương căn nhà Bà Triệu của mình hẳn lên, mới hí húi cài đặt thêm vào điện thoại di động chữ “Xinh” sau “Nhà” mọi bận.

SÂN THƯỢNG

Tuổi thơ tôi qua trong một phố nổi danh nghề làm ra cái cho người ta đi vững trên mặt đất. Phố nhỏ và ngấn ở liền khu các phố bắt đầu tên bằng “Hàng Bông” – “hàng”... luôn tấp nập khách đến mua đủ loại dép, giày. Nhà tôi ở tầng hai, mái bằng nhưng không có lối lên. Mỗi độ vào thu, tôi luôn mong sớm đến ngày 2-9 để được theo anh chị sang nhà đối diện trong mỗi lần sắp bắn pháo hoa ở Hồ Gươm. Nhà bên ấy cũng chả có cầu thang lên tầng thượng, nhưng nhờ một thang tre 2 - 3m, chúng tôi dễ vọt sang mái bằng của nhà liền đấy. Tôi nhớ nhất, lên cái độ cao phải trèo ấy cũng tựa tựa lên Phăng-xi-păng, vì thế, lần nào cũng có người ở dưới với tay đẩy – người ở trên chìa tay níu kéo... vẫn run run. Song, lên tới sân thượng ấy, mọi lo sợ biến ngay khi được nhìn bao la không gian đêm lấp lánh. Lấp lánh sao trời ở bốn hướng nhìn, và lấp lánh những ngọn đèn đường, đèn nhà dân xen. Rồi, sau lúc cùng reo lên: “A, bắn pháo hoa”, chúng tôi cùng ngợp đi, trước rực rỡ nghìn chùm ánh sáng. Chùm vọt lên cao, chùm là là tầm. Chùm nở hoa dài, chùm tròn tròn cánh. Chùm tỏa rộng một vòng lớn, chùm lại lượn uốn dấu ngã. Trước mỗi biến cách hoa của pháo, chúng tôi cứ reo lên trầm trồ thán

phục. Người thì cưỡng chân nghén cổ, người lại chơi chơi nhảy lên từng lúc, cứ vỗ tay liên hồi, la hò tới khản cả giọng sau 30 – 45 phút chiêm ngưỡng hoa nở rộng vườn trên cánh đồng bầu trời đêm mùa thu. Tan cuộc, chưa mấy ai xuống thang ngay, cứ lưu luyến đứng ngắm thành phố sắp vào khuya yên ả. Rồi sớm mai, như hàng ngày quen nếp, chúng tôi lại leo thang. Mảnh sân thượng vuông vuông mỗi chiều 4 mét lại là nơi tập thể dục và luyện thể thao nhẹ. Trên cao, gần hơn với ban mai trong lành và ẩm áp gió không tán khí, giúp mỗi động tác cơ thể có thêm hữu ích. Rồi từ Quốc khánh 1965, không còn nữa thông lệ bắn pháo hoa đêm 2 – 9. Chiến tranh mỗi lúc thêm ác liệt. Nhiều người bạn lớn tuổi hơn tôi lần lượt rời phố nhỏ, xa vuông sân thượng ấy, mặc áo lính vào Nam. 10 năm sau, non nửa số ấy không trở về, khiến chẳng bao giờ lại được leo thang nhỏ nữa. Trong đó, có Trần Văn D., Người em họ gần của tôi mà từ 12 – 13 tuổi đã sớm nổi tiếng trong thành phố về đôi bàn tay vừa giỏi phụ thợ cả đóng giày, vừa chỉ nửa tiếng đồng hồ lên Hồ Tây là có non cân cá xách về. Rồi Nguyễn Thiên Nh., con chú ruột tôi ở Hàng Bọt mà năm nào cũng lên cùng các anh xem bắn pháo hoa, giỏi câu cá hơn D, cũng không trở về. Các em nằm lại một nơi nào đó trong mệnh mông đất miền Nam, góp phần giữ vững cho hôm nay Hà Nội dày đặc những nhà cao tầng rộng dài sân thượng.

Nhớ cái thời năm nào cũng bắn pháo hoa ấy, đã một dạo Hà Nội, mình cũng rầm rộ phong trào “tắc đất tắc vàng”. Một ngày giữa mùa đông nọ, đến nhà bạn học ở phố Thuốc Bắc, tôi thích thú nhìn xanh mượt những củ su hào nhiều lá xòe trên sân thượng. Ba-bi-lon nổi tiếng thế gian về những vườn treo, song cây và hoa chỉ mọc từ các bầu đất thô, chứ ở sân thượng đó, ngót 10 mét dài và hơn 3m rộng được đất trùm dày 30 – 40 cm thì quả là đáng kể một công trình của ý chí.

Nhớ cái thời ngừng bắn pháo hoa vì cần dồn sức khiến giặc

Mỹ sớm cút, nhiều sân thượng Hà Nội thành cao điểm cho các ụ súng không chế đường bay giặc. Ngạo nghễ những nòng đơn – nòng đôi – rồi 4 nòng... của 12 ly 7 và 14 ly 5 ghéch chéo lên trời cao chờ giặc tới, rồi vun vút khạc lửa trùm thây những F4-F111A lọt qua tầm đại cao và tên lửa. Nhiều chiếc tử, chiếc bàn... thuở nào góp phần tạo chiến lũy ngăn giặc Pháp lấn Liên khu 1, nay lên sân thượng bao bọc các ụ súng vít cổ giặc trời. Và, bạn ơi, có một sân thượng độc đáo kiêu dũng nhất... mà thời nay dường như ít người nhớ tới biết đến. Ấy là trên đỉnh cầu Long Biên. Một trọng điểm hướng bom và rốc két. Cảm phục ai đã nghĩ ra, và những ai đã dũng cảm thực hiện, để một ban mai nọ, người qua cầu chợt thấy trên đầu mình, 4 sàn thép mới lắp ở 4 phần chóp đỉnh cầu. Và trên đó, 4 khẩu pháo 37 ly nổi cao tầm đạn bắn thẳng vào những tên địch đang nhào xuống cất bom. Không có số liệu nào cho rõ, từ 4 quyết chiến điểm trên cao ấy, đã trực tiếp hạ mấy máy bay địch, nhưng chỉ cần sự hiện diện nơi chông chênh giữa trời và nước ăm ắp nguy hiểm, là chiến thắng lớn nhất thuộc về những người lính “quyết tử cho cầu quyết thông” rồi. Nay các anh ở đâu, ai hy sinh giữa chiến trận, ai còn sống trong vất vả... ước gì, bên các cuộc họp mặt nhiều thế hệ lính của nhiều cấp đã có, sẽ sớm thêm cuộc hội tụ những người ở sân thượng cầu Long Biên thuở ấy. Hôm nay, Hà Nội ngót trăm khu tập thể lớn nhỏ đều 4 - 5 tầng.

Lại nhiều chú nhóc bí chỗ chơi trên đất hẹp bị các dịch vụ làm hẹp thêm, cứ lén lén lên sân thượng để thả diều, mềm cánh lượn trong chiều buông, để đá cầu chinh – đánh cầu lông mỗi mai sớm. Và nhiều bậc cao niên khôn nguôi nỗi nhớ quê gốc, cứ mỗi tuần trăng lại chậm chạp lên đây, cho gần hơn chị Hằng Nga với ánh trăng vàng huyền diệu.

Chỉ vậy thôi, càng thêm yêu lắm lắm, một Hà Nội nơi sân thượng trong tôi.

MỤC LỤC

<i>Lời mở đầu</i>		3
1. Lãng đãng – Tây Hồ	MINH ANH	5
2. Cây sấu Hà Nội	TẠ VIỆT ANH	9
3. Ngủ gia truyền	TẠ DUY ANH	13
4. Góc cửa café Lâm	NGUYỄN THANH BÌNH	22
5. Bách hóa tổng hợp ca bán hàng cuối cùng	VŨ BẢO	28
6. Rùa Hồ Gươm	LÊ BẢO	43
7. Nhịp đập phố cũ	TRẦN CHIẾN	48
8. Thập niên tâm sự cộng thanh thiên	ĐỖ CHU	60
9. Phố bờ sông	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	70
10. Màu xanh bờ bãi của đất hoa đào	QUANG DŨNG	75
11. Đi qua bốn mùa	LÊ DUY	83
12. Con ngựa trắng của ba tôi	HỒ DZẾNH	87
13. Người góa phụ phố Sinh Từ	ANH ĐỨC	94
14. Cốm và mùa thu	TÔ VĂN GIANG	103
15. Sương chiều bãi sông Hồng	NGUYỄN NHỊ HÀ	107
16. Trở thành người Hà Nội	HOÀNG NGỌC HÀ	110
17. Quà mùa hè	PHẠM THANH HÀ	118
18. Hoa sen trắng	NGUYỄN PHAN HÁCH	122
19. Hà Nội qua lời người Hà Nội	NGUYỄN THỊ NGỌC HẢI	130

20. Thành xưa in dấu	HOÀNG QUỐC HẢI	134
21. Nhật ký (gã) đào đường	THẢO HẢO	145
22. Hà Nội - Đông này	BÙI THU HẰNG	148
23. Tào phớ... tào phớ	PHẠM PHÚ HIỆP	152
24. Thành phố, gương mặt, con người	TÔ HOÀI	156
25. Nghĩa cử	PHẠM SÔNG HỒNG	172
26. Tâm sự với đường Thanh niên	VŨ DUY HUÂN	178
27. Rượu cúc	NGUYỄN THỊ THU HUỆ	182
28. Ngã tư	TRỌNG HỨA	195
29. Đã từng có những ngày vui	NGUYỄN KHẢI	220
30. Quanh quanh phố nhỏ	PHẠM KHẢI	229
31. Anh thợ chữa khóa	MA VĂN KHÁNG	233
32. Mùa rươi phương Bắc	MAI KHÔI	252
33. Một ngày đi trên đường	LÊ MINH KHUÊ	255
34. Hà Nội có nhiều mưa bụi bay	CHU LAI	274
35. Mặt nạ	CAO TIẾN LÊ	280
36. Mưa xuân Hồ Gươm	LÊ PHƯƠNG LIÊN	304
37. Âm thanh Hà Nội	HOÀNG LIỄN	310
38. Những bước hoa Hà Nội	VÂN LONG	313
39. Bưởi – hương mùa thu	NGUYỄN LỢI	316
40. Ngày xuân nói chuyện phở	AN THANH LƯƠNG	323
41. Thi thăm phố cổ	NGỌC LƯU LY	327
42. Từ vườn Bác đến vườn nhân dân	NGÔ QUÂN MIỆN	331
43. Mùa hồng, mùa cốm	MAI NGŨ	342
44. Khắc dấu mạn thuyền	BẢO NINH	345

45. Quẩy nóng Hà Nội	THU PHONG	357
46. Chỗ bánh khúc của di tòi	NGÔ VĂN PHÚ	361
47. Con đường, dòng sông và lịch sử	NGUYỄN VINH PHÚC	364
48. Hồ Gươm trong lòng tôi	LÊ VĨNH PHÚC	385
49. Hà Nội và những mặt gương soi bóng	DƯƠNG TRUNG QUỐC	389
50. Sau chuyến đi xa	DƯƠNG THỊ XUÂN QUÝ	394
51. Tím bằng lăng	NGUYỄN QUANG SÁNG	402
52. Hoa sớm vườn xuân	BĂNG SƠN	411
53. Đậu phụ Mơ	HUYỀN SƠN	419
54. Tuổi mười ba	MỘNG SƠN	424
55. Mưa riêu Hà Nội	BÙI SIM SIM	435
56. Tôi đi tiếp quản thủ đô Hà Nội	BÙI NGỌC TẤN	438
57. Hà Nội, con thuyền, phù sa	HỒ ANH THÁI	447
58. Đời Như Ý	NGUYỄN THỊ ANH THU	458
59. Văn hóa Thăng Long Hà Nội văn hóa của không gian ba chiều	HOÀNG TIẾN	490
60. Những con cá cờ	TRẦN ĐỨC TIẾN	499
61. Cây đa phố tôi	NGỌC TRÂM	511
62. Cò đậu cành mềm	TRẦN THỊ TRƯỜNG	515
63. Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi	NGUYỄN TUÂN	522
64. Giấy Bưởi	TRẦN LÊ VĂN	532
65. Ngõ Hàng Hành	LÊ KHÁNH VĂN	545
66. Ẩm thực Hà thành – Sợ cũng phải ăn!	DƯƠNG PHƯƠNG VINH	548
67. Sân thượng	NGUYỄN QUANG VINH	561

“Hà Nội 50 mùa thu” là công trình của Hội Nhà Văn Hà Nội để kỷ niệm 50 năm giải phóng thủ đô (1954 – 2004). Sự có mặt của mỗi nhà văn trong hợp tuyển này là cần thiết và đầy ý nghĩa trong dịp kỷ niệm lớn của thủ đô Hà Nội.

Do thời gian biên soạn khá gấp rút, còn một số tác giả Ban tuyển chọn chưa liên lạc được để xin phép. Kính mong được thông cảm và xin tác giả nhận nhuận bút và sách tại 19 Hàng Buồm, Hà Nội (ĐT: 8295405 – 8256961).

Các tác giả ở xa xin cho địa chỉ để Ban tuyển chọn gửi qua đường bưu điện.

Trân trọng cảm ơn.

BAN TUYỂN CHỌN

HÀ NỘI - 50 MÙA THU

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du – Hà Nội. Tel & Fax: 8222135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập: NGUYỄN THỊ ANH THU

Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in: THANH PHƯƠNG

In 1000[°], khổ 14,5x20,5 cm. Tại 34A Nguyễn Khoái - Công ty cổ phần in 15.
Giấy đăng ký KHXB số: 29/826/XB-QLXB cấp ngày 18 tháng 06 năm 2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/ 2004.